

VŨ NGỌC KHÁNH
THAM MINH THẢO
biên soạn

Việt Nam KHO TÀNG DASU



ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

VŨ NGỌC KHÁNH
PHẠM MINH THẢO
biên soạn

Việt Nam KHO TÀNG DASU



ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

VIỆT NAM KHO TÀNG DÃ SỬ

Biên soạn : Vũ Ngọc Khánh - Phạm Minh Thảo

NXB Văn hóa Thông tin 2004

Khổ 14.5 x 20.5. Số trang : 935

Thực hiện ebook : hoi_ls

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

CÓ MỘT KHO TÀNG DÃ SỬ VIỆT NAM

PH

CÁC NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

CHUYỆN VỀ ĐỨC THÁNH TAM GIANG

CHUYỆN VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG

CHUYỆN VUA LÊ ĐẠI HÀNH

CHUYỆN VỀ VUA LÝ THÁI TÔ

LÀNG MỘC THỜ ĐẦU, LÀNG CẦU THỜ CHÂN, PHÁP VÂN THỜ KHÚC GIỮA

CHUYỆN GỐC GÁC VUA QUAN HỌ TRẦN

CHUYỆN VUA LÊ THÁNH TÔNG

PHẢI LÀ CON MẸ CON CHA

THÌ SINH RA ĐẤT DUYÊN HÀ THẦN KHÊ

CHUYỆN CHÚA CHÔM

CHUYỆN ĐÀO DUY TỪ GỬI THƯ CHO CHÚA TRỊNH

CHUYỆN ÔNG NGUYỄN QUÁN NHO

ĐÁNH GIẶC HỌ ĐÌNH LÀM QUAN HỌ ĐẶNG

MỘT NGŨ 4 THƯỢNG THƯ

MỘT LÀNG 19 ÔNG TIÊN SĨ!

BẢY LÀNG KẼ ĐÁM, TÁM LÀNG KẼ HE

KHÔNG ĐÁNH NỒI GIẶC QUÈ THANH TƯỚC

NGƯỜI NGHỆ AN, GAN THẠCH HÀ!

LẮM TIỀN ÔNG CHOÁC, LẮM BẠC ÔNG CHOAI

LẮM NỒI ĐỒNG QUAI LÀ ÔNG LÁI CẢNH

CHUYỆN VỀ VUA QUANG TRUNG

MỘT CÁCH TRỊ TỘI GIÁO DÂN THEO LỆNH TRIỀU ĐÌNH

NGƯỜI CON TRAI CỦA THẦY DẠY PHAN BÁ VÀNH

MƯỜI HAI MÂM LỄ VẬT

CHI CHI CHÀNH CHÀNH

HÒN KIM TRÔNG TỚI ĐÁ CHỒNG

CẢM THƯƠNG ÔNG QUẢN KHĂN HỒNG NĂM XƯA

THỨ NHẤT ANH CẢ TRUNG ĐỒNG

THỨ NHÌ ANH CÔNG KẼ THƯỢNG

THỨ BA ANH TƯỚNG PHÙ YÊN

THỨ TƯ QUAN THỌ LÀNG CHIỀN OAI PHONG

THỨ NHẤT ÔNG CẠI - THỨ HAI ÔNG ĐỀ

AI VỀ ĐÔNG CHỮ

CHUYỆN TÚ HỒ Ở NGHỆ AN

MỜI CỌP LÀM LÝ TRƯỞNG

THÀNH HOÀNG... SÔNG

THƠ TỪ LÃO HÙNG, PHÚ QUÍ MỤ BÔNG

LỊCH SỰ CÔ HỒNG, KHÔN NGOAN CHÚ BƯỞI

NỤC CƯỜI HAI BẢY MƯỜI BA

TRỜI LÀM TRẬN GIÓ TÁM GÀ CHẾT THIÊU

DẠY CHIM DỰ TRẬN

DẠY CHÓ DIỆT THÙ

MƯỜN GÀ LÒNG GIẶC

NHỜ TRÂU PHÁ VÒNG VÂY

DỪNG GỖ PHÁ ĐỊCH

MÙ U CŨNG LẬP CHIẾN CÔNG!

MỘT SỐ BÀI VỀ THỜI PHONG KIẾN VÀ THỜI THUỘC PHÁP

PHẦN II

DÃ SỬ QUA CÁC ĐỊA DANH

GÒ THÁNH HÓA

NHỮNG CÁNH ĐỒNG MANG TÊN CHIẾN CÔNG

VƯỜN ĐÀO AO CÁ

SỰ TÍCH LÀNG CẦU KÊ, LÀNG KÉO LÊ

NÚI THÁP BÚT

VÁCH ĐÁ SÁP ONG

NGUỒN GỐC TÊN GỌI MUỜNG LAY

VÌ SAO CÓ TÊN MUỜNG PHẪNG?

SỰ TÍCH GÒ CON CÁ

SỰ TÍCH CẦU BƯƠU

HỒ TÂY VÀ HỒ TRÚC BẠCH

SỰ TÍCH ĐỒNG DẤM Ở THÔN ĐA SĨ

SỰ TÍCH LÀNG ĐỘC ỐC - YÊN PHÚC

CHƠI VỚI KẼ SỎM KHÔNG ỒM CŨNG QUỀ

BẢY LÀNG GÀ BA LÀNG HÓP KHÔNG BẰNG THẰNG CHÓP LÀNG
CỔ DƯ

SỰ TÍCH RẠCH BÀ HÉT

SỰ TÍCH RẠCH BỎ LƯỢC

CẦU THỊ NGHÈ

SỰ TÍCH ĐỊA DANH MỎ CÀY

ĐỊA DANH CAO LÃNH

VÌ SAO CÓ TÊN TỈNH SA - ĐÉC?

SỰ TÍCH HÒN CAU VÀ HÒN TRẦU

SỰ TÍCH HÒN TRÁC, HÒN TÀI

PHẦN III

DẤ SỬ XUNG QUANH MỘT VÀI CUỘC KHỞI NGHĨA

DẤ SỬ VỀ KHỞI NGHĨA LAM SƠN

DẤ SỬ VỀ KHỞI NGHĨA TÂY SƠN

CHƯƠNG IV

DẤ SỬ VỀ NHỮNG NGƯỜI THUỘC DÂN TỘC THIỂU SỐ

KHU LIÊN

PHẠM VĂN

TRẦN QUÝ

MA HA MAY A

MỊ Ê

BA ÔNG CHÁU CHA CON ĐỀU LÀ PHÒ MÃ

THÂN CẢNH PHÚC, THIÊN THẦN ĐỘNG GIÁP (1077).

TÔNG ĐẢN

NÙNG TÒN PHÚC

NÙNG TRÍ VIỄN

NÙNG TRÍ CAO

A NÔNG

HOÀNG PHÁP

HOÀNG LỤC

CÔNG CHÚA DU CHÀNG (?)

DƯƠNG TỰ MINH

HÀ HÙNG TÔNG

BẢO THOÁT THỐC HOA

HÀ ĐẶC - HÀ CHƯƠNG

NGUYỄN THẾ LỘC

ẨM POI

LẠNG CHỢ

NANG XO

LÒ LET

CHẾ MÂN

VI PHÚC HÂN

NGUYỄN CẨM MIÊN

BÊ KHẮC THIỆU

HOÀNG ĐẠI HUỀ

CHEI CHETTA II

ĐỨC VUA QUÁN

PO ROMÉ

BỀ PHÙNG

CÀM ẨM CA

HOÀNG CÔNG CHẤT

MẠC THIÊN TÍCH

CÀM NHÂN QUÝ

BOK KI

YẢ ĐỒ

NGUYỄN VĂN TỒN

BỀ HỮU CUNG

LÊ VĂN KHÔI

NÔNG VĂN VÂN

QUÁCH TẤT CÔNG

CHÂN TRIẾT

LÂM SÂM

ĐỘI TIÊN PHONG CẦU PUNG

THANG TRƯỜNG HỢP

CHƯƠNG HAN

CẢ GIA ĐÌNH VÌ ĐẤT MƯỜNG LA

PÔ CUM PAO

ĐINH CÔNG YÊNG

HÀ VĂN MAO

CÀM BÁ THUỐ

MÃ QUỐC ANH

KHUNJUNOB

AMA DỜ HAO

PỜ TAO PUI

TÔNG KHIÊM

SÙNG MI QUẢNG

GIANG TẢ CHAY

N' TRANG LỜNG

CÔN PÚA

NÔNG VĂN DÈN

PHẦN V

MỘT SỐ THẦN TÍCH

THẦN THÔNG, CƯỜNG NGHI, HÙNG CƯỜNG

LINH CÔNG, THỦY CÔNG, ĐÀO CÔNG

ĐÀO AN, ĐÀO Ý

HÀ DỤC, HÀ MINH

BẢY VỊ ĐẠI VƯƠNG

CAO NHA

LÝ ĐỨC, LÝ TĨNH

HÙNG ANH HÙNG DỤC

NGUYỄN TUẤN, NGUYỄN CHIÊU, NGUYỄN MINH

TRƯỜNG MINH, THỨ MINH, QUÝ MINH

LÝ LỖ, LÝ HUYÊN

TẢN VIÊN SƠN THÁNH VÀ NĂM VỊ NHÂN THẦN

THIÊN KHAI

NGUYỄN MINH

HÀN SÙNG, MỸ DUNG CÔNG CHÚA

PHẠM THIÊN, PHẠM QUANG

MINH ĐỨC, CHIÊU TRUNG

MINH L

NGỌC THỎ, ĐÔ HỒNG

NGUYỄN NGO

MINH LANG VÀ SÁT HẢI

NĂM ANH EM HỌ NGUYỄN

HÙNG HẢI, ĐỖ HUY

LÝ TIẾN

BÓN NÀNG HỒNG

DƯƠNG NƯỚC, DƯƠNG ĐÌNH

BẠCH NGỌC, LƯƠNG TU, NHA TAM NƯƠNG

NGUYỄN MINH, NGUYỄN TRỰC

NGUYỄN TRUNG

LÊ THỊ HOA

NÀNG CÔN

NÀNG NGA

NGO CÔNG VÀ NGA NƯƠNG

CHU LIÊN, ĐỖ THỊ DUNG, ĐỖ XUÂN QUANG

ĐÌNH TRIẾT, CUNG CẠI NƯƠNG

NÀNG CỤC

TƯỚNG QUÂN HƯƠNG THIÊN

LÃ BẢO, NGUYỄN LANG

BÙI HỘ

TRẦN TIÊN QUÂN

LỮ GIA

TRIỆU QUANG PHỤC

NGUYỄN BẠCH LANG, NGUYỄN ĐƯƠNG LÂU, NGUYỄN QUÝ HIÊN

LÝ NAM ĐẾ

ĐINH LÃNG, ĐINH THỐNG, ĐINH MINH

CHIÊU TƯỚNG QUÂN VÀ CUNG PHI NGỌC NƯƠNG

TRẦN LẠC VÀ TRẦN L

LÝ PHỤC MAN

KIỀU CÔNG HÃN

ĐINH TIÊN HOÀNG

PHẠM BẠCH HỒ

LIÊU LANG

VÕ TRUNG

LIÊU CỠ

BA ANH EM HỌ LÝ

NGÔ NHẬT KHÁNH

ĐINH TƯ ĐỒ

LÊ HOÀN

LÊ LONG VIỆT

LIÊN HOA

TRẦN CÔNG MÃN

NGUYỄN SÙNG, NGUYỄN QUÁCH, NGUYỄN THIỆU

CẢNH KỶ, TIỀN SƠN

THIÊN HIỀN SỨ VƯƠNG

NGUYỄN PHẤN, NGUYỄN TRỌNG, NGUYỄN QUÝ

ĐÌNH ĐIỀN VÀ MÔI NƯƠNG

TÔ LỊCH

QUẢNG LỢI BẠCH MÃ

VỢ CHỒNG VŨ PHỤC

LÝ TỬ LONG

THẦN LONG ĐỒ

LÊ PHỤNG HIÊU

LÝ CÔNG UÂN

NHẬT QUANG VÀ QUỲNH HOA

Ỗ LAN PHU NHÂN

LÝ HOÀNG NGHỊ

HOÀNG LANG

NGỌC T

VÕ DANH HƯƠNG VÀ VÕ THỊ HUỆ

NHẠC CÔNG VÀ QUÁCH NƯƠNG

LƯƠNG ĐOẠN

HOÀNG ĐÌNH ĐỘ, HOÀNG ĐÌNH ÁI

NGUYỄN TUYÊN

PHỔ MINH - NGUYỄN TÂU - TAM LANG

CÔNG CHÚA CON VUA TRẦN THÁI TÔNG

HOÀNG TÔ

CÁC NỮ TƯỚNG HỌ ĐÀO

TRẦN SỸ, TRẦN CHÍNH, TRẦN AN, TRẦN HUỆ

BỐN ANH EM HỌ NGUYỄN

BÙI GIA LIỄU

TRẦN QUỐC TUẤN

HAI ÔNG HỌ MAI, HỌ NGUYỄN

PHẠM PHÚ

PHẠM HỒNG

HOÀNG MINH

LÝ THỊ CHÂU

ĐOÀN THƯỢNG

HOÀNG TỬ UY LINH LANG

ĐINH LÔI

TRẦN KHÁNH DƯ

TRẦN NHẬT DUẬT

NGUYỆT LĂNG, TRUNG QUỐC

NGUYỄN CUNG PHI

ĐẠO MINH, ĐẠO LINH, ĐẠO HIỀN

ĐÔNG KỶ

CAO CÁC

TRẦN QUÝ KHOÁNG

LÊ HIẾN GIẢN, LÊ HIẾN TỬ

NGUYỄN Đ

HOÀNG THÀNH

LÊ LỢI, LÊ THẬN

BẠCH THỤ VÀ HOÀNG QUYẾT

NGUYỄN PHỤC

SƠN LINH THẠCH THẦN

NGUYỄN HỒNG

THẦN CAO MINH

QUẬN CÔNG LÊ QUÝ

VŨ TUẤN CHIÊU

NGUYỄN TÔNG VĨ

LÊ QUẾ LINH

PHẠM KHẮC THÂN

NGUYỄN THÁI BẠT

PHẠM NGHI VÀ VI NƯƠNG

PHẠM NGHI, VŨ CHIÊU

CÔNG CHÚA QUYÊN HOA

PHẠM TỬ NGHI

LÝ PHONG

PHẠM HY NHẠ

CÓ MỘT KHO TÀNG DÃ SỬ VIỆT NAM

Theo sự hiểu biết hạn chế của chúng tôi, thì hình như trong giới sử học ở nước ta, chưa có ý kiến nhiều lắm về vấn đề dã sử, mà những cuốn sách như *Đào Khê dã sử* lại cũng rất ít. Song thuật ngữ *dã sử* thì lại khá thông dụng, gần như rất quen thuộc với mọi người.

Theo đúng nghĩa đen của nó: *dã* là chốn quê mùa, chốn đồng ruộng. *Dã sử* có thể hiểu lại chuyện sử dân gian, do dân gian ghi chép lưu truyền chứ không phải do Nhà nước chủ trì, giao cho các sử quan phụ trách. Nhà nước phải chép quốc sử, tài liệu ấy được gọi là *chính sử*. Chính sử có những phần chính yếu gọi là *ương*, và những phần cụ thể, chi tiết hơn, gọi là *mục*. Quyển sử nước ta gọi là *Thông giám cương mục* là vì như thế. Chính sử chỉ chép những điều được chế độ chấp nhận tùy theo từng triều đại. Có nhiều sự kiện, từng triều đại đánh giá khác nhau, có thể bỏ đi, không chép hoặc chép một cách sơ lược và phê phán gay gắt, thiên lệch. Có nhân vật được tôn vinh, phải chép đầy đủ, nội dung phong phú. Có nhân vật chỉ được ghi chép qua, để gọi là có mà thôi. Nhiều chuyện chép vào chính sử là rất khách quan (nếu sử quan là người công bằng chính trực, không sợ quyền uy), nhưng nhiều chuyện vẫn không phản ánh được hoàn toàn sự thực. Bên cạnh loại sử chính thức như cương mục, còn phải có những bộ sách khác ghi đầy đủ, chi tiết hơn - phần lớn ghi chuyện các vua quan, các ông hoàng bà chúa, hoặc những trận đánh lớn, những chiến dịch ghi được nhiều quân công. Người ta gọi những sách này là những *thực lục*. *Lục* cũng có ít nhiều giá trị như *sử*, nhưng không phải là sử chính thức. Và đó cũng là

những tài liệu quan phương, không phải do dân ghi chép.

Nhưng trong cuộc sống có biết bao nhiêu việc đã xảy ra, bao nhiêu nhân vật đã hành động, bao nhiêu biến cố dâu bể thăng trầm. Các nhà làm sử dù là *sử quan*, *sử thân* (do vua cử ra) hay là *sử gia* (các trí thức chuyên về môn sử học) dù tài giỏi, uyên bác đến đâu, cũng không thể ghi cho đầy đủ. Họ không thể nào biết hết mọi chuyện. Ngay cả với những sự kiện trọng đại, họ

cũng không thể nói thẳng ra, hoặc vì quan niệm, vì kỷ luật bó buộc. Thí dụ như ai đã là cha của các ông vua Lê Hoàn, Lý Công Uẩn ..v.v... thì không thể biết (hoặc có biết mà không dám nói), họ đành quy là do mẹ các ông ấy đã được giao hợp với Thần! Lại thí dụ như vua Lê Thánh Tông dù là một bậc minh quân, nhưng có thể là có chuyện lãng nhãng này nọ. Không thể nói thẳng điều ấy sử quan đành ghi một nhận xét phê phán nhẹ nhàng: "nữ yết thái thậm" (con gái hầu quá nhiều). Dân gian không bằng lòng với cách ghi chép này. Dĩ sử sẽ cho thấy ông vua này có khá nhiều giai thoại...

Vậy là những sự kiện, những nhân vật lịch sử, ngoài những gì họ được chính thức ghi chép trong sách vở của nhà nước, họ còn được dân gian ghi nhận. Chuyện của họ dù đúng hay sai, song tất nhiên phải có cơ sở, phải có cái lõi sự thực nhất định, và được những người có chứng kiến, có nghe bình luận, có ngấm ngấm ghi nhận và khẳng định đó là sự thật. Thế rồi họ sẽ lưu truyền cho nhau, kể một cách tự do theo cảm quan hay do nhận thức của số đông. Những chuyện kể ra như vậy đã thành *dã sử*, hay nói một cách khác là sử dân gian. Và tất nhiên, không phải chỉ có chuyện trong cung đình, mà còn có chuyện của những người có tên tuổi, chuyện về những sự kiện quan trọng của các triều đại, các giai đoạn. Dĩ sử có thể là chuyện sử của một người (cả người có tiếng tăm và người bình thường) của một làng, của một dòng họ. Có thể những chuyện ấy có liên quan ít nhiều đến chính sử, nhưng cũng có thể chỉ là chuyện riêng, tầm ảnh hưởng chỉ có trong phạm vi không gian và thời gian hạn hẹp, nhưng vẫn có một giá trị sử liệu nhất định, vẫn tồn tại trong ký ức của nhiều người và nhiều thế hệ. Dĩ sử chỉ là những câu chuyện riêng tư. Trong sách *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh, có chua thêm cả chữ Pháp để chỉ ra rằng dã sử là sử của tư gia (*histoire privée*). Như vậy là rất đúng.

Vì những câu chuyện dã sử đều được lưu hành bằng con đường truyền khẩu, phổ biến trong dân gian, nên nếu không thận trọng sẽ dễ bị lầm với các thể loại khác, nhất là với các thể loại trong văn học dân gian:

+ Dĩ sử là chuyện sử. Nói sử, người ta thường phải nhớ đến nhiều thời đại, đến cổ sử, cận sử và hiện đại. Về cổ sử của dân tộc người dân ta đã có nhiều chuyện để tự hào. Thí dụ dân ta hay kể chuyện Con Rồng Cháu Tiên. Cũng có liên quan đến sử, song đây lại không phải là dã sử mà là *thần thoại*. Đa số các *truyện thuyết*, các cổ tích (nhất là cổ tích truyền kỳ) cũng không phải

là dã sử. Song, cũng là thần, mà nói đến các *thần tích* thì khác. Một số thần tích, thần phả có thể xem là dã sử. Chuyện các vị Thành hoàng, các phúc thần ở các làng thì là dã sử hần hoi. Vì các vị này đều là những con người thực ở làng ấy, làm nên lịch sử của làng, chứ không phải là người trong thần thoại.

+ Chuyện truyền thuyết vô cùng phong phú trong văn học dân gian nước ta, có truyện là dã sử, nhưng nhiều chuyện lại không thuộc thể loại này. Thí dụ như những câu chuyện địa danh, nói về những núi này, sông nọ. Yếu tố dã sử và truyền thuyết ở đây có thể nhận ra rất dễ dàng. Ở Hải Phòng có một làng được đặt tên là làng Lưu Kiếm, vì có chuyện Trần Hưng Đạo để lại đây một thanh gươm khi ngài đi đánh giặc Nguyên. Vậy chuyện địa danh này là một dã sử. Còn như ở Thái Nguyên, có núi Cốc sông Công, và có chuyện kể về một đôi trai gái, đã lưu danh để cho người ta nhớ được mối tình chung thủy của mình. Chuyện địa danh này là một cổ tích, chứ không phải là dã sử. Vào vùng quê Nam bộ, chuyện cầu Thị Nghè là dã sử, nhưng chuyện núi Bà Đen lại là truyền thuyết.

+ Chuyện dã sử cũng thường bị lẫn với các giai thoại. Vì thường các giai thoại đều là chuyện của nhân vật này, sự kiện kia. Cũng có những nhân vật có liên quan nhiều ít đến lịch sử. Do đó phải chú trọng đến nội dung. Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát có nhiều giai thoại văn chương, những mẩu chuyện này của các ông là ở trong phạm vi văn học nhiều hơn trong phạm vi lịch sử, dù các ông đều có vai trò, có địa vị trong sử sách. Giai thoại có ba loại: *giai thoại lịch sử*, đa số là dã sử, còn *giai thoại văn học* và *giai thoại folklore* chỉ có liên quan ít nhiều, chứ chủ yếu không phải là dã sử.

+ Chúng ta còn có nhiều tập gia phả, nhiều sách địa chí. Đây chính là những dã sử hần hoi (theo đúng chữ *histoire privée* mà Đào Duy Anh đã chú thích). Địa chí hay gia phả chủ yếu là chép chuyện riêng biệt của một làng hay một họ, có thể chép được rất nhiều chuyện thật mà quốc sử không ghi chép được. Cũng có những chuyện chưa biết có chính xác không, nhưng vẫn phải giữ gìn để có cơ hội đối chiếu và tham khảo về sau. Tất nhiên, trong những gia phả và địa chí, có nhiều nội dung không liên quan đến dã sử. Nhiều làng, nhiều dòng họ thường ghép cho gia tộc và cho địa phương mình những chuyện hoang đường với dụng ý tôn vinh, không rõ sự thực đến đâu. Nhiều sự tích về các ruộng đồng, núi non, sản nghiệp, phong tục,

nhiều bản phả hệ công phu, nhưng gắn bó với lịch sử đất nước thì không rõ nét lắm. Tìm các chi tiết dã sử trong địa chí và phả tộc có thể gặp nhiều tư liệu quý, nhưng lại phải chú ý chọn lọc chứ không phải xô bồ.

Đại khái ta có thể hiểu vấn đề dã sử là như vậy. Nhưng thể loại này cần được quan tâm ở nhiều mặt khác. Có thể tạm thời lướt qua mấy điều sơ bộ như sau:

+ *Dã sử có đáng tin không?* Dã sử kể những chuyện thực hay là không thực? Điều này rất khó nói, mà phải đi vào từng trường hợp cụ thể để suy nghĩ và đoán định. Thí dụ như câu chuyện Chúa Chôm ở nước ta. Có thực lịch sử đã có ông vua Lê Duy Bang (hay Lê Ninh) nào đó, đã là con nợ của nhiều người, gây nên những chuyện buồn cười như ta đã biết. Không lấy gì làm chắc, nhưng rất khó bác bỏ. Quốc sử không ghi, nhưng nhân dân bao đời nay đã thừa nhận, và câu thành ngữ: *Nợ như Chúa Chôm* vẫn rất quen thuộc, và cái phố *Cám Chi* ở Hà Nội vẫn còn đó để mãi mãi câu chuyện không thể mờ đi trong trí nhớ mọi người. Tôi xin mách thêm với bạn đọc rằng, những ngày đi sưu tầm sử liệu ở miền núi Thanh Hoá, tại các vùng như Mường Khô, Mường Kloòng (huyện Bá Thước) tôi cũng được nghe các cụ người Mường người Thái nói về vua Chôm. Tôi không tin, nhưng không có lập luận nào để phủ định. Lại còn có chuyện không biết làm sao mà kết luận, như câu chuyện của quận mã Đặng Lân, em trai bà chúa Chè Đặng Thị Huệ. Sử sách ghi rõ là chúa Trịnh Sâm đã phải thi hành án, bắt Đặng Lân đày đi xa. Cuộc ra đi của Đặng Lân lại có cờ quạt, đàn sáo tung bừng đầy đủ nghi vệ giành cho một vị hoàng thân quốc thích. Trái lại, dã sử kể rằng Đặng Lân đã bị viên quan Hộ thành chém chết. Bà Chúa Chè đã khóc lóc bắt Trịnh Sâm phải trị tội kẻ giết em bà. Nhưng Trịnh Sâm không dám làm, mà tha tội cho viên quan công bằng chính trực. Hình như chuyện này mới là thực, vì còn lại câu thành ngữ: "*Quan Hộ được tha, vương gia muôn tuổi*", Nguyễn Huy Tường đã khai thác để chép vào tiểu thuyết *Đêm Hộ Long Trì*. Thế nhưng, lại có người bảo với tôi, đó là chuyện Nguyễn Huy Tường sáng tác ra mà thôi! Thật không biết làm sao mà xác định. Nhưng dầu có phải lưỡng lự, vẫn phải công nhận là dã sử đã làm phong phú thêm cho lịch sử nước nhà. Tin hay không tin là do quyền đoán định của chúng ta. Mà rõ ràng dã sử là loại tài liệu có ích và cần thiết cho chúng ta nghiên cứu.

*

* *

Như vậy thì *nội dung dã sử* gồm những gì? Đó là những tư liệu đã được lưu truyền trong nhân dân, trong thôn xóm. Có thể đó chỉ là những lời đồn đại nhưng không có tính cách nhất thời, mà lại có một giá trị lâu dài, đã bám vào lịch sử và cùng được nhìn nhận như tài liệu lịch sử, không chính thống mà vẫn ít nhiều có khả năng chinh phục. Nó cũng có thể được ghi chép trong sách vở, các tài liệu không chính thức của Nhà nước, của một địa phương hay của một tác gia. Chuyện ở những tài liệu này không có vị trí như các sử liệu đích thực, nhưng vẫn có giá trị riêng, có thể bổ sung cho quốc sử. Rất có khả năng (loại tư liệu này là có ích, là rất quan trọng, cần thiết cho việc nghiên cứu. Có thể lấy một ví dụ để minh họa cho tình hình chung. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chẳng hạn, ta biết Lê Lợi khởi nghĩa là nhờ có thanh gươm do Nguyễn Thận vớt được trên dòng sông Sũ, bên đò Mực. Sau đó, tất nhiên là Nguyễn Thận được cùng Lê Lợi chiến đấu, để có tên trong danh sách khai quốc công thần. Nhưng tất cả các sách *Toàn thư*, *Thực lục* cũng chỉ cho biết thông tin như vậy mà không nói rõ thêm. Lại phải tìm trong các dã sử, xem các sách địa chí, mới biết rằng Nguyễn Thận đã ra Bắc, lấy vợ ở Hưng Yên và trở thành Thành hoàng của một làng ngoài đó. Nhiều khi, ngay những câu chuyện truyền văn cũng đem lại cho chúng ta những hoài nghi, phải bỏ công đôi chiều điều tra, mà vẫn không xác minh được, đành theo sử sách, nhưng vẫn có chút lạc quan trong hoài niệm mơ hồ. Tài liệu của Pháp, cũng như của ta, đều nói rằng Hoàng Hoa Thám trong bước đường cùng đã bị phản bội, bị thủ hạ của bọn Lương Tam Kỳ giết chết nộp cho địch. Người Pháp cũng chưa tin lắm, nên đã cho bêu đầu ông mấy ngày ở Nhã Nam cho mọi người lần lượt xác minh, thừa nhận Đề Thám đã bị giết. Nhưng dã sử không tin như thế. Phan Trần Chúc tin theo dã sử đã chép rằng: mấy năm sau, tại một làng quê miền núi Bắc bộ, một ông già yên ổn nhắm mắt: ông già ấy là Hoàng Hoa Thám (sách *Ba Đình*). Chẳng biết sự thực như thế nào, nhưng tài liệu này quả thật làm cho chúng ta bớt nỗi đau buồn khi được tin Đề Thám thất bại.

Vậy là ta có thể nhận ra được nội dung của dã sử:

+ Những chuyện đời tư, việc tư của các vua quan, các tướng tá, các nhân vật có tên tuổi trong lịch sử, trong văn chương nước nhà mà sử không ghi

chép được hoặc có ghi chép mà bị bỏ sót hay quên đi. Những chuyện lật vạt này cũng có người đã phải quan tâm đến và gọi là những *dật sự* (*dật* là chuyện lật vạt, lẻ tẻ, kín đáo, phải biết thu nhặt lại). Dật sự không hẳn là dã sử, nhưng dã sử thì chứa rất nhiều vặt sự.

+ Những chuyện về các địa phương. Loại chuyện thường được chép nhiều trong các sách địa chí. Có chuyện về người, có chuyện về các địa điểm, nhưng cần chú ý nó chỉ liên quan khi có quan hệ đến các vấn đề lịch sử mà thôi. Địa chí thường chép cả những sinh hoạt văn hoá, sinh hoạt xã hội, các phong tục tập quán, các hương ước, sự lễ, có vấn đề là lịch sử, có vấn đề thuộc những ngành chuyên môn khác như địa lý học, phong tục học, v.v.. Riêng về những chuyện địa danh, cần chú ý chỉ những địa điểm do con người tạo ra, hay con người có can thiệp vào mới gọi là dã sử, còn những địa danh được xem là có nguồn gốc thiên nhiên, thì>

+ Các tập gia phả cũng là tài liệu dã sử phong phú. Nhiều nhân vật trong các dòng họ đã có công tích, có sự nghiệp đáng trân trọng nhưng sử sách không chép được. Vậy phải có gia phả để bù vào. Gia phả chính là dã sử (là chuyện tư gia - *histoire privée*). Tất nhiên phải dè chừng nhiều sử liệu trong các gia phả thường không được khách quan cho lắm. Có nhân vật có vấn đề với lịch sử, con cháu của họ khi chép đến, đã tìm cách giới thiệu cho vấn đề nhẹ đi, có khi lại biến cải theo một cách khác. Có những tiểu sử hay hành trạng của nhiều người khác quê quán, khác thời đại, mà vẫn được chép tương tự như nhau, nhất là những vấn đề mang tính cách giai thoại. Nghiên cứu các nhân vật được tôn vinh ở các giai thoại ta thường gặp tình trạng này. Bài thơ *Vịnh con trai* để biểu dương ý chí anh hùng, nơi này người ta cho tác giả là Trần Nguyên Hãn (đời nhà Trần), nơi kia lại bảo là của Phùng Khắc Khoan. Do đó mà sử dụng dã sử như một sử liệu là điều phải rất nên thận trọng.

+ Dã sử là chuyện về người, và cũng là chuyện về *các sự kiện lịch sử*. Có thể hiểu khái niệm sự kiện lịch sử một cách rộng rãi. Có những chuyện ngoại giao, chuyện xử kiện, chuyện tranh chấp nội bộ trong cung đình, đền miếu, trấn thành, phủ huyện v.v... Và còn có cả những chuyện tình sử nữa. Đặc biệt có nhiều sự kiện vốn là phải được giữ kín (như loại *cung đình bí sử*) nhưng không biết vì sao mà cứ được đồn đại ra ngoài, và được lưu truyền mãi mãi. Người bình dân vốn hay tò mò, nghe những chuyện như thế

họ thường lưu ý, rồi kể lại, cứ mỗi lần kể là mỗi lần uốn nắn, thậm chí là xuyên tạc, càng xuyên tạc thì lại càng được thích thú lan truyền. Chắc chắn nhiều chuyện thuộc loại này đã bị thêu dệt, thậm chí bị hư cấu do nhiều nguyên nhân. Dù sao thì cũng là chứng tích về một cách nhìn nhận hay đánh giá về người, về việc. Nó là một dạng *sử bình* tùy theo mức độ và phương pháp. Do vậy, nó có thể đáng tin, mà cũng không đáng tin. Nhưng vẫn không loại trừ ở nhiều trường hợp, dã sử là tài liệu có ích.

Có thể tìm hiểu cả vấn đề *phương pháp của dã sử* không? Chắc là được. Dã sử không do một người nào ghi chép mà chỉ là tác phẩm khuyết danh, đa biện pháp và đa tác giả. Nó cũng là một tác phẩm văn học dân gian (hay sử dân gian). Ta có thể tìm hiểu được thi pháp ca dao, thi pháp cổ tích, v. v... thì tại sao lại không tìm được *thi pháp của dã sử*. Có thể thấy dã sử là tác phẩm đa dạng (có phần truyền khẩu và có phần được ghi chép). Dã sử rất biết tôn trọng phương pháp ghi chép chính quy, tuân theo lề lối biên chép, tuân theo ảnh hưởng của thời đại, của pháp luật, nhưng vẫn giữ được tính cách độc lập của mình. Tính cách độc lập thể hiện ở sự nhất trí tôn vinh quê hương, tiên tổ, để cố gắng làm sao giữ gìn được đúng truyền thống của nước nhà, làng xóm, họ hàng của mình. Sự khai thác các biện pháp thể hiện của dã sử cũng là đa dạng: có thể theo phương pháp. Viết liệt truyện, viết sự tích, có thể vận dụng cả biện pháp của những thần thoại, cổ tích, giai thoại vào để cho những sự kiện trong dã sử có màu sắc, có khả năng hấp dẫn nhiều hơn. Tin hay không tin đó là quyền của người đọc, nhưng dã sử đã vì đó mà trở nên hấp dẫn và sinh động.

Trong phương pháp thể hiện của dã sử, có một vấn đề quan trọng mà dã sử đã đóng góp cho nền văn hoá dân gian của dân tộc, ấy là sự ra đời của *các bài vè*. Vè chính là tài liệu dã sử đích thực. Văn học dân gian đã nói đến các bài vè và xem đó là một thể loại trong kho tàng dân ca. Nhưng giới nghiên cứu sử học thì phải nhận thêm rằng đó chính là kho tàng sử liệu. Vè là những tài liệu khẩu báo, ghi chép các sự kiện đã diễn ra trong đất nước này, cả trong phạm vi rộng và hẹp. Một sự việc xảy ra trong một làng, một xóm là có ngay một bài vè ghi nhận sự kiện lịch sử của địa phương ấy. Một biến cố lớn lao của đất nước, sử sách không ghi chép được đầy đủ chi tiết, thì đã có các bài vè làm hộ công việc này. Chính tác giả các bài vè đã cho ta rõ những sự kiện lớn lao mà trong lúc đương thời dám ghi chép. Một cuộc khởi nghĩa như khởi nghĩa của Đề Thám, người Tây chép theo quan điểm

của kẻ thực dân xâm lược, báo chí có thể đưa tin như các tin tức hàng ngày, các sử sách dù là của những tác giả tự do cũng không sao dám ghi chép, vì ghi chép cho đúng thì chắc chắn là phải bị tù, hoặc sách sẽ bị cấm không cho lưu hành. Phải để các sử gia dân gian làm công việc này. Họ sẽ chép lại sự kiện này bằng hàng chục bài về khác nhau. (Tôi mới tìm được có trên mười bài, không rõ có còn nữa không). Những bài về như thế đúng là dã sử.

Có những bài về không phải chỉ dùng bút pháp dân dã như loại về *Đề Thám*, về *Nguyễn Xuân Ôn*, về *Phan Đình Phùng*, về *Phan Bội Châu*, mà lại được nâng lên thành những truyện thơ hẳn hoi. Rõ ràng là sự phát triển của thi pháp dã sử. Dưới triều nhà Nguyễn, những gì nói về Tây Sơn đều bị cấm đoán. Nhưng đã có tác giả viết ra những cuốn nói về các danh tướng Tây Sơn như *Tây Sơn tiếm long lục*, hoặc nói về tiểu sử, hành trạng của

nữ tướng Bùi Thị Xuân như *Cân quốc anh hùng truyện*. Các tác giả những sách ấy đều là những nhà nho tâm huyết, tác phẩm của họ đáng là những tác phẩm thuộc văn chương bác học (theo cách phân chia trước đây). Nhưng lịch sử đã buộc họ phải trở thành những tác giả dân gian. Tác phẩm của họ phải dấu diếm, phải lén lút, ngay lúc ấy, không được công bố đàng hoàng. Vậy họ là tác giả dân gian, và sách của họ là tài liệu dã sử.

Cũng thuộc vào nhóm tư liệu này, tôi nghĩ rằng nên kể vào đây những câu ca dao, hoặc những khúc dân ca có liên quan với lịch sử. Nghe một câu hát như:

Một nhà sinh được ba vua

Vua sống vua chết vua thua chạy dài.

Chắc ai cũng phải thấy đó là câu ca dao lịch sử nói về ba ông vua Đồng Khánh, Kiến Phúc và Hàm Nghi. Nhưng chỉ có dân chúng mới có cách nói như vậy. Văn chương chính quy của nhà n không bao giờ kể chuyện mà gọi các nhà vua một cách bất kính. Đó chỉ có thể là cách ăn nói của dân. Và như thế là dã sử. Lại còn một câu hát đối đáp:

Em đó anh từ Nam chí Bắc

Sông nào là sông sâu nhất

Núi nào là núi cao nhất ở nước ta

Anh mà giảng được cho ra

Thì em kết nghĩa giao hoà cùng anh.

Đáp:

Sâu nhất là sông Bạch Đằng

Ba lần giặc đến ba lần giặc tan

Cao nhất là núi Lam Sơn

Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.

Ai dám cho rằng câu ca dao này không phải là ca dao lịch sử. Mà lịch sử đây lại là lịch sử được tóm tắt, được hệ thống và được chọn lọc một cách tài tình. Không đi vào chi tiết, nhưng lại có chi tiết rất tiêu biểu, rất thơ mộng. Thi pháp chính là ở đây. Phải yêu lịch sử, hiểu lịch sử lắm mới có thể nói được như vậy. Từ một thí dụ cụ thể này, có thể theo dõi nhiều hiện tượng khác đã được dã sử phản ánh, để nhìn nhận biện pháp thể hiện của loại hình này. Hy vọng sẽ có dịp chúng ta đi vào một chuyên đề khảo luận đầy đủ và nghiêm túc hơn.

Quan niệm như vậy, ta thấy rõ dã sử là vô cùng dồi dào, phong phú. Nước ta có lịch sử bốn nghìn năm, nhưng mãi đến thế kỷ XIII mới bắt đầu chép sử. Ba ngàn năm trước đã có bao nhiêu sự kiện xảy ra, nhưng tiếc rằng ta không còn lưu giữ được một chi tiết nào (ngoài những truyền thuyết). Rồi trong thời trung đại, cận đại và ngay thời kỳ hiện đại bây giờ, cũng có bao nhiêu là chuyện mà sách vở không thể chính thức ghi chép, nhưng người dân đều biết cả. Chuyện không lấy gì làm chính xác hay chắc chắn, song cứ vẫn được lưu truyền từ người này sang người khác, mà không ai dám công bố hay dám tự ý in ra. Tất cả đều là dã sử cả đấy, vì trong số đó, có thể sẽ có nhiều chuyện có thể là sử liệu chính thức, sẽ được công nhận vào một thời gian thích hợp nào đấy. Gọi đây là một kho tàng, quả là chính xác. Chúng tôi hy vọng sẽ có nhiều người chung sức để làm được bộ kho tàng vĩ đại này. Những cuốn xã chí, hương biên hay tỉnh chí, những sách giai thoại,

dật sự, v.v... đang được lần lượt ra đời đều thuộc kho tàng này cả. Có một bộ kho tàng như vậy, mới biết được thực sự đất nước mình đã vận hành, đã phát triển đa phương, đa hình, đa diện ra sao. Có nhiều tập như thế, mới làm được một bộ toàn thư xứng đáng với tên gọi ấy. Còn bây giờ, cuốn sách này của chúng tôi chỉ có mục đích là gợi ý, là một kinh nghiệm thử thách mà thôi. Chúng tôi tạm xếp các mẫu chuyện vào năm phần sơ lược:

1. Dã sử về các nhân vật và sự kiện qua nhiều thế kỷ, từ những thời Đinh Lê Lý Trần Lê cho đến thời Pháp thuộc. Phần này phải là rất đồ sộ, nhưng cũng chỉ có thể nhắc qua một số việc (không phân loại, không kê cứu), chỉ cốt làm quen với dã sử mà thôi.

2. Dã sử qua các địa danh: chỉ có mục đích gợi ý bằng vài chuyện tiêu biểu, chứ địa danh trong cả nước thì làm sao ghi hết được.

3. Dã sử chung quanh một vài cuộc khởi nghĩa: Khởi nghĩa trong lử ta có nhiều, mỗi cuộc khởi nghĩa là cả một kho chuyện. Tôi tin rằng bạn đọc có thể liên hệ để kể thêm nhiều dã sử về loại này mà các bạn biết rõ hơn chúng tôi nhiều.

4. Dã sử về các nhân vật thuộc dân tộc thiểu số. Chúng tôi mạnh dạn đưa ra mục này. Nước ta gồm nhiều dân tộc, và tất cả các dân tộc đã xuất xứ ra sao, và thời gian sống trên đất nước dài ngắn như thế nào, cũng đều có công làm ra lịch sử Việt Nam. Chính sử của Nhà nước thường không chép đến họ, dù chính họ làm nên những bản mường, làm giàu cho lịch sử Việt. Tất nhiên, nói đến họ là rất khó khăn. Người Mường, người Thái, người Tây Nguyên có hay không có chữ viết, khó lòng tra cứu. Những sách như *Tài phú xấu*, *Quăm tô Mường* còn ít được biết đến. Song sự tích của họ đúng là dã sử Việt Nam, ta phải công bằng mà đề cập đến.

5. Cuối cùng, cũng đề cho vấn đề thời đại được trọn vẹn, xin kèm thêm một ít thần phả, thần tích. Loại này chúng tôi đã giới thiệu nhiều lần trên các bộ sách về Thành Hoàng. Ở đây chỉ xin trích lại một ít mà thôi.

TM nhóm biên soạn

VŨ NGỌC KHÁNH

Phần I CÁC NHÂN VẬT VÀ SỰ KIẾN TIÊU BIỂU

CHUYỆN VỀ ĐỨC THÁNH TAM GIANG

Đức Thánh Tam Giang là Trương Hồng và Trương Hát, hai vị tướng sau thành thần. Hai anh em làm tướng của Triệu Quang Phục, đánh thắng giặc Lương. Triệu Quang Phục mất, hai ông không chịu theo Lý Mật Tử, mà chết thành thần. Sau hiển linh phù trợ nhiều cuộc chiến đấu. Bài thơ Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt đánh quân Tống, được xem là tác phẩm của hai ông cho ngâm trên sông Như Nguyệt. Còn câu thành ngữ trên đây là chỉ vào sự tích của bà mẹ hai ông.

Những tên riêng: *Cầu Trông* - *Cửu Cửu* là chỉ vào xứ đồng, nay thuộc làng Vân Mẫu, xã Văn Dương, huyện Quế Võ (Bắc Ninh). Có người phụ nữ ở làng Vân Mẫu, mới 18 tuổi đi tắm ở bến Phả Lại, bị rồng thần quấn, về có mang 14 tháng. Năm Nhâm Ngọ (522) sinh được 4 con đặt tên là Lùng, Lẫy, Hồng, Hách (sau đọc thành Hát).>

Gọi là Cầu Trông, là vì đây là nơi bà sinh con, nằm chờ cho cả bốn đứa con lần lượt chào đời. Có giọt máu của bà rơi chảy dưới đất, sau hoá thành con đường. Còn đồng Cửu Cửu là cái tên chỉ vào một bãi rộng, thường có nhiều lũ quý đến quấy phá. Khi bà mất, cả bốn anh em Trương Hồng đã phải vật nhau với quỷ để khiêng được linh cửu của mẹ. Bà mẹ đã trở thành một vị thánh mẫu được nhân dân tôn thờ, gọi là đức thánh Từ Nhan.

Cùng với sáu chữ trong thành ngữ trên đây, sau này người dân còn ghép thêm ba chữ nữa. *Gò Cầu Trông, đồng Cửu Cửu, đống Phất cờ* mới là đầy đủ. Đống Phất cờ cũng ở quanh khu vực này, là nơi mà Trương Hồng, Trương Hát đã tập hợp nghĩa quân, rồi dùng làm cứ điểm thống thuộc dưới sự chỉ huy của Triệu Quang Phục.

CHUYỆN VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Ông Đinh Công Trứ phụ thân của Đinh Bộ Lĩnh là tướng của Dương Diên Nghệ, được giao làm thứ sử Hoan Châu mất sớm. Bà mẹ từ trước đã không theo chồng vào phía nam, mà ở lại sống trong cảnh nghèo nàn ở quê nhà ở động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (nay thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Cả một thời gian dài mò cua bắt ốc giúp mẹ, cậu bé Đinh Bộ Lĩnh đã phải đến ở nhờ người chú là Đinh Thúc Dự tại sách Bông. Chú giao cho đi chăn trâu, cắt cỏ, do đó mà chơi thân với lũ trẻ trong làng. Cậu bé láu lỉnh thông minh đã bày ra nhiều trò chơi khá độc đáo. Lúc bấy giờ bốn phương loạn lạc, các ông thổ hào ở các vùng đều mong mở mang cơ nghiệp, tranh bá đồ vương, nên chuyên dùng gươm giáo để đọ sức nhau, đem quân đi gây chiến nơi này nơi khác. Các cảnh tượng ấy đập vào mắt cậu bé, làm cho cậu nhiều lần ước mơ một cuộc tranh đua! Cậu tưởng tượng một ngày kia, mình cũng có thể uy nghi trên ngựa, múa gươm, trở tài với thiên hạ. Chưa đến ngày đó, thì ngay bây giờ sao ta lại không thử diễn tập trong hoàn cảnh đồng cỏ mênh mông, núi rừng bát ngát này. Nghĩ vậy nên cậu gọi tất cả bọn trẻ lại bắt bọn chúng bắt chéo tay làm kiệu cho cậu ngồi lên, rước đi quanh cánh đồng. Đám rước rầm rộ như vậy, nhưng không có cờ quạt thì chưa uy nghi, cậu nghĩ ra sáng kiến, cho bọn trẻ bẻ những cây hoa lau, cầm cao lên, hộ tống xung quanh cái kiệu tay của mình. Sau đám cờ lau, kiệu người ấy là hàng chục, hàng trăm những chiến binh tí hon, nối đuôi nhau, hò hét, hoan hô thật là náo nhiệt. Có hôm cậu kéo cả đoàn sang các thôn bên cạnh, khiêu khích cho lũ trẻ bên ấy kéo ra, tha hồ vật, đấm, xô đẩy nhau. Cứ thấy nhóm của mình núng thế, là cậu bé ngồi trên kiệu lại nhảy ngay xuống, xông đến những chú lực lưỡng nhất, thách nhau vài keo vật. Bọn trẻ các thôn, dù sức vóc đến đâu trước những miếng vật tài tình, điêu luyện của Đinh Bộ Lĩnh cũng đều phải đầu hàng. Thế là đám quân cờ lau bé bỏng này mỗi ngày một đông đảo thêm lên. Dân chúng trong vùng, nhất là các cụ phụ lão, nhìn những cảnh ấy, đều khâm phục cậu bé, và tin rằng chắc chắn sau này cậu sẽ có một sự nghiệp phi thường. Đang đà phấn khởi hân hoan, cậu bé hứng chí nghĩ ra việc khao quân đánh chén. Phải cho quân sĩ ăn ngon, chúng mới thêm gắn bó với mình. Chẳng cần suy nghĩ sâu xa gì, cậu bé cho đoàn quân vật ngay con trâu mộng của ông chú mình ra làm thịt. Bọn trẻ được một bữa khao quân khoái chí, càng thêm yêu quý "vị lãnh tụ tí hon" của mình hẳn sạch thịt trâu, lòng trâu, giữ lấy sừng trâu để làm đồ đựng rượu, phơi da trâu để dự định làm chiếc trống đại sau này. Mọi việc được sắp đặt đầy đủ trên bãi cỏ ngoài đồng, ngay chân núi, không cho ai biết.

Ngay chiều hôm ấy về nhà, ông chú hỏi trâu đâu, cậu bé liến láu chối là trâu đi lạc vào hang, không sao gọi ra được. Ông chú bắt cậu bé phải dắt ra tận nơi xem xét. Đến một chỗ khe núi, Đinh Bộ Lĩnh đã cho cắm sẵn đuôi vào lỗ hờ, lên gọi toáng lên:

- Chú ơi! Trâu vào hang rồi, mà cửa hang nó khép lại hay sao ấy.

Ông chú thấy vô lý, hùng hổ chạy lại rút ra được cái đuôi, mới biết rõ là bị thằng cháu lừa. Ông vác dao đuôi thẳng bé. Nó ba chân bốn cẳng chạy ra phía bờ, sông, ông chú càng bực mình càng đuổi gấp. Hoảng quá, cậu bé nhảy đại xuống nước mất tăm. Nước sông tung toé, cao đến hơn đầu người, đúng vào lúc nắng quái chiều hôm chiếu vào thành một chùm hào quang óng ánh, rực rỡ. Ông chú nhìn ra có cảm giác như có một cái đầu rồng chúc xuống để cõng thẳng bé lên cao. Ông chú bắt giắc tưởng như có rồng vàng hạ xuống đón cháu, vội vàng quì xuống nhắm nghiền mắt lại. Khi mở mắt ra thì mặt sông trở lại bằng phẳng, nắng cũng vừa tàn còn đũa cháu của ông thì chẳng thấy quay lên. Ông đành cắm con dao xuống đất, ngồi chờ, vừa chờ vừa lo ngại...

Bọn trẻ em chặn trâu độn đại thêm thắt vào việc này. Chúng đồn rầm lên là Đinh Bộ Lĩnh đã được rồng vàng hạ xuống đưa đi một nơi xa. Chỗ ông chú cắm dao được gọi là núi cắm gươm, còn dáng điệu ông chú gục đầu thì họ cho đó là "Chú lạy cháu". Nhưng câu chuyện Đinh Bộ Lĩnh đi xa, thì đúng. Ngay lúc ấy, cậu bé lặn một hơi sang bờ bên kia, theo đường chéo góc cho ông chú không nhìn thấy, rồi tìm đường khác quay về làng, lén đến mấy người bạn thân, bí mật rủ nhau đi, không để một ai dò ra tung tích. Tự tin vào sức khoẻ của mình, ba cậu tìm đến những vị tướng hùng cứ nơi, xin vào hầu hạ. Cuối cùng các cậu sang mãi bên vùng Bồ Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình) xin gia nhập làm bộ hạ của Trần Lãm, tức là Trần Minh Công. Càng lớn, Đinh Bộ Lĩnh càng tỏ ra là một chàng trai khôi ngô tuấn tú và rất thông minh. Trong những lần Trần Lãm và các tướng tá bàn bạc việc binh, Bộ Lĩnh đứng canh gác hầu hạ, biết cách nghe lỏm nhiều mưu mẹo hành binh, dần dần các binh thư, binh pháp ông đều thông thạo. Đinh Bộ Lĩnh làm quen với nhiều bạn bè, ai có khả năng gì là cố gắng học hỏi, từ những chuyện trận mạc cho đến những việc điều hành chính sự, chăm sóc lương dân. Mọi người đều quý mến và tôn phục ông. Đinh Bộ Lĩnh được Trần Minh Công tin tưởng, cho kết duyên với cô con gái độc nhất của ông là cô

Trần Nương một người có học thức, đã giúp ông hiểu biết thêm ít nhiều chữ nghĩa, sách vở. Đinh Bộ Lĩnh là người đã bày ra kế sách để diệt được Lý Lãng Công ở Siêu Loại, và thu phục được Phạm Phòng Át ở Đằng Châu. Minh Công chết, giao lại toàn quyền cho con rể. Đinh Bộ Lĩnh trở thành một sứ quân cầm đầu vùng Bồ Hải, rồi dần dần phát huy thế lực, dẹp được cả các sứ quân còn lại. Ngô Xương Xí ở Bình Kiều, Ngô Nhật Khánh ở Đường Lâm, Kiều Tam Chế ở Phong Châu, Nguyễn Thái Bình ở Nguyễn Gia Loan, Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ Động Quang, Nguyễn Thủ Tiệp ở Tiên Du, Lữ Tá Đường ở Tế Giang, Nguyễn Hữu Công ở Tây Phù Liệt, Kiều Lệnh Công ở Hồi Hồ, v.v... đều lần lượt phải quy phục. Ra quân là chiến thắng, đi đến đâu là nơi ấy được dẹp yên. Quân sĩ và dân chúng đều phải suy tôn ông là Vạn Thắng Vương. Và đến bây giờ, thì tất cả đều đồng lòng, tôn ông lên ngôi Hoàng đế.

CHUYỆN VUA LÊ ĐẠI HÀNH

Ngày xưa, vua Lê Đại Hành đã đi qua các vùng ven sông Nhuệ thuộc các xã Đại Thanh, Hữu Hoà, huyện Thanh Oai, Hà Đông cũ. Vua đi đến đâu cũng để lại một sự tích để có tên địa danh.

1. Đồng Kiệu

Ở làng Hữu Châu, xã Hữu Hoà, khi vua đi qua, thấy có một khu vườn cây xanh tươi đẹp đẽ, vua liền bảo:

- Đây là đâu mà có một vườn cây đẹp như vậy?

Hỏi xong, nhà vua liền cho dừng kiệu xuống và vào thăm vườn cây.

Vườn cây quả quý, đẹp đẽ đó làm cho nhà vua vui lòng. Nhân dân thấy kiệu của vua Lê Đại Hành đỗ ở đây liền đặt tên cho vùng đất ấy là Đồng Kiệu.

2. Bãi Cồn và bà chúa Hên

Ngày xưa, ở vùng Tó, bên tả ngạn sông Nhuệ, thuộc xã Đại Thanh, huyện Thanh Oai Hà Đông cũ (về sau là Thường Tín tỉnh Hà Nội rồi chuyển sang

huyện Thanh Trì, Hà Nội) có một cô gái nhan sắc đẹp tuyệt trần.

Vì nhà quá nghèo và mồ côi cả cha lẫn mẹ nên cô ngày ngày phải mò cua bắt ốc bắt hén ven bờ sông Nhuệ để kiếm ăn. Cuộc đời của người con gái nghèo khổ mò hén ven sông Nhuệ cứ thế lặng lẽ vồn tẻ trôi qua.

Tuy nghèo khổ như vậy nhưng cô được trời phú cho nước da trắng hồng, thân hình cân đối, lộ rõ vẻ đẹp khoẻ mạnh của một cô gái con nhà lao động. Có điều rất lạ, cô mò hén đến đâu thì dù trời nắng thế nào chẳng nữa cũng đều có một đám mây bay theo che nắng cho cô.

Một hôm, vua Lê Đại Hành ngự giá đi qua. Vua thấy có đám mây đẹp cứ bay trên đầu cô gái đang mò hén ở ven sông, vua liền cho gọi cô gái lên. Cô sợ quá bỏ chạy. Quân lính phải đuổi theo. Khi bắt được đem đến thì vua thấy cô gái xinh đẹp lại ăn nói dịu dàng bèn bảo cô gái tắm rửa sạch sẽ rồi cho về chỗ hành cung của vua đang đóng tạm tại nơi đây.

Nơi hành cung mà vua Lê Đại Hành lấy người con gái này được dân gọi là Minh Ngự Lâu, nghĩa là "lầu vua đã ngự".

Khi đưa cô gái về hành cung, tự tay vua Lê Đại Hành đổ giỏ hén xuống. Hiện nay, theo lời truyền của nhân dân thì chỗ đổ giỏ hén ấy vẫn còn nhiều vỏ hén lưu lại và người ta gọi đó là bãi Cồn.

3. Con voi ở Nhân Hoà

Sau khi vua Lê Đại Hành lấy bà chúa Hén làm vợ, vua muốn trả ơn cho làng Tó là quê hương của bà. Vua bèn cho một con voi đi trên cánh đồng. Nếu con voi đi được đến đâu thì đất làng Tó sẽ được đến đấy.

Voi đi đến tận Cầu Bươu rồi đi đến gần Văn Điển rồi voi lại đi xuống đồng Gùn Đất. Tất cả ruộng ở vùng đó thuộc về làng Tó.

Khi voi đến làng Nhân Hoà thì các cụ già ở Nhân Hoà sợ voi đi qua sẽ hết mất làng nên tìm cách đánh chết voi. Nhà vua tức giận, sai đàn một con voi bằng nan tre rồi bắt dân làng đổ bạc vào cho đầy bụng con voi bằng nan tre đó để đền lại giá trị của con voi thật.

CHUYỆN VỀ VUA LÝ THÁI TỔ

Lý Thái Tổ chính tên là Lý Công Uẩn. Không ai rõ ông là con trai của ai, vào buổi thiếu thời, chỉ biết là ông được sư Vạn Hạnh dạy dỗ, nhưng vì đâu mà lại làm quan đến chức thân vệ, rồi được truyền ngôi. Có vài chi tiết đã sử, hình như có thể bỏ khuyết vào chuyện này:

Đây là câu thành ngữ được lưu truyền ở vùng Tiên Sơn (Bắc Ninh) bây giờ. Đường Sau là một xóm thuộc Dương Lô (Đình Sám) tổng Phù Lưu, huyện Đông Ngàn xưa, nay thuộc xã Tân Hồng, Tiên Sơn. Chùa Dận là ngôi chùa ở làng Đình Bảng.

Câu này chỉ về truyền thuyết chung quanh bà Phạm Thị Ngà. Chồng bà là ai thì không biết, nhưng chính bà đã đẻ ra Lý Công Uẩn. Bà vốn nhà nghèo, ngụ ở xóm Đường. Sau, cha mẹ mất sớm. Lúc đầu bán hàng nước để nuôi thân, sau được tuyển vào lo việc dầu đèn, quét tước trong chùa Dận. Đến gần ngày sinh, bà đang ở chùa Dận, nhưng đau mãi mà không đẻ được, nên trở về nhà. Đến cánh đồng Đường Sau, thì sinh con trai, tức là Lý Công Uẩn.>

Sách *Đại Nam nhất thống chí* lại ghi rằng: Chùa Cổ Pháp ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn là nơi trụ trì của Lý Khánh Vân. Bà Phạm Thị Ngà sinh con được ba năm thì đem đến chùa, gửi cho sư Khánh Vân nhờ nuôi hộ. Lý Thái Tổ lên ngôi, tôn cha là Hiền Khánh Vân, chính là ông này. Vì vậy mà còn có câu ca dao:

Con ai đem bỏ chùa này

Nam mô di phật, con thầy thầy nuôi.

Lý Công Uẩn ở chùa, được sư Vạn Hạnh dạy dỗ rất chu đáo. Chính sư Vạn Hạnh đã đưa ra nhiều lời được gọi là sấm truyền, lưu hành trong dân chúng để khẳng định nhà Lý sẽ thay nhà Tiền Lê. Rồi ông cũng được Lý Thái Tổ tôn là quốc sư. Vì thế đã có giả thuyết, có thể chính sư Vạn Hạnh là thân sinh của Lý Công Uẩn, nhưng chưa làm sao xác minh được.

Câu này, cũng có người đọc là: Ta trong hạt mận sinh ra. Mận là một loại quả, chữ Hán là Lý. Hạt mận mà sinh được con là chuyện không thể có ở đời, song lời sấm như vậy thì biết đâu chẳng báo trước một chuyện gì có liên quan đến những người họ Lý. Họ có thể cướp ngôi chẳng. Các vua nhà Tiền Lê (người nói là vua Lê Đại Hành, người nói là vua Lê Ngọa Triều) đã để ý và tìm diệt những người họ Lý. Lúc bấy giờ triều đình cho tôn tạo, đắp lại thành Hoa Lư. Vua Lê mộng thấy thần nhân bảo rằng có quý nhân đang làm việc đắp thành ở đó. Vua Lê lập tức sai người đến bắt, thì quả có Lý Công Uẩn, nhưng nhờ có sự thông báo linh thiêng nào đó mà Lý đã bỏ đi rồi. Đúng là Lý Công Uẩn đã trốn đi. Khi đến xã Tam Tảo, gặp hai vợ chồng đang cày ruộng, liền đem chuyện kể ra, xin ông bà nông dân này bày cho cách lánh nạn. Ông già bảo Lý Công Uẩn lấy bùn trát khắp thân thể, cùng xuống cày ruộng với mình. Chiều đến ông già đưa Công Uẩn về nhà, cho ở dưới hầm, trên nắp hầm để những chậu nước. Vua Lê xem bói, thấy quẻ bói nói: nước ở trên người. Nhà vua đoán rằng Lý Công Uẩn đã chết dưới sông rồi. Vì thế Lý Công Uẩn mới được thoát nạn.

LÀNG MỘC THỜ ĐÀU, LÀNG CẦU THỜ CHÂN, PHÁP VÂN THỜ KHÚC GIỮA

Chuyện dã sử này thuộc phạm vi tín ngưỡng của ba làng ở Hà Nội. Có chuyện rằng dưới triều nhà Lý, ông Từ Vinh bị nhà sư Dương Đại Điền giết chết, chặt làm ba khúc vứt xuống sông. Từ Vinh cũng là một vị có đạo hạnh cao, được hâm mộ nên nhân dân ba làng: làng Mộc, làng Cầu và làng Pháp Vân mỗi làng vớt được một bộ phận, liền lập đền để thờ phụng.

Sau này, con trai của Từ Vinh là Từ Đạo Hạnh, tu luyện, học được pháp thuật, đã trả thù cho cha và giết được Đại Điền.

CHUYỆN GỐC GÁC VUA QUAN HỌ TRẦN

Ai có dịp đến thăm làng Dương Xá (nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) vào ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch, sẽ được dự một ngày hội có tục làm cỗ rất độc đáo. Cỗ đem cúng ở đình làng phải là... cỗ cá.

Mỗi giáp trong làng phải biện cỗ đến cúng thành hoàng. Lễ vật dâng lên phải là một con cá trắm to. Chiều lớn của con cá, tính theo vòng ngực của nó. Vòng ngực con cá ít nhất phải đo được 3 vổ. Vổ, tiếng địa phương, để chỉ vào đơn vị chiều dài bằng hai ngón tay trở đặt nối nhau. Như vậy vòng ngực con cá trắm này phải dài 60cm.

Cùng với con cá lớn này, mâm cỗ phải còn có thêm gắp cá nướng, đĩa cá kho, đĩa cá luộc tẩm nước gừng và bốn bát canh cá! Cuộc lễ được bắt đầu từ chiều mùng 5 tháng giêng, có rước kiệu, múa hát, tế tự và châu văn suất đêm ấy cho đến chiều ngày hôm sau mới hạ lễ. Kết thúc buổi lễ là cuộc chắm giải các cỗ. Giáp nào có cá to nhất sẽ được giải của làng.

Ít người hiểu được nguyên nhân vì sao ở đây lại có cỗ tế đặc biệt như vậy. Muốn biết rõ, cần phải đi về thực địa để đối chiếu với sử sách ngày xưa. Và đây là câu chuyện mà sử sách lại không ghi chép.

Theo phong tục ở nông thôn Việt Nam ta xưa, những gia đình lao động thường đặt tên con cái theo hoàn cảnh nghề nghiệp của gia đình. Có khi lấy tên theo vật liệu trong nhà như: Kèo, Cột, Rui, Mè. Có khi lấy tên theo nghề nghiệp như: Thuyền, Bè, Mảng, Lưới v.v... Đặt tên như vậy, vừa thân thương, song tất nhiên không đẹp. Sau này, khi những người mang tên ấy có điều kiện thay đổi hoàn cảnh, chẳng hạn được đỗ đạt, làm quan v.v... họ sẽ đổi tên, tìm những mỹ tự cho tiện giao du, ghi chép.

Vào khoảng thế kỉ XII, ở nước ta, tại vùng đất ven sông, ven biển này ở Thái Bình (hồi ấy chưa có tên tỉnh Thái Bình, mà thuộc vào vùng Nam Định) có dòng họ Trần đến lập nghiệp, sống bằng nghề đánh cá. Họ Trần này ngày càng thịnh vượng, dần dần có người được làm quan dưới triều Lý, rồi dựng nên sự nghiệp đế vương. Sử sách và các nhà nghiên cứu từ xưa, không chú ý ghi chép những tư liệu gốc gác này, cho nên ít ai nhớ được tên.tục của những vị vua quan đời Trần, trước khi dòng họ này chính thức trở thành hoàng phái. Chỉ dân gian là không bao giờ quên. Ở địa phương Hưng Hà này, bà con còn kể được:

- Cụ tổ đầu tiên của họ Trần là Trần Kinh, vốn tên là Kinh (cá Kinh).
- Cụ tổ thứ hai là Trần Hấp có tên là Trám (cá Trám).
- Con cụ Hấp là Trần Lý, có tên là Chép (cá Chép). Ông này mở đầu cho việc họ Trần ra làm quan. Ông được vua Lý Cao Tông cho đứng đầu, xây dựng hành cung Ngự Thiên. Ông có nhiều con trai, con gái đều là những tài năng xuất sắc.
- Trần Thừa, có tên là Dưa (cá Dưa). Ông là con đầu của cụ Trần Lý, và là bố đẻ của Trần Thái Tông.
- Trần Tự Khánh, có tên là Ngạn (cá Ngạn). Ông là người con thứ hai của cụ Trần Lý, đã làm chức Thái úy dưới triều Lý, sau được nhà Trần phong là Kiến quốc đại vương.
- Trần Thị Dung, có tên là Ngừ (cá Ngừ), con gái của Trần Lý, bà là em ruột của Trần Thừa và Trần Tự Khánh. Bà lấy vua Lý Huệ Tông, sinh ra Lý Chiêu Hoàng. Sau đó, bà lại làm vợ của Trần Thủ Độ, được phong là Linh từ quốc mẫu. Ở địa phương lập đền thờ bà, gọi bà là bà chúa Ngừ.
- Trần Liễu, có tên là Nheo (cá Nheo). Ông được phong là An sinh vương, là bố đẻ của Trần Hưng Đạo.
- Trần Cảnh, có tên là Canh (cá Lành Canh). Ông là vị vua đầu tiên của nhà Trần, được vợ là Lý Chiêu Hoàng, truyền ngôi năm 1226.

Đây sự tích và tên tuổi gốc gác của các vua quan mở đầu cho nhà Trần là như vậy. Nhà Trần có đức tính đáng quý là không bao giờ quên gốc. Vua Trần Nhân Tông đã nói với các quan và họ hàng: "Nhà ta vốn là người hạ bạn, đời đời hay thích xăm rồng vào đùi để tỏ ra là không quên gốc".

Lễ tế cá ở làng Dương Xá, cũng là một bằng chứng không quên gốc của nhân dân bao đời nay trên quê hương phát tích của họ Trần.

(Sưu tầm thực địa)

Ai chỉ huy việc đóng cọc sông Bạch Đằng để bắt Ô Mã Nhi? Tất nhiên ai cũng biết vị tổng chỉ huy cuộc kháng chiến chống bọn xâm lược Nguyên

Mông hồi cuối thế kỷ XIII là Trần Hưng Đạo. Trận quyết chiến Bạch Đằng do ông chỉ đạo. Lực lượng tập trung ở chiến trường này gồm nhiều đội quân chủ lực do Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão và Hưng Trí Vương Hiến (con của Trần Hưng Đạo) chỉ huy. Nhưng sử sách cũng chỉ ghi có thể, để tập trung vào việc tường thuật diễn biến trận đánh, tôn vinh thắng lợi rực rỡ của quân ta. Chính sử không thể ghi - và cũng không có nhiệm vụ ghi một cách cụ thể - việc quân và dân ta, đấn gối như thế nào, đóng cọc dưới lòng sông ra sao. Ai là người trực tiếp theo dõi việc thực thi nhiệm vụ nặng nề này?

Người nghiên cứu sưu tầm thành tích chiến đấu của quân đội nhà Trần trên chiến trường Bạch Đằng, nếu có điều kiện tiến hành nhiều cuộc điều tra thực địa, chắc chắn có thể trả lời phần nào câu hỏi trên đây. Tất nhiên không thể đảm bảo hoàn toàn chính xác, vì đây là dã sử, là truyền thuyết, nhưng chắc là có cái "lõi lịch sử" nhất định. Thực vậy, nếu ta về Hàng Kênh, huyện An Dương (nay là quận Lê Chân, Hải Phòng) và đến thăm đền Từ Vũ, sẽ được nghe những câu chuyện mách cho ta những tín hiệu liên quan đến vấn đề này.

Đền Từ Vũ thờ một vị thần họ Vũ. Tại đền, còn lưu giữ được một bản thần tích có nhan đề là *Phúc Thần Vũ công phá ký*, kể chuyện về người dũng sĩ này. Ông xuất thân từ một gia đình lao động, quen với sông nước và có được học tập chữ nghĩa. Biết chữ, ông hay tìm đọc sách vở, nhất là loại binh pháp binh thư. Ông lại có một thói quen đặc biệt, hay đi chơi trên bộ, dạo thuyền dưới nước và đi đến đâu cũng ghi chép tên núi, tên sông, tên khe, tên vực, rồi trở về cắm cúi vẽ thành một bản đồ.

Vào những năm đầu của thập kỷ 80, thế kỷ XIII, ông xin gia nhập quân ngũ, được Trần Hưng Đạo tin dùng làm tả hữu, giữ chức chỉ huy sứ. Khi Trần Hưng Đạo chủ trương mở trận Bạch Đằng, tráng sĩ này đã xin nhận công việc quan sát địa hình, vì ông vốn quê quán ở đây, lại thành thạo nghề sông nước. Ông đã dâng lên Trần Hưng Đạo một bản đồ cụ thể, đánh dấu rõ những điểm cao, chỗ thấp, khúc sâu, khúc nông của quãng sông Bạch Đằng dự kiến làm nơi chiến đấu. Tiếp đó, ông được chủ tướng giao cho việc đem số lính bản bộ và các đội dân quân, chở cọc ra đóng ở dòng sông.

Phúc Thần Vũ công phá ký, ghi chép rõ tên ông là Vũ Trí Thắng, được thăng chức Điện tiền đô chỉ huy sứ sau khi đánh tan giặc, bắt sống Ô Mã Nhi. Lúc già, ông trở về quê, còn có công trong việc xây dựng làng xóm.

Nhân dân An Dương lập đền thờ gọi là đền Từ Vũ, hương khói đến tận bây giờ.

Chắc hẳn trường hợp Vũ Trí Thắng không phải là trường hợp độc nhất. Trên hai bờ Bạch Đằng giang, và trên nhiều địa điểm trong vùng, hiện có nhiều đền thờ Trần Hưng Đạo và các tướng lĩnh quê ở địa phương. Tra cứu các thần tích, thần phả, tham dự các hội hè, tế lễ ở những nơi ấy, nhất định có thể tìm thấy nhiều người khác nữa.

(Sưu tầm thực địa)

CHUYỆN VUA LÊ THÁNH TÔNG

Ngày xưa, người ta thường nghe một câu nói, đọc một bài thơ của ai đó để xem khẩu khí thế nào. Có người nói những câu tỏ ra là con người tầm thường. Có người lại cho thấy là kẻ có chí lớn. Đầu đời Lê cũng vậy. Vua Nhân Tông chết, triều đình tìm người kế vị song không biết chọn ai. Có người mách rằng Lê Tư Thành, con bà Ngô Thị Ngọc Dao, đáng được chọn làm vua. Triều đình đã cho các quan đến tiếp chuyện, dụng ý dò la xem chàng trai này là người như thế nào. Sau vài câu trao đổi, một vị quan bỗng đặt cho Lê Tư Thành một câu hỏi:

- Thưa điện hạ, chúng tôi được nghe nhiều người nói điện hạ có tài văn học, xuất khẩu thành chương. Vậy điện hạ có thể cho chúng tôi nghe một sáng tác bất kỳ nào của điện hạ được không?

Lê Tư Thành mỉm cười, trả lời lễ phép:

- Dạ, được ạ. Xin quan lớn cứ việc ra đề.

Ông quan nhìn quanh quần, rồi chỉ ngay vào một con cóc đang ở dưới gầm giường:

- Xin điện hạ thử làm vài câu vịnh con cóc dưới gầm giường này xem sao.

“Con cóc” là đề tài thô thiển. Cóc lại nằm dưới gầm giường thì chẳng ai để ý, chỉ là một vật đáng khinh bỉ mà thôi. Làm thơ với một đề tài như thế quả

thực là khó, khó nhất là không biết tìm ra cái gì để nói cho có vẻ văn chương nghệ thuật. Sự thử thách của ông quan quả là gay go. Các vị triều thần đều nhìn cả vào Lê Tư Thành, lo cho anh khó lòng vượt qua đề tài học hiêm. Từ vị hoàng tử, ông vua tương lai đến một con cóc, khoảng cách quá xa vời, chàng trai làm sao nối liền hai hiện tượng này lại cho nhuần nhuyễn? Sau một vài giây suy nghĩ Lê Tư Thành điềm nhiên đáp lại:

- Đầu đề quan lớn ra khó quá. Nhưng tôi cũng xin phép không dám đề quan lớn chờ đợi lâu. Tôi xin đọc:

Bá sinh ra vốn áo sồi

Chôn nghiêm thăm thăm một mình ngôi

Tắc lười năm ba con kiến gió

Nghiến răng chuyển động bốn phương trời...

Chỉ nghe mấy câu trên, vị quan ra đề đã quỳ phục xuống đất lạy:

- Xin điện hạ không phải đọc thêm nữa. Tôi xin hoàn toàn bái phục. Điện hạ thật xứng đáng là bậc thiên tử.

Và tiếp đó, như ta đã biết. Các triều thần nhất trí rước ông về điện Tường Quang, đưa ông lên ngôi hoàng đế và lấy niên hiệu là Quang Thuận năm thứ nhất (1460). Mười năm sau đổi niên hiệu là Hồng Đức (1470), trị vì 38 năm đến 1497 mới mất.

Cũng phải nói thêm là, câu chuyện giai thoại trên đây có lẽ là hư cấu mà thôi. Hư cấu để chứng minh rằng Lê Thánh Tông đã có khẩu khí của một vị hoàng đế. Các bài thơ của ông làm lúc thanh niên đều mang chung một phong cách này, biến những cái tầm thường, hèn mọn thành cao sang, quý phái và đều mang khí tượng của sự lãnh đạo nhân dân, trị vì thiên hạ. Đây không phải con cóc nữa, mà là một ông vua ở chôn thâm nghiêm, có tài dẹp giặc có uy thế rung động bốn phương. Rồi còn những bài thơ vịnh thẳng mồm "cả tiếng dài hơi", vịnh anh thợ cạo "giáp bạc qua vàng" .v.v... đều được coi là tác phẩm của Lê Thánh Tông. Loại thơ khẩu khí này không phải thơ hay, nhưng lại rất được dư luận tán thưởng và người ta cho là rất xứng đáng để

làm nổi bật khí tượng của đế vương. Âu đó cũng thêm một bằng chứng, hùng hồn rằng Lê Thánh Tông được nhất trí tôn vinh trong lịch sử và trong dư luận của nhiều thế hệ.

PHẢI LÀ CON MẸ CON CHA THÌ SINH RA ĐẤT DUYÊN HÀ THẦN KHÊ

Có người cho câu ca này là lời tự hào của người dân vùng Duyên Hà, Thần Khê (tỉnh Thái Bình), về nòi giống địa phương mình. Nhưng có ý kiến cho là không phải. Câu ca có "tác giả", có lai lịch hẳn hoi. Lai lịch ấy phải tìm trong gia phả nhà họ Đinh.

Đinh Liệt là ông ngoại của Ngô Thị Ngọc Dao, được phong quốc công (vì là công thần khai quốc); có dinh cơ ở làng Đún Ngoại, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng (Thái Bình). Ngô Thị Ngọc Dao là vợ Lê Thái Tông. Do mâu thuẫn trong nội cung, bà bị đày ra ở chùa Huy Văn. Việc này, sử sách có chép là: Vợ chồng Nguyễn Trãi có công vận động nhà vua, tránh cho bà Ngọc Dao bị tội nặng hơn.

*

* *

Ở chùa Huy Văn, Ngọc Dao đã có thai. Sợ rằng vẫn ở Thăng Long thì còn bị mưu hại, bà đã được Đinh Liệt bí mật đưa đi xa vào ngày sắp sinh nở. Bà được đưa về làng Đún Ngoại. Nhưng cáng mới về đến cầu Tray, giáp giới hai huyện Duyên Hà, Thần Khê, phủ Tiên Hưng (Thái Bình) thì bà trở dạ một cách khó khăn. Ngọc Dao phải thắp hương khẩn trời đất. Câu ca dao trên là lời khẩn của bà, ý muốn nói, nếu đứa con đúng là nòi giống nhà vua thì đến đây hãy ra đời cho toàn vẹn.

Chưa hết, người ta còn lưu truyền rằng bà Ngọc Dao còn nguyện thêm: nếu con không đáng sống, thì ngay đây mẹ đành chịu tuyệt vọng, vứt quách thai ra bãi tha ma! Vì vậy mà tiếp theo câu ca trên, còn có câu:

Nhược bằng bác mẹ chẳng sinh

Thì quăng ra đất Vạn Linh cho rồi.

Lời truyền văn còn nhiều chi tiết. Cầu Tray, nơi giáp giới hai huyện nói trên, bên này là làng Chép, bên kia là làng Sâm. Tại làng Sâm (huyện Thần Khê) có một ngôi đền gọi là đền Bà Vú sữa. Bà này có mặt lúc Ngọc Dao trở dạ, cho đứa bé bú khi lọt lòng. Còn ở làng Đún Ngoại, thì có mộ của những bà giúp vào việc nuôi nấng đứa bé khi trứng nước. Mộ này vẫn gọi là Đổng vương bà Lễ.

Cả bà Ngọc Dao, và bà Vú Sữa, cùng nhân dân Duyên Hà, Thần Khê, đã có công bảo vệ, nâng giắc cho đứa hài nhi "con mẹ, con cha" ấy trưởng thành, sau này lên ngôi, tức là vua Lê Thánh Tông.

(Sưu tầm thực địa)

CHUYỆN CHÚA CHỖM

(Có thuyết bảo chúa Chỗm là Lê Ninh. Có thuyết lại bảo ông là Lê Duy Bang. Dân gian không minh định rõ).

>

Cuộc đời của ông vua này tuy ngắn ngủi nhưng có điều lạ là ông rất được nhân dân chú ý. Người ta đã sưu tập, tưởng tượng chung quanh ông một câu chuyện cổ tích rất vui và đặt cho ông một cái tên dân dã là Chúa Chỗm, và cho ông là một chàng trai đã đi vay nợ khắp cả mọi người. Già trẻ, giàu nghèo, hiền hay ác đều có thể là chủ nợ của ông. Chuyện được kể như sau:

Cha của ông cũng là một ông vua nhà Lê (không nói là vua nào) khi còn trẻ, bị Mạc Đăng Dung bắt giam. Tại trại giam có cô hàng rượu vẫn thường qua lại bán rượu cho lính canh. Cô thấy người bị giam khô ngô tuần tú thì có cảm tình, liền đem rượu pha thuốc mê chuốc cho bọn lính để tự do vào trò chuyện với nhà vua. Thân quen rồi thành có tình ý với nhau, cô hàng rượu có thai còn nhà vua thì bị giết. Đêm trước khi chết, vua đã kịp giao cho cô chiếc ấn ngọc và dặn phải giữ lấy, mai sau để con trai giao cho nó để tính kế trả thù.

Cô hàng rượu trở về sống ẩn dật hết nơi này nơi khác. Và đúng là cô đã được một đứa con trai hay ăn chóng lớn. Cô đặt tên nó là Chỗm và cho ở tại một ngôi chùa. Cậu bé học hành sáng dạ nhưng rất nghịch ngợm. Có lần dám ăn vụng chuối oản bị sư bắt được đánh đòn. Cậu tức giận cho là Phật không chịu bảo vệ, liền viết lên lưng Phật mấy chữ: "Không giúp cho ta, phải đày đi xa". Không ngờ đêm ấy Phật hiện lên bảo với sư: Sao lại đánh nhà vua để nhà vua đuổi ta đi. Phải mau mau xin nhà vua tha cho ta. Sư gọi chú bé lại bắt xoá những chữ viết đi thì Phật mới về báo mộng cảm ơn đã được ân xá. Từ đó, sư hay chú ý đến cậu bé và có vẻ quý trọng hơn. Chỗm lớn lên vẫn tiếp tục học hành, làm quen được với nhiều người, lại tập cả võ nghệ, thường giỏi đánh gậy, lúc nào có một cây côn cầm ở tay.

Sống ở chùa ít lâu, chàng Chỗm trở về, mẹ con rau cháo nuôi nhau, vì anh không có ý định đi tu, mà sư cụ cũng khuyên bà mẹ nên chăm sóc anh, vì anh là người có tướng lạ. Sư không dám nói ra chuyện vì sợ lộ thiên cơ, nhưng rất tin vào điều dự đoán của mình. Chỗm về kiếm củi hái rau, đi làm thuê làm mướn lấy tiền. Nhiều lần bị đói anh vào các cửa hàng ở khắp các cửa ô mua cơm ăn, song thường thường phải ăn chịu vì không sẵn tiền trả. Các cửa hàng lúc đầu còn ngần ngại, nhưng sau đó họ nghiệm ra rằng hề hàng nào có Chỗm vào ngồi ăn, là hàng ấy thấy khách ra vào nườm nượp. Hàng nào không được Chỗm đến, thì chủ hàng ngồi không xua ruồi từ sáng đến chiều. Vì thế họ một mực sẵn đón, chèo kéo Chỗm. Cứ như vậy, thành quen lẹ. Chỗm được người ta mời vào, chưa có tiền trả thì họ sẵn sàng bán chịu. Vài tháng sau, Chỗm nhớ ra và trả nợ đàng hoàng, nhưng dần dần anh cứ vào ăn uống bạt mạng. Ai hỏi tiền, anh cười:

- Ông, bà cứ yên tâm, mai mốt ăn nên làm ra tôi xin trả hết, không để nợ ai đồng nào.

Mọi người cười:

- Nhưng bây giờ thì anh đã nợ nhiều rồi đây. Người ta

đã nói: "Nợ như Chỗm".

- Được được. Xin cứ cho nợ. Sẽ trả thôi mà!

*

* *

Thời gian này Nguyễn Kim từ bên Lào về, đang cố gắng tìm con cháu nhà Lê để mưu đồ công việc khôi phục. Ông đem các thủ hạ đi khắp nơi dò la vẫn không tìm ra tung tích. Một đêm nằm mơ ông thấy có vị thần bảo:

- Ra cửa ngoài chợ, đúng ngày tháng ấy, ở đâu có rông đen quần cột thì đó chính là thiên tử.

Nguyễn Kim và những người đi theo ông, theo lời thần mách đi khắp các nhà hàng chẳng thấy có chỗ nào rông đen quần cột. Chỉ thấy ở một nhà kia, có cậu bé Chôm đứng ôm cột nhà đứng nhìn bọn khách đang chơi bài, nhưng tất nhiên là anh ta chẳng có gì đặc biệt khiến cho mọi người để ý.

Nguyễn Kim trở về đang băn khoăn ngơ ngác thì lại mộng thấy ông thần hiện ra, trách là sao không đi đón nhà vua. Thần dặn phải đi lần thứ hai. Lần này cứ ra bờ sông thấy ai đội mũ sắt, cưỡi thuyền rông là đúng. Nguyễn Kim lại ra chờ đến chiều, chẳng gặp người nào. Chiều tối mới có chuyến đò ngang cuối cùng, Chôm cũng đi trong đám khách bộ hành. Đò vừa nhỏ sào thì trời đổ mưa, ai cũng có toi nón mang theo, riêng Chôm thì để đầu trần. Mưa nặng hạt, anh ta mượn ngay cái chảo trên cùng của một người bán chảo gang đội lên đầu, vắt chân bỏ thõng trên cái then ngang của con đò để ngồi cho vững. Trời đã chập choạng, Nguyễn Kim cũng không kịp để ý các khách trên đò, và lại cũng chẳng thấy ai cho ra dáng con người đặc biệt. Ông trở về buồn bực thao thức. Ông thần lại hiện ra, trách cứ:

- Sao ông không chịu nghe ta. Ta chỉ bày cho ông một lần nữa thôi. Ngay mai ông cứ đến hàng cơm bữa trước, tìm xem người nào đi chữ *đại*, trở lại chữ *vuong*, thì đón về. Không sai đâu.

Ngày hôm sau, Nguyễn Kim và thủ hạ ra chỗ hàng cơm kia, nhất quyết tìm cho được. Lúc ấy một số khách đã tản đi, trên chiếc phản chỉ có một anh chàng say rượu nằm ngủ. Vài người nhìn anh ta rồi nháy nhau:

- Thằng cha nằm kia có láo không kia?

Đúng là anh chàng này có vẻ rất ung dung thoải mái. Đầu anh ta gối lên ngọn côn để ngang, hai tay bỏ xuôi, hai chân thì chạng ra hai bên, chiếm cả

tám phẩu không muốn cho ai ngồi vào nữa. Nguyễn Kim nhớ lại câu nói của thần, và nhìn kỹ hình thù: quả thật anh ta nằm giống như chữ (đại). Đã có phần tin, nhưng Nguyễn Kim muốn kiểm tra lại cho chắc chắn. Ông bảo người hầu đi chung quanh xem có chỗ nào đáng để ý nữa không. Nhưng không có gì. Họ cùng quay trở lại. Trên tám phẩu, anh chàng nằm ngủ kia đã đổi tư thế. Lúc này ngọn côn đã trật ra khỏi cổ nằm ngang trên đỉnh đầu anh ta. Hai tay anh ta lại xếp bằng ngay trước ngực, hai chân cũng quắp lên, hai đầu gối chia ra hai bên, bàn chân cùng khép kín chính giữa, trông có dáng dấp như chữ (vương). Nguyễn Kim hiểu ra ý thần: lúc mình đi thì thấy chữ *đại*, lúc mình trở lại thì thấy chữ *vương*. Ông khắp khởi mừng thầm: ngồi chờ cho chàng Chỗm tỉnh dậy, lân la trò chuyện. Chàng ta một mực chân thành:

- Tôi chẳng biết họ hàng quê quán nào cả. Tôi chỉ là thằng Chỗm thôi.

Nguyễn Kim yêu cầu anh ta đưa ông về nhà. Bà mẹ sau khi hỏi han kỹ lưỡng, mới kể thực câu chuyện và đưa cái ấn ngọc ra. Tất cả quan lại vong thần đều cúi đầu sụp lạy. Ngay lập tức, hai mẹ con được bí mật đưa sang Lào. Và thế là Chỗm trở thành vị chúa của đội quân khởi nghĩa.

Ít lâu sau, quân khởi nghĩa toàn thắng, Chỗm được lên ngôi vua. Ngày khai hoàn, toàn thể tướng tá quân gia rước Chỗm trở về Thăng Long. Tiến vào cửa ô, đạo ngự đang đi từ từ thì có một số ông chủ hàng cơm ngày xưa nhận ra vị vua đang ngồi uy nghi trên kiệu, chính là anh chàng Chỗm hay đến đây ngày trước. Họ liền chạy đến gần chào mừng rối rít. Vua Chỗm vốn là người bình dân, cũng sẵn sàng xuống kiệu, tay bắt mặt mừng, hết người này đến người khác. Một ông chủ hàng mạnh dạn nói:

- Thưa vua Chỗm, ngài có nhớ ngày xưa Ngài còn mấy bữa cơm chưa thanh toán cho tôi, hẹn khi làm nên thì trả. Nay ngài đã làm vua, chúng tôi mà đòi thì thất lễ, xin nhắc lại cho vui thôi.

Chúa Chỗm cười to>

- Ấy! Không, không. Trẫm nhớ và trẫm xin trả hết. Trả ngay bây giờ! Bao nhiêu nhỉ? Bón lạng à? Quan coi kho đâu. Trả tiền ngay cho ông này đi.

Quân hầu vâng lệnh. Những người khác thấy vậy đều ùa nhau kéo đến. Có ít họ xít ra nhiều, cứ nói ra là được trả tiền, nên hết người này lại người khác ào vào. Người giữ tiền phát không kịp. Chúa Chôm cứ ngồi trên kiệu, cười như nắc nẻ. Nhìn thấy ai, ông cũng gật, cũng nhận là chủ nợ của mình. Cuối cùng, tính toán và ghi chép không kịp, ông cho người hầu đứng trên ném bạc xuống cho mọi người xô nhau nhặt. Đi đòi nợ chúa Chôm mà như đi hội. Vừa vui, vừa buồn cười, mà cũng rất ồn ào, lộn xộn, đám rước vua mà như một đám đông hò hét quấy phá chẳng còn ra thể thống gì. Viên quan chỉ huy đạo ngự phải vội vàng dàn quân sĩ, ngăn không cho đám đông sấn đến nữa.

Ông cho làm ngay một cái biển đề hai chữ *cấm chỉ*, đóng giữa ngã tư đường. Cấm chỉ, nghĩa là cấm không được đến gần, cấm không được đòi nợ nữa. Ai trái lệnh sẽ chém đầu. Nhờ thế mà kiệu vua đi thoát để vào được hoàng thành. Ngay nay, ở vườn hoa Cửa Nam, đầu đường Hàng Bông (Hà Nội) còn có : phố Cấm Chỉ, là do sự tích này. Và câu tục ngữ “*Nợ như chúa Chôm*” cũng ra đời từ câu chuyện kể trên.

CHUYỆN ĐÀO DUY TỪ GỬI THƯ CHO CHÚA TRỊNH

Bài ca dao bắt đầu bằng câu trên đây, theo nhiều người kể, không phải là câu hát của cô thôn nữ phàn nàn với người con trai chậm chân theo đuổi mình. Mà đó là một "tác phẩm" của một nhà văn, một nhà chính khách.

Truyện kể rằng, khi được biết Đào Duy Từ đã bỏ quê hương vào giúp chúa Nguyễn trong Nam, lập được nhiều công tích, chúa Trịnh Tráng rất lo lắng. Muốn lôi kéo Đào Duy Từ trở về giúp mình, Trịnh Tráng cho người đem vàng bạc, lễ lạt vào bí mật dụ dỗ. Nhưng Đào Duy Từ không theo, chỉ gửi ra cho chúa Trịnh một bài ca dao:

Ba đồng một mớ trâu cày

Sao anh không hỏi những ngày còn không

Bây giờ em đã có chồng

Như chim vào lồng, như cá cắn câu

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ

Chim vào lồng biết thuở nào ra...

Thấy Đào Duy Từ như vậy, Trịnh Tráng vẫn cứ kiên trì phái người đi dụ dỗ một lần nữa. Đào Duy Từ lại gửi tiếp cho chúa Trịnh hai câu:

Có lòng xin tạ ơn lồng

Đừng đi lại nữa mà chồng em ghen.

Câu chuyện thư từ bằng ca dao trên đây không rõ ý thực không, nhưng Đ bỏ họ Trịnh vào giúp họ Nguyễn thì đúng là sự thực lịch sử. Ông Đào sinh năm 1571, mất năm 1634, vốn quê làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, nay là xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia. Cha ông là Đào Tá Hán, mẹ ông là Vũ Kim Chi, là một đôi vợ chồng nghệ nhân hát bội. Chế độ ngày xưa theo quan niệm "xương ca vô loài" không cho Đào Duy Từ đi thi mặc dầu ông học rất giỏi. (Có thuyết nói ông Đào mồ côi bố. Bà mẹ phải hẹn với tên xã trưởng để cho ông Đào được đi thi. Nhưng khi con thi đỗ rồi, bà mẹ ông vẫn không chịu tái giá. Tên xã trưởng thù ghét liền tố cáo ông là con nhà phường hát).

Triều đình ra lệnh xoá tên ông và bắt trả lại mũ áo, không công nhận kết quả thi. Mẹ ông phải tự tử. Đào Duy Từ căm tức mới bỏ đi vào Nam.

Đào Duy Từ vào vùng Bình Định, đi ở chẵn trâu cho một người có thể lực. Người này giới thiệu ông với chúa Nguyễn. ông trở thành một vị quân sư.

CHUYỆN ÔNG NGUYỄN QUÁN NHO

Nguyễn Quán Nho, sinh năm 1637, mất năm 1708, quê ở làng Vạn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Yên). Ông là một danh thần xuất sắc của triều Lê, cuối thế kỷ thứ 17, từ đời Lê Huyền Tông. Đời hoạt động chính trị của ông được mọi người công nhận là mẫn cán, liêm khiết và nhất là giản dị, khoan dung. Ông quan tâm đến đời sống nhân dân, thường lo lắng quan tâm tới sinh hoạt của quần chúng. Sau khi đỗ tiến sĩ năm 1667, ông được bổ làm quan ở các tỉnh ngoài bắc, rất được mọi người quý mến. Đến nỗi, có lần ông được nghỉ phép về quê lâu năm, vùng Bắc đã truyền tụng những câu ca dao lưu luyến:

Chàng về Vạn, Vạc chàng ơi

Con chàng bỏ đói ai nuôi cho chàng.

Vạn là làng Vạn Hà (nay là xã Thiệu Hưng). Vạc nay là xã Thiệu Đô. Câu ca dao tưởng như lời tâm sự của người vợ xa chồng, nhưng chính là chỉ vào Nguyễn Quán Nho khi tạm biệt nhiệm sở, để lại cho dân chúng cả một niềm luyến tiếc.

Khi được thăng chức, làm việc ở triều đình, Nguyễn Quán Nho dù có chức vị cao, vẫn giữ nguyên phong cách bình dị và đôn hậu của mình. Ông đã trải qua các chức ngự sử, thị lang, rồi lên đến thượng thư bộ Binh, thượng thư bộ Lễ, đứng vào hàng tham tụng (tể tướng). Ở vị trí nào, Nguyễn Quán Nho cũng giành được tình cảm tốt đẹp của nhân dân.

Lúc này, cùng làm quan đồng triều với ông có Lê Hy, người xã Thạch Khê (nay thuộc xã Đông Hoàng, Đông Sơn). Lê Hy là một nhà sử học danh tiếng, nhưng lại là người quá khắc nghiệt. Ông cũng giữ chức tham tụng, phụ trách thượng thư bộ Hình. Dư luận thường so sánh Lê Hy với Nguyễn Quán Nho, đến nỗi đã có câu ca:

Tể tướng Lê Hy, thiên hạ sầu bi.

Tể tướng Vạn Hà, thiên hạ âu ca.

>

ĐÁNH GIẶC HỌ ĐÌNH LÀM QUAN HỌ ĐẶNG!

Cho đến ngày nay đi về các vùng thuộc tỉnh Hải Hưng, Hà Tây, vẫn thỉnh thoảng nghe người già nhắc lại câu thành ngữ lâu đời truyền lại: Đánh giặc họ Đình, làm quan họ Đặng.

Nói là lâu đời, thực ra cũng chỉ mới từ cuối thế kỷ XVI lại đây. Thành ngữ nhắc đến chuyện đánh giặc, làm quan, không phải có dụng ý khoe khoang cho dòng quý tộc, hay cho chế độ phong kiến. Quần chúng muốn khẳng định một kết quả của giáo dục truyền thống gia đình. Quả thực tác dụng này rất lớn. Nhiều dòng họ thời xưa thường ngâm tranh đua với nhau, các địa phương cũng lấy đó làm niềm tự hào để thúc đẩy lớp trẻ trong hương thôn phấn đấu giữ lấy nghiệp nhà, không chịu để cho mai một.

Chuyện kể rằng Đình Văn Tả quê làng Hàm Thượng, huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) xuất thân chỉ là một chàng trai nghèo nàn, không có chức phận gì. Gia đình cũng thuộc lớp hạ lưu trong xã hội. Vì có một sự sơ suất nào đó, ông bị bắt giam, chịu sai phái phục dịch ở một doanh trại. Một ngày, quân lính được huy động ra bãi tập bắn, ông được theo ra. Nhìn những tấm bia không suy suyền và những làn đạn xuyên xẹo, ông bất giác bật cười, thốt lên: Tật là đồ ăn hại! Viên quan giám trường có ý giận, bắt ông vào bắn thử.

Ông bắn trăm phát trúng cả trăm, lại biểu diễn luôn một vài động tác múa quyền, cử tạ. Ai nấy đều phục tài, trình lên nhà chúa. Đình Văn Tả lược nhận một chức võ quan nhỏ trong quân. Không bao lâu, ông đã lập nhiều chiến tích lừng lẫy. Năm 1658, được cùng Đào Quang Nhiêu đi đánh Đàng Trong. Khi về bình công, vọt lên chức đô đốc, tước quận công. Tiếp đó chỉ ít lâu sau, lại lên Cao Bằng, đánh thắng quân Mạc (1677). Năm 1686, ông từ trần, được tặng tước Thái Bảo.

Đình Văn Tả đã chú ý dạy dỗ con cháu mình chuyên hẳn về nghề võ và liên tiếp mấy đời, họ Đình này đều có những người con là võ tướng có thành tích vang dội. Con của Đình Văn Tả là Đình Văn Cần, cháu nội là Đình

Văn Luân đều được phong làm quận công và có tiếng vô địch, ra trận là thắng.

Cuối thế kỷ XVIII, một tướng được giao việc trấn thủ Hải Dương là Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng, cũng là chất trực hệ của Đinh Văn Tả. Cái tiếng "Đánh giặc họ Đinh" là từ đó mà ra.

*

* *

Người xưa còn kinh ngạc về dòng họ đã đóng góp cho đất nước những người có tài chính trị. Làm chính trị, trước đây gọi là làm quan. Rất nhiều dòng họ cha truyền con nối mấy đời đều có người giữ những trọng trách trong triều đình hoặc ngoài trấn ải. Cũng có những ý kiến hoài nghi cho rằng vì ông cha làm quan rồi tìm cách nâng đỡ, đút lót để cho con cháu mình lọt vào chỗ quan trường. Hiện tượng ấy không hiếm ở rất nhiều thời đại. Song có lẽ, thủ đoạn luôn lọt này chỉ có thể diễn ra vài ba đời là cùng. Và những bọn con cháu bất tài mà làm quan như vậy, sớm muộn sẽ bị dư luận đánh giá nghiêm khắc. Nhân dân chỉ ca ngợi và tự hào với những dòng họ đời đời nối nhau làm quan, mà các vị quan ấy lại đều là những người thanh liêm, mẫn cán, có uy tín cao, có thiện cảm với quần chúng. Họ Đặng ở vùng Chương Đức, Sơn Nam (nay thuộc Hà Đông, Hà Tây) là một trong những dòng họ như thế. Câu chuyện "làm quan họ Đặng" là một truyền thống khá độc đáo ở vùng này.

Sử chép người khởi đầu cho dòng họ này là ông Đặng Huấn, làm quan đời Mạc, rồi về với triều đình Lê Trịnh (1549). Ông được tin cậy, làm đến Tả đô đốc, và là bố vợ của Trịnh Tùng, ông ngoại của Trịnh Tráng. Con trai của ông là Đặng Tiến Vinh làm đến quận công. Hai con của Tiến Vinh là Đặng Thế Tài và Đặng Thế Khoa cũng đều làm quận công và giữ chức trấn thủ. Riêng Đặng Thế Khoa được Phan Huy Chú xếp vào hạng có công lao tài đức với đất nước. Con của Thế Tài là Đặng Tiến Tự làm trấn thủ Nghệ An, rồi được phong Thái phó (khoảng 1650). Đặc biệt, Đặng Tiến Tự có 17 người con, thì cả 17 người này đều làm đến quận công, trấn thủ các trấn Sơn Tây, Hải Dương. Trong số 17 vị này, nổi bật nhất là Đặng Đình Tường (1648 - 1735) là một danh thần, có công lao to lớn. Giỏi cả bên võ, bên văn là tác giả bộ sách Thuật cổ qui huấn lục. Ông làm quan đã về hưu mà vua

chúa vẫn liên tiếp mời ra giúp việc chính sự, tôn là Quốc lão. Nhân dân còn thêm cho ông một từ nữa, gọi là Tiên quốc lão. Đến lượt mấy người con trai của Đặng Đình Tướng là Đình Hiền, Đình Giám, Đình Quỳnh lại cũng làm đến quận công, đốc phủ các trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc. Cháu nội của Đặng Đình Tướng là Đặng Đình Mật làm thống lĩnh, coi trấn Thanh Hoá... Chưa ai có điều kiện đi sâu vào phương pháp gia đình giáo dục của dòng họ này để tìm ra những bí quyết đáng lưu tâm của họ.

MỘT NGŨ 4 THƯỢNG THƯ MỘT LÀNG 19 ÔNG TIÊN SĨ!

Đầu thế kỷ XVIII, làng Phú Thị, tục gọi là làng Sủi thuộc huyện Gia Lâm, xứ Kinh Bắc, nay là ngoại thành Hà Nội, giành được một vinh dự khiến cả nước phải ngạc nhiên. Cùng một thời gian, chỉ xê xích nhau có vài ba năm, làng này xuất hiện bốn ông thượng thư cùng làm quan một triều, và cũng đều nổi tiếng là thanh liêm, cần mẫn. Ông nào cũng đỗ tiến sĩ (Thời gian thi đỗ cũng xê xích gần nhau) và đều có đức tính tốt, thực sự giành được thiện cảm của nhân dân. Cứ tưởng tượng quang cảnh thời đại xưa, vào một ngày xuân tết nào đó mà cả 4 ông thượng thư này về giỗ tổ thăm quê thì làng Phú Thị rầm rộ, sôi nổi và vinh hạnh đến mức nào. Đối chiếu với các làng khác trong nước, đến nay chưa gặp một trường hợp nào tương tự.

Sau đây là danh sách và thời gian thi đỗ, làm quan của bốn vị ấy:

1. Nguyễn Huy Nhuận, tiến sĩ (1703), Thượng thư bộ Công (1733)
2. Cao Huy Diệu, tiến sĩ (1715), Thượng thư bộ Binh (1735)
3. Đoàn Quang Dung, tiến sĩ (1710), Thượng thư bộ Hình (1736)
4. Trịnh Bá Tướng, tiến sĩ (1721), Thượng thư bộ Công (1736)

(Có thể ghi thêm: Làng Phú Thị cũng là quê hương của danh sĩ Cao Bá Quát). Sách *Kinh Bắc phong thổ ký* (bản diễn ca) có câu thơ nói về chuyện một ngũ bốn thượng thư này:

Chinh linh đất Sùi ai bì

Thượng thư một ngõ bốn vì hiển vinh

*

* *

Làng Phú Thị có vinh dự đặc biệt ấy, thì làng Kim Đôi, huyện Võ Giàng, (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) lại có một vinh dự độc đáo khác. Cũng bài văn *Nôm Kinh Bắc phong thổ ký* trên đây viết:

Kim Đôi nhiều cuộc hiển vinh

Hai mươi lăm đáng khoa danh rõ ràng!

Một làng Kim Đôi mà có đến 25 người đạt khoa danh. Theo cách hiểu ngày xưa, có khoa danh tức là phải đậu cao, vào loại đại khoa. Rất tiếc là hiện nay, tra cứu theo sách *Đăng khoa Lục*, thì không tìm đủ danh sách 25 vị. Không đủ, nhưng cũng có đến 19 người có tên. Một làng nhỏ bé ngày xưa, có đến 19 người đỗ tiến sĩ! Thành tích học tập như vậy cũng đã quá hiếm rồi! Sau đây là danh sách của 19 vị đại khoa ấy.

1. Nguyễn Nhân Thiếp tiến sĩ 1466
2. Nguyễn Trọng Ý tiến sĩ 1469
3. Nguyễn Nhân Dư tiến sĩ 1472
4. Nguyễn Nhân Đạc tiến sĩ 1475
5. Nguyễn Nhân Bộ tiến sĩ 1466
6. Nguyễn Tất Tông tiến sĩ 1481
7. Nguyễn Hoàng Dĩnh tiến sĩ 1490
8. Nguyễn Nghĩa Dũng tiến sĩ 1490

9. Nguyễn Huân tiến sĩ 1493
10. Nguyễn Đạo Diễn tiến sĩ 1496
11. Nguyễn Cung Thuận ? 1496
12. Nguyễn Kính tiến sĩ 1496
18. Nguyễn Lý Quang tiến sĩ 1508
14. Nguyễn Đức Lượng tiến sĩ 1556
15. Nguyễn Năng Nhượng tiến sĩ 1562
16. Phạm Đình Châu tiến sĩ 1685
17. Nguyễn Quốc Quang tiến sĩ 1700
18. Phạm Nguyễn Đạt tiến sĩ 1757
19. Phạm Đình Dư tiến sĩ 1775

(Theo phong thổ ký, còn 6 người nữa chưa tra cứu được).

Tuy nhiên, đây chưa phải là nét độc đáo nhất vì thành tích này là của làng.

Trong số người đỗ đại khoa trên, còn phải chú ý đến truyền thống học tập của dòng họ. Đặc biệt là dòng họ của ông Nguyễn Nhân Thiếp. Điều làm cho mọi người ngạc nhiên là:

- Các ông Nhân Thiếp, Trọng Ý, Nhân Dư, Nhân Đạc, Nhân Bị, năm người, đều là anh em ruột và cùng đỗ tiến sĩ.

- Con cháu các ông cũng đỗ:

+ Nguyễn Hoàng Dĩnh là con của Nguyễn Nhân Đạc

+ Nguyễn Nghĩa Dũng là con của Nguyễn Nhân Bị

- + Nguyễn Đạo Di của Nguyễn Trọng Ý
- + Nguyễn Năng Nhượng là cháu của Nguyễn Nhân Bị
- + Nguyễn Quốc Quang là cháu của Nguyễn Năng Nhượng.

Cùng ganh đua với họ Nguyễn Nhân, phải kể đến:

- + Nguyễn Cung Thuận, Nguyễn Huân, Nguyễn Kính cũng là ba anh em, trong đó Huân và Kính là anh em ruột
- + Hai ông Phạm Nguyễn Đạt và Phạm Đình Dư cũng là hai anh em ruột.

(Theo Kinh Bắc phong thổ ký)

BẢY LÀNG KẼ ĐÁM, TÁM LÀNG KẼ HE KHÔNG ĐÁNH NỔI GIẶC QUÈ THANH TƯỚC

Giữa thế kỷ thứ 18, Nguyễn Danh Phương tức Quận Hẻo, nổi lên khởi nghĩa, đánh nhau với triều đình Lê Trịnh. Ông vốn người làng Tiên Hội (nên có tên là Hẻo), vì phải đi tập tễnh. Quan lại và lính tráng triều đình gọi ông là tên giặc què. Nhưng giặc què này lại rất tài giỏi, khiến cho triều đình bao lần ra dẹp mà không đánh nổi ông. Ông đã đặt đồn trại ở núi Thanh Tước, nay thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Quân triều đình phải huy động cả các làng Đám, làng He cùng với lính tráng quan quân kéo lên Thanh Tước mà không sao đánh nổi. Câu tục ngữ trên là để chỉ vào sự kiện lịch sử ấy.

Sau này, mãi đến năm 1751, chúa Trịnh Doanh phải đích thân cầm quân ra đánh mới dẹp yên được Quận Hẻo.

NGƯỜI NGHỆ AN, GAN THẠCH HÀ!

Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu bùng nổ làm rung chuyển cả Bắc Hà. Quận He - nhân dân gọi ông bằng cái tên lẫm liệt ấy - đi tới đâu là thắng lợi tới đó đập đổ thành trì, đánh quân triều đình tan tác. Các tướng lĩnh do chúa Trịnh phái ra chiến trường không ai dám chống cự. Chỉ mới nghe tiếng Quận He, họ đã trông trước, trông sau, muốn tìm đường tháo chạy rồi.

Ấy vậy mà có lần, một trận đánh diễn ra ở Sơn Nam, viên tướng của triều đình là Võ Tá Lý dám cầm quân đương đầu với quân khởi nghĩa. Tá Lý một mình một ngựa, xông xáo ngược xuôi liều chết mà đánh. Thế lực của đối phương rất mạnh, tên đạn rào rào bắn ngược bắn xuôi. Thủ hạ của Tá Lý đã nhiều người ngã xuống, một số chạy tán loạn. Một mảnh đạn bất thần trúng ngay vào mắt Tá Lý, làm lòi cả con ngươi ra. Tá Lý kêu trời một tiếng to, rồi giật ngay con mắt lòi tròng bỏ vào miệng nuốt chửng. Mặc cho máu me ràn rụa cắt, ông lại hăng hái vung gươm sấn vào đám đông. Cả quân lính triều đình và đông đảo nghĩa quân chứng kiến hành động ấy, ai cũng khiếp đảm. Vòng vây giãn hẳn ra. Võ Tá Lý mở được một đường máu để gặp đội tiếp viện, đẩy lùi được đối phương, rồi mới chịu cho tả hữu đưa ông về buộc thuốc.

Chính do hành động dũng cảm độc đáo này, mà từ đó, xuất hiện câu thành ngữ: “*Người Nghệ An, gan Thạch Hà*”. Nguyên quán của Võ Tá Lý ở xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (hội đó là trấn Nghệ An). Tuy nhiên, cũng không phải chỉ nhờ một mình Võ Tá Lý mà người ta khái quát được tính cách của cả vùng đất này. Họ Võ ở đây đời đời xuất hiện toàn là dũng sĩ.

Gia phả chép một loạt tướng, được phong tước quận công là Võ Tá Liên, Võ Tá Lý, Võ Tá Sát, Võ Tá Đoạn, Võ Tá Miện. Con trai Võ Tá Miện là Võ Tá Cơ đỗ tiến sĩ võ (gọi là tạo sĩ) đầu tiên trong nước ta (dưới triều Lê Bảo Thái). Rồi tiếp đó, dòng họ này, con cháu suốt mấy đời đều đỗ tạo sĩ: Võ Tá Dự, Võ Tá Dao, Võ Tá Lệ, Võ Tá Diệm... Sử ta chép đây là một họ thế tướng (đời đời sinh tướng) ở huyện Thạch Hà.

**LẮM TIỀN ÔNG CHOÁC, LẮM BẠC
ÔNG CHOAI LẮM NỒI ĐỒNG QUAI**

LÀ ÔNG LÁI CẢNH

Không biết câu chuyện này là thực đến mức nào, cũng không biết rõ thời đi chính xác, chỉ biết là chuyện xảy ra dưới thế kỷ thứ 18. Chuyện kể rằng ở làng Phú Phong nay thuộc xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú đã từng có một cuộc thi giàu. Ta biết rằng ngày xưa bên Trung Quốc đã có chuyện thi của giữa Vương Khải và Thạch Sùng, không rõ có phải người dân ta đã bắt chước để hư cấu nên chuyện này không. Hồi đó, làng Phú Phong là làng do những thương nhân giàu có, thường buôn bán trên sông nước, nên rất phát đạt, ai cũng khoe giàu, không ai chịu ai. Họ bằng lòng tổ chức một cuộc thi để cho cả làng chứng kiến.

Một ông tên là Choác, đã bày lên trên giường những vác tiền đồng, chất cao ngùn ngụt. Nhưng có ông Choai không chịu kém, ông rải lên trên chiếu toàn là những đĩnh bạc lớn làm loá mắt người xem. Nhưng họ đều phải khâm phục khi thấy một ông lái buôn thường gọi là ông Lái Cảnh đã bày khắp sân nhà mình những thứ đồ đồng như bình hương, đồ ngũ sự cùng các loại tượng đồng, chuông đồng và có cả nồi, niêu, mâm bát v.v... có kích thước rất lớn.

Cuối cùng cả làng đều phải công nhận giải nhất thuộc về ông này. Chuyện không kể thêm cho biết những con người giàu có như vậy có giúp ích gì cho làng xóm, đất nước hay không. Và cũng không rõ chung cuộc của họ là thế nào.

CHUYỆN VỀ VUA QUANG TRUNG

<ĐIỆU HÁT TRÔNG QU

Khoảng ấy là vào cuối năm Mậu Thân (1788) sang đầu năm Kỷ Dậu. Quân xâm lược Tôn Sĩ Nghị đã kéo vào Thăng Long, quân ta rút về Tam Điệp. Những người trai trẻ theo lời kêu gọi của nhà vua nô nức tòng quân. Vua đã tổ chức một cuộc duyệt binh ở làng Thọ Hạc (Thanh Hoá), mở tiệc khao quân, hẹn cho quân sĩ ăn Tết trước vào đêm 30 tháng chạp để đúng ngày

mồng 1 Tết thì cất quân. Hẹn trong 7 ngày sẽ mở tiệc chiến thắng tại Thăng Long, quét sạch kẻ thù, thu hồi toàn bộ lãnh thổ.

Đêm 30 tháng chạp, trong hồ trưởng nhà vua cùng bộ tham mưu và các tướng tá thân tín cất chén mừng xuân, vui vầy yến tiệc. Ngoài doanh trại, quân sĩ cùng đốt đuốc liên hoan, vui cười ca hát. Cạn chén tuần đầu, nhà vua đứng dậy cùng với một vài tùy tướng, dạo bước vi hành. Không khí quân doanh thật là nhộn nhịp. Người múa gươm, người diễu võ, người đánh vật, kéo co. Dưới ánh đuốc rực trời, từng nhóm chiến sĩ miền Nam, miền Bắc, vùng Thượng, vùng Kinh, bá vai nhau, chuyện trò rôm rả. Bỗng nhà vua nghe tiếng trống lạ ở cuối góc trại xa xa. Tiếng trống đồng lên, cứ ba tiếng một: thùng, thùng, thỉnh, rồi ngắt đi, nhường chỗ cho giọng hát hân hoan vọng tới. Vua cùng các tướng nhẹ nhàng đến gần một đám đông xúm xít quanh một quang cảnh đậm ấm và giản dị: hai hàng quân song song đối diện, một cái trống to để giữa. Một tráng sĩ đầu bịt khăn đỏ, thắt giải lưng xanh, cầm dùi trống đứng giữa, giơ cao dùi vừa múa vừa hát. Hát rằng:

Tay cầm dùi trống nghênh ngang

Tự nhiên biên hoá vô vàn giao long

Tay cầm dùi trống vẫy vùng

Đẹp yên cõi Bắc, nên công xứ Đoà> Trống tôi tích kẻ còn dài

Chúc vua thượng vị đời đời Nam bang

Hát xong, tráng sĩ nện ba dùi vào mặt trống, rồi gõ mạnh một cái vào tang. Thế là cả nhóm song song cùng cất tiếng hát. Họ cũng chỉ hát câu lục bát thôi, nhưng đến cuối câu lại lấy lại chữ cuối để tách thành ba tiếng nghe thật nhí nhảnh mà giục giã, hào hứng:

Qua quán Đông Thổ, vào làng... hương Đình Hương!

Vua Quang Trung hoàn toàn bị thu hút vào cuộc vui náo nhiệt ấy. Vốn nhà vua rất thích nghệ thuật dân gian (chữ dùng trong sách *Lịch sử Việt Nam* trang 361) mà điệu hát này thật mới lạ. Lần trước ra Bắc, tuy ở lâu, nhưng vua chưa được nghe đến bao giờ. Công chúa Ngọc Hân về cung

cũng chưa lần nào nhắc đến. Điệu hát thật là rộn ràng sáng khoái, rất thích hợp trong cảnh hành quân. Nhà vua len mình vào đám đông để nhìn thêm cho rõ. Mấy viên tùy tướng toan lên tiếng để cho đám đông rẽ lối, nhường chỗ, nhưng vua giơ tay ra hiệu không được làm cản trở tự do của mọi người. Song một người lính Tây Sơn trong đám đông đã nhắc thầy và buột miệng kêu lên:

- Chúa thượng!

Đám liên hoan dừng lại. Mọi người sửa sang quần áo thi lễ chào vua. Người tráng sĩ đánh trống toan quỳ xuống thì vua Quang Trung đã tiến đến gần, vỗ vai, ôn tồn bảo:

- Ta chỉ là người áo vải chốn hang sâu thối. Công sức là do chư quân chư tướng cả. Thế còn câu hát nói đến Đông Thổ, Đình Hương là thế nào?

- Tâu bệ hạ, đó là những tên làng, tên chợ ở chung quanh đây. Dưới cờ bách chiến của chúa thượng, trai xứ Thanh đâu đâu cũng náo nức xin theo. Cả bài dài hơn, xin rợng cho chúng tôi được hát.

Thế là cuộc hát trống quân lại tái diễn. Trước mặt nhà vua, họ càng phấn khởi, giọng hát hào hùng. Khí thế sôi nổi hơn, lời ca cũng thêm đậm đà tha thiết:

Thùng thùng trống đánh quân sang

Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đường

Qua Chiêng thì rẽ sang Giàng

Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương

Anh đi theo chúa Tây Sơn

Em về cày cuốc mà thương mẹ già!

Chuyện kể rằng khi tiến ra Bắc diệt Trịnh phù Lê, quân đội Tây Sơn đã được lệnh lập lại trật tự, kéo đi lùng sục các nơi để dẹp luôn những nhóm phản loạn chống đối. Mặc dầu quân lệnh rất nghiêm nhưng cũng không thể

tránh khỏi những hành động quyết liệt, nhất là khi tiêu diệt những bọn nấp vào đền chùa, làng xóm. Khu Văn Miếu có thể là nơi đã diễn ra những cuộc truy lùng ấy, và vì vậy có những lầu gác, nhà cửa đã bị phá phách, trong đó có cả nhiều tấm bia tiến sĩ. Nhân dân kinh đô Thăng Long rất không yên tâm về những sự thiệt thòi này. Không những người ta tiếc vì công trình bị hư hỏng, mà còn thấy bị xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng đối với nền văn hoá lâu đời của dân tộc. Họ nhất quyết phải bộc bạch nỗi niềm, phải đưa yêu cầu nguyện vọng lên tận vị chủ soái Tây Sơn để khiếu nại.

Nhưng muốn nói nguyện vọng thì làm cách nào? Thế lực quân Tây Sơn lớn mạnh, tướng tá đều nghiêm khắc. Vị chủ soái Nguyễn Huệ lại là người ai cũng sợ. Chỉ cần ông tỏ tay, đưa mắt là thiên hạ đã mất hồn (theo sách *Hoàng Lê nhất thống chí*). Nhất là kết tội lính Tây Sơn thì lúc này không một ai dám có can đảm.

Tuy vậy, dân làng Văn Chương vẫn không nhụt chí. Họ cố gắng chờ cơ hội. Chờ cho đến khi vua Quang Trung lên ngôi được ít lâu, chính lệnh đã ban bố được rõ ràng, họ mới tìm cách lựa lời dâng sớ lên. Họ tìm được một nhà nho nhờ viết bài sớ bằng văn nôm như sau:

“Chúng tôi một lũ dân cấy hái

Trái mùa, sinh vào trại Văn Chương

Trong khi cày ruộng, cuốc nương,

Vành ngoài trông vọng cung tường miếu Văn

Có một "thá" bần khoản trong dạ

Mượn thầy nho phô tả ra tờ

Dám mong lọt cửa quân cơ

Gió nam đưa tới dưới cờ ngài Quang Trung.

Bia Tiến sĩ dựng trong Văn Miếu

Khởi từ năm Đại Bảo thứ ba (1442)

*Xí vào Nhâm Tuất hội khoa
Thái Tông ngự trị thuộc nhà Hậu Lê.
R đó lệ về Quốc Giám
Trải ba trăm ba mươi tám (338) năm rông
Đến năm thứ bốn mươi hiệu Cảnh Hưng,
Vua Hiến Tông
Là khoa Kỷ Hợi (1779) cuối cùng hết bia.
Tính gồm lại số bia trong Giám
Cả trước sau là tám mươi ba
Dựng theo thứ tự từng khoa.
Bia kia sáu thước cách xa bia này
Nhà bia đủ đông tây mười nóc,
Vuông bốn bề ngang dọc bằng nhau
Mỗi bề hai chục thước Tàu,
Cột cao mười thước: có lầu chông diêm
Coi thể thể tôn nghiêm có một
Cửa vào ra then chốt quan phòng
Bốn quan nhất phẩm giám phòng
Ba cơ, bảy vệ canh trong, quét ngoài
Bia mới dựng đầy hai nóc trước*

Tám óc sau còn gác lưu không.
Năm năm chờ đợi bằng rông
Các quan bộ Lễ, bộ Công chiếu hành.
Kẻ cửa Khổng, sân Trình gang tấc
Đào tạo nên nhiều bậc anh tài
Một nhà văn hiến lâu dài
Tiếc thay chưa được đón Ngài ngự thăm.
Bốn năm trước, giữa năm Bính Ngọ (1786)
Ngài đem quân ra thú Bắc Hà,
Oai trời sấm sét thoảng qua
Cơ đồ họ Trịnh bỗng ra tro tàn,
Bia Tiến sĩ, vô can, vô tội
Mà vạ lây vì nổi cháy thành
Bia thì đập đổ tung hoành
Nhà bia thì đốt tan tành ra tro.
Có kẻ nói:
Tội ác ấy là do Trịnh Khải
Lúc sa cơ hẳn phải trốn ra
Cho vùi các bậc đạt khoa
Trước sau chẳng thấy ai qua theo mình>

Sau có một Nghè Canh ứng tiếp
Lại đưa nhâm vào mép hồ lang.
Đến khi việc đã nhờ nhàn
Giận người khoa giáp lại càng tím gan.
Nhân có cháu là Lan trốn lui
Khải trao cho một túi vàng kho
Dặn về thuê kẻ côn đồ
Phá bia tiến sĩ để cho bờ hờn.
Trịnh Lan cũng đang cơn giận bực
Trốn được về, tức tức làm ngay
Dân nghèo mộ được nhiều tay
Mấy trăm lính cũ cùng thầy tớ thân
Cho tiền bạc, cho ăn, cho uống,
Cho cuốc, vỡ, mai, thương, búa, đao
Thừa cơ binh lửa ồn ào
Phá bia, đốt Giám, lửa cao lưng trời.
Những lời trước là lời bịa tạc
Nào có ai đích xác mắt tai,
Hay chẳng quân lính nhà Ngài
Trong khi xung khắc, ra oai thị hùng.

i> Bia tiến sĩ bỗng không mà hoá đổ

Chẳng qua vì khi số xui lên
Xét soi nhờ lượng ở trên
Phá đi rồi lại dựng đền nay mai.
Chúng tôi chiếu lại hai lời ấy
Sự thực hư chưa thấy rạch ròi
Song lẽ việc đã qua rồi,
Chẳng chi bới móc tìm tòi uống công.
Chỉ xin được ngài trông vì nước
Dựng lại bia cùng nhà bia cho được y nguyên.
Trước là giáo dục kẻ hiền,
Sau là văn mạch rõ truyền dài lâu
Nấn ná nữa, mưa dầu, nắng dãi,
Dùng dằng rồi, ngày lại, tháng qua,
Cát vùi rêu phủ, chữ nhoà,
Tay sờ không thấy, lệ sa bằng thừa.
Muốn tìm lại dấu xưa, vết cũ
Ai là người khảo cổ cho hay?
Vậy nên mong ở ngày nay,
Một giờ nào sớm, càng hay một
Chúng tôi kịp mong chờ chiếu ngọc

Mong ngài trông vào nhà quốc học ngay cho

Chúng tôi mừng vận làng nho

Mừng hơn cày cấy mà trời cho được mùa,

Chúng tôi chúc nhà vua muôn tuổi

Vì nước nhà mở hội hà thanh

Còn bia tiến sĩ đề danh

Vẫn còn bàn thạch triều đình non Tây.

Bài sớ quả là tài tình, khéo léo. Lời lẽ nôm na mà chân thành, xúc động. Tác giả bịa ra câu chuyện đổ cho Trịnh Khải phá bia Văn Miếu, đồng thời còn kể lễ dài dòng, cốt làm cho những lời trách móc quân Tây Sơn ngắn hơn, nhẹ hơn song lại đanh thép hơn. Cuối cùng chỉ nêu một thực tế rõ ràng và yêu cầu cấp thiết xin nhà vua cho tu bổ lại gấp. Có thể, dân chúng còn "mừng hơn cày cấy mà trời cho được mùa".

Vua Quang Trung là con người thông minh và phục thiện. Nhà vua đọc lá sớ và thấy ngay sự khôn ngoan, khéo léo của tác giả thay mặt cho đám dân chúng hóm hỉnh và sâu sắc này. Ông hiểu rõ chính đám quân lính hùng hổ của ông, trên đà càn quét bọn địch, không biết tự kiềm chế, nên đã gây thiệt hại. Điều tất nhiên có thể xảy ra, đã xảy ra rồi, và chính ông, vị chủ soái phải chịu trách nhiệm. Ông mỉm cười về câu chuyện tác giả bịa ra thủ đoạn trả thù của Trịnh Khải. Khôn ngoan đấy, nhưng cũng buồn cười. Họ tưởng vua mà không dám nhận lỗi chẳng? Thôi được, ta cũng sẽ đùa với họ cho vui.

Nghĩ thế rồi, nhân đà hào hứng, Quang Trung cầm bút son phê ngay vào đề. Điều thú vị là nhà vua cũng tỏ ra là một... tâm hồn thi sĩ giỏi khoa trào lộng. Ông viết:

Ta không trách nông phu

Ta chỉ gớm thầy nho

Cả gan, to mật dám kêu vua bằng Ngài!

Thầy nho là ai ?

Sắc cho bộ hỏi, dân khai...

Rồi tiếp đó, nhà vua ghi luôn ý kiến giải quyết vấn đề nhà bia bị phá, cũng bằng thơ:

Thôi thôi! Thôi việc đã rồi

Trăm nghìn hãy cứ trách bồi vào ta

Nay mai dọn lại nước nhà

Bia nghề lại dựng trên toà muôn gian,

Cơ đồ họ Trịnh đã tan

Việc này cũng đừng có đổ oan cho thằng... Trịnh Khải!

Được lời vua phê vào sớ, dân trại Văn Chương sướng rơn! Họ trăm trò thần phục Quang Trung là người phục thiện, dám đường hoàng nhận lỗi, và đã hứa hẹn "dựng lại bia nghề trên toà muôn gian". Và nhất là, qua lời phê thì khoảng cách vua và dân đã rút ngắn lại rất nhiều. Không phải là hố ngăn trên dưới, sang hèn mà là một sự gần gũi thân mật. Còn câu hỏi: Thầy nho là ai? Không biết họ có khai rõ ràng lên bộ để trình lại cho vua biết không. Nhưng chắc chắn họ đã tổ chức tiệc mừng để cảm ơn nhà nho ấy. Vì thế mà bây giờ, trong quyển sách cũ *Tam Nông truyện biểu*, có chép bài sớ này, cho ta biết tác giả tên là Hà Năng Ngôn, có hiệu là Tam Nông tiên sinh.

MỘT CÁCH TRỊ TỘI GIÁO DÂN THEO LỆNH TRIỀU ĐÌNH

Những năm giữa thế kỷ XIX là những năm nước ta xảy ra nhiều vụ rắc rối về việc tôn giáo. Trong số những người nước ngoài đến giảng đạo, có rất

nhiều kẻ đội lốt thầy tu đã trắng trợn chỉ đạo các cuộc nổi loạn chống lại triều đình. Khá đông giáo dân đã bị lôi kéo, lợi dụng, và cũng không ít những người cầm đầu các phong trào phản nghịch, nhất là ở các vùng Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh... Triều đình Huế lúng túng, hoảng hốt, không có chính sách tôn giáo rõ ràng, ghép bừa đông đảo giáo dân vào tội phản nghịch, bắt giam, cầm tù hàng loạt. Năm đó, theo lệnh từ kinh đô truyền ra, tỉnh Hải Dương phải xử tử năm trăm người. Quan tổng đốc Hải Ninh Nguyễn Quốc Cẩm phải thi hành bản án.

Ông Nguyễn vô cùng lo lắng! Giết một lúc năm trăm người! Mà trong số đông hoạn chẳng chỉ có số ít người thực sự là kẻ hại dân phản nước. Chắc chắn hầu hết đều là dân nghèo hiền lành, bị lường gạt, ép buộc hoặc theo hùa, chỉ vì họ ngoan đạo, họ tin tưởng ngây thơ vào chúa mà thôi. Đành là theo chúa, họ không thờ cúng tổ tiên, không theo thần Phật như dân lương, song như thế thì làm gì đã đến tội tử hình. Mạng người chứ có phải sâu kiến đâu. Làm quan "phụ mẫu chi dân", sao lại đang tay giết dân như vậy. Nhưng không thi hành lệnh của triều đình, thì mình cũng bị ghép vào tội phản nghịch, cũng sẽ thành bè đảng của bọn cha cố phản động! Thật là n giải.

Ông Nguyễn ngày đêm suy nghĩ. Bỗng ông nảy ra một ý định dứt khoát, ông lập tức thảo sớ về triều đình. Lời sớ đại ý nêu rõ là quan tỉnh xin làm tròn nhiệm vụ chấp pháp. Nhưng nếu đem bọn giáo dân từng người ra chém thì mất nhiều ngày tháng mà lại gây dư luận căng thẳng, hãi hùng. Đó là chưa kể những bọn khác có thể nhân cơ hội làm loạn, cướp tù, trả thù... Ông xin hiến một kế gọn: bí mật đương đêm nổi lửa đốt trại giam, làm như vậy chỉ một lúc mà thủ tiêu được tất cả năm trăm tên tội phạm.

Lời đề nghị được trên đồng ý. Lập tức Nguyễn Quốc Cẩm cho mời một số quan lại cao cấp (bộ chánh, án sát) họp bí mật để thực hiện kế hoạch: Các quan phải trực tiếp chỉ đạo việc này, và những người nha lại, lính tráng được sử dụng đều phải hết sức giữ gìn kỷ luật, chấp hành nghiêm túc, kế hoạch cụ thể như sau:

1. Quan án sát phải cho làm ngay một trại giam mới, xa tỉnh lỵ. Năm trăm giáo dân phải đưa vào giam cả ở đó.

2. Quan lĩnh binh phải kín đáo chuẩn bị củi, rơm tẩm dầu khô ở một nơi gần các trại giam. Khi có lệnh thì nhất tề phát hoả.

3. Quan bố chánh phải chuẩn bị:

- Cho bọn giáo dân ăn một bữa thịt bò, đúng như ân huệ đối với các án tử hình. Nhưng để giữ bí mật, phải cho ăn trong các buồng giam, xương phải vớt tại chỗ, không được đổ ra ngoài.

- Khi ăn xong, bắt chúng phải thay quần áo, cấp cho mỗi đứa một bộ quần áo ăn mày. Còn bao nhiêu quần áo, tượng chúa, cây thập ác, kinh sách v. v... phải tháo cả ra, để riêng một chỗ.

4. Giờ giặc thi hành án sẽ do quan tổng đốc ban ra. Khi chưa có lệnh thì nhóm quân lính đượ việc phải túc trực một nơi, cấm không được ra ngoài. Dân chúng quanh vùng đều không cho đến gần trại. Cả lúc phát hoả rồi, cũng không được đến cứu.

Mọi việc đều được thi hành đúng như lệnh của ông.

Ông chọn đêm hành hình là một đêm ba mươi, trời tối đen như mực. Từ cuối canh hai, Nguyễn Quốc Cẩm bí mật cho người vào trại. Mấy trăm giáo dân đã mặc quần áo ăn mày ngồi hoang mang, lo sợ. Ông cho mở cửa riêng, lệnh cho tất cả bọn họ ra ngoài nhà giam và phải lập tức đêm nay rời khỏi địa hạt Hải Dương, đóng vai hành khất đi lang thang kiếm chỗ sinh sống. Tất cả vui mừng như chết đi sống lại. Không đây một tiếng đồng hồ, họ đã biến sạch, không còn một người nào trên đất Hải Dương.

Mãi đến đầu canh năm, Nguyễn Quốc Cẩm mới ra lệnh phát hoả. Lửa bốc cao, cả trại giam bị thiêu trụi. Quan án sát và quan lĩnh binh đến trình việc đã xong. Nguyễn Quốc Cẩm ra lệnh cho quân sĩ đến thu dọn. Các tro tàn, quần áo, kinh sách, thánh giá, dây đeo cháy dở dang cùng những mẫu xương cháy thui đều được dôn đống, đem chôn ở một miếng đất riêng, gọi là "Mả nguy".

Dân chúng dần dần cũng biết việc đốt trại giam này. Họ ngầm oán trách triều đình, có kẻ căm giận ông Nguyễn. Nhưng cũng có những kẻ thù của ông nghe phong thanh câu chuyện đã làm giấy tổ cáo ông chỉ đốt trại

không. Triều đình sai người ra điều tra hư thực. Ông cho đào lại mả nguy, chỉ cho phái viên thấy những mẩu xương bị cháy, những mẩu quần áo, tròng hạt, ảnh, tượng bị thiêu. Bằng chứng thật rõ ràng. Những lời tố cáo ông chỉ là lời vu cáo>

NGƯỜI CON TRAI CỦA THẦY DẠY PHAN BÁ VÀNH

Phan Bá Vành là một thủ lĩnh nghĩa quân đã dựng cờ chống lại nhà Nguyễn, dưới triều Minh Mệnh. Khí thế và tài năng Phan Bá Vành đã khiến triều đình run sợ. Nhân dân ngưỡng mộ ông. Đã có câu ca dao truyền lại:

Trên trời có ông sao Rùa

Ở dưới hạ giới có vua Ba Vành.

Hoặc: *Ở làng Minh Giám có vua Ba Vành.*

Chính sử chép kỹ về phong trào Phan Bá Vành, nhưng cũng có nhiều chi tiết chưa đề cập tới. Thí dụ tài võ nghệ siêu quần của Phan Bá Vành do đâu mà có. Ông học võ ở đâu? Thầy học ông là ai? Những cuộc điều tra thực địa ở trên đất Thái Bình sẽ trả lời được câu hỏi đó.

Các cố lão ở huyện Kiến Xương (tỉnh Thái Bình) cho biết: Phan Bá Vành quê ở làng Minh Giám (sau đổi thành Nguyệt Giám, nay là xã Minh Tân). Cách làng này chừng mười cây số là làng Bắc Trạch, có một lò võ nổi tiếng. Thầy dạy võ ở làng này là ông Phạm Trần Thiện, một vị tướng của vua Lê Chiêu Thống. Khi ông vua này chết bên Trung Quốc, Phạm Trần Thiện về dạy võ ở quê nhà, sống âm thầm với con cháu. Bốn con trai của ông cùng một số trai trẻ xa gần, trong đó có Phan Bá Vành đã được ông truyền cho những bí quyết của nghề võ. Hai học trò xuất sắc của ông là Bá Vành và Ba Răng, người con thứ ba của ông. Họ sở trường về môn siêu đao, song kiếm. Đã có câu về ca ngợi họ:

Ba Vành, Ba Răng hai đao

Tráng ra thì bảy, lộn vào thì ba.

Nghĩa là hai người này, vung đường đao rộng thì ít nhất bảy người mất đầu, vung đường gươm hẹp thì chém rơi ba thủ cấp.

Khi Bá Vành dựng cờ khởi nghĩa, Phạm Trần Thiện đã mất rồi. Những người con của ông không theo Bá Vành, họ vâng lời cha, học võ chỉ để giữ mình, chứ nhà Lê đã mất, không nên đem sức lực ra phò tá ai nữa.

Tất cả các tướng lĩnh lớn nhỏ do Minh Mệnh cử ra Bắc cùng bọn quan quân ở Thái Bình, không một ai địch nổi Bá Vành. Đương trường chiến đấu, người nào cũng bị thua thảm hại. Một số người ở Kiến Xương, biết tiêu sử của Bá Vành đã hiến kế.

- Nên mời Ba Răng, con trai của Phạm Trần Thiện ra làm tướng đối địch với Bá Vành mới có khả năng thắng được. Có hai lý do: Một là Bá Vành, Ba Răng cùng học với nhau, biết được ngón võ của nhau, hai người lại tương đương sức lực. Hai là Ba Răng là con ông Thiện, theo đạo lý thì đứng vào hàng thế huynh (học trò phải xem con thầy giáo là anh). Bá Vành chắc phải có sự nhường nhịn.

Triều đình nghe mẹo ấy, cho người đến làng Bắc Trạch mời Ba Răng. Ba Răng vui lòng đến gặp chỉ huy ở ngay phủ lý Kiến Xương. Quan quân kể lể sự tình và hí hửng chờ đợi sự đồng tình hỗ trợ. Không ngờ, nghe thủng câu chuyện, Ba Răng nghiêm trang trả lời:

- Xin thưa thực với các ngài rằng, tài tôi không địch nổi Bá Vành. Mà ngay bố tôi còn sống cũng không chống được. Các ngài không biết rằng, đã có lần trong đêm tối, hai thầy trò đánh lằm nhau, bố tôi đã bị học trò mình đánh gãy. Nhờ tiếng kêu của bố tôi mà Bá Vành nhận ra thầy học, vội vàng bỏ chạy. Trước khi mất, bố tôi có dặn rằng: Nếu không đi với Bá Vành thì chớ chống lại nó. Tôi không thể làm trái lời dặn của bố tôi. Xin các ngài miễn cho.

Nói xong, Ba Răng xin phép trở về với ruộng đồng khoai lúa của mình, để mặc cho bọn quan quân nhà Nguyễn hoang mang, chung hửng.

(Sưu tầm thực địa và tham khảo sách *Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành* - 1983, *Thái Bình xuất bản*)

MƯỜI HAI MÂM LỄ VẬT

Quan bố chánh Hà Nội chuẩn bị thật là chu đáo. Đoàn mang lễ vật tất cả gồm 12 nam nữ, quần áo chỉnh tề đẹp đẽ thắt lưng lụa màu, mỗi người đầu đội một cái mâm, lòng bàn sơn son đây kín. Mười hai mâm ấy có cả vàng bạc, rồi mâm đựng sâm quế, vóc nhiều và các thứ vật quý khác. Trưởng đoàn là một viên thông phán thạo khoa ăn nói. Chờ lúc sẩm tối, quan bố gọi cả đoàn đến dặn thêm cho chu đáo, rồi cho phép ra đi.

Đoàn mâm lễ vật đi rồi, quan bố ngồi chong đèn trong dinh, chờ đợi. Quan vừa suy tính một mình:

- Cái ông Khâm sai này vốn cũng quê Đường Lâm gần Hà Nội đây thôi, xuất thân là chân đốc học, vào Huế làm quan lâu nay nghe nói cũng chẳng khâm khá gì. Mà nhà cửa ông ta ở Đường Lâm th cũng nhếch nhác lắm. Bốn thằng con đã lớn chỉ loay hoay với sách vở ruộng đồng, cũng chẳng làm nên gì cho có đồng vào đồng ra. Nay được ta dâng món quà hậu hĩ thế này, câu chuyện của mình nhất định xong.

Tự nghĩ như thế, quan bố mỗi lúc một yên tâm và gật gù ra chiều thú vị. Quan với tay lấy bình rượu trên bàn, rót một chén để tự thưởng cho mình. Rồi mềm môi, quan rót chén thứ hai, thứ ba. Bình rượu cạn thì quan bố say mềm, ngủ lã trên sập lúc nào không biết. Khi mở mắt ra thì trời sáng bạch.

Vừa kịp rửa mặt mày, quan bố đã thấy lính bên dinh Đốc hộ đến thúc phải sang ngay quan Khâm sai hỏi chuyện. Hốt hoảng quan chỉ kịp hỏi người nhà một câu ngắn ngủi:

- Thế cái bọn mang lễ vật tối hôm qua đã về chưa?

Người nhà đáp:

- Đã về hồi đầu canh hai, nhưng thấy quan lớn ngủ say, không ai dám đánh thức cả ạ. Dạ, họ đã mang đủ 12 mâm về nguyên vẹn.

Quan bố càng hoảng hốt:

- Thế à? Chết tao rồi...

Quan chưa nói hết thì lại tiếp một toán lính khác sang thúc giục đi ngay.

Không phải giải thích dài dòng gì, quan khâm sai ngồi nghiêm nghị trên công đường, ra lệnh lột mũ áo và sai tổng giam quan bỏ vào ngục ngay sáng hôm ấy.

*

* *

Thì ra câu chuyện như sau:

Giữa lúc tình hình đất nước gay go, ngoài Bắc loạn lạc, trong Nam thì thực dân Pháp đã chiếm các tỉnh phía đông rồi phía tây. Dân chúng khắp nơi vừa chịu đau khổ, vừa lâm vào túng thiếu. Thế mà ở tỉnh Hà Nội, các quan tỉnh vẫn có nhiều người phè phỡn, tham ô bóc lột của dân, biến thủ công quỹ. Nhiều người biết viên bố chính nói trên là một thủ phạm nặng nề nhất. Tiếng đồn dậy cả phố phường, lan vào cả triều đình Huế. Muốn yên bụng dân chúng, nhà vua phải cử người ra tra xét. Vị khâm sai được lĩnh sứ mệnh này là ông Cát Văn Tuy, nguyên là một nhà giáo chuyển sang chính giới, nổi tiếng cương trực thanh liêm. Thấy tình hình nguy cấp, quan bố đã lập mưu dứt lốt quan khâm sai, và bố trí người mang lễ vật đến như trên ta đã biết.

Cát Văn Tuy vừa ra đến Hà Thành, ông đang tạm nghỉ ngơi để bố trí thời gian trò chuyện với các quan tỉnh, thì gia đình ông ở Đường Lâm đã biết tin ngay. Bà vợ ông cho cả bốn cậu con trai lên thăm bố, dặn rằng khi xong việc quan, ông nên ghé về nhà kéo thời gian ở Huế đã quá lâu rồi.

Đêm hôm đoàn mang lễ vật tìm đến chỗ quan khâm sai nghỉ ngơi, là đêm đầu tiên ông đón bốn cậu con trai. Mấy cha con đang kể lễ chuyện trò thì người thông phán vào dâng lễ. Người này cũng khéo léo giữ lễ, và biết lựa lời lắm. Quỳ trước sập quan khâm sai, anh ta nói ngọt ngào trân trọng:

- Bẩm quan lớn, quan bố chúng tôi được tin đại nhân ở trong kinh mới ra, xin có chút lòng thành gọi là quà mọn, để đại nhân dùng tạm.

Cát Văn Tuy hiểu ngay cơ sự. Nhận trách nhiệm tra xét tình hình, ông đã thu thập được nhiều tin tức. Và chính đây là chứng cứ khẳng định những lời

tố cáo của nhân dân. Nhưng ông vẫn ôn tồn, bình tĩnh. Ông cho phép viên thông phán đứng chờ, rồi quay lại nói với bốn cậu con:

- Lâu nay thầy đi làm xa, không giúp đỡ được gia đình, chắc ở nhà cũng túng thiếu. Nay quan bố lại có nhã ý giúp đỡ ta. Vậy cho các con nhận về để đỡ đàn cho mẹ.

Mấy cậu con nhìn nhau rồi lại nhìn bố có vẻ ngạc nhiên. Từ lâu, ông vẫn có tiếng nghiêm khắc, từ cái kim sợi chỉ của ai cũng không được phép tơ hào. Các cậu nhanh chóng hiểu ra là ông bố cũng nhân đây mà thử xem bọn trẻ này có tính tham lam, thấy vàng có tối mắt hay không.

Cậu con trai cả thay mặt các em thưa với bố:

- Thưa thầy, thầy đi làm xa, mẹ chúng con cũng tần tảo đủ ăn, còn chúng con vẫn chăm việc ruộng đồng, riêng con còn đi dạy học kiếm thêm. Chúng con không dám nhận đâu ạ.

Cát Văn Tuy quay lại viên thông phán:

- Anh thấy đấy. Ta đã bảo mà các cậu ấy không nhận. Thôi anh đem về trả lại quan bố.

Câu chuyện sớm được lan truyền rộng rãi khắp 36 phố phường. Dân chúng ca ngợi quan khâm sai Cát Văn Tuy, nhắc đến "mười hai mâm lễ vật" như một hiện tượng hiếm thấy xưa nay.

CHI CHI CHÀNH CHÀNH

Chi chi chành chành vốn là một bài đồng dao quen thuộc, nhưng có rất nhiều dị bản, mỗi dị bản có một cách giải thích khác nhau và đều mang tính chất dã sử.

Có bản nói là để ám chỉ tình hình cuối thế kỷ 18. Có ba phương ngữ để là Quang Trung, Thái Đức, Gia Long.

Có bản nói là để chỉ thời kỳ Pháp chiếm Huế, vua Tự Đức chết (con ngựa đút cương) rồi bốn tháng ba vua: Dục Đức Hiệp Hoà, Kiến Phúc v.v...

Bản dưới đây lại là bài dã sử ghi cả một thời đại từ nhà Đinh cho đến nhà Lê. Bài như sau:

Chi chi chành chành

Cái đanh mắt mậ (nhà Đinh mất ngôi)

Hột mận mắt đa (nhà Lý suy đồi. Lý là quả mận)

Con gà mắt cựa (nhà Trần hèn yếu. Trần Nghệ Tông tuổi đậu, cầm tinh con gà)

Con ngựa mắt cương (cha con nhà Hồ bị nhà Minh bắt)

Lê vương thượng đế (Lê Lợi lên ngôi)

Ba chạ ăn mừng (hàng xóm vui vẻ. Chạ là một làng. Ba chạ để nói số nhiều)

Chu chi lại hợp (đất nước chia cắt lại hợp lại)

Chưa rõ dị bản này chính xác đến đâu. Nhưng rõ ràng đây là một cách chép sử của quần chúng.

HÒN KIM TRÔNG TỚI ĐÁ CHỒNG - CẢM THƯƠNG ÔNG QUẢN KHĂN HỒNG NĂM XƯA

Câu hát xuất hiện ở Quảng Nam trong thời kỳ Nghĩa hội Cần Vương hoạt động (cuối thế kỷ 19). Hòn Kim còn gọi là núi Đùng, một trong năm ngọn của Ngũ Hành Sơn (Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ). Đá Chồng là tên một khúc sông chảy từ Vĩnh Điện ra tới Hàn.

Ông Quán, tên thực là Nguyễn Diêu người ở xã này là xã Hòa Hải, huyện Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Ông chỉ là một nông dân bình thường nhưng có lòng yêu nước mãnh liệt. Chưa tham gia vào hàng ngũ nào cả, ông đã tỏ chí bất bình, giết chết một lính Pháp ngay tại đoạn sông Đá Chồng. Nhà lãnh tụ của Nghĩa hội Cần Vương biết chuyện rất khuyến khích phong ngay cho ông làm Quán cơ hương binh, và tặng ông một chiếc khăn điều có thêu bốn chữ: Trảm nhất khuyến ung (giết được một tên chó). Ông rất tự hào, đi đâu cũng đội cái khăn điều này, nên dân chúng gọi là ông Quán Khăn hồng (hay ông Quán Điều). Sau ông bị Pháp bắt, chém bêu đầu ba ngày ở chợ Hà Thân (tháng 3-1887).

THỨ NHẤT ANH CẢ TRUNG ĐỒNG

THỨ NHÌ ANH CÔNG KẼ THƯỢNG

THỨ TƯ QUAN THỌ LÀNG CHIÊN OAI PHONG

Mấy câu ca đề cao những thủ lĩnh nghĩa quân ở huyện Yên Phong tỉnh Bắc Giang, hồi cuối năm 1884 đã nổi lên hưởng ứng ông Tán lý Nguyễn Cao chống Pháp được nhân dân hoan nghênh:

- Anh cả: tên thật là Hắc Công Thoả ở làng Trung Đồng, huyện Yên Dũng. Ông này còn tham gia đánh cả bọn thổ phỉ Trung Quốc là Ngô Côn.
- Anh Công là một thủ lĩnh quê ở Kẻ Thượng, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong.
- Anh Tướng cũng quê Yên Phong nhưng là người làng Phù Yên.
- Quan Thọ là ông Hoàng Mao quê ở làng Chiền, thuộc xã Tam Đa. Làng Chiền tên chữ là Thọ Đức. Ông Mao có giữ một chức quan, nên theo tên làng mà gọi là quan Thọ. Cả mấy ông đã hợp sức để chống nhau với quân

Pháp, có lần đã vượt sông Cầu tấn công Pháp bên Bắc Ninh. Tuy cuối cùng, đều bị đàn áp, nhưng nhân dân đã ca ngợi các ông.

THỨ NHẤT ÔNG CAI - THỨ HAI ÔNG ĐỀ

Ông Đề là ông Đề Thám (có nhiều bài về nói về vị lãnh tụ này) . Nhưng câu này đặc biệt nêu cao vai trò ông Cai là thứ nhất. Ông Cai tức là Cai Kinh, tên thật là Hoàng Đình Kinh, quê ở hện Hữu Lũng, Lạng Sơn. Sở dĩ nói ông Cai thứ nhất, là vì trước khi thành vị lãnh tụ Yên Thế, ông Đề Thám đã từng tham gia vào cuộc khởi nghĩa do Cai Kinh lãnh đạo.

Gọi là Cai Kinh, vì ông có làm Cai tổng. Năm 1882 ông đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Tây Nùng Việt chống lại quân Pháp đến xâm lăng Bắc Kỳ. Ông đặt căn cứ tại dãy núi Hữu Lũng (trên đường Hà Nội lên Lạng Sơn), tập hợp được lực lượng, đường hoàng tự lập để chống Pháp... Đến tháng 6 - 1888 thì phong trào thất bại, ông phải hi sinh.

Ngày ấy, dân ta đã đặt tên cho dãy núi ở Hữu Lũng này là núi Cai Kinh, nay thành tên chính thức. Sau khi Cai Kinh mất, em ông là Cai Bình còn tiếp tục lãnh đạo phong trào được một thời gian nữa.

AI VỀ ĐÔNG CHỮ

Ai về Đông Chử làm ơn

Hỏi thăm con cháu cụ Sơn thế nào?

Hỏi Canh ? - Len lỏi đâu đâu

Hỏi Đường? - Tây đã chặt đầu thương sao!

Hỏi Bao - Một đấng anh hào

Vào sinh ra tử mấy tao vượt vờ

Hỏi Đô? - Quản thúc một nơi

Chim lồng cá chậu, suốt đời thì thôi.

Đông Chũr là một làng, thuộc huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Bài ca trên đây là bài nói về cả gia đình cụ Sơn, tên thực là Nguyễn Thức Tụ.

Cụ Tụ đỗ cử nhân năm 1876, được cử giữ chũr Sơn phòng sứ, nên gọi là cụ Sơn. Khi vua Hàm Nghi bị bắt, cụ bỏ quan về nhà dạy học. Các chí sĩ trong phong trào Duy Tân, Đông Du, phần lớn đều là học trò của cụ, như các ông Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... Cụ được mọi người nhất trí tôn là một vị thầy cao quý nhất, không chỉ "dạy chũr" mà chủ yếu là "dạy người". Khi cụ mất (1917), Phan Bội Châu gửi lời điếu, có câu: "*Kinh sư dị đắc nhân sư nan tầm*" (Thầy học về kinh truyện dễ có, thầy học về nhân cách khó tìm).

Không phải chỉ có những học sinh của Nguyễn Thức Tụ mới tham gia cách mạng. Bốn người con trai của cụ đều hoạt động phong trào Duy Tân, Đông Du và đều bị đế quốc Pháp khủng bố. Bài ca trên đây đã nhắc đến tên của bốn người ấy: Nguyễn Thức Cảnh, Nguyễn Thức Đường, Nguyễn Thức Bao, Nguyễn Thức Đô. Trong số những người này, nổi bật là Nguyễn Thức Đường, có tên là Trần Hữu Lực, một yếu nhân của Việt Nam Quang Phục hội, đã hoạt động ở Nhật, bị bắt ở Xiêm, và bị xử bắn ở Bạch Mai (Hà Nội) năm 1916.

CHUYỆN TỨ HỔ Ở NGHỆ AN

Tứ Hồ không phải chỉ được tính trong giới văn chương. Những người ngang tàng, những võ sĩ cũng được đưa vào hàng tứ hổ. Tại Nghệ An, vùng Nghi Lộc, hồi thế kỷ 19 tổng Đặng Xá cũng có tứ hổ. Câu thành ngữ quen thuộc là: *Đặng xá tứ hổ Thái Bảo Yên Cương*.

Đó là bốn ông: Hoàng Phan Thái, Nguyễn Hữu Chính (tức Bảo), Nguyễn Văn Yên và Nguyễn Văn Cương. Trong phong trào Cần Vương và Duy Tân ở Nghệ Tĩnh, người ta cũng trầm trồ về bốn người dũng sĩ, xuất hiện vào ra trên dãy Hồng Lĩnh, làm cho quân Pháp và bọn tay sai mất ăn mất ngủ. Dân

chúng nhắc đến: "Hồng Sơn tứ hổ": Quảng, Quyên, Trang, Hét. Đó là các ông Ngô Quảng, Đới Quyên, Đỗ Đức Trang và Lê Tất Hiệt, những người kiên quyết đánh Pháp đến cùng.

Ngược dòng lịch sử, còn có câu ca dao:

Thứ nhất phủ Thật, phủ Thà

Thứ hai Hầu Hữu, thứ ba thím Lường

Các cụ bảo rằng bốn người này giàu nhất nước, hồi đầu thế kỷ XVIII. Họ đã cho chúa Trịnh vay tiền làm quân lương đi đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Chưa tra cứu được trên thực tế tên của họ là gì, trừ có ông Hầu Hữu. Một bản gia phả tìm thấy ở xã Hoàng Sơn, huyện Nam Đàn cho biết Hầu Hữu tên là Nguyễn Đình Tuấn.

Lại còn có câu hát:

Thứ nhất ông giáo Ngoc Ma

Thứ hai Công Khải, thứ ba Cao Bằng.

Câu này là để tôn vinh ba người nổi tiếng đức độ, nghiêm minh, thường bênh vực cho những người oan ức. Cả ba đều cùng quê ở huyện Can Lộc. Ông giáo Thụ ở Ngoc Ma có tên là Phan Kim. Ông công Khải tên thực là Nguyễn Văn Toại, là cháu sáu đời của tể tướng Nguyễn Văn Giai. "*Thứ ba Cao Bằng*" mấy chữ này đặt hơi ép, nhưng hát lên, người địa phương hiểu ngay là chỉ vào ông Lưu Công Đạo. Ông này là bạn học của Nguyễn Công Trứ, cũng đỗ cử nhân và có làm quan ở tỉnh Cao Bằng.

MỜI CỌP LÀM LÝ TRƯỞNG

Ngày trung thu năm Bính Thân (1896), ông cử Châu Giang là Bùi Tử Mai thuật chuyện:

“Theo lời cụ thân sinh ra ông, có xã thuộc tỉnh Khánh Hoà, ở lẫn bên rừng, hàng năm, cứ đến chiều ba mươi tết là họp kỳ lão trong làng, liên doanh liên kết, lập giấy bảo cử cho cọp làm lý trưởng. Họ biện xôi, rượu, làm thịt một con lợn đặt lên mâm, trên để tờ giấy bảo cử, ghi rõ là đã nhất trí cử cọp làm lý trưởng của làng,

Thế là, trong cả năm ấy, dân làng ai vào rừng kiếm củi, đào khoai mài, lấy củ nâu, hễ nghe thấy tiếng cây cối rung động, đều kêu to lên: ông lý ơi ông lý, tôi là người trong làng đây, đừng có làm. Hoặc có khi họ kiếm được lâm sản chất đống trong rừng, không kịp đưa về, cũng hô lớn: "Đây là của người làng, nhờ ông lý trông hộ, đừng để ai lấy trộm".

Vậy mà kết quả rất kỳ lạ. Cả năm, dân làng không ai bị cọp vồ. Có lần, có người làng khác đến lấy trộm củi, bị cọp đuổi cho bỏ chạy. Lại có lúc, ruộng nương ven núi bị khỉ ra phá phách, chức dịch trong làng trèo lên cây cao, nói to: “Bọn khỉ ra ngắt lúa, làm hại ruộng nương của dân, ông lý không biết hay sao mà để chúng tác quái như vậy?” Thế là ngày hôm sau, thế nào dân làng cũng thấy vài ba con khỉ chết ở bờ ruộng. Tai hoạ mùa màng nhờ thế mà tránh khỏi.

THÀNH HOÀNG... SỐNG

Dân chúng và chức dịch làng Yên Lạc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá bản khoăn lo lắng vì tình hình của làng: nhiều bệnh tật xảy ra, việc sinh hoạt làm ăn gặp nhiều trở ngại và ngày càng sa sút. Có người, chẳng biết căn cứ vào đâu, mách cho làng biết là phải vào tận làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mời cho được một ông quan đã nghỉ hưu, đã nhiều năm làm việc ở Thanh Hoá về làm Thành hoàng (!) thì mới yên ổn được (?)

Làng đã làm theo lời khuyên ấy. Họ cho người đi Quỳnh Đôi tìm hiểu tình hình. Quả thực, ở đây có ông Hoàng Mậu, đỗ phó bảng năm 1895, được cử làm quan ở Thanh Hoá trong thời gian khá dài. Từ năm 1897, ông đã làm tri huyện Nông Cống, rồi tri huyện Quảng Xương. Tính người cương trực, ông không chịu quy lụy quan trên, nhất là đối với bọn quan chức người Pháp, ông ngang nhiên chống đối. Chúng không cho ông làm quan nữa, đổi sang làm Giáo thụ ở Thọ Xuân (cũng thuộc Thanh Hoá), rồi về hưu trong cảnh nghèo nàn, ngâm thơ, uống rượu làm vui.

Điều tra cụ thể rồi, dân làng Yên Lạc sắm sửa lễ vật, đến nhà Hoàng Mậu xin rước ông về làm... Thành Hoàng! Hoàng Mậu không hiểu đầu đuôi thế nào cả. Nhưng ông vẫn chiều theo ý họ. Đến nơi, dân chúng giành cho ông một chỗ ở ngay trong đình làng và cũng... cúng lễ ông như một vị thần vậy. Ông hết sức từ chối, bảo mình là người chứ không phải là thần. Song ông cũng không thể bỏ về, mà vui lòng ở lại với bà con, nhận làm một vị tôn trưởng, bày vẽ cho trẻ em học hành; góp ý kiến giải quyết những việc xảy ra trong làng xóm. Điều lạ là, theo nhiều người chiêm nghiệm, từ ngày có sự hiện diện của ông, làng Yên Lạc trở nên thịnh vượng, đình số được tăng lên, mùa màng không bị thất bát. Họ càng tin ông đúng là vị... Thành hoàng!

Hoàng Mậu ở lại Yên Lạc một thời gian. Khi đã già (bảy mươi tám tuổi) ông cố xin trở về quê cũ. Vị thành hoàng "sống", những ngày cuối đời, vẫn nghèo nàn thanh bạch như khi là viên quan túng thiếu lúc về hưu.

(Theo sách Quỳnh Đôi cổ kim sự tích Hương biên 1878 - 1918)

THƠ TỪ LÃO HÚNG, PHÚ QUÍ MỤ BÔNG

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thường lưu truyền ở Hà Nội thành ngữ "Hà Thành tứ quý" để chế giễu 4 nhân vật:

Lão Húng là Phạm Văn Toán, người ở làng Láng, chuyên trồng rau húng. Phạm làm quan đến thượng thư, nên cũng gọi là ông Thượng Húng. Rất

sính văn chương, thơ làm nhiều và rất dở, song lại hay khoe tài và thích người ta khen.

Mụ Bông là vợ lẽ Hoàng Cao Khải, lợi dụng địa vị của chồng bòn rút của cải nên giàu. Phan Điện cũng có bài thơ chế giễu bà Bông.

Cô Hồng, là cô Tư Hồng, tên thật là Trần Thị Lan, người huyện Bình Lục (Nam Hà), bỏ ra Hà Nội lấy Tây và kiếm được địa vị. Câu đối có câu "Làm đĩ có tàn có tán..." là chỉ vào nhân vật này.

Chú Bưởi là Bạch Thái Bưởi, người làng Yên Phúc, huyện Thường Tín, có tài kinh doanh trở nên một tư sản tiếng tăm hồi đầu thế kỷ.

Câu trên đây có khi đọc khác:

Phong lưu chú Bát Phú quý dì Tư

Quyền thế bà Bông Thơ từ ông Húng.

NỤC CƯỜI HAI BẢY MƯỜI BA TRỜI LÀM TRẬN GIÓ TÁM GÀ CHẾT THIÊU

Chánh mật thám Trung Kỳ Sô Nhi suy nghĩ mãi hàng tháng trời mà vẫn chưa làm sao tìm được câu giải đáp cho sự băn khoăn của mình. Y vốn tự phụ là nắm vững văn hoá, nắm vững lịch sử Việt Nam, hiểu sâu phong tục xứ này, nói tiếng Việt không kém gì người Việt Thế mà có hai câu lục bát do bọn tay chân nhặt về báo cáo thì lại không sao hiểu được. Rắc rối, mù tịt quá! Hai bảy thì mười bốn chứ sao lại mười ba? Trận gió gì mà thiêu chết gà?

Và sao lại tám gà chứ không phải ít hơn hay nhiều hơn? Câu hát băng quơ hay là một kiểu thông báo mật của một nhóm chống đối nào?

Nghĩ mãi không ra, Sô Nhi đành tìm đến một cụ lão nho nổi tiếng tài hoa, uyên bác ở thành phố Huế để cầu xin giải thích. Có người nói vị lão nho này chính là cụ Ứng Bình Thúc Gia thị. Cụ cười:

- Quan lớn vốn là người cao minh, lại rất am hiểu văn hoá Việt Nam chúng tôi, sao lại phải băn khoăn về một câu ca tầm thường như vậy?

Sô Nhi cố giấu sự ngỡ ngàng, tìm cách khơi gợi:

- Thưa cụ, tôi nghĩ câu này chẳng phải là câu hát tầm thường! Biết đâu có điều gì bí mật trong đó. Tôi đã biết trước đây ông Trần Cao Vân có bài thơ vịnh xe hoả! Bề ngoài là ngâm vịnh, mà bề trong lại hẹn giờ khởi loạn.

Cụ đồ càng cười to:

- Thưa quan lớn! Ngài bị lầm bởi sự méo mó nhà nghề rồi. Chẳng có mật hiệu gì ở đây cả. Chỉ là câu hát châm chọc chuyện thời sự một tí thôi. Tôi xin phép cắt nghĩa để quan lớn rõ. Ngài có nhớ rằng năm ngoái, theo âm lịch là năm nhuận hai tháng bảy không nào? Một năm hai tháng bảy, thành ra có 13 tháng chứ không phải 12 tháng như thường lệ. Sự thực là thế đấy thôi.

Sô Nhi như sực tỉnh, cảm thấy thẹn thùng vì sự dốt nát của mình, vội vàng đỡ lời:

- Phải, phải! Thế mà tôi nghĩ mãi không ra. Xin cảm ơn cụ. Câu lục là như thế. Thế còn câu bát?

Cụ đồ đứng đĩnh, tùm tùm cười:

- À về câu bát thì... muốn giải thích, tôi phải xin quan lớn đại xá cho trước đã.

Sô Nhi ra vẻ thân mật, rộng rãi:

- Có hề gì đâu. Cụ giảng cho là quý, xin đừng ngại.

Cụ đồ vẫn giữ nụ cười thư thái trên môi:

- Xin lỗi, để được nhắc lại với quan lớn về cái tang của Chính phủ Bảo hộ ta năm ngoái. Quan lớn chắc chưa quên là quan toàn quyền Patxkiê (Pasquier) đáp máy bay về Pháp, đã bị nạn vì máy bay bốc cháy (1933). Nhớ lại cái tang ấy thì câu ca dao kia sẽ trở nên dễ hiểu vô cùng. Người Nam đọc chữ Batxkiê ra thành Bát kê! Mà bát kê thì có nghĩa là tám gà! Trời làm trận gió nên máy bay mới bốc cháy! Cháy nên ông "Bát kê" bị chết thiêu chứ có gì lạ đâu.

CUỘC HÀNH QUÂN KỶ LẠ

Hình như có nhiều người tin rằng trong cuộc hành quân thần tốc ra Bắc tiêu diệt mấy chục vạn quân Tôn Sĩ Nghị (1793) vua Quang Trung đã có kế hoạch chuyển quân độc đáo. Quân đi liên tục trên đường không nghỉ, vì họ đi theo nhóm, mỗi nhóm ba người kèm theo cái võng. Họ luân phiên nhau người nằm, người khiêng nên cứ thế mà đi, không phải dừng lại?

Thật ra đó chỉ là một câu chuyện truyền văn, không biết căn cứ vào đâu. Mà ngẫm ra cho kỹ thì rất khó thực hiện. Hành quân như thế rất dènh dàng phức tạp mà có khi lại chậm hơn là nhanh.

Nhưng câu chuyện sau đây thì có sách vở ghi chép rõ ràng.

Dưới thời chúa Trịnh Doanh, cả xứ Bắc sôi động vì những cuộc khởi nghĩa của nông dân. Liên tiếp các phong trào Ngân Già, Minh Xá, Quận Hẻo, Quận He, Hoàng Công Chất, Lê Duy Mật nổi lên, làm cho triều đình hoảng hốt. Tháng 11 năm Canh Thân (1790), Trịnh Doanh phải tự mình cầm quân tiến về Lạc Đạo (Hà Nam Ninh) để đánh Vũ Đình Dung, lãnh tụ của nghĩa quân Ngân Già. Thừa dịp quân lính tướng tá theo Trịnh Doanh dồn hết về Sơn Nam, kinh thành trống trải, nghĩa quân do Nguyễn Tuyển cầm đầu đang hoạt động ở Thuận Thành (Hà Bắc) kéo thẳng về Bò Đề, uy hiếp Thăng Long. Tình hình thật vô cùng nguy ngập. Bà Vũ Thái phi (mẹ Trịnh Doanh) một mặt xua tất cả vệ binh, lính hầu và dân chúng ra chặn các cửa thành, mặt khác vội vàng cho người hoá tốc chạy về các trấn để cấp báo. Sử sách xưa đã ca ngợi bà này. Vào lúc không còn tướng tá nào ở nhà, đám quan văn không ai có mưu mẹo gì, bà Thái phi tự mình đôn đốc để bảo vệ kinh thành. Như thế bà cũng là người giỏi.

Các vị trấn thủ tiếp tin kinh đô bị uy hiếp; đều cuống cuống cho binh về cứu. Nhưng thực ra trấn nào cũng ở xa và đều bị vướng. Trấn Kinh Bắc là nơi phải đối phó với phong trào Ninh Xá, đường về kinh đã bị chặn. Trấn Sơn Nam phải phối hợp với Trịnh Doanh để chống quân Ngân Già. Chỉ còn trấn Sơn Tây. Vị trấn thủ ở đây, lúc bấy giờ là Văn Đình Dận, vội vàng đem quân đến cứu.

Tuy Sơn Tây cách Thăng Long không xa lắm, nhưng quân Ninh Xá từ Thuận Thành về Bồ Đề, còn gần hơn Sơn Tây về Hà Nội đến quá nửa đường. Vì vậy, viện binh phải thần tốc ngày đêm mới về kinh thành trước được. Văn Đình Dận không cho quân lính kịp nấu ăn. Ông ra lệnh cho mỗi cơ lính mang theo một cái nồi lớn, gạo ngâm sẵn ở trong, hai người gánh chạy theo đoàn quân, một người cầm bó đuốc lớn, vừa đi vừa đốt dưới nồi, cháy hết bó này thì thay bó khác. Khi cơm chín tới thì cả cơ lính cũng vừa đi vừa chia nhau ăn chứ không được dừng lại phút nào.

Nhờ sáng kiến ấy, quân ở Sơn Tây đã về kịp Thăng Long lúc trời vừa tối. Lúc ấy, nghĩa quân của Nguyễn Tuyển đã dồn cả trên bờ bắc sông Hồng, đang chuẩn bị thả xuống năm trăm chiếc thuyền nan để qua sông. Văn Đình Dận vội cho quân bản bộ ra giữ bên sông, và bắt dân chúng ở các phố phường mỗi người vác một cây sào, hai đầu thắp hương đèn cắm vào, đang đêm tối kéo nhau ra liên tiếp bày hàng, lẫn vào đám lính tráng đang dàn ở bên sông. Phía bên kia, quân Ninh Xá thấy đóm lửa thấp thoáng, cho là các súng hỏa mai đang mồi. Họ đoán là triều đình đã có đại quân cứu viện, nên không dám ham đánh, vội vàng rút đi. Kinh thành nhờ thế mà được vô sự.

Văn Đình Dận nhờ có công này, nên được phong tước quận công. Ông là thân sinh của Văn Đình Úc, cũng là một võ tướng, làm lưu thủ Thái Nguyên, vì đã khôi phục được trấn này, đuổi quân Mạc ra khỏi châu Võ Nhai. Hai cha con người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Sách *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn ghi: Văn Đình Dận là người đỗ đầu tạo sĩ năm .

DẠY CHIM DỰ TRẬN

Cùng về qui tụ dưới lá cờ Lê Lợi, có một vị tướng tài năng, tên là Nguyễn Chích. Ông là một nông dân ở huyện Đông Sơn, trước khi về non Lam, đã dựng cờ khởi nghĩa ở núi Hoàng Sơn, huyện Nông Cống (Thanh Hoá). Chính ông đã đề xuất kế hoạch vào Nghệ An, tạo nên cục diện mới cho cuộc khởi nghĩa.

Nguyễn Chích có biệt tài là nuôi chim bồ câu rất giỏi. Trước kia, bố Nguyễn Chích nuôi chim thả thi, nên truyền nghề này cho ông. Bồ câu nuôi thi để xem con nào được dạy khéo nhất. Hôm thi thả chim, người ta đặt một chậu nước giữa sân, rồi cho chim tung cánh lên trời. Chim nào dạy khéo sẽ bay rất thẳng, đến nổi, chim lên tới đỉnh mây xanh mà bóng chim vẫn in trong chậu nước. Chim còn được tập mang thư từ và đồ nhẹ cho những người quen biết ở xa nhau.

Khi đem thủ hạ về với Lê Lợi, Nguyễn Chích mang cả bầy bồ câu đi theo. Nhiều lần, chim câu đã giúp việc truyền tin cho nghĩa quân rất nhanh chóng.

Một bận, căn cứ Lam Sơn bị đánh úp. Bao nhiêu tướng tá binh sĩ của ta được sai đi các ngả mất rồi. Bọn giặc Minh ở ngoài vây rất chặt. Nguyễn Chích đã thả chim câu đi gọi được quân mình về cứu viện, trong đánh ra, ngoài đánh vào làm cho giặc tan vỡ. Lê Lợi rất khen ngợi, ban thưởng cho Nguyễn Chích và lấy thóc tằm mật cho chim ăn.

Có bài hát sau đây, ca ngợi chim bồ câu của Nguyễn Chích.

Bồ câu bồ câu

Nó hát cúc cù

Cu đi Quan Du

Cu về Bù Rộc

Thư này hoá tốc

Phải đợi cu về

Ăn gạo vua Lê

Đậu vai ông Chích

Cu là cu thích

Lại hát cúc cù!

(Bài hát Trần Thị Đức sưu tầm, đã in trong sách Đất Lam Sơn (của V.N.K Nhà bản Văn hoá 1978). Các địa danh nói trong bài hát: Quan Du, tên trại, nay là huyện Quan Hoá. Bù Rộc, tên núi ở huyện Thường Xuân đều thuộc tỉnh Thanh Hoá).

DẠY CHÓ DIỆT THÙ

Lê Lợi ngày càng được hào kiệt bốn phương về giúp rập. Mỗi người có một tài riêng.

Nguyễn Xí nguyên là người làng Thượng Xá, huyện Châu Phúc, tỉnh Nghệ An (nay gần Cửa Lò), một võ quan tên là Nguyễn Hội. Người ta nói Nguyễn Hội cảm tình con hổ. Nguyễn Hội chết, cả nhà chưa kịp mai táng, thì hổ đến tha xác ông vào rừng chôn ở một ngọn núi. Hổ là con của Nguyễn Hội, anh em với Nguyễn Xí nên đã bí mật dạy dỗ võ nghệ cho em (Lơ Brotông cũng chép câu chuyện này trong sách *An Tĩnh cổ lục - Le vieux An Tinh* - của ông).

Về với Lê Lợi, Nguyễn Xí nuôi một đàn hơn trăm con chó, sớm, chiều chỉ dùng tiếng nhạc để sai khiến, cho ăn. Bầy chó lúc đến lúc đi, rất đúng kỷ luật.

Được lệnh đem quân đi quấy rối tên tướng giặc Mã Kỳ, Nguyễn Xí đã sử dụng đàn chó của mình vào trận. Ông buộc cho mỗi con chó một cái nhạc ngựa, đương đêm từ trên núi cao chạy xô vào trại giặc Minh. Phía ngoài chỉ có đám người đánh trống thùng thùng. Tướng giặc tưởng là quân ta đến cướp trại, nhưng sợ đêm tối không dám ra, cứ đóng chặt cửa trại, sai hàng ngàn quân cung nỏ bắn tên ra. Suốt đêm, Nguyễn Xí thả chó vài ba trận. Cứ thấy bên giặc vừa yên ổn, ông lại huýt sáo cho chó xông vào. Bọn giặc mất

ngủ suốt đêm, bắn đến hàng vạn mũi tên. Nhưng tên cứ bắn trên không, chó thì chạy là là dưới mặt đất, nhạc ngựa cứ rung vang lên mỗi lúc một gần, làm cho giặc càng thêm hốt hoảng. Sáng mai, bọn thám mã chỉ thấy dấu chân chó ở quanh trại mới báo cho Mã Kỳ, thì quân Minh đã tốn hàng chục vạn tên bắn.

Nghĩa quân ta nhặt tên rơi là tả quanh bờ ruộng, đồi núi đem về.

Ai cũng khen Nguyễn Xí đã mượn chó lấy tên của Mã Kỳ. Mẹo tài tình chẳng kém gì Không Minh trong truyện *Tam Quốc* dùng bù nhìn rơm cỏ mà lấy hàng vạn tên của Tào Tháo>

MƯỢN GÀ LÒNG GIẶC

Sách *Vân Nang tiểu sử* chép (lược dịch):

"Người thiếu số ở Đàm Lung (không rõ là đâu) thuộc miền thượng du hay gây loạn. Rừng sâu cây rậm là nơi sào huyệt của chúng. Trước đây, quân ta đi dẹp, mắt chưa thấy địch mà tên đạn đã tới nơi, nên nhiều lần thất bại.

Tham tán Nguyễn Công Trứ tới, đặt màn lưới canh phòng, dò la rất rộng, đã có chú ý riêng. Có người xin làm việc dẫn đường, ông đều gạt đi, thường nói: "Ta chỉ là học trò, chẳng biết gì mưu mẹo. Cứ phải cố thủ mà chờ cơ hội thôi!"

Thế rồi ông thông thả kéo quân từ Sơn Nam đi lên, cứ đi mười dặm lại đóng đồn nghỉ ngơi, cho hát xướng vài ngày mới tiến quân. Đến một chặng khác lại cũng làm như thế. Khi đến cách Đàm Lung độ hai ngày đường, ông cho dựng trại rồi để cho quân lính nghỉ ngơi, uống rượu, đánh bài, vui đùa suốt năm ngày liền, chẳng ban bố hiệu lệnh gì cả. Bọn giặc biết tin ấy coi thường, lại tin rằng sào huyệt kín đáo, phân tán nên không lo lắng gì cả.

Ông Trứ ngầm sai người mua một số lớn gà trống, nhốt vào lồng, cho gọi mấy tên lính lanh lợi bảo mang gà giả vờ làm khách buôn. Ông nói: nếu các anh mang gà đi, mà bị cướp sạch thì trở về các anh sẽ được thưởng.

Không ai hiểu ý định của ông như thế nào. Và quả nhiên, bọn mang gà đi vào các bả hẻo lánh đều bị cướp sạch. Chúng về báo tin. Ngay trong đêm ấy, ông Trứ ra lệnh hành quân, lùng sục vào các góc ngách. Gần về sáng, hễ chỗ nào có tiếng gà gáy là ông cho lính tráng tấn công vào. Bọn giặc đang trong giấc ngủ say, không một tên nào lọt lưới.

Ở cuối bài này, tác giả *Vân nang tiểu sử* là Phạm Đình Dục, lấy hiệu là Vân Sử Thị có những lời bàn thêm, ông khen ngợi Nguyễn Công Trứ (lược dịch):

"Kể ra rừng sâu cây rậm, có chỗ chỉ cách vài thước mà lại đi giữa ban ngày mấy lần còn chẳng thấy gì, hướng chỉ vào lúc nửa đêm. Nhưng hình hài có thể chia cắt, mà tiếng vang thì không ngăn chặn được. Mưu khôn của người anh hùng thật là hơn cả người xưa..."

Phạm Đình Dục đỗ tú tài năm 1876, làm Huấn đạo các huyện Châu Định, Thư Trì và quyền tri huyện Tiên Hải ở Thái Bình. Sách *Vân Nang tiểu sử* hiện có ở thư viện Hán Nôm, ký hiệu 2872, là một tập truyện dân gian, viết bằng chữ Hán, chưa được dịch xuất bản.

NHỜ TRÂU PHÁ VÒNG VÂY

Khoảng những năm trước 1870, tại vùng Bắc Ninh - Bắc Giang ngày xưa, có Giáp Văn Trận nổi lên chống lại triều đình. Ông là người xã Ngọc Lý (Yên Thế) cầm đầu một đội quân hùng mạnh, đánh phá các vùng Yên Thế, Hiệp Hoà, Lạng Giang. Vua Tự Đức phải cho Tôn Thất Thuyết ra dẹp. Quân triều đông và có thế mạnh hơn. Các tướng giỏi như Trương Văn Đê, Ông Ích Khiêm tiêu hao được nhiều lực lượng đối phương và thừa thế vây chặt Giáp Văn Trận ở làng Lữ Hạ (có tài liệu nói là làng Đông Lỗ). Ông Trận nghĩ cách giải vây. Có bao nhiêu trâu bò của dân làng, ông bắt dòn ra, cùng với trâu bò thuộc nguồn thực phẩm dự trữ, đều cho buộc giẻ tằm dầu vào đuôi, buộc giáo vào sừng rồi lấy lửa đốt giẻ. Trâu bò bị nóng, chạy lồng qua vòng vây, Giáp Văn Trận thừa thế, cùng một số thủ hạ chạy thoát ra ngoài, và còn kéo dài cuộc chiến đấu mấy năm nữa mới bị tiêu diệt.

Có bài về truyền tụng, thuật lại cuộc xung đột như sau (trích):

Dồn quân Đại Trận vào trong

Rào tre cánh sẻ, xiết vòng vây thêm

Đại Trận bối rối từng phen

Bởi không tiếp viện hoá nên nỗi này

Bảo nhau cố phá vòng vây

Cho dù sinh tử biết tay anh hùng

Lội ao tìm lối đi vòng

Gặp đàn trâu lửa vây vùng ghê thay!

DỪNG GỠ PHÁ ĐỊCH

Sau nều lần vừa dụ dỗ chiêu hàng, vừa khùng bố bao vây, chặn đường lương thảo mà không làm cho nghĩa quân nao núng, quân Pháp định tiến hành một cuộc tấn công lớn vào Ngàn Trươi. Chủ soái Phan Đình Phùng biết âm mưu ấy của địch nên đã chuẩn bị sẵn sàng đối phó.

Doanh trại của nghĩa quân đóng trên những ngọn núi cao, liên tiếp một giải sơn hệ ở hai huyện Hương Sơn, Hương Khê (tỉnh Hà Tĩnh). Do bị địch uy hiếp, quân ta đã nhiều lần di chuyển khi ở núi Quạt, khi ở núi Đại Hàm, đến nay lại trở về Ngàn Trươi. Phía dưới là con sông Ngàn Sâu khá lớn, ở khu vực này gọi là sông Vụ Quang. Địch muốn vào căn cứ của ta phải vượt qua sông này. Phan Đình Phùng cùng các tướng tâm phúc đi quan sát thêm địa hình, nghe thêm tin tức thám báo của ta về đường hướng tiến quân của địch rồi định ngay kế hoạch. Cụ Phan cho bí mật chặt nhiều cây gỗ to ken lại, neo ngang khúc sông ở đầu thượng nguồn. Mặt khác, các đội cảm tử và liên lạc được bố trí phục kích ở những nơi hiểm yếu hai bên bờ sông. Phía đầu nguồn, có sẵn đội quân ứng chiến để làm theo đúng hiệu lệnh.

Ngày 26-10-1894, quân Pháp và bọn lính tay sai, đúng như kế hoạch kéo vào Ngàn Trươi. Quân ta đã để cho chúng tiến sâu vào. Chắc hẳn thế nào

cũng diệt được đại bản doanh của ta. Địch ào ào lội xuống sông. Quân ta ở trên bờ nổ súng. Chúng khựng ngay lại ở giữa dòng, hô nhau bắn trả lại và thúc bọn lính còn ở trên bờ kịp thời ào xuống tiếp viện, nhằm dùng lực lượng đông đảo để nhanh chóng thốc sang bờ bên kia. Nghe tiếng súng, đồng thời được hiệu lệnh hoả tặc, đội quân trực ở thượng nguồn vội chặt đứt tung các giây néo. Nước nguồn bị các mảng gỗ chặn ứ từ lâu, dòng lũ ầm ầm lao xuống như tên bắn. Những cây gỗ lớn băng băng thúc xuống, cuốn trôi cả bọn lính Pháp và bọn chỉ huy đang chới với giữa sông. Dăm tên sống sót cố bơi lên bờ thì nhận được hàng loạt đạn nhả ra từ các bụi cây, bắn xuống.

Cuộc chiến diễn ra nhanh chóng. Cả đN quân xâm lược hoàn toàn bị diệt. Trận Vụ Quang là chiến thắng lớn nhất của nghĩa quân Phan Đình Phùng, xảy ra đúng một năm trước khi cụ Phan mất (28-12-1895).

MÙ U CŨNG LẬP CHIẾN CÔNG!

Ông già bà cả ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đến nay vẫn còn trầm trồ kể chuyện "Trận mù u" cho con cháu rõ.

Từ tháng bảy âm lịch năm Ngọ (1858), 12 tàu chiến Pháp tiến vào Đà Nẵng bắn phá các pháo đài và đồn lũy của ta. Quân ta chống lại một cách yếu ớt vì lực lượng kém. Địch chiếm đóng một thời gian. Vua Tự Đức phải sai Nguyễn Tri Phương vào chỉ huy bảo vệ cửa biển. Một vị tướng xuất sắc dưới quyền của Nguyễn Tri Phương đã tiến hành kháng cự có kết quả. Ông cho củng cố các đồn trại, có sáng kiến tổ chức nhiều trận đánh khôn khéo để tiêu diệt địch. Trận đánh nổi tiếng là "Trận mù u".

Bọn Pháp từ tàu đổ bộ lên, thường ồ ạt hành quân trên các nẻo đường làng.

Biết chúng mang giày dưới đế đóng đinh, vị chỉ huy bên ta ra lệnh cho dân chúng nhặt thật nhiều quả mù u, rồi cho quân mang theo những giỏ đựng đầy mù u phục kích ở các ngã đường. Địch kéo quân qua, ta xông ra đánh, vừa đánh vừa chạy rắc quả mù u đầy đường. Quân Pháp đang đà đuổi, giẫm phải mù u trượt ngã lông lốc. Đứa nào không ngã thì đế giày ngoắc phải mù

u cũng xiêu vẹo, trì trệ. Quân ta quay lại cứ thế mà giáng xuống những đòn trừng trị. Trong trận này, quân Pháp thua to.

Trận mù u đã cùng với chiến thắng khác, gây nhiều khó khăn cho địch. Một thời gian thấy không thể chiếm được Đà Nẵng, tướng pháp là Gionuily (Gennouilly) đành rút lui vào Nam thôn tính ba tỉnh phía đông.

Vị tướng có sáng kiến về chiến thuật trận mù u này là Ông Ích Khiêm (1832 - 1884) quê làng Phong Lệ (Hoà Vang, Quảng Nam). Ông đỗ cử nhân nhưng lại có tài xuất sắc về việc quân, đã đánh thắng nhiều bọn phản loạn như Tạ Văn Phụng (1865), Ngô Côn (1870), Hoàng Sùng Anh (1875) v.v...

Dân gian truyền tụng rằng, học tập cách đánh trận mù u của Ông Ích Khiêm, sau này nhiều nơi ở Bắc Bộ và Bắc Trung bộ cũng đã dùng ỏi xanh để đánh bọn lính Pháp, nhưng kinh nghiệm áp dụng máy móc này đã không thu được kết quả.

(Sưu tầm thực địa)

MỘT SỐ BÀI VÈ THỜI PHONG KIẾN VÀ THỜI THUỘC PHÁP

Hai Thềm, tên thật là Nguyễn Văn Thềm, người xã Bà Dương tổng Vạn Ty huyện Gia Bình (nay thuộc xã Vạn Ninh, huyện Gia Lương). Năm 1854 tự xưng làm Đại tướng, tổ chức tế cờ phát động khởi nghĩa ở huyện Quế Dương chống lại nhà Nguyễn. Sau đó kéo quân về đóng ở đình Đại Than (tên nôm là làng Dựng - có 3 xóm Bình Than, Đại Trung - Gôm, Đồng Trung - Lớ) cùng tổng, tiến hành đánh chiếm thành huyện Gia Bình ở Khoái Khê (còn gọi là Cầu Khoai, tổng Xuân Lai, nay thuộc xã Nhân Thắng), đánh thành phủ Thuận An (năm 1862 đổi là phủ Thuận Thành), tràn xuống Văn Giang.

Năm 1855 phong trào Hai Thềm tan rã. Bài vè dưới đây ghi lại một số diễn biến của cuộc khởi nghĩa:

Kể từ Tự Đức thất niên

Bà Dương nổi sóng truân chuyên ai ngờ

Hai Thềm định nổi cơ đồ

Xưng làm Đại Tướng tế cờ ở đất Quế Dương

Bùng bùng như lửa gặp rơm

Kéo quân về Dựng ăn cơm giữa đình

Chiều ra phá huyện Gia Bình

Tiến sang phủ Thuận về đàng Văn Giang

Lấy quân lấy tướng các làng

Lấy vọng lấy lông kéo sang Bò Đề

Đại Tướng là người đến ghé

Phá cầu, bắt giặc đem về tại gia

Quân thì có bảy vạn >

Lọng vàng bốn chiếc đem ra rõ ràng

Ra đồng loa gọi đã vang

Dân đâu về đấy mà làm mà ăn

Ta nay đối địch triều đình

Nước thì mong lặng dân tình mong yên...

Cai Vàng tên thật là Nguyễn Văn Thịnh, quê ở xã Vân Sơn, tổng Sơn Đình, huyện Phượng Nhỡn, phủ Lạng Giang (nay thuộc xã Phương Sơn huyện Lục Nam) do làm cai tổng nên có tên gọi ấy. Tháng 4-1862, Cai Vàng tự xưng là nguyên soái tể cờ và phát động cuộc khởi nghĩa chống lại triều Nguyễn tại khu văn cứ Yên Thế. Sách *Đại Nam thực lục - chính biên* ghi: "Nguyễn Thịnh quê ở Bắc Ninh (người huyện Phượng Nhỡn, nguyên làm cai tổng, theo đạo Gia Tô) tự xưng là nguyên soái, suy tôn tên giặc trốn là (Lê Duy) Huân làm minh chủ (về năm Tự Đức thứ tám, Huân mạo nhận là dòng dõi nhà Lê, tự xưng là minh chủ. Sau bọn lũ bị tan trốn tránh, nhiều lần treo giải tìm bắt chưa được) thông đồng với bọn giặc mặt sông ở Quảng Yên".

Sau đó ba tuần, nghĩa quân Cai Vàng lần lượt hạ thành Phủ Mộc (phân phủ Lạng Giang, đóng ở xã Hữu Mục tổng Mục Sơn - Yên Thế, nay thuộc Việt Lập - Tân Yên), thành phủ Lạng Giang (thành Dền, xã Châu Xuyên tổng Thọ Xương huyện Bảo Lộc, nay thuộc thị xã Bắc Giang) và thành Bảo Lộc (đóng ở xã Thọ Xương, cùng tổng, nay thuộc thị xã Bắc Giang) rồi tiến lên mạn Yên Dũng áp tới tỉnh thành Bắc Ninh, tràn qua phủ Thuận Thành chiếm Siêu Loại - Văn Giang rồi qua phủ Từ Sơn uy hiếp Hà Nội.>

Tiếp theo, nghĩa quân chiếm thêm một số huyện thành ở Hưng Yên, Hải Dương. Tự Đức đã phái nhiều tướng lĩnh đem quân ra Bắc, chiếm lại được

Bắc Ninh trong khi Cai Vàng triển khai lực lượng đánh vào hai phủ Vĩnh Tường, Quốc Oai (Sơn Tây), uy hiếp Bình Xuyên, Phú Bình (Thái Nguyên), tràn xuống Chương Đức, Từ Liêm (Hà Nội), Phù Cừ, Ân Thi (Hung Yên).

Lợi dụng việc dàn trải ấy, quan quân đã chiếm lại được phủ thành Lạng Giang, nhưng liền sau đó, Cai Vàng giết chết tri phủ Lê Huy Trạc, đoạt thành. Tính đến thời điểm này, Cai Vàng đã lần lượt đọ sức với nhiều võ quan cao cấp của triều đình như Tôn Thất Hàn, Nguyễn Đăng Hành, Tôn Thất Đản, Hà Văn Anh, Trương Quốc Dụng, Phan Tam Tĩnh, Lê Xuân, Tôn Thất Bình, Hoàng Thành, Trịnh Lý Hanh, Đặng Trần Chuyên, Nguyễn Bính, Phan Khắc Thật, Lê Dụ, Võ Tảo, Đoàn Linh, Trần Bái, Đào Trí, Lưu Như Sơn, Võ Đặng Thủ, Võ Đình Tinh, Bài Huy Phan, Mai Viết, Trần Như Táo. Nhiều tướng đã bị chết trận như Lê Thanh Bạch, Đặng Lượng, Tôn Thất Bình, Lê Huy Trạc, Nguyễn Đăng Hành (có vẻ riêng), Mai Viết.

Năm 1863 Nguyễn Tri Phương được Tự Đức đẩy vào cuộc chiến. Nhiều vùng ở Hung Yên, Hải Dương trượt khỏi tay nghĩa quân. Cai Vàng chốt giữ thành phủ Lạng Giang, đẩy lùi nhiều cuộc tấn công của tri phủ Đồng Đức Tấu và cai tổng Thọ Xương Nguyễn Ngọc Chấn.

Ngày 30 tháng 8 năm Quý Hợi (9-1863) "Cai Vàng đi tuần tiễu trên sông Thương, giữa đường gặp thuyền Lãnh Tảo (phó lãnh binh tỉnh Hung Yên) bắn sang như mưa. Thuyền Cai Vàng bị bắn tứ tung. Đốc Xòm bị chết trong thuyền. Cai Vàng bị thương rất nặng không dậy được" (*Bắc Giang địa chí*). Đó là tổn thất to lớn của phong trào.

Vợ ba Cai Vàng, tên thật là Lê Thị Miên, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân.

Bà sinh năm 1863, dòng dõi nhà Lê, thao lược và văn võ song toàn, là linh hồn của phong trào, lập được nhiều công lớn ở Lạng Giang, Thuận Thành, Từ Sơn, Bắc Ninh. Mùa xuân năm Giáp Tý (2-1864) bà đã đem toàn bộ lực lượng tấn công vào Nãi Sơn (Kiến Thụy - Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng) suốt 22 ngày liên tục (từ 17-2 đến 10-3-1864). Theo sách *Đại Nam thực lục - chính biên* trong trận này các hiệp quân Đinh Văn Đình, xuất đội Trần Văn Nghi - Trần Phú Giao, cách viên Nguyễn Văn Tài - Nguyễn Văn Thiêm cùng 1 đội trưởng, 3 ngũ trưởng, 11 lính, 3 thủ hạ, 4 đồng đã chết tại

trận. Lại có 43 quan quân bị thương, hàng trăm bị bắt sống, trong đó có Võ Tảo. Bị mất 75 súng.

Ngày 4-2 Giáp Tý (11-3-1864) bà tổ chức tế chồng và tưởng niệm các chiến hữu rồi giải giáp nghĩa quân. Cuối cùng bà mai danh ẩn tích ở chùa Dận (Đình Bảng), Bút Tháp (Siêu Loại). Năm 1908 bà mất, thọ 72 tuổi.

Về về hai vợ chồng Cai Vàng có nhiều. Ở đây chúng tôi chỉ xin công bố bản tự khai thác trong dân gian:

Bắc phương có ông sao cờ

Cai Vàng dẫn chí bao giờ khôn hay

Dùng binh đánh trả trận này

Các quan đã góm về tay Cai Vàng

Làm trai gươm cặp mộc mang

Đi đánh Cai Vàng mấy trận đều thua

Cai Vàng chiếm được Thành đô

Vợ bé mở cờ phá huyện Văn Giang

Triều đình Quốc Dụng nhà Vương

Ba ngàn quân võ dám đương tức thì

Giải vây tỉnh Bắc một khi

Cai Vàng tức giận nó thì chiêu binh

Làm cho bảy huyện tan tành

Súng bắn cờ mở quát binh nó vào

- Bay ơi! Bay đánh làm sao.

*Ba thằng chạy vào kịp đánh một doi
Chém chân, đâm bụng, chặt vôi.
Các quan trông thấy rụng rời chân tay
Giặc đâu tài cán thế này
Người chết như rạ trời hay chẳng trời*

** **

*Ngồi buồn chép chuyện mà chơi
Thử xem thiên hạ coi trời ra sao
Ngẫm xem trời đất thế nào
Làm trai thẳng ngọn cờ đào ăn chơi
Đua tranh đấu trí đấu tài
Tỉnh Đông, tỉnh Bắc, tỉnh Đoài, tỉnh Nam
Trưởng tài thi sức, thi gan
Mưu cơ tiếp chí khôn ngoan đặt bày
Cai Vàng tỉnh Bắc gan thay
Mộ quân bảy ngày được một vạn ba
Làm trai cho đáng thủ khoa
Đầu năm Nhâm Tuất, tháng ba tế cờ
Hàng đội cho chí hàng cơ*

Định ngay ngày ấy tể cờ ăn chơi

Kéo về Phủ Mọc đóng chơi

Truyền cho quân sĩ tái hội phủ gia

Sai đòi ba cô nàng ra:

- Nên chẳng thì nói cho ta bằng lòng!

Vợ cả quỳ gối tâu rằng:

- Trong bốn phương trời quan Quận chắc chi

Binh cơ quan Quận chắc gì,

Điềm trời chưa vững đừng đi hội này.

Vợ hai quỳ gối tâu bày:

- Làm trai không một hội này mà thôi

Anh hùng lắm lúc đua vui

Thưa rằng quan Quận nghe tôi điều này

Dẫu mà trời tựa ta dâ>

Số ta mà khá sau này làm nên

Làm trai không ngại bạc tiền

Số mà chẳng khá làm nên chuyện gì.

Xin chàng nghe thiếp đừng đi

Cửa nhà cơ nghiệp thiếu gì vui tươi

Thưa rằng quan Quận nghe tôi

Góc bể chân trời quan Quận chắc đâu

Vợ chồng từ tạ trước sau

Nàng hai thẳng gót tằm trâu lui ngay

Vợ ba quỳ gối tâu bày:

- Hai chị nói thế em đây không bằng lòng

Nói rồi quỳ xuống lạy chồng:

- Chàng dóc một lòng thiếp cũng xin chơi

Mong cho trào kéo tới nơi

Nhất thua nhị được mặc tôi với trào

Dẫu rằng thua được làm sao

Mạng mình thác cửa quan trào không oan

Trận này đấu sức thi gan

Liều mình chơi với các quan một kỳ

Thân tôi tuy phận nữ nhi Hai mươi bảy tuổi ra đi theo chồng

Bây giờ dấy nghĩa lập công

Lấy tiếng cho chồng nhất được nhị thua

Chàng về mộ lấy binh cơ

Thiếp xin phát xá mở cờ hôm nay

Lòng trời cũng tựa ta đây

Trước là được tiếng thiếp nay cam lòng

*Cầm bằng trời đoản không xong
Thác đi để tiếng cho chồng mai sau
Cô liền loa báo: - Quân đâu!
Hàng cơ hàng đội sắp hầu theo ta
Anh nào thương mẹ thương cha
Thương con nhớ vợ về nhà làm ăn
Làm trai quyết chí lập công
Sống chết một lần cũng quyết mà chơi
Quân gia mới nói một lời:
- Cô còn cố sức chúng tôi ngại gì
Cô ba loan báo chí kỳ
- Sáng mai cơm nước tứ vi sắp bày
Quần chân áo chít mặc ngay
Dao găm dắt chín con rày vào nhanh
Gươm trường cô lấy đôi thanh
Bắc loa cô gọi: - Trào đình được hay
Xưng danh trào biết trào hay
Ta đây chính thực tướng nay đàn bà
Trèo lên cật ngựa gọi loa:
- Ta đây chính thực vợ ba Cai Vàng*

Xưng danh trào biết rõ ràng
Chính thực vợ bé Cai Vàng ta đây
Trào mà bắt được ta nay
Truy đám giặc này không đánh cũng tan
Còn ta lăm trận gian nan
Nhiều trận tổn hại quân quan ngày rầy
- Cây đông trào sắp bỏ vây
Cô ơi! cô liệu trận này ra sao
Cô ơi! cô định thế nào
Có gan chống được với trào hãy chơi
Cô rằng: - Sông thác có nơi
Gạt guom, bắt giáo coi trời bằng vung
Bắt luôn bấy ngọn mác thông
Chánh lãnh thủy chiến tháo vùng lui ngay
Phó lãnh phải đạn căng tay
Dù trào quyết chí cơ này phải lui
Quan quân binh lính phải lùi
Giặc đâu cái quái nhà trời sinh ra
Bắc Ninh có tướng đàn bà
Điềm trời không biết rồi ra thế nào

Các quan làm sứ đệ vào
Xin trào kén lấy binh đao tướng tài
Ngũ linh hoàng đế tới nơi
Hai ông ra ngoài dẹp giặc tỉnh Đông
Bắc Ninh quan Nguyễn có công
Kéo đi đánh Bắc dẹp Đông dập trời
Kéo về Hà Nội đóng chơi
Ơn đức nhà trời đuổi đánh đã xa
Chạy về Phủ Thuận gọi loa
Bao nhiêu tài tướng phải ra thú trào
Đường lên cơ ngũ đường nào
Ông đề lãnh Tào xông vào đánh ngay
Đánh từ hai một vui thay
Đến ngày hai tám bảy ngày không tha
Bảy ngày điểm soạn quân gia
Cô ba đánh chết tám trăm ba quân trào
Còn là binh lính nội đao
Trận này tổn hại biết bao ngày rày
Tư về Hà Nội kíp ngay
Bắt lính thiện xạ Sơn Tây mang về

Cai Vàng đóng ở Bò Đề
Quân triều kéo về đóng ở sông Dâu
Trận này phó lãnh đứng đầu
Ba nghìn quân tiến hạ nhau như là
Truyền quân đóng lại Thổ Hà
Xem mặt vợ bé thứ ba Cai Vàng
Các quan trào tiến quân sang
Xem mặt vợ bé Cai Vàng ra sao
Các quan dàn trận tiến vào
Cô ba bầm độn quân trào tới nơi.
Các quan sắp trận mà chơi
Quân trào mỗi mệt rã rời lắm thay
Chư tướng đặt tâu bày
Đánh bảy tám ngày chư tướng đã nao
Cô biết chẳng chống được nào
Ngâm cho binh lợi đao một kỳ
- Đàn bà hơi sức ra gì
Xin chàng đánh đỡ thiếp thì một phen
Cai Vàng thương vợ bước lên
Cho quân nàng đóng ở bên ngoài này

Anh vào đánh đỡ nàng đây
Đánh từ hăm tám rạng ngày ba mươi
Mấy ngày không thấy trào lui
Bắc loa còn gọi: - Hỡi người Cai Vàng
Biết tay Quốc Dụng chi vương
Mang quân ra thú trào đường sẽ tha
Nếu mà muốn thác ra ma
Thì đem binh mã mà ra đánh trào
Cai Vàng lo liệu làm sao
Bốn bề vây bọc đàng nào rút ra
Giờ dần mới sáng ngày ra
Bắc loa chính hiệu súng đà chỉ thiên
Cô ba biết hiệu biết tên
Sắp thành cơ đội binh quyền chấy ngay
- Cai Vàng có sự gì đây
Ai ngờ trào bọc trào vây mất rồi.
Mặc cho trào bọc trong ngoài
Cơm ngon rượu uống ăn chơi sợ gì
Đừng lo mà mệt trai đi
Trận này đã có nữ nhi ngoài này

Quân trào nghe nói sợ thay
Ở trong đốc thúc quân rày đánh ra
Trong thì Cai Vàng xông pha
Ngoài thì vợ bé thứ ba đánh vào
Quân trào tán lạc binh đao
Bốn bề súng bắn xông xao đi ùng
Đánh nhau đã ba giờ ròng
Súng bắn đi ùng như thể pháo ran
Đạn bắn như cát rải đàng
Các quan tìm đường về tỉnh Bắc Ninh
Truyền quân coi giữ mặt thành
Cô ba đuổi tới Bắc Ninh đánh trào
Truyền quân đóng sập cửa vào
Hăm lương quân trào rầy tháng sẽ tha
Ngoài thì đàn hát reo hò
Các quan trong tỉnh nằm lo đêm ngày
Than rằng: - Bể rộng đất dày
Trận này sống được trời hay chẳng trời
Hăm lương mười bảy ngày rồi
Binh hao lương tận hết rồi còn đâu

*Các quan ta phải hồi châu
Lập đàn cầu nguyện trước sau thế nào
Âm dương xin được ra sao
Cai Vàng có đáng ngôi cao thành hoàng
Thì xin ứng giám rõ ràng
Cai Vàng có đáng thành hoàng khi nay
Âm dương theo xuống liền tay
Cai Vàng không được, trào nay mừng lòng
Tiệc bày yến ẩm vừa xong
Có tên đày tớ phản thùng nội công
Quay đầu thú với trào trung
Thầy tôi có ngọc ở trong giữ mình
Ctôi thú trào đình
Đạn gang bắn chẳng vẹn mình được đâu
Đúc lấy đạn vàng cho mau
Gan vàng dạ ngọc bèn nhau như là
Truyền: - Giam nó lại cho ta
Chặt vàng đúc đạn bắn ra tức thì
Cai Vàng phải đạn một khi
Cai Vàng phải đạn rụng thì một tai*

Truyền quân dừng lại một hai

Lui quân ra ngoài ông mới bắc loa

Trèo lên cột ngựa gọi loa:

- Nàng ơi! trở lại anh đà thờ than

Cầm bằng anh thác không oan

Thác đi để lại mình nàng bơ vơ

Lấy ai nâng cây nàng nhờ

Thương nàng phận gái bơ vơ một mình

Nàng nên thú với trào đình

Thác đi có cả quân binh trọn rày

Cô ba cầm lấy cổ tay:

- Chàng ơi có thác phen này không oan!

Mình thiệp thi sức thi gan

Mang thân thác cửa vua quan đáng đời

Chàng thác yên phận chàng rồi

Chàng thác đã vậy thiệp tôi thế nào

Mình thiệp mười vạn binh đao

Biết rằng có chống lại trào được chăng

Vợ chồng than thở vừa xong

Cai Vàng sức kiệt dốc lòng ngã ra

Truyền quân mang xác về nhà
Tìm nơi an táng để mà cho yên
Rồi ra lập lại binh quyền
Cắt quân ra đánh một phen báo thù
Dầu mà yên thâm được ru
Ăn chơi cho thoả công phu đoạn tràng
Đánh cho một trận chói chang
Trả nghĩa cho chàng rồi mới chịu lui
Mộ chàng an táng yên rồi
Ra đánh trả nghĩa khúc hôì phen này
Đánh từ trống một canh chày
Bước sang giờ tý chưa đầy canh hai
Chánh lĩnh còn một cai loa>
Khí giới tan hết biết ra đường nào
Thấp cơ thua chí đàn bà
Bắt lấy Chánh Lĩnh điệu ra ngoài này
Bay đâu bó lấy đèn cây
Té chàng cho đủ ba ngày ba đêm
Cô ba mới bảo lời này
- Đầy tớ theo thầy chưa được bao lâu

Tớ thầy chưa được nhờ nhau

Ai ngờ quan Quận mình râu thác đi

Công danh chưa tỏ nên gì

Làm trai chưa gặp lúc thì ăn chơi

Bây giờ quan Quận châu trời

Quân gia đâu lại tái hồi làm ăn

Để ta tìm chỗ lánh thân

Dặn dò bản quán thôn dân mọi người

Ai mà đến hỏi thăm tôi

Xin đừng kể rõ khúc nhôi tỏ tường

Tìm nơi khuất núi biệt sương

Thân chim bóng ngựa tựa nqua đời

*

Chuyện Cai Vàng có thể thôi

Nữ nhi hồ dễ mấy người giỏi giang.

Đại Trận tên thật là Giáp Văn Trận, quê ở làng Lý xã Ngọc Lý, tổng Ngọc Cục huyện Yên Dũng. Tổng Ngọc Cục sau chuyển sang huyện Yên Thế (nay là làng Lý thuộc xã Ngọc Lý - Tân Yên). Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Năm 1870 do bị Cai Bảo đánh đập, ông cũng cùng em là Giáp Văn Cương hô hào mọi người nổi dậy chống cường quyền. Chỉ trong một thời gian ngắn ông đã tập hợp được nhiều thủ lĩnh như Nguyễn Đức Bình (Sơn Tây), Nguyễn Đức Hoàng (Thái Nguyên), Nguyễn Văn Hồ (Bắc Ninh), Đồng Văn Trúng (Ngô Xá - Yên Thế). Ông tự xưng là Tiên quân chánh thống tướng, sau quen gọi là Đại Trận.

Tại một khu đồng nước gần làng Lý ông xây Trại Trận, có tường dày và cao bao bọc cho một khu doanh trại. Ngoài ra còn có xưởng rèn đúc vũ khí ở làng Ngò - Vân Cầu (nay thuộc Song Vân - Tân Yên) và căn cứ ở Thượng Phúc (Kim Anh).

Mở đầu, nghĩa quân tấn công Mỏ Thổ, san phẳng thành phân phủ Lạng Giang mới đắp năm 1864. Tại làng Ngò, nghĩa quân tiêu diệt cánh quân của Lãnh Lê và Phủ Hoàn rồi tràn xuống Bắc Ninh, tiến xuống Bằng Gôi (Hà Nam), quật lên Tam Đảo, hoạt động mạnh ở Kim Anh, lực lượng có lúc đông tới 2000 người. Triều đình phải cử Tôn Thất Thuyết hỗ trợ Nguyễn Oai đánh dẹp.

Hai năm 1873-1874 hoạt động mạnh ở Yên Dũng, chặn đường về nước của sứ bộ Phan Sĩ Thục. Vì vậy, Nguyễn Oai bị giáng chức. Sách *Đại Nam thực lục - chính biên* ghi nhận: "Giặc tên là Trận ở Bắc Ninh (tên Trận lúc đầu họp bè lũ ở xã Thượng Phúc huyện Kim Anh ước 400 người, là một toán giặc nhỏ đi cướp ăn, về sau hòa theo bè lũ đến hơn 2000 người) kết hợp với giặc lẫn trốn nước Thanh chia ra quấy nhiễu các phủ huyện Lạng Giang, Yên Dũng. Thị sư Nguyễn Oai tâu xin 1000 quân tinh nhuệ để giúp đánh dẹp. Vua mới sai Tham tán Tôn Thất Thuyết đem theo bọn Trương Văn Đễ và quan quân đến ngay hạt Bắc để đánh dẹp... Sứ bộ sang Thanh là bọn Phan Sĩ Thục trở về nhân đường bị tắc nghẽn vì giặc Trận ở Bắc Ninh quấy nhiễu ở lâu thành Lạng Giang làm sứ tâu về. Vua quả trách quan quân thứ".

Tuy có quân và voi nhiều gấp đôi, súng ống khí giới tốt và đầy đủ, Tôn Thất Thuyết vẫn chưa thắng được trận nào, lại bị giáng cấp. Đầu năm 1875 hai bên giao chiến dữ dội ở Cổ Loa, Phù Lai, mỗi bên đến năm sáu trăm người chết trận. Sau trận này; Đại Trận kéo về Đông Lỗ. Tháng 3-1875, Tôn Thất Thuyết đốc toàn lực tấn công và đã thu được thắng lợi. *Đại Nam thực lục - chính biên* chép: "Quan quân thứ và quan tỉnh (Bắc) Ninh - Thái (Nguyên) là Tôn Thất Thuyết sai bọn đề tán là Nguyễn Văn Hùng, Trương Văn Đễ, Ngô Tất Ninh, Trương Văn Ban chia đường đánh giặc người Thanh, người Kinh ở các nơi Yên Viên, Đông Lỗ, xông pha tiến như mưa, đều hạ được đồn lũy, bắt được tên đầu sỏ giặc là Trận (ngụy xưng là Đại nguyên soái) đem chém, bêu đầu cho mọi người biết. Bắt chém giặc người Thanh, người Kinh trên 1400 tên, thu khí giới nhiều vô kể. Tin thắng trận tâu lên, vua làm

thơ ghi việc vui, thưởng cho Thuyết thăng Thự tổng đốc Ninh - Thái, gia thưởng cho một bài đeo bằng ngọc quý, một nhẫn vàng khảm ngọc châu hoả tề, kim tiền Long vân khế hội hạng nhất hạng nhì mỗi thứ một đồng, bọn đề tán thăng thưởng có thứ bậc".

Bài về dưới đây ghi lại khá đầy đủ giai đoạn mở đầu và trận kết thúc do kế *hoả ngư* (trâu lửa) của Tôn Thất Thuyết, phê phán sự ấu trĩ và non nớt của phong trào:

Giặc kia Đại Trận cầm đầu

Quan quân binh lính ra mâu phải theo

Ngoài xuôi nước nổi như bè

Giặc phá Mỏ Thổ quan theo mé này

Quân lên mắc nước Cầu Chay

Giặc thì phá mãi trên này dân lo

Phủ thành giặc phá ra tro

Đàng Ngoài lự đồ trời cho xoay vần

Ngựa voi mắc nước mấy lần

Quan quân trong bụng có phần lo âu

Giặc thì nói nghĩ mưu sâu

Nghĩ ra một kế dử đầu đánh đuôi

Giặc tràn đánh mãi về xuôi

Đánh lên Tam Đảo muôn người lừng danh

San đi biết bấy nhiêu thành

*Thế to giặc cứ hoành hành khắp nơi
Kéo về Đông Lỗ nghỉ ngơi
Cho quân đi báo: - Giặc thời ở đây>
Quan quân kéo đến bao vây
Ngựa voi lính tráng mỗi ngày một đông
Giặc thì bình tĩnh như không
Cho rằng đánh thắng nên công dễ dàng
Cho quân đàn hát trong làng
Ngâm đũa giấy đến Ngọc Nham tức thì
Ai ngờ người cầm giấy đi
Quan quân bắt được ngay khi công vào
Quan quân tiến đánh ào ào
Đàn voi hung dữ sức nào dám đương
Quăng cây quật đổ đầy đường
Cọ nhà nhà sập, cây tường tường long
Đòn quân Đại Trận vào trong
Rào tre cánh sẻ xiết vòng vây thêm
Đại Trận bối rối từng phen
Bởi không tiếp viện hoá nên nổi này
Bảo nhau cố phá vòng vây*

Cho dù sinh tử bó tay anh hùng

Lội ao tìm lối đi vò>

Gặp đàn trâu lửa vầy vùng ghê thay

Giao tranh gần hết một ngày

Đại Trận thấy bí rút ngay guom mình

Nói sang với quân triều đình:

- Lòng ta muốn dẹp bất bình đã lâu

Cứu dân ra khỏi thảm sầu

Non sông tươi tốt mưu cầu của ta

Bởi nên có chuyện can qua

Chống triều là chí của ta dựng cờ

Hôm nay xảy chuyện bất ngờ

Bên công thành bại giấc mơ ở đời!

Đại Trận vừa nói dứt lời

Lưỡi guom đâm cổ cuộc đời quyên sinh.

(Theo lời kể của nhân dân vùng Đông Lỗ, Vạn Vân (Yên Viên) trận này cả hai bên thiệt hại rất lớn. Khi chiến sự kết thúc, mỗi xuất đình trong làng phải chôn 10 người chết trận, sau phải chôn thêm 6 người nữa. Xác ngập cả sông Đông Lỗ, lấp kín cửa cống. Dân gọi trận này là Trận giặc lá ý nói người chết nhiều như lá rụng. Khi Đại Trận bị chém chết, xác quăng xuống sông Cầu, trôi về đến Đò Hàn (Đầu Hàn xã Hoa Long - Yên Phong) dân vớt lên chôn cất và lập đền thờ. Cũng có thuyết nó Đại Trận bị chết cháy. Một chi tiết chứng tỏ Đền Thám có quan hệ với Đại Trận là: tại làng Chũng, Đền Thám dựng một ngôi đền thờ Đại Trận, nay vẫn còn. Sau này khi ở căn cứ ở

Phồn Xương, ông cũng dựng ngai thờ ở Đền Thề (nay là chùa Phồn Xương) đặt bài vị Tiên Quân Trần ở chính giữa còn bài vị của Cai Vàng, Đội Văn và Cai Biểu để ở hai bên).

Quận Tường tên thật là Nguyễn Văn Tường, quê ở làng Châu - Ngô Xá, tổng Yên Lễ huyện Yên Thế (nay nằm trong xã Cao Xá - Tân Yên), sinh trưởng trong một gia đình nông dân, từ nhỏ đã ham mê võ nghệ, thích săn bắn và đấu vật các dịp hội làng.

Năm Bính Dần (1866) có hiện tượng sao mọc ban ngày, sắc xanh biếc như sách *Đại Nam thực lục - chính biên* ghi nhận: "Sao Thái Bạch (sao Kim) mọc ban ngày ở vào địa phận sao Đẩu, đến tháng 6 mới tắt". Dựa vào hiện tượng lạ này, Quận Tường cho là ứng vào điềm phía bắc sẽ xuất hiện thiên tử áo xanh, kêu gọi dân chúng đứng dậy đánh đổ nhà Nguyễn. Trong thời gian ngắn ông đã tập hợp được hàng ngàn người đủ cả Kinh, Tày, Nùng suốt một giải Yên Thế, Hữu Lũng, Lục Ngạn, Bảo Lộc, Phượng Nhãn, Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hoà. Quân áo, thắt lưng, xà cạp đều màu thanh thiên.

Ngay từ đầu, mục đích của phong trào đã mơ hồ nhưng nó nổ ra vào thời điểm xã hội bế tắc, dân tình chán ghét chế độ do đó vẫn thu hút được nhiều người hưởng ứng. Trong hai năm 1866 - 1867 nghĩa quân tràn sang Kim Anh, xây dựng căn cứ ở núi Vệ Linh, toả ảnh hưởng sang cả Đa Phúc.

Năm 1868 Ngô Côn mang một lực lượng thi lớn kéo vào Lục Ngạn, Bảo Lộc tìm cách bắt tay với nghĩa quân Quận Tường, tràn xuống chiếm phủ thành Lạng Giang ở Châu Xuyên. Đây là sai lầm lớn nhất của người thủ lĩnh phong trào khiến dân chúng xa lánh, quay lưng lại với mình. Năm 1869 Ngô Côn chết trận ở Bắc Ninh, quân đội triều đình do Hoàng Kế Viêm chỉ huy đã tấn công nghĩa quân nhiều trận ở Quán Tỉnh (Đông Ngàn), Tiên Dược (Kim Anh). Năm 1870 tri phủ Từ Sơn là Trương Quang Đản nhiều lần đánh vào căn cứ của Quận Tường ở Kim Anh, Đa Phúc.

Năm 1871, Quận Tường lại thu nhập một số toán quân Thái bình thiên quốc và năm sau đánh một trận rất lớn ở Đoan Bái, Sơn Quả (Hiệp Hoà) gây cho quân đội triều đình nhiều tổn thất nặng nề. Tự Đức phái Nguyễn Oai nhảy vào vòng chiến, đặt một món thưởng rất hậu: "Trao giải thưởng hậu cho kẻ bắt được giặc Tường (Tường là giặc người Kinh là thứ yếu phạm gọi là

Quận Tường, là giặc trốn lâu năm, chặn bắt hơi khó bèn treo giải thưởng hậu) bắt sống được thì thưởng cho chánh thất phẩm và 200 lạng bạc, chém được đầu thì thưởng chánh bát phẩm và 100 lạng bạc. Người có chức hàm rồi thì cứ theo lệ ấy mà thưởng lên nhưng chỉ đến tứ phẩm là cùng" (*Đại Nam thực lục - chính biên*).

Ardand du Picq trong cuốn *Lịch sử một ngôi thành An Nam: Bắc Ninh* cũng đã viết: "Nguyễn Oai tổng đốc Bắc Ninh được vua Tự Đức giao cho nhiệm vụ đánh đuổi các toán giặc Trung Quốc tràn vào Yên Thế và lần đầu tiên chúng đã liên kết với bọn cướp Việt Nam đặt dưới quyền chỉ huy của một người tên là Quận Tường quê ở làng Ngô Xá".

Viên tri phủ Yên Thế là Trịnh Văn Tường đem quân đi tiêu trừ đã bị nghĩa quân bắt sống khiến thượng thư Nguyễn Huy Bích, vừa là bố nuôi vừa là đồng hương Thọ Xương (làng Thương - thị xã Bắc Giang) huy động lực lượng lớn đến cứu nhưng vô hiệu. Nghĩa quân lùi về Tuấn Đạo (Lục Ngạn) rồi lại tràn xuống Đông Ngàn. *Đại Nam thực lục - ai sự kiện xảy ra vào năm 1873: "Giặc người Kinh tên là Nhiên tụ họp ở xã Vân Trì (Đông Ngàn) họp với tên Tường ngày càng quấy rối. Thị sư là Nguyễn Oai phải phó lãnh binh quan Lê Thiện Hành, Nguyễn Luận và tri phủ Trương Quang Đản chia quân tiến đánh phá tan được. Tên Tường trốn thoát, bắt được tên đầu mục đem về"*.

Cuối cùng lực lượng nghĩa quân bị suy yếu. Quận Tường phải rút lực lượng về Lan Giới xây đồn lũy, khẩn hoang và chờ thời. Cuối năm 1874 Tôn Thất Thuyết được cử làm Tham tán cùng Trương Văn Đề phối hợp với Nguyễn Oai tấn công vào Lan Giới. Quận Tường hy sinh và phong trào bị dập tắt.

Bài về dưới đây kể lại vắn tắt các diễn biến chính của phong trào.

Trên trời có ông sao xanh

Làng Châu - Ngô Xá có anh Quận Tường

Quân theo những Mán cùng Mường

Kéo về Kẻ Chợ lừ lờng lừ lô

*Những toan gâỵ dựng cơ đồ
Giang sơn riêng một cơ đồ bá vương
Chỉ to đâu phải chuyện thường
Ai hay lạc bước theo phường giặc Ngô
Dân tình thấy thế mà lo
Giặc đốt giặc cướp ra tro xóm làng
Xa gần dân tán điền hoang
Ngày đêm mong đợi quân quan mở cờ
Giặc thì tiếng nổi đã to
Phủ thành chưa vỡ ai cho ra gì
Quân triều còn có bụng nghi
Giặc Ngô rút cả còn thì giặc Kinh
Quan triều thấy thế lo mình
Loan: - Quân bay hãy thủ thành cho nghiêm
Bao giờ truy số có truyền
Bao giờ tướng mạnh quân bên sẽ hay
Phái viên tri phủ đến ngay
Khiến rằng: - Ông Quận hãy quay về triều
Quan cao bổng lộc có nhiều
Khỏi mang tiếng giặc là điều nên chăng?*

Quận Tường khẳng khái râu rắng:

- Chỉ tôi đã quyết đập bằng bát công

Chỉ tôi muốn dựng non sông

Cứu dân ra khỏi cái vòng khổ đau

Về hàng thân kiếp ngựa>

Trăm năm liệu có cát đầu được lên.

Quân bay nghe lệnh ta truyền

Bắt quan tri phủ sang bên nhà này

Nhấn người nhà phải đến đây

Đủ vàng mười lạng định ngày sẽ tha

Nếu không sẽ biến thành ma!

Tin dữ bay đến cả nhà quan lo

Tin vào đến tận Triều đô

Đến tai cụ Thượng những lo một mình

- Nếu chuộc bị tội triều đình

Không chuộc con mình sẽ biến thành ma!

Cuối cùng cụ Thượng ban ra:

- Tiên quân bắt giặc phải tha tức thì!

Quận Tường nghe biết một khi

Chém đầu tri phủ tức thì lui quân

*Bởi chung không được lòng dân
Đến đâu dân trốn gian truân mấy hồi
Lương ăn là kẻ lâu dài
Lại về Lan Giới tính bài khăn hoang,
Hậu, đồn Han
Ngựa voi lính tráng quân quan đóng đầy
Lệnh truyền tức tốc bao vây
Quân triều tiến đánh nửa ngày sạch không
Quân Trường lâm cảnh thế cùng
Rút gươm tự sát quyết không đầu hàng
Cũng là gây một tiếng vang
Đời sau hãy nhớ Quận Trường làng Châu.*

Lạc Thổ vốn là một tổng nhất xã, có ba thôn Lạc Trù, Lạc Nghiệp, Lạc Thổ tục gọi là làng Châu. Về sau tổng này thuộc vào tổng Đông Hồ huyện Siêu Loại. Nay Lạc Thổ thuộc xã Song Hồ huyện Thuận Thành.

Cuối tháng 6-1862 nghĩa quân Cai Vàng hạ xong thành Bắc Ninh đã tràn qua sông Đuống. Sách *Đại Nam thực lục - chính biên* cho biết: “Thự tri phủ Thuận Thành (Bắc Ninh) là Lê Thanh Bạch chặn giữ quân thổ phỉ (tức nghĩa quân) ở địa phận Khám. Cùng với con là Thanh Phái, đều bị chết trận cả... Việc ấy tâu lên. Vua sai Tôn Thất Hàn sang làm Tổng đốc quân vụ đại thần, thống quản các đạo biên tiến đánh. Lãnh bố chánh sứ Khánh Hoà Nguyễn Đăng Hành, hình bộ biện Tôn Thất Đản, Hộ bộ lang trung là Hà Hạnh đều chuẩn bị cho ra miền Bắc làm tham biện quân vụ, lại sai các tỉnh Hà Nội, Hưng Yên thông sức cho trong thuộc hạ chiêu mộ lấy người gigiang, khoẻ mạnh cho nhiều, đem đi hiệp sức đánh giặc”.

Nguyễn Đăng Hành người Quảng Bình, do đỗ tiến sĩ nên còn gọi là Nghè Hành. Khi ở Khánh Hoà đem dân đồng một ở Quảng Bình - Thanh Hoá ra Bắc, đã giao chiến với nghĩa quân 13 trận. Khi đem quân định lấy lại phủ Thuận Thành thì bị nhân dân làng Lạc Thổ giết chết. Sách *Đại Nam thực lục - chính biên* ghi: "Khâm phái Nguyễn Đăng Hành đánh giặc ở Đông Hồ (phủ Thuận Thành, Bắc Ninh) bị chết trận... (vì) đến đây đi trước, không có quân cứu viện, bị chết trận".

Do sự kiện trên, Tự Đức ra lệnh *Triều đình vô hữu lạc thổ* để triệt hạ làng này. Cuối thế kỷ 19 có một phụ nữ Lạc Thổ tên là Nhiều Hoa vợ một viên quân công người Trúc Ổ (nay thuộc Quế Võ) xin được bãi lệnh, tự nguyện đứng ra chiêu tập dân làng ở Cầu Chiêu (sau đọc lệch là Châu) hình thành dần ba thôn kể trên lập nên nhất xã nhất tổng. Bài vè dưới đây kể lại việc giết Nghè Hành và hậu quả của nó:

Ông Nghè cười ngựa đi qua

Đàn ông Lạc Thổ chạy ra đầu làng

Gậy gộc cùng với đòn càn

Hè nhau vào đánh Nghè Hành chết tươi

Xong rồi mới sợ rưng rờ

Con vua mà chết nhục tôi phen này!

Tìm người chịu tội đỡ thay

Bảo nhau võng cáng vát ngay ra đồng

Đi qua Đạo Tú, Đông Đông

Sang đồng Á Lữ con giông >

Chỗ ngựa chết những máu me

Lúc quan quân về khám chẳng thấy sai

Cùng nhau lập sở tâu bày
Triều đình có lệnh về ngay tức thì:
- Lạc Thổ triệt hạ nó đi .
Dân làng ngỡ ngách để mà hại ta!
Quản chi xuôi độc rừng xa
Tìm nơi kiếm chốn để mà độ thân
Đông, Đoài, Nam, Bắc xa gần
Đều có Lạc Thổ đặt chân đến rồi.
Khởi từ năm mới có Tây
Họ sang đô hộ bên này dụ dân
Trước sang chỉ có một phần
Bây giờ Tây đến đông dần hại thay
Sáng tinh Hà Nội ban ngày
Ầm ầm súng gấn chiếm ngay tỉnh thành
Có quan Tuần phủ Bắc Ninh
Người ra đầu trí chống kinh với Tây
Các quan sợ phải đi ngay
Đem lính lên tỉnh Sơn Tây làm vì
Nước ta từ thuở hàn vi
Quân ta, Tây bắt việc gì cũng vâng

Tây sang cai trị lấn dần
Ba bìa đóng thuế muôn dân nặng nề
Thuế đò, thuế chợ, thuế xía
Bây giờ Tây bắt đóng thì thuế đình
Ngẫm xem các báo nhật trình
Nói rằng người chúng văn minh đủ điều
Nước Nam kẻ khó người nghèo
Đóng một suất thuế lo xiêu cả nhà
Ai kia phú quý đề đa
Tiền bạc rúc rích người ta không cần
Sức về quốc trái công ngân
Tiền quyền phú hộ ba lần đóng ngay.
Nhà nước sẽ phát mẽ đay
Lý trưởng lên ãnh ngay mang về
Cấp cho điền hộ nhà quê
Ai mà có lực ắt thì được đeo
Nước Nam ta mất tiền nhiều
Công sưu tạp dịch, tạp tiêu không trừ
Bắt khai trường học tổng sư
Bắt dân nộp thóc để mà cấp lương

Dân ta lo đủ mọi đường
Tây sang Tây bắt việc thường phải nghe
Xẻ sông cho chí đắp đê
Mặt đường rải đá hai lè xói lên
Mượn người trông cỏ hai bên
Trông xoan, trông sáu thẳng biên một dòng
Từ Hà Nội xuống Hải Phòng
Tây mượn phu kịp làm công dọn đường
Tàu bè chạy khắp tứ phương
Ô tô xe cộ cùng thông một dòng
Vì người Nam chẳng một lòng
Nên chung thất thế phải tòng quân Tây>
Chúng còn ở mãi bên này
Dụ người đi lính tính rày hại dân
Đạc điền chiếu đất xa gần
Chăng dây đóng cọc bắt tuần đem chôn
Tây sang lập các tỉnh đồn
Lĩnh canh nhật dạ gặp luôn thủ thành
Nói rằng để dân yên lành
Từ năm vua trẻ bôn hành đến nay.

(TỨC PHAN ĐÌNH PHÙNG)

Phan Đình Phùng hiệu là Châu Phong; người làng Đông Thái, nay thuộc xã Đức Phong, huyện Đức Thọ (Hà Tĩnh), đậu đình nguyên tiến sĩ năm 1877, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống pháp ở Hương Khê (Hà Tĩnh). Nghĩa quân của ông có tổ chức, có kỷ luật chặt chẽ, nên được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ; các tướng lĩnh của ông lại là những người xuất thân từ nông dân nghèo khổ, nên tinh thần chiến đấu rất kiên cường và dũng cảm. Hai yếu tố này đã giúp ông khắc phục mọi khó khăn, và kiên trì kháng chiến hơn mười năm. Bọn thực dân Pháp đã dùng nhiều thủ đoạn từ bạo lực đàn áp, đến dụ dỗ mua chuộc, nhưng vẫn không khuất phục được khí tiết của ông. Khi ông mất, chúng đã đào mồ, lấy xác của ông thiêu và đem than nhuộm làm thuốc súng bắn xuống La Giang.

Bài này đã phản ánh được những nét lớn về cuộc khởi nghĩa đó. Tác giả đã ca ngợi những chiến công của nghĩa quân, đề cao khí tiết của Phan Đình Phùng, và các tướng lĩnh của ông, nhất là Cao Thắng. Đồng thời, bài về đã nói lên sự căm ghét của nhân dân đối với bọn phản quốc, như Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, Đinh Nho Quang v.v... Đây là một trong những bài về xuất sắc ca ngợi anh hùng, nghĩa sĩ tham gia phong trào chống pháp trước đây. (Bài này do cụ giáo Nhi cùng quê Phan Đình Phùng đọc cho ghi).

Quan Đình người ở quê ta,

Khí thiêng hun đúc sơn hà Hồng Lam.

Vốn là dòng dõi họ Phan,

Tiếng thom Đông Thái đồn vang khắp miền.

Tài cao từ thuở thiếu niên,

Đã gồm văn võ lại hiền xưa nay.

Vua ban chức ngự sử đài,

Phụng công thủ pháp đêm ngày chăm lo,

Triều quan từ nhỏ đến to,

Ngài đều hặc tấu không cho hỗn hào.
Nước nhà đang buổi nhôn nhao,
Ngoài đường có giặc, trong sao lãng loạn.
Giận thay mấy kẻ quyền gian,
Thay vua đổi chúa, coi thường nhân luân
Quan Đình vốn trọng nghĩa nhân,
Thanh thiên bạch nhật ngài phân tỏ tường.
Rằng nay giữa chốn miếu đường,
Mưu toan phé lập luân thường ra chi.
Tự quân chưa có tội gì,
Mà đem phé lập vậy thì có nên.
Quan tướng nổi giận xung thiên,
Đã toan trảm quyết nhân tiên cho coi.
Nhưng rồi lại nghĩ xa xôi,
Trọng gương nghĩa khí, thương người đởm trung.
Truyền cho giáng chức hoàn dân,
Quan Đình khi ấy hoàn dân rút về.
Quê hương cách trở sơn Khê,
Tin nhà vội báo ngài về cư tang
Mấy năm mển cảnh xóm làng,

Càng nhìn lại chốn miếu đường càng đau.

Phải là gỗ đá chi đâu,

Chỉ cao vẫn rấp muru sâu những ngày

Đến năm Ất Dậu vừa hay,

Trấn binh nổ súng, giặc Tây chiếm thành.

Tan hoang phố xá miếu đình

Quân gia vất vả, dân tình bơ vơ.

Cháy nhà mất chuột mới trơ,

Quận Tường sớm đã thừa cơ đầu hàng.

Bám phòng tả đạo cho an,

Mặc quân với quốc, mặc làng với dân.

Một mình quan tướng ân cần,

Thua được sự thường, phải giữ lòng trung.

Xe loan đành nhuộm bụi hồng,

Vua quan lúc ấy một lòng quyết đi.

Vượt qua mấy nẻo trùng vi,

Đèo cao núi thẳm quản gì gian lao.

Cần vương xuống hịch ruổi sao

Phải lấy máu đào đền đáp giang sơn.

Anh hùng thảo dã, thâm sơn,

*Phải ra mà giúp quân vương hội này.
Quan tướng nghĩ được chước hay,
Liên cho lệnh chỉ đòi ngay quan Đình.
Cầm tay ký chú đình ni>
Tòng vong hộ giá sự mình phải lo.
Còn như xây dựng cơ đồ,
Phát cờ tụ nghĩa phải nhờ cậy ông.
Tước ban tể tướng sơn trung,
Quan Đình khi ấy vui lòng đảm đương.
Trở về giữa chốn quê hương,
Nằm gai nếm mật lo lường quốc gia.
Hương Khê non nước bao la
Giang sơn riêng hẳn một toà cõi Nam.
Mười tám quân thứ rõ ràng
Suốt từ Thanh Hoá đi sang Quảng Bình.
Trong tay mấy vạn tinh binh,
Đã trừ quân đạo, lại bình quân Tây.
Trăm họ hơn hở đêm ngày,
Tụng công đức ấy vì tày mẹ cha.
Bảo nhau của cải đem ra,*

*Gửi lên sơn trại gọi là quân lương.
Quan Đình tâm viễn chí cường,
Đêm đêm trần trọc tính đường thế công.
Bảo cùng Cao Thắng đồng nh
Quân Tây nó có thân công rất mâu.
Súng ta có độ được đâu,
Làm sao chê được mới hầu hơn thua.
Khen thay Cao Thắng tài to,
Lấy ngay súng giặc về cho lò rèn.
Đêm ngày tỉ mỉ mở xem,
Lại thêm có cả đội Quyên cũng tài.
Xưởng trong cho chí xưởng ngoài,
Thợ rèn các tỉnh đều mời hội công.
Súng ta chế được vừa xong,
Đem ra mà bán nức lòng lắm thay.
Bán cho tiệt giống quân Tây,
Cậy nhiều súng ống phen này hết khoe
Các tướng mưu lược cũng ghê.
Đội Văn, quản Đạt, đứng kê lãnh Chanh
Hồng, Lam mặc sức tung hoành,*

Đánh đồn tỉnh Nghệ, phá thành Nam Giang.>Bắt sống tuần phủ Đinh Quang

Giết Trương Quang Ngọc hết đảng theo Tây.

Vận trời còn bĩ khi nay,

Để cho xa giá lột tay kẻ thù.

Trời Nam gió bụi mịt mù,

Quan Đình ngài vẫn giữ cờ không nao.

Hồng, Lam tỏ mặt anh hào,

Văn thân bốn cõi trông vào một ta.

Thua cơ Tây phải cầu hoà,

Sai Hoàng Cao Khải tiến thơ thuyết hàng.

Quan Đình sắt đá bền gan,

Lòng trung bạch nhật minh quang chẳng dời.

Hoàng Cao nói chẳng dặt lời,

Lại xui Tây tặc phải thời tiến binh.

Sao không biết hổ với mình,

Hỏi rằng chức tước hiển vinh nổi gì?

Mang danh khoa mục làm chi,

La Giang một nước mà chia đôi dòng!

Hoàng Cao nhục nhã đã xong,

Nguyễn Thân đâu cũng vào vòng khuyển

Lại cùng Tây tặc mưu mô,
Người Nam lại phá cơ đồ nước Nam.
Tử sinh liêu giữa chiến tràng,
Thương hay Cao Thắng nửa đàng mệnh chung.
Anh hùng vẫn giống anh hùng,
Há đem thành bại luận trong cao dày.
Quan Đình như gãy cánh tay,
Nghĩ tình thủ túc đêm ngày xót thương.
Nguyễn Thân lập kế tuyệt lương,
Chia binh các ngả chặn đường quân ta.
Quan Đình nhuốm bệnh tháng ba,
Thương thay Ngũ Trọng sao sa chí kỳ.
Vụ Quang huyết chiến vừa khi,
Mấy ngàn lính Pháp xác thì chật sông.
Trong quân chưa kịp hạ công,
Quan Đình phút đã xe.rông lên tiên.
Bàng hoàng thương nỗi con đen,
Chim non mất mẹ vẹn tuyến được sao? Sông dài biển rộng trời cao,
Sử xanh còn với anh hào dài lâu.
Nguyễn Thân hèn hạ xiết đâu,

Đốt thây làm thuốc nhồi đầu hoả mai.

Gian tà đặc chí mây hơi,

Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương.

Quan Đình giữ tiết cương thường,

Vẫn còn hương hoả từ đường dài lâu.

Bình Tây ai dựng cờ đầu,

Hồng, Lam danh tiếng về sau còn nhiều.

Dẫn con, dẫn cháu mọi điều,

Về này phải thuộc cho nhiều mới hay.

Cuộc vận động chống thuế đã nổ ra rầm rộ ở Trung Bộ năm 1907 - 1908.

Bài này, theo nội dung, có lẽ là bài về sáng tác ngay giữa cuộc biểu tình chống thuế. Tác giả kêu gọi mọi người kiên trì giữ vững hàng ngũ, chống lại những luận điệu tiêu cực, sợ đấu tranh, tin vào lòng "công bình" của giặc. Đoạn cuối bài toát lên tinh thần quyết tâm đòi giảm thuế cho bằng được, nếu không thì được biểu tình xin xâu nhất định không giải tán. >

Này xin sáu phủ, huyện dân

Gắng công chờ đợi, chớ phân đêm ngày.

Võ nên kêu bởi nhiều tay,

Kẻ đi, người đến, đổi thay cho thường.

Đừng nghe mấy chú bất lương,

Nhát run tâm bậy kiếm nơi ăn nằm.

Dân mình cực khổ mấy năm,

Nào ai chẳng giận căm căm trong lòng,
Cũng vì nhiều kẻ không dong,
Ghét ghen chận máy những mong hại tàn.
Cho nên dân bị làm than,
Thôi thôi thư lại để toan việc mình.
Có ông bảo hộ “công bình”,
Dân kêu sao nữ làm thình lẽ nào ?
Đừng tham tim đượm dầu hao,
Muốn tìm đặng cạp phải vào hang sâu
Anh em ta chó ưu sầu,
Việc này là việc dài lâu mình nhờ.
Ở cho đông đảo mình chờ,
Đêm ngày mười bốn thì tờ đã tư.
Đặng cay khó nhọc đừng từ,
Thuế điền xin nộp mà từ bách phân.
Một đồng chánh, nộp thuế thân
Hai ngày công ích cắt phần ra đi.
Thuế điền, thuế chợ, thuế chi...
Thôi xin quyền miễn như khi tiên hoàng.
Dù cho muôn dặm sấm vang,

Anh em cũng giữ đá gang một lòng.

Đùng lui mà việc không xong.

Đầu thế kỷ hai mươi, một số sĩ phu chủ trương dùng hình thức hợp pháp để vận động cải cách, đề xướng dân quyền, chấn hưng công thương nghiệp. Tháng 3-1907, Lương Văn Can và Nguyễn Quyền thành lập Đông kinh nghĩa thực, dạy đến hơn 1000 học sinh, tổ chức bình văn diễn thuyết, biên soạn sách bao, tuyên truyền tư tưởng yêu nước. Sau Đông kinh nghĩa thực, các sĩ phu lại tổ chức mở hiệu buôn. ảnh hưởng của việc mở hiệu buôn, trường học ngày càng lan rộng, khích động phong trào ái quốc ái quần. Đoạn trích dưới đây nói riêng về Nguyễn Quyền người cầm đầu phong trào lúc ấy.

Con mây gió trời Nam báng lảng

Bước anh hùng nhiều chặng gian truân.

Ngẫm xem con Tào xoay vần

Bày ra một cuộc duy tân cũng kỳ.

Suốt thân sĩ ba kỳ Nam - Bắc,

Bổng giạt mình sực tỉnh con mê:

Học, thương, xoay đủ mọi nghề

Cái hồn ái quốc gọi về cũng mau!

Hồn đã tỉnh, bảo nhau cùng dậy,

Chưa học bò vôi chạy đua theo.

Khi lên như gió thổi diều,

Trong hò xin thuế, ngoài reo hãm thành.

Cách hoạt động người mình còn đại,

*Sức oai quyền ép lại càng mau.
Tội nguyên đồ đám nho lưu
Bắc Kỳ thân sĩ đứng đầu năm tên
Người tinh Bắc, Nguyễn Quyền là một
Con nhiệt thành lửa đốt buồng gan.
Đùng ùng gió cuốn mây tan,
Mở tân giới, xoay nghề tân học,
Đón tân trào, dựng cuộc tân dân
Tân thư, tân báo, tân văn
Chân đi miệng nói xa gần thiếu đâu
Trường nghĩa thực đứng đầu dạy dỗ.
Khắp ba mươi sáu phố Hà thành.
Gái, trai nô nức học hành,
Giáo sư mấy lớp, học sinh (sinh) mấy ngàn
Kỳ diễn thuyết người xem như hội,
Buổi bình văn khác tới như mưa.
Nôm quốc ngữ, chữ Hán thư,
Bài ca yêu nước, câu thơ hiệp đoàn.
Trong chín tháng, sóng tràn gió dập
Tiếng Đông kinh lừng khắp Đông Dương.*

*Khắp đâu đâu cũng học trường,
Cùng nhau đua bước lên đường văn minh.
Họ càng thấy người mình càng ghét
Càng trao nhau đè nẹt càng già.>
Thương ôi, ấu trĩ sơn hà!
Nước chưa lặng sóng, gió ãa rung cây.
Trong sóng gió nhưng tay vẫn vững,
Bé học rồi lại đứng khai thương.
Rủ nhau một họ Hồng Bàng,
Hồng tâm hưng mở ngôi hàng buôn chung.
Đồ nam hoá, bá công kỹ xảo,
Khách Bắc Hà thập hiệu vãng lai.
Sửa sang trong cái khuôn trời,
Mở mang trí não cho người nước ta.*

(Về Đề Thám ra đời rất nhiều. Chúng tôi tìm được gần 10 bản ở nhiều nơi, dưới đây xin trích một số đoạn, đánh dấu I, II, III v.v...).

Trong các phong trào chống Pháp của dân tộc ta trước đại chiến thế giới lần thứ nhất, cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế (Hà Bắc) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề nhất. Nghĩa quân Yên Thế phần lớn là những người xuất thân từ nông dân nghèo khổ, có tinh thần yêu nước căm thù bọn thực dân cướp nước, chiến đấu rất dũng cảm. Hoàng Hoa Thám lại là người chỉ huy xuất sắc của phong trào, thất bại không nản, gian nan không sờn, nên được nhân dân hết

lòng ủng hộ. Nhờ vậy mà cuộc kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân Yên Thế kéo dài được gần ba mươi năm trời.

I

Kể từ Tự Đức một khi,

Người lên trị vì tam thập lục niên.

Tỉnh thành thất thủ mấy phen,

Khen ai xây dựng cho nên cơ đồ?

Từ ông Thành Thái đến giờ,

Hao binh tổn tướng biết cơ nhường nào.

Lòng trời vận chuyển làm sao,

Để cho thiên hạ lao đao mấy lần.

Đoạn rồi đến hiệu Duy Tân

Cũng mong sao được cho dân thái hoà.

Bây giờ đến năm thứ ba,

Có ông Đê Thám ra hoà đã lâu.

Quan Tây nghị định mưu sâu,

An Nam diệt hết, đâu đâu yên rồi.

Duy còn có đậy mà thôi, Cho nên “Nhà nước” ngậm ngùi chưa yên.

Đã nhiều tổn hại binh quyền,

Mong sao đẹp được cho yên mới đành.

Nào là khó đỏ khó xanh.

Giấy quan chạy khắp tỉnh thành thiếu đâu.

Nói rằng: đi đánh giặc Tàu,

Ai ngờ “Nhà nước” mưu sâu đánh lừa.

Vô tình nào có ai ngờ,

Tây đem quân đánh bao giờ không hay.

Lính ta cho chí lính Tây,

Ông hai, ông một cho rầy ông ba.

Cùng nhau vâng lệnh “ quốc gia”,

Tháng giêng mỏng tám, kéo ra đánh đồn.

Quan năm thì sắp câu-lơn

Giấy cho trước hết ba đồn khó xanh.

Đánh vào dinh trước tiên binh,

Thử xem quân Cụ binh tình ra sao?

Để xem thua được thế nào?

Thời sau sẽ tiếp quân vào tới nơi.

Lệnh quan ai dám cưỡng lời,

Dẫu rằng sinh tử việc chơi đó mà.

Sáng ngày mừng tám tinh mơ,

Cao Thượng, Bó Hạ kéo vô đồn điền.

Nhã Nam sắp sửa binh quyền,

Vào qua Luộc Giới đánh đồn cả Dinh.

Bên Tây súng bắn inh inh,

Các quan vô tình nào có biết đâu.

Ta hoà "Nhà nước" đã lâu,

Đánh không chạy giấy cho nhau thế này?

Sai người lập tức đi ngay,

Cưỡi ngựa cầm giấy ra rầy Nhã Nam.

Xem rằng có thực hay man,

Đến nơi ông Đại bắt giam tức thì.

Ở trong súng bắn ì ì,

Ông Hoàng khi ấy biết thì làm sao?

Bên Tây nó kéo quân vào,

Ấu là ta nghĩ làm sao đó mà.

Trở vào mới bảo bà Ba

Cả Huỳnh, cả Trọng cùng là quân quan

Lòng ta cũng muốn cho an,

Cũng mong khôi phục Nam bang nước nhà.

Tây thì ở nước Lang sa

Sang đây làm loạn nước nhà đã lâu.

Cho nên thiên hạ âu sầu,

*Thuế đò, thuế chợ bấy lâu tung hoành.
Ta nay từ lúc khởi binh,
Đánh Tây trăm trận chưa từng chịu lui.
Tiếng ta nức bốn phương trời,
Một phương hùng cứ đã mười năm hơn.
Đâu đâu cũng có tiếng đồn,
An Nam làm "giặc" chỉ còn ta đây.
Bây giờ ra thú thẳng Tây,
Láo lơ láo mặt dày khó coi.
Áu là sinh tử nhờ trời,
Sợ mà ra thú, ta thời không ra.
Bây giờ nó đến đánh ta,
Bà Ba, bác Cả định ra thế nào?
Các bác nghe rõ tiêu hao,
Người nào người ấy bàn ào việc binh.
Cả Dinh, cả Trọng, cả Huỳnh,
Ba người kêu hết sự tình với quan
- "Cùng nhau thi sức thi gan,
Ra tay địch với Tây quan một kỳ.
Tử sinh này có quản chi,*

Thân này dầu thác đên nghì nước non "

Bàn nhau tính liệu lo toan,

Xin quan cho đánh Tây quan xem nào?

Bà Ba khi ấy thưa vào:

- "Thiếp xin lĩnh lấy binh đao phen này.

Để ra đối địch với Tây,

Cầm bằng sinh tử thiếp đây cam lòng.

Thiếp xin gắng sức ra công,.

Để mà đánh đỡ thay chồng một phen".

Bà Ba loan báo binh quyền:

- "Cơ nào, đội ấy vững bền cho ta.

Để ta sắp lấy binh qua,

Dấn mình vào đám can qua phen này".

Bà Ba khi ấy

Quần trần, áo chít mặc ngay vào mình.

Nhảy lên đứng đỉnh mặt thành,

Gọi rằng: " - Khó đỏ, khó xanh đâu là.

Các anh thời phải nghe ta,

Đây ta chính thức vợ ba quan Hoàng.

Những mong khôi phục Nam bang,

Các anh cũng ở Nam bang đó mà.
Việc gì mà đến trêu ta,
Biết điều thì kéo quân ra chớ chây.
Để ta đối địch với Tây,
Cho chúng nó biết anh tài nước Nam".
Khó xanh, khó đỏ kinh hoàng,
Xôn xao bàn tán râm ran trong ngoài.
Quan trên thấy vậy một hai,
Thải hòi bắt giữ những ai nao lòng.
Chấn cơ chinh ngũ vừa xong,
Tiền hô hậu hét xung phong ào ào.
Buộc lòng linh phải đánh vào,
Gọi: " Mau ra thú quan trào, ngài Tây.
Nhược bằng để phải ra tay,
Hô quân vào phá đồn này không lâu".
Hãy còn đương nói với nhau,
Bỗng đâu quân Cụ từ đâu đánh vào.
Đì ùng súng bắn rào rào,
Bà Ba thấy vậy thị hào ra tay.
Bắn ra chét bốn thằng Tây,

*Mấy thằng đội trốn thoát rày chạy xa.
Lính sợ vội vã tháo ra,
Quân Cự đặc thế đuổi qua chùa Lèo.
Tây thời chẳng biết làm sao?
Bay hồn khiếp vía, ào ào chạy ra.
Lính thì bắn phải quyền già,
Chết trong quân loạn không ra được ngoài.
Quân Tây mỗi đứa một nơi,
Riêng quan Đại lý bồi hồi lo toan.
Lính đâu trốn hết chạy tràn
Lính Tây càng sợ bàng hoàng thất kinh.
Cuối cùng quan cũng chạy rinh, Ba chân bốn cẳng thoát mình hăng hay.
Quân trào trận ấy đặng cay,
Quân Cự toàn thắng, mừng thay chẳng là!
Tiếng đồn nức khắp gần xa,
Quan Hoàng, ghi chuyện mọi nhà cũng nghe.*

II

(Cùng bài về trên lại có một dị bản, phần cuối hoàn toàn khác. Chúng tôi chép phần cuối ấy).

...Bà Ba den dén thừa vào:

Tôi xin lĩnh lấy binh đao phen này

Bà Ba khi ấy mới hay
Quần chân áo chít mặc ngay vào mình
Trèo lên đứng thẳng mặt thành
Gọi rằng: - Khố đỏ, khố xanh kia là
Lính thì cũng nước Nam ta
Anh em phải bảo nhau ra chó chày
Để ta đối địch với Tây
Cho Tây nó biết là tay đại tài
Lính thì phục cả bên ngoài
Bỗng đâu nghe tiếng trái tai lạ lùng
Cùng nhau súng bắn âm âm
Quan Hoàng khi ấy liệu bàn phân minh
Liên bàn các tướng của mình
Nào là Cả Trọng, Cả Dinh, Cả Huỳnh
Cùng nhau bàn bạc sự tình
Lệnh truyền làm lễ ngoài đình cho mau
Sắm sanh lễ vật hảo cầu
Quan Hoàng ra khẩn trước sau ân cần
Dám xin cầu các bách thần
Lòng tôi vốn ở nghĩa nhân bấy chầy

Chỉ hiềm một nỗi với Tây
Nó sang nó lấy nước này đã lâu
An Nam khắp hết đầu đầu
Cũng cùng phục cả khẩu đầu về Tây
Riêng còn có một ta đây
Để tôi chống chế với rầy một hai
Khán rồi gieo xuống liền tay
Keo sau tiên sập, keo nay tiên cười
Hai lần cầu khán xin tr>
Ông Hoàng trông thấy rụng rời một khi
Cùng nhau phụ tử thê nhi
Nửa đêm hôm ấy rút đi ra rùng
Sớm mai xe mã tung bừa
Thái Nguyên kéo đến, Lạng Giang kéo về
Lừa ngực trái phá giang khe
Chiếu vào đồn giặc để mà bắn coi
Vắng tanh nào có thấy người
Ai ngờ giặc đã rút rồi còn đâu
Ông năm chờ đợi bấy lâu
Vội vàng hô lính vào trong lấy thành

Thóc gạo gà, lợn cơ man
Được chút vinh hiển vô vàn gian nguy
Ông Hoàng từ đây ra đi
Kéo quân sang đánh ở thì Đông Vương
Bỗng đâu có kẻ đưa đường
Tây sang nó đánh Đông Vương tức thì
Ông Hoàng nghe biết một khi
Trông ra Tây đánh tứ vi chập giờ
Gọi rằng: - Cả đội quân ơi
Quân ta cứ vững ở nơi trong này
Ở ngoài thì mặt Tây vây
Tha hồ nó bắn, nó vây mặc lòng
Sớm mai cơm nước vừa xong
Ông Hoàng mới dặn quân trung một lời
Áu là ta sẽ hoãn lui
Ở đây chống chế vậy thời không hay
Cả Huỳnh vào mới thừa hay
Con xin nhận đánh Tây này một khi
Xin quan hãy rút trước đi
Để con đứng lại một khi trận tiền

*Bầy quân phục mã bốn bên
Bắc loa gọi xuống xưng tên Cả Huỳnh
Xưng cho Tây biết phân minh
Tên ta chính thực Cả Huỳnh là đây
Quan ta cho chỉ quan Tây
Có chơi vào quá trong này mà chơi
Bắc loa gọi chữa dứt lời
Bắn vào như thể vậy thời pháo xay
Bắn ra chết một phần Tây
Còn như phải đạn chẳng tày biết bao
Cách nhau có một con sào
Lòng nào mà sợ lòng nào mà kinh
Gọi là một trận Cả Huỳnh
Rồi ra nó muốn bình tình làm sao
Nôm na kể hết vài câu
Chuyện ông Đê Thám về sau đời đời.*

III

*Kể từ Tây mới dăng thành
Nó ra nó lấy hao binh cũng nhiều
Nó làm tổn hại dân xiêu*

Thuế đò, thuế chợ nhiều nhiều đắng cay

Tây sang chiếm nước Nam này

Mỗi người một thẻ đeo ngay vào mình

Tây ra đẹp hết anh hùng

Chỉ còn có mỗi một ông quan Hoàng

Hãy còn thi ức thi gan

Muru cơ tiết chế, lo toan đặt bày

Hãy còn chống lại với tây

Để nước Nam này vẫn chưa được yên

Kể từ Tự Đức tam thập lục niên

Nó đẹp cũng chưa được yên bao giờ

Tháng giêng sắp sửa gọi hè

Quan Hoàng rang đồ nấu chè làm chay

Cốc téch nó nhảy ngay vào

Bị bắn mất mũ về ngay Phúc Đình

Cao Thượng nó tiếp quân binh

Thủ hạ, chánh tổng một mình lui ra

Quan Hoàng cho đây tờ ra

Hỏi rằng: - Nhà nước xử hoà nơi nao

Đại lý nó kéo quân vào

Tràn ra ba mặt bắn vào như mưa
Định rằng sẽ đánh bất ngờ
Tưởng rằng chẳng có nên cơ hội này
Tháng giêng mỏng tám đánh ngay
Cho người chạy giầy giao ngay trận>
Bấy giờ mới biết không yên
Bà Ba làm lễ ông liền chạy lui
Truyền cho binh sĩ một lời
Chuyển xong ta lại đánh chơi mấy giờ
Đánh nhau từ sáng đến trưa
Trông xuống chân núi những lưà với Tây
Truyền cho cố đánh tối ngày
Nội đêm sẽ rút về ngay Thác Thần
Làm cho Tây lính quan quân
Thiên hạ sợ hãi gian truân nhiều điều
Phúc An ta phá Ba Triều
Bãi Gianh xã Ót, Đông Triều Cai Thanh
Được thua, thua được cũng đành
Cầm bằng vỡ nát tan tành cũng chơi
Sông thác trăm sự nhờ trời

*Anh em ta hãy vào chơi trong làng
Bản phải ông huyện Rục Quang
Lại thêm mấy lính vô làng tứ vi
Xã Ó> phải đạn một khi
Cai Tề, Ba Nhái đưa về Nhã Nam.*

IV

*Vô tình nào có ai ngờ
Thư về tổng xã để mà chọn binh
Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh
Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên
Hải Phòng, Phú Thọ, Hải Dương
Còn như các tổng ngoài thường kể chi
Còn như trong xứ Bắc Kỳ
Dân nào cũng phải như y một lòng
Việc quan ai dám nói không
Bây giờ lính lệ dóc lòng từ đây
Để mà bắt lính sang Tây
Làm trai đâu phải hội này lâm nguy
Đồn rằng nhà nước cũng kỳ
Phủ thì Yên Thì Bắc Giang*

*Đường đi quanh quất lâm tràng
Khe kia, núi nọ ngổn ngang muôn trùng
Đồn cao đồn thấp tầng tầng
Lầu son đá đỏ, cây rìng lá xanh
Lầu kia gác nọ chên̄h vên̄h
Cao Lan cũng lắm, người Kinh cũng nhiều
Tày, Nùng, Mường, Mán bao nhiêu
Làm cho Pháp cũng liêu điều kinh hoàng
Súng bên kia bắn như rang
Đạn ra như thể một đàn chim bay
Trận này cụ Thám đánh hay
Quan quân của Pháp đấng cày nhiều điều
Nhã Nam còn đánh đến chiều
Hôm sau Hà Nội tiếp vào năm trăm*

V

*Bà Ba quỳ gối tâu vào
Tôi xin lĩnh lấy binh đao phen này
Để ra đối địch với Tây
Cầm bằng sinh tử tôi nay cam lòng
Tôi xin gắng sức ra công*

Để tôi gánh đỡ cho chồng một phen
Bà Ba loan báo binh quyền
Cơ nào đội ấy vững bền cho ta
Để ta sắp lấy binh qua
Dấn mình vào đám can qua trận này
Bà Ba khi ấy mới hay
Quần chân áo chít mặc ngay vào mình
Nhảy lên đứng giữa tây thành
Gọi rằng: - Khố đỏ, khố xanh kia là
Các anh phải nghe lời ta
Ta đây chính thực vợ ba quan Hoàng
Cũng mong sao được hoà an
Cũng mong khôi phục An Nam nước nhà
Việc gì mà đến đánh ta
Biết điều thì kéo quân ra chớ chầy
Lính thì phục cả bên ngoài
Bỗng nghe tiếng súng ra oai lạ lùng
Cùng nhau bắn súng đì đùng
Bà Ba khi ấy thị hùng ra tay
Bắn ra chét bốn phần Tây

*Chết một phần đội lính rầy chết ba
Cho nên lính phải lui ra
Bà Ba thắng thế đuổi qua chùa Lèo
Nhã Nam còn đánh đến chiều
Hôm sau Phủ Lạng tiếp vào năm trăm*

VI

*...Sáng ngày mồng tám khai môn
Đánh xua Tây lính gần đồn Nhã Nam
Tiếng anh hùng cũng đã cam
Quan binh khó đỡ đông - nam tới liền
Lập bố mấy trận súng rền
Quan Hoàng thế nhược lại hoàn Phồn Xương.
Quan binh vây khắp bốn phương
Súng như rang bỏng lá rừng sạch không
Đàn bà con trẻ như ong
Đến đêm lại rút đồn trong Bà Già>
Hội quân chia xẻ năm, ba
Chia năm ba toán kéo ra đồng bằng
Bố con một toán giữ mình
Vợ con đem gửi Mai Đình nấu yên*

*Tiên phong một toán Cai Sơn
Lương Phong- Kẻ Gió bàng hoàng khí lai
Ình ình mấy trận giêng, hai
Sơn Lao - Sơn Quả mấy người gian nan
Cả Huỳnh toán ấy cũng gan
Hiệp Hoà, Đa Phúc, Từ Sơn vầy vùng
Đến đâu giặc cũng hãi hùng
Chẳng may một trận Hàm Long vỡ đầu
Cai Tế thay tướng cầm đầu
Đem quân về đánh làng Cầu - Thượng Lan
Chánh tổng Tự Lạn báo quan
Thoát ra chạy xuống Biền Sơn nấu mình
Ngày thì điếm ngõa mây xanh
Đêm thì lại xuống Bài Xanh rượu chè
Trung Đông, Lý Bắc lừa v
Âm mưu xuất thú liệu bề lập công
Cai Tế căm giận trong lòng
Cha con Xã Ớt càng nồng càng cay
Theo tìm Lý Bắc không hay
Chạy lên Vân Các đồng lầy mênh mông*

*Quan huyện Yên Dũng vô tình
Gan trà, thiết thạch lưu danh núi Bài
Dân dân đi đến Cầu Chay
Vào làng Mỏ Thổ no say ai ngờ
Quân hung nghịch có ai ưa
Canh năm một khắc sẽ lừa báo quan
Rạng ngày ngủ dậy bàng hoàng
Dắt nhau lên núi tranh sơn, đào thùng
Quan binh nom thấy nức lòng
Xuống vợ một trận lá thông để chuồn
Lừa xe trái phá lên non
Chiếu vào bên giặc mấy hòm không sai
Nửa ngày lửa khói ngút trời
ung quanh mấy tổng nhiều người đến xem
Nhật tà hầu đã về non
Mười hai thằng chết với năm thằng què
Cậy tài Lãn Túc lăm le
Công danh một tiếng lãng xê lạnh lũng
Cả Huỳnh toán ấy đã xong
Lại còn một toán xưng hùng Cả Dinh*

*Bố con sang huyện Kim Anh
Giang sơn đấu sức tung hoành như xưa
Xá gì mấy trận được thua
Xá gì súng nhỏ súng to trận tiền
Quan binh vây nã liên liên
Lên rừng đuổi mã, xuống đèo cầu sinh
Quân theo súng nổ ình ình
Hoạ diêu, mâm mộc lá rừng tả tơi
Bắt Tây lục lộ để nuôi
Cho tin đi lại làm môi hoãn binh
Thấy Tây liều lĩnh càng kinh
Toan sang huyện đặng hoà bình tổng Kiêm
Quan Khâm, quan sáu, quan >
Khố xanh khố đỏ theo chân rầm rầm
Kim Con trận ấy lui chân
Tâm hoàn, đảm lạc dân dân lìa tan
Chữ rằng hổ bắt ly sơn
Quan Hoàng lại trở về rừng náu yên
Chỉ còn một tướng Đề Hoàng
Giống như một đoá lan vàng trên cây*

*Đêm ngày mưa gió trên cây
Hoa vàng lại rụng gốc cây trên rừng
Các quan hội ý biết chùng
Cầu lành, bài bạc vui mừng hoàn quân
Ca rằng: - Vạn đại thiên niên
Nhất khu đao tổng hoá nên vãng thành*

VII

*Mông bầy Tây đánh đồn Thuông
Ai ngờ Hoàng lập binh lương bao giờ
Hôm qua Hoàng vẫn tế cờ
Tây đem trái phá bắn xơ góc thành
Trong đồn có tướng Cả Dinh
Ba Biều, Cả Trọng, Cả Huỳnh chân tay
Cùng nhau bắt lấy phen này
Đem về Hà Nội tâu ngay Toàn quyền
Nước nhà muôn hộ bạc tiền
Hay là ai muốn làm nên triều đình
Mau mau khiến tướng điều binh
Vây thành bắt sống hiển vinh trăm chiều
Hoàng nghe tức giận mọi điều*

*Truyền cho chư tướng ra trêu triều đình
Ba Biều cùng phó lãnh binh
Hai người ra đó chiêm thành Am Đông
Hai người vâng lệnh ra công
Làm cho Tây lính hãi hùng một tao.
Ba Biều là kẻ anh hào
Ba Gò một trận ai nào chẳng kinh
Tiếng đồn đã khắp Bắc Ninh
Làm cho Tây lính bị binh như Tào
Làm cho Tây lính lao đao
Bảo nhau mà chạy ào ào như lô
Truyền quân đóng khắp mọi nơi
Truyền vào tùy tướng đóng chơi vài ngày
Gan lỳ mà bắt được Tây
Thày phong chánh lãnh bạc ngay trăm đồng
Ai ai cũng muốn dóc lòng
Bảo nhau sống mái tranh hùng một phen .
Làm trai trong buổi đua chen
Xông vào lửa đạn mũi tên xá gì
Lính Tây thua chạy tứ vi*

Đuổi qua Lò Mạc mới về đồn Thuông.

Cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn (đội khố xanh) và Lương Ngọc Quyến (con Lương Văn Can) lãnh đạo; nổ ra từ cuối năm 1917 đến năm 1918. Nghĩa quân chiếm lĩnh thị xã Thái Nguyên đêm 30-8 -1917, và làm chủ được 5 ngày. Sau địch tập trung lực lượng bao vây phản công lại, nhưng nghĩa quân đã mưu trí rút ra khỏi thành phố, và anh dũng chiến đấu chống lại cuộc bao vây của địch. Chăm cự được hơn ba tháng thì cuộc khởi nghĩa thất bại. Tuy thế, cuộc khởi nghĩa cũng đã nói lên được truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của binh lính, và nhân dân địa phương.

Bài về đã phản ánh được phần nào sự thật về cuộc khởi nghĩa đó.

Năm Đinh Tỵ mười ba tháng bảy,

Nước Nam mình bỗng nổi can qua.

Thái Nguyên mới có một toà,

Khố xanh, khố đỏ được ba trăm người.

Cũng chỉ toan chọc trời khuấy nước,

Ông đội ra đi trước cầm binh.

Chỉ toan lập tiểu triều đình

Để cho cai đội khố xanh bằng lòng.

Ông phó quản bắt tòng quân lệnh

Hoá cho nên huỷ mệnh xót xa.

Sai người mở cửa nhà pha,

Đem tù ra điểm được là bao nhiêu

Truyền tù nhân cứ theo quân lệnh,

*Chớ xem thường uống mệnh như chơi.
Các quan làm lễ tế trời,
Cờ đề “phục quốc” tài bồi nước Nam
Phong tám tướng cùng đang quốc chính,
Tù ba trăm, binh lính ba trăm.
Đều cùng phát súng cho cầm,
Vai thì vác súng, lưng khuân đủ đồ.
Đường tỉnh Thái kỳ khu chặt vật
Bao đường dây cắt hết đi ngay.
Bấy giờ chư tướng ra tay,
Chọn đường mai phục, định ngày giao công.
Chủ dây thép ra lòng bắt phục,
Nói dây vào đường cũ đánh đi.
Báo về Hà Nội một khi,
Trình rằng có giặc ở thì Thái Nguyên
Toà Thống sứ, Toàn quyền hội nghị,
Lại có lời phủ dụ “hay ho”.
Việc này nhà nước phải lo,
Giấy tư ông Sáu nhỏ to sự tình.
Tỉ Thái Nguyên loạn binh bối rối,*

Cửa đám tù, cai đội khó xanh.
Vậy nên ông Sáu biết tình,
Tư về Nam Định, Bắc Ninh tức thì.
Lính các tỉnh nơi nào cũng vậy,
Lính Đáp Cầu phải dậy tiên phong.
Lính Tây, khó đở hội đồng,
Mang quân lên đóng đồn ông Chu Điền.
Ngày mười sáu tiến quân giáp trận
Lính Tây đà tử trận trăm ba.
Bấy giờ khó đở tiếp qua,
Súng trường trái phá bắn hoà liên thanh.
Xông lên thành khó xanh bỏ chạy,
Kéo quân vào đóng tại trành trung.
Ngoài thời trái phá ùng ùng,
Khi vào đến tỉnh sạch không còn gì.
Quân ông Đội liên đi lên núi
Đào hầm sâu làm chỗ lánh thân.
Nửa đêm quân kéo đi dần,
Qua vùng Tam Đảo về gần Vĩnh An.
Mang quân lên đóng chợ Vàng,

*Đến làng Hoàng Xá rẽ ngang quân vào.
Xã đoàn không biết nghĩ sao ,
Sai tuần ra hỏi quân nào đóng đây?
Tán quân mới nói khi nay,
Các quan đi khôi phục ngày rày nước Nam.
Truyền cho dân cứ ăn làm,
Các quan đi mở nước không can có gì.
Xã đoàn lòng vẫn hồ nghi,
Tay cầm cái quắm đứng thì giờ lâu.
Ông Đội truyền ra chặt đầu,
Nếu không biết phép pheng đầu một khi!
Ông Đội sai quân tức thì,
Mỏ bò giết lợn làm rày com ăn.
Truyền đòi các cụ trong dân,>
Cho báo có giặc tân quân đóng làng.
Việt Trì Tây mới kéo sang,
Súng ống xe ngựa chập đường kéo đi.
Đến ga Hường Lại gặp thì
Quân Tây đến đó định kỳ nghỉ ngơi.
Xe cộ tiếp viện tới nơi,*

*Quân Tây đi trẩy đất trời ghê thay!
Bà binh lập trận bố vây,
Thôi kèn súng bắn đạn bay vào làng.
Đì ùng như thể ngô rang,
Bắn như cuội rải trên đường cái đi.
Trời cao còn có thánh tri,
Gió mưa kéo đến Tây thì thôi ngay.
Đến hai mươi, tin này đã báo,
Ông Đội kéo về đóng đạo Giang Tiên
Đêm nghe súng nổ vang rền,
Lính thua lính lại kéo về đèo Ngang?
Xuyên qua đèo Kh đèo Giàng,
Lính thua lính lại kéo sang Hoàng Đờm.
Bên Tây có ông ba xôm,
Cho mày đi trước, mày nom beng đầu.
Ông ba bắn chẳng trúng đầu,
Ông Đội bắn một phát vỡ đầu quan ba.
Ngày nổi dậy can qua xối động,
Muốn hoàn công đời chẳng cho làm.
Sau quân ông Đội phải tan,*

Quân thua quân phải kéo sang bên Tàu.

Sau chờ nần ná ít lâu,

Nuôi quân dưỡng tướng mưu cầu chuyện sau.

Phan Bội Châu biệt hiệu Sào Nam, sinh năm 1867, người làng Đan Nhiễm thuộc huyện Nam Đàn (Nghệ An) là một nhà chí sĩ yêu nước, một nhân vật trung tâm của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc đầu thế kỷ 20. Cụ đã đi trong Nam ngoài Bắc, qua Trung Quốc, qua Nhật qua Xiêm, sáng lập ra hội Duy tân (1904), vận động phong trào Đông du, và cũng là người thành lập tổ chức Việt Nam quang phục hội (1912). Tuy đường lối chủ trương còn có nhiều hạn chế, nhưng cụ đã cùng với các sĩ phu khác kích động được một phong trào chống Pháp rầm rộ trong cả nước. Năm 1925, do Phan Bá Ngọc phản bội, cụ bị thực dân Pháp bắt cóc đưa về giam ở Hà Nội, sau lại đưa về an trí ở Huế cho đến lúc cụ mất.

Nội dung bài về này tuy có mặt hạn chế, nhưng đã nói lên được phần nào về cuộc đời của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Tác giả bài về này là cụ Quả Ngôn (Vũ Khóa) ở Nghi Xuân - Hà Tĩnh (theo sách Phan Bội Châu toàn tập của Chương Thâu).

Hồng Lam vốn đất địa linh,

Nhân tài tuấn kiệt quê mình thiếu chi.

Về này ta đặt vân vi, .

Lưu truyền con cháu chuyện thì phải thông.

Cụ Phan là bậc thần đồng,

Văn chương thiên hạ tôn sùng thủ khoa.

Một lòng lấy nước làm nhà,

Những phường danh lợi chẳng qua đê hèn.

Bỏ đi cho khắp mọi miền,

*Kinh đô cũng trải, lâm tuyến cũng ưa.
Cụ Huỳnh, cụ Đặng, cụ Ngô,
Tiểu La, Ngư Hải, Tây Hồ kết thân.
Quyết bẻ định nước an dân,
Bày mưu tính kế xa gần thiếu đâu.
Trong thì cố động làm đầu,
Ngoài thì ngoại viện ngõ hầu thành công.
Cụ Phan nhẹ gót tiên phong,
Tay không mà vượt biển Đông mới tài.
Đồng văn đã có gương ngoài,
Tự cường quyết kế liệu bài duy tân.
Trải bao Hương Cảng, Hoành Tân,
Thanh niên đông độ dần dần nhiều thêm.
Bôn ba khắp chốn khắp miền,
Sang Nhật rồi lại qua Xiêm, về Tàu.
Nào thơ Huyét lệ lưu câu,
Nào bài vong quốc nào câu gọi hồn.
Gặp cơn đá lở sóng cồn,
Xui chi lỡ dịp cho đờn ngang cung.
Trời xanh chẳng tựa anh hùng,*

Cho nên mới phải vào vòng lao đao.
Nước người tín nghĩa l sao,
Hội Quang phục mới vun vào lại tan.
Công trình phút bỗng dở dang,
Tay không rồi lại phải hoàn tay không.
Số còn phải chịu lao lung,
Xui cho phải lụy trong vòng khôn qua.
Phan Bá Ngọc cũng con nhà,
Cớ sao mưu phản để mà hại ông.
Nắng mưa đã chẳng sờn lòng,
Thì bên gươm súng há ông chịu lùi.
Trước toà công lý vừa rồi,
Ung dung rất mực nói cười hiên ngang.
Hà Nội băm sáu phố phường,
Nhất tề phải cứu Sào Nam phen này.
Điện sang cho tận bên Tây,
Va-ren ông phải tha ngay cụ Sào!
Khen cho họ cũng khôn sao,
Chúng nộ nan phạm thì nào dám gầy.
Tám thân nào biết có rầy,

*Còn ngày nào cũng vui ngày ấy thôi.
Câu thơ chén rượu thành thơ,
Một lời tâm huyết ngàn lời sắt son.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Con tầm đến thác vẫn còn vương tơ.
Trống kèn bốn mặt không ưa,
Lợi danh coi rẻ, hững hờ ngựa xe,
Chỉ mong người tỉnh giấc mê,
Câu thơ trang sách ai về giờ xem.
Ngày nay quốc vận chưa yên,
Nôi hờn tinh vệ còn bên dạ này.
Cụ về cõi suối làng mây
Anh hồn còn muốn đuổi bầy sói lang.
Mới hay Việt điệu sào nam,
Rõ ràng anh khí Hồng Lam lưu truyền.*

>Theo nhiều câu chuyện truyền văn thì cô Giang là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng, người yêu của Nguyễn Thái Học. Khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại, Nguyễn Thái Học bị giặc xử tử, cô Giang thoát khỏi lưới giặc. Và có dư luận cho rằng cô đã đến thăm mộ Nguyễn Thái Học, sau đó quyên sinh để giữ tròn danh tiết. Cái chết của cô Giang được truyền đi như một câu chuyện giai thoại bi hùng. Trong văn học yêu nước (bí mật) lúc này có nhiều bài thơ văn điệu cô Giang.

Bài về này tuy gọi là về cô Giang, nhưng thật ra không hoàn toàn nói riêng về cô Giang, mà là nhắc lại những truyền thống lịch sử, giới thiệu một số gương mặt phụ nữ anh hùng chống Pháp từ phong trào Cần vương đến Việt Nam Quốc dân đảng. Tác giả chủ yếu đề cao lòng yêu nước, chứ không bàn đến các xu hướng chính trị khác.

Kể từ quân Pháp sang đây,

Hại người cướp của bấy nay đã nhiều.

Dân tình đồ thán đủ điều,

Căm gan tức chí phải liều ra tay.

Anh hùng đã tỏ tài trai,

Nữ nhi cũng chẳng kém loài bông tang.

Nhớ xưa phát ngọn cờ vàng,

Bà Trưng, bà Triệu chiến tròng xông pha.

Cai Vàng lại có bà Ba,

Tây sơn bà Phó cũng là anh thư.

Xúm tay xoay lại cơ đồ,

Dân yên, quốc thịnh, phát c Nam.

Từ ngày quân Pháp kéo sang,

Chợ Tràng cô Tám cũng gan anh hùng.

Dưới trướng cụ Phan Đình Phùng,

Bắt quân lính tập vào tròng trãm tên.

Lại như vợ lẽ đội Quyên,

*Nam trang cải dạng tìm lên núi rừng.
Đúc súng, đúc đạn giúp chồng,
Đánh cho quân Pháp hải hùng đảo điên!
Bà ba đề Thám truân chiến,
Non sông đã trải mấy phen thác ghềnh.
Hồng quân nhẹ bước rừng xanh,
Trận tiền giáp chiến đao binh vẫy vùng.
Việc hoà việc chiến thông dong,
Chính bà cũng dự trung quân luận bàn.
Bà Lang Seo mở ngôi hàng,
Giả đồ hương khói, đèn nhang bầy chầy.
Hà Nội, Nam Định,
Nghĩa hưng đảng ấy ngày ngày một to.
Chuyện năm Canh Ngọ mới vừa,
Việt Nam dân đảng bấy giờ lập ra.
Chương trình định liệu gần xa,
Trước là dân tộc sau ra đại đồng.
Cô Giang cũng bậc anh hùng,
Dốc tâm thề đảng một lòng trung trinh.
Cùng ai thề chữ tử sinh,*

*Chưa chẵn gói cũng vẹn tình sắt son.
Chia nhau việc đảng lo tròn,
Tài chính, cổ động lại còn giao thông
Thất cơ, sự đến khi cùng,
Tìm gan Yên Bái, đau lòng Lâm Thao.
Thế gian mặc chuyện ra vào,
Lòng trung xin nguyện trời cao soi cùng.
Chàng theo nước, thiếp theo chồng,
Tuồng chi dơ dáng sông cùng hôi tanh>
Khen chê phó mặc sử xanh,
Treo gương đất nghĩa gời kinh đời đời...*

Năm 1941, đội Cung khởi nghĩa ở Đô Lương đã giết được tên đồn Pháp và kéo về Nghệ An toan mở rộng căn cứ. Nhưng cuộc khởi nghĩa, không thành công, ông và một số đồng chí sau đó bị bắt và hi sinh.

Bài về dưới đây, tuy lời chưa được trau chuốt, nhưng nội dung đã cung cấp thêm một số chi tiết cụ thể về cái chết của ông; đồng thời cũng nói lên được một phần nào tình cảm yêu nước của một số binh sĩ bị ép buộc làm nguy quân lúc bấy giờ.

*Bảo Đại Tân Tỵ vừa qua,
Sinh ra một việc thật là ghê thay!
Ông đội Cung tài cả chí dày,
Định tâm giết hết quân Tây tham tàn.*

*Treo gương trung liệt thế gian,
Chẳng đem thành bại mà bàn hơn thua.*

Ông đội Cung xưa

Văn võ kiêm tài,

Hàng đội hàng c

Ai ai cũng mến.

Gặp lúc Âu Châu đại chiến,

Bên nước Pháp thua to,

Hễ biết tùy cơ,

Thì có người giúp rập.

Ngoại hầu bên Nhật

Cũng có tin về.

Chỉ nội năm ni,

Là xong việc nước.

Ông đội Cung biết trước,

Bàn với cai Á ra tay

Trước lấy Đô Lương lập thế,

Rồi kéo về tỉnh Nghệ,

Chiêu dụ quân binh,

Nửa đêm vô thành,

Bắt ngay cụ Giám.

Vận nước mình còn ám,

Giám binh ăn tiệc chưa về.

Lính khố xanh bán tín bán nghi,

Cai Á bên ngoài bắn súng. >Biết sự tình đã hỏng,

Ông đội vượt thành ra.

Vừa đầu trống canh ba,

Lính Tây hấn nghe ra,

Lại canh phòng nghiêm cẩn.

Trong ngoài hấn chặn,

Cắm chọt búa đi về,

Khắp thành thị thôn quê,

Mật thám như mắc cửi.

Ai đưa đường chỉ lối ?

Ông đội tướng chị em,

Vô nhà Tống Gia Liêm,

Thằng mặt dày như thớt:

Nỏ kẻ chi gan ruột,

Chỉ biết chữ vinh thân,

Mong bát phở Hàn lâm,

*Báo cho Tây đến bắt.
Vận anh hùng trời đoạt.
Nên tay áo nuôi ong,
Nên đày đoạ non sông,
Nên trời sâu đất thẳm!
Ông đội Cung lâm
Cai Á với anh em,
Cũng bị bắt bị xiềng,
Tây đưa về trại cả Tỉ.
Bốn năm chực xe tăng,
Cắm bần dân thiên hạ,
Không cho ai qua lại.
Lúc hành hình, bắn mãi,
Ba bốn phát không xuyên. :
Súng đã nảy mũi lên
Súng lại buông cò xuống.
“Giết ông bầy tui (chúng tôi) không muốn,
Cứu ông cũng không xong”.
Từ lính cho chí dân,
Đều sụt sùi nhỏ lệ!*

Ông rời dương thế

Xin hộ kẻ phàn trần,

Độ trì cho có người định nước yên dân,

Cho thoả lòng ông ao ước.>

Trong cuốn "Từ Thổ Đồi trang đến xã Quỳnh Đôi" (NXB Nghệ Tĩnh, 1988) ông Hồ Sĩ Giàng đã viết về vụ kiện này như sau:

"Vụ kiện nhằm mục đích chống lại sự tham nhũng của cường hào, hội đồng hào mục. Đối tượng của vụ kiện là Lê Xuân Mai, Hoàng Bá Dư, Hoàng Trung Lự... dân làng nêu lên 10 điểm, trong đó có việc lợi dụng làm đình, chợ, làm trường học, đắp đường sá,... bắt dân phục dịch, hà lạm công quỹ.

"Dân làng cử Hồ Phi Thông đứng đầu vụ kiện.

"Tri phủ hưu trí Lê Xuân Mai và hội đồng hào mục được tri huyện Trần Mậu Trinh ủng hộ, đã bắt giam 18 người đưa đơn kiện. Dân làng kéo từng đoàn ra huyện, cử từng đoàn vào tỉnh yêu cầu trả tự do cho những người bị bắt và yêu cầu cử người về điều tra xét xử... vụ kiện có tiếng vang lớn..." Vụ kiện diễn ra vào năm 1938. Bài về này nói cụ thể về vụ kiện ấy.

Dư nhàn ngồi tựa hiên mai,

So người trí lự để đời soi gương.

Làng ta là đất văn chương,

Vốn dòng phú hậu, tiếng làng Quỳnh Đôi.

Nghìn thu mức tiếng hoa khôi,

Công hầu danh tướng nổ đời quan sang.

Đắp cầu cống, cúng ruộng nương,

Lộc thừa còn để cho làng cho dân.

*Sửa sang tục tốt phong thuần,
Dưới trên một thể, quan dân một lòng.
Gần đây chính sự không công,
Xa người quân tử, tin dùng tiểu nhân.
Từ năm Bảo Đại Nhâm Thân (1932)
Cử viên Chánh hội “đại thân” phủ Lê.
Cùng với phó Chánh hội Khuê,
Lại thêm Lý Lự nhiều bề chẳng công.
Việc làng áp bức phù đồng,
Vết đầy túi lợi khoét cùng ruột dân.
Nhiều điều ác cảm tệ nhân,
Lại thêm tri huyện là Trần Mậu Trinh.
Đầu năm Đinh Sửu làm đình, (1937)
Đến ngày tháng sáu khánh thành đình ta.
Nào là quan tỉnh quan toà,
Nào là quan huyện, nào là quan ba>
Rượu trà, hát xướng huyên hoang,
Ơn trên trăm lạy cho làng công phu.
Để sau tính số chi thu,
Một trăm rưỡi bạc, chẳng dư đồng nào.*

Một năm bốn nậu công lao,
Đến khi yến ẩm hỏi nào mấy tên.
Đùng đùng dân khí nổi lên,
Trung thu nhân bữa tế hiên họp dân.
Làm ra mười khoản điều trần,
Trình bày hào lý quan thân cả làng.
Vào mời chánh hội cụ Quang,
Cụ ra cụ nói, kiếm đường cụ lui.
Dân ta biết sự lôi thôi
Cùng nhau bỏ thịt, bỏ xôi ra về.
Cụ Quang, phó Trực, hội Khuê,
Làm đơn khép buộc góm ghê tội tình.
Ngày mai lý trưởng ra trình:
- “Rằng như cộng sản biểu tình năm tề”.
Huyện quan lập tức trát phê,
Lại sai nha dịch đòi về hỏi tra.
Bỗng đâu một lũ sai nha,
Bắt đưa mười tám người ra dẫn đình.
May sao quan lại vào Vinh,
Lại sai lính lệ giải quanh lên đồn.

*Quan đồn tra hỏi ôn tồn,
Xét xem các giấy trần ngôn rõ ràng.
Tha cho nói với huyện đường,
Rằng dân vô tội, tha làng cho yên.
Dân về cực (tức) giận nổi lên,
Họp làng thảo giấy phát đơn dâng trình.
Cựu Đài với lại Thúc Trinh,
Cùng dân kêu huyện thấu tình dân cho.
Một là lạm bỏ phù thu,
Đồng niên hội bỏ thuế sưu trong nhà.
Dân làng ai có kêu ca,
Thì liền bóp, tát, đưa ra huyện trình.
Hai là trăm rưởi bạc đình,
Ơn trên hai cụ khánh thành ban cho.
Tiệc bày hát xướng lợn bò,>
Mà dân không biết nhỏ to chút nào.
Ba là tiền bạc ra vào,
Ba năm không tính lần nào cho minh.
Bốn là vu cáo biểu tình,
Bắt dân giam chấp, cực hình khổ thân.*

*Quan sai tính sổ mấy lần,
Khi đưa sổ tính, cựa lân lộn nhào.
Đơn dâng nạp trước án tào,
Đã hơn ba tháng việc nào không xong.
Trưởng rằng quan đoán chí công,
Ai hay quan cũng một lòng vì quan.
Làm cho, cho hại, cho tàn,
Làm cho khổ sở cơ hàn mà coi.
Phán rằng chánh hội phải thôi,
Mà tên lý trưởng phải hồi tạ dân.
Ai ngờ ra mặt “quan nhân”,
Vẫn còn cây thế, cây thần không thôi.
Còn toan giữ mãi già đời,
Còn toan buộc tội những người nguyên đơn.
Lại ra vu bảm với quan,
Xin cho lính giảo phá tàn chúng đi.
Lại còn đồng vịt bán đi,
Lại còn thuế chợ toan thì bán ăn.
Bây giờ mới họp đồng dân,
Làm đơn ra huyện, phân trần quan hay.*

Rằng ngày mồng một năm Tây,
Cả làng đông đủ ra ngày chợ Đình.
Bỗng đâu lại thấy Bang Thành,
Nào cai, nào đội, tập binh mười người.
Rằng vâng lệnh chỉ quan sai,
Quan sai về bắt Lý Đài, Thúc Chinh,
Chinh, Đài chẳng sợ, chẳng kinh
Bang Thành, quyền Suất buồn tình tháo lui.
Ngày mai chánh tổng tái hồi,
Lấy hai rương thuế đưa rồi trình quan.
Cả làng cả giận truyền ran,
Đưa năm sáu chục một đoàn theo ra.
Ra vừa đến trước quan nha,
Báo quan đồn xuống cho là Bình dân.
Bắt vào đứng cả trước sân,
Bắt vào trong trại cùm chân mười người.
Ngày mai phó tổng tái hồi,
Buộc thầy chánh Lữ say rồi nằm ra.
Tức thì phó tổng lên ga,
Đánh tin chánh tổng nay đã bị thương.

*Phao cho khởi loạn cả làng,
Xin cho lính đóng giữ giàng mới yên.
Tỉnh toà nghe bắt được tin,
Kíp sai cụ án đi liền xe ra.
Điều truyền đến trước huyện nha,
Lệnh truyền tức tốc tha cho làng về.
Ô tô cụ án vào kê,
Thấy thầy chánh tổng hỏi thầy đau chi?
Thầy rằng: "Cũng chẳng đau gì".
Cụ rằng: "Thầy cởi áo thầy ra xem
Thầy liền cởi áo, cởi xiêm,
Đều không thương tích, cụ xem rõ ràng.
Sau rồi cụ mới hỏi rằng:
- "Chợ ai cho phép mà làng được thu?"
Làng rằng: "Chợ lập từ xưa,
Mà nay ơn nước, ơn vua cho làng.
Thường năm th thuế nạp thường,
Còn ra hoa lợi để làng chi nhu.
Nay vì hương hội phù thu,.
Hiệp cùng lý trưởng toan đồ hại dân".*

*Đầu đuôi kể hết nguyên nhân,'
Cụ nghe, cụ đã mười phân rõ mười.
Cụ rằng: “Dân đã nghe lời
Rồi đây chánh hội cũng thôi bây giờ.
Một trăm rưởi bạc ngày xưa,
Rồi ta cũng bắt giả đưa cho làng.
Còn thu thuế chợ chiếu thường,
Hai anh hương chức trong làng, hai anh
Phép công ta xét cho minh,
Làng mà nghe lệnh, điều đình cũng xong”.
Nghe lời ai cũng bằng lòng,
Chính vì căm tức nổi ông huyện Trần.
Làm quan chẳng có lòng nhân,
Trọng người thế vị, khinh dân ngu hèn.
Nghĩ càng tức giận xông lên,
Lên tàu lấy vé thân đơn tỉnh đường.
Đưa nhau lay trước án vàng,
Rằng xin soi xét dân làng
Quỳnh Đôi.
Có viên Chánh hội Lê Mai,
Với tên phó hội, tên rày Nguyễn Dur.
Với cùng lý trưởng bây giờ,*

Là Hoàng Trung Lự làm hư việc làng.
Một là cây thế quan sang,
Áp chế trong làng, lạm bỏ phù thu.
Hai là hai cụ xét cho,
Một trăm rưỡi bạc, tiền đâu hết tiền.
Ba là sổ sách đồng niên,
Ba năm không tính bạc tiền cho >
Bốn là vu cáo biểu tình,
Bắt dân giam chấp cực hình khổ thân.
Lại còn thuế chợ của dân,
Dân ra thu thuế, nạp dân cho quan.
Phao cho cướp chợ vu oan,
Ngày đêm cùm trói một đoàn sáu mươi.
Nguyên đơn bày tỏ mấy lời,
Dám xin lượng bẻ, đên trờì xét cho.
Tỉnh đường nghe biết duyên do
Ra uy sấm sét, sức cho trát về.
Về đòi chánh hội phủ Lê,
Với tên phó hội chánh Khuê tức thì.
Với cùng lý Lự một khi,

Mấy anh hương chức cũng đi vào châu.

Huyện quan sai lính đòi mau,

Chiếu tên trong giấy bắt thâu cả làng.

Làng nghe ai cũng kinh hoàng,

Mỗi người một bọc lên đường ra ga.

Khi đi, đoàn bảy đoàn ba,>

Khi vào tính lại kể là tám mươi.

Cả thành Tây lính đều coi

Mới hay vụ kiện Quỳnh Đồi lạ thường.

Cúi đầu quỳ trước tỉnh đường,

Trông lên ba cụ, ngai vàng ngồi trên,

Lệnh truyền vào trước an tiền,

Đầu cúi kẻ hết căn nguyên việc làng.

Phán rằng ta đã tỏ tường,

Đòi vào chi lắm nhọc làng tổn dân.

Dân về an phận làm ăn,

Rồi đây ta sẽ dần dần xử cho.

Còn viên tri phủ hồi hưu,

Làm chi tư túng hận thù lôi thôi.

Giao cho Chánh hội phải thôi,

Việc làng không giữ, cử người khác lên.

Còn như lý trưởng thôi liên,

Giao cho thói dịch, bồi tiền cho dân.

Giao cho tri huyện xử phân,>

Sức cho thói dịch, trạch nhân bảo quyền.

Bèn cho phó lý đứng lên,

Là Hồ Đức Liệu y tên tạm bầu.

Anh này chính cũng một sâu,

Đến kỳ hội bỏ bắt đầu thu sưu.

Nghĩ rằng dân sự cơ cầu,

Tưởng rằng sưu thuế nan thu dân nghèo.

Lại bàn mẹo độc mưu sâu,

Vu điều ngạnh trở, đặt điều cho dân.

Lại ra trình bẩm huyện Trần,

Xin cơ lính tỉnh phát ăn mười ngày.

Mưu gian cụ Thượng nào hay,

Phái năm tên lính về ngay đóng làng.

Lính về bắt bớ tan hoang,

Phái binh đi trước, hào cường theo sau.

Sưu thì lấy đủ chiếu thu,

Mười ngày thu thuế, thu mau nạp liền.

Thuế sưu kẻ có hai>

Nào ai dám thiếu một tiền một xu.

Thuê rồi quốc trái liền theo,

Làng ta bốn phiếu làm mau nộp trình.

Các thầy chánh phó lệ binh,

Đêm ngày thúc giục, dân tình kêu xin.

Hội này phú quý uy quyền,

Chắc rằng đắc lực, được liền công cao.

Tháng tư huyện sức tuyển bầu,

Khen cho tổng lý lập mưu gian tà.

Anh em họ cử trong nhà,

Giả làm công tử đưa ra đình làng.

Nhất trừ phó Quý quyền đang

Sĩ Minh trừ nhị, ba Hoàng Trung Ty.

Cử quyền đã đến nhật kỳ.

Quan đồn, quan huyện đồng về một thôi.

Ông Tây vào bắt từng người,

Bắt ra bỏ phiếu ép nài cho xong.

Ai hay ra giữa đình trung,

Bỏ tình phiếu trắng, khoảng vòng năm mươi.

Huyện quan biết sự lôi thôi,

Định cho đến lượt thư hai cử trừ.

Ai ngờ đến bữa trừ sau,

So ra trừ trắng lại hầu nhiều hơn.

Dân tình mới tỏ nguồn cơn,

Cử người vào Bó, nạp đơn vào toà.

Tháng năm đến bữa mười ba,

Thoắt nghe cụ xe ra cử trừ.

Bộ Kiêm trừ nhất họ Cừ,

Ba Bùi Tuyên đứng, nhị Hồ Thế ra.

Cử trừ đến lượt thứ ba,

Trống cờ rậm rịch, quan nha đều về.

Làng ta đông góp đông ghê,

Trăm hai mươi phiếu đều về Thế gia.

Ai ngờ những kẻ gian tà,

Lại còn bỏ giấy vào toà chẳng thôi.

Huyện quan định nhật tại hồi.

Lại cho Lý Thế, Cừ, Bùi ba anh.

Giang sơn vốn đã định thành,

*Dân tình ai cũng thuận tình như xưa.
Lòng quan liền đổi tâm cơ,
Rút bài Quý ấy, giao cho Thế này(?)
Thế mà cũng chưa biết tay,
Đinh điền sổ sách giao rày còn sai
Bởi vì tư lự một mai,
Hai bên đổ lộn, kêu nài không đưa.
Quan về mấy lượt dân thưa,
Nói rằng chánh phó, dân chưa có người
Khi nào chánh hội bầu rồi,
Bấy giờ ta sẽ giao hồi cho dân.
Còn khi có lễ tế thần,
Hoặc là có lấy tiền ngân làm gì
Truyền cho thủ quỹ một khi,
Có ta cho chữ thì mày sẽ giao
Quan mưu dân trí càng cao,
Không tiền không tế, lễ nào cũng thôi.
Than ôi, làm tội 1; i đời,
Quý thân làm tội, lòng người thâm chằng?
Khen cho mưu kế hào cường,*

*E người trí lự, sợ rằng hùm beo.
Khen cho ăn học cũng nhiều,
Nỡ quên hàng nước, ra vào quyền môn.
Khen cho anh Hồ Năng Ngôn,
Cho tham danh lợi cúi lòn khổ thân
Dân là vạn đại chi dân,
Mà quan bắt quá nhất thân chi quan,
Sao không nghĩ đến giang san,
Mà theo nịnh hót quyền gian cho đành.
Thôi thì dẹp nổi bất bình,
Cùng nhau hợp tác để thành làng nhân.
May sao phong hội xoay vần,
Sự trời ai biết, quan Trần thẳng xa
Cho hay những tội gian tà,
Có chăng phú quý cũng là phù vân.
Lại may gặp hội đương xuân,
Sao soi đường phúc, mưa nhuần bánh xe.
Dân lên quan chuân sức phê,
Đến ngày bảo cử dân về đình trung.
Làng ra lập bản hội đồng,*

*Bầu ông Chánh hội là ông cử Huyền.
Phó hương hội, cụ cử Khiêm.
Lại còn hương chức cử thêm mấy người
Dân ung ai cũng nghe lời,
Từ đây chỉnh đốn trông coi việc làng.
Từ đây thêm bớt sửa sang,
Mở đường lợi ích, bỏ đường tệ nhân.
Từ đây tiến hóa dần dần,
Nguyên xin trên dưới quan dân một lòng.
Sao cho gấm vóc non sông.
Giữ gìn đất nước, vun trồng văn minh.*

PHẦN II DÃ SỬ QUA CÁC ĐỊA DANH

GÒ THÁNH HÓA

Ở thôn Hương Canh, xã Tam Canh (nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) có một gia đình nghèo chuyên sinh sống bằng nghề nặn nôi niêu. Hai ông bà già hiếm hoi sinh được một mụn con trai, đặt tên là Nôi.

Nôi càng lớn lên càng thông minh, lại giỏi võ, giỏi vật nhất vùng. Thuở ấy, nước Âu Lạc có nguy cơ bị giặc ương Bắc đe dọa xâm lược. An Dương Vương mở kỳ thi võ để chọn người tài giỏi chống giặc. Dân làng bèn cử đô Nôi và cấp cấp tiền gạo cho anh về kinh thi võ, thi vật. Sau mấy ngày trở tài, đua sức, Nôi đã giật giải. Tin vui bay về làm nức lòng dân làng. An Dương Vương thấy Nôi có tài, lại được mọi người quý mến liền cử làm tướng cai quản quân sĩ trong triều đình Âu Lạc.

Gần kinh đô Cổ Loa có làng Chiêm Trạch, trong làng có cô gái mồ côi, ở với cậu. Ông Nôi đến hỏi lấy cô làm vợ, sinh được hai trai, đặt tên là Đổng và Vực. Lớn lên, hai anh em Đổng và Vực theo cha, học cung kiếm, định một lòng phò tá vua Thục vì nước vì dân.

Triệu Đà phát quân xâm lược Âu Lạc. Ba bố con ông Nôi chiêu mộ thêm dân Chiêm Trạch làm binh, được nhà vua cấp cho lấy nỏ bắn một lần được nhiều phát tên, đã nhiều lần làm cho quân Triệu thất điên bát đảo.

Triệu Đà biết rằng khó lòng đánh được vua Thục, bèn dùng kế hiểm cho sứ sang cầu hòa và cho con là Trọng Thủy sang cầu hôn với công chúa My Châu. Vua Thục cho họp các tướng lĩnh để bàn kế hoà hoãn. Ba cha con ông Nôi vào triều can ngăn. Vua Thục không nghe. Ông Nôi cùng hai con xin từ chức bỏ về làng Chiêm Trạch làm ruộng.

Ít lâu sau, Triệu Đà lại phát quân sang xâm lược. Lần này vua An Dương Vương bị thua. Sau khi chém con gái, vua lao ngựa xuống biển tự tử.

Quân Triệu Đà chiếm được Loa thành. Triệu Đà sai người đến Chiêm Trạch dụ ba cha con ông Nôi ra làm quan, hứa phong chức tước. Ba cha con ông Nôi đều chống lại. Thấy dụ dỗ và mua chuộc không được, Triệu Đà cầm quân bao vây Chiêm Trạch. Vì thế yếu, hai vợ chồng ông Nôi cùng các con

phá vòng vây chạy về Hương Canh quê cũ. Giặc đuổi theo vây Hương Canh. Hai vợ chồng ông Nôi phải giả trang làm người bán nôi, đội nôi, gánh viên đất trốn ra đình quay trở về Chiêm Trạch. Nhưng chẳng may giặc Triệu phát giác được và đuổi theo. Vợ chồng ông chạy về tới Chiêm Trạch thì đã quá nửa đêm. Cổng làng đóng chặt. Dân làng nghe tiếng gọi chạy lại, thấy hai người gánh nôi lại ngờ là quân giặc giả trang đánh úp, không dám mở cổng làng. Giặc đuổi tới gần, hai vợ chồng ông không để mình sa vào tay giặc nên đã rút dao tự vẫn.

Hai hôm sau, ông Đông và ông Vực cũng trốn về Chiêm Trạch. Thấy bố mẹ đã chết, cũng tự tử theo. Cả bốn người được dân làng chôn cất ở khu gò ngoài rìa làng, sát chân đê sông Đuống. Về sau, mọi người gọi đấy là "gò Thánh Hóa".

Nhân dân hai thôn Ngọc Chi và Vĩnh Thanh (nay thuộc xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội) đã lập đền thờ cúng, và trên Hương Canh nhân dân cũng lập đền thờ cúng ba bố con ông.

NHỮNG CÁNH ĐỒNG MANG TÊN CHIẾN CÔNG

Tương truyền rằng: Sau trận đánh lớn xảy ra ở Lãng Bạc, Trưng Vương cho lui quân về giữ thành Mê Linh và giao cho Trưng Nhị đem quân về giữ thành Dền, các đồn ải bảo vệ hai thành đều được củng cố và giao cho các tướng lĩnh trấn giữ như xưa. Mã Viện thấy quân ta rút liền cho quân đuổi theo nhưng đã bị quân của các tướng: Bát Nạn, Thánh Thiên và Hồ Đê Nương chặn đánh cho tơi bời mà không thể tiến quân được.

Sau này Mã Viện lại tăng thêm quân và củng cố đội ngũ kéo về vây thành Mê Linh. Quân Mã Viện mới đến đã bị quân của ta từ trong thành các đạo quân xung quanh xông ra đánh rất dữ, làm cho giặc chết nhiều, phải lui quân ra xa. Nhưng ít lâu sau giặc lại kéo vào vây thành, và cứ như vậy, nhiều trận xảy ra liên tiếp xung quanh thành kéo dài hàng mấy tháng giằng co dai dẳng, hai bên đều thiệt hại mà không phân thắng bại. Nơi đó sau này người ta gọi tên là cánh đồng "Dai".

Có một trận đánh, quân ta đào hố sâu ngoài giữa cánh đồng rồi đêm tối, quân ta rút từ trong thành ra nấp kín dưới hố sâu, cho một số quân đến gần nơi đóng quân của giặc để khiêu chiến. Giặc thấy quân ta ít, chúng liền cho số quân đông gấp bội đuổi theo định bắt sống quân ta. Ta giả vờ thua chạy về phía cánh đồng quân ta bố trí sẵn, giặc đuổi theo đến đúng vòng vây của ta. Bốn phía từ dưới hầm kín, quân ta xông lên đánh giặc, quân giặc bị đánh bất ngờ nên hoảng hốt chạy đờ xô vào nhau, bị ta chém chết, xác chất cao thành đống, lũ sống sót tháo chạy thục mạng. Sau này nơi diễn ra trận đánh đó được đặt tên là cánh đồng "Đống". Lại một trận khác, Mã Viện dùng mưu lừa quân ta ra khỏi thành để đánh, chúng cũng cho đào hố và dùng các bụi cây để cho quân nấp kín nguy trang đánh lừa quân ta. Trưng Vương biết trước mưu giặc, liền mật báo cho các đạo quân bên ngoài bố trí đánh giặc theo kế "dùng mưu giặc đánh lại giặc". Đạo quân của tể tướng Hùng Lự Nương cùng em là Hùng Bạch Trạch bí mật đem quân đến sau lưng địch. Mặt trước trận địa, quân ta từ trong thành cũng ra ứng chiến, quân giặc tưởng là quân ta đã trúng kế chúng, liền cho quân tỏa ra vây bắt. Nhưng lập tức đạo quân của Tể tướng Hùng Lự Nương đã đánh tập hậu một cách bất ngờ, đánh rất hăng. Quân giặc bị đánh mạnh cả hai mặt, chúng lúng túng bỏ chạy tán loạn. Thừa thế, quân ta xông vào giết chết nhiều giặc, hàng ngũ quân Hán bị vỡ tan tành. Nơi xảy ra trận đánh, sau này đặt tên là cánh đồng "Vỡ".

Cũng trong trận đánh này, khi bà Trưng Nhị nhận được tin cấp báo là quân địch đã vây hãm thành Mê Linh, bà liền lệnh cho các ông Hùng Thiên Bảo và Lũ Lũy tướng quân đưa quân về đánh giải vây. Bà Trưng Nhị cũng chia đường tiên quân theo các đạo và hẹn nơi hội quân sau khi chiến thắng. Quân ta từ ba phía thẳng hướng tiến về thành Mê Linh:

- Đạo quân của Lũ Lũy tướng quân từ đồn Văn Lô tiến về.
- Đạo quân của ông Hùng Thiên Bảo từ Toàn Liệt kéo về.
- Đạo quân của bà Trưng Nhị từ thành Dền kéo về theo đường chính lộ.

Cả ba đạo quân dưới quyền chỉ huy của bà Trưng Nhị kéo đến gần thành Mê Linh thì được tin quân giặc đã bị quân của Trưng Vương từ trong thành đánh ra và quân của Tể tướng Hùng Lự Nương đánh từ sau lưng, làm cho giặc thua to, bị chết nhiều, số quân giặc tháo chạy bị quân ta đuổi theo tiêu

diệt, còn sống sót tên nào chạy đâm đầu vào các đạo quân của Lữ Lữ tướng quân và đạo quân của ông Hùng Thiên Bảo, đều bị quân ta bắt sống hoặc giết chết. Khi ba đạo quân tiến về đến gần thành Mê Linh được tin quân ta thắng lợi, quân giặc bị thua to và đã chạy xa. Bà Trưng Nhị liền hội quân ngay giữa cánh đồng để cho quân nghỉ ngơi. Bà cùng hai ông Hùng Thiên Bảo và Lữ Lữ cùng một số tướng lĩnh khác trong các đạo quân trên được vào thành bái yết Trung Vương. Trung Vương liền cho mở đại tiệc khoản đãi Bình Khôi công chúa và các tướng lĩnh, quân sĩ. Yến tiệc xong, bà Trưng Nhị cùng các tướng lĩnh, vâng chiếu lệnh của Trung Vương cho rút quân trở về trấn giữ đồn trại cũ. Thế là các đạo quân trên phải về không được đánh mà giặc đã tan. Nơi đóng quân nghỉ lại đó sau này được đặt tên là cánh đồng “Đổi” (nghĩa là bị đổi không được đánh).

Xung quanh làng Hạ Lôi thuộc xã Mê Linh, huyện Yên Lãng nơi có ngôi đền cổ kính thờ phụng Hai Bà ng, có ngôi thành cổ từ đầu công nguyên đang được nghiên cứu, nơi đây đã để lại cho ta nhiều di tích, nhiều truyền thuyết đáng lưu ý. Từ các xóm ngõ, con đường làng, đến các cánh đồng đều mang tên những chiến công lịch sử từ thời kỳ Hai Bà Trưng oanh liệt và bất khuất.

VƯỜN ĐÀO AO CÁ

Thời Tiền Lê có một nàng công chúa, con vua Lê Đại Hành, rất xinh đẹp và thông minh. Nàng thông hiểu nghĩa lý, lâu thuộc kinh sử. Trong những cuộc hội họp bàn chuyện văn chương của các nhà danh sĩ, nàng thường được mời đến dự. Lời bàn luận của nàng đều tỏ ý cao thượng và được mọi người kính phục. Phò mã cũng là người bọc rộng tài cao giữ một chức vị trọng yếu trong triều nội.

Khi vua Lê Đại Hành mất, Long Đĩnh giết anh họ lên ngôi. Long Đĩnh là người bạo ngược, dâm dục, công chúa đã nhiều lần khuyên can anh, nhưng Long Đĩnh đều mắng át đi. Do ham mê tử sắc quá độ, Long Đĩnh bị bệnh không thể nào ngồi dậy được, cứ phải nằm mà coi triều. Vì vậy người ta gọi vua là Ngọa Triều. Bọn quan lại thấy vua như vậy, càng được thể hoành hành, tàn hại lương dân, không kể gì tình nghĩa.

Công chúa buồn vì việc nước, lại giận cảnh nhà. Nàng bèn khuyên chồng treo ấn từ quan, tìm thú vui ở chốn non xanh nước biếc. Hai vợ chồng đưa nhau vào Thanh Hóa, đến cửa biển Thần Phù thuộc huyện Nga Sơn, dựng một gian nhà nhỏ, sống chung sớm chiều. Khu vườn của công chúa trồng toàn đào, rộng đến hơn một mẫu. Cứ mùa xuân đến đào hoa rực rỡ, gió Đông nhẹ thổi, phong cảnh càng thêm sinh động. Xuân này rồi xuân khác, công chúa thường chỉ vào vườn đào mà bảo chồng:

- Đây là cội đào nguyên của vợ chồng ta tránh nạn Tần đây!

Nghe tiếng vườn đào của công chúa, bà con xa gần nô nức đến xem. Khách vẫn cảnh ngày một đông. Ngựa xe thường qua lại luôn, tụ tập chốn đường quan ngõ cái. Khách tới thăm cũng rất nhiều tài tử giai nhân. Công chúa không muốn tiếp ai, nhưng phò mã thì lại ra chiều gấn bó cùng thế tục. Lâu dần phò mã chán cảnh vườn đào. Chàng khuyên vợ nên về nơi cung thất.

Công chúa nói:

- Vua thì bạo ngược, quan lại tham tàn, chàng còn muốn lặn mình vào trường danh lợi làm chi? Đã không có cách làm cho dân bớt nỗi cơ hàn thì nên giữ lòng cho trong sạch để khi xuống suối vàng không phải thẹn với Vua cha!

Phò mã nghe lời khuyên của vợ, nhưng lại năn nỉ:

- Nếu nàng cứ nhất định ở đây, tôi cũng chiều lòng. Nhưng ngày mai, nàng cho tôi về kinh một chuyến thăm bà con và chúng bạn. Chỉ độ một tháng chầy tôi sẽ trở lại.

Công chúa biết lòng chồng đã đổi, cũng không muốn khuyên can nữa. Nàng đặt tiệc tiễn chồng về kinh. Tiệc hoa đặt ngay trên bờ biển, cạnh khe nước chảy thông ra bãi cát. Công chúa mời chồng uống một chén rượu rồi cầm chiếc đũa trên mâm ném xuống khe nước bảo rằng:

Đôi ta như đũa có đôi

Chàng về thiếp ở, lẻ loi từ rày.

Dứt lời, nàng cúi đầu chào phò mãmen theo khe nước đi vào vườn trong. Bỗng nhiên, từ trên không, hai con hạc trắng hạ cánh xuống quay đầu về phía công chúa, gật gật ra vẻ chào mừng. Công chúa trèo lên lưng hạc. Hạc bay vút lên cao. Phò mã nhìn theo ngơ ngẩn. Chỗ phò mã đứng hóa thành một doi đất vươn ra biển như muốn dõi theo cánh hạc bay, phía sau tạo thành vũng nước sâu, rộng. Người ta gọi cả chỗ ấy là "Vườn đào ao cá". Còn chỗ công chúa ném chiếc đĩa bông mọc lên ngọn núi hình như đóa hoa sen khi ẩn khi hiện, mờ mờ, tỏ tỏ, cao chót vót như cái cột đá nổi giữa biển bạc mênh mông. Người ta gọi đó là núi Liên Hoa (Hoa Sen) hay là hòn Chích Trơ (Chiếc đĩa).

Nhà chí sĩ Nguyễn Thượng Hiền có dịp đi qua nơi này nghe câu chuyện cổ trên đây, đã xúc cảm thành bài thơ có mấy câu tuyệt tác:

Mơ màng bề biếc hoa sen nổi

Tháp thoáng đồng xanh cánh hạc bay

SỰ TÍCH LÀNG CẦU KỆ, LÀNG KÉO LÊ

Đầu triều tiền Lê, có ba anh em trai họ Hoàng ở Đông Phạm Trang, cha mẹ đều chết sớm. Cảnh nhà nghèo túng nhưng họ vẫn đùm bọc, thương yêu nhau, gắng sức làm lụng kiếm miếng cơm, bát cháo qua ngày. Thấm thoát thời đưa, ba anh em đều tới độ tuổi khôn lớn, trưởng thành. Đông Phạm Trang đã đổi thành Cổ Phạm rồi thành Vân Liễu Trang. Thấy đất Vân Liễu Trang khó bề làm ăn, ba anh em liền họp nhau lại quyết định mỗi người tự tìm mảnh đất làm ăn, sinh số

Người anh cả vẫn ở lại quê cha đất tổ là Vân Liễu Trang. Người anh thứ hai thì đến ở xóm tây của Vân Liễu Trang gọi là Cá Lê. Còn người em út thứ ba đi xa hơn nữa về phía Tây, cách Vân Liễu Trang chừng 4 - 5 dặm để lập võ trại. Nơi ấy có một cái hồ khá lớn, có vực Cái rất sâu và một cây cầu bắc qua con sông nhỏ nước chảy quanh năm gọi là Trại Kiều.

Thấy Trại Kiều rộng rãi, đất đai màu mỡ thuận tiện cho việc làm ăn, sinh sống, một hôm người em út tới Cá Lê rủ người anh thứ hai:

"Anh ở đây chật hẹp quá, mà trên em đất đai rộng rãi, lại màu mỡ, nước non sẵn, chẳng sợ bị hạn hán; chi bằng anh lên quách Trại Kiều ở với em cho vui".

Nhưng người anh thứ hai nhất định không bỏ đất Cá Lê mà lại còn gay gắt trả lời em:

"Chú đi mô lên đó thì kệ chú! Tôi có thân tôi tự lo! Chả phải nhờ chú lo hộ"

Người em út nghe vậy bực mình lắm và quyết từ nay sẽ không bao giờ tới thăm anh nữa. Từ biệt anh ra về người em sáng giọng:

"Tôi đi thì kệ tôi! Còn anh không đi thì anh kéo lê ở đó mặc anh".

Từ đây trở đi Trại Kiều được gọi là Cầu Kệ còn làng Cá Lê thì đổi thành Kéo Lê.

Một lần nọ, vua Lê Đại Hành thân chinh cầm quân đi đánh bọn giặc ngoại xâm, ở vùng đất châu Hoan, châu Ái. Khi cánh quân của vua tiến qua vùng đất (nay là miếu) của làng Cầu Kệ bây giờ, thì tự dưng bày voi, ngựa chiến dừng lại và quỳ cả xuống. Đám lính quân tượng và kỵ binh điều khiển mãi nhưng bày voi, ngựa chẳng hề nhúc nhích, cứ y như chúng là bày voi, ngựa đá dính chặt vào lòng đất vậy. Thấy sự việc lạ lùng, viên tướng tiên phong nghĩ chắc hẳn nơi đây phải có điều gì bí ẩn. Viên tướng liền chọn một số sĩ tốt dũng cảm đã từng vào sinh ra tử cùng mình sục sạo vào trong cánh rừng rậm rạp ven hồ xem có điều gì lạ. Sau một hồi lâu tìm kiếm họ chưa phát hiện được điều gì, mà chỉ thấy có một chiếc bát hương cũ kỹ, xấu xí đặt trên một bệ đất sát cạnh một gốc cây to. Tướng tiên phong liền thắp hương cầu khẩn, xin thần có linh thiêng thì hãy phù hộ độ cho quân ta đánh tan lũ giặc cướp, nếu được chuẩn y lời sau khi thắng trận sẽ xin vua sắc phong cho thần và lập miếu quanh năm đèn hương thờ cúng. Kỳ lạ thay khi viên tướng vừa khẩn dứt lời thì bày voi, ngựa đứng dậy đi ngay.

Khi xung trận, bày voi, ngựa chiến ào ào xông lên không sức nào cưỡng nổi. Lũ giặc bị đánh tan trong chốc lát. Sau khi thắng trận, viên tướng tiên phong liền tâu lại sự việc trên cho đức vua nghe và xin ngài phong sắc cho thần, lại cho phép dân làng Cầu Kệ được lập miếu để thờ và tôn là Thành Hoàng của làng.

Lúc bấy giờ dân làng Cầu Kệ mới có độ khoảng vài chục nhà không có đủ người để vận chuyển các thứ đồ tế lễ từ trấn về. Thấy vậy quan trên liền sắc cho làng Cổ Định (Cổ Ninh) cử người, cùng làng Cầu Kệ vận chuyển đồ tế. Bởi vậy dân làng Cổ Định thường nói.

"Tế là tế Thành Hoàng làng Cầu Kệ nhưng trai làng Cổ Định lại phải đi khiêng hầu đồ tế".

Đến đời hậu Lê, khi vua Lê Thái Tổ đem quân đánh giặc Minh thì đạo quân của ngài có đi qua làng Cầu Kệ. Hồi ấy đường làng còn đang chật hẹp, cầu bắc qua sông lại chưa có. Người lại đông và còn kéo thêm bày voi, ngựa chiến nên tốc độ hành quân chậm lại. Lúc này đức vua đang ở hậu quân, không hiểu rõ sự tình truyền thuyết hỏi tiền quân. Tiền quân tâu rằng vì đường hẹp, cầu nhỏ nên không thể tiến nhanh được. Đức vua liền truyền lệnh: Mắc cầu thì kệ cầu, ứ vượt lên mà đi. Và cũng từ đây làng Cầu Kệ được đổi thành làng Kệ Cầu, cái tên này được giữ mãi cho tới ngày nay.

NÚI THÁP BÚT

Ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Câu chuyện cùng một mô-típ như chuyện Trông cố Ghép ở Hà Tĩnh, nhưng chủ đề lại nhằm vào ý đề cao truyền thống hiếu học và khoa bảng ở xứ Nghệ.

Ngày xưa ngày xưa, xứ Nghệ là nơi biên trấn, bị các trấn đàng ngoài khinh rẻ, bị nhà vua coi thường. Nhiều đời triều đình gọi vùng này là đất ki mi, hoang vắng, chưa được giáo hóa. Học trò xứ Nghệ dù có học giỏi cũng khó lòng được ra độ sức với sĩ tử kinh kỳ, người có tài ở xứ Nghệ thường ít được trọng dụng.

Tại vùng thuộc Thanh Chương bấy giờ, nhà nọ có một ông già, tuổi đã ngoài sáu mươi, sinh được năm con trai, anh nào cũng tuấn tú, khôi ngô, học giỏi, văn hay. Có con như vậy, làm cha làm mẹ, ai mà chẳng vui sướng, nhưng ông già thì ngược lại. Nhiều đêm, ông nằm trằn trọc, không ngủ được. Thấy vậy, anh con cả mạnh dạn hỏi:

- Thưa cha, phải chăng chúng con đã có điều gì làm cho cha không vừa lòng?

Ông trầm ngâm trả lời:

- Các con hãy nghĩ xem, có gà tốt mà không được đem đi chọi, có ngựa tốt mà không được đem đi đua thì còn gì đáng buồn bực hơn nữa! Cha con ta phải làm cho nhà vua ở phương Bắc xa xôi thấu hiểu được tài ba và lòng dạ, chí khí của người dân xứ này.

Lúc ấy cả năm người con đang bên cạnh đồng thanh hỏi:

- Chúng con phải làm gì đây, thưa cha?

- Cha con mình phải ra sức đắp một ngọn núi hình tháp bút, cao vời vợi, chọc thủng trời xanh, để nhà vua trông thấy sĩ khí Châu Hoan.

Nói rồi, ông già chọn ngày lành, làm lễ tam sinh tế Trời Đất, rồi bắt tay vào công việc.

Trên một khu đất rộng, sáu cha con ra sức cạy đá, đào đất gánh kìn kìn ngày nọ qua ngày kia. Ông già động viên các con:

- Ta cố sức trong ba năm làm xong các con ạ; để khi nào nhà vua mở khoa thi, nhìn vào phương Nam thấy có hòn núi mang hình tháp bút cao vời vợi, ắt cũng phải suy nghĩ.

Chẳng bao lâu bệ núi đã ghép xong. Nhưng vì làm việc quá sức, ông già lâm bệnh nặng rồi qua đời. Vợ con vây quanh thi hài ông than khóc thống thiết, làng xóm kéo đến chia buồn chật nhà.

Kỳ lạ thay, ông già đã chết rồi mà mắt vẫn mở to nhìn vợ con và xóm làng. Đã hai ba ngày rồi, đôi mắt của ông vẫn thế. Bà vợ gục bên nói:

- Ông ơi, phải chăng trời bắt ông đi, nhưng việc lớn chưa thành, nên ông không nhắm mắt được? Ông hãy yên tâm đi cho khỏe khoắn, việc lớn của ông, tôi và các con, rồi cả làng xóm nữa sẽ làm xong như ý ông.

Lúc đó, đôi mắt ông già mới từ từ khép l>

Đám tang ông già, người đi đưa trắng đồng. Chôn cất xong, sáu mẹ con lại ra sức tiếp tục đắp núi Tháp Bút. Nhưng rồi, không phải chỉ bà con xóm làng quanh ông mà đông đảo bà con cả vùng, cả xứ cũng kéo đến cùng tham gia đắp núi Tháp Bút.

Đúng ba năm, một ngọn núi do sức người đắp được đã xong. Đỉnh núi cao vút, nhọn như cây bút, đó là núi Tháp Bút.

Tin này đồn đến kinh đô, nhà vua ngạc nhiên và rất khâm phục, cho là người xứ Nghệ có chí khí cao văn tài giỏi. Nhưng mãi đến đời Trần, học trò Nghệ An mới được đi thi và Bạch Liêu tiên sinh là người đỗ Trạng nguyên, khai khoa thi cho xứ Nghệ. Từ đó về sau, xứ Nghệ có biết bao người đỗ đạt làm nên, huân danh cao như Tháp Bút, tiếng thơm lưu muôn thuở.

VÁCH ĐÁ SÁP ONG

Vách đá Sáp Ong, riêng Thái là Pom pha Khi sút. Đây là tên một ngọn núi ở Mường Xang (nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La). Mỏm núi có tên như vậy là do một giai thoại có tính chất như dã sử.

Đất Mường Xang thuở ấy đang có người Lém Lé ở. Người Thái do Nhọt Chom Cầm dẫn đến sau cũng vào cư trú nên xảy ra tranh chấp giữa hai bên. Họ bèn cuộc nhau thi bắn tên vào vách đá, nếu mũi tên ai cắm được trên đó sẽ được làm chủ đất. Với cây nỏ có cánh cung và mũi tên bằng đồng, người đại diện bên Lém Lé giương lên bắn lần thứ nhất, tên rơi xuống đất. Đến lần thứ ba, tên lại rơi xuống đất. Đến lượt bên Thái bắn, người đại diện dùng nỏ có cánh cung bằng tre với mũi tên tre có bịt sáp ong, giương lên bắn lần thứ nhất, tên cắm trên vách đá, lần thứ hai và lần thứ ba, tên cũng lại cắm trên vách đá. Người Thái đã thắng cuộc. Song người Lém Lé vẫn không chịu và đòi hai bên phải làm lễ cúng "ma" và phân rõ ai sẽ là chủ đất. Biết vậy,

Nhọt Chom Cầm bèn bố trí cho tướng Khăm Phong đem bông bọc toàn thân giả làm "ma mừng" treo lên nắp sẵn trên vách núi. Khi hai bên bày lễ cúng thì "ma mừng" giả đó hiện trên vách núi trắng toát và nói rằng: "Đất này người Thái ở mới phát, còn người Lém Lé ở thì loài người sẽ tuyệt chủng!". Thế là người Lém Lé đành phải bỏ đi nơi khác cho người Thái vào cư trú.

Nhọt Chom Cầm lên làm "Chầu mườn" (chúa đất) đất Mườn Xang mới đặt tên cho ngọn núi có vách đá cắm tên bịt sáp ong là Núi vách sáp ong" (Pon pha Khi sút) và chia con cháu đi bản dưới, nương trên để làm chủ. Các con cháu đều được phân một cây mác đồng của vua cha đất Viêng Chăn. Số còn lại họ đem đúc thành tượng đồng đặt ở chùa Bản Vạt (Yên Châu bây giờ), gọi là tượng Pha Nha Nhọt Chom Cầm.

Nhọt Chom Cầm chính là ông tổ của họ Sa nổi nghiệp trị vì đất Mườn Xang - Mộc Châu ngày nay.

Tương truyền rằng, ngày xưa, Mườn Lay là quê hương của người Kháng. Bản làng thưa thớt, đất rừng nhiều, không phân chia hết. Chúa Thái và chúa Kháng tranh nhau, đánh nhau mãi. Một lần chúa Thái lập mẹo buộc sáp ong vào đuôi hàng trăm con dê, đốt lửa, xua dê vào nơi ở của người Kháng. Người Kháng nhìn thấy từng đàn con quái vật với những đốm lửa nhảy nhót lao tới như điên cuồng thì hốt hoảng tưởng là thiên thần sai quái vật về đốt phá bản làng, nên hò nhau chạy tán loạn.

Người Thái chiếm được đất, đặt tên đất là Mườn Lay (Lay tiếng Thái nghĩa là đuôi). Để phòng người Kháng quay lại, họ đặt ra các chức Ló, chức Lé (nay là bản Ló, bản Lé) để trông chừng cảnh giác. Họ còn đặt ra các chức dịch để lo việc cai quản và cúng tế, như ông Luông (nay là bản Ho Luông), ông Nghe (nay là bản Nghe Tong), ông Mo, ông Clay, (nay là bản Mo, bản Clay).

Mườn Lay vốn có từ lâu đời. Thời Hùng Vương, thuộc bộ Tân Hưng; thời nhà Lí, thuộc châu Lâm Tây; thời nhà Trần nằm trong bộ Đà Giang, đến đời Lê thì gọi là trấn Đà Giang; dưới thời Nguyễn, Mườn Lay thuộc tỉnh Hưng Hóa, và ngày nay thuộc tỉnh Lai Châu.

VÌ SAO CÓ TÊN MƯỜNG PHẪNG?

Mường Phăng hiện nay cũng là một thị trấn ở Sơn La, có suối Phăng chảy vào sông Nậm Rốm. Mường Phăng đã từng chứng kiến những cuộc chiến đấu của nghĩa quân Giàng Tả Chay chống Pháp. Nhưng tại sao lại có cái tên này? Có nhiều cách giải thích:

Có người nói, cái tên ấy ra đời vì... thiên nhiên và khí hậu của vùng đất này. Mùa đông ở đây rét lắm, rét đến nỗi, người trên nhà sàn không dám xuống sàn lấy củi mà phải lấy móc sắt móc củi lên. Nhà nào cũng phải có cái móc. Cả mường đều có móc, nên mới gọi là Mường Phăng.

Nhưng có người lại nói tên Mường Phăng bắt nguồn từ một sự kiện lịch sử. Nghĩa quân Hoàng Công Chất (thế kỷ XVII) có đánh một trận rất lớn ở đây (chưa rõ đánh nhau với bọn phi hay với quân triều đình Lê Trịnh). Trận đánh rất thần kì. Đêm tối đen như mực, quân địch bất thành linh đánh úp nghĩa quân. Bỗng từ trên núi cao, có hàng ngàn ngọn lửa tràn xuống dốc lao về phía địch, tưởng chừng như Thần Hỏa trên trời sai quân lao xuống để giúp đỡ chủ tướng Hoàng Công Chất. Thực ra, chỉ là mẹo của ông Hoàng dùng một đàn dê, con nào cũng được buộc thỏi sáp dài vào sừng, và đuôi, thấp lửa lên và cho lao ủa xuống. Địch hoảng hốt rút lui. Quân ta ào vào đâm chém, và vì thế đất này mới lấy tên Mường Phăng. Phăng có nghĩa là đâm chém.

SỰ TÍCH GÒ CON CÁ

Theo lời truyền của nhân dân Chu Minh và Tây Đằng, huyện Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây cũ thì ngày xưa ở xóm Vân Trai có một khúc mương rất rộng ở giữa cánh đồng. Nhưng hàng năm, cứ đến mùa hạ thì khúc mương đó cạn. Thế mà bên cạnh khúc mương đó lại có một cái đầm rất lớn, nước vừa trong lại vừa mát. Trong con mương, có một con cá rất to sống đã lâu ở đây, lâu đến mức không ai biết nó đã sống bao nhiêu năm rồi. Mỗi khi mương khô hạn thì nó rạch xuống cái đầm bên cạnh để uống nước. Mỗi lần con cá chép đi uống nước thì mây đen ùn ùn kéo đến che phủ một vùng trời ngay trên đầu nó. Người ta đồn rằng con cá chép này sắp hóa rồng nên mới

có chuyện như vậy. Và nếu con cá này hóa rồng, thì tức là ở Vân Trai sắp có vua nổi lên trị vì đất nước.

Chính vì tin vào lời đồn đại về con cá sắp hóa rồng này nên ở vùng Vân Trai lúc đó có một hào trưởng rất giàu, gọi là ông Quy Thất, nảy ra ý định nổi lên làm vua. Lúa của Quy Thất chất thành kho, ruộng hàng trăm mẫu, trâu hàng đàn, Quy Thất đã chuẩn bị gươm, giáo, lương thực để tuyển quân đánh nhà vua mong cướp ngôi.

Vào dịp đó một đạo quân từ Trung Quốc sang cướp nước ta. Khi đến đất Vân Trai, nghe đồn có con cá sắp hóa rồng, e sợ rằng đất Vân Trai sẽ có người nổi lên chống lại chúng nên chúng tìm cách triệt hại con cá chép đó. Biết là con cá quen sống trong cái mương cạn khô để sắp hóa thành rồng, bọn chúng sai quân đắp hai đầu mương rồi đan tre, đan gầu, tát nước vào mương để làm cho con cá chép hết phép hóa rồng trên cạn. Quả nhiên con cá chép chết, và lập tức giữa mương đó bỗng nổi lên một cái gò rất to hình con cá chép. Đầu con cá ghéch về phía cái đầm còn đuôi thì hướng về núi Ba Vì. Từ đấy, gia đình Quy Thất cũng sa sút, không đủ khả năng tuyển mộ quân lính chống lại nhà vua nữa. Bọn giặc Trung Quốc cũng bị quân nhà vua đánh tan. Người Vân Trai cứ tiếc mãi con cá sắp hóa rồng và đề tưởng nhớ nó, người ta gọi gò giữa đồng ấy là gò Con >

SỰ TÍCH CÀU BƯƠU

Vào một mùa hạn hán, cây cối khô héo, ruộng đất nứt nẻ, ở vùng bắc huyện Thường Tín, nay là Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội có một thầy đồ đang dạy học trò.

Cứ như thường lệ, mỗi một hôm đến lớp thì phải có một anh học trò mài mực từ trước để cho thầy đồ dùng.

Hôm ấy, đến lượt một học trò mài mực nhưng kỳ lạ thay, mài được bao nhiêu thì anh ta lại uống mất bấy nhiêu. Đến lúc vào lớp, thầy đồ hỏi đến mực thì anh ta cứ đứng ì ra. Thầy đồ tức giận đã đánh anh học trò này brou cả đầu lên. Cũng lạ thay, càng bị đánh thì anh học trò này càng phun mực ra

phì phì. Mực phun đến đâu thì mưa tuôn đến đó. Nhân dân vô cùng sung sướng vì có nước để cấy cày.

Sau trận mưa đó, anh học trò về đến gần chiếc cầu mà hàng ngày anh vẫn thường qua thì bị sét đánh chết. Lúc đó mọi người mới hiểu rằng anh học trò này là con vua Thủy Tề phái lên để giúp dân. Việc anh phun mực làm mưa là trái lệnh trời nên Ngọc Hoàng sai Thiên Lôi đánh chết.

Nhân dân quanh vùng thương tiếc anh nên đã lập đền thờ. Có lẽ vì không biết tên anh là gì mà chỉ biết đến việc anh bị thầy đồ đánh brou đầu nên người ta đặt tên cho cái cầu anh thường đi học qua và cũng là nơi anh bị Thiên Lôi đánh chết là Cầu Brou (có nơi dân gọi chệch là Cầu Biêu).

Ở dòng nước chảy qua cầu Brou này có hai cái gò, nằm chắn hai bên, làm lệch dòng nước, nhưng qua bao đời nay, không bao giờ bị dòng nước chảy xiết làm mòn đi, dân quanh vùng bảo rằng đó là hai con mắt của con rồng thần, tức là anh học trò làm mưa kia.

HỒ TÂY VÀ HỒ TRÚC BẠCH

Từ xưa, hồ Tây là một thắng cảnh của Thủ đô Hà Nội. Nhiều câu ca dao đã khắc họa cảnh thơ mộng, thí dụ như mấy câu quen thuộc:

Gió đưa cành trúc la đà.

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương,

Mịt mù khói tỏa ngàn sương.

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Và rất nhiều nhân sĩ đã làm thơ, phú ca ngợi cảnh trí hồ Tây, như Nguyễn Mộng Tuân:

Mặt hồ đáy nước trong xanh,

Quế đưa hương ngát cho thanh lòng trần .

Nguyên văn chữ Hán:

Băng hồ triệt để vô tiêm t

Dan quế phi hương bất tận thanh.

Như Nguyễn Huy Lượng:

Chày Yên Thái nện trong sương loảng choảng,

Lưới Nghi Tàm ngăn ngon nước quanh co.

Hay như Nguyễn Công Trứ trong bài thơ hát nói:

"...Cảnh Tây hồ khen ai khéo đật

Trong khi thánh riêng một áng lâm tuyền

Bông kỳ dải trắng mặt nước như im... "

Hồ này gọi là hồ Tây, vì ở phía Tây kinh thành; chứ thật ra tên hồ Tây cũng chỉ là một tên chung, trở thành tên riêng và tên hồ này cũng thay đổi từ thời này qua thời khác, thí dụ như tên dân gian là hồ Trâu Vàng hay tên chữ là Lăng Bạc nghĩa là cái bến có sóng lớn, hay Dâm Đàm, nghĩa là cái đầm có sương mù bốc lên. Tên Dâm Đàm vẫn được dùng đến đời nhà Trần, các vua đời Lý và Trần có xây Dâm Đàm hành cung cạnh hồ để hóng mát. Năm 1573, vì kiêng tên húy của vua Lê Thánh Tông là Duy Đàm, nên mới đổi là Tây hồ và tên đó dùng cho đến ngày nay. Cần chú ý rằng ở nước ta, ngoài hồ Tây này, xưa kia còn hai hồ Tây khác nữa, một ở vùng Côn Sơn (Hải Dương) và một ở gần Lam Kinh (Thanh Hóa).

Theo sách Tây Hồ chí, thì hồ này từ thời Hùng Vương là một cái bến ở cạnh sông Hồng, thuộc động Lâm Ấp của thôn Long Đỗ, và mãi cho đến thời Hai Bà Trưng, bến này vẫn thông với sông Hồng. Xung quanh bến đó có một khu rừng lim rậm rạp, có nhiều hang động, như phía Tây có Giá La Động, phía Đông có Nha Lâm Động, phía Nam có Bình Sa Động và phía Bắc là sông Hồng. Các cụ già địa phương cũng xác nhận xưa kia đây là khu rừng và cho biết ở đây, đi đánh cá, thỉnh thoảng họ có vớt được nhiều khúc gỗ lim có dạng trầm tích. Theo địa chất học, hồ này là một hồ ngoại

sinh, có dạng lòng chảo, chủ yếu do tác dụng xâm thực của sông Hồng mà thành. Truyền thuyết Trâu Vàng hồ Tây hay truyền thuyết Huyền thiên Trần Vũ đã chứng minh điều đó.

Nói đến hồ Tây, là phải nói đến hồ Trúc Bạch, vì xưa kia hai hồ vốn liền nhau; về sau, vì hồ Tây rộng quá, nhân dân ba làng Trúc Yên, Trúc Phụ, Yên Quang mới đắp con đê chắn ngang, để giữ phần cá về phía mình. Con đê đó nay là đường Thanh Niên. Nhân dân sống ven hồ làm ruộng vẫn là chủ yếu, kết hợp với nghề nuôi cá, cùng với một số nghề thủ công khác như nuôi tằm, dệt vải, làm giấy, trồng hoa v.v... Thời Lê Thánh Tông, chung quanh hồ có mười hai phường trong số mười tám phường của huyện Quảng Đức (sau đổi là Vĩnh Thuận). Mười hai phường đó nay là mười hai làng, thuộc khu Ba Đình và huyện Từ Liêm như: Yên Phụ, Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng Bá, Nhật Chiêu, Xuân La, Bái Ân, Võng Thị, Trích Sài, Hồ Khẩu, Yên Thái, Thụy Chương.

Theo quan niệm người xưa, hồ Tây có một địa thế rất đẹp, như ở giữa hồ còn có một vùng nước xoáy bên cái gò gọi là gò rồng nhả ngọc châu, tức gò Châu Long, vì xưa kia đoạn hồ Trúc Bạch thông với hồ Cổ Ngựa chạy đến dốc Hàng Than. Chung quanh đó là kiểu đất long, ly, quy, phượng như Trần Vũ, Thụy Chương nằm trên thế rùa thâu. Trúc Bạch, Yên Ninh nằm trên thế rồng châu. Nhật Chiêu, Quán La, Trích Sài nằm trên thế ly châu, riêng Võng Thị, Hồ Khẩu, Yên Thái lại nằm trên thế con cá nhô ra mặt hồ...

Quanh hồ lại có nhiều di tích lịch sử, chưa kể các quan thờ Lão Quân, đã có đến khoảng hai mươi đền miếu và khoảng hai mươi ngôi chùa. Quán Khai Nguyên xây trên động Thất Diệu ở Quán La, thờ Huyền thiên Đại đế (tức Lão Quán) là một quán nổi tiếng. Tư đồ Trần Quang Triều đã cho sửa sang rất đẹp. Di tích cái gò đó nay vẫn còn. Cung Thúy Hoa cũng là một kiến trúc mỹ lệ, xưa ở vùng Yên Phụ (Yên Hoa), ở đó có rừng hoa và chợ hoa kéo dài cho đến chùa Kim Liên ở Nghi Tàm hiện nay. Còn như các ly cung của vua chúa, dinh thự của quan lại ven hồ thì không thể kể xiết. Phạm Sư Mạnh đời Trần Minh Tông cũng có nhà riêng ở vùng xã Quảng An hiện nay.

SỰ TÍCH ĐỒNG DẤM Ở THÔN ĐA SĨ

Ngày xưa, làng Đa Sĩ, thuộc thị xã Hà Đông hiện nay (trước kia thuộc huyện Thanh Oai, Hà Đông cũ) còn có tên là Huyện Khê, Huyện Sĩ hoặc Đan Sĩ.

Vào thời xa xưa, có một ông đồ họ Hoàng dạy học rất giỏi và còn biết thêm cả nghề làm thuốc nhưng lại rất nghèo. Ngày ngày, ông dạy học trò và nếu có ai bị ốm bệnh thì ông lại lấy thuốc chữa cho khỏi mà không lấy tiền. Vì vậy, nhân dân rất quý mến ông.

Ông có ba người con tính tình rất giống cha.

Một hôm, ông bị bệnh và chết rất bất ngờ. Vì nhà ông ở ngoài rìa làng nên dân làng không hay biết gì việc ông chết cả. Ba người con ông chẳng biết làm thế nào, bèn bàn nhau mang thi thể của ông ra đồng mai táng ngay.

Anh con cả vào nhà lấy chiếc chiếu duy nhất ra bó thi thể rồi đang đêm ba anh em mang bỏ ra đồng mai táng.

Đi đến giữa đường thì trời đổ mưa, một trận mưa rất to. Ba anh em đành phải dừng lại trú ở một gốc cây đa to giữa đồng để đợi ngớt mưa. Nhưng trời mưa mãi, ba anh em mệt quá ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Đến lúc tỉnh dậy thì chẳng thấy thi thể bó đâu nữa mà chỉ thấy một đồng đất lớn. Ba anh em không biết làm sao được đành phải ra về.

Sáng hôm sau, họ mới vỡ lẽ ra là mới đã xông kín thi thể ông đồ họ Hoàng. Về sau này nhân dân thương tiếc và xây lăng dưới gốc đa. Nơi đó được dân Đa Sĩ gọi là Đồng Dấm.

SỰ TÍCH LÀNG ĐỘC ỐC - YÊN PHÚC

Làng Yên Phúc, thuộc thị xã Hà Đông hiện nay chính tên là làng Nam Phong. Gọi tên như vậy vì làng này chuyên làm thuốc chữa bệnh trị phong,

tê, thấp khớp bằng thuốc Nam - Đông y.

Nhưng bỗng nhiên về sau, ở làng có một người làm quan. Y là quan nên to nhất làng, nên y cũng khá hống hách. Tên bố y lại là Nam, thành thử nếu gọi tên làng ra thì tức khắc réo tên bố y. Y tức lắm, bèn tìm cách đổi tên làng. Tên quan này và cả bọn đang loay hoay tìm cách đặt tên mới cho làng thì bỗng có một người chạy vào, quát to lên rằng:

- Chúng mày dốt lắm! Có một cái tên làng mà nghĩ mãi không ra. Đặt tên làng là “Dộc Ốc”.

Bọn cường hào, quan to, quan nhỏ, hốt hoảng, ngơ ngác nhìn nhau vì nghe giọng quát như của thành hoàng làng phán bảo.

Nhưng rồi cả bọn định thân nhìn ra thì đó chỉ là một anh nông dân bình thường ở trong làng. Thấy vậy, bọn quan liền ra lệnh bắt giữ anh nông dân rồi đem ra đình để xử tội cho cả dân làng biết.

Sau một hồi lên tiếng gay gắt buộc tội, chúng liền ra lệnh chém anh nông dân về tội láo xược với các quan và nhất là tội đã đặt ra cho làng cái tên chẳng hay ho gì.

Anh nông dân vẫn bình tĩnh mà nói rằng:

- Tôi thấy các ông nghĩ mãi không ra một cái tên làng nên tôi mách các ông đấy thôi!

Bọn quan liền hạch lại:

- Tại sao mày lại dám đặt cái tên xấu xí như vậy? “Dộc Ốc” là gì?

Anh nông dân cả cười mà rằng:

- Làng ta có nhiều "dộc", tức là nhiều ao đầm có phải không?

- Đúng! Có nhiều “dộc” thật!

- Và lại có nhiều ốc, có đúng không?

- Ốc thì nhất là ở độc làng ta rồi!

- Dân làng ta hay xuống độc để mò ốc thì đặt tên là. “Độc Ốc” là đúng quá rồi còn gì nữa?

- Đúng thế! Toàn làng hay lội độc bắt ốc thì sao mà phải xấu hổ! Nghề cha ông ta mà lại bị khinh thế à?

Cứ mỗi câu nói của anh nông dân lại được dân làng hưởng ứng, vì hợp lý quá.

Nhờ có trí thông minh, anh nông dân kia đã thắng, làm cho bọn quan lại cường hào ngu dốt kia phải nghe theo. Hơn nữa anh thắng là vì dân làng tôn trọng nghề lao động của mình.

Tên “Độc Ốc” là tên cổ từ xa xưa.

Mãi về sau, thời gian gần đây, các cụ già mới đặt lại tên là Yên Phúc, vì muốn rằng làng mình sẽ luôn yên ổn và có phúc đức.

CHƠI VỚI KẸ SỚM KHÔNG ỒM CŨNG QUÈ

Đừng nghĩ rằng câu thành ngữ này là một nhận xét khắc nghiệt về địa phương Kẻ Sớm. Phải chăng người dân vùng này, tính tình hung tợn, chơi với ai, không sớm thì muộn sẽ thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, đánh nhau chí tử. Không phải thế đâu!

Câu thành ngữ này, thực ra là để kỷ niệm một chiến công từ đầu thế kỷ XV.

Kẻ Sớm là người ở Sớm. Sớm là tên Nôm, chỉ vào tổng Cổ Lãm, nay thuộc huyện Thanh Oai, và thị xã Hà Đông.

Năm 1426, Lê Lợi thừa thắng, từ Tây Đô tiến ra Đông Quan. Nghĩa quân Lam Sơn đã đi qua vùng Kẻ Sớm và được nhân dân tổng Cổ Lãm nhiệt liệt hưởng ứng. Trai tráng Cổ Lãm hăng hái, dũng mãnh đã tham gia nghĩa

quân, đánh nhau với giặc Minh nhiều trận kịch liệt. Trong trận ta phục kích ở cầu Nhân Mục (Từ Liêm, Hà Nội), giặc Minh thua to, nhiều toán chạy ngang qua Cổ Lãm đều bị dân quân Kẻ Sớm tiêu diệt, khiến cho chúng phải trốn biệt không dám bén mảng đến vùng này. "Chơi" với kẻ Sớm, không ốm cũng què, là lời tự hào địa phương, nhắc nhở bọn ngoại xâm từ những ngày chiến thắng ấy.

(Sưu tầm thực địa)

BẢY LÀNG GÀ BA LÀNG HÓP KHÔNG BẰNG THẲNG CHÓP LÀNG CỔ DƯ

Vào giữa thế kỷ XVIII nông dân ở vùng Nam Định nổi lên chống chính quyền Lê Trịnh - sử sách gọi là phong trào Ngân Già, do Vũ Đình Dung cầm đầu. Ngân Già là tên xã. Xã Ngân Già, nay nay thuộc xã Nam Cường, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà. Vào thế kỷ nói trên, xã Ngân Già gồm có 7 làng, đều mang tên là 7 làng Gà. Cảnh Ngân Già, có xã Báo Đáp, nay thuộc xã Nam Quan, cùng huyện Nam Ninh. Xã Báo Đáp có 3 làng, được gọi là ba làng Hóp.

Cả mấy làng Gà, làng Hóp đều nhất tề đi theo Vũ Đình Dung. Những ngày đầu, phong trào Ngân Già ghi được nhiều thắng lợi. Nghĩa quân đã đánh vào phố Châu Ninh, giết đốc lãnh Hoàng Kim Thảo (1740). Chúa Trịnh Doanh phải thân hành đi dẹp, diệt được Vũ Đình Dung, rồi bắt xóa tên là Ngân Già, đổi thành xã Lai Cách.

Trong kế hoạch phản công nghĩa quân Ngân Già, quân triều đình đã dùng mẹo phản gián. Họ mua chuộc một người trong hàng ngũ nghĩa binh, âm mưu phá rối nội bộ, trước hết là mấy làng Già, làng Hóp, làm tan rã lực lượng của cả mấy làng. Kẻ phản bội này tên là Chóp, quê ở làng Cổ Dư. Dẹp xong phong trào Ngân Già, chúa Trịnh đã phong cho tên Chóp làm chức đô thống.

Nhân dân vùng Ngân Già, Báo Đáp căm ghét tên phản bội, và rất ấm ức, ân hận về sự mất cảnh giác của mình, để đi tới hậu quả bi đát. Họ đã đặt ra câu thành ngữ trên để nhớ mãi sự thất cơ này.

(Sưu tầm thực địa)

SỰ TÍCH RẠCH BÀ HÉT

Ngày ấy Nguyễn Ánh rước quân Xiêm về xâm lấn đất Gia Định. Lốp lốp quân lính và thuyền bè kéo đóng chặt vùng sông Tiền.

Nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy từ Quy Nhơn kéo về đóng ở Mỹ Tho để đánh đuổi quân giặc. Quân ta không đông nhưng giỏi. Người đi chặt đất, giáo gươm sáng trời nhưng hàng lối trật tự và im lặng. Hai bên bờ sông Tiền gần với Rạch Gầm, Xoài Mút được Nguyễn Huệ chọn làm nơi giấu quân và trận địa quyết chiến với giặc. Từ Mỹ Tho, nghĩa quân cho thuyền lên nơi giặc đóng quân khiêu chiến đánh nhau một lát rồi bỏ chạy. Nước sông đang ròng, giặc cho thuyền đuổi theo ào ào như tên bắn, cả đội quân giặc lao theo hòng tiêu diệt nghĩa quân Tây Sơn. Giặc Xiêm tới trận địa mai phục thì cũng là lúc nước ròng. Lệnh giao chiến truyền đến các thuyền của Tây Sơn, tiếng la ó đồng thanh thành linh vang lên nghe như tiếng sấm. Từ hai bên bờ sông, súng lớn của Tây Sơn trút đạn như mưa xuống giặc. Quân Xiêm hồn bay phách lạc không còn bụng dạ nào nghĩ đến giao tranh. Quân Xiêm lớp trúng tên trúng đạn, lớp ngã xuống sông chết đuối, lớp đầu hàng. Một số chiến thuyền của chúng chạy ra được khỏi vùng giao tranh. Ra khỏi vùng Rạch Gầm, Xoài Mút, từ mé bờ Phú Túc, một đoàn chiến thuyền có cắm cờ đỏ của Tây Sơn xuất hiện. Đi trên chiếc thuyền đầu tiên là một nữ tướng, trông thật oai phong lẫm liệt. Đứng ở mũi thuyền nữ tướng la hét dữ dội, vang động cả một vùng sông nước. Quân giặc lại thêm một lần khiếp đảm, sợ hãi đến mất mật. Không còn cách nào, quân giặc đành đầu hàng nghĩa quân.

Đời sau, con rạch nơi người nữ tướng giấu thuyền giấu quân được gọi là rạch Bà Hét. Hiện thuộc huyện Châu Giang, Bến Tre.

SỰ TÍCH RẠCH BỎ LỢC

Thuở nọ, vào xế một ngày mùa nắng ráo có hai mẹ con người nọ chèo xuồng chở nước ngọt trên sông. Đến ngang vàm con rạch nhỏ, người mẹ

chèo xuống cặp xuống sát bờ để đưa con chặt một tàu lá dừa nước làm buồm. Đưa bé vừa chặt xong tàu lá thì một con cá sấu từ trong rừng trườn ra quật nhào đưa bé xuống mé nước. Chỉ kịp nghe đưa bé kêu hai tiếng "Má ơi!" thì con cá sấu đã tấp nó và lặn xuống nước. Khi bị cá sấu gắp, có lẽ đưa bé chưa kịp buông tàu lá nên người mẹ thấy tàu lá vụt ra giữa sông, rút xuống, rút xuống dần, sau cùng chỉ còn cái chót lá rồi mất hút. fileposid="filepos982321">Người mẹ ngã xuống xuống ngất đi.

Khi tỉnh dậy, bà lên bờ tìm nhặt lại cây mác và lạng lẽ ngồi mài lưỡi mác ngay trên miệng vàm để chờ con sấu. Suốt ba ngày đêm liền, bà bắc bếp nấu cơm ăn tại đó chong mắt dõi ra rạch chờ cá sấu trở về chỗ nó quen ăn náu. Người qua kẻ lại khi rõ chuyện đều khuyên bà nên dẹp bỏ mối thù. Và chẳng cá ở dưới nước, sông rạch mênh mông biết đâu mà chờ. Người ta khuyên bà như thế, nhưng bà vẫn kiên quyết không đi.

Thế rồi mấy ngày sau không ai thấy bà ở đấy nữa. Bên cạnh chỗ bà nấu cơm, một chiếc lược thưa vương mấy sợi tóc dài bỏ đấy, bên cạnh nồi cơm còn bắc trên bếp lửa đã tắt. Một hôm, người dân chài đánh lưới gắp xác bà và xác cá sấu nổi lên bèn đem trên mặt sông xuôi dòng trôi ra biển. Ngọn mác thông nắm chặt trong tay bà, đâm hút cán giữa hậu con sấu, hai chân của sấu bấu chặt vào lưng bà...

Dân làng chẳng một ai biết danh tánh của người mẹ dũng cảm ấy. Người ta chỉ biết đó là một người gan dạ, quyết chí trả thù cho con bằng được dù phải đổi bằng cái chết của mình. Những người dân chài đem xác bà an táng tử tế và họ cất một ngôi miếu lá nhỏ tại vàm rạch thờ bà. Từ đó, con rạch vô danh này có tên là rạch Bỏ Lược. Đến nay, con rạch thuộc vùng đất Mũi Cà Mau.

CẦU THỊ NGHÈ

Ngàua, quan khâm sai Nguyễn Cửu Vân có người con trai tên là Nguyễn Cửu Đàm và con gái là Nguyễn Thị Khánh.

Khi lớn lên, Nguyễn Cửu Đàm theo phò Nguyễn Phúc Chu, năm 1772, được phong chức điều khiển nhờ có công đánh đuổi quân Xiêm xâm lược.

Ông đã tham gia dựng một cái lũy gọi là Bán Tích cổ lũy chạy dài từ sau đồi Cây Mai qua trường đua Phú Thọ vùng Hòa Hưng, bến Tắm Ngựa, gò Tân Định đến Cầu Bông để phòng ngự mặt trận tây nam Gia Định.

Ngoài ra, ông lập một cái chợ, nên dân chúng gọi là chợ Điều Khiển (tức chợ Thái Bình bây giờ).

Còn bà Nguyễn Thị Khánh sau là vợ của một ông nghề làm thơ lại trong thành Gia Định, nhà ở làng Thạch Mỹ Tây, cách thành Gia Định một con sông tên là Bình Trị Giang (tức Nghi Giang). Hằng ngày, ông nghề phải sớm đội nón đi, tối đội nón về. Bà không biết ông nghề xách nón đi đâu? Dầu sao, bà Nghè cũng không quan tâm đến việc gì đó bà hoàn toàn tin tưởng ông chồng. Nhưng có điều, bà lo nhiều là mỗi khi đi làm việc quan, chồng bà phải đi đò sang sông, khi nắng ráo thì không nói gì, nếu gặp mưa to gió lớn thì thật là vất vả, nguy hiểm. Bà rất lo ngại cho chồng khi đi làm việc và cũng không quên bà con trong thôn xóm bởi khi đi làm ăn, mua bán hoặc có việc phải sang sông là điều hết sức phiền phức.

Bà bèn xuất tiền mua vật liệu, huy động nhân lực, trông coi xây dựng một cây cầu bằng gỗ khá rộng và chắc chắn, xe ngựa có thể qua lại dễ dàng.

Cầu bắc xong, dân chúng gọi là cầu Bà Nghè, về sau gọi là Thị Nghè, rồi dần dần cái xóm nơi bà ở, con sông chảy ngang qua cũng được gọi bằng tên Thị Nghè.

>

SỰ TÍCH ĐỊA DANH MỎ CÀY

Hồi ông bà mình vào đây lập nghiệp, đất đai còn rộng rãi nhưng hiểm trở. Hai bên bờ các sông lớn là cát vàng, lau sậy trắng xóa. Thỉnh thoảng có những cây cao vút như cây dừa, cây sồng rần.

Chúa sơn lâm cũng còn trong rừng nhiều lắm. Dân cư tới đây khai phá, năm ba nóc nhà quần tụ thành chòm xóm để sinh sống...Lâu lâu, cọp lại vào làng bắt heo bắt gà, đôi khi cả người nữa. Dân làng bèn bảo nhau lấy tre vót nhọn rào làng. Từ đó, cọp không dám vào làng nữa nhưng khi dân làng ra

ruộng, ra rẫy, hoặc vào rừng thì cọp lại hay rình bắt người. Một hôm có chàng trai đi cày, mang theo cái mõ. Buổi chiều khi cày xong, anh thả trâu cho ăn cỏ rồi dùng mõ đánh để gọi trâu về, không ngờ trong rừng cạnh đó có con cọp đang rình chờ bắt anh. Nghe tiếng mõ, cọp cong đuôi chạy vô rừng, những con cọp khác cũng co cẳng chạy luôn. Những người đi chặt củi, thấy cọp chạy tán loạn, bèn nấp kín xem có chuyện gì xảy ra. Lát sau họ hiểu ra rằng, cọp sợ tiếng mõ.. Về làng, những người dân đi chặt củi kể lại chuyện này cho bà con nghe và bày cho nhau khi ra rẫy đem theo mõ để đuổi cọp.

Về sau, khi dân cư đông đúc người ta kêu nơi này là xứ Mỏ Cày, dần dà gọi chệch ra là Mỏ Cày. Địa danh này trở thành tên huyện bây giờ.

ĐỊA DANH CAO LÃ

Hồi trước có vợ chồng Đỗ Công Tường, tục danh là Lãnh, từ miền Trung đến đây lập nghiệp. Sau mấy năm chí thú làm ăn, gia tư ông Lãnh cũng tạm đủ sống. Tính tình ông chính trực ngay thẳng nên được dân làng cử làm chức câu đương để phân xử những vụ tố tụng trong làng.

Ông bà trồng một vườn quýt. Hàng xóm thường đến đây tụ tập để đổi chác, lâu ngày chỗ ấy thành chợ. Đó là chợ Cao Lãnh ngày nay.

Đến năm Canh Thìn (1820), nạn dịch tả hoành hành rất dữ. Dân chúng trong làng bị bệnh chết rất nhiều. Xóm làng, chợ búa trở nên vắng vẻ, ảm đạm. Thuở ấy chưa có thuốc men như bây giờ. Người ta cho rằng dịch tả là do trời đất, thần thánh quở phạt. Ông Lãnh cũng nghĩ như vậy nên ông cũng lập bàn thờ giữa sân chợ để khẩn vái xin trời đất thần thánh giúp dân thoát khỏi tình cảnh chết chóc bệnh hoạn. Điều đáng nói là hai ông bà nguyện thế mạng để cầu cho dân chúng thoát cảnh đau thương. Cúng xong ông bà ăn chay ba bữa từ mùng 6 đến mùng 8 tháng 6. Sáng mùng 9 thì bà Lãnh bị mắc bệnh, đến tối thì qua đời. Đương lo việc an táng cho bà, thì ông Lãnh lại phát bệnh và đến 2 giờ khuya mùng mười rạng ngày mười một thì ông qua đời. Nhân dân trong làng lo việc chôn cất ông bà xong lạ thay bệnh tả cũng dứt luôn. Dân chúng trở lại cuộc sống an lành như cũ. Do vậy, dân chúng cho rằng nhờ vợ chồng ông Lãnh đã thế mạng nên cứu được chúng

dân. Sau đó, dân làng lập miếu ngay trên ngôi mộ của hai ông bà, tại làng Mỹ Trà bên bờ mé kinh Thầy Khâm để thờ phụng gọi là miếu ông Chủ Chợ.

Chợ vườn quít từ đây được gọi theo tên ông. Vì tên tục ông là Lãnh, lại làm chức câu đương, nên dân chúng thường gọi ông là Câu Lãnh và chợ được gọi là chợ Câu Lãnh. Chợ Câu Lãnh ngày càng thịnh. Người đến mua lại đọc chệch Câu Lãnh thành Cao Lãnh và tên đó được dùng đến nay>

VÌ SAO CÓ TÊN TỈNH SA - ĐÉC?

Ngày xưa, ở vùng đất giữa sông Tiền và sông Hậu, có chúa đất họ Thạch vừa giàu có, vừa độc ác.

Đất đai cò bay thẳng cánh; con thỏ, con nai ở trong rừng; con cá dưới sông, con chim trên trời... Tất cả đều là của y. Ai hái, bắt thứ gì không nạp lại nửa huê lợi thì dùng hồng thoát khỏi tay y. Đám thuộc hạ của y làm tai mắt khắp nơi.

Chúa đất họ Thạch giàu có như vậy, mà chỉ có mỗi một mụn con gái. Tên nàng là Phsa-dek, xinh đẹp, tính tình nhân hậu khác cha. Một hôm, nàng cùng người hầu dùng ghe lờng rong chơi trên sông, rủi gặp mưa to, gió lớn bị chìm. Lúc chủ tớ đang lo ngại chờ chết, bỗng có một chàng trai lao xuống cứu.

Chàng trai nọ đưa nàng về chòi chăm sóc. Khi tỉnh lại nàng hỏi:

- Chàng đang ở trên đất của ai, chàng biết không?
- Biết chứ, đây là đất của chúa họ Thạch.
- Chàng không sợ ông ta sao?
- Có gì mà phải sợ, tôi từ phương xa tới đây, đất đai, sông nước là của trời xanh; chỗ nào thích thì tôi ở. Ông Thạch đâu có sinh ra đất này hoặc khai khẩn gì đâu mà nói của ông.>

Phsa-dek không cho chàng biết mình là con gái tên chúa đất. Từ đó hai người thường gặp nhau rồi yêu nhau. Thuộc hạ của tên chúa đất biết chuyện. Lập tức chúa đất nhốt nàng lại và ra lệnh tìm bắt chàng trai nọ. Chàng thoát được, nhưng trúng tên độc; chúng nghĩ rằng, chàng sẽ chết. Nhưng chàng may mắn được một người bạn cứu sống và giữ mũi tên có khắc chữ Thạch để mưu việc trả thù.

Một ngày nọ, chàng đột nhập vào dinh cơ tên chúa đất đốt phá rồi bắt chúa mang đi. Bỗng Phsa-dek thấy được, tri hô lên, đám thuộc hạ ùa ra giải vây cho chủ. Chàng sững sờ khi thấy nàng có mặt ở đây. Tên chúa đất ra lệnh đánh đập chàng không tiếc đòn. Nghĩ rằng tại mình nên người yêu cũng là ân nhân mới bị nạn, Phsa-dek đau đớn ngất lịm đi.

Khi được tin chàng trai bị cột chặt vào bè rồi phóng lửa đốt thả trôi sông; Phsa-dek vùng dậy chạy theo nhảy xuống bè nguyện chết chung với chàng, nhưng nàng được cứu sống.

Phsa-dek bỏ nhà đi tu. Vài năm sau đó, chúa đất họ Thạch qua đời, nàng trở thành người thừa hưởng cái gia sản đồ sộ của dòng họ Thạch. Một phần tài sản được chia cho dân nghèo trong vùng, phần còn lại nàng dùng vào việc đắp đường bồi lộ và xây cất nhà lồng chợ để cho kẻ mua người bán có nơi che nắng trú mưa.

Ngôi chợ đó được quen gọi là chợ Phsa-dek, lâu ngày nói chệch đi thành Sa Đéc hôm nay.

HÒN CAU HÒN TRẦU

(Chuyện này và chuyện sau -Hòn Trác và Hòn Tai - đúng ra là truyền thuyết chứ không phải dã sử. Nhưng chúng tôi vẫn chép lại, vì cốt truyện có tính cách mô phỏng truyền thuyết, nhưng lại có ý gắn liền với vùng đất mới và sự kiện lịch sử cận đại. Cần phải chép lại để ta có thể hình dung ra sự phát triển của dã sử là như thế nào. Vấn đề có thể liên quan với lý luận về dã sử).

Ngày xưa ở làng Cỏ Ống (Côn Đảo) có đôi vợ chồng sinh sống bằng nghề chài lưới và làm vườn. Ông chồng giữ chức hương câu trong làng, bà vợ được dân làng quen gọi là bà Tranh. Hai ông bà chỉ có một đứa con trai là Trúc Văn Cau, nổi tiếng hay thơ phú.

Lúc bấy giờ, trong làng có cô Mai Thị Trầu con gái duy nhất của ông Đình và bà Bèo.. Cô Trầu là một thiếu nữ mặn mà duyên dáng, cũng theo đòi nghiên bút, nghiệp thơ văn chẳng kém gì chàng Cau.

Một hôm, Cau đi thăm bầy gà rừng trên núi, tình cờ gặp cô Trầu đang mang giỏ bẻ măng. Chỉ có hai người nơi vắng vẻ, cô bèn mượn một câu ca dao thời cổ cất tiếng hát để ướm thử lòng chàng Cau:

Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng,

Cau tươi ăn với trầu vàng xứng không?

Thấy người đẹp khéo lựa một câu ca dao có tên nàng và tên mình, chàng không khỏi bồi ngùi xúc động. Và là người hay chữ chàng lẽ nào chịu kém. Chàng lựa một câu ca dao có hai họ Mai Trúc rất tình tứ để đáp lại:

Mai vàng chen với Trúc xanh

Duyên em sánh với tình anh đẹp v>

Rồi thì mặt nhìn mặt cạ lời non nước, tay nắm tay kết chặt giải đồng. Lửa gần rom ắt là phải bén, nàng đã trao duyên gửi phận cho chàng.

Nhưng đây chỉ là mối tình thầm lặng giữa đôi trai gái, cha mẹ hai bên chưa hay biết.

Một hôm, chàng Cau ngỏ ý xin cưới nàng Trầu làm vợ. Thoạt nghe, ông Câu biến sắc, sau một hồi lâu nghĩ ngợi băn khoăn, ông Câu bèn ghé vào tai con trai nói nhỏ:

- Không thể được con ạ! Việc này đáng lý ra cha phải giữ kín. Nhưng hôm nay, nếu cha không nói thật thì hai con sẽ làm lạc mất. Con ơi! Con có biết không? Con Trầu tuy nó tiếng là con của ông Đình, nhưng thật ra nó là máu

huyết của cha. Vì ngày trước, khi bà Bèo về ăn ở với ông Đình bà đã mang thai với cha trong những ngày ân ái vụng trộm... trước rồi.

Vừa nghe qua mấy lời cha bảo, khác nào sét đánh ngang tai. Chang Cau hết sức khổ tâm, thì ra con người mà chàng yêu thương gắn bó bấy lâu, chẳng phải ai xa lạ, mà lại chính là cô em cùng cha khác mẹ!

Chàng âm thầm bỏ xứ ra đi, thả bè trôi ra một hòn đảo xa xôi, cách Côn Đảo khoảng hai mươi cây số mà ngày nay gọi là Hòn Cau.

Để quên lãng mối tình éo le, sau khi qua đó ít lâu, chàng kết duyên với một nàng sơn nữ áo nâu và suốt đời ở luôn bên ấy.

Thương thay cho nàng Trầu, phải mang thai đến ngày sinh nở. Rồi thì ngày ngày tựa cửa, đêm đêm nhìn mãi con thơ mà chẳng thấy bóng dáng chồng. Cuối cùng tuyệt vọng nàng tự tử tại một cái đầm bên cạnh miếu Cầu. Tuy ngày nay đã bị cát lấp dần, nhưng cái tên Trầu vẫn còn nhắc nhở cùng với mối tình ngang trái ấy.

Còn ông Hương Cầu, sau khi câu chuyện tình giữa ông với bà Bèo bị vỡ lở, bị ông Đình coi là tình địch, ông cũng bỏ nhà sang tận bên kia mi núi Chúa sống cuộc đời ẩn dật. Bà Bèo xấu hổ cũng bỏ nhà vào tu ở một hóc núi trên đường ra bãi ông Cường. Duy còn bà Tranh, tuy thương chồng, nhớ con, vẫn sống yên phận thủ thường tại ngôi nhà cũ.

Từ câu chuyện này, ở Côn Đảo có tên những địa danh như: Đầm Trầu, Hòn Cau, hóc ông Đình, bưng Bèo và bãi ông Cầu... Và mấy câu hát sau đây được hình thành để nhắc nhở câu chuyện tình bi thảm ấy:

Đi đâu mà chẳng thấy về,

Hay là quần tía tựa kẻ áo nâu ?

Ai về nhắn với ông Cầu,

Hòn Cau cách bãi Đầm Trầu bao xa.

SỰ TÍCH HÒN TRÁC, HÒN TÀI

Vào khoảng năm Ất Dậu (1885) một biến cố đã xảy ra ở kinh thành Huế, đó là giặc Pháp trả thù cuộc nổi dậy của vua Hàm Nghi và các quan chủ chiến ở triều đình Huế.

Suốt mấy ngày sau cuộc binh biến, chúng thẳng tay cướp bóc, đốt phá... Kinh thành Huế đang sống trong yên lành bỗng biến thành biển lửa ngập trời, khắp chốn đê đô nhuộm màu tang tóc.

Vua Hàm Nghi xuất bôn, truyền hịch Cần vương Tôn Thất Thuyết cầm đầu đạo quân Cần vương đánh nhau với Pháp nhiều trận quyết liệt và chiến cuộc kéo dài đến năm 1888. Vua Hàm Nghi bị tên Trương Quang Ngọc phản bội bắt nộp cho giặc. Ông Thuyết tuyệt vọng, từ đó phải sống cuộc đời lưu vong, rồi chết ở bên Tàu.

Tục truyền rằng: Trong số quan quân theo vua Hàm Nghi trên đường xuất bôn có hai anh em nhà họ Đặng. Anh là Phong Tài, còn em là Trác Vân. Vốn là hai anh em sinh đôi, nên giống nhau như lột. Người ngoài thường hay lầm lẫn người này với người kia.

Thuở hàn vi, gia đình họ Đặng có nuôi một trẻ mồ côi đó là Trương Quang Ngọc. Lúc ra phò vua giúp nước, ông Tài có đem Ngọc theo để hấn cùng hưởng lộc vua. Nhưng ít lâu sau, Ngọc sinh lòng phản trắc, có lẽ hấn nghĩ: Trung thành với một ông vua không ngai là một điều bất lợi, nên hấn toan tính đem vua nộp cho giặc để lấy tước hàm lãnh binh.

Ông Tài cũng bị bắt trong cuộc phản trắc đó, duy chỉ có người em là Trác Vân may mắn trốn thoát.

Phong Tài bị đày ra Côn Đảo vào cuối năm 1888. Hôi ấy chế độ lao tù còn dễ dãi, nên Phong Tài lấy được vợ trong thời gian bị đày ở đây. Vợ chàng là người làng An Hải, tên là Đào Minh Nguyệt, tục danh là nàng tiên An Hội, vì nàng đã là thiếu phụ có một đời chồng nhưng sắc đẹp còn mê hồn. Cha nàng là vị hương cả trong làng, cũng vốn là phạm nhân cựu trào, nhờ sự càn cù lao碌, nên tài sản cũng liệt vào hàng khá giả nhất nhì ở Côn Đảo, có

chu cấp cho vợ chồng nàng một khu vườn rộng (tức sở An Hội ngày nay) để làm nơi sinh sống và lập nghiệp.

Một hôm, ông Tài có việc phải vắng nhà ba bốn hôm mới về. Theo thói quen của vợ chồng nàng, thấy mặt chồng đi xa mới về, nàng thường chạy tới bá cổ và trao cho chồng mấy cái hôn nồng ấm. Nhưng lần này, nàng hết sức ngạc nhiên, vì chưa kịp làm theo ý định thì bị đẩy ra và nói:

- Xin chị tha lỗi cho em, em là Trác Vân, em chồng của chị, em mới bị Tây đày ra đây, em được họ cho vào sở này để được cùng chung sống với anh chị.

Khi đó nàng Nguyệt mới ngẩn người ra, song cũng gắng gượng hàn huyên để gạn hỏi cơ sự. Thì ra từ ngày thoát nạn, Trác theo về với cụ Phan Đình Phùng để tiếp tục chiến đấu chống giặc, với ý định làm thế nào giết được Trương Quang Ngọc để trả thù cho vua Hàm Nghi. Nhưng khi ý nguyện đã đạt được thì lại bị bắt và bị đày ra Côn Đảo như anh của chàng.

Giữa lúc kể lẽ chuyện nước, chuyện nhà thì ông Tài về. Những nỗi mừng mừng tủi tủi giữa hai anh em nhà họ Đặng gặp nhau trong cảnh tù đày thật là cảm động, không bút nào tả xiết.

Trong khi đó, nàng tiên An Hội chăm chú ngắm nhìn hai anh em, mà trong lòng bỗng nảy sinh bao cảm giác lạ lùng khó tả... Sự quá giống nhau giữa chồng và em chồng đã làm nàng thêm bối rối. Đối với Tài thì đó vẫn là đức ông chồng đáng kính, còn với chú Trác thì cũng là một con người nho nhã đáng yêu...!

Trước tình thế lưỡng long nhất phượng, nàng thật khó phân giải tình cảm của mình. Rồi một hôm, nhân ông Tài đi đánh cá ngoài khơi, thì tấn tuồng lầm lẫn hôm trước lại diễn ra lần thứ hai. Nhưng Trác Vân vẫn một mực từ chối, khiến nàng tiên An Hội hết sức ngỡ ngàng, vì thực tâm của nàng cũng muốn đem tấm tình của mình chia sẻ với Trác Vân nỗi cô đơn của chốn lao tù cốt làm cho Trác cùng được chung hưởng hạnh phúc với người anh, Ngờ đâu, Trác lại vô tình khiến nàng không biết nói gì hơn là viện lẽ: chị nhìn lầm xin chú tha lỗi...!

Tuy vậy, Trác Vân cũng thấy rõ mối ẩn tình của người chị dâu lãng mạn. Chàng e ngại biết đâu chẳng có một ngày, chàng sa ngã rồi ra lỗi đạo luân thường. Chàng bèn kết bè trảy sang một hòn đảo phía trước Côn Sơn để tạm lánh. Ông Tài quá thương em nên phải sang theo. Nhưng khi đến nơi thì mới hay là Trác đã sang một hòn đảo khác gần mũi đá trắng. Ông Tài không dám sang bên em nữa, vì sợ Trác sẽ đi xa hơn, nên cứ ở như vậy cho gần em. Họ sống như thế cho tới lúc chết. Vì vậy, người ta gọi hai hòn đó là hòn Tài và hòn Trác.

Thảm thương thay cho số phận nàng tiên An Hội. Giữa lúc tình duyên đang độ nồng thắm mà nàng phải sống cuộc đời cô độc quanh hiu. Khi nhớ thương chồng, lúc chạnh lòng yêu ai! Năm canh vò vố, xác ve ngày một héo tàn. Có thơ rằng:

Ai sang hòn Trác hòn Tài,

Cho tôi xin gửi một vài câu thơ.

Đêm sương gió lạnh sao mờ,

Trăng khuya chích bóng vẫn chờ đợi mây.

Chèo nào núi Chúa hết cây,

Côn Lôn hết đá, dạ này hết thương.

Đó là những câu hát "ru em" mà người đương thời đặt ra để tiễn tả tình cảnh hết sức éo le của nàng tiên An Hội. Trong câu hát trên đều có tên những người trong cuộc: *Gió* (ông Tài tên là Đặng Phong Tài có chữ *phong* là *gió*); *Mây* (cậu Trác là Đặng Trác Vân, *vân* là *mây*), *Trăng* (nàng tiên An Hội tên là Đào Minh Nguyệt, *nguyệt* là *trăng*).

PHẦN III DÃ SỬ XUNG QUANH MỘT VÀI CUỘC KHỞI NGHĨA

DÃ SỬ VỀ KHỞI NGHĨA LAM SƠN

Sử sách nước ta có chép một câu ca dao cổ, xuất hiện vào đầu thế kỷ XV, nhưng lại chép bằng chữ Hán chứ không có nguyên văn tiếng Việt. Đại ý câu ấy là:

Muốn sống trốn vào rừng núi

Muốn chết ra làm quan với nhà Minh.

Câu ca dao ấy là lời nhắn nhủ người Nam đừng đi theo bọn giặc Minh xâm lược. Ta biết là bọn Trương Phụ sang diệt nhà Hồ chia nước ta ra thành quận huyện, một mặt khùng bố và vợ vét, mặt khác cũng giở trò dụ dỗ mua chuộc, ép những kẻ có tài năng ra làm tay sai cho chúng.

Rất tiếc là không có tài liệu gì để tra cứu, khôi phục lại nguyên văn tiếng Việt mấy câu trên. Nhưng phải chăng, đi tìm dã sử các địa phương xứ Nghệ, chúng ta có thể có đôi điều gợi ý.

Ai về đất kẻ Tàng, dưới chân núi Mồng Gà, Huyện Hương Sơn, sẽ thấy dấu vết một ngôi đền thờ, có đôi câu đối được truyền tụng:

Bách thiên vạn cao, điều điều hoạch cốc

Tam thập nhị hộ, thế thế tri ân

Nghĩa là:

Trăm ngàn vạn sao, ruộng luôn nhiều thóc

Ba mươi hai hộ, đời mãi nhớ hơn.

Đôi câu đối kể công lao của hai cha con một vị trạng nguyên đã mở mang trại ấp ở đây, khai khẩn được hàng trăm mẫu ruộng, chiêu mộ được dân cư về lập làng, trước sau có ba mươi gia đình. Hai cha con ông này đã từng ở Thăng Long. Khi giặc Minh sang xâm chiếm, họ bỏ trốn về núi Mồng Gà,

vỡ hoang cày cấy để sống cuộc đời ẩn dật. Núi Mông Gà được hai ông đổi tên là Tàng ẩn sơn (núi ẩn tránh). Trại ấp đầu tiên do hai ông lập ra gọi là Trại Đầu. Sau đó, Trại Đầu có tên là Kẻ Tàng, cái tên truyền mãi đến bây giờ.

Về ở ẩn, một hai cha con ông lo làm cho trại ấp thêm thịnh vượng, ổn định cuộc sống của bà con, mặt khác vẫn chăm chỉ, sách đèn học tập. Nhà ông có truyền thống học hành. Ông bố đã đỗ trạng nguyên khoa Quý Mão (1363) đời Trần Duệ Tông, làm quan đến Hành khiển. Người con, các tài liệu nói cũng đỗ trạng nguyên (?) khoa Tân Dậu (1381) đời Trần Phế Đế. Sau này, khi Lê Lợi lên ngôi, hai ông đều được trọng dụng.

Truyền thuyết địa phương kể rằng, khi quân Minh dụ dỗ người mình ra làm tay sai cho chúng, ông Trạng cha đã b ông Trạng con:

Muốn sống, trốn vô rú

Muốn chết, ra đầu thú quân Minh.

Lời khuyên ấy cũng được truyền đi cho nhiều người. Và họ đều nghe ông. Số lớn đã theo về Kẻ Tàng, xây dựng quê hương mới.

Không rõ những lời đồn đại trên đây chính xác đến đâu và có thực đó là câu nói được sử quan ghi vào sách vở mà không tìm ra tác giả. Nếu là chính xác, thì từ này nên chép lại cho đúng nguyên văn tiếng Việt, trong đó có từ *rú* là từ địa phương. Người xứ Nghệ thường gọi núi bằng *rú*. Núi Hồng được gọi là *rú Hồng*. Hai cha con nhà trí thức trên đây có đúng là ông đồ Nghệ hay không cũng chưa rõ. Có tài liệu nói hai ông họ Trần, có tài liệu nói là họ Đào. Nhưng họ đều rất giỏi môn lịch sử. Vua Trần đã cho cả hai cha con đổi thành họ Sử. Việc cả hai cha con đều đỗ trạng nguyên cũng chưa có điều kiện thẩm tra sai đúng.

Mọi người đều biết câu hát:

Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bò Đè cho ngựa ông ăn! >

Và hầu như đã có ý kiến thống nhất là: câu hát này xuất hiện vào đầu thế kỷ XV, để chỉ vào việc nhân dân vùng Thăng Long nô nức đón mừng quân đội của Lê Lợi, khi nhà lãnh tụ này đóng quân ở Bồ Đề, uy hiếp thành Đông Quan mà giặc Minh chiếm đóng. Bồ Đề là địa điểm trên sông Hồng. Cát cỏ Bồ Đề để tiếp tế cho ngựa của nghĩa quân.

Nhưng tại vùng trước đây là xứ Sơn Nam, có một cách giải thích khác. Ở xã Quần Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà, cũng có xóm Bồ Đề. Xóm này ở phía Tây nam chùa Lương, gần cầu Ngói, cũng vào thế kỷ XV, bốn ông: Võ Uy, Hoàng Gia, Phạm Cập và Trần Vu, đã có công lập ra xã Quần Anh, trong đó tiêu biểu nhất là ông Võ Uy. Ông là võ tướng của triều đình nhà Lê, có danh hiệu là Phó Ba tướng quân. Ông đã khai phá mảnh đất Bồ Đề này.

Nhân dân địa phương rất quý mến và biết ơn Võ Uy. Mỗi khi ông cưỡi ngựa về thăm thôn xóm thì họ nô nức đón mừng. Nghe tiếng nhạc ngựa từ xa, họ đã gọi nhau tụ tập. Các gia đình đều thúc giục con cái đi cắt cỏ cho ngựa ông ăn để tỏ lòng yêu mến. Vì thế mà có câu hát trên đây.

Ai cũng biết 8 chữ viết trên lá cây, cùng với lời tuyên truyền rằng: vận mệnh nước Nam đã được trời định, giặc Minh nhất định bị quét sạch. Vì thượng đế đã giao cho Lê Lợi làm vua. Nguyễn Trãi làm quan để tái tạo cơ đồ. Mấy chữ *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* được viết rành rành trên khắp cây rừng Lam Sơn. Không phải chỉ ở Lam Sơn, mà nơi nào cũng có. Trời đã sai viết, thì viết khắp!

Song dần dần, sau này người ta biết rõ. Đó chỉ là cái mẹo của Nguyễn Trãi mà thôi. Ông đã cho người nhúng bút vào mỡ viết lên lá cây. Sâu kiến theo vết mỡ gặm dần, thế là hàng chữ rõ ra mòn mọt.

Câu chuyện lâu nay chỉ được nghe có thế. Song một câu hỏi bất ngờ cũng có thể được đặt ra. Đã đành đó là mưu Nguyễn Trãi. Nhưng chắc chắn ông không thể tự mình làm việc ấy. Ông phải sai các thủ hạ đi khắp nơi. Và phải có người chỉ huy_ phụ trách. Nói thì dễ, chứ viết được trên khắp cây cối như vậy thì rõ ràng là một chiến dịch to lớn, đòi hỏi nhiều ngày tháng. Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã sai ai? Câu hỏi ấy lâu nay vẫn là điều bí mật.

Phải chăng đôi câu đối tìm thấy ở một xã thuộc huyện Hoàng Hóa (tỉnh Thanh Hóa) có thể vén tấm màn bí mật này? Câu đối đặt ở nhà thờ họ Phạm, thờ vị công thần khai quốc nhà Lê là Phạm Cuồng. Câu đối viết:

Huy kiém đưong trường trờ Bắc khấu

Thủ cao đề tự dục Nam vương

Nghĩa là:

Gươm múa sa trường trờ giặc Bắc

Chữ đề nhúng mỡ giúp vua Nam.

Nếu có thể tin vào 14 chữ trên, thì rõ ràng Phạm Cuồng là người đã được giao trách nhiệm chỉ huy chiến dịch viết chữ mỡ trên lá cây để tuyên truyền cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Giai thoại hư cấu hay là sự thực? Phạm Cuồng, như chúng ta đã biết: là con rể của Lưu Trung. Và dòng họ này có ba người: Cha là Lưu Trung, con trai là Lưu Nhân Chú, con rể là Phạm Cuồng, đều có mặt trong hội thề Lũng Nhai năm 1416.

Nhắc đến Lưu Trung, phải nói thêm, ông vốn quê ở Đại Từ, Thái Nguyên. Chưa có điều kiện tìm hiểu mối quan hệ giữa họ Lê ở Lam Sơn và họ Lưu ở Đại Từ mật thiết đến thế nào. Nhưng trong một lá thư gửi cho Vương Thông, chính Lê Lợi đã nói: Lưu Nhân Chú là con tôi (xem *Quân trung từ mệnh tập*). Và ở Đại Từ, những người nghiên cứu sưu tầm văn học dân gian còn phát hiện được một chi tiết mới. Các cụ già ở đây bảo rằng câu thành ngữ 8 chữ trên kia là chưa đầy đủ. Tất cả 12 chữ kia! Mười hai chữ ấy là: *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần, Lưu Trung vi tá!*

Bốn chữ thêm vào, có nghĩa là ông Lưu Trung là phụ tá (có lẽ là Tá Lý công thần, hay Tá quốc sư). Phải có Lưu Trung trong lời phán của Trời! Cũng như đã có Lưu Nhân Chú trong danh sách 19 người hội thề, mới đúng với niềm tự hào của dân chúng ở đây.

Ở Thái Nguyên có dị bản này, thì ở Lạng Sơn lại có thêm một dị bản khác. Ai có điều kiện đọc bản gia phả của họ Nguyễn ở Châu Khoát Lãng, xã Xung Minh (nay là huyện Văn Lãng) sẽ gặp dị bản khác ấy. Gia phả ghi rõ

là trời sai viết, không phải 8 chữ mà 12 chữ. Đó là dòng chữ *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần, Thế Chương vi tướng!*

Nguyễn Thế Chương, theo gia phả, vốn gốc ở Nghệ Tĩnh di chuyển ra Lạng Sơn. Thời giặc Minh xâm chiếm, ông cũng sống lang thang đây đó kiếm ăn, và cũng ngủ một đêm ở Bạch Hạc, được thần báo mộng cho về Lam Sơn (tương tự như chuyện Trần Nguyên Hãn). Lập nhiều chiến công dưới lá cờ Lê Lợi, ông đã được phong là Bình Ngô khai quốc đại tướng quân, tước Chương quận công. Gia phả còn chép ông có đến 12 người con trai, đều được làm quan với nhà Lê, vì có công đánh giặc. Trong số 12 người đó ba người hi sinh: Nguyễn Toàn chết trong trận đánh ở Nga Lạc, Nguyễn Sách chết ở Ai Lao và Nguyễn Hoàng Thiệnã cùng với Lê Lai đền nợ nước ở núi Chí Linh. Sách *Sự tích thổ ty Lạng Sơn* cũng chép những việc này. Tiếc rằng những tài liệu chính thức trong kho quốc sử lại không ghi, nên rất khó cho việc xác minh, đối chiếu.

Làng Xuân Lôi là một vùng quê nhỏ bé nằm giữa cánh đồng chiêm mênh mông, một đầu gác lên sườn núi Bàn, một đầu thoải thoải xuống triền sông Trà Giang. Dưới thời thuộc Minh, dân làng Xuân Lôi cũng như nhân dân nhiều nơi khác, bị áp bức khùng bố nghiệt ngã. Đói nghèo, đau khổ đè nặng lên những mái tranh và lũy tre làng.

Một hôm, như lệ thường, bọn quân quan nhà Minh lại tập trung dân làng ra đình, hoành hợ quát tháo, bắt phải mau chóng nộp cho đủ số ngọc trai quy định.. Một người làng tên gọi là Trần Sinh, thay mặt cho bà con, đứng lên xin hoãn thời gian vì nhân dân đang thiếu ăn mà mùa này ngọc trai lại rất hiếm. Nhưng không kịp để ông nói hết lời, một tướng Minh rút mã tấu ra, Trần Sinh đã bị đầu lia khỏi cổ. Cả làng hôm đó bị đánh đập tàn nhẫn và lừa đi làm phu dịch. Họ nuốt nước mắt thương xót người bị nạn, căm thù chất ngất trong tim.

Chồng chết đi để lại ba đứa con thơ dại, bà Trần Sinh ngày càng sống trong kiếp túng thiếu đọa đầy. Bà phải nghe lời bà con khuyên nhủ, cho đứa con trai lớn là Trần Soi đến ở nhờ một ông đồ ở làng Hạ Vũ, một làng gần núi Trường, cách Xuân Lôi vài ba chục dặm>

Ở nhà ông đồ, Trần Soi chịu khó làm lụng nên rất được ông bà đồ yêu mến. Ông đồ ngày ngày dạy học trò. Trần Soi cố gắng sắp xếp nhanh chóng gọn

gàng công việc để nấp sau góc nhà nghe giảng. Một bữa, tan buổi học, trời lác đác mưa, lũ học trò chưa về được. Ông đồ tức cảnh bèn ra cho các trò một vé câu đối.

Lác đác mưa sa làng Hạ Vũ

Câu đối lắt léo vì hai chữ "Hạ Vũ" cũng có nghĩa là mưa sa. Học trò ai nấy ngẩn người, không cậu nào đối được. Bỗng từ sau cánh cửa, Trần Soi bật ra ứng khẩu.

Ỗ âm sấm dậy đất Xuân Lô

Thầy đồ ngạc nhiên, sững sốt. Thật là một vé đối rất chội, rất tài. Hai chữ Xuân Lô cũng có nghĩa là sấm dậy. Và đặc biệt lại là tên quê hương của chú bé Trần Soi. Từ đó bọn học trò không dám khinh nhờn "thằng nhỏ", mà ông bà đồ lại càng yêu quý hơn, nhận làm con nuôi, cho ăn học theo đòi với chúng bạn.

Ngoài việc học chữ nghĩa, Trần Soi còn thường đi theo những người thợ xẻ ở làng Hạ Vũ để học võ, vì lúc đó, số thợ xẻ này vốn là những dân vong mệnh ở các nơi về trốn tránh giặc Minh, ai cũng giỏi quyền thuật, múa gậy, múa roi. Trần Soi còn ra đồng đi theo những người dân địa phương học thêm nghề đánh chim két. Hằng năm, đến mùa mưa rét, từng đàn chim két bay về, người ta căng sào căng lưới đón bắt. Chim két là một thức ăn ngon.

Năm 18 tuổi, Trần Soi xin với ông đồ về quê sinh sống để nuôi mẹ, nuôi em. Anh đem nghề đánh chim két nuôi thân, giúp đỡ gia đình và đồng thời rủ rê thêm chúng bạn. Đám trai tráng làng Xuân Lô theo anh, rủ nhau đi đánh két. Họ rất thú với cái nghề mới này, vừa được ăn, lại vừa phóng khoáng, rất hợp đánh côn, đánh gậy. Thế là từ đó đêm đêm, giữa những gò đống ở cuối làng, đám trai làng đua nhau tập luyện. Buổi chiều họ mang sào, mang gậy, mang lưới bảo là đi đánh két. Buổi tối họ đi nay đồng gần, mai đồng xa, họ đi một rồi nhiều đêm... Sáng mai, họ lại về chuẩn bị lương thực, đưa về vài chục con két để che mắt bọn tay sai và lính tráng nhà Minh.

Rồi một ngày kia, gần hai trăm dũng sĩ đánh két ở làng Xuân Lô, dưới sự hướng dẫn của Trần Soi, rủ nhau đi đánh két, nói là ở một miền xa đến ba

bốn ngày đường. Quả thật, miền này xa lắm... Họ đi, đi mãi cho đến đất Lam Sơn, nơi mà Lê Lợi đang phát cờ khởi nghĩa. Trần Soi đã trở nên một dũng tướng của nghĩa quân. Dem tài năng đánh kết ra đánh kẻ thù, Trần Soi và mấy trăm dũng sĩ đã ghi được nhiều chiến công oanh liệt.

Trong trận đánh Đông Đô năm ấy, Trần Soi và các dũng sĩ Xuân Lô vẫn hăng hái đi đầu. Quân ta giải quyết được thành trì, nhưng Trần Soi đã bị tên, tử trận. Những dũng sĩ Xuân Lô còn sống, sau khi nước nhà độc lập, lại trở về với đồng ruộng và với nghề đánh kết ở quê nhà.

Vua Lê thương tiếc Trần Soi, bèn cho lập đền thờ. Hiện nay đền thờ vẫn còn hương khói ở Xuân Lô. Làng này cũng gọi là làng Soi, nay thuộc xã Lộc Tân, huyện Hậu Lộc và nghề đánh kết ở đây vẫn còn tồn tại. Những khi đánh được đàn kết đầu mùa, dân làng đem đồ xôi và thịt kết đưa viếng ở đền thờ để tưởng nhớ người anh hùng áo vải của họ.

Khắp tỉnh Thanh hóa, đâu đâu cũng thường nghe nói Lê Lợi đặt tên cho các làng hoặc các địa điểm mà ông đã đi qua. Sau đây là một số mẩu chuyện xung quanh đề tài đó.

Làng Nhân

Có lần bị đánh thua, Lê Lợi rút quân về Chí Linh, rồi sang địa phận huyện Thường Xuân. Quân sĩ đều bị đói khát vì lương thực thiếu thốn. Chúa trại Lam Sơn rất lo lắng về việc này. ông thường lên ngồi trên đỉnh núi, dăm dăm suy nghĩ. Hôm đó ông đang tư lự thì nghe dưới núi có tiếng ồn ào, văng vẳng như có sự tranh cãi gì đó. Ông bước xuống để xem sao. Thì ra một số bà con thiếu số xin lên gặp ông mà quân canh không cho vào.

Lê Lợi đã ra tiếp đồng bào. Họ vừa cười vừa khóc kể lại là bọn phản động lang đạo nói dối là Lê Lợi chết đói rồi. Họ không tin nên nhất quyết tìm ông cho được thấy mặt. Nói đoạn họ dâng biếu ông thức ăn và vật dụng. Lê Lợi cảm động bảo rằng họ quả là người có nhân. Và nhân đó, ông gọi chòm họ ở là chòm Nhân luôn thế.

Hữu Lễ - Bái Thượng - Bái Đô

Một lần Lê Lợi đi sang vùng Biện Thượng. Nhân dân một thôn đã đón tiếp ông rất trọng thể, đúng nghi lễ của triều đình, mặc dù lúc ấy ông chưa lên ngôi. Ông bảo: Làng này là làng "Hữu Lễ". Sau đó Hữu Lễ trở thành tên làng. Một chòm khác, nhân dân tranh nhau đến vái chào ông, người nào cũng giành tiến lên trước. Người phía sau thì thúc đẩy gọi nhau: Thượng! Thượng lên! Rồi Bái Thượng trở thành tên làng, tức là Bái Thượng ngày nay. Ở dưới Bái Thượng, dân chúng đón quân khởi nghĩa, thi nhau chúc mừng. Chỗ này đòi Lê Lợi ra cho họ bái yết, chỗ kia yêu cầu Lê Lợi phải để họ vái chào. Lê Lợi bất giác nói với các tướng: "Đây thật là chỗ bái đua!". Nhân vậy người ta lấy luôn hai chữ bái đua để đặt tên xóm. Sau đọc trạch ra là Bái Đô.

Làng Tiên Nông

Cũng có lúc Lê Lợi đi tới một thôn kia thì không có ai ra đón tiếp gì cả. Nhìn xuống đồng ruộng thì trẻ già trai gái vẫn làm lụng tấp nập, hầu như không biết có nghĩa quân đi qua. Lê Lợi mời một vài ông già ra hỏi. Họ trả lời rằng, họ biết việc của nước là cần, đánh giặc là trọng. Nhưng họ thấy rằng muốn đánh được giặc thì quân lính phải no đủ, thực tức mới có binh cường. Cho nên ban ngày họ cố cày cấy gấp rút, đến đêm mới sẽ ra trò chuyện với nghĩa quân. Lê Lợi gật đầu bảo: "Đúng vậy! Dĩ nông vi tiên!". Thế là hai chữ Tiên Nông trở thành tên xóm và cả tên quả núi ngày nay thuộc địa phận giữa các xã Định Thành (Yên Định) và Thiệu Long (Thiệu Hóa).

Làng Hương

Khi nghĩa quân kéo lên chiến khu Chí Linh, có đi qua một vùng cứ như bây giờ là trên bờ sông xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân. Nhân dân đã đem trâu bò lúa gạo ra khao quân và bày cả hương ân ra bái vọng. Hương đốt tỏa ra ngây ngất cả vùng. Vừa thực sự thưởng thức mùi hương, vừa cảm động tấm lòng nhân dân thơm thảo, Lê Lợi bèn đặt luôn cho làng này là làng Hương.

Làng Trò

Tục truyền rằng Lê Lợi đã có dịp qua lại nhiều lần ở vùng bà con thiếu số, nhất là chỗ đồng bào Mường. Những ngày hội hè tế lễ dân làng thường biểu diễn điệu hát mừng hoa (gọi là Pòn Pông). Nhân dân đã dùng ngay trò vui

cổ truyền ấy để chào mừng Lê Lợi. Hát Pồn Pông có những cảnh mừng hoa, chào hoa, hoa biến hóa rất tươi vui sinh động, so với vùng xuôi cũng là một trò múa hát độc đáo. Lê Lợi đặt ngay cho làng ấy là làng Trò, nay thuộc xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc.>

Làng Năng Cát

Có lần Lê Lợi kéo quân đi qua một vùng rừng núi. Giặc đuổi sau lưng, quân ta phải chờ đến tối mới tìm chỗ hạ trại thổi cơm. Đường chật, người đông, thổi được nồi cơm thật là vất vả. Ngay đội quân bao vệ cho Lê Lợi, chăm sóc bộ tham mưu cũng tất bật vội vàng. Họ mang nồi niêu ra khe vo gạo, múc nước. Vì kéo nhau xuống khe quá đông, nước khe lại cạn, họ lội lên lội xuống làm vẫn đục cả dòng nước đến nỗi khi mang niêu về nấu, cát đọng lại đáy niêu khá nhiều lẫn cả với cơm.

Lê Lợi buồn cười, đặt luôn cho vùng đất ấy là làng Năng Cát (năng là tên gọi khác của một cái nồi nhỏ). Làng ấy nay thuộc huyện Lang Chánh.

Chòm thiu, chòm đỏ

Trên đường hành quân lên phía tây-bắc Thanh Hóa, có lần nghĩa quân Lam Sơn chuẩn bị cơm nắm, muối vừng rất chu đáo, gói lá cẩn thận bỏ vào hành trang nhưng trời nóng nực khó chịu, nghĩa quân đi xa nhọc mệt, đến một địa điểm kia mới dỡ ra ăn thì cơm đã thiu mất cả. Tiện thể, Lê Lợi gọi ngay chỗ ấy là chòm Thiu tức là chòm Bút, Xã Nam Xuân (Quan Hóa) bây giờ (tiếng Thái, bút có nghĩa là thiu).

Cũng ở Quan Hóa, có lần nghĩa quân đến một nơi thì trời tối mịt. Lê Lợi vừa ra lệnh thắp đèn lên thì bà con quanh vùng đã ò ạt kéo đến, người mang đuốc người mang cà boong sáng rực, đỏ cả một góc trời. Lê Lợi đặt ngay cho vùng đó cái tên là chòm Đỏ; nay thuộc xã Phú Lệ.

Thôn Chí Cẩn - Đoán Quyết

Cả hai thôn này đều thuộc huyện Thiệu Hóa. Tục truyền rằng khi Lê Lợi đóng quân ở một nơi thì nhân dân từ bô lão cho tới trai tráng, trẻ em trong làng đều chia nhau canh phòng rất chu đáo, cẩn mật. Nghĩa quân đóng đó hàng tháng trời, mà đNch không sao dò ra dấu vết. Chợ búa đông nhưng

không một ai thóc mách, bép xép cả. Lê Lợi rất phục tinh thần cảnh giác này, đặt tên cho làng là Chí Cẩn (nay thuộc xã Thiệu Hưng). Có khi ông sang một địa phương kia, hỏi han các cụ già về chuyện được thua, thế ta, thế giặc: Các cụ đều nhất trí cả quyết là chúng ta sẽ thắng giặc. Lê Lợi liền gọi nơi này là Thôn Đoán Quyết, nay thuộc xã Thiệu Phúc.

Làng Bà

Làng Bà nay thuộc xã Vân Am (dân tộc Mường huyện Ngọc Lặc). Chuyện kể rằng Lê Lợi có lần thua trận chạy vào vùng này, quân sĩ tản mác cả, chỉ còn 23 người diu dặt nhau vào lẩn trốn ở rừng. Ngoài ngọn giáo, cung tên cầm ở tay, họ không còn một thứ bánh trang nào khác. Vì vậy việc tìm lương thực rất khó khăn. Ngay cả đào đất để lấy củ mài đối với họ cũng rất chật vật vì dụng cụ không có hoặc không thích hợp. Đương khi đó thì may gặp một bà lão ở địa phương kiếm củi. Thấy tình cảnh gieo neo, bà về nhà vớt cho họ 23 nắm cơm, mang theo cho họ một cái dón, một đùm muối và con dao cong lưỡi. Nhờ những vật đơn giản ấy, chủ tướng Lê Lợi cùng bộ hạ đỡ đói lòng và có dụng cụ để kiếm lương thực hàng ngày.

Trong khi vội vã, không kịp hỏi tên bà lão, vua Lê sau này chỉ biết gọi là Bà và cũng đặt tên làng ấy là làng Bà. Vua cho lập một đền thờ. Trước bàn thờ, bao giờ cũng phải để một chiếc dón và một cây dao quéo.

Làng Bất Căng

Các cụ già ở địa phương bảo rằng làng Bất Căng thuộc xã Thọ Nguyên (Thọ Xuân) xưa chính tên là Đa Căng. Giặc Minh đã lập đồn trại ở đây và giao cho tên nguy quan là Lương Nhữ Hốt đóng giữ, sau lại hồ sung tên tướng Nguyễn Suất Anh cho thêm phần chắc chắn. Đồn trại của chúng kiên cố, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Chúng chỉ cho phép một bà già làm nghề đỡ đẽ vào hầu hạ bọn vợ con tướng nguy (ở địa phương hay gọi là mụ vư

Nhưng chính bà già này lại là cơ sở trung thành đã liên lạc chặt chẽ với nghĩa quân. Bà đã đề ý cách chúng canh phòng, bố trí lực lượng và kể hết cho quân thám báo của ta. Vì vậy, khi tiến binh vào Nghệ An theo kế hoạch của Nguyễn Chích, quân ta biết rõ tình hình, đánh úp đồn Đa Căng thắng lợi rất lớn. Lương Nhữ Hốt và Nguyễn Suất Anh bỏ chạy tháo thân.

Cũng do chiến công ấy, vua cho đổi tên Đa Căng thành Bất Căng. Đa Căng có nghĩa là khoe nhiều. Bọn giặc đặt tên như thế để phô trương lực lượng. Còn Bất Căng nghĩa là không sợ. Vua đã cho đổi chữ căng là khoe khoang ra chữ bất là lo sợ.

Trong bao nhiêu trận đánh của Lê Lợi chống lại bọn giặc Minh những ngày đầu khởi nghĩa thì trận đánh ở núi Chí Linh vào tháng 4 năm Hợi (Kỷ Hợi 1419) là nguy hiểm nhất. Trận ấy, quân ta bị bao vây ráo riết. Bọn tướng giặc nhất định bắt cho được Lê Lợi, tiêu diệt đầu não của cuộc khởi nghĩa. Quân nhà Minh trùng trùng điệp điệp vây kín trong ngoài, một con chim sẽ bay qua cũng không làm sao lọt được. Một vài viên tướng giỏi nhất của Lê Lợi thì đang ở xa. Còn những tướng khác cũng ở trong vòng vây bị hãm lâu ngày, lương thực thiếu thốn, thế trận khó lòng cứu vãn. Lê Lợi liền họp các tướng thân cận còn lại bàn cách đối phó và nói: "Bây giờ ai có thể làm được như Kỷ Tín ngày xưa, thay ta chịu cho giặc bắt thì mới giải được nguy nạn đức ấy sau này sẽ có sử xanh ghi chép".

Lê Lợi nói chưa dứt lời thì một tướng đã đứng ra khẳng khái tình nguyện làm việc đó, ấy là Lê Lai. Lê Lai vốn người ở thôn Dưng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang. Cả nhà ông đều tham gia nghĩa quân Lam Sơn ngay từ lúc đầu. Lê Lai xin nhận kế hoạch đã định. Lê Lợi còn dè dặt chưa nỡ thì Lê Lai đã quỳ xuống xin nhận lấy áo mũ của chủ tướng và nhanh chóng hóa trang. Khổ người ông gần bằng Lê Lợi và nét mặt cũng hao hao giống. Cho nên khi ông mang năm trăm quân và hai thớt voi xông ra, bọn giặc tưởng nhầm là Lê Lợi.

Hôm Lê Lai chết vì nạn nước, trời sâu đất thảm, mưa gió không thôi. Bọn giặc Minh mừng vì đã bắt được thủ lĩnh nghĩa quân nên không chú ý bỏ vây như trước. Nhờ đó, Lê Lợi và các tướng khác đã rút được ra ngoài. Lê Lợi vạch grom lên núi mà thề sẽ báo thù cho Lê Lai và nhớ ơn ông mãi mãi.

Lê Lai chết vào ngày 21. Mười năm sau, Lê Lợi lại mất vào ngày 22. Cả hai ngày ấy ở Thanh Hóa trời đều u ám hoặc có mưa gió. Nhân dân cho là trời đất cũng thông cảm mà nhớ tiếc kẻ anh hùng. Cũng chính vì vậy mà có câu tục ngữ: Hãm một Lê Lai, hãm hai Lê Lợi.

Cũng câu chuyện Lê Lai cứu chúa trên đây, nhân dân vùng Ngọc Lặc còn kể tiếp như sau:

Khi Lê Lai bị giặc bắt, chúng đưa ông tới một cái cầu (bây giờ là ở trên phố Châu khoảng hơn một cây số) thì ông đã kiệt sức. Chúng chém chết và bêu đầu ông ở gốc cây đa để uy hiếp tinh thần nghĩa quân và nhân dân. Nhưng ngay đêm ấy, nhân dân làng Mơ ở cạnh cầu đã bí mật ra lấy trộm được đầu ông và cả thân ông nữa. Họ đem ông về mai táng ở một chỗ cách đây không đầy bốn cây số, trong một khu rừng rậm rạp. Đêm đưa đám, bất chấp đòn giặc gần kề, nhân dân đã tới rất đông, chen chúc nhau khắp cả mặt đường và thôn xóm. Vì vậy, chỗ ấy sau này gọi là làng Chen. Còn chiếc cầu đã chứng kiến việc lũ giặc hạ giết hại ông cũng được đặt tên là cầu Lai.

Đền thờ Lê Lai nằm trên một bãi đất cao rộng, đằng trước có hồ nhỏ, đằng sau có lùm cây cổ thụ. Trong đền có voi đá ngựa đá. Người ta nói rằng trước đây, đền thờ thường có hổ về chầu.

Bà con cũng nói thêm: Sau khi ông bị giặc bắt, họ hàng nhà ông phải trốn tránh tản mác khắp cả huyện Ngọc Lặc. Các cụ già cho rằng họ Lê Đình ở Ngọc Lặc chính là chi phái của Lê Lai, và anh hùng chống Mỹ gần đây là Lê Cấp Bằng (xã Phúc Thịnh) cũng thuộc dòng dõi ấy.

*

* *

Lê Lợi là người rất có ân tình chung thủy. Không những ông sai làm đền thờ Lê Lai, chu cấp cho con cháu người anh hùng cứu nước. Ông còn ra lệnh cho triều đình sau này phải làm giỗ Lê Lai trước khi giỗ mình. Vì vậy, tuân theo ý nhà vua, nhân dân đã viếng Lê Lai trước khi cúng tế Lê Lợi. Câu thành ngữ "Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi" là do đấy.

Dặn dò việc này, Lê Lợi còn nhớ đến bà hàng dầu từng giúp cho nghĩa quân trong những ngày đầu chuẩn bị khởi nghĩa (xem bài *sự tích núi Dầu*). Ông bảo phải làm giỗ mù hàng dầu ngay sau ngày giỗ ông. Vì vậy mà tiếp theo câu thành ngữ trên kia, còn có câu: "hăm ba giỗ mù hàng dầu".

Bà con dân tộc Mường ở xã Yên Lâm, huyện Yên Định cũng có câu phương ngôn này. Họ đọc là:

Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi

Hăm pa clôi poới, clôi choỏ

Bới là cái bở, cái sọt, chỗ là cái dón, cái lẵng. Ý nói cả ba ngày ấy mưa to gió lớn, trời cũng thông cảm với hai vị

*

* *

Về tên cầu Lai, nhân dân xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc lại kể khác. Người ta nói rằng ở vùng đó, xưa kia có tên là làng Loi. Loi có nghĩa là một làng Mừng khốn khó. Ngày tháng, người dân đói lả tay chân, thành ra có vô số kẻ loi (người bị chết ngất, bất tỉnh nhân sự). Nhưng từ khi trong mừng có chàng con trai tên là Lê Lai đi theo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, thì cả mừng trở nên hoạt bát. Một hôm, Lê Lợi và Lê Lai gặp nhau ở đầu chân dốc làng Loi. Hai người cùng cởi áo xuống sông tắm mát. Họ bơi hụp suốt cả buổi làm cho nước suối cạn đi. Trời đương nắng nực bỗng đổ một cơn mưa rào, làm cho cả vùng mát rượi. Tắm xong, cả hai người cùng về làng, bà con vây quần quanh họ. Những nét mặt và dáng điệu âu sầu rũ rượi ngày trước biến đi nhanh chóng. Dân Mừng tin rằng Lê Lai đã đưa được vị thần nhà trời về. Ai nấy đều một lòng một dạ đi theo Lê Lợi. Vì vậy, về sau, người ta gọi làng Loi là làng Lai; cái cầu và con suối hai ông tướng Lam Sơn tắm mát cũng được gọi là cầu Lai.

Địa danh gắn với khởi nghĩa Lam Sơn

Địa danh gắn với khởi nghĩa Lam Sơn ở nước ta rất nhiều. Các giai thoại dưới đây, bước đầu tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1. Mả Ngô

Quân Minh kéo đến vây Lam Kinh rất ngặt. Chúng đông và rất dã man. Lực lượng quân ta còn non, nên chúng cũng khinh thường. Khắp nơi trong vùng, giặc ăn ngủ lung tung, bừa bãi, đâu đâu chúng cũng la cà dai dẳng.

Vùng Lam Sơn lạnh lẽo, nhiều muối, nhiều vắt. Lính giặc rất ngại thời tiết và côn trùng. Vì vậy chúng may những chiếc bì rộng, đêm tối chui vào ngủ để tránh độc. Nhân dân biết vậy, liền báo cho nghĩa quân và bí mật luồn vào giết chết lũ giặc ngay trong bì.

Sáng mai thức dậy, bọn tướng giặc thấy quân trong các bì hoặc chết cứng, hoặc đầu lia khỏi cổ. Giữa lúc ấy quân ta ở ngoài đột kích tiến vào. Lũ giặc hoảng hốt tháo chạy, không kịp mang theo xác chết.

Lam Kinh được giải vây. Nhân dân nhặt xác giặc chôn cả vào một chỗ. Chỗ ấy được gọi là mả Ngô nay thuộc địa phận thôn Hào Lương, xã Xuân Lam (Thọ Xuân) - Thanh Hóa (mả Ngô tức giặc Ngô).

2. Thác Ma Ngao

Thác nước ở chòm Nặng Cát, xã Chí Nang, huyện Lang Chánh bây giờ có tên là thác Ma Ngao. Tiếng Thái: ma là chó, ngao là cắn. Thác Ma Ngao có nghĩa là thác chó cắn.

Tên ấy là do người địa phương đặt ra từ hồi Lê Lợi khởi nghĩa. Bị giặc đuổi, ông đã chạy qua đây, vượt qua dốc suối. Dân ràng đã che chờ cho ông bằng cách ông vừa đi khuất thì họ ủa ra xô đẩy thân cây và tảng đá giữa dòng suối làm cho nước thác chảy xuống ào ào. Lũ giặc đuổi theo tới nơi thấy thác đổ dữ quá, chịu phép không làm sao lên được. Đoàn chó săn đứng sủa vang lên. Tiếng thác gầm, chó sủa lẫn với tiếng quát tháo tức tối của

giặc làm thành một thanh âm hỗn loạn. Nhân đó, người ta đặt tên là thác Ma Ngao.

Cũng nơi đây một người dân địa phương đã đem trâu bò ra dâng làm lễ khao quân. Nhưng Lê Lợi từ chối, bảo rằng trâu bò cần để cho nhà nông cày ruộng. Ông chỉ nhận một con gà. Chính nhờ tiếng gáy của con gà này mà ông lần ra được chòm xóm để tìm đến trú ẩn. Chủ nhân con gà ấy là ông Tu Hộ, cho nên gà ở đây cũng gọi là gà Tu Hộ.

3. Ngàn Tiên

Ngàn Tiên ở gần khe Ứng, nay thuộc xã Thiết Ống huyện Quan Hóa. Cái tên đẹp đẽ này sở dĩ có là do một chuyện có lẽ là có thực đã xảy ra. Khi tướng Lê Thạch vâng lệnh chủ soái Lam Sơn kéo quân lên sách Da Quan để xây dựng căn cứ thì bị bọn giặc Minh vây hãm. Giặc chặn khắp các ngã đường làm cho việc tiếp tế của quân ta rất khó khăn. Kho lương của ta khá dồi dào nhưng không có đường vận chuyển. Đang lúc bối rối thì đoàn thám báo cho biết đêm đêm ở mé núi bên kia có bóng người cử động như giơ tay vẫy gọi. Đội quân xung kích đã theo cánh tay ấy khi tỏ khi mờ, khi nhanh khi chậm mà phát hiện ra con đường hẻm luôn qua rừng núi đến chỗ kho lương. Quân sĩ vẫn không tìm ra cánh tay vẫy gọi ấy là của ai, chỉ mang máng như một người đàn bà mặc quần áo đẹp. Họ đồn rằng đó là nàng tiên trời sai xuống để giúp quân ta giải phóng kho lương, ăn no đánh thắng phường xâm lược. Và vì thế họ đã đặt cho khu rừng chúng kiến hành động cứu nước vô tư, đẹp đẽ đó là Ngàn Tiên.

4. Cánh đồng Mẫu Hậu

Một lần Lê Lợi bị quân Minh đuổi. Tướng sĩ tàn mác chỉ còn một số tùy tùng. Cả đoàn chạy đến một làng bên sông Cầu Chày thì mệt quá, ngồi bệt xuống nghỉ chân. Đói khát, đã mấy ngày cơm nước thất thường, và suốt buổi hôm đó vẫn chưa có gì cho vào bụng. Xa xa trên đường cái quan có một người đàn bà đi tới. Bà ta đội một cái mâm dầy kín. Nhìn đám người nhọc nhằn uể oải, bà ta dừng chân lại hỏi han. Biết đây là những nghĩa sĩ Lam Sơn, bà vui vẻ đặt mâm xuống:

- Tôi đi đơm mâm dầu. Nhưng cứu một người phúc đặng hà sa. Xin các ông đừng khách khí.

Và bà ta hạ mâm cỗ xuống. Cả đoàn nghĩa sĩ chia nhau mỗi người một nắm xôi và một miếng thịt gà, dù chưa ăn thua gì, nhưng cũng lửng bụng. Người đàn bà biết ý, lại khẩn khoản mời mọi người về nhà mình, nấu cơm thết đãi. Ăn uống no say, Lê Lợi xin tạ ơn và hỏi họ tên để sau này báo đáp. Bà ta từ chối. Lê Lợi lấy một mảnh vải in hai bàn tay mình vào, gửi lại, để hẹn ngày tái ngộ.

Khi đã lên ngôi, Lê Lợi nhớ nghĩa xưa cho người đến tìm, người đàn bà đã mất, và cũng không rõ đã lưu lại vương vải cho ai. Cực chẳng đã, nhà vua xuống chiếu cắt cả một cách đồng ruộng giao cho dân địa phương cày cấy làm ruộng tế tự bà. Ấy là cánh đồng Mẫu Hậu, nay ở phía sau thôn Trung Lập, thuộc xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân. Tương tự như chuyện trên, nhưng cánh đồng dùng vào việc tế tự hương khói này, lại là cánh đồng Thạc thuộc xã Xuân Lai, cũng ở Thọ Xuân. Chi tiết có chỗ hơi khác.

Lê Lợi chạy đến vùng này thì gặp bà già đi chợ về. Ông kể rõ sự tình. Bà già muốn đưa Lê Lợi đến nhà mình nhưng đi đường thẳng thì trống trải quá. Bà đưa vị chủ tướng Lam Sơn theo đường quanh co men theo bờ ruộng. Bà đi trước cách một quãng khá xa thì Lê Lợi bước theo. Sợ Lê Lợi lạc đường, mà lại không muốn đánh tiếng, vừa đi bà vừa xé dải yếm ném xuống làm dấu. Khi giải yếm vừa xé hết cũng là lúc đến nhà. Sau này từ chỗ bắt đầu gặp gỡ đến chỗ hết dải yếm là nơi Lê Lợi cắt làm ruộng tế tự. Đó là cánh đồng Thạc giáp với Phong Cốc bây giờ.

5. Đền Quốc Mẫu

Ở xã Hoàng Anh, huyện Hoằng Hóa có một làng gọi là làng Quan Nội. Trong làng có một ngôi đền lớn gọi là đền Quốc Mẫu, trước kia, hàng năm, xuân thu nhị kỳ, dân làng hương khói t>

Về sự tích ngôi đền này, nhân gian kể rằng: Có một lần Lê Lợi bị quân Minh đuổi, quân tướng xiêu bạt mỗi người một nơi rất khốn đốn. Lê Lợi một mình phải chạy khỏi Thọ Xuân, qua cánh đồng Yên Định đến tận bờ sông Mã. Sông rộng bát ngát giữa trưa hè nắng chói chang. Bên kia bờ sông là một vùng xa lạ, không thấy dân cư, nhà cửa gì cả, chỉ thấy dưới gốc cây đa bên vệ sông một túp lều tranh của ngôi hàng nước. Đằng sau, giặc Ngô đã đuổi sát tới nơi. Biết làm sao bây giờ? Suy nghĩ một chút, rồi Lê Lợi cứ

nhằm cây đa bên kia đê, lao mình xuống nước sải tay bơi. Sang bờ bên kia, Lê Lợi lên đê đi đến quán nước.

Trong quán không có bàn chõng gì cả, chỉ có một cái thúng trên mặt một cái mẹt để vài cái bát mẻ, một ít hoa quả vặt. Một bà già ngồi đợi khách bên nồi nước sôi nóng. Quán trống trơn, không còn một thứ gì khác nữa. Làng thì quá xa, biết ẩn vào đâu? Trong khi nguy khốn, Lê Lợi bèn nói rõ thực tình với bà hàng nước.

- Cụ có cách gì cứu giúp, không thì tôi đến nguy mất. Sau này công việc hoàn thành, tôi không dám quên công ơn cụ!

Nhìn quân Ngô đang ló nhỏ bên kia đang sắp qua sông, bà lão nói:

- Ông với huệ gì! Lão bàn với ngài thế này nhé... mà ngài đừng có hiềm gì thì mới được. Cứ làm theo lời lão, còn gì lão sẽ liệu sau.

Bà lão vốn mặc váy rộng, chỉ có cách trốn sau đó được mà thôi. Tin ở người giúp mình, Lê Lợi phó mặc cho bà lão hàng nước cả tính mạng mình. Ông bèn chui ra phía sau, và bà lão ngồi xuống kéo gièm bốn bên cho kín. Một chốc sau, quân Ngô ồ ạt kéo đến với cả đàn chó ngao hung dữ. Chúng quát.

- Bà lão kia! Có thấy một tên cao lớn mặc quần áo nâu vừa chạy qua đây không?

- Dạ bẩm các quan xoi nước đã. Lão có thấy một người chạy qu đây, về vội vã lắm.

Bà lão nói và vẫn ngồi yên tại chỗ, vừa múc nước mời bọn giặc. Quân Minh đưa mắt sục sạo nhưng trong lều chả có gì ngoài bà và mấy bát nước.

Tên cầm đầu sùng sộ :

- Nó chạy về hướng nào? Nói mau?

- Dạ bẩm, về phía thôn kia ạ! Các ngài cứ nhằm hai qua núi ấy. Dạ, đây chính là Núi Vàng đấy ạ!

Bọn giặc hầm hè kéo đi. Đợi giặc đi khuất, Lê Lợi chui ra, quỳ xuống sụp lạy bà lão và vội vàng đi khỏi quán nước.

Sau khi nghiệp lớn thành công, Lê Lợi thân chinh đến làng Vàng (xã Hoàng Khánh bây giờ) tìm bà lão, rước về kinh đô, tôn làm Quốc Mẫu. Ít lâu sau, bà trở về làng và mất ở đó, thọ hơn tám mươi tuổi. Đám ma Quốc Mẫu linh đình. Hôm đưa ma, trời mưa như trút, người khiêng phải tạm quán linh cữu ở giữa cánh đồng. Sáng hôm sau, dân làng ra tiếp tục đưa đám thì không thấy linh cữu đâu nữa, chỉ thấy một cồn đất mới. Chỗ đó, nhà vua cho xây đền, hàng năm cúng tế. Làng Vàng và quê bà lão kết nghĩa anh em gọi là Quan Nội, Quan Ngoại. Có bến đò xưa gọi là bến Tử: bến chết mà được sống.

6. Sự tích núi Dầu

Lên Lam Kinh, chúng ta sẽ gặp núi Dầu. Núi nằm bên phải đường 15, cách phà Mục Sơn độ 2 cây số. Đó là một ngọn núi trọc, thấp, màu nâu đỏ, xa xa trông như chiếc bát không lật úp xuống, nằm chếch về phía hữu nhà bia Vĩnh Lăng.

Có nhiều truyền thuyết về tên ngọn núi.

Có người kể rằng khi Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Trãi đi tìm Lê Lợi, họ đã đóng giả làm anh hàng dầu và cậu thư sinh. Tới Lam Sơn, ả Nguyễn Hãn giấu hai thùng dầu ở núi này, rồi mới đến ra mắt Lê Lợi. Được thu dùng, hai ông Trần và Nguyễn lao mình vào công việc quên không để ý gì đến hai thùng dầu ấy nữa.

Do mưa gió lâu ngày, hai thùng dầu đổ chảy lênh láng thành hai vệt, dầu ngấm vào lau sậy. Vì thế lau sậy ở đây tươi tốt đun nấu ngay vẫn bắt cháy rất mạnh, đượm lửa vô cùng. Dầu còn ngấm ra cả quả đồi, đất đồi dần dần quánh đỏ như có trộn dầu. Trừ lau sậy ra, cây cối khác đều chết cả. Núi Dầu có tên là như thế và cho đến nay vẫn không có cây gì mọc được.

Có người cũng kể đại khái như trên, nhưng lại nói không phải Trần Nguyên Hãn đã để quên thùng dầu, mà chính Lê Lợi đặt tên cho quả núi là núi Dầu để kỷ niệm ngày gặp gỡ Trần Nguyên Hãn.

Một thuyết khác lại giải thích: khi Lê Lợi kêu gọi mọi người hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, ông đã tìm một ngọn núi, đêm đêm đốt ở đó một ngọn đèn, gọi là đèn chiêu quân thắp từ đêm này sang đêm khác để cho khách tứ phương biết hướng mà lần lên Lam Sơn tụ nghĩa.

Dầu thắp ở đây và dùng trong trại vì thế rất cần. Nhưng Lê Lợi giữ bí mật, chỉ mua dầu của một người đàn bà mà thôi. Mụ hàng dầu này cũng giàu lòng yêu nước ngày ngày gánh dầu tiếp tế hàng ba bốn chuyến. Bọn quân nhà Minh dần dần để ý và bắt mụ tra khảo. Nhưng mụ không hé răng nửa lời. Cuối cùng chúng đã hèn hạ giết chết mụ.

Biết ơn người đàn bà bán dầu đã tỏ lòng trung thành với nghĩa quân, lại luôn luôn nhớ đến ngọn đèn khai sinh cho ngày khởi nghĩa, Lê Lợi đã đặt tên quả núi ấy là núi Dầu, và ra lệnh làm giỗ mụ hàng dầu sau hôm giỗ mình một ngày. Câu nói "Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi, hăm ba giỗ mụ hàng dầu" là do đó.

Lại có thuyết không gọi núi này là núi Dầu. Họ cho rằng phải là núi ầu mới đúng. Đó là vì khi được tin 18 nghĩa quân hội thề ở đất Lũng Nhai, chiêu tập hào kiệt bốn phương, thì nhân dân vùng chung quanh đó rất là hào hứng. Họ đã đem tiền, thóc, trâu bò giáo mác đến giúp nghĩa quân. Của cải chất đầy cả quả núi. Lương thực và khí giới chỉ mới ngày đầu đã nhiều vô tận. Lê Lợi phấn khởi trong lòng, bảo với các tướng sĩ rằng mọi người đều có thể vững tin ở một hậu phương hào hùng trù phú. Liên đó, ông đặt tên quả núi ấy là núi Giàu, với dụng ý là nhân dân giàu lòng yêu nước và nghĩa quân nhờ thế mà giàu có lương tiền.

7. Thung Voi

Giữa vùng giáo với Yên Định, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, có một thung lũng rộng, được gọi là thung Voi. Thung nằm vào địa phận thôn Mốc Mách, phía đông là núi Đồi Lóng, phía bắc là núi Chùa Cò, phía tây là núi Hàng Nước. Núi đá dựng đứng, suối quanh co, có đường thông qua nhiều ngã. Giữa dòng suối có viên đá to tướng hình thù con voi nằm phủ phục. Bà con nói đó là con voi trận của vua Lê chết hóa thành. Vì thế, thung lũng ấy mới có tên là thung Voi.

Thung Voi có lẽ còn là một căn cứ quân sự quan trọng. Vì quanh đó, có một số địa điểm đoán là vị trí cửa nghĩa quân xưa: lò chum, lò rèn, kho súng. Tất cả đều thuộc địa phận trước đây gọi là sách Lan Tri, nay ở vào xã Yên Lâm, Yên Định.

8. Giếng Hộ Quốc

Tức là giếng Trúc ở Lam Sơn. Có người nhận xét rằng nước giếng này hay thay đổi. Khi có loạn lạc, mùa màng thất bát thì nước giếng đục lờ. Còn những năm hòa bình yên ổn, hòa cốc phong đăng thì nước giếng trong xanh.

Giếng đã có công giúp vua Lê dựng nước. Khi bị giặc vây ở Lam Sơn, quân sĩ đói khát, Lê Lợi đã đặt hương án khẩn trời đất và cho đào giếng này ở trong một bãi trúc rậm. Nước phun lên, chảy ra ào ào. Vua xem đó là: "Trời cho ta nước", vì vậy mà cóếng Hộ Quốc.

Các cụ còn nói rằng khoảng năm 1460, khi triều đình rước linh cữu Nhân Tôn và Thái hậu về an táng ở khu đất này (cạnh Vĩnh Lăng, gọi tên là Mục Lăng) thì ở núi Trúc bỗng phát ra ánh sáng. Cho tát giếng thì nhật được ở dưới đáy thanh gươm và hòn ấn bảo quốc. Gươm và ấn đã mất khi thái tử Bang Cơ bị giết, Nghi Dân cướp ngôi (1459). Nhờ triều thần giúp đỡ, Lê Thánh Tông mới được lên ngôi và tìm lại kiếm ấn ở nơi giếng Trúc.

9. Bản Sắt

Ở Mường Ngôn (nay thuộc xã Cao Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh hóa, cách căn cứ Lam Sơn chừng mười lăm cây số) có một bản nhỏ nằm ngay dưới chân núi. Năm 1419 khi quân nhà Minh tiến vào đánh phá căn cứ Lam Sơn, chúng đã cho tên quan là Nguyễn Sao đóng đồn ở ngay bản này, để chặn đường tiến ra phía Bắc của nghĩa quân gọi là đồn Nga Lạc.

Đồn Nga Lạc dựng lên chưa được bao lâu thì bất ngờ bị nghĩa quân tiến đánh, cả quan quân đều bị tiêu diệt hoàn toàn. Giặc Minh kéo đến trả thù, chúng bắt các cụ già, em nhỏ đánh đập, tra khảo, thậm chí còn chặt đầu người treo lên cây to để dọa nạt, hòng buộc dân bản này phải khai người chỉ đường cho nghĩa quân vào diệt chúng. Nhưng dù đánh đập tra khảo đến đâu

mọi người ở đây vẫn không chịu khuất phục. Họ thề với nhau rằng: "Thà chịu chết chứ không khai với giặc".

Giặc Minh đành phải chịu, nhưng ít lâu sau, chúng lại đưa quân về đóng đồn ở đây. Đồn dựng lên được chừng nửa năm thì nghĩa quân Lam Sơn được sự giúp đỡ của dân bản, lại đánh đuổi được bọn tướng giặc là Tạ Phụng và Hoàng Thành. Giặc Minh phải rút đi. Dân bản lại bắt tay xây dựng làng bản đẹp hơn xưa. Cảm vì ý chí sắt đá của dân bản, Lê Lợi đặt tên bản này là bản Sắt.

11. Hòn đá Khao

Hòn đá đó ở xã Xuân Khao, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa. Đó là một hòn đá to, tự nhiên mọc lên ngay giữa dòng sông hơi cạn, giống như một cái ghế tựa có chỗ dựa lưng, đặt tay. Hai bên tả, hữu là hai dãy đá song song cứ từng mảng vuông vắn cách nhau như xếp chỗ cho vua và hai hàng văn võ cùng ngồi.

Dân gian kể rằng, đã có lần Lê Lợi cùng các tướng sĩ ngồi ở đó luận bàn kế sách diệt giặc Minh.

Một lần nọ, các bộ lão trong vùng tới dâng lên Lê Lợi một vò rượu quý. Trước ba quân, Lê Lợi cảm tạ tấm lòng của nhân dân và nói với mọi người.

- Đây là rượu quý của dân khao quân, ta xin được hưởng cùng mọi người. Tất cả hãy cùng ta cạn chén để thêm nhuệ khí giết giặc, thu lại bờ cõi.

Quân sĩ phục lòng Lê Lợi nhưng cũng ngạc nhiên vì rượu ít người nhiều, làm sao uống đủ. Lúc đó, Lê Lợi thông thả đứng lên, trút vò rượu xuống sông rồi tự mình múc một chén uống trước. Cả đoàn quân hân hoan làm theo chủ tướng, reo hò vang dậy.

Từ đó, chỗ ngồi này thành tên lịch sử: Hòn Đá Khao. Phải chăng, từ sự tích đó mà trong "Bình ngô đại cáo" có câu:

Tướng sĩ một lòng phụ tử,

Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào

11. Vực Sóng, vực Bỏ trên sông Cầu Chày

Sau khi bị mất đồn Nga Lạc, giặc Minh tập trung một lực lượng lớn đánh vào các đồn trại của nghĩa quân Lam Sơn. Nghĩa quân chống cự rất mãnh liệt nhưng thế giặc rất mạnh nên rút. Các cơ đội đã rút đi xa rồi, còn Lê Lợi và một toán quân vượt sông Cầu Chày vào phía Đồi Nam. Giặc đuổi theo rất sát, chúng lại xua một đàn chó ngao đi sục sạo, xem chừng chúng đã sắp sửa tới gần. Đang lúc vạn phần nguy cấp, Lê Lợi gặp một người ở áng sấn Mường Ngò. Ông liền kể thật tình cảnh khốn đốn của mình. Nghe xong, người đi sấn nói:

- Được! Mời ông cứ qua sông trốn đi, để mặc tôi với bọn chúng.

Lê Lợi vừa đi khuất, người thợ săn rút dao chặt đứt đuôi con chó của mình. Bị đau quá, con chó chạy mất. Người đi sấn cầm lấy đuôi chó chạy xuống mé sông, vừa ngấm đuôi chó vừa khóc.

Giặc Minh xông xộc kéo tới. Thấy người đàn ông khóc thảm thiết, chúng hỏi nguyên do. Người đi sấn trả lời:

- Tôi có con chó săn rất giỏi, nhờ nó mà tôi săn được nhiều thú rừng, đuổi được con nai, con hoẵng để giữ nương sấn, nương ngô. Hôm nay, tôi đem nó sang sông để đi săn, nhưng không ngờ sông sâu, nước xoáy chìm mất xác chó, chỉ còn có cái đuôi bị phạt ngang nổi lên đây. Trời ơi! Con chó người ta đòi đòi ba con trâu tôi không chịu đổi, nay lại bị chết thê thảm thế này. Không biết nước sông gì mà độc thế?

Giặc Minh nhìn kỹ quả thấy cái đuôi chó bị cắt ngang, máu còn loang lổ, mà nước sông thì cuộn cuộn, sắc lạnh. Cây cối hai bên ngả nghiêng. Rõ ràng đây là loại sông nước độc. Tên tướng giặc nhớ lại những chuyện đã được nghe. Hắn đã biết có những dòng sông nước sắc như dao, người lội xuống thì không còn đường sống. Hắn dừng lại, suy nghĩ tìm cách bắc cầu cho cả ngựa và đàn chó của chúng cùng qua sông.

Trong khi ấy thì nghĩa quân đã rút đi rất xa. Lê Lợi nhớ mãi chỗ bìa rừng bên nước nơi người thợ săn đã giúp cho nghĩa quân thoát nạn này. Ông đặt tên cho khe nước nghĩa quân qua được vòng vây là Vực Sóng. Chỗ quân

vượt qua sông là Vực Bỏ. Cũng từ đó mà có câu: "Sông Cầu Chày chó lội đứt đuôi".

12. Sự tích núi Mực

Giữa triền đồng bằng bên sông Chu, địa đầu của huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa) nổi lên một hòn núi, núi không cao, không to lắm, trông xinh xinh như một hòn ngọc đặt trên một cái mâm khổng lồ làm cho cảnh vật quanh vùng đó đẹp hẳn lên. Hòn núi ấy, dân gian thường gọi là Mực sơn.

Trước kia, Mực Sơn không phải là một quả núi. Nó là mắt một con Rồng ắn. Con rồng này có ba mắt, một mắt là Mực Sơn, còn hai mắt chính thì thuộc núi Hàm Rồng ở làng Miềng, huyện Ngọc Lạc

Tương truyền rằng khi Lê Lợi chuẩn bị khởi binh, Rồng nhận việc canh gác quân Minh, bảo vệ cho nghĩa quân và căn cứ địa Lam Sơn. Con mắt Mực Sơn là tiền đồn, còn hai con mắt làng Miềng là nơi nhận tin để báo về doanh trại. Cứ hễ con mắt Mực Sơn nháy là hai con mắt làng Miềng nháy. Nghĩa quân trông chừng tin báo, bố trí chiến đấu hoặc rút lui để bảo toàn lực lượng. Quân Minh nhiều phen lao đao khốn khổ và cũng nhiều phen tung hứng về không. Con mắt Rồng canh gác rất cần mẫn, tính toán. Nghĩa quân nhờ đó dần dần lớn mạnh. Quân Minh biết vậy căm tức lắm.

Trong bọn tướng Minh có một tên yêu đạo biết sự lợi hại của mắt Rồng. Nó bèn dùng yêu thuật làm mù mắt Rồng. Từ đó, con mắt Mực Sơn không thấy báo tin được nữa, chỉ còn hai con mắt làng Miềng mà thôi.

Mất con mắt Mực Sơn lợi hại, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn. Mắt Rồng Mực Sơn tuy mù song đã góp công không nhỏ trong việc đánh giặc Minh. Vì vậy, khi cuộc khởi nghĩa thành công, Lê Lợi thân chinh cầm gươm, cưỡi ngựa để tạ mắt Rồng. Song ông không biết rằng, gươm thần và mắt Rồng vốn xung khắc, nên khi Lê Lợi rút gươm ra thề "dùng gươm để giữ vững đất nước" thì một tiếng nổ long trời, đất đá phụt lên tối tăm tất cả. Mắt Rồng trong chốc lát biến thành một quả núi. Quả núi đó ngày nay ta gọi là núi Mực (Mực Sơn).

13. Hàng Ta Lối

Ngày xưa ở vùng Luồng Lũng có gia đình họ Lục lấy một cô gái họ Hà về làm vợ. Cô gái tên là Ối Ta. Ối Ta về sinh con đẻ cái cũng như thiên hạ. Nhưng kỳ lạ sao, con trai đầu của Ối Ta tóc đã bạc răng đã rụng, những nếp nhăn trên trán đã lún sâu ngập que đũa mà Ối Ta vẫn còn trẻ như gái một con.

Một hôm Ối Ta ốm nằm trên đệm, người nhà lo chạy thuốc thang mãi mà vẫn không được. Đêm đó tim Ối Ta đập thoi thóp từ lúc gà vỗ cánh lần thứ nhất cho đến khi gà mẹ cục cục gọi con ra chuồng thì Ối Ta không còn thở nữa. Cháu chắt Ối Ta khóc nhiều, nước mắt rỏ đầy bát. Nhưng đến khi ông mặt trời hé mắt ở đỉnh núi phía Đông thì Ối Ta trở mình. Tim Ối Ta lại đập đều đều, được hồi lâu thì Ối Ta ngồi dậy, thế là Ối Ta sống lại. Hơn thế Ối Ta lại mọc răng mới trắng như ngà, xinh như những hàm răng các cô gái đang dậy thì. Móng chân, móng tay Ối Ta cũng long móng cũ mọc móng mới. Có điều kỳ lạ là, móng tay móng chân rất dài nhọn và sắc. Và Ối Ta không biết nói nữa. Vốn nhà họ Lục truyền rằng, người trong họ này hay hóa cọp, cho nên dân bản cùng con cháu Ối Ta rất lo sợ rằng ới Ta sẽ hóa nên hùm.

Một buổi sáng có con chim Păng-lớ đến hát rằng:

Mau mau lấy Ối Ta đi ở núi xa.

Mau mau lấy Ối Ta đi ở hang đá.

Con cháu liền lên núi cắt dây về đan võng khiêng Ối Ta đi. Chim Păng-lớ bay đi trước dẫn đường. Tới khi ông mặt trời vừa tắt thì đến một hang đá. Mọi người vừa đặt võng xuống thì Ối Ta đã bước ra và đi vào hang. Trời tối mọi người thấy núi cao hoang vắng, xa làng bản, nên phải kéo nhau ra về. Họ yên trí là Ối Ta đã đến ngày hóa thành hùm, đi tìm hang ở. Cho nên dù lưu luyến thương nhớ Ối Ta cũng không làm cách gì được nữa.

Bẵng qua hàng nửa năm trời, bản mừng vắng bóng Ối Ta. Nhưng sau đó, những đêm trăng sáng, người ta cứ thấy bóng một người con gái bên bờ suối Nửa. Dân bản liền lên ra xem. Ấy là một cô gái đẹp. Cô gái múc nước đầy xuống bưng đem dựng bên vách đá rồi quay lại rửa mặt. Đôi bàn tay trắng xinh vốc nước suối, vốc luôn cả những mảnh trăng lẫn bóng hình cô. Khi cô gái đứng nghiêng nghiêng, bàn tay kỳ nhẹ lên đôi má thì mảnh trăng

dưới chân cô lại tròn như miệng thúng. Bóng hình cô lại hiện rõ dưới suối như soi gương.

Những người đứng rình về kể chuyện lại với bà con và quả quyết rằng cô gái dưới suối kia đúng là Ối Ta. Ối Ta thuở mới biết mặc áo chàm che vú về làm vợ họ Lục. Cả bản mừng không ai tin, con cháu Ối Ta cũng không ai tin nhưng cũng không yên bụng. Cùng với dân bản, một hôm họ mang dao rừng, cung nỏ lên hang cũ để dò la dấu vết Ối Ta. Đi gần đến nơi, có lẽ tiếng chuyện trò, vịn cây rẽ lá của họ đã làm động cả hang đá, nên cô gái ở trong chạy ra. Sau lưng cô gái là một số người đi theo cũng cầm dao mác, cung tên. Cô gái trèo lên một hòn đá cao gọi xuống:

- Những người này có phải là Luồng Lũng ta không? Tôi chính là Ối Ta đây. Bụng tôi nhớ Luồng Lũng nhiều và muốn người Luồng Lũng cùng giúp việc.

Đám dân bản có người mạnh dạn trả lời:

- Ối Ta à, Ối Ta đã hóa hùm rồi, sao Ối Ta còn trẻ đẹp như thế được? Người Luồng Lũng không tin được.

Nghe nói thế, Ối Ta cười gọi mọi người lên. Ối Ta chạy đến cầm tay những người thân trong gia đình và>

- Đây là con, đây là cháu của Ối Ta này. Còn đây là các bố, các mẹ, có đúng không? Ối Ta còn nhớ lắm.

Ối Ta và những người Luồng Lũng ngồi xuống trước hang đá. Ối Ta vui vẻ kể chuyện từ ngày xa lánh Luồng Lũng đến giờ. Nghe Ối Ta nói người Luồng Lũng mới biết: khi Ối Ta được đem bỏ vào hang thì trong hang đã có người ở đó. Đó là một toán quân nhỏ người Kinh lên đây lâu rồi mà cả bản mừng không ai biết. Họ vâng lệnh một ông chúa dưới xuôi lên tìm nơi lập căn cứ để đánh giặc. Dưới xuôi bây giờ dân chúng mang gươm theo chúa này đông lắm. Phải đánh đuổi bọn giặc đi thôi, không thì chúa làm cơ cực dân làng còn hơn hùm beo, rắn rết. Thế rồi ở trong hang đá, những người này đã chăm sóc Ối Ta. Có người biết môn thuốc gia truyền đã chữa cho Ối Ta khỏi bệnh, làm cho Ối Ta không hóa nên hùm mà lại trẻ đẹp hơn xưa. Họ còn bày cho Ối Ta biết nhiều chuyện và hỏi Ối Ta xem có khuyên người

Luồng Lũng đi theo chúa không. Ới Ta muốn về bản mừng kể chuyện nhiều lần, nhưng chưa tiện thì hôm nay người Luồng Lũng đã kéo lên.

Con cháu Ới Ta và dân bản Luồng Lũng nghe rõ chuyện, ai cũng hớn hở vui mừng. Họ nói: nhờ phép lạ của vị chúa mà Ới Ta không phải chết hóa hùm, lại biết nhiều chuyện hay, chuyện phải nói lại cho dân bản nghe. Con cháu và bản mừng cũng phải đi theo chúa ấy thôi. Chúa ấy cũng như ông bố, bà mẹ của cả bản mừng vậy.

Lúc đó, những người Kinh đã săn sóc ới Ta mới đua nhau kể chuyện thêm. Họ nói đến đâu người Luồng Lũng ung bụng ngay đến đó. Họ cho biết ông chúa này là ông Lối ở làng Cham, cách Luồng Lũng cũng không xa lắm đâu.

Thế là từ đó người Luồng Lũng mời toán quân lâu nay ẩn nấp trong hang cùng Ới Ta trở về. Họ cùng rèn dao, vót chông, vót tên sẵn sàng chờ đón chúa Lối về khao quân. Chỗ của đoàn quân núi rừng này dựng nên cơ sở mới chính là chòm Lọng, tức là Kênh Lọng.

Kênh Lọng được người dưới xuôi đọc tránh ra là Kinh Lọng, viết vào sách vở thì là hai chữ Cổ Lũng bây giờ. Còn cái hang mà quân của ông chúa Lối gặp cô gái bản Mừng thì người ta đặt tên là hang Ta Lối. Hang này vẫn còn, ở núi Pha Đốc, xã Cổ Lũng. Ông chúa Lối chính là Lê Lợi, vị chủ soái của nghĩa quân Lam Sơn.

<ĐÁ LIỄU THĂNG

Liễu Thăng, tước An viễn hầu, là viên tướng kiệt hiệt đã nổi danh bên Trung Quốc. Khi Vương Thông bị quân Lam Sơn vây hãm, vội vã xin triều đình nhà Minh tiếp viện, vua Minh sai Liễu Thăng đem một đội quân lớn hùng hổ kéo sang ta. Cùng đi với Liễu Thăng còn có viên tướng già Mộc Thạnh là con người từng trải. Như Nguyễn Trãi đã nói rõ trong bài Bình Ngô đại cáo, hai viên tướng này chia hai đường: Liễu Thăng đi đường Khâu Ôn (thị xã Lạng Sơn ngày nay), Mộc Thạnh đi đường Cần Trạm, cùng nhất tề kéo xuống giải vây cho Vương Thông ở thành Đông Quan. Nhưng kết quả như ta đã biết. Tới Chi Lăng, Liễu Thăng bị chém chết. Mộc Thạnh được tin ấy vội vàng "chạy thoát thân". Viện binh bị diệt, "các thành cùng

khẩu cỡi giáp xuống hàng", "giặc phải quấy đuôi phục tội". Vương Thông chỉ còn cách cầu hòa, dự hội thề với vua Lê Lợi, xin rút quân về nước.

Liễu Thăng bị giết là một nỗi đau đớn, kinh hoàng đối với triều đình nhà Minh, chúng không thể tiếp tục chiến tranh, nhưng vẫn còn hậm hực. Theo đường lối hòa bình, chọn một "mưu kế tặc khôn, xưa nay chưa có", Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương "Lấy toàn quân là hơn, để cho nhân dân an nghỉ", nên đã bằng lòng thần phục. Dù là kẻ chiến thắng, ta vẫn nhún nhường, xin "chịu tội" với thiên triều! Triều Minh cũng biết sự thực này, song để vớt vát, nên đã giở trò sách hoạch. Chúng nói Liễu Thăng chết là gây cho thiên triều tổn thất rất lớn. Phải đền bù sự tổn thất ấy bằng cách cống người vàng. Mỗi kỳ tiến cống, người Nam phải đúc con người to lớn như Liễu Thăng, đem dâng nộp cái hình nhân thế mạng ấy bằng vàng. Ta cũng chấp nhận. Vàng quý thật đấy, nhưng quý hơn hết vẫn là sự hòa bình an lạc, tắt muôn đời chiến tranh! Lệ cống người vàng cứ duy trì hết triều đại này sang triều đại khác. Có khi sứ giả ta sang, đã đòi xóa bỏ lệ ấy trong một thời gian, nhưng sau lại cứ phải giữ nguyên như cũ. Dân gian gọi "Món nợ Liễu Thăng" là từ câu chuyện này. Phải cho đến thời đại Quang Trung, nhà Tây Sơn, sau chiến thắng Đống Đa, mới đòi phía bên kia vĩnh viễn chấm dứt yêu sách cống người vàng. Nhà Thanh đã phải chấp nhận. Vua Càn Long viết cho Quang Trung bài thơ có câu: "Thắng triều vãng sự, bĩ kim nhân". Nghĩa là, nhà Thanh xem câu chuyện cống người vàng của các triều đại trước là thô bỉ.

Lịch sử ghi trọn: Trần Lựu giữ cửa Pha Lũy, chặn Liễu Thăng, theo kế hoạch giả thua, vừa đánh vừa chạy. Tên tướng giặc này chủ quan khinh địch, đặc ý đuổi dài. Đến núi Mã Yên, hắn bị phục binh ta đổ ra, giết chết. Nó chết như thế nào thì sử lại không chép rõ. Và đó là chỗ cho các giai thoại được sáng tạo, đa dạng, phong phú để người sau bàn tán về cái chết của Liễu Thăng. Ta hãy xem trong mấy kiểu chết sau đây, kiểu nào hợp với Liễu Thăng hơn cả.

Chuyện này được kể ở miền Thanh. Dân chúng trên bờ sông Lương, nơi bây giờ có đền thờ Trần Lựu (xã Thiệu Quang), kể rằng khi quân ta đang vây Vương Thông ở Đông Quan, nhà lãnh tụ khởi nghĩa Lê Lợi vẫn cứ ung dung đi khắp mọi nơi để thị sát tình hình. Kế hoạch vây thành diệt viện, ông đã chủ trương chắc chắn thắng lợi, nên ông rất yên tâm. Vì vậy có khi ông

đến những nơi quân ta vừa chiếm được để phủ dụ dân chúng, khích lệ quân sĩ. Có khi ông trở lại căn cứ miền Thanh để xem xét việc quân lương, hỏi han các bô lão. Chính lúc này, Lê Lợi đang ngồi với mấy người tùy tướng tại một trạm bên bờ sông Lương. Một thám mã từ xa phóng đến trình với ông tin tức ở Đông Kinh báo về gấp. Tin báo rằng các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú đã đem quân ra Lạng Sơn, đang cùng với tướng Lê Lựu đối phó với tướng giặc Liễu Thăng đã vượt qua biên giới. Người thám báo cũng kể thêm những lời người ta đồn đại về tên tướng giặc võ nghệ và binh pháp cao cường này. Lê Lợi nghe xong, mỉm cười nói rằng:

- Hẳn tới phen này chỉ để mua lấy cái chết đó thôi. Chỉ cần đến Chi Lăng, là hẳn đã phải đền tội.

Vừa nói, Lê Lợi vừa vung tay chỉ ra phương Bắc, như làm hiệu cho mọi người biết, Chi Lăng ở về hướng nào. Không ngờ, câu nói của Lê Lợi là linh nghiệm. Ngay chiều hôm ấy, ông cùng thuộc hạ nhanh chóng về đại bản doanh ở bên Bò Đè, chập tối vừa đến nơi; mới ngồi xuống sập chưa kịp hỏi han, ông đã được Nguyễn Trãi ở tầng lầu thứ hai bước lên trình với ông tin chiến thắng ở Mã Yên. Sau này, người ta tính ra rằng, đúng lúc Lê Lợi vung tay trên bờ sông Lương thì cũng là lúc một mũi tên của quân ta bắn sang, xuyên qua cổ họng Liễu Thăng làm cho hắn ngã nhào xuống ngựa.

<ÔM ĐẦU ĐÃ ĐỨT, VỨT XUỐNG ĐỒNG LẦY

Lại có giai thoại cho rằng Liễu Thăng không phải chết vì tên bắn, mà chết vì đuối sức trong cuộc giao tranh với các tướng Lam Sơn. Biết Liễu Thăng có sức khỏe nhưng rất hung hăng, hiếu chiến, lại tự phụ t đắc, các tướng bên ta chia nhau cự địch với hắn. Ai cũng tỏ ra gắng sức cầm cự nhưng rồi cố ý làm cho hắn thấy đối phương đều không khỏe, không dai. Miễn cưỡng được vài ba hiệp, cuối cùng các tướng đều đuối sức phải bỏ chạy. Hắn cứ đắc thế đuối bừa, cho đến phút cuối cùng thì phục binh ta mới đổ ra, bốn phía ập lại làm cho quân Minh chạy tán loạn. Liễu Thăng phung phí sức lực cả ngày, đến đây đã mệt nhoài, mới đâm hoảng, phải vừa đánh vừa lui, mong về hậu quân của mình để tìm người tiếp sức. Sự nao núng ấy đã làm cho hắn chùn tay, không đỡ nổi một nhát gươm phập vào sau gáy. Hắn vội vàng vừa ôm đầu, vừa thúc ngựa, tìm con đường nhỏ tháo thân. Nhưng lưỡi gươm đã chém quá sâu, máu từ cổ hắn cứ vọt ra cho đến khi hắn ngất xỉu, ngã xuống một đám sinh lầy trong khe núi. Lúc đó, đầu hắn va mạnh vào

hòn đá lớn mới đứt hẳn, thân xác chia đôi. Quân ta đuổi kịp, đem cả đầu và thân hẳn về lĩnh thưởng.

Theo một giai thoại khác thì cái chết đến với Liễu Thăng trong trường hợp sau: Quân tướng Lam Sơn theo kế hoạch như địch, đã sắp xếp một trận địa bí mật bên núi Mã Yên. Giữa đồi núi mênh mông, cây cối um tùm, kênh rạch chằng chịt (ngày nay quang cảnh khác trước vì đã trải qua 5 thế kỷ rồi), quân ta đã bố trí sẵn một màn lưới dày đặc để chờ Liễu Thăng vào chỗ mê cung. Trần Lựu và các tướng khác có nhiệm vụ điều tên tướng giặc vào trận. Nhưng làm thế nào để cho tất cả các điểm mai phục biết chắc chắn lúc mà Liễu Thăng đã dẫn xác vào đúng trọng điểm của tử địa. Một mưu sĩ hiền kế là treo cái trống trên chỗ rất cao, chờ Liễu Thăng đi qua để kích thích cái tính kiêu căng của hắn. Đòn tâm lý này rất đúng vì Liễu Thăng thân hình cao lớn, hắn vẫn luôn tỏ ra hiên ngang hợm hĩnh về cái thân xác đồ sộ của mình. Quả nhiên, khi xua quân qua con đường hiểm yếu ấy, Liễu Thăng ngẩng lên thấy chiếc trống lớn treo trên cành cây. Bọn sĩ tốt đi theo hẳn cũng vừa nhìn vừa ước lượng, bảo với nhau: “Trống treo cao như vậy thì làm sao có thể với tay lên mà đánh được?” Một tên khác tính toán :

- Như thế này thì chắc chắn là trong đám quân người Nam có người cao to lắm.

Nghe vậy Liễu Thăng cău tiết. Đang ngồi trên ngựa hẳn rướn mình, trở cán long đao, đánh mạnh vào mặt trống, vừa đánh vừa quát:

- An Nam lại có đũa cao hơn ta à?

Tùng! Liễu Thăng đang đắc ý vì cánh tay vượn của hắn đã đánh trúng tim mặt trống. Hắn có ngờ đâu, hắn đã tự mình điểm giờ cho cái chết ập tới. Tiếng trống vang lên, lập tức chống chiêng loa kèn và tiếng hô tiếng gào bỗng nhất tề vang dậy. Hàng vạn mũi tên bắn đến, rồi hàng nghìn mã tấu, gươm đao, dâm chém tới tấp, câu liêm lưới chụp bỏ vào đầu quân địch, lôi căng ngựa, căng lừa. Cả Liễu Thăng và bộ hạ hoàn toàn bị tiêu diệt.

Không rõ trong các giai thoại ấy, giai thoại nào đã phản ánh đúng nhất cái chết của Liễu Thăng. Nhưng có điều này thì được mọi người nhất trí, mặc dầu là chuyện bịa hoàn toàn. Nhiều người tin rằng, sau khi bị giết ở Mã Yên, thân xác Liễu Thăng đã hóa thành một phiến đá hình người cụt đầu,

nằm giữa làng Cóc của vùng Chi Lăng. Nói theo chữ Hán là Liễu Thăng
thạch.

DÃ SỬ VỀ KHỞI NGHĨA TÂY SƠN

Nguyễn Nhạc là người buôn trâu ở Bình Định. ông cùng với hai em là Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ được học với thầy Trương Văn Hiến là người văn võ kiêm toàn. Chính thầy đã bày vẽ cho các học trò nuôi chí lớn, chuẩn bị khởi nghĩa chống lại họ Nguyễn và kẻ chuyên quyền lúc bấy giờ là Trương Phúc Loan.

Ông Nhạc nghe theo. Mấy anh em tìm được những người cùng chí hướng như Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú, Bùi Thị Xuân, đầu tiên đi khai khẩn đất đai ở các vùng An Khê, Đồng Quan, rồi mở mang việc buôn bán để có đủ tiền của và lương thực. Để gây thanh thế mà dựng cờ khởi nghĩa, thầy Trương đã bày cho họ một kế hoạch thần tình.

Thôn Phú Lạc là làng quê của Nguyễn Nhạc có hòn núi Trung Sơn không ai dám vào, vì trên núi có mả của mẹ chàng Lía đồn là rất linh thiêng, lại có cả cọp dữ. Một đêm bỗng nghe trên núi có tiếng chiêng, tiếng trống và tháp thoáng có ánh lửa lập lòe, ai nấy đều thất kinh. Tiếng đồn đi khắp nơi, ai cũng nghi ngờ, chắc là chuyện lạ gì đây. Nhưng không ai dám lên xem cả.

Một hôm, nhà Nguyễn Nhạc có giỗ, mời nhiều họ hàng, khách khứa đến dự cuộc vui. Ăn xong thì trời vừa khuya, lại thấy chiêng trống nổi lên và ánh lửa sáng ngời cả núi. Mọi người lại vừa kinh hãi, vừa ngạc nhiên. Nguyễn Nhạc liền rủ mọi người cùng lên xem có chuyện gì. Họ bàn tán qua loa, rồi đều nhất trí mạnh dạn kéo nhau lên núi. Khi gần lên đến đỉnh thì bỗng nghe tiếng quát to - tiếng nghe như của một vị lão trượng già cả:

- Đứng lại. Các ngươi lên đây làm gì?>

Cả đoàn run sợ ngạc nhiên, không ai dám cất tiếng. Tiếng quát trên đỉnh núi lại vọng xuống:

- Có Nguyễn Nhạc ở đây không? Nếu có phải lên đây nhận lệnh. Còn tất cả phải đứng yên tại chỗ.

Nguyễn Nhạc run sợ bước lên. Mọi người nhìn theo, thấp thoáng thấy ông ta quì xuống dưới một vị tiên đầu râu tóc bạc, nghe giảng dạy những điều gì đó. Được một chốc thì ông quay xuống, vị tiên ông đã biến mất rồi, ông thì hai tay ôm khư khư một cái hộp và bảo mọi người:

- Ông cụ nói ông là sứ giả của Ngọc hoàng, gọi tôi đến và bảo phải làm theo mệnh trời. Chỉ nói thế và giao cho tôi cái hộp này, chứ không nói gì thêm.

Mọi người đỡ lấy cái hộp, mở ra đó là một quả ấn bằng vàng, trên khắc bốn chữ: *Nguyễn Nhạc Vi Vương* (Nguyễn Nhạc là vua). Mọi người đều quì xuống tung hô ông. Họ yên trí trời đã sai Nguyễn Nhạc làm vua nước Nam nay.

Ngay sau đó, Nguyễn Nhạc dựng cờ khởi nghĩa, được tôn làm Tây Sơn Vương. Đó là vào năm Tân Mão (1771). Ông lấy dãy núi ở đèo An Khê làm khu căn cứ. Ông cùng bộ tham mưu đóng quân ở hòn núi cao nhất nằm về phía nam chân đèo. Núi ấy được dân gọi là núi ông Nhạc. Em sát ông là Nguyễn Huệ, còn có tên là Nguyễn Quang Bình, lĩnh một đội quân đóng ở ngọn núi gần đó, cũng gọi tên là núi ông Bình.

Buổi lễ tế cáo trời đất và tế cờ xuất quân được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 năm Quý Tị (1773). Nghĩa quân Tây Sơn mở trận tấn công đầu tiên vào huyện Tuy Viễn và đạt ngay thắng lợi ban đầu. Viên tri huyện bỏ trốn. Nhân viên và lính tráng đều quy hàng. Đồng thời Nguyễn Nhạc cho hai tướng là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đánh chiếm hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn. Rồi cả ba đạo quân cùng tiến về Qui Nhơn. Tây Sơn bắt đầu những ngày chiếáng huy hoàng từ đó.

Đã sử kể rằng triều đại Tây Sơn có mười thứ vũ khí phi thường của mười vị đại tướng danh tiếng:

1. Thanh gươm độc thần kiếm:

Đó là thanh gươm của lãnh tụ Nguyễn Nhạc. Thanh kiếm này dân chúng nói là do trời ban cho. Nguyễn Nhạc lấy được ở đèo An Khê. Hòn núi giấu thanh kiếm này được mang tên là hòn Kiếm Sơn.

2. Hai cây côn:

- Côn bạc (ngân côn) của tướng Võ Đình Tú
- Côn sắt (thiết côn) của tướng Đặng Xuân Phong

Vì hai cây côn lợi hại này mà nữ tướng Bùi Thị Xuân đã thêu hai lá cờ đề tặng cho hai người: Cờ Ngân côn tướng quân và cờ Thiết côn tướng quân.

3. Ba cây đại đao có tên là:

- Ô Long đao của Nguyễn Huệ
- Huỳnh Long đao của Trần Quang Diệu
- Xích Long đao của Lê S>

4. Và 4 cây cung có tên là:

- Thiết thai cung của tướng Nguyễn Quang Huy. Một lần ông Huy đã dùng cung này bắn trúng làm Nguyễn Ánh bị thương.
- Vũ Mao cung của tướng La Xuân Kiều. Ông này vốn là một văn thần, nhưng lại kiêm tài cung nỏ.
- Kỳ Nam cung của tướng Lý Văn Bưu. Cây cung này ông Bưu đã dùng để bắn chết cọp.
- Liên Phát cung là cung của tướng Đặng Xuân Phong. Gọi là Liên Phát, vì có thể bắn một lần 5 mũi tên và bắn liên tiếp.

Mười thứ vũ khí lợi hại đó đã giúp cho nghĩa quân ra trận là thắng. Quân Tây Sơn trở nên vô địch khi các vị tướng này còn sống.

Nhân dân vùng Bình Định cuối thế kỷ thứ 18, còn ca ngợi các vị tướng Tây Sơn đã có 5 con ngựa đáng gọi là ngựa thần, vì những con ngựa này rất giỏi, có lòng trung nghĩa. Năm con thần mã ấy là.

1. Con Bạch Long của Nguyễn Nhạc đã theo ông đi chinh chiến khắp nơi. Năm 1793 ông mất, ngựa chạy vào núi Hảnh Hót ở, không chịu ra nữa, mà đêm đêm cứ hí vang lên như nhớ người chủ tướng.
2. Con Xích Kỳ là ngựa

của tướng Nguyễn Văn Tuyết. Vốn là ngựa do vua Cao Miên tặng cho chúa Nguyễn Phúc Khoát. Nguyễn Văn Tuyết đã thừa dịp cướp đi, để phục vụ mình. Ngựa này năm 1788, đã đưa ông Tuyết từ Thăng Long về Phú Xuân, cáo cấp với Nguyễn Huệ, vượt đường ngàn dặm trong thời gian ngắn. Đến năm 1802, Nguyễn Văn Tuyết phò tá vua Bảo Hưng trốn lên Xương Giang bị vây. Cả đô đốc Tuyết và ngựa đều trúng đạn.

3. Con Ô Du là con ngựa đen của tướng Đặng Xuân Phong có tài leo núi và vượt qua các ghềnh đá.

4. Con Ngân Câu của nữ tướng Bùi Thị Xuân có tài đi trong đêm tối và phi nhanh không ngựa nào bì kịp. Trong trận Rạch Gầm, ngựa phi như chớp nên Bùi Thị Xuân đã chém bay đầu tướng Xiêm một cách dễ dàng.

5. Con Hồng Lư của tướng Lý Văn Bưu. Ngựa này có dị tướng mà lại khó tính. Trừ bốn con ngựa nói trên, các ngựa khác đều sợ Hồng Lư. Chỉ có Lý Văn Bưu điều khiển được nó.

Ba anh em chúa Tây Sơn khởi nghĩa thành công, Nguyễn Nhạc lên ngôi, trở thành vua Thái Đức. Ông vẫn nhớ công ơn của một gia đình tại huyện An Nhơn (Bình Định) đã giúp đỡ cụ Hồ Phi Phúc những ngày đầu sinh cơ lập nghiệp. Vua Thái Đức cho mời một vị trưởng lão trong gia đình này đến để phong tước đền ơn. Ông già này, tục gọi là ông Chàng, gặp nhà vua, ông già nói:

- Ngài tuy là vua, nhưng vẫn là phận con cháu. Vậy nếu phong tước, thì xin Ngài cho lão được tự phong rồi Ngài thông qua mới quý. Chứ Ngài lấy chức tước triều đình để ban thì lại hóa ra ban ơn chứ có phải trả ơn đâu!

Vua Thái Đức bật cười, và cũng chiều ý ông lão. Ông cụ lèn lấy giấy bút xin vua phong cho mình chức tước như sau:

Bùng bình chi tướng

Uýnh cường chi quan

Bộh bàn chi thức

Chàng chàng ngang thiên!

Cả triều đình thiếu có bò ra mà cười. Nghe nói vua Thái Đức cũng chuẩn y, chấp nhận sự ngang tàng nghịch ngợm của ông cụ. Phải chăng đây cũng là một giai thoại hư cấu để nói lên phần nào nét phóng túng của phong trào nông dân Tây Sơn. Chỉ biết rằng bà con ở vùng Bình Định thường thích thú nhân vật này. Bên cạnh bốn câu trên, vùng này còn lưu hành thêm câu thành ngữ:

Ngang quá ông Chàng.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn rất được nhân dân đương thời ca ngợi. Mặc dù sử ghi chép, nhưng có nhiều chi tiết, nhiều chuyện riêng tư không có điều kiện trình bày. Có những nhà nho đã lượm lặt trong sử sách và trong dân gian để sáng tác thành những bài sử ca. Khi nhà Tây Sơn thất bại, những tác phẩm này phải dấu diếm, không được lưu hành. Mãi đến năm 1978, mới phát hiện ra được hai tập là:

- *Tây Sơn tiềm long lục*

(Ghi chép về con rồng ẩn ở đất Tây Sơn)

- *Cân quốc anh hùng truyện*

(Truyện người anh hùng khăn yếm, tức là chuyện nữ tướng Bùi Thị Xuân).

Cả hai tác phẩm đều do Nguyễn Bá Huân viết, được công bố vào dịp Hội thảo Khoa học về Tây Sơn, ở Nghĩa Bình. Nội dung rất phong phú và chi tiết, đúng là những tập dã sử đặc sắc. Sách cũng đã được in ra hồi đó, đến nay đã 30 năm, chúng tôi xin phép trích lại một ít.

(CON RỒNG ẨN ĐẤT TÂY SƠN)

Lữ du qua chốn An Khê,

Chạnh niềm cố quốc lòng tê tái sâu.

Dò lần ngành ngọn nông sâ>

Tây Sơn di tích còn đâu chốn này?
Cuộc đời lắm dịp đổi thay,
Bút nghiên ghi lại họa may một vài.
Đất thiêng sinh lắm anh tài
Tiềm long tam kiệt trên ai dập vùi.
Hồ Công buôn bán ngược xuôi,
Nông tang vất vả lắm mùi truân chuyên.
Phước nhà sinh được con hiền,
Nhạc, Thơm cùng Lữ thiếu niên anh hùng.
Đêm ngày luyện tập đao cung,
Ngũ kinh, tứ truyện ung dung luận bàn.
Trong triều có gã Phúc Loan,
Năm quyền Thái phó tham gian vô cùng.
Bày mưu hãm hại tôi trung,
Giết Trương Văn Hạnh, Lê Dung mấy người.
Lại còn truyền lệnh nơi nơi,
Bắt Trương công tử kịp thời trừ căn.
Kiêm toàn thao lược võ văn,
Chàng Trương Văn Hiến thuần quyền gian.
Dãi dầu vượt chốn quan san,

Lánh nơi hổ khẩu băng ngàn vô Nam.
Một hôm dừng bước hiền am
Gặp sư Trí Viễn luận đàm thời cơ.
Sư rằng: “Đời tựa giấc mơ,
Hung, suy, bỉ, thái bao giờ cho yên.
Bần tăng vui chốn lâm tuyền
Dùng đao trí cắt dây phiền sạch không.
Thương cho thí chủ long đong,
Tai nhà, ách nước lâm vòng nguy nan.
Miền trong có chốn Tây San,
Đế vương khởi nghiệp phá tan Nguyễn triều.
Cơ trời khôn nói được nhiều,
Khuyên người tới đó lo điều tập thân.
Hiền nghe hớn hở, muôn phần,
“Cảm ơn thầy đã ân cần giúp nhau,
Đoái nhìn kinh khuyết lòng đau,
Từ nay lưu lạc dải dầu nắng mưa”.>
Lên yên, đóng dĩa vó lừa,
Qui Nhơn trực chỉ, gió đưa cánh bằng
Quê người nương nấu mấy trắng,

Lương tiền hết sạch, lòng hằng xót xa.

Nghĩ mình là kẻ không nhà,

Đơn thương độc mã ai là người thân ?

Lần mò ra chốn giang tân,

Xin ăn độ nhật mười phân thẹn thùng.

Trần ai mai một anh hùng,

Xuân qua, thu lại, hình dung võ vàng.

Nào ai dựng nghiệp Võ, Thang

Minh Điều, Mục Dã tìm đàng tới nơi ?

Ra tay xoay lại vận trời,

Hãn thanh lưu tiếng muôn đời còn khen.

Giờ đây rách rưới nghèo hèn,

Cơ hàn bức bách lắm phen đau lòng.

Chữ rằng: “Vị vũ giao long”,

“Ẩn sơn hổ báo” còn mong nổi gì?>

Ngờ đâu vật hoán tinh di ,

Đã qua bỉ vận, hanh kỳ hiện ra.

Ngoài thành có bậc phú gia

Họ Phan, tên Nghĩ gần xa nể vì.

Trong nhà nuôi lắm kiện nhi ,

*Canh phòng cửa nẻo rủi khi tai nạn.
Lại nuôi thầy võ Đặng Quan,
Bảo tiêu hàng hóa chu toàn bán buôn.
Thường hay xuống biển, lên nguồn,
Muốn đem đổi gạo, bạc dòn mua tiêu.
Bên sông buôn bán dập dìu,
Bạn hàng khắp nẻo sớm chiều tới lui.
Ghe thuyền lên xuống ngược xuôi
Khiến cho thảo khấu đánh mùi nhiều phen.
Đại vương xước hiệu Song Tiên,
Tính tình hung ác, côn quyền tinh thông.
Lâu la trên dưới một lòng,
Chận ghe chở giữa dòng ra tay.
Trên mũi họ Đặng loay hoay,
Truyền cho bạn gái tấp ngay vào bờ.
Roi vung theo thế phát cờ ,
Đánh cùng lũ bọm nửa giờ đột xung.
Song Tiên nổi cáu anh hùng,
Vội sai bộ hạ thắt vòng tròng vây.
Đặng Quan ngang dọc đông tây,*

Hở cơ, trúng mũi tên bay rồi đời!
Lái ghe bị đánh toi bời,
Buông sào nhảy xuống giữa vời dào sanh.
Ăn xin, Hiến ở gần quanh,
Nghe la chạy tới vội giành sào tre.
Xông vào trên đánh dưới che,
Lâu la lớp lớp hằm hè phủ vây.
Hiến như cọp dữ bị ngậy,
Sào tre vùn vụt ra tay anh hùng.
Song Tiên nổi trận ðùng ðùng, >Rút roi nhảy tới quyết cùng tranh phong.
Hiến dùng “Quan nhật trường hồng”,
Đâm y ruột ðổ lòng thòng ghê hay!
Lâu la bỏ chạy tức thì,
Đao thương vút lại tử thi bọn bề.
Lái ghe lòng thật hả hê,
Chạy ra ôm Hiến mời về thuyền trung.
Phan công nghe báo vui lòng.
Đến nơi cảm tạ anh hùng thi ân.
Lại truyền mở tiệc ân cần,
Đãi ðăng tráng sĩ mười phân bỉ bàng.

Công rằng: "Gặp buổi gian nan,
Cứu nguy ân ấy vô vàn cao sâu.
Nghĩa tình báo đáp cùng nhau,
Xin sang hàn xá trước sau tự tình".

Hiến rằng: "Phải bước linh tinh,
Ra tay nghĩa hiệp há đành làm ngo.
Lạc loài chút phận bơ vơ,
Quê người đất khách biết nhờ cậy ai".

Phan công nghe nói thở dài,
Nắm tay chàng Hiến về ngay nhà mình.
Ông truyền yến tiệc linh đình,
Mời ngồi phẩm giữa thỏa tình hàn huyên.

Rằng: "Nay trong nước chẳng yên,
Giang hồ đạo tặc khắp miền xảy ra.
Tôi đây tuổi tác đã già,
Anh em không có, chẳng bà con chi.
Của tiền kẻ chả thiếu gì,
Xin dâng tráng sĩ đèn nghè giúp nhau".

Hiến rằng: "Lời lẽ ngọc châu,
Minh tâm khắc cốt dễ hầu lãng quên.

Tôi đây tỵ xét tài hèn,
Nhờ ơn trưởng thượng một phen chu toàn.
Bây giờ đã hết nguy nan,
Mở trường dạy học tạm an một bề.
Giúp tôi về chốn thôn quê,
Cắt cho một dây tranh tre làm trường.
Tháng sau bái biệt lên đường,
Về miền Tuy Viễn dạy phường ấu thơ.
Khi nhàn chén rượu cuộc cờ,
Mai danh ả tích đợi chờ hùng anh.
Tiếng thầy vang khắp thị thành,
Môn sinh lui tới học hành rất đông.
Hò công nghe rõ thủy chung,
Mừng nay con trẻ hạnh phúc minh sư.
Chọn ngày mồng chín tháng tư,
Xin con thụ nghiệp thi thư thánh hiền.
Thầy rằng: "Cách trở sơn duyên
Mà lòng cầu học vững bền đáng khen.
Từ nay làm bạn sách đèn,
Phải cho cần mẫn mới ban kịp người.

Nam nhi danh tiếng để đời,
Cự huân vĩ nghiệp nơi nơi lưu truyền.
Thầy trò tương ngộ là duyên.
Mấy em vào chốn án tuyền báii sư”.

Nhạc, Thơm cùng Lữ ba ,
Khiêm cung đến trước án thư lạy thầy.
Lễ xong, đứng thẳng vòng tay,
Thầy xem hình dáng, mặt mày giờ lâu.
Vui lòng, vừa ý, gật đầu,
“Ba em phúc lộc cao sâu ai tàii?
Khôi ngô, vạm vỡ chân tay,
Nghề văn nghiệp võ phải hay hơn người” .

Đêm đêm vào khoảng canh tư,
Thầy đem côn kiếm, binh thư giải bày.
Anh em Hồ Nhạc mê say,
Văn ôn, võ luyện đợi ngày lập công.
Một hôm vừa mới rạng đông,
Hồ Thơm vào chốn tướng trung hầu thầy.
Bỗng nghe thầy hét: “Đỡ ngay!”
Ngọn roi vụt tới, thế hay vô cùng.

*Hồ Thơm vẽ mặt ung dung,
Nhảy lui né tránh, rồi cung thân liền.
Thưa rằng: "Cứu chủ đơn tiên
Thế này em liên miên tập rèn.
Nhưng còn sử dụng chưa quen,
Cúi xin thầy hãy một phen chỉ bày".
Thầy rằng: "Ta thử hôm nay,
Biết em võ nghệ đã dày công phu.
Mai sau gặp phải khẩu thù
Hãy dùng thế ấy mà thu phục người.
Còn như "Rồng vượt ra khơi"
"Cọp đen lên núi" em thời tập đi,
Chớ quên "Thủ chấp đại kỹ",
"Huy qua được mã" "Xích my tróc hầu".
Cùng là "Triệu Tử đoạt mâu",
Cũng cần tập kỹ nhiệm mâu vô biên.
Bình thư ta đã từng truyền,
Lục thao tam lược cũng nên chuyên cần.
Tôn Ngô binh pháp đà phân,
Trương, Lưu, Hàn, Nhạc điều quân bí truyền.*

Tử nghi diệu pháp ba thiên,
Bày binh nơi chốn bình nguyên diệt thi>
Như em luyện tập ba thu,
Tài kiêm văn võ ai đâu sánh bằng?
Đồng môn có gã Lý Năng,
Kiên trinh, trung dũng em hằng kết thân.
Mai sau dựng nghiệp, cứu dân,
Tả phù hữu bật phải cân tôn trung.
Bạn cùng hào kiệt quanh vùng,
Đình Minh, Quang Diệu binh nhung am tường.
Bấy nay triều chính nhiều nhương,
Máy trời chắc mở rộng đường Võ, Thang.
Ra tài tế thế, an bang,
Khai cơ lập nghiệp huy hoàng mai sau.
Các em đổi họ cho mau,
Từ “Hô” sang “Nguyễn” ứng câu sấm truyền.
“Thơm” thành ra “Huệ” mới yên,
Bình thư, đao kiếm, còn quyền gia công.
Lời thầy tua khá nghi lòng.
Đừng nên trông trái lâm vòng tai ương.

*Thơm nghe, trong dạ cảm thương,
Quì dâng hai lạy, tận tường trình lên:
Ơn thầy dạy dỗ khó quên,
Tam sinh hữu hạnh đáp đền sao đang?
Ra tài cứu vớt gia bang,
Dẫu cho phó hỏa đạo thang dám từ.
Mấy thiên danh tướng binh thư,
Nhờ thầy giảng kỹ coi như phép màu.
Em xin luyện tập qua mâu,
Điều binh, xung trận, trước sau tung hoành.
Mai sau đột lũy công thành,
Đổng Nhung ngôi áy để dành tôn sư”.*

*Hiến nghe Thơm nói mỉm cười:
“Xưa nay nhân định thắng trời nhiều phen,
Thầy đây đức mỏng tài hèn,
Giúp em dựng nghiệp cho nên khó lòng.
Thượng du lắm kẻ anh hùng,
Các em về đó vẫy vùng tốt hơn.
Nghĩa kỳ dựng lại Tây Sơn,
Tận trung báo quốc rửa hờn cho dân.*

*Sau này rạn vỡ đai cân,
Phải dùng đức trị,
Phải dùng đức trị mười phân vẹn mười.
Nhớ câu thu phục lòng người,
Ân uy tịnh dụng muôn đời chính ngôn".
Hôm sau vừa lúc hoàng hôn,
Lạy thầy, Nhạc, Lữ cố thôn phản hồi.
Chàng Ba Nguyễn Huệ bồi hồi,
Tiễn đưa ra tận bên đò mới lui.
Người đi trong dạ bùi ngùi,
Nhớ ơn thầy dạy khôn nguôi tác lòng.*

Nguyễn Thế Triết, Đinh Văn Tuấn
Sưu tầm, chú thích

(Trích theo *Tây Sơn danh tướng anh hùng truyện*. Nghĩa Bình 1978, tr. 11 - 19)

(CON RỒNG ẮN ĐẤT TÂY SƠN)

*... Về nhà thưa với Hồ công,
Buôn trâu mở nghiệp, ngược dòng sông Côn.
Làm quen tù trưởng các nguồn,
Đem câu trung nghĩa sớm hôm giải bày.
Cùng nhau chung sức ra tay,*

*Diệt loài tham bạo xưa nay hoành hành.
Thượng du lớn nhỏ đồng tình,
Theo ông Hai Nhạc luyện binh đêm ngày.
Lập đoàn cung thủ rất hay,
Đợi khi lâm trận sau này ra oai.
Lữ thì coi sóc trong ngoài,
Đồn lương tích thảo cùng khai khẩn điền
Nhạc thường xem xét bình nguyên,
Ngắm nhìn địa thế vẽ nên bản đồ.
Còn đem tiền bạc, vải vóc,
Giúp dân quan quả đơn cô lấy lòng.
Lại về quét dọn gia trung,
Gọi dân trong xóm đến cùng giết trâu.
Chén anh, chén chú mời nhau,
Canh ba đêm ấy coi màu đã xay.
Nhạc rằng: “Nghe nói lâu nay,
Lòng ta có một chuyện này rất ghê.
Lần theo một giải sơn Khê,
Đêm đêm ma quỷ hiện về rất đông.
Tôi nghe, sợ hãi trong lòng,*

chẳng hay chuyện ấy các ông thế nào?"

Thôn dân có gã Lê Hòa,

Xưa nay đảm lược vượt cao hơn người.

Nghe Nhạc hỏi, miệng tươi cười

Thưa rằng: "Huynh trông kịp thời theo tôi,

Hai ta lên núi cùng coi.

Thử xem hư thực đúng lời đồn không?"

Dân làng nao nức trong lòng,

Ùa theo Hòa, Nhạc rùng rùng ra đi.

Sườn non cây cỏ rậm rì

Bỗng nghe tiếng nổ tứ dưng chân.

Tiếp theo, lửa cháy rần rần,

Giọng truyền sang sáng mùi phân oai nghiêm :

"Các ngươi hãy đứng cho im,

Có tên Nguyễn Nhạc, thân tìm đã lâu.

Trao cho thanh kiếm nhiệm màu

Lên đây mà nhận mau mau đừng ngờ"..

Dân làng sợ hãi ngẩn ngơ,

Một mình Nguyễn Nhạc bảy giờ tiến lên.

Cúi đầu quì lại trước ghènh,

Thần linh hiển hiện đứng trên thạch đài.

Trao cho thanh kiếm rất dài,

Hào quang rực rỡ, ai ai lạnh mình.

Bỗng đâu trời nổi lôi đình,

Cây lãn, đá vãi, thế tình hiểm nguy.

Mọi người kinh khiếp lạy, quì

Thần linh biến mất, còn gì nữa đâu?

Nhạc nâng thanh kiếm ngang đầu

Rồi đưa lưỡi kiếm cho nhau xem cùng

Lưỡi gươm khắc chữ "Anh hùng"> Chuôi gươm hai chữ "Tinh trung" rành rành.

Dân làng trông thấy đồng thanh

Tung hô Nguyễn Nhạc xứng danh anh hào.

Về làng mở tiệc ăn khao

Cho mời hương đảng cùng vào diên trung

Mở lời, Nhạc mới ung dung

Rằng: "Nay Thái phó gian hùng hại dân

Cùng hung chi kém họ Tần

Làm cho trăm họ muôn phần lầm than

Chúng ta cử nghĩa Tây Sơn,

Vì dân diệt bạo, lòng đản rạng ngời

*Nghìn năm thanh sử truyền đời,
Còn hơn mai ẩn ở nơi lâm tuyền.
Anh em ai chịu kết duyên
Rạch tay, lấy máu dâng lên bàn thờ
Rồi ta mài mực đề cờ
Thế thiên hành đạo kịp giờ ra quân".
Dưới trên hết thấy thôn dân,
Đứng lên cung kính mười phen thưa trình>
"Trời đã sai bực Thần linh,
Ban cho bửu kiếm rạng danh anh hùng.
Chúng tôi thề quyết tận trung,
Theo về huy hạ hết lòng dám sai.
Cùng nhau cử nghĩa ra oai,
Giết phường tham lại cùng loài phú thương.
Xin ngài chỉ lối đưa đường,
Con em trong xóm đồng nương cánh hồng".
Nhạc nghe hoan hỉ trong lòng,
Thân đi châm rượu mấy vòng mời dân.
Hôm sau làm lễ khởi quân,
Lại cho mở quán Nghinh tân chiêu hiền.*

Minh quân, lương tướng thiên duyên,

Anh hùng vân tập các miền gần xa.

Nguyễn Thế Tiết và Đinh Văn Tuấn
Sưu tầm, chú thích

(Trích theo Tây Sơn danh tướng anh hùng truyện, Nghĩa Bình 1978. tr. 19 - 22).

...Tài hèn chẳng nệ mua cười,

Tây Sơn dật sử vài lời chép ra.

Bình Khê là đất quê nhà,

Phu nhân Bùi thị thật là liệt oanh.

Một thời lừng lẫy uy danh,

Con Hồng, cháu Lạc anh danh rạng ngời.

Phòng văn gặp lúc thành thời,

Thủy chung sau trước viết chơi canh chầy.

Họ Bùi giàu có xưa nay,

Lúa phơi đầy ngõ, ruộng ngay bên nhà.

Bùi công giữ nghiệp ông cha,

Chăm lo cày cấy, xuân qua, đông tàn.

Phu nhân nội trợ lo toan,

Công, dung, ngôn, hạnh cũng an một bề.

Tiếng đồn trong thị, ngoài quê,

Ông bà hiền đức giữ lễ nghĩa nhân.
Thường hay cứu kẻ gia bần,
Giúp người hoạn nạn toan tân lỡ đường.
Một hôm gặp tiết Trùng dương
Bỗng nghe tiếng khóc thảm thương bên ngoài.
Bùi công trong dạ ái hoài,
Vội ra xem thử là ai thế này?
Thấy người niên thiếu đen gầy,
Áo quần rách rưới, mặt mày xanh xao.
Dắt tay ông lão tuổi cao,
Mày râu trắng xóa khác nào thúng bông.
Bùi công trặc ẩn trong lòng,
Hỏi rằng: “Ai đó lâm vòng gian nan?
Thôi xin đừng có than van,
Hai người hãy bước vào hàn gia đây”.
Cầm tay ông nói cùng đi
Thiếu niên theo gót tức thì vào trong.
Bùi công mở cửa khách phòng,
Kính mời lão trượng vui lòng tiến vô.
Phân ngôi chủ khách xung hô

Hỏi rằng: "Hai vị cùng đồ tới đây ,
Quán què xin hãy tỏ bày,
Cao danh quý tánh hôm nay xin tường?"
Lão rằng: "Tôi kẻ tha phương,
Gặp cơn binh biến lần đường xin ăn.
Cầu ngài giúp kẻ khó khăn,
Áo cơm, tiền bạc, chiếu chăn ít nhiều.
Tê danh là Đặng Hải Siêu
Cháu tôi tên Đặng Sơn Điêu, ngu hèn".
Công rằng: "Trước lạ sau quen,
Thương cho lão trượng lắm phen cơ hàn.
Ở đây kẻ cũng bình an,
Cháo rau đắp đổi, lo toan làm gì?
Giúp người nghèo khổ nhiều khi,
Ấy là bốn phận cần chi nhọc lòng...
...Thời gian thấm thoát như tên,
Đông sang, xuân tới, hạ liền thu qua.
Hải Siêu quen cửa, quen nhà,>
Một hôm trời tới, bước ra sau vườn.
Xa xa trùng điệp liên sơn

Ngắm nhìn đại thế lòng đơn ngậm ngùi.
Nghĩ mình vận kiện, số xui,
Gia đình tan nát đủ mùi đắng cay.
Đến đây nhờ chủ nhà này,
Giúp qua cơn khó, thật tay Mạnh Thường.
Ơn người ta phải liệu phương,
Đáp đền xứng đáng tình thương của người.
Bỗng nghe như tiếng lá rơi,
Rặng tre ngoài ngõ, bóng người lao xao.
Áo đen, che mặt nhảy vào,
Tay cầm binh khí khác nào bóng ma.
Hải Siêu núp dưới bụi hoa,
Nhìn xem động tĩnh bên nhà Bùi Công.
Xem tình thật chẳng an lòng,
Chắc là quân cướp thắt vòng tròng vây.
Báo ơn là lúc này đây,
Giết loài hùm sói, cứu nguy chủ nhà.
Nghĩ xong, chạy đến luống c>
Sẵn cây tre đực gác qua làm giàn,
Kíp dùng trong lúc nguy nan,

Lấy làm trúc bồng, an toàn xông pha.
Bùi Công đang ở trong nhà,
Bỗng nghe ngoài cửa hét la vang lừng.
Bốn phương lửa chớp bùng bùng,
Đầu trâu, mặt ngựa phùng phùng kéo vô.
Đang cơn lực bạc thế cô,
Chợt đâu giọng hét: “Nghịch đồ dừng tay,
Có ta cứu chủ đến đây,
Cùng bay sống mái hôm nay vài đường”.
Lâu la nghe giọng ngang xương,
Cung giương, kiếm tuốt, tranh cường kể chi.
Hải Siêu xông lướt trùng vây,
Tả xung, hữu đột khác gì Tử Long.
Ngọn roi vùn vụt mấy vòng,
Lâu la tan vỡ, còn mong nổi gì.
Bể đầu, lòi cẳng, gãy tay,
Bò lăn khóc kể, ai bi vô cùng.
Bùi Công xem thấy thủy chung.
Cả mừng, khen ngợi lòng trung ông già.
Rằng: “Nay thật mở mắt ra,

*Trần ai luân lạc thật là buồn thay!
Anh hùng kẻ cũng hiếm tay,
Xin dung lũ bọm sau này hoàn lương"
Hải Siêu cũng chạnh lòng thương.
Dừng roi, quát lớn: "Hỡi phường lâu la!
Chúng bay cướp của, đốt nhà,
Thao thiên đại tội thật là khó dung.
Hôm nay ta cũng thể lòng,.
Tha cho bọn tâu để mong đổi nghề.
Nếu bay vẫn giữ thói lễ,
Giết người như trước khó bề thứ tha.
Cút đi cho khuất mắt ta,
Kéo còn ló xó ắt là vong thân"
Bùi công cao hứng muôn phần,
Nắm tay họ Đặng ân cần hỏi han:
- Bấy lâu từng trải gian nan,>
Tài lành dấu giếm, cơ hàn tấm thân.
Thấp cao xin hãy thiết phân,
Đừng nên tỵ nộ phú bần làm chi".
Lão rằng: "Xin phép tỏ bày,*

Bấy lâu quấy phá nhà này cũng ghê.
Ơn sâu chu cấp trăm bề,
Gạo cơm, quần áo, chẳng hề so đo.
Tôi nay trình hết nguyên do,
Thật tên Ngô Mạnh, học trò Thiếu Lâm
Côn quyền, cung tiễn tinh thâm,
Trước làm Đô Thống, tay cầm quyền binh.
Biên quan giông ruổi vân trình,
Linh Giang, Trường Dục quân dinh ra vào.
Phúc Loan ghét kẻ tài cao,
Tước thu binh lính ghép vào tội gian.
Đào vong từng trái cơ hàn,
Gia đình liên lụy, tiêu tan còn gì!
Dắt tay cháu nhỏ ra đi,
Tìm nơi, kiếm chốn, chờ thời rửa o>
Cháu tôi, Văn Sở nhược quan
Tuổi tuy còn nhỏ, nhưng gan anh hùng.
Lâm cơn binh loạn lao lung,
Tuổi già, sức yếu, vậy vùg được sao?
Thương ông là bậc phú hào,

Khinh tài, trọng nghĩa, xiết bao cảm tình.

Vừa qua xem xét thế hình,

Thấy đoàn thảo khấu uy thình lầy lừng.

Vậy nhà nên chẳng dặng dưng,

Phải đem tiện kỹ đuôi rừng xanh kia.

Cứu tôn quyền khỏi chia lìa,

Gọi là báo đáp sớm khuya chu toàn".

Bùi Công trong dạ bàng hoàng,

Nửa mừng nửa cảm, tâm can rối bời.

Tạ rằng: "Lửa bỏng, dầu sôi,

Ơn người cứu giúp không đời nào quên

Bấy lâu giấu họ, ẩn tên,

Tôi không được biết tật nên lỗi lầm.

Nghĩa nào khắc cốt, minh tâm, Đồi cùng lão trượng kính thâm vô cùng.

Nhà tôi mấy trẻ hôn dung

Xin thu dạy dỗ kiếm cung vài đường.

Trước là bảo vệ gia cương,

Sau là mai hậu danh dương tôn đường.

Tôi đà phận thật tỏ tường,

Cúi xin lão trượng rủ thương ít nhiều".

Mãnh rãng: "Ngài đã làm yêu:
Tôi đem tận lực trả điều nghĩa ân" .
Bùi Công vội bảo gia nhân,
Giết gà làm thịt hoan hân phỉ tình.
Hôm nay vừa mới bình minh,
Gọi hai con lớn bên mình bảo ban:
"Các con chưa trải gian nan.
Ăn ngon, ngủ kỹ, cơ hàn biết đâu?
Nhà ta nổi tiếng là giàu,
Gian manh đạo tặc theo nhau trộm rình.
Nếu không võ nghệ trong mình,
Ắt là bị chúng gia hình một phen.
Tuổi già, nhàn nhã, đã quen đi rồi.
Vừa qua nếu chẳng kịp thời,
Nhờ Ngô công cứu, đi đòi nhà ma!
Hai con hãy kíp theo cha,
Sang nhờ Ngô lão dạy qua ít đường.
Mai sau, võ nghệ cao cường
Giữ nhà, giữ xóm là phương nhiệm mầu".
Cha con bàn bạc cùng nhau,

Sang phòng Ngô Mạnh cúi đầu bái sư.

Lão Ngô trông thấy tươi cười,

Đỡ hai trẻ dậy, khuyên lời Bùi Công.

Cùng nhau ăn uống, tiệc tùng,

Chọn ngày tháng tốt hết lòng bảo ban.

Thầy rằng: "Học võ rất nan

Phải cần có chí, có gan cho bền.

Phải làm việc nghĩa đừng quên,

Lãng cường, chững nhược để tên đời đời.

Khuyên hai con chớ ham chơi,

Thị Xuân là phận thuyên quỳên,

Nhưng xem cốt cách rất nên lương tài.

Bùi Văn tuy phận làm trai.

Nhưng mà hư nhược tập hoài công đi.

Chớ nên học võ làm chi,

Theo đòi sự nghiệp, khoa kỳ chờ cơ".

Mỗi đêm trắng sáng mờ mờ,

Thị Xuân tập luyện hàng giờ ngoài sân.

Tuy nàng thuộc phận yếm khăn,

Thông minh hiếu học lại năng dùi mài.

Côn quyền tinh thực hơn ai,
Song đao, đoản kiếm là hai sở trường.
Đấu cùng Văn Sở tương đương,
Còn về ám khí, lắm đường diệu tinh.
Ba thu chi tiết công trình,
Anh thư nổi tiếng uy danh xa gần.
Bùi Công mừng rỡ trăm phần.
Sớm hôm săn sóc ân cần chăm lo.
Ngờ đâu máy tạo khôn d>
Võ sư Ngô Mạnh qua đò âm dương.
Thị Xuân chi tiết sâu thương,
Tang ma chôn cất đủ đường lễ nghi
Ngô Văn Sở cũng ai bi,
Đau lòng cháu dại chưa chi đáp đền.
...Ngày qua, tháng lại cũng chầy,
Gió thu đưa lá rụng ngay bên thềm.
Thị Xuân, Văn Sở đêm đêm,
Ôn nhuần thương bỗng lại thêm tinh thuần
Sở rằng: "Danh tướng, lương thân,
Ngoài môn võ nghệ, lại cần binh thư.

Ông tôi lực địch muôn người,
Lại thêm mưu lược cũng mười phần hay.
Gia truyền còn những sách này.
Thái công binh pháp sánh tày Tôn Ngô
Từ nay tôi sẽ cùng cô,
Ngày xem binh pháp, trận đồ, lược thao.
Thôi thì thượng mã đề đao,
Vấn ôn võ luyện, lẽ nào dám khuây!>
Bây giờ ở chốn non Tây,
Anh em Nhạc, Huệ dựng ngay cờ đào.
Sĩ nông, công, cổ theo nhau,
Lên miền sơn cước nhập vào nghĩa binh.
Tiếng đồn xuống tận tỉnh thành,
Khắc Tuyên đốc trấn lôi đình nổi cơn:
"Khá khen một lũ quả đơn,
Phen này làm giặc, đáng hờn, đáng căm.
Điểm binh tuyển tướng hằm hằm,
Bắt loài phản nghịch bãm vằm mới hay".
Ngờ đâu đường sá không an,
Mấy phen chinh thảo lại làm thiệt quân.

Bấy giờ Văn Sở, Thị Xuân,
Cùng nhau thương nghị, định nhân lúc này.
Thưa cùng Bùi Lão dở, hay,
Quyên tiền, góp của theo ngay non đoài.
Tây Sơn từ nội binh oai,
Bốn phương hào kiệt ai ai đồng lòng.
Theo đầu dưới ngọn cờ hồng,>
Vì dân cử nghĩa, há không quên mình ?
Bồng Sơn có Đặng Đình Minh,
Cùng Trần Quang Diệu là tình tri giao.
Hai người gồm đủ lược thao,
Bán nhà góp lúa cùng vào An Khê.
Lương cầm trạch mộc, nhi thê
Dưới quyền Nguyễn Nhạc đồng thê tận trung.
Một hôm Huệ mới ung dung,
Gọi Trần Quang Diệu doanh trung dạy rằng:
"Trống quân trung dững ai bằng,
Bấy lâu ta cũng vẫn hằng mến yêu.
Bây giờ nhờ cậy một điều,
Xuống vùng thành thị kết nhiều hùng anh.

Cùng nhau hợp lực mới thành,
Rồi đồng khởi sự phá dinh quan tuần.
Ta nghe vùng dưới Thị Xuân,
Tuy là nhi nữ, mùi phần uy phong.
Lại thêm Văn Sở hào hùng,
Được hai người ấy để cùng chúng ta.
Tướng quân xuống đó lân la,
Tìm cơ giao kết thật là rất hay"
Họ Trần nghe Huệ giải bày,
Thưa rằng : "Việc ấy giao ngay kẻ hèn",
Hôm sau chuẩn bị cung tên,
Cầm đao chào chủ, nhảy lên ngựa hồng.
Băng miền, lướt bụi thẳng xông,
Đinh ninh lời chúa, hai lòng được sao ?
Hai ngày rong ruổi gian lao,
Xuyên qua rừng rậm, đi vào đường đê.
Xa xa một dải tiểu Khê,
Đến gần, xuống ngựa, tính bề rửa chân.
Ngờ đâu họa suýt vong thân,
Bụi lau cạnh suối bất thần cộp ra.

Mồi ngon trước miệng hổ già,
Cọp vươn móng sắc nhảy qua chụp liền.
Diệu đâu phải kẻ tài hèn,
Múa quyền tiến thoái rất nên vững vàng.
Hai giờ chiến đấu ngựa ngang,
Nổi xung cọp mới quay sang thế mâu.
Giả vờ mệt mỏi, cúi đầu,
Dụ Trần Quang Diệu xông vào tấn công.
Hai chân trước cọp đồng vung,
Chụp vai Quang Diệu máu hồng vọt ra.
Tiếp theo vừa trảo vừa nha,
Cắn, quào tới tấp, thế đà hiểm thay.
Họ Trần mệt nhọc kiệt chi,
Lui thì không được, tiến thì không sao
Bỗng nghe vó ngựa ào ào
Một nàng thiếu nữ khác nào Mộc Lan.
Đến nơi, hạ mã, ly an,
Tay vung song kiếm xông tràn cứu nguy.
Cọp điên nào có kể gì,
Bỏ Trần Quang Diệu, đáp ngay họ Bùi.

*Thị Xuân chém trúng mỏm đuôi,
Cọp đau, hốt hoảng vội lùi bên khe.
Hai chân cào đất hăm hè,
Lấy đà nhảy tới, quyết đè Thị Xuân.
Khen thay hữu dũng giai nhân,
Kiếm vung như điện, mùi phần tinh vi.
Trúng thương, cọp ngã tức thì,
Lăn vòng mây bện, chạy ngay vào rừng.
Một trường ác chiến lẫy lừng,
Khiến cho Quang Diệu cũng bùng chí trai.
Cầm đao, xông bụi, lướt gai,
Đuổi theo cọp dữ, giương oai anh hùng.
Thị Xuân xem thấy ung dung,
Bảo rằng: "Cọp gặp thế cùng, chó truy.
Vết thương phải buộc ngay đi,
Nếu không máu chảy như ri cũng phiền.
Nơi đây là chôn lâm tuyền.
Thuốc đâu rít, bó cho yên thân này.
Nhà tôi kể cũng gần đây.
Dám xin dờn bước đi ng> chó chầy".*

Thị Xuân, Quang Diệu cả hai
Trở về trang trại đường dài ruổi dong.
Bước vào trình với Bùi Công,
Cả nhà tiếp đón hết lòng chăm lo
Vết thương vừa nặng, vừa to
Cũng nhờ Văn Sở ra trò lương y.
Thuốc thang bó, đắp tức thì
Trải qua một tháng đến kỳ giảm thuyên.
Cảm ơn, lòng chẳng được yên,
Ngày kia vừa mới canh hai,
Ra sân dạo mát, thấy ngoài hàng mai.
Có đôi trai gái thi tài,
Đao, thương, quyền, kiếm ra oai tranh hùng.
Đứng nhìn, Quang Diệu ung dung,
Nói rằng: "Tôi cũng xin cùng góp vui,
Cho tôi đấu thử một h>
Cùng Ngô huynh trưởng để coi thế nào?"
Vào nhà, cầm lấy đại đao,
Ra sân thử thế khác nào Quan Công.
Ngô Văn Sở vội tẩn công,

Song tiên trực đã thế đồng giao lang.
Ngửa ngang trãm hiệp cầm đồng,
Thị Xuân đứng ở ngoài vòng ngửa tay,
Cười rằng: “Hai bậc tài trai,
Xin dừng một chút cho ai vào vòng”.
Ngô, Trần ngừng cuộc giao phong,
Lau mồ hôi trán rồi đồng nghỉ ngơi.
Cùng nhau chuyện phiếm một hồi,
Tiểu thư Bùi thị lại đòi đấu chơi.
Họ Trần trông thấy cả cười:
“Khen cho nhi nữ ít người như cô,
Đấu quyền, tôi đứng, nàng vô,
Dạo chơi chốc lát anh Ngô phẩm bình”.
Vội dùng “Loan phụng đồng minh”
Hay tay vươn thẳng như hình móng ưng>
Thị Xuân công, thủ chẳng ngừng,
“Gia long xuất hải” mấy từng xông pha.
Đánh qua “Lưu thủy lạc hoa” ,
Hai bên tài nghệ xem ra cũng đồng.
Sau lưng xuất hiện Bùi Công,

Bảo rằng: "Hai trẻ hãy cùng nghỉ tay
Ta xem gái sắc, trai tài,
Đáng duyên cầm sắt, liệu bài se cho".
Thị Xuân nghe nói thẹn thò,
Chạy vô đóng cửa, không cho ai vào.
Công rằng: "Lão thật tào lao,
Đem giầy bìm sấn dựa vào tủng quân.
Ý chàng nông, đặm hãy phân,
Cho ta nghe thử định phần nghi gia".
Họ Trần quý gối thừa qua,
Công ơn lệnh ái thật là cao thâm.
Cứu tôi giữa chốn sơn lâm,
Lâu nay khắc cốt minh tâm đã nhiều.
Nếu như lão bá thương yêu,
Thật là hân hạnh, dám điều từ nan?"
Ngô Văn Sở cũng hân hoan,
Cười rằng: "Đôi bạn chi lan sum vầy,
Ý tôi đã định lâu nay,
Tìm cơ nói lại, ra tài mai dong.
Không ngờ nay gặp Bùi công,

Mở lời như vậy, thật lòng mừng vui".

Bùi Công nghe nội mím cười:

Lão xem Văn Sở đáng người tri âm,

Cháu đà có ở Băng Tâm, ,

Công dung, ngôn, hạnh, mày tằm, mắt hoa

Bút nghiên võ vẽ năm ba,

Hãy còn đãi tự ở nhà anh Hai.

Bây giờ ta hãy làm mai,

Để cho Văn Sở cùng ai kết duyên.

Chọn ngày xe mới lương duyên,

Cùng nhau gia thất vẹn tuyền cả hai.>

Ngô, Trần hai kẻ hòa hài,

Bùi gia kiêu khách anh tài là đây".

Ngô Văn Sở vội quỳ ngay,

Thưa rằng: "Trưởng thượng bấy nay thương tình,

Giúp cho kẻ khó linh đình,

Lại còn tính chuyện gia đình cho con.

Thì dù sông cạn, đá mòn,

Tâm lòng trượng nghĩa như son khó mờ".

Hôm sau, trời sáng tinh mơ,

Bùi công xem lịch, chờ giờ trực khai.
Bèn truyền quét dọn trong ngoài,
Trương đẳng kết thái cho ai phỉ nguyên.
Anh hùng sánh với thuyền quyên,
Sắt cầm hòa hợp, lương duyên tự trời.
Chén quỳnh uống đã gần voi,
Chàng Trần Quang Diệu lựa lời thưa qua:
“Trước là trình thật cùng cha,
Sau là các bậc thân gia xa gần.
Bây giờ trong nước muôn dân
Bị quan hà khắc, lắm phần khổ đau.
Nghèo hèn cho chí sang giàu,
Đều mong thay đổi cho mau triều đình.
Phúc Loan là đứa yêu tinh,
Buôn vua, bán chúa, dân tình oán ta.
Bốn phương dấy động can qua,
Tây Sơn khởi nghĩa có ba anh hùng.
Nhạc, Huệ, Lữ thầy tận trung,
Phò vua, diệt nịnh hết lòng vì dân.
Con đây nào quản gian truân,

Theo phò Nguyễn Nhạc mười phần tin yêu.

Nghe cha tiền lắm, chúa nhiều.

Lại thêm nhân nghĩa lắm điều thương dân.

Ngô Văn Sở, Bùi Thị Xuân,

Anh hùng nổi tiếng, xa gần biết danh.

Đến đây với một lòng thành,

Khuyên mời liệt vị đình ninh một lời.

Cùng nhau ra sức giúp đời,

Theo cùng Nguyễn Nhạc thay trời cứu dân”.

Bùi Công mừng rỡ muônân,

Dạy rằng: “Hiền tế chẳng cần nghi nan,

Ta đây nghe ở Tây San,

Anh hùng tam vị lòng đang sáng ngời.

Làm người, công, nghiệp để đời.

Nghìn thu há được một thời như nay?

Ngày mai rạn rợ mặt mày,

Tên ghi thanh sử sau này còn lâu.

Công thành cắt đất, phong hầu

Vinh thế, ấm tử có đau lắm người?

Thong dong con ở lại chơi,

Vài ngày rồi sẽ về nơi trướng hùm.

Lựa lời con hãy thưa giùm,

Cùng ngài Nguyễn Nhạc thủy chung rõ ràng.

Cha đem hết thầy dân làng,

Sung vào quân nghĩa về hàng Càn vương”.

Ít lâu, Quang Diệu lên đường,

Kíp về đại trại tỏ tường trước

Bùi Công tiến đến giang đầu,

Nắm tay nghĩa tế, cùng nhay tỏ tình:

“Thị Xuân chút phận linh đình,

Cũng nhờ kiêu mọc nương mình dây leo.

Gian nan vượt suối trèo đèo,

Mong con chung thủy, hiểm nghèo đừng quên”.

Trần rằng: “Muôn đội ơn trên,

Con xin trọn nghĩa, bẻ tên mà thề.

Vợ chồng sinh tử không nề,

Tương thân, tương ái chớ hề phụ nhau”.

Nói xong, cúi lạy dập đầu:

“Kính trào nhạc trượng, con mau lên đường”.

Từ khi phu tế viễn phương,

Thị Xuân mong nhớ lòng thường xót xa.

Ngày đêm bàn luận cùng cha,

Chiêu binh, mãi mãi, xây ba lũy dài.

Lại cho đầy tớ Hạ Khai,

Lên miền sơn thượng mua hai voi >

Đem về luyện tập xông pha.

Cho quen chiến trận để mà ra quân.

Năm sau, vào lúc trọng xuân,

Cỏ hoa đua thắm, mùi phân xinh tươi.

Thị Xuân cười tọng dạo chơi,

Vào vùng núi hiểm, tìm nơi lập đồn.

Bỗng nghe tiếng rú kinh hồn,

Xa xa vọng lại, bốn chồn tâm can.

Thúc voi cấp tốc đặng san,

Xông bờ, lướt bụi, băng ngàn cây xanh.

Chợt đâu trận gió hôi tanh,

Từ xa thổi lại, xem tình rất hung.

Thị Xuân ngẫm nghĩ trong lòng,

Chắc là ác thú quanh vùng đâu đây.

Xuống voi, cột lại võ hài,

Lăm lăm thương bạc, dăm dài tiến lên.
Lại nghe tiếng rống vang rền,
Thấy con voi trắng lặn kênh bên khe.
Mãng xàán chặt bốn bề,
Miệng phun nọc độc, không hề buông tha.
Thị Xuân phán dững xông pha,
Ngân thương đâm tới thê đà rất mau.
Trăn kia bị trúng nơi đầu,
Buông voi, quăng tới tấp nhàu Thị Xuân.
Múa thương bảo vệ châu thân,
Trăn, người hồn chiến, mùi phân kinh hoàng.
Ai ngờ giữa chốn rừng hoang,
Bỗng thành một bãi chiến tràng là đây.
Áo ào đổ lá rung cây
Kinh hồn bỏ chạy một bầy sơn dương.
Thị Xuân dùng thế xuyên thương,
Đâm trăn phọt óc về đường âm ty.
Voi kia trông thấy vội quỳ,
Gục đầu cảm tạ ân ni cứu nài.
Thị Xuân trông thấy hân hoan,

Võ đầu bạch tượng bảo ban vài lời.
Voi như thông hiểu tiếng người,
Đứng lên rống lớn mấy hồi vang rân.
Xa đưa tiếng động rần rần,
Một bày dã tượng đến gần chúa voi.
Cùng quỳ gối, cùng co vùi,
Coi như lễ bái với người thi ân.
Phía sau có tiếng: "Dì Xuân!
Anh đây đến trễ, có phần lỗi to.
Rừng hoang dì lại lần mò,
Vào sâu như vậy sao cho vẹn toàn.
Ở nhà trong dạ chẳng an,
Nên anh vùi vĩa băng ngàn đến đây.
Trăn kia sống ở nơi này,
Đã trên trăm tuổi, da đầy vảy che.
Ta mau mang xác trăn về,
Lột da làm giáp, tiện bề xông pha".
Nàng rằng: "Anh Sở bàn qua,
Thật là hợp lý của ta vô cùng.
Nay ta thu phục voi hung,

*Dề trang trại hết lòng dưỡng nuôi.
Ngày đêm luyện tập hấn hoi,
Phòng khi xông trận có hồi ra quân".
Cỡi voi đến chôn giang tân,
Cho voi xuống tắm, ân cần chăm nom.
Từ nay, cứ đến đầu hôm,
Sở, Xuân chuẩn bị nước, cơm sẵn sàng.
Dẫn voi ra cánh gò hoang,
Thôi cỡi tập trận, thế càng nghiêm minh.
Nhắc qua Quang Diệu kiêm trình,
Trở về đài trại, tình hình thừa qua.
Huệ rằng: "Nay lúc can qua ,
Bình tinh, lương túc mới là thành công.
Tướng quân với mỗ đi cùng,
Đến thành lĩnh nhạc khúc trung tỏ bày.
Té cờ, cử nghĩa định ngày,
Thời cơ đã đến, làm ngay mới là".
Hôm sau, vừa mới canh ba,
Huệ cùng Quang Diệu, Trần Nha lên đường.
Ra đi giữa chốn mù sương,*

Trăng sao ản lặn, bốn phương mịt mờ,
Lần dò khe suối, bụi bờ,
Cường nhon đâu bỗng bất ngờ xông ra.
Hét rằng: “Nghe lệnh lão gia,
Cửa tiên để lại, mới qua chốn này.
Nếu không ta sẽ ra tay,
Mỗi đao mỗi đĩa cho bay châu trời”.
Huệ nhìn cặp mắt sáng ngời,
Thấy tên tướng cướp thân mười thước cao.
Uy phong lẫm lẫm anh hào,
Râu ria, mắt xéch khác nào Trương Phi.
Huệ rằng: “Đã gọi nam nhi,
Giúp đời, trị loạn, cứu nguy cõi bờ.
Còn như nằm bụi nằm bờ,
Giết người, cướp của, bao giờ nên danh?
Để chi những tiếng hôi tanh,
Người chê, kẻ chửi, hỡi anh râu rì?
Bây giờ ời hãy còn khuya,
Thấp cao đấu thử, phân chia thur, hùng”.

Cường nhon nổi giận, tay vung,

Tấn công lập tức, trung cung đánh vào.
Thế như khởi phụng dâng giao.
Nhanh như mãnh hổ ào ào quyền phong.
Trần Nha tức giận trong lòng,
Nhảy vô giao chiến, phân công tức thì.
Cường hơn dùng ngọn song phi,
Đá Trần Nha té, khác gì trở tay.
Trần Quang Diệu nhảy vào ngay,
Cứu Trần Nha thoát, thế hay vô cùng.
Hai bên chân đá, tay vung,
Tiến lui trăm hợp, cầm đông mà thôi.
Đứng ngoài, Nguyễn Huệ cả cười,
Bảo rằng: "Quang Diệu cùng người giao tranh,
Khác nào cọp trắng, rồng xanh,
Một đôi địch thủ liệt doanh khó tìm.
Bây giờ đã hết ban đêm,
Vùng hồng sắp hiện để xem anh hùng.
Ngừng tay ăn uống no lòng,
Rồi cùng đánh nữa mới mong cao hèn.
Đường quyền địch thủ quen quen,

Phải chăng cùng phái chơn truyền của ta?"

Cường nhơn nghe Huệ nói qua,

Ngạc nhiên, lùi lại, xem ra bàng hoàng,

Hỏi rằng: "Kiếm, kích, đao, sang,

Cô, quyền, xoa, bổng trong hàng võ sư.

Nổi danh chỉ có một người,

Là thầy giáo Hiên đương thời mà thôi.

Ta nghe người nói hẳn hoi

Vậy ta cùng dạo thử coi vài đường".

Huệ rằng: "Giữa chốn chiến trường,

Hơn thua phân rõ nhược cường mới hay.

Còn như cùng học một thầy,

Sư huynh, sư đệ, cần gì tranh nhau ?>

Để ta phân hết đuôi đầu.

Cho người ta thử trước sau thế nào?

Người dùng: "Bắc hải cầm giao,

Chuyển qua "mãnh hổ đặng cao" chớ gì?

Tiến lên "Thủ chiết qué chi"

Bước sang bên tả " Xích mi tróc hầu"

Lui về "Túy ngọa cao lâu"

Đó là những thế nhiệm màu phái ta.
Thầy xưa từng đã giảng qua,
Nhưng còn một thế thầy đã giấu đi.
Đó là "Thủ chấp đại kỳ",
Ta phân như vậy, ý mi thế nào?".
Cường hơn nghe rõ thấp cao,
Vội vàng quỳ xuống khấu đầu ba phen.
Thưa rằng: "Em thật ngu hèn,
Xưa nay bão phụ đã quen đi rồi.
Tung hoành dưới mắt không người,
Lấy miền rừng thẳm làm nơi vẫy vùng.
Hôm nay may gặp anh hùng,
Em xin bái phục, dám lòng trá khi?"
Đưa tay đỡ dậy tức thì,
Tây Sơn Nguyễn Huệ vội thi lễ liền:
"Chữ rằng binh thủy hữu duyên,
Ai ngờ tại chốn lâm tuyền gặp anh.
Dám xin tỏ rõ ngọn ngành,
Họ tên, quê quán, gia đình ở đâu?"
Người kia nghe nói cúi đầu,

Thưa rằng: “Tiểu đệ trình hầu đại huynh.

Em đây không có gia đình.

Mẹ cha, binh lửa, bỏ mình còn đâu!

Xưa kia em đã khẩn cầu,

Lạy thầy giáo Hiến qua mâu học hành.

Võ Văn Dũng ấy tiện danh,

Quán quê cư ngụ gần thành Qui Nhơn.

Linh đình chút phận cô đơn,

Ôm tài mà chẳng hữu nhơn lân tài.

Buồn tình dong ruổi dặm dài.

Lương tiền thiếu thốn đã vài hôm nay.

Nói ra hổ thẹn mặt mày,

Đón người thương lữ tạm vay ít nhiều.

Em đà thưa hết mọi điều,

Xin anh thu nhận em theo truy tùy”

Huệ rằng: “May quá là may,

Ta xem đường võ biết ngay bạn hiền.

Nhà ta vốn cũng dư tiền,

Theo thầy giáo Hiến tập rèn ba năm.

Tới lui, hầu hạ viếng thăm,

*Ơn thầy tác tạo cao thâm vô cùng.
Đến khi thầy sắp lâm chung,
Gọi ta nhắn nhủ khúc trung mấy lời.
Võ công hiếm có trên đời,
Thầy đều truyện dạy kịp thời cho ta.
Những đường em mới đi qua
Đều là tuyệt kỹ, khác xa vô thường.>
Ví như: "Bạch mã ngân thương"
"Tiềm long đãi vũ", "Bá vương tỏa hầu".
Chuyển sang "Triệu Tử đoạt mâu".
Đó là những thế nhiệm mâu đó em.
Trời xanh khéo tạo kỳ duyên,
Anh em xum họp vẹn tuyền nghĩa ân".
Cùng nhau cười nói hân hoan,
Trần Nha, Quang Diệu góp phần mừng vui.
Mặt trời đã chiếu trên đôi,
Bốn người vội vã ra roi khởi trình.
Hôm sau vừa đến chòi canh.
Tuần phu trông thấy đành rành cô gia.
Vội vàng mở rộng cửa ra,*

Đón vào thi lễ, cũng là báo tin.

Thị Xuân, Văn Sở tiến lên,

Cúi chào Nguyễn Huệ, ghé trên mời ngồi.

Bùi Công vội cũng đến nơi.

Huệ bèn đứng dậy kịp thời trình thưa: >

“Thấy ngài như hạn gặp mưa,

Lâu nay khao khát, nay vừa gặp nhau.

Anh em vẫn bối cúi đầu,

Kính chào trưởng thượng, thỉnh cầu giúp tay.

Lòng tôi sáng tỏ ban ngày,

Xin dâng hai lạy kết rày đồng tâm”.

Bùi Công rằng: “Hỡi tri âm!

Cùng nhau ân trọng, nghĩa tâm mấy người.

Mai sau, vật đổi sao dời,

Tấm lòng chung thủy không đời nào lay.

Xin ngài tạm trú nơi đây,

Duyệt qua quân lữ, chờ ngày hương sư

Tiệc tùng cho hết canh tư,

Hôm sau thức dậy ra nơi cánh đồng.

Phát cao trăm ngọn cờ hồng.

*Ám ảm trống trận, rầm rầm voi đi.
Trống dài, Huệ đứng chỉ huy,
Thị Xuân thao diễn hùng uy lạnh người.
Hoa đào đôi má thắm tươi,
Lưng cài song kiếm, tay thời cầm thương.
Rúc còi, thét vỡ màn sương,
Một đoàn chiến tượng thẳng đường xông pha.
Toán trên lại, toán dưới qua,
Chia thành đội ngũ năm, ba rõ ràng.
Huệ nhìn, trong dạ bàng hoàng:
“Khuê trung nhi nữ ít nàng như ri,
Trên voi lẫm liệt uy nghi,
Một Lan, Hồng Ngọc sánh tày hay không?
Lâu nay bội phục trong lòng,
Trung Vương, Triệu Thị anh hùng mà thôi.
Ngỡ đâu may gặp cơ trời,
Họ Bùi lại có một người anh thư” .
Trống dài bước xuống tươi cười,
Lệnh truyền thu trận vào nơi trung đường.
Cùng nhau với chén quỳnh tương,*

Văn thao, võ lược lẫm đường bàn qua.

Thị Xuân nét mặt như hoa, Hỏi đâu đáp đó, gần xa tỏ tường.

Huệ rằng: “Nhi nữ lưu phương”

Xưa nay phải nhượng cho phường nam nhi.

Ngờ đâu hùng cứ Tây thù ,

Phu nhân dũng liệt kém gì chúng tôi

Cùng nhau ra sức giúp đời,

Vì dân vì nước kịp thời ra quân”.

Voi voi rượu uống mấy tuần.

Bùi Công truyền dạy Thị Xuân vài lời:

“Hôm nay nào phải chuyện chơi,

Con nên giống trống ba hồi quân trung.

Đội trưởng doanh trưởng gọi cùng,

Đến nơi đại trại ta đồng kết minh”.

Giữa sân, hương án linh đình,

Khói xông nghi ngút, bay quanh mùi trầm.

Cùng nhau quỳ xuống lâm râm,

Hoàng thiên, hậu thổ chứng tâm cho cùng,

Vì dân, vì nước tận trung.

Trừ tà, khử bạo, thủy chung nghĩa tình”.

Cắt tay lấy máu thiết mình,
Hòa ly rượu nóng, đồng tình uống chung.
Sau khi tề lễ vừa xong,
Tiệc bày giữa chốn doanh trung vui vầy.
Ngà ngà chén cúc dở say,
Đứng lên, Nguyễn Huệ tỏ bày mấy câu:
“Thay lời huynh trưởng cầm đầu,
Tôi xin cảm tạ tình sâu chừ hiền.
Hôm nay là cuộc kỳ duyên,
Mong rằng sau trước vẹn tuyền thủy chung.
Phong cho Văn Sở Đồng nhung,
Dũng làm Tham tán hiệp đồng quân cơ.
Còn như Bùi Thị anh thơ,
“Anh hùng cân quắc” hiệu cờ ta ban”.
Nói cười tiệc rượu vừa tan,
Chia tay về lại nghỉ an giấc nồng.
Hôm sau phát ngọn cờ hồng,
Hưng sư báo quốc vàng ròng chữ thêu.
Tây Sơn như gió i diều,
Càng ngày càng mạnh, quân nhiều, tướng đông.

*Cùng nhau kéo xuống phía Đông,
Công thành, bạt lũy, uy phong lẫm lừng.
Canh khuya mực cạn, bút dừng,
Ngâm nga giấy lát, xem chừng không hay.
Chuyện xưa ghi lại thế này,
Còn nhiều khiếm khuyết, bởi tài ngu dung.
Khen cho cân quắc anh hùng,
Dọc ngang Nam Bắc, vẫy vùng Tây Đông.
Lòng son ánh ngọn cờ hồng,
Bâng khuâng hồn gởi đông phong thổi về.
Chiều chiều nhìn ngọn non Tê,
Nhớ người liệt nữ lòng tê tái buồn.
Sử xanh chép để luôn luôn,
Cự huân vi nghiệp truyền muôn vạn đời.
Tì quan nhân lúc nghỉ ngơi,
Di thư một quyển tặng đời mai sau.*

Đình Văn Tuấn, Nguyễn Thế Triết

Sưu tầm, chú thích (Theo >

đanh tướng anh hùng truyện, Nghĩ

Bình 1978, tr. 49 - 80).

**Phần IV DÃ SỬ VỀ NHỮNG
NGƯỜI THUỘC DÂN TỘC
THiểu SỐ**

KHU LIÊN

(Thế kỷ II)

Vùng đất Quảng Nam, Quảng Ngãi của nước ta ngày nay, hồi đó (thế kỷ I) là huyện Tượng Lâm, thuộc quận Nhật Nam. Quận này có năm huyện, Tượng Lâm là huyện xa nhất về phương nam. Cũng như hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân, nhân dân Tượng Lâm sống dưới sự thống trị của nhà Hán.

Cư dân huyện Tượng Lâm lúc này mới có những bộ lạc, gọi là bộ lạc Dừa (tiếng phạn: Narikela Vamsa), thuộc giống Anh-đô-nê-diêng, quen với nghề săn bắn, đánh cá và nông nghiệp dùng cuốc, đời sống còn thấp kém, bị bọn quan lại thống trị nhà Hán đàn áp và bóc lột nặng nề. Vì vậy, cùng với Giao Chỉ, Cửu Chân, dân chúng ở Nhật Nam khi có cơ hội là nổi dậy chống chính quyền đô hộ.

Vào những năm thuộc niên hiệu Sơ Bình (190 - 193) đời vua Hán Linh đế, một anh hùng ở huyện này đã đ phát cờ khởi nghĩa, giết viên huyện lệnh và lập quốc gia riêng. Người ấy có tên là Khu-liên (Khu Liên là phiên âm tiếng địa phương ra chữ Hán. Có người đoán Khu không phải là họ, mà do chuyển âm từ tiếng Kurung, có nghĩa là tộc trưởng, vua). Quốc gia mới lập này, được sử sách gọi là nước Lâm Ấp. Nước Lâm Ấp dần dần cường thịnh, mở rộng địa giới chiếm cả quận Nhật Nam phía bắc và kéo vào tận Bình Định, Phan Rang hiện nay. Đó là nước Chiêm Thành.

Khu Liên làm vua Lâm Ấp được ít lâu, không có con. Cháu là Phạm Hùng lên thay, tiếp tục xây dựng cơ đồ, không chịu thuộc quyền cai trị của nhà Hán nữa.

Phụ lục:

...Người Chăm cổ ở nhà sàn, cửa nói chung quay về hướng Bắc. Họ cũng phát triển nghề cá, đóng gạch nung vôi phục vụ cho các công trình xây dựng thành quách cung điện. Từ thế kỷ IV, dưới thời các vua Phạm Phật, Phạm Văn, việc xây dựng được đẩy mạnh. Đây là quang cảnh kinh đô Champa thế kỷ V ở Trà Kiệu (Quảng Nam): "Thành có chu vi 8 dặm 100

bộ, khoảng 4 - 5 km). Lũy xây dựng cao 2 trượng (khoảng 6m) trên lũy xây tường gạch cao 1 trượng (3m), mở những lỗ vuông, trên gạch lát ván, trên ván làm gác, trên gác có nhà, trên nhà lại dựng lầu; lầu cao sáu bảy trượng (18 - 20m) thấp là 4, 5 trượng (12 - 15 m), mái bay cao vút hình đuôi diều, đón gió quét mây, cao ngất trời. Trong thành lại có thành nhỏ, chu vi 320 bộ (500 - 600m).

- Nhà lợp ngói không mở cửa về phía nam. Hai đầu là nhà dài, sống nóc chạy theo chiều nam bắc - Điện ngoảnh về phương đông, mái nhà cao ngất như hình đuôi diều, đá xanh, thêm đỏ, rui cột vuông tròn... Tường vách màu xanh sáng sủa, nhà vách quanh co, cửa là Song tia... có hơn 50 khu nhà, liên hồi tiếp nóc, thêm mái nối nhau..."

Từ cuối thế kỷ IV đến thế kỷ VI, ở khu vực Mỹ Sơn (Quảng Nam) người Chăm xây dựng nhiều đền tháp. Đây là khu vực trung tâm của nước Chăm Pa. Những đền tháp cao vút, nhiều tầng với những vòm cuốn hài hòa, có những phù điêu trang trí khéo léo mềm mại chạm trên gạch cứng. Phù điêu chạm những người nhảy múa, thổi sáo, đánh trống com.

Từ thế kỷ VII đến thế kỷ X, là thời kỳ phồn vinh của điêu khắc Chăm pa. Công trình kiến trúc nào cũng có nhiều bức chạm trang trí. Đền tháp có nhiều tượng thần bằng vàng, bằng đá, những phù điêu chạm các vũ nữ, nhạc công: đây là hình ảnh những cô gái Chăm xinh đẹp, mềm mại với những đồ trang sức dân tộc. Chính nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm đã có ảnh hưởng tốt đến điêu khắc Việt thời Lý...

Năm 736, nhà sư nhạc sĩ Chăm là Phật Triệt đã đến Nhật Bản, đã chỉ huy dàn nhạc ở Na ra và dạy cho người Nhật 8 loại vũ Chăm, trong đó có "Khúc nhạc muôn thu", là một vở vũ nhạc đặc biệt của Chăm pa. Vũ nữ Chăm múa rất dẻo, đẹp, theo tiếng nhạc trong khi các nhạc công chơi nhị, sáo, trống com, tù và, chũm chọe, tì bà, thụ cầm... "Vũ khúc Tây thiên" cũng là một vở vũ nhạc nổi tiếng của Chăm pa đã được phổ biến ở Thăng Long thế kỷ XI - XII. Điệu múa quạt của nữ, điệu múa lửa của nam, thường múa trong dịp cúng lễ.

PHẠM VĂN

(Thế kỷ IV)

Sau khi Khu Liên mất, không có con, các cháu lên thay xây dựng cơ đồ nước Lâm Ấp. Trải qua nhiều đời, đến thế kỷ IV, thì xuất hiện một nhân vật kiệt xuất. Người đó là Phạm Văn. (Tên Phạm Văn cũng là phiên âm địa phương ra chữ Hán, chứ không phải là họ Phạm. Có người đoán là phiên âm Varman, các vua Chăm thường có tên như Indravarman, Harivarman v.v...)

Xuất thân là một người nô bộc, được vua Lâm Ấp là Phạm Dật hồi cuối thế kỷ III tin dùng, Phạm Văn đã giúp Phạm Dật xây dựng thành trì, tổ chức lực lượng quân sự, khiến cho nước Lâm Ấp được cường thịnh. Bản thân Phạm Văn cũng được nhân dân mến phục. Năm 331, Phạm Dật chết không có con nối ngôi, Phạm Văn đã lên làm vua. Ông có chí hùng mạnh, rắp tâm mở mang lãnh thổ của mình. Sẵn có quân đội hùng hậu, ông tiến đánh các nước chung quanh, đánh đâu cũng thắng. Ở phía nam, ông lấn đến sát biên giới nước Phù Nam (Khoảng Nha Trang ngày nay). Ở phía Bắc ông tiến ra quận Nhật Nam. Nhân dân ở đây cũng bị khổ sở vì sự thống trị của nhà Hán nên ủng hộ ông để xây dựng thành một cộng đồng thống nhất. Phạm Văn còn đem quân ra đánh cả vùng Cửu Đức (Hà Tĩnh, Nghệ An), Cửu Chân (Thanh Hóa) lúc này cũng thuộc quyền thống trị của nhà Hán. Ông thu được nhiều thắng lợi rồi mới rút quân về (344).

Ba năm sau (347), Phạm Văn lại cất quân ra đánh chiếm cả quận Nhật Nam, bắt giết tên thái thú nhà Hán là Hạ Hầu Lâm, rồi còn xâm phạm cả phía Bắc. Nhà Hán sai tướng từ Giao Châu vào cũng bị thua, phải rút về Cửu Chân. Phạm Văn đòi lấy dãy Hoàng Sơn ở phía bắc Nhật Nam làm biên giới.

Phạm Văn mất năm 349, bị thương sau một trận đánh. Con ông là Phạm Phật nối ngôi. Các vua đời sau vẫn phải liên tục tranh chấp với quân nhà Hán.

(Nhiều tập sử Trung Quốc có chép cả truyền thuyết về Phạm Văn: “Văn làm đầy tớ của Phạm Trĩ,... đi chăn dê trong núi, bắt được hai con cá, đem về giấu để ăn riêng. Chủ hỏi, Văn sợ, phải nói dối đó là viên đá mài. Chủ đến chỗ để cá thì thấy là hai hòn đá thật. Văn lấy làm lạ, đem đá vào núi r thành hai thanh gươm lên khẩn trời: Trời đã cho cá biến thành đá, đá lại

thành sắt nên gươm. Xin cho gươm chém vỡ đá. Chém được là thiêng, tôi sẽ được làm vua; chém không được là không thiêng nữa. Quả nhiên, gươm giáng xuống đá vỡ tan. Nhờ thế mà thu phục được dân chúng).

TRẦN QUÝ

(Thế kỉ X)

Trần Quý cùng với em là Trần Kiên, đều là con ông Trần Triệu, người ở châu Thanh Lâm, tỉnh Cao Bằng, sống vào thời kỳ Thập nhị sứ quân ở nước ta.

Hai ông đều nổi tiếng là người biết thuốc, có kinh nghiệm trừ được rắn độc. Dân chúng trong bản cũng cho là các ông có tài trừ được tà ma, trị được những giống ác diệu giúp cho mọi người yên ổn làm ăn. Vì vậy khi các ông mất, họ lập đền thờ. Đền thờ Trần Quý gọi là đền Đống Lân, thờ Trần Kiên gọi là đền Cây Cọng, đều thuộc xã Vu Truyền. Ông Trần Triệu cũng được thờ ở đền Đốc Hằng thuộc xã Cù Sơn. Triều đình cũng phong thần cho hai ông tôn hiệu là Đống Lân đại Vương, Cây Cọng đại Vương.

Sách *Cao Bằng thực lục* có thuật nhiều chi tiết hoang đường để chứng tỏ tài năng đặc biệt của các nhân vật trên. Ông Trần Triệu vì lấy được vợ tiên nên hai con trai mới có nhiều phép lạ, trừ được rắn độc và chim yêu quái là hóa thân của một mục phu thủy góm gốc, gọi là Bà Trần v.v...

MA HA MAY A

(Thế kỉ XI)

Mahamaya người Chiêm Thành. Cha ông có tên là Bối Đà, làm quan dưới triều Tiền Lê, rất giỏi chữ Phạn. Biết ông cũng là người tài giỏi, vua Lê Đại Hành thường cho mời đến hỏi han, nhưng ông chỉ chấp tay cúi đầu không trả lời. Vua cố gắng thì ông đáp: bản tăng chỉ là một nhà sư tầm thường đến độ ở chùa Quan Âm. Chùa này ở thôn Cổ Miệt, hương Đào Gia, nơi Mahamaya tu đạo.

Lê Đại Hành đã có lúc bất bình, không cho ông ở chùa Quan Âm nữa, mà bắt về chùa Vạn Tuế ở hoàng thành (Hoa Lư). Đến đời nhà Lý (1029), ông được một vị quan xin cho về trụ trì ở chùa Khai Thiên phủ Thái bình. Năm 1033 ông xin vào châu Hoan (Nghệ Tĩnh), không rõ về sau như thế nào.

MỊ

(Thế kỉ XI)

Năm 1044, vua Lý Thái Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, tiến vào đến kinh đô Phật Thê (Vijaya, cũng gọi là Đồ Bàn, ở tỉnh Bình Định ngày nay). Vua Chiêm là Sạ Đầu bị giết.

Khi đem quân về nước đến phủ Trường Yên, vua Lý sai gọi người vợ của Sạ Đầu tên là Mị Ê sang hầu. Mị Ê không chịu, ngằm lấy chân quấn vào mình, nhảy xuống sông chết. Vua Lý cảm phục, khen là trinh tiết.

Sự việc này được chính thức ghi vào *Đại Việt sử ký toàn thư*. Không có điều kiện để tra cứu tiểu sử của Mị Ê và cũng không biết tên thật (tiếng Chăm) của nàng là gì.

u thiện trinh liệt chân mãnh phu nhân:

Phu nhân không rõ họ gì, người nước Chiêm Thành, tên là Mi Ê, vợ vua Chiêm Thành là Sạ Đầu.

Triều vua Thái Tông nhà Lý, Sạ Đầu không triều cống, thất lễ phiến thần, vua Thái Tông thân hành đem quân nam chinh. Sạ Đầu bày tượng trận ở Đông Bộ Chính, dần dần bị Vương sư đánh phá. Sạ Đầu tử trận, các cung phi thê thiếp của Sạ Đầu bị bắt sống đem về. Thuyền về đến sông Lý Nhân, vua nghe phu nhân có sắc đẹp mới mật sai quan trung sứ vời phu nhân đến chầu thuyền ngự.

Phu nhân không giấu được sự phần uất, chối từ rằng:

- Vợ hầu mừng mọi, y phục xấu xí, ngôn ngữ quê mùa, không giống các bậc phi tần Trung Hoa, nay quốc phá phu vong, chỉ nguyện có chết là thỏa

lòng, nếu áp bức hợp hoan sợ ô uế long thể.

Rồi phu nhân một lấy tấm chăn quấn kín mình lại, nguyện phó tính mạng cho dòng sông. Một tiếng đánh ầm, hình bóng mỹ nhân đã cuốn theo dòng nước mất tích.

Thái Tông kinh dị, tự hồi và cho người cấp cứu nhưng không kịp nữa. Chỗ ấy về sau, mỗi khi đêm vắng sông êm, trăng thanh sao sáng, thường nghe có tiếng đàn bà khóc than. Dân trong thôn lấy làm lạ, mới làm đơn xin lập đền thờ tự; từ đấy không nghe có tiếng than khóc nữa.

Sau vua Thái Tông ngự đến sông Lý Nhân, thuyền chèo giữa dòng thì trông thấy trên bờ có đền thờ. Vua lấy làm lạ mới hỏi tả hữu, tả hữu đem chuyện phu nhân tâu cho vua nghe. Vua ngồi lặng thinh hồi lâu mới bảo rằng:

- Không ngờ man nữ lại có bậc u trình như thế, quả là một hạng gái phi thường, thế nào cũng có báo trảm.

Đêm ấy đã canh ba, trời gần sáng, thốt nhiên nghe một trận gió thom, khí lạnh buốt người, thấy một người đàn bà vừa lay vừa khóc rằng:

- Thiếp nghe đạo đàn bà là tòng nhất nhi chung. Tiên quốc vương của thiếp tuy chẳng dám cùng bệ hạ tranh xung, nhưng cũng là một bậc nam tử, một phương kỳ tài. Thiếp được lạm dự khấn lược, ân ái thao vinh, bất hạnh quốc phá phu vong, thiếp đêm ngày thê thương chỉ lo đồ báo, nhưng quần thoa yếu ớt, biết tính làm sao? May nhờ hồng ân bệ hạ sai sứ đưa thiếp xuống tuyền đài cùng chồng hội diện, sở nguyện của thiếp được thỏa mãn rồi, còn có linh gì mà dám đến đây đường đột?

Nói đoạn biến mất. Vua thất kinh tỉnh dậy, thì là một giấc chiêm bao. Vua truyền đem lễ vật và rượu đến đền cúng tạ, phong Hiệp Chính nương. Về sau xa gần cầu đảo, đều có linh ứng.

Niên hiệu Trùng Hưng năm đầu, sắc phong Hiánh Hựu Thiện phu nhân, năm thứ tư thêm hai chữ Trinh Liệt. Năm Hưng Long 21, gia phong hai chữ Chân Mạnh, đến nay vẫn còn những sự, càng thấy linh ứng vậy.

(Nguyên văn chữ Hán của Lý Tế Xuyên (đời nhà Trần) trong *Việt Điện u linh tập*. Bản dịch của Lê Hữu Mục: dịch ở Huế 1960 - xuất bản ở Sài Gòn không ghi năm).

(B.C. Câu chuyện Mị Ê xảy ra vào đời Lý (thế kỷ XI). Sau những gì đã chép ở *Đại Việt Sử ký toàn thư* và *Việt Điện u linh*, không thấy có dị bản gì trong thư tịch. Nhưng đáng chú ý là có thêm mẩu chuyện sau đây, xin ghi thêm để tham khảo):

Thần phả của làng VĩnhTuy (Hà Nội) chép về vị thành hoàng của làng ấy như sau:

Một năm, vua Lê Thánh Tông đem quân vào Nam, đánh bại Chiêm Thành, bắt sống hàng vạn tù binh, trong ấy có cả chúa Chiêm là Nha Cát và vợ của Nha Cát là công chúa Nguyệt Nga. Đêm ấy, bên dòng sông Lý Nhân, Nguyệt Nga lòng đầy phẫn uất, thở than trước thi thể chồng: "Thiếp sinh ra và sống với quốc vương. Sống thế là sống vinh. Nay chết khi quốc gia gặp nạn, dầu khác cũng là vinh. Thiếp còn lòng nào mà mong muốn nữa". Nói đoạn, nàng lấy chân quất chặt vào mình, rồi tự lặn xuống dòng sông mà chết. Lê Thánh Tông nghe tin sững sốt và thán phục đức tính kiên trinh của nàng. Ngài nói: "Có thể lấy được nước người, nhưng không thể tuyệt việc thờ tự của nước người". Thế rồi, ngài sai triều thần dựng tạm ngôi đền bằng tranh để thờ Nguyệt Nga và chúa Chiêm Nha Cát. Lại cho đổi chữ Nha Cát thành Nhã Cát, phong cho Nhã Cát làm đại vương và cho thờ cùng với Nguyệt Nga làm phúc thần. Sau đó, vua cho các tù binh người Chiêm đến ở đây, sinh cơ lập nghiệp để họ và con cháu họ thờ phụng thành hoàng của họ. Ngày ấy, vùng đất này là Tây Dư, còn là đất hoang. Vua cho lập thành ấp mới, gọi là trang Vĩnh Hưng, về sau lại đổi tên là Vĩnh Tuy nay xã Vĩnh Tuy thuộc huyện Thanh Trì (ngoại thành Hà Nội).

(Theo thần phả xã VĩnhTuy)

B.C :

- Xin cứ tạm ghi theo thần phả, chưa thể khẳng định là có một. phụ nữ khác ở Chiêm Thành có tên là Nguyệt.Nga, mà sự tích lại tương tự như chuyện Mị Ê.

So với lịch sử, một số chi tiết trên đây cũng có dị biệt. Vua Lê Thánh Tông có đi đánh Chiêm Thành năm 1471 và bắt được vua Chiêm. Vua Chiêm này tên là Trà Toàn (chứ không phải là Nha Cát hay Nhã Cát). Sử chép Lê Thánh Tông đối xử với Trà Toàn rất có mức độ. Khi thấy quân lính mình xô đẩy Trà Toàn, vua có khuyên bảo họ phải giữ lễ, vì dù sao Trà Toàn cũng là một vị quốc vương. Sau đó Trà Toàn quá sợ hãi, ốm chết, mới đem chém đầu để làm lễ cáo ở Lam Kinh.

Cũng không thấy sử chép việc vua Lê có bắt vợ Trà Toàn đến hầu để xảy ra việc nàng quyền sinh hay không.

Bản thân tích (cũng gọi là ngọc phả) hiện lưu ở đình làng Vĩnh Tuy, ghi là do Nguyễn Bính (đời Lê) soạn.

BA ÔNG CHÁU CHA CON ĐỀU LÀ PHÒ MÃ

(Thế kỷ XI)

Một gia đình mà cả ba đời ông, cha, con đều được kén làm phò mã và đều được lấy con gái của ba đời vua theo thứ tự ông, cha, con. Trường hợp như vậy quả là hiếm. Nhìn theo phong tục, thì đó là ba đời con cô con cậu lấy nhau.

Gia đình ấy họ Giáp, ở châu Lạng. Vào đầu thế kỷ XI, phần đất nước ta ở vào vùng Bắc Giang và phía nam Lạng Sơn (Từ Đồng Bành, Chi Lăng về Hữu Lũng) đều thuộc Lạng Châu. Ở đây có một mường động rất lớn gọi là động Giáp. Động Giáp là vùng Chi Lăng ngày nay, Cửa ải Chi Lăng xưa có tên là Giáp Khẩu.

Gọi là động Giáp, vì dân cư ở đó phần lớn là họ Giáp. Họ Giáp là người tù trưởng, đời đời cai trị đất này. Lý Công Uẩn lên ngôi (tức là Lý Thái Tô) có chủ trương gắn bó thân tình giữa nhà vua với các tù trưởng biên thùy. Nhà vua đã chọn tù trưởng ở Lạng Châu làm phò mã. Người ấy tên là Giáp Thừa Quý.

Lấy công chúa nhà Lý làm vợ, Giáp Thừa Quý được đổi thành họ Thân, và được cử làm châu mục Lạng Châu. Vợ chồng Thân Thừa Quý sinh được người con trai, đặt tên là Thân Thiệu Thái. Năm 1029, vua Lý Thái Tông (tức là cậu của Thiệu Thái) đem con gái mình là Bình Dương công chúa gả cho cháu luôn. Thân Thiệu Thái cũng nối chức của cha làm châu mục Lạng Châu.

Hai vợ chồng vị phò mã này sinh được một trai, lấy tên là Thân Cảnh Phúc. (Người này có khá nhiều tên. Các sách chép khác nhau, hoặc là Thân Cảnh Nguyên, hoặc là Thân Cảnh Long... đều là một người)

Đến lượt Thân Cảnh Phúc cũng được tuyển làm phò mã. Ông kết duyên với Thiên Thành công chúa là con gái của cậu mình, tức là vua Lý Thánh Tông. Đám cưới được cử hành vào năm 106>

Thế là một gia đình người Tày ở động Giáp đã suốt ba thế hệ có ông cháu cha con đều là phò mã. Họ Thân tất nhiên rất trung thành với hoàng tộc, với triều đình và đã lãnh đạo dân chúng Lạng Châu bảo vệ quê hương, bảo vệ cộng đồng dân tộc. Đặc biệt hai người là Thân Thiệu Thái và Thân Cảnh Phúc đã có chiến công xuất sắc:

Thân Thiệu Thái cầm tù và tiêu diệt hàng loạt tướng nhà Tống (1059).

Có tin báo về triều đình là một số dân Việt ở Tây Bình (thị xã Lạng Sơn ngày nay) bị rù rê hay ép buộc chạy trốn sang phần đất do nhà Tống cai quản. Viên quan nhà Tống là Vi Huệ Chính ngầm ngầm ủng hộ chuyện này, nhưng triều đình ta vẫn biết được. Vua Lý ra chỉ dụ cho Thân Thiệu Thái phải gặp phía bên kia, đòi lại số dân của mình.

Một vài lượt thư đi từ lại, phía bên kia vẫn làm ngơ.

Thân Thiệu Thái lập tức huy động binh lính thuộc hạ của mình kéo sang đất Tống, thẳng đường tiến đến huyện Như Ngao. Ung Châu náo động. Vua Tống vội vàng sai viên đô giám tuần kiểm ở châu Ung là Tăng Sĩ Nghiêu đem quân ra cự địch.

Thân Thiệu Thái vội vã lui quân, lựa thế cho Tống Sĩ Nghiêu áp đảo mình, tràn sang biên giới. Đặc chí, Tống Sĩ Nghiêu kéo vào Động Giáp, bị rơi vào

trận địa đã bố trí sẵn, thua to. Một loạt tướng Tống như Lý Đức Dụng, Tà Minh, Hà Nhuận, Trần Bất, và cả Tống Sĩ Nghiêu đều bị giết. Quân Việt tung hoành suốt một giải bên kia biên giới. Triều đình nhà Tống hoảng sợ, lại sai chỉ huy sứ Dương Lữ Tài (hoặc Dương Bảo Tài) ra cứu viện, nhưng không có kết quả gì. Dương Lữ Tài bị bắt sống.

Nhà Tống thấy bất lợi, tìm mãi không ra kế gì ngoài việc bàn hòa. Vua Tống cử viên quan thị lang Dư Tĩnh đến Tây Bình. Bên ta, vua Lý cử Phí Gia Hữu ra đàm phán. Gia Hữu tỏ ra rất mềm mỏng khéo léo, được Dư Tĩnh cảm tạ tặng vật rất nhiều. Hai bên nhất trí rút quân. Dư Tĩnh xin trả lại viên tướng Dương Lữ Tài (bị Thân Thiệu Thái bắt sống), nhưng bên ta không chịu.

THÂN CẢNH PHÚC, THIÊN THẦN ĐỘNG GIÁP (1077)

Vào năm 1077, Quách Qui được lệnh nhà Tống đem quân xâm lược nước ta để trả thù việc Lý Thường Kiệt đánh châu Khâm, Liêm, Ung (1075). Đại quân Tống thế lực rất lớn, vượt ải Nam Quan, chiếm Châu Ôn (thị xã Lạng Sơn ngày nay); rồi xuống huyện Quang Lang, đánh bại quân nhà Lý ở ải Quyết Lý (Nhân Lý ngày nay): Quách Qui ồ ạt tiến về phía Nam để xuống Chi Lăng, rẽ sang phía tây, tiến về phía sông Như Nguyệt.

Vùng Quang Lang và Ôn Châu đã rơi vào tay quân Tống. Nhưng chúng vẫn không được yên ổn. Khi bị chặn đánh ở một ngõ hẻm này, khi bị úp ở một góc trại khác. Những đội quân tuần tiễu đi lẻ loi, bất thành linh bị tiêu diệt. Những cuộc tập kích như vậy cứ diễn ra thường xuyên làm cho quân số Tống bị hao hụt. Quân sĩ bàn tán với nhau rằng, hình như có một vị thần tướng ở đâu vụt hiện ra đánh giết quân Tống làm cho thầy ngã ngổn ngang, hàng ngũ tán loạn, rồi lại biến đi ngay, không tìm ra tung tích, mà cũng không sao giáp mặt được vị thần tướng ấy. Từ lính tráng đến tướng tá nhà Tống đang đóng đồn trại ở Quang Lang đến Giáp Khẩu, đều tin rằng; có thiên thần động Giáp giáng trần để giúp nhà Lý. Tinh thần chán nản và lo sợ bao trùm quân Tống là do đó.

Thiên thần Động Giáp ấy, chẳng ai khác hơn là Thân Cảnh Phúc, phò mã nhà Lý, con rể Lý Thánh Tông đang làm châu mục Lạng Châu. Có thể xem ông là anh hùng du kích đầu tiên của Việt Nam, làm vẻ vang cho xứ Lạng.

TÔNG ĐẢN

(Cuối thế kỷ XI)

Trước đây thường viết là Tôn Đản, gây cảm tưởng rằng ông tên Đản họ Tôn. Nhưng đúng âm chữ Hán phải đọc là Tông Đản. Ngày nay vẫn chưa đủ tài liệu để biết rõ tiểu sử của ông. Có nhà nghiên cứu cho rằng có thể Tông Đản, chính tên là Nùng Tông Đản, một thủ lĩnh người dân tộc Nùng ở châu Quảng Nguyên. Nếu đúng vậy thì ông là một thủ lĩnh ở vùng khe động trong thời gian có chiến tranh giữa quân Tống và quân Việt. Địa bàn của ông là các động Lôi Hỏa, Vật Dương, Vật Ác. Có lúc ông ủng hộ bên này, có lúc lại ngả về bên kia, nhưng trong chiến dịch đánh Châu Khâm, Châu Ung năm 1075, thì ông đã lập chiến công xuất sắc cho quân đội nước Đại Việt.

Hồi đó, biết triều đình nhà Tống đang có âm mưu xâm lược vua Lý và triều đình tán thành chủ trương của Lý Thường Kiệt: "ngồi im đợi giặc, không bằng đem quân ra trước để chặn thế mạnh của giặc". Và ngày đó, Lý Thường Kiệt được cử làm tướng chỉ huy kéo quân thẳng sang đất Tống. Chiến dịch này chỉ nhằm đề bệp ý chí xâm lược của địch ngay tận sào huyệt của chúng, biểu dương lực lượng của ta. Đạt mục đích ấy rồi, quân ta sẽ rút lui ngay để phòng thủ đất nước mình.

Quân tiến sang đất Tống có hai đạo. Đạo quân do Lý Thường Kiệt chỉ huy, theo đường Thủy, từ Vĩnh An đánh vào ven biển tỉnh Quảng Đông, vào các cửa biển châu Khâm, châu Liêm, nhanh chóng chiếm hai hải cảng này rồi tiến sâu hơn nữa. Đội quân thứ hai đi đường bộ, từ biên giới miền tây tỉnh Quảng Tây kéo vào. Cánh quân này do Tông Đản chỉ huy.

Tông Đản đã liên tiếp thắng lợi ngay từ những ngày đầu xuất phát. Trong tháng 11 (dương lịch là tháng 12 - 1075), các trại Vĩnh Bình, Thái Bình, Thiên Long, Cổ Vạn do quân Tống coi giữ đều mất. Tháng giêng dương

lich (1- 1076), Tông Đản kéo đến Ung Châu, vây chặt thành này. Tiếp ứng và hỗ trợ cho Tông Đản cũng là các tướng lĩnh thuộc dân tộc ít người như Hoàng Kim Mãn ở châu Môn, Thân Cảnh Phúc ở Châu Lạng, Vi Thủ An ở Tô Mậu v. v. . .

Cùng thời gian ấy, Lý Thường Kiệt đã lấy được châu Khâm, châu Liêm, đem đại quân tiến thẳng lên châu Ung. Hai đạo quân Đại Việt gặp nhau, vây chặt Ung Châu, tướng Tống trấn thủ thành này là Tô Giàm hết sức chống cự nhưng không sao địch nổi. Tháng 3 - 1076, Tô Giàm tự thiêu. Quân Đại Việt chiếm được thành. Lý Thường Kiệt chỉ giữ ít ngày, rồi theo đúng kế hoạch định trước, rút quân về ngay trong tháng ba năm Bính Thìn, để chuẩn bị đề phòng quân Tống kéo sang báo thù.

Cũng từ sau chiến công lừng lẫy này, không thấy sử sách ta nhắc gì đến Tông Đản nữa. Tài liệu Trung Quốc nói rằng ông quay lại qui thuận nhà Tống, nhưng các con của ông lại vẫn theo về Đại Việt, nên vua Tống bảo các tướng soái đem quân đi phục thù phải coi chừng ông cho chặt chẽ. Kết thúc không rõ>

NÙNG TỒN PHÚC

(? - 1039)

Không biết ông sinh năm nào. Đại Việt sử ký toàn thư chép rằng đầu đời nhà Lý. Nùng Tồn Phúc quê ở động Tượng Cần, châu Thạch An (Thạch An, Cao Bằng ngày nay) làm thủ lĩnh châu Thảng Do. Cả gia đình ông đều là thủ lĩnh các vùng quanh đó. Em là Nùng Tồn Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai (Thái Nguyên). Em vợ ông là Dương Đạo, làm thủ lĩnh châu Vũ Lăng (Cao Bằng) đều thuộc đất Quảng Nguyên. Hàng năm, họ đều nạp cống cho nhà Lý. Ít lâu, Nùng Tồn Phúc diệt luôn các em, chiếm cứ lãnh thổ, tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, phong cho vợ là A Nùng làm Minh Đức hoàng hậu, phong cho con là Nùng Trí Thông làm Điền Nha vương, đổi châu Thảng Do làm nước Trường Sinh.

Năm 1039, thủ lĩnh châu Tây Nông (Thái Nguyên) là Hà Văn Trinh tâu về triều. Lý Thái Tông tự thân cầm quân đi trấn áp. Không chống cự nổi, Nùng

Tồn Phúc đưa vợ con và bộ hạ rút vào rừng núi. Quân triều đình đuổi theo, bắt được Nùng Tồn Phúc và Trí Thông. Vợ con ông là A Nồng và Trí Cao chạy thoát đến động Lôì Hỏa.

Vua Lý san phẳng thành trì "nước Trường Sinh", rồi đem quân về Thăng Long. Hai cha con Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Thông bị chém ở chợ kinh đô>

NÙNG TRÍ VIỄN

(Giữa thế kỷ XI)

B.C: sử sách của nhà nước ta không chép gì về nhân vật này. Nhưng sách Cao Bằng thực lục có một đoạn nói về vị thần được thờ ở Sóc Hồng, xin được dịch sau đây:

<ĐỀN THỜ SÓC HỒNG

Năm Quý Tị dưới triều nhà Lý, niên hiệu Sùng Đức Đại Bảo thứ năm (1053), có người ở châu Quảng Nguyên họ Nùng tên là Trí Viễn, là người cương nghị chính trực, là chú của Nùng Trí Cao. Kịp đến khi Nùng Trí Cao xung vua, đánh phá biên giới của nhà Tống, Trí Viễn cầm quân đi theo, tiến lui đều có phép tắc. Trí Cao bị thua ở châu Đại Lý (nay thuộc địa phận của Vân Nam), quân của Trí Viễn đi chặn hậu. Nhưng thế quân Tống rất hăng và đông. Trí Viễn chạy vào con đường nhỏ, qua tỉnh Quý Châu, đến Thành Tử rồi chiếm cứ vùng đất Sóc Hồng. Quân Vân Nam đuổi kịp đến bao vây Trí Viễn, thế rất bức bách. Viễn xông ra phá vây cuờì ngựa phóng lên núi Ba Đấng, thế rất nguy cấp. Ngựa bị rơi xuống núi, rồi cả người, người đều biến mất.

Về sau, vùng đất này thấy nhiều chuyện hiển linh, người và vật đều được nhờ ơn. Dân chúng đem việc này tâu lên vua. Triều Lý phong ông làm đại vương, đền thờ tại xã Sóc Hồng, hai mùa xuân thu cúng tế, trải qua nhiều triều đại đều được gia phong mỹ tự thuộc hạ đẳng thần.

Sắc phong là: Sóc Hồng linh thánh cương nghị hùng được anh đoán hiển linh, thủ vũ hiển thống linh ứng đại vương...

NÙNG TRÍ CAO

(1024 - ?)

Khi cha và anh bị bắt, Nùng Trí Cao mới 14 tuổi, cùng mẹ chạy sang động Lôì Hòa trốn tránh. Đến năm 1042, được 18 tuổi, cùng mẹ quay về, thu thập được lực lượng chiếm lại châu Thăng Do, đổi tên nước là Đại Lịch. Vua Lý lại sai quân lên đánh, bắt sống được Trí Cao, nhưng nghĩ rằng cả cha anh đã bị giết, nên không trị tội nữa, mà cho giữ châu Quảng Nguyên như cũ, lại phụ thêm cho bốn động Lôì Hòa, Bình An, Bà và châu Tứ Lạng (đều thuộc Cao Bằng). Đến năm 1043, vua Lý lại phong cho ông hàm Thái bảo.

Nùng Trí Cao vẫn giữ ý nguyện độc lập của mình. Mặc dầu vua Lý mua chuộc, năm 1048, ông lại nổi lên chiếm động Vật Ác. Nhà Lý sai Quách Thịnh Dật lên đánh, ông tạm hàng, nhưng rồi chạy lên phía Bắc cướp lấy châu An Đức lập nước Nam Thiên, cho người giao thiệp với nhà Tống. Bị Tống từ chối, Nùng Trí Cao tìm được một người mưu sĩ là Hoàng Sư Mật (đỗ tiến sĩ ở Quảng Châu) củng cố lực lượng, chuyển hướng sang đối đầu với nhà Tống. Năm 1052, ông tiến quân đánh Ung Châu, rồi theo sông Hữu Giang tiến lấy trại Hoành Sơn (Điền Châu), xuôi sông Uất chiếm luôn châu Thường.

Lực lượng trở nên hùng hậu, Nùng Trí Cao tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, lập nước, đặt quốc hiệu là Đại Nam. Trong một thời gian ngắn, ông phá được một loạt 9 châu. Đến khi đánh Quảng Châu, mãi không phá được, ông rút về Quảng Tây, tiến quân sang Hạ Châu, Thiệu Châu, Tân Châu giết được nhiều tướng Tống. Những tướng soái kiệt kiệt của nhà Tống như Dư Tĩnh, Trần Thụ đều bị đánh tan tành. Nùng Trí Cao được nhân dân nô nức hoan nghênh. Người gia nhập vào hàng ngũ của ông mỗi ngày một đông, thanh thế rất lớn.

Vua Tống rất lo sợ, đã toan cầu viện với nhà Lý, một số quan lại cũng xin với triều đình nhờ quân Đại Việt giúp. Nhưng tướng Tống Địch Thanh không đồng ý, sợ quân Việt lại chống nhà Tống. Vua Tống cho Địch Thanh làm nguyên soái, đánh nhau với Nùng Trí Cao. Địch Thanh lập mẹo, nhân dò biết Trí Cao đang mở hội không kịp đề phòng, nên thu được thắng lợi. Bị thất thế, Nùng Trí Cao cho phái người cầu cứu nhà Lý. Vua Lý đã sai tướng

là Vũ Nhĩ đem quân lên cứu viện, nhưng chưa đến nơi thì Trí Cao đã bị thua. Từ đó (1053) phong trào do Trí Cao cầm đầu hoàn toàn bị dập tắt..

(Về gốc gác của ông: sách nước ta chép như trên đây, nhưng sách Tống sử, ở truyện Quảng Nguyên man truyện, lại cho rằng Trí Cao không phải là con Nùng Tồn Phúc. Sau khi Tồn Phúc bị bắt, A Nồng lấy một người lái buôn, sinh được Trí Cao. Năm 13 tuổi, Trí Cao lấy họ Nùng, cùng mẹ chạy về động Lôì Hỏa, mẹ lại lấy Nùng Hạ Khanh ở đạo Đặc Ma.

Về cái chết của Nùng Trí Cao : Sách Đại Việt Sử ký toàn thư chép là năm 1043, mùa đông, tháng 10, Trí Cao chạy sang nước Đại Lý. Người nước này chém đầu Cao bỏ vào hòm dâng vua Tống. Từ đây họ Nùng bị tiêu diệt.

Nhưng sách Tống sử lại nói: Vùng Tây Xuyên tin vho triều Lê - Nhã. Vua Tống phải xuống chiếu ra lệnh phòng bị. Về sau không biết Trí Cao sống chết ra sao.

Sách Toàn thư chép việc Nùng Trí Cao chiếm được chín châu, đó là Hoàn, Ung, Quý, Đãng, Ngô, Cung, Tầm thuộc tỉnh Quảng Tây; Khang, Đoan thuộc tỉnh Quảng Đông).

B.C. Những tài liệu về Nùng Trí Cao, nhiều chỗ chưa ăn khớp với nhau.

PHỤ LỤC I: KHÁU SÂM BÀ HOÀNG TRUYỆN

Xưa, Nùng Trí Cao là người ở Quảng Uyên (nay là phủ Cao Bằng) trải qua nhiều đời làm thủ lĩnh, giàu có lại có nhiều binh quyền. Từ đầu đời Đường đã hùng cứ vùng Tây Nguyên, cùng với họ Hoàng và họ Chu thống lĩnh 18 châu. Họ Nùng ngày càng lớn mạnh, dần dần thôn tính các họ khác như thể tầm ăn. Cuối đời Đường, Giao Chỉ cường thịnh, châu Quảng Nguyên chịu qui phục, thuộc vào đạo Lâm Tây. Các châu Giáp Động, Lạng Châu, Tô Mậu, Quảng Nguyên, Pha Bình, Đô Kim, Thường Tân đều khởi binh đánh vào biên giới của Tống thuộc ba châu: Châu Ung, Tư Lăng và Tây Bình, bắt cư dân, của cải, trâu ngựa đem về. Lúc đó, vua Tống ở trong tình trạng suy vi, quân địch ở phía bắc xâm nhập vào nội địa, chưa hoàn hồn để ngó xuống phía nam. Niên hiệu Thông Thụy năm thứ năm (Mậu Dần) đời Lý, cha của Nùng Trí Cao là Nùng Tồn Phúc mới lập nên bè đảng, còn làm thủ lĩnh ở châu. Chú ruột là Nùng Tồn Lộc làm thủ lĩnh ở châu Vạn Nhai. Em mẹ của

Trí Cao (bà A Nùng tên là Đương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lạc, đều lệ thuộc vào châu Quảng Nguyên, hàng năm phải đem đồ nộp cống. Nùng Tồn Phúc giết em mình là Tồn Lộc và Đương Đạo, thôn tính hết đất đai của họ, rồi phân lại nhà Lý, tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, vợ A Nùng là Minh Đức hoàng hậu, phong cho con trưởng là Nùng Trí Uông làm Nam Diên vương, đổi tên châu là Trường Sinh quốc, sửa sang giáp binh, giữ vững thành trì filepos-id="filepos1522584">

Ngày Tân Hợi, tháng giêng, năm Kỷ mao, triều Lý, niên hiệu Càn Phù hữu đạo, thủ lĩnh châu Tây Nông là Hà Văn Trinh, đem việc Nùng Tồn Phúc làm phản, tâu lên vua. Tháng hai, vua Lý tự đem quân đi đánh dẹp, Tồn Phúc cố thủ trong thành nhưng không giữ được, phải đem bộ thuộc, vợ con, bỏ chạy trốn vào trong núi. Vua Lý thả quân truy bắt, cuối cùng bắt được cả thủ lĩnh và con là Trí Uông, cho vào cũi giải về kinh sư, đem chém. Chỉ còn có A Nùng cùng với con thứ là Nùng Trí Cao tuổi còn nhỏ chạy ẩn vào nhà chú. Chú là Nùng Trí Viễn có một con ngựa cái cho Trí Cao chăn dắt ở ngoài đồng. Thường ngày thấy có một đám mây đen trên trời sa xuống, cuộn tròn che lấy lưng con ngựa, được một lát thì tan biến đi. Cao một mình chứng kiến cảnh đó, giữ kín trong lòng không để lộ ra. Kịp khi con ngựa đó mang thai, sau hơn một năm đẻ ra một con ngựa đực rất hùng dũng, toàn thân chưa có lông. Người chú cho là quái, đem bỏ đi. Cao cứ khẩn khoản xin được nuôi. Được chú cho Cao đem ngựa ra buộc ngoài thung lũng, dựng một cái chuồng để nuôi ngựa. Chỉ trong vòng ba ngày lông, ngựa đã mọc đầy đủ. Nuôi trong vòng hơn một năm ngựa trở thành một con tuấn mã hùng tráng, béo tốt, hai tai ngựa như tre rủ xuống, bốn móng như gió nhập vào. Cao mỗi khi cưỡi ngựa đi rong trong thung lũng, ngựa đi nước kiệu nhanh như bay. Một hôm thả dây cương, vó ngựa như bay vút lên không, phút chốc đã lên tới núi Thống Lĩnh (ngày nay thuộc núi Lai Sơn). Cao ngồi trên mình ngựa, xa trông thấy trên mặt phiến đá có ông già ngồi ung dung tại đó. Trí Cao nghĩ thầm chắc không phải người thường, lập tức xuống ngựa đi đến trước mặt ông già quì xuống mà nói rằng: may mắn được gặp tiên ông, mong tiên ông có điều gì dạy bảo cho. Ông già liền đem ra một quyển sách. Trí Cao đưa hai tay đỡ lấy, quì xuống khấu đầu tạ ơn rồi trở ra về, quất ngựa lên không mà hạ xuống núi.

Trí Cao người to khỏe có sức mạnh, tài năng hơn người liền tự tập bè đảng cùng những kẻ lưu vong mưu đồ việc lớn. Năm Tân Tị triều nhà Lý niên

hiệu Càn Phù hữu đạo năm thứ ba, Trí Cao lại nối chí ông cha, dâng biểu lên qui phục triều đình hưng thịnh vì cha và anh đều bị tội giết xuống chiếu tha tội và cho giữ châu Quảng Nguyên như cũ khiến làm phen dậu của nước nhà. Cao lấy nàng Cầm làm phi, rồi quay về châu để nhận chức. Tháng 9 năm Quý Sửu, vua Lý sai Ngụy Trung đến châu Quảng Nguyên, ban cho Nùng Trí Cao ấn và cho nhận chức Thái bảo. Đến năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh Đạo năm đầu (nhà Lý, tương đương với nhà Tống niên hiệu Khánh Lịch năm đầu), Nùng Trí Cao cùng với mẹ là A Nồng, chiếm cứ ba châu: Do Đồi, Hòa Đông, Thảng Do, đổi các châu trên thành nước Đại Lịch, Triều Lý lại đem Lôi Bình, An Bà bốn động và châu Tư Lang phụ thuộc vào. Tháng Chín, Trí Cao dâng biểu lên xin vua Lý đem quân đi đánh Châu Ung của Tống. (Ngày nay là phủ Nam Ninh), lấy được toàn bộ phía tây núi Ngũ Tinh. Năm Mậu Tý niên hiệu Thiên Cảm thánh vũ triều Lý năm thứ sáu, Trí Cao chiếm cứ châu An Đức, tiến xưng là Nam Thiên quốc, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy năm đầu, sai Nông Kiến hầu, Trí Đức hầu đi tuần tiễu vùng biên giới, rồi sắp đặt các liêu thuộc, luyện quân gọi là mười vạn hùng sư, chia làm các bộ khúc để luyện tập trận pháp, đóng ở Lôi Châu, thế quân rất là hùng mạnh. Lại sai các tướng hiệu thay nhau điều khiển quân. Năm Kỷ Sửu triều Lý, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ nhất (nhà Tống là niên hiệu Hoàng Hựu năm đầu), Trí Cao cầm quân từ châu Uất Lâm đánh phá trại Hoàn Sơn thu được thắng lợi, chia các quan ra để coi giữ Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo thứ tư (nhà Tống là Hoàng Hựu năm thứ tư) tháng tư mùa hạ, Trí Cao đã chiếm được Ung Châu, xưng là Nhân Huệ hoàng đế, dựng quốc hiệu là Đại Nam, đổi niên hiệu là Khai Lịch năm thứ nhất, lập nàng Thẩm làm hoàng hậu, (người xã Hàm An, châu Thạch Lâm), lấy nàng Kim Anh làm phi (người Quảng Tây). Tự mình đem quân đi đánh biên giới của Tống, phá trại Hoàn Sơn, hãm 9 châu: Ung, Hành, Quý, Đằng, Ngô, Khang (nay là phủ Khánh Đức), Đoan (nay là phủ Triệu Khánh) và Tập Tâm. Thế như che trời. Quân đóng ở thành Quảng, Việt đông - Mùa thu tháng 7 quân của Trí Cao từ Quảng Thanh, công hãm Chiêu Châu (nay là phủ Bình An), sắp đặt quan cai trị, ở hơn một tháng thì rút quân về. Cũng trong năm đó, nghe tin vua Tống chuẩn bị binh mã, tháng 11, Trí Cao cử đại quân lại kéo đến châu Ung, giết tướng sĩ của Tống hơn ba mươi, bắt sống kể đến hàng vạn, những nơi đi qua đều đốt hoặc cướp mang về. Vua Tống xuống chiếu cho Dương Văn, Du Tĩnh ra cự chiến. Trí Cao đem hết sức ra đánh, quân Tống bị bại trận. Vua tôi nhà Tống rất lấy làm lo lắng, lập tức thăng Khu mật phó sứ Địch Thanh

làm Khu mật sứ đô đại, nắm toàn thuộc phủ Đại Lý tỉnh Vân Nam. Địch Thanh truy kích đuổi theo, nhưng không biết Trí Cao chạy hướng nào. Quân Tống tìm khắp cả trong thành, thấy trên đồng tro tàn, có một thi hài rất to đội mũ vàng, mặc giáp vàng thì cho là Trí Cao đã bị đốt cháy rồi. Địch Thanh liền chấn chỉnh quân sĩ khai hoàn, để về dẹp quân Kim.

Nùng Trí Cao từ Đại Lý, cưỡi ngựa bay lên không trung trong vòng 5 ngày, lại trở về nơi đất cũ của mình là châu Quảng Nguyên (Trong năm ngày ngựa phi trên không, Cao thường cho ngựa hạ xuống uống nước, ăn cỏ xong rồi lại phóng ngựa bay lên cao). Người trong châu đều biết Cao trở về nhưng ngày ngày cứ buồn rầu, ở không được bao lâu lại cưỡi ngựa bay đi, không biết là đi đâu. Mẹ của Cao là A Nồng vào cố thủ động Đắc Ma, tụ tập được hơn một vạn quân, rồi lại tấn công vào biên giới nhà Tống, hoành hành ở châu Ung, thế quân rất phấn chấn. Nhưng bà có thể làm tướng mà khó giữ được đất nước. Sau bị thua ở châu Quảng Nguyên, già rồi chết tại đó.

Năm đó, vào trước mùa thu, Trí Cao đang chống cự với Địch Thanh ở cửa Côn Luân. Trước đây, Cao đã sai Lương Châu đến kinh đô để xin quân tiếp viện. Vua Lý xuống chiếu sai đô chỉ huy sứ Vũ Nhĩ đem một vạn quân đến để viện trợ. Vừa đến biên giới Ung Châu, nghe tin Cao bị thua, nên lại mang quân quay về triều trình bày sự thể. Vua Lý bùi ngùi than thở tiếc cho người có tài trùm đời. Trí Cao vốn ở đất Quảng Nguyên, sau khi cưỡi ngựa bỏ đi, dân ở châu đều cảm ân đức, lập miếu thờ phụng. Việc này cũng đến tai vua. Vua Lý riêng xuống chiếu bao phong cho Trí Cao là Khâu Sầm đại vương, đền thờ đặt ở châu Thạch Ma, thôn Báu Ngân, xã Tượng Lạc. Mẹ của Trí Cao là A Nồng được phong là Bà hoàng đại vương, đền ở thôn Phù Vạn, xã Kim Pha, châu Thạch Ma. Hai đền thờ đều xếp vào loại thượng đẳng thần, hàng năm vào hai mùa xuân thu đều có quốc tế, trải qua nhiều triều đại được gia phong mỹ tự...

(Dịch nguyên văn chữ Hán của Bé Hựu Cung trong sách Cao Bằng thực lục)

PHỤ LỤC II

Sách *Sơ thảo lịch sử Cao Bằng* (1964) cung cấp thêm một chi tiết cho thấy tình cảm của dân chúng Việt đối với Nùng Trí Cao:

Một ông đồ nho, người vùng xuôi (Phạm Đình Trán) đến thăm đền Nùng Trí Cao ở làng Bản Ngân, xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An ngày nay, có làm bài thơ dưới đây. Vì bài thơ này, thực dân Pháp và tay sai định truy nã ông, may có bạn quen mách cho biết, ông trốn thoát về xuôi:

Tái ngoại cao tiêu độc lập kỳ

Nùng Vương sự nghiệp thế gian hi

Ung Hoàn khởi cận qui Nam thổ

Vương Đoan an năng tỏa Tống ai

Bán dạ vô tình quan hạ chiếu

Thiên thu di hậu lĩnh đầu bi

Thần binh long mã kim như tại

Nguyên tá vương linh nhất chỉ huy. >

Nghĩa là :

Dựng cờ độc lập chốn biên cương

Sự nghiệp vua Nùng mấy kẻ đương

Triều Tống cầu may phùng thực nữ

Ung Hoàn suýt nhập Việt Giang Sơn

Bên thành một trận đêm chinh chiến

Bia tạc nghìn thu nổi oán hờn

Binh trúc ngựa thần đầu đầy nhủ

Xin cho mượn lại giúp uy vương.

V N.K dịch

A NÔNG

(Thế kỉ XI)

Bà là mẹ của Nùng Trí Cao. Khi Nùng Tôn Phúc chống lại nhà Lý bị thua, A Nông đem con trốn về động Lôi Hóa ẩn mình nuôi con khôn lớn. A Nông dạy võ tập luyện cho con biết cưỡi ngựa thân và khuyên Nùng Trí Cao phải chăm sóc con ngựa ấy. Khi Trí Cao trưởng thành, A Nông khuyên con theo với nhà Lý dựng cờ đối địch với cả nhà Tống bên Tàu. Trí Cao đã lập một giang sơn riêng, đánh quân Tống nhiều trận làm cho chúng kinh hoàng. Nhưng cuối cùng cũng không địch nổi Địch Thanh, Trí Cao phải trốn đi nơi khác (truyền thuyết nói là cưỡi ngựa bay đi. Bà A Nông vẫn cố thủ ở động Đặc Ma, tụ tập hơn một vạn quân, tung hoành ở châu Ung, gây cho quân Tống nhiều thiệt hại nặng.

Sau khi bà mất, vua Lý phong bà làm Bà hoàng đại vương xếp hạng thượng đẳng thần, có đền thờ.

HOÀNG PHÁP

(Thế kỉ XI)

Ông là người ở xã Lũng Định, (nay là xã Đình Phong) châu Thượng Lang (nay là xã Trùng Khánh) tỉnh Cao Bằng. Mới 16 tuổi đã được cử làm tù trưởng, vì có tín nhiệm đối với dân chúng. Gia tư giàu có, ông thường đem của cải ra chu cấp cho người nghèo khi họ bị túng đói.

Năm 1053, quân nhà Tống đánh đuổi Nùng Trí Cao thừa thế lấn sang nước ta, quấy nhiễu vùng Quảng Nguyên. Hoàng Pháp đã tập hợp dân chúng trong châu, lập thành đội ngũ chống lại. Tài liệu cũ nói Hoàng Pháp thắng lợi rất lớn chiếm được những 8 châu bên đất Tống.

HOÀNG LỤC

(Thế kỷ XI)

Niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm đầu (Giáp Ngọ), dưới triều nhà Lý, có một người ở xã Lũng Định châu Thượng Dương, họ Hoàng tên Lục, có tài dũng mãnh hơn người, đối xử với mọi người khoan dung hòa hợp, được nhiều người mến phục. Trước kia, làm quan dưới quyền của Trí Cao. Kịp đến khi quân nhà Tống đánh đuổi Trí Cao xâm phạm vào đất đai của nước Nam, ông Hoàng vẫn nuôi chí khai thác đất đai bờ cõi mình, thừa thế quân Tống ở xa kéo đến, lấy quân nhàn rỗi đánh quân đã bị mệt mỏi, bèn tập hợp hơn một ngàn tráng đinh, đặt quân mai phục ở Đâu Thang. Đánh bại được quân Tống, thu hồi lại được đất đai của châu. Đồng thời, vùng đất ven của 8 châu khác, dân đều hướng về hàng phục. Tất cả đều qui phục vào bản đồ của nhà Lý.

Triều đình phong cho ông làm An biên tướng quân, thống lĩnh quân để bảo vệ vùng biên giới, dùng kế tầm ăn dâu để lấn đất Tống, qui phục vào làm dân triều Lý. Vua Lý lại phong cho tước vị cao hơn.

Ông Hoàng không thỏa với chí mình, vẫn luyện tập quân lính, dâng biểu xin với triều đình nhà Lý cử quân đi đánh phá châu Ung. Nhưng rồi không có viện binh, phía trước sau đều đụng phải giặc. Ông xông xáo trong trận, bị quân Tống làm cho bị thương. Quân Tống thu lại được đất. Triều Lý truy phong ông là đại vương, đền thờ ở xã Lũng Định, hàng năm hai mùa xuân thu quốc tế. Trải qua nhiều triều đại, đều được gia phong mỹ tự, xếp loại hạ đẳng thần. Sắc phong là An biên tướng quân linh ứng oai liệt ngự biên tích huống phu hưu Hoàng Lục>

CÔNG CHÚA DU CHÀNG (?)

Công chúa là con gái vua Chiêm Thành, không rõ thuộc đời nào.. Chỉ biết nàng được gả cho một hoàng tử nước Ngô (Trung Quốc). Về nhà chồng, công chúa thường buồn rầu nhớ quê hương. Nàng cố xin trở về thăm cha mẹ, rồi không sang (Tàu) nữa. Vua Ngô thúc giục nhiều, nàng vẫn không chịu. Sứ giả được vua Tàu cử sang đòi hỏi quyết liệt, công chúa uất ức tự chặt cổ mình để cho sứ giả mang đầu về.

Vua Chiêm cho mai táng công chúa tại cửa biển, dựng tháp. Tháp Du Chàng nay vẫn còn ở cửa biển Cù Huân, huyện Vĩnh Xương, tức là huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa hiện giờ.

Vua Trần Anh Tông có bài thơ nhắc đến tháp Du Chàng, trong một cuộc hành quân vào Chiêm Thành.

(Theo sách Thối thực ký văn của Trương Quốc Dụng).

DƯƠNG TỰ MINH

(Thế kỷ XII)

>

Chưa có điều kiện xác định rõ, ông thuộc dân tộc Tày hay Nùng, quê quán và dòng họ ra sao.

Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép về ông cho biết, năm Quý Hợi, niên hiệu Đại Định thứ tư, đời vua Lý Anh Tông (1143), ông được giao cai quản việc công các khu động dọc theo biên giới về đường bộ. Sang năm sau (1144) vua gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm phò mã lang (có sách chép tên công chúa là Hồng Liên).

Năm 1145, ở Trung Quốc có Đàm Hữu Lương nổi lên chống nhà Tống cướp châu Quảng Nguyên. Nhà Tống đưa thư nhờ đuổi đánh. Vua Lý sai Dương Tự Minh cùng các ông Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh ra quân, thu nhiều thắng lợi, lấy được ải Lũng Đổ châu Thông Nông (Cao Bằng). Bọn địch là Bá Đại 21 người bị bắt. Đàm Hữu Lương trốn thoát.

Năm 1150, Dương Tự Minh ở trong triều, cùng với các ông Vũ Đái, Đàm Dĩ Mông v.v... Mưu bắt Đỗ Anh Vũ vì thấy người này chuyên quyền. Nhưng Vũ Đái nhận hối lộ của bà Thái hậu, không giết Anh Vũ mà chỉ tạm giam. Ít lâu, Đỗ Anh Vũ được tha, trở lại cầm quyền, tiêu diệt ít nhóm Vũ Đại. Phò mã lang Dương Tự Minh bị đày đi nơi nước độc, không rõ kết quả thế nào.

Chuyện của Dương Tự Minh được đi vào kho tàng truyền thuyết dân gian, lưu hành rất đậm ở miền núi nhất là ở tỉnh Bắc Thái. Đình chung thờ ông ở làng Gấp, làng Gốm, làng Sen, gọi là đình Ba Xã, nay là các xã Ôn Cặp, Lạc Yên, Hoàng Liên, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc (theo Bắc Giang thần tích). Xã Đồng Lễ cùng huyện cũng thờ ông và lại gọi tên hiệu là Cao Sơn Quý Minh.

Phụ lục: Chuyện Quán Triều

Sách *Cao Bằng thực lục*, đoạn nói về Quán Triều, cho biết: Ở xứ Thái Nguyên, có ông Quán tên Triều, là người đánh cá, sống dưới triều vua Lê Đại Hành - Mỗi đêm, anh được mời đến dự đám tiệc của một hội quần tiên. Tiên cho anh một cái áo tàng hình, mặc vào thì không ai thấy mình nữa. Nhờ có cái áo ấy, Quán Triều đã vào các kho châu báu của vua quan, lấy của cải ra chu cấp cho người nghèo ở chung quanh. Ít lâu, cái áo bị thủng một lỗ nhỏ, anh lấy mẫu lụa vá vào, và cứ mặc áo tàng hình vào các kho như trước. Lính giữ kho phát hiện ra cứ mỗi lần mất của là thấy có con bướm bay vào bay ra, mới tâu vua. Vua cho chăng lưới, bắt được Quán Triều.

Đang sắp xử tội anh, thì vừa lúc giặc Tống xâm phạm nước ta. Quán Triều xin được mặc áo thần đi đánh giặc để lập công chuộc tội. Tất nhiên là anh ra quân giành được thắng lợi. Nhà vua chọn làm phò mã, cho kết duyên với công chúa Hồng Liên. Khi mất, hai vợ chồng đều được phong là Đại vương, có đền thờ ở xã Quán Triều.

(Sách *Cao Bằng thực lục* (đã dẫn) chép là: Vua Đại Hành cho lấy công chúa Hồng Liên, làm phò mã Hộ quốc công, lấy thái ấp từ phủ Phú Bình xứ Thái Nguyên cho đến phủ Bắc Bình (nay là tỉnh Cao Bằng), phủ Phú Bình xưa là đạo Ninh Sóc. Sau khi chết cùng với công chúa đều được truy phong là đại vương, có đền thờ ở xã Quán Triều xứ Thái Nguyên, lại còn có đền thờ ở Xuân Lĩnh xứ Cao Bằng... lấy duệ hiệu là Quán Triều - Hồng Liên, được xếp vào loại trung đẳng thần).

Sử cũng ghi chép việc phò mã Dương Tự Minh lấy công chúa. Nhân vật Quán Triều được nhập vào vị phò mã này. Chuyện truyền thuyết về chiếc áo tàng hình kể đúng như trên, song không nêu tên họ.

Ở huyện Phú Lương (Thái Nguyên), truyền thuyết này được kể hơi khác. Nhân vật chính không làm nghề chài lưới mà làm nghề đốn củi, mồ côi cha, mẹ con hôm sớm nuôi nhau. Chàng trai thường chặt củi ở núi Đuôm, gặp một bầy tiên nữ. Có nàng tiên thương cảnh ngộ, đã cho anh chiếc áo tàng hình. Chiếc áo bị rách vì có lần vướng vào gai rừng, mẹ anh đã kiếm mụn vải vá cho anh. cũng bị bắt vì mẫu vá được bọn lính xem là con bướm.

Khi thắng trận về, anh không nhận tước lộc, chỉ xin nhận trang trại trên núi Đuôm. Khi anh mất dân làng lập đền thờ ở ngay núi ấy. Ngoài ra anh còn xin pha một cây gỗ mít ra làm đôi, ném xuống sông Cầu, hẹn rằng gỗ trôi đến đâu thì xin thêm một ngôi đền ở đó. Vì vậy mà ngày nay có hai đền. Đền hạ ở xã Hà Châu, đền thượng ở xã Động Đạt. Vị thần thờ ở đó, nhân dân không gọi là Quán Triều mà gọi là thần núi Đuôm.

HÀ HUNG TÔNG

(Thế kỉ XII)

B. C. Văn bia chùa Bảo Ninh sùng phúc, do Lý Thừa Ân soạn khoảng những năm sau 1107, là tấm bia vào loại cổ nhất ở nước ta (cách đây gần chín trăm năm). Bia ca ngợi công đức một nhân vật ở vùng Tuyên Quang, sống dưới triều Lý. Nội dung cũng cho biết cả một gia đình miền núi có gắn bó chặt chẽ với triều đình. Chúng tôi trích một đoạn (nguyên văn chữ Hán, lời dịch của giáo sư Đỗ Văn Hỷ).

Kính thay, thái phó Hà Hưng Tông, thủy tổ là người ở xóm Ca Nông, hương Thạch Bách, huyện Hà thuộc Đông Đô, châu Ứng. Cao tổ là Hà Đắc Trọng, xa nghi giáo hóa của vương triều, dời gót xin làm thần thứ. Từ đó, gìn giữ an toàn châu Vị Long. Dân dã ấm no, người đời tôn trọng. Cho tới đời thứ tám, kể cả tổ tiên xưa, có hai đời làm bảo và Thái phó, nghiệp lại càng thịnh, công cả càng cao. Được coi giữ 49 động, mười lăm huyện dân chúng đều thấm nhuần giáo hóa tốt đẹp, đều hướng về một khuôn phép chung. Trải qua năm đời thì đến đời bây giờ. Ông của thái phó giữ chức Thái bảo, lấy công chúa thứ ba của Thái tổ hoàng đế làm phu nhân. Nhân việc đó, lại được Thái tổ trao cho chức Hữu đại liên ban. Phu nhân sinh ra hàng cha chú của Thái phó: tất cả có bốn trai tài, ba gái đảm. Riêng thân phụ Thái phó là

người thi hành nhân chính, làng xóm yên vui. Thân phụ của Thái phó lấy con gái thứ sáu của quan Thái thú họ Lý ở Phú Nghĩa làm phu nhân. Từ khi sinh con trai đầu lòng cho đến người con trai thứ tư, cha mẹ Thái phó đều nuôi dạy ân cần, cho chơi đùa hợp cách. Con trai thì dùi mài kinh sử con gái thì kim chỉ thêu thùa. Ngày qua tháng lại, năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh (1074), thân phụ Thái phó chinh đôn vương sư, đánh sang ải Bắc. Vây thành Ung cho bỏ giặc, bắt tướng võ dưng tù binh. Do đó phụ thân Thái phó được nhà vua ban chức Hữu đại liêu ban đoàn huyện sứ. Cây cày theo phép tỉnh điền, thóc lúa ùn ùn như núi; Khách khứa ba nghìn đồng đúc, cửa nhà nhộn nhịp phố phường.

Năm Đinh tỵ, niên hiệu Anh Vũ Chiêu thắng (1077), bảy giờ Thái phó mới lên chín tuổi, chiếu gấn hồ son, vớ về sân đỏ, sổ tiên lựa chọn, kết bạn em vua. Nhưng vì Thái phó còn nhỏ, nên xin về được nấp bóng mẹ cha. Đến tháng giêng năm Mậu ngọ (1078) Thái phó mới lên mười tuổi. Nhà vua lại sai quan nội phụ văn tư lang trung là Kiều Nghĩa, ngầm mang thánh chỉ, thẳng tới áp phong, đón trẻ thơ nơi xa vắng, cho gang tấc gần gũi mặt rồng, để kết duyên với công chúa Khâm Thánh và phong làm Tả đại liêu ban. Ôi! Giữ lễ tiết trang nhã, sửa dung mạo đoan trang; nâng khuê bích nguy nga, vận lễ phục rực rỡ.

Cuối đông năm Nhâm tuất (1082) vua tiên đưa công chúa về nhà chồng ở bản châu. Nhà vua ban tiệc mừng long trọng, thái phó sắm đủ lễ đón dâu. Ăn mặc đủ màu, dân chúng xem đông như hội; năm cung sáu viện, chị em đưa tiễn rợp đường. Đạo thất gia chưa vẹn, tình xướng họa chưa lâu, bỗng năm Ất sửu niên hiệu Quảng Hựu (1085), mẹ cha đều mất, công chúa tóc

Đến năm Bính dần (1086) nhà vua xuống chiếu cho Thái phó được nối chức cha, vẫn giữ tước cũ là Tả đại liêu ban, lại kiêm thêm tri châu Vị Long, giữ tiết độ sứ, kim tử quang lộc đại phụ, kiểm hiệu thái phó. (Thế là) được quyết định chính sự bắt đầu từ tầng tổ, sau đó cứ lần lượt thay nhau, xuống mãi đến Hưng Tông, tất cả mười lăm đời... Vườn văn rừng phú, sưu tập khắp nơi, cửa lễ đường nhân đạo chơi đủ chốn...

BẢO THOÁT THỐC HOA

(Cuối thế kỷ XIII)

Ông là cậu của vua Chiêm Thành Indravarman (tên (tiếng Phạn là Bhadradeva). Thời kỳ này, quân Nguyên Mông đã tiến hành xâm lược phía Nam. Để chuẩn bị tấn công nước Việt lần thứ hai (1285), chúng đánh Chiêm Thành trước. Viên tướng chỉ huy chính là Toa Đô, đánh vào Qui Nhơn. Hãn chia đến ba mũi quân hùng hậu đổ bộ vào chiếm được tòa thành gỗ, cứ điểm đầu tiên của kinh đô Vijaya. Vua Indravarman cùng triều đình rút lui vào núi, lập kế xin hòa để hoãn binh, củng cố lực lượng. Bảo Thoát Thốt Hoa được vua Chiêm cử làm sứ giả ngoại giao. Ông đã đến gặp Toa Đô thương lượng đưa cả hai hoàng tử đến làm con tin. Nhưng Toa Đô cũng không vừa. Hãn đoán được đây chỉ là mẹo trá hàng, nên bắt đoàn sứ giả quay về, đem theo người của quân Nguyên đến giáp mặt vua Chiêm để do thám tình hình. Bảo Thoát Thốt Hoa kịp thời thay đổi kế hoạch. Ông đã bịa ra rằng ữa vua Chiêm và ông có mối thù cũ, nên giờ đây ông xin làm nội ứng cho Toa Đô để đi chiêu dụ người Chiêm. Toa Đô tin ông và cấp áo mũ nhà Nguyên cho ông để ông làm công việc chiêu dụ này. Đồng thời, ông lại lập kế xui Thoát Hoan chia quân đi các châu quận, nói là để thu phục những nơi chưa chịu hàng.

Việc đi lại giao thiệp như vậy đã kéo dài thời gian, quân Chiêm củng cố được lực lượng để tổ chức phản công. Thoát Thốt Hoa lại đến trại Toa Đô, nhận đưa người vào bắt cha con vua Chiêm và đánh thành. Nhưng đến chỗ quanh co thì ông bỏ chúng đó, đi vào núi để về căn cứ. Toa Đô thấy bị lừa thì tức giận, xua quân tiến vào chỗ vua Chiêm ở. Núi rừng hiểm trở đã chặn chúng lại, sức kháng chiến kiên cường của quân Chiêm đẩy chúng vào thế bất lợi. Cuộc tấn công Vijaya bị thất bại hoàn toàn. Toa Đô phải rút ra bờ biển Qui Nhơn, nhấn về Trung Hoa để cầu viện binh, rồi sau đó (1284) đưa quân ra phía bắc Chiêm Thành, gần biên giới phía nam Đại Việt.

Bảo Thoát Thốt Hoa đã tỏ ra là một nhân vật có tài ngoại giao xuất sắc, có lòng yêu nước nồng nàn. Ông đã góp phần vào chiến thắng chống Toa Đô.

(Theo - G. Maspéro: Vương quốc Chăm Pa 1928) Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông (H - 1972).

HÀ ĐẶC - HÀ CHƯƠNG

(Cuối thế kỷ XIII)

Chưa rõ năm sinh, năm mất. Theo thần tích, ông là người xã Tử Đà, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (nay là Vĩnh Phúc). Có lẽ ông thuộc dân tộc Tày. Năm 1285, quân Nguyên Mông xâm lược nước ta. Sau một thời gian ngắn làm mưa làm gió ở Thăng Long, đến lượt chúng bị quân ta đuổi đánh. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng để chạy trốn về phía Châu Tư Minh. Ở phía tây thì Nạp Tốc Lạp Đình cũng thất bại, rút quân về phía động Cự Đà. Hà Đặc đã lập chiến công lớn ở đây trong trận tập kích địch. Mưu mẹo chiến đấu của ông như sau:

Ông lấy tre đan thành những hình người to lớn cho mặc áo, đợi chiều tối thì dẫn ra ra dẫn vào. Trên các cây lớn Hà Đặc đã dùng dây rối cắm vào đáy những mũi tên lớn. Bọn giặc nhìn thấy, cho rằng quân Đại Việt có những người khổng lồ, bắn được những mũi tên lớn xuyên cây to. Địch rất hoang mang, chỉ tìm đường chạy trốn. Hà Đặc cho quân đuổi theo bất ngờ bị tử trận.

Em ông là Hà Chương lại bị giặc bắt. Chương khôn khéo tìm cách trốn ra, đồng thời lại lấy trộm được một ít cờ xí và y phục của quân Nguyên. Ông lại cùng với đám dân quân của mình dùng các thứ lấy trộm được, cải trang làm quân Nguyên. Tiến vào doanh trại giặc. Hà Chương đã bắt thẹn khiến cho địch lầm ông là đồng đội. Ông quay ra tập kích chúng. Chúng bị thua to.

Tên tuổi hai anh em Hà Đặc Hà Chương được chính sử ghi chép. Hai ông cũng được nhân dân lập đền thờ.

NGUYỄN THẾ LỘC

(Cuối thế kỷ XIII)

Vào đầu năm 1285, cuộc xâm lược lần thứ hai của quân Nguyên ở nước ta vẫn do tướng Thoát Hoan cầm đại binh. Lần này, chúng huy động lực lượng rất lớn, mở nhiều mũi tấn công, tạm thời chiếm được cả Thăng Long. Ở phía trong, Toa Đô cũng chiếm Nghệ An. Trong số tôn thất Trần, cũng có kẻ khiếp nhược đầu hàng như Chương hiển hầu Trần Kiện.

Được Trần Kiện qui thuận, Thoát Hoan mừng lắm, vội cho đưa về Tàu để khoe chiến công. Việc hộ tống Trần Kiện được tổ chức rất chu đáo, nhằm mục đích vừa mua chuộc, vừa sợ bị quân ta cướp lại. Nhiều viên tướng Nguyên được giao củng cố các đồn trại suốt từ Thăng Long đến Lạng Sơn, nhất là quãng châu Vĩnh Bình (nay là các huyện Văn Lãng, Cao Lộc ở Lạng Sơn), viên tướng Lưu Thế Anh phải đôn đốc việc tuần tiễu. Chịu trách nhiệm dẫn đoàn quân hộ tống là Minh Lý Tích Ban. Lo liên chu đáo như vậy, quân Nguyên chắc chắn bảo vệ được Trần Kiện an toàn.

Về phía ta, ở vùng biên giới này, ta cũng có sẵn lực lượng chống giữ. Lực lượng ấy do một vị thủ lĩnh người dân tộc Tày tên là Nguyễn Thế Lộc cầm đầu. Giúp đỡ Thế Lộc là một dũng sĩ người Tày khác và Nguyễn Lĩnh. Tiết chế Trần Hưng Đạo lại cho người thân tín của mình là Nguyễn Địa Lô về phối hợp với dân binh địa phương. Tất cả đều ở trong một khu vực thuộc thung lũng Ma Lục. Họ chia nhau đóng nhiều vị trí quanh vùng để giám sát sự động tĩnh của quân địch.

Đoàn Nguyên đi tới núi rừng Ma Lục, bất thần bị khựng lại vì đá gổ từ trên đỉnh núi rào rào ném xuống. Rồi một trận mưa tên tẩm thuốc độc bắn đến, tiếng hò reo vang dậy góc trời. Quân địch bị bất ngờ, rối loạn. Minh Lý Tích Ban là kẻ đầu tiên ngã ngựa. Đoàn dân binh người Tày trên núi lao xuống, xông thẳng vào giặc. Từ một góc núi phía xa, Nguyễn Địa Lô nhận ra bóng dáng của Trần Kiện.

Vốn là gia nô của Trần Hưng Đạo, ông không lạ gì các vương hầu quốc thích, nên phân biệt được dễ dàng. Ông buông một phát tên. Trần Kiện chết gục ngang lưng ngựa. Bọn tay chân của Kiện là Lê Tắc, Trần Tú Hoãn mất cả hồn vía, hoảng hốt với lấy xác Trần Kiện mà chạy. Quân Nguyên hấp tấp rút về thành Khâu Ôn (Lạng Sơn). Nguyễn Thế Lộc cho thu quân. Trận Ma Lục toàn thắng, trừ được một tên phản quốc, đánh tan một toán quân Nguyên và thu được nhiều ngựa xe, lương thực.

Chưa có điều kiện thu thập được thêm nhiều tài liệu về ba người anh hùng ở đất Ma Lục này, nhưng tên tuổi của họ đã được ghi vào chính sử. (Nguyễn Lĩnh, Nguyễn Địa Lô, Nguyễn Thế Lộc).

ĂM POI

(Thế kỷ XIII)

Ông là tù trưởng người Xá, cầm đầu Mường Muối (huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La). Truyện kể bản mường (Quả tổ mường) chép về ông như sau:>

..."Sau khi đánh thắng Khun Quàng ở Mường La chúa Lạng Chượng kéo quân lên Mường Muối. Ở đây, chúa vấp phải sức kháng cự của Ấm Poi, tù trưởng Xá và đánh không thắng.

Chúa Ấm Poi rất tài giỏi và gan dạ. Người ta nói chúa là người đâm không chết, chém không đứt, bắn không vào. Sau nhiều lần tấn công và bị thua, Lạng Chượng bày mẹo lấy Mường Muối bằng cách cầu hôn, xin làm rể Ấm Poi lấy nàng Pha Nhắng. Ấm Poi tưởng Lạng Chượng thực lòng, nên ưng ngay.

Giữa bữa tiệc cưới đương vui vẻ và huyền ảo, Lạng Chượng xin bố vợ: "Hai bên đã hòa hoãn với nhau rồi, xin để quân lính cất nỏ, mác đi, đặt vào giá thôi".

Nhà Ấm Poi có hai giá để vũ khí rất tiện. Giá có dây kéo đóng lên xà nhà. Khi cất vũ khí, đặt vào giá kéo lên; khi cần lấy vũ khí dùng, lại hạ giá xuống để lấy. Lạng Chượng nói vừa dứt lời, truyền quân mang nỏ, kiếm, đặt vào giá trước. Ấm Poi tin lời con rể, cũng truyền quân làm theo. Tiệc rượu say sưa, khi Ấm Poi đã không nhìn thấy điều phải trái, Lạng Chượng ra lệnh cho quân mình kéo hai giá mác, nỏ, kiếm lên xà nhà, bắt sống Ấm Poi.

Bắt được Ấm Poi, mang chém, đâm đều không chết, Lạng Chượng phải dùng cây nhọn chọc vào hậu môn. Tướng chết, lại bị quân Lạng Chượng đánh bất ngờ, quân Xá tan tác, chạy mỗi người một nơi. Tuy nhiên, một số sau tụ tập lại được chống cự rất hăng. Họ rút vào hang Xá, lấy đó làm căn cứ đánh lại. Nhưng bị bao vây, quân Xá chết rất nhiều.

Đến nay, người Thái vẫn coi ông là một người anh hùng. Trong những ngày cúng toàn mường, họ vẫn lập cỗ riêng để thờ thần Ấm Poi. Ở núi Kham Tú, phía Bắc huyện Thuận Châu, còn những di tích xưa Ấm Poi ở như ao thả cá, hòn đá buộc voi v.v....

(Theo Truyện kể ở vùng Sơn La - Đặng Nghiêm Vạn)

LẠNG CHƯỢNG

(Thế kỷ XIII)

Ông là con út Tào Lò, chủ đất Mùng Lò (quê hương bà con dân tộc Thái, nay là huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái). Các anh em đều được chia đất cả, riêng ông không có. Ông bàn cùng những người tâm phúc triệu tập binh lương, dân chúng kéo nhau tìm mùng. Ông đã đi qua nhiều nơi: Mùng Min, Mùng Lùng, Mùng Chiến, Mùng Chai, các nơi đều qui phục. Đến Năm Tê, ông vấp phải sự kháng cự của người Xá do tù trưởng Khan Quàng đứng đầu bị thua to. Nhưng sau đó, ông tăng cường lực lượng, thắng được Khan Quàng. Ông lại kéo quân lên Mùng Muối. Người thủ lĩnh ở đây là Ấm Poi tài giỏi, ông không sao đánh được, phải lập mẹo xin làm rể, được Ấm Poi đồng ý. Trong một bữa tiệc, bố vợ chàng rể đều say, Lạng Chượng giết chết vị chúa Xá này, chiếm cứ Mùng Muối. Sau đó, kéo binh đi chinh phục nhiều mùng khác. Cuối cùng dừng lại ở Mùng Thanh, vì đất này rộng lớn, trù phú hơn.

Từ đó, Lạng Chượng làm chủ đất Mùng Thanh, lập thành cơ ngơi vững chắc. Các tạo sau này như Tào Quạ tạo Lò Lẹt đều là cháu chắt của ông. Lạng Chượng sống vào khoảng thế kỷ XIII, tương ứng với triều đại nhà Trần của dân tộc Kinh>

PHỤ LỤC

"Lạng Chượng con út tạo Lò thiếu đất, xưng chúa, sang Lào học võ nghệ. Ở Lào tám năm, tạo trở về Mùng chiêu binh mộ tướng đánh miền Sơn La, Lai Châu ngày nay. Quân lính được luyện tập rất công phu. Họ bắn tên rất giỏi, phát tên nào cũng trúng giữa lưỡi dao và tên bị chẻ ra làm hai phần đều nhau. Quân áo binh Lạng Chượng màu sặc sỡ. Riêng Lạng Chượng mặc áo như con công. Khi ra bãi tập tành, binh lính thường bắt chước công múa để đường kiếm được dẻo".

(Truyện kể ở vùng Sơn La - Đặng Nghiêm Vạn, sách dẫn trên).

NANG XO

(Thế kỷ XIV)

Bà vốn thuộc tộc người Khơ Mú, làm vợ tào Quạ ở Mường Muối (nay là đất Thuận Châu, tỉnh Sơn La). Bà sinh ra Lò Lẹt, sau này cầm đầu Mường Muối. Nhân dân Thái kính trọng Lò Lẹt vì ông có công lớn với bản mường. Khi làn lễ cúng tổ tiên, họ đặt thêm mâm cỗ để cúng Nang Xo, bà mẹ Lò Lẹt.

Nang Xo được tôn như một vị thần tổ các ngành nghề. Bà đã chỉ vẽ cho dân mường biết cách đánh gianh lợn nhà, dệt vải, đan giỏ làm đồ đựng. Bà cũng có sáng kiến khuyên Lò Lẹt đi kiếm chữ về dạy dân, để bản mường có thêm người giỏi.

Nang Xo còn là một bà mẹ biết cách dạy con. Từ khi còn bé, Lò Lẹt đã được mẹ chăm sóc, tập cho quen với cuộc sống ở núi rừng, thành thạo võ nghệ. Lúc đầu tào Quạ nghe lời xúc xiểm, chưa tin con trai lắm, thậm chí còn 'có lúc muốn làm hại con. Nang Xo đã bày vẽ cho con tránh được những sự hiểm nguy và cuối cùng giành được tình thương yêu, lòng tin nhiệm của bố.

Những đứa con của Lò Lẹt cũng được bà nội chăm sóc dạy dỗ, lớn lên giúp đỡ cho chúa Ngụ Hán (tức là Lò Lẹt) trong trận mạc và trong việc chăm sóc bản mường. Dân Thái ở Tây Bắc biết ơn Nang Xo, xem bà là người đàn bà tài danh của dân tộc.

LÒ LỆT

(Thế kỷ XIV)

Ông là con của tào Quạ (thuộc dòng dõi chúa Lạng Chượng) và bà Nang Xo, được làm chủ đất Mường Muối, có hiệu là Ngụ Hán. Ông được xem là

một chúa đất có tài sắp xếp việc trị an, lo cho bản mường yên ổn. Sách "Truyện kể bản mường" còn nói ông "đặt ra chữ, dạy cho dân" (nhưng có lẽ chỉ là phổ biến chữ Thái đã có trước). Ông sinh được nhiều con, các con đều là những người có sức khỏe.

Lò Lẹt thường muốn khuếch trương thế lực, có lúc đã làm phật ý triều đình vua Kinh dưới xuôi. Vua cho quân lên đánh, Lò Lẹt sợ chạy sang nương nhờ vua Thái. Ở bên này, Lò Lẹt đã giúp vua Thái đánh thắng nhiều mường, nên rất được quý trọng. Ít lâu sau, ông xin trở về Mường Muối và cũng được vua Kinh đồng ý. Lúc về già, ông nghỉ ở đồi Muôn, Mường Xại (thuộc huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) cho đến khi mất. Con cháu ông, sau có chúa Ta Ngần, xây dựng đất Mường Muối vững mạnh, phát triển thế lực khắp vùng sông Đà, sông Mã.

Phụ lục:

Lò Lẹt là con của vợ bé tạo Quạ, tên là Nang Xo. Người vợ cả ghen tức, dèm pha khiến tạo Quạ nghi ngờ con, nhưng bà mẹ đã bày vẽ cho con thoát được những sự hãm hại...

Tạo Quạ phục tài con, bỏ lòng nghi cũ, cho Lò Lẹt lấy biệt hiệu là Ngụ Hán, tức rắn hổ mang.

Ít lâu sau, khi đánh vùng Chiềng Én, Xong Nạt Tát Tè, hai cha con Lò Lẹt bị triều đình bắt giam. Lò Lẹt sau trốn thoát. Chuyện kể Lò Lẹt chèo thuyền rất giỏi, ăn cắp được thuyền đồng của nhà vua; tạo chỉ cần chống vào ba lần, là thuyền đã tới Mường Xại ở Thuận Châu. Tới đây, tạo cắm thuyền ở đó rồi trở về bản mường...

CHẾ MÂN

(Jayasimhavarman III - Thế kỷ XIV)

Khi còn là hoàng tử, ông có tên là Harijit. Ông đã giúp vua cha là Indravarman V chỉ huy cuộc chiến đấu chống tướng giặc Nguyên là Toa Đô làm cho hắn thất bại (1283). Lên ngôi vua, ông có hiệu là Jayasimhavarman III, chuyển sang tên Việt, gọi là vua Chế Mân.

Thời trị vì của Chế Mân là thời kỳ hòa bình yên ổn ở cả hai nước Việt - Chiêm. Ở nước Việt, chiến tranh chống Nguyên Mông đã chấm dứt, cuộc sống đã bình thường. Vua Trần Nhân Tông giao ngôi báu cho con là Trần Anh Tông, mình làm Thái thượng hoàng. Lễ đăng quang của Anh Tông tổ chức năm 1293. Từ thủ đô Đồ Bàn, Chế Mân cử một phái đoàn ngoại giao ra mừng để thắt chặt tình giao hảo.

Mấy năm sau, vào niên hiệu Hưng Long (1301) Chiêm Thành lại ra công lần nữa. Lúc này Trần Nhân Tông đã đi tu ở Yên Tử. Vừa tu hành, ông vừa đi du ngoạn đó đây. Tiện dịp, theo lời mời, ông theo đoàn sứ bộ Chiêm Thành vào thăm non sông cảnh trí cùng nhân dân của một nước láng giềng. Trong lịch sử Việt Nam, có lẽ đây là ông vua (mà là Thượng hoàng) độc nhất đi du lịch ngoại quốc. (Vua Quang Trung sau này sang Nhiệt Hà, Yên kinh chỉ là vua giả).

Đến Đồ Bàn, có lẽ Nhân Tông đã thấy đất nước Chiêm Thành xinh tươi trù phú, và chắc ông cũng phần nào có cảm tình với ông vua Chế Mân. Quả thực Chế Mân cũng xứng đáng với tư cách một người đứng đầu vương quốc. Trong nước, ông được lòng dân chúng. Ông cũng đã xây dựng nhiều công trình kiến trúc và tỏ ra rất yêu thích nghệ thuật. Về đối ngoại, ông thành thực muốn giao hảo và tôn trọng Đại Việt là một nước đàn anh. Mặt khác, có lẽ ông cũng là một khách đa tình. Không rõ những cuộc trao đổi thân thiết đã diễn ra như thế nào, mà cuối cùng Nhân Tông đồng ý gả nàng công chúa Huyền Trân cho Chế Mân.

Lễ thành hôn đã được tổ chức tốt đẹp. Một cuộc đưa dâu chưa từng có xưa nay. Và cũng trong tình giao hảo này, đã có thêm một số vùng đất và cư dân được hoà nhập vào cộng đồng dân tộc Việt. Đó là phần đất ngày nay là các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên. Có người nói tiếng Ô để gọi con sông Ô Lậu có liên quan đến địa danh cũ: Châu Ô và Châu Lý.

Huyền Trân vào Đồ Bàn năm 1306. Nhưng chỉ được một năm thì Chế Mân mất (1307), Trần Khắc Chung vào viếng tang, tìm cách đưa công chúa về.

Đương thời, cuộc hôn nhân đã không tránh khỏi những điều dị nghị và châm biếm ở cả hai nước Chiêm Việt. Sau này, sử sách cũng có nhiều cách bình luận chê khen tùy theo cách nhìn. Nhưng lịch sử vẫn phải ghi công cả Nhân Tông, Chế Mân, và Huyền Trân.

VI PHÚC HÂN

(Thế kỷ XV)

Có tài liệu chép là Vi Đình Hân. Ông là con trai của Vi Đình Mật. Gia phả nói họ Vi này vốn từ Trung Quốc sang, định cư ở xã Vạn Phần, tổng Vạn Phần, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, sau lại dời ra ở phía Tây, núi Huyền Đình, huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

Ông Vi Đình Mật làm quan đời Trần mất. Khi nhà Hồ mất, có người trong họ Hồ (tên là Hồ Nhật Khuê, nhưng có người lại nói tên là Hồ Kim Khúc) trốn lên Lạng Sơn, lập căn cứ chống Minh. Khởi nghĩa Lam Sơn thành công, những người họ Hồ này vẫn không chịu về với Lê Lợi. Hai cha con Vi Đình Mật và Vi Đình Hân đã dẹp yên được nhóm họ Hồ này. Sau đó, ông Hân được cùng với Nguyễn Cẩm Miên coi sóc trấn Lạng Sơn. Gia phả chép việc này rất chi tiết:

“Nguyễn Cẩm Miên đem tướng sĩ binh mã một vạn năm nghìn người đến Lạng Sơn làm chánh tuần phủ. Người bản xứ Đô đốc đồng tri Hoàn quận công Vi Đình Hân cũng đem một vạn năm nghìn tướng sĩ binh mã lên Lạng Sơn làm phó tuần thủ, đóng tại Đoàn Thành. Cùng chế ngự biên cương, chia giữ các quan ải Nam Quan, Bình Nhi Lạc Khư, Bình Lăng, Lâm Quan, Thân Quan, Kết Quan, mỗi ải chia hai nghìn người trấn giữ.

Dòng họ Vi của Vi Phúc Hân tiếp sau đó, có nhiều người được triều đình nhà Lê giao cho trọng trách tiếp tục làm phiên thần ở Lạng Sơn. Dưới thời chúa Trịnh Tạc có các ông:

- Đô tổng binh sứ, đô đốc thiên sứ, Nhĩ quận công Vi Đức Thắng.
- Tham đốc Trình Tường hầu Vi Phúc An
- Tham đốc Lam Xuyên hầu Vi Phúc Quốc.

(Sắc Văn của Trịnh Tạc ngày nay vẫn còn giữ được).

NGUYỄN CẨM MIÊN

(Thế kỷ XV)

Xuất xứ và hành trạng của ông chưa có điều kiện kiểm tra sự chính xác. Theo gia phả họ Bế ở xã Xung Minh (Lạng Sơn) và bản thảo sách Sự tích các thổ ty ở Lạng Sơn, thì ông họ Nguyễn, con trai của Nguyễn Thế Chương. Gia phả nói ông là con thứ 8, lấy tên là Nguyễn Cẩm Miên. Sách sự tích lại nói là con thứ 9, lúc bé gọi là Cẩm Tú nhi, lớn có tên là Nguyễn Đức Minh.

Vẫn theo những tài liệu trên thì ông có thành tích rất lớn. Ông đã được cử giữ vùng Tràng Định, bảo vệ Cao Bằng, sau làm trấn thủ Lạng Sơn. Ông có công lập ra các trại thổ dân: hai trại Tày, một trại Nùng, hướng dẫn cho họ cày cấy, chăn nuôi, sau thành ra xã Xung Minh, châu Thoát Lãng (huyện Văn Lãng bây giờ).

Vua Lê đã cho dòng họ Nguyễn này lấy đất Xung Minh làm quê hương bản quán. Vốn là dân tộc Kinh, họ này trở thành dân tộc Tày Nùng. Sau Nguyễn Cẩm Miên một số đời họ Nguyễn này trở thành họ Bế.

(Về gốc gác họ Nguyễn ở đây, còn phải tiến hành thăm tra nữa. Xin trích một tư liệu để giúp vào việc tham khảo):

Cứ theo gia phả thì Nguyễn Thế Chương vốn quê ở làng Phúc Sơn, xã Bùn Xá, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Thời quân Minh xâm chiếm nước ta, ông phải lang thang đây đó kiếm ăn, ra tận vùng Bạch Hạc. Một đêm, ông nghỉ ở thềm đền Bạch Hạc, cũng mộng thấy (như Trần Nguyên Hãn) thần báo cho biết là Lê Lợi sẽ làm vua nước Nam. Trở dậy ông tìm đường vào Thanh Hóa, rồi được tham gia khởi nghĩa Lam Sơn.

Cả mấy cha con ông đều giữ những trọng trách ở khắp mọi miền đất nước. Bản thân Nguyễn Thế Chương được phong Bình Ngô khai quốc đại tướng quân Chương quốc công: Các con trai của ông:

- Con trưởng; Nguyễn Tôn Bách trấn ở Thanh Hóa.

Các con khác:

- Nguyễn Tôn Mật ở Hải Đông>

- Nguyễn Trung Mão ở Nghệ An

- Nguyễn Công ở Sơn Tây

- Nguyễn Phan ở Kinh Bắc

- Nguyễn Mỹ ở Thái Nguyên

- Nguyễn Đức Minh ở Lạng Sơn.

cùng nhiều người khác; Nguyễn Phiên, Nguyễn Vĩnh Thanh, Nguyễn Đức Hòa, Nguyễn Kỳ Thuận ở kinh thành. Đặc biệt có ba người hy sinh trong chiến đấu: Nguyễn Toàn chết ở Nga Lạc, Nguyễn Sách ở Ai Lao, Nguyễn Toàn Thiên cùng chết với Lê Lai ở núi Chí Linh v.v...

Gia phả chỉ ghi ông có 12 con trai. Sách Sự tích các thổ ty lại nói ông có những 15 người con v.v.. Sự thực là thế nào? Hay chỉ là lời truyền văn, là giai thoại được sáng tạo thêm bớt để tôn vinh cho dòng họ?

BẾ KHẮC THIỆU

(Đầu thế kỷ XV)

Ông ở châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên (nay thuộc Cao Bằng) không rõ năm sinh và mất. Cũng không rõ do trường hợp nào, ông đã đi theo Lê Lợi chiến đấu dưới cờ của nghĩa quân Lam Sơn, có công lao, sau được quản lĩnh ở trấn Thái Nguyên. Nhưng cuối cùng, ông lại bị vua Lê thân đem quân lên đánh, khép vào tội phản nghị>

Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái tranh quyền nhau cho nên vua thân đi đánh. Vua đến Châu Thạch Lâm, có đề thơ trước cửa quân rằng:

Bắt từ vạn lý chinh sư đồ

Duy dục biên manh xích tử tô

Thiên địa bất du gian đảng tại

Cổ kim thùi xá bạn thần tru

Nghĩa là:

Muôn dặm đem quân chẳng ngại xa

Chỉ mong bảo về lấy dân ta

Phường gian trời đất nào dung thứ

Phản loạn xưa nay tội chẳng tha.

Sách Toàn thư chép là năm 1431, Lê Lợi bắt được Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái đưa về kinh. Nhưng sách Cương mục lại chép rằng Khắc Thiệu chạy rồi chết, chỉ bắt được Đắc Thái mà thôi. Như vậy chung cục của ông cũng chưa được rõ. Tuy nhiên, đối với dân chúng địa phương, Bế Khắc Thiệu vẫn giành được một cảm tình nhất định. Sách *Cao Bằng thực lục* có đoạn viết về Khắc Thiệu cổ truyện.

Theo sách này, Nông Đắc Thái là người được thần cho một chiếc nổ đồng và một mũi tên đồng. Khí giới này rất lợi hại đã giúp cho chủ nhân đạt nhiều chiến tích. Nông Đắc Thái theo giúp Bế Khắc Thiệu, được phong làm Vũ Kính tướng quân. Về sau Thiệu và Thái chống lại vua Lê như sử đã chép.

Phần cuối truyện *Cao Bằng thực lục* chép thêm: ... “Các cung điện nhà cửa của Bế Khắc Thiệu hiện ở địa phận xã Hội Khê, châu Thạch Lâm, nhân đó đặt tên núi là núi Khắc Thiệu”...

HOÀNG ĐẠI HUỀ

(T hế kỷ XV)

Còn gọi là Lý Huệ, người dân tộc Tày quê ở xã Quang Lang, nay là Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Tài liệu dã sử cho biết ông có cầm đầu đội quân binh, phối hợp với các tướng lĩnh Lê Sát, Lưu Nhân Chú v.v... diệt quân Liễu Thăng (10 - 1427). Dã sử còn kể thêm hai người con gái của ông là Hoàng Thị Liên, Hoàng Thị Hoa cùng cha lập chiến công, góp vào trang sử vẻ vang của Lam Sơn khởi nghĩa.

(Câu chuyện dã sử này cũng đã được giới nghiên cứu thừa nhận : Các cụ già ở Quang Lang kể lại, trận đánh Liễu Thăng đã diễn ra từ Chi Lăng đến làng Đẳng, làng Cóc - Bấy giờ ở xóm Lưu, làng Đồng Mỏ, xã Quang Lang, có Đại Huệ (còn gọi là Lý Huệ một người yêu nước, đã tập hợp nhân dân trong thôn xóm lập ra đội “tuần đình, tuần tráng” phối hợp với nghĩa quân tiêu diệt địch).

CHEI CHETTA II

(? - 1626)

Ông là vua nước Chân Lạp, không rõ sinh năm nào, lên ngôi từ 1618, đóng đô tại U-đông.

Theo một số tài liệu khảo cứu của các học giả người Pháp, thì hồi nhỏ tuổi, Chei Chetta II sống ở Xiêm La. Ở đây ông có nhiều điều không vừa ý, và dần dần nhận ra Xiêm La muốn khuếch trương ảnh hưởng với Chân Lạp, ông đã nghĩ đến sự giao hảo với nước Việt để có thể chế ngự ảnh hưởng này. Cơ hội thuận lợi khiến ông được Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) gả con gái cho, người con gái ấy là bà Ngọc Vạn, chị ruột của bà Ngọc Khoa (lấy Po Romé nước Chiêm Thành).

Cuộc hôn nhân tổ chức vào năm 1620. Ngọc Vạn được phong làm hoàng hậu. Nhờ sự thân tình này. Chei Chetta II đã được viện trợ của chúa Nguyễn, hai lần đẩy lui được những cuộc tấn công của quân Xiêm (năm 1621 và 1623). Cũng vào năm 1624, bà Ngọc Vạn đã xin với chồng chấp thuận yêu cầu của chúa Sãi, cho phép những người Việt được di cư vào

Nam, khai phá đất đai, trồng trọt buôn bán, nộp thuế ở các miền nay là Sài Gòn, Biên Hòa và Bà Rịa. Vua Cheichetta II đã đồng ý. Năm ấy cũng đáng được xem là một cái mốc cho việc kinh dinh khai khẩn của người Việt ở Nam Bộ.

ĐỨC VUA QUÁN

(Thế kỷ XVI)

Ông là dòng dõi họ Hà, ở đất Mường Hạ (xã Mai Hạ, Vạn Mai ở huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình) . Ông xuất thân từ một hoàn cảnh phức tạp và không yên ổn. Tài liệu lưu của dòng họ Hà Công ở Chiềng Hạ nói rằng bố của ông vì sợ vua Kinh trừng phạt nên tự tử. Mẹ ông đang có mang, được dân chúng đem giấu ở hang Xón. Nhưng bà cũng bị tai nạn, mất luôn, người ta đã phải mổ bụng lấy cái thai ra, chăm sóc nuôi nấng cho thành người, đưa về kinh đô dưới xuôi cho sống nhờ một vị quan.

Lớn lên, cậu bé có tên là Lang Bông, được về kẻ chợ học, nổi tiếng giỏi giang, văn hay chữ tốt, lại rất đẹp trai. Có cơ hội vào cung, được công chúa để ý, lấy làm chồng, vì thế có tên là ông hoàng ngoại.

PO ROMÉ

(? - 1651)

Không rõ ông sinh năm nào. Lên ngôi vua nước Chiêm Thành từ năm 1627. Có bài hát của người Chăm, ca ngợi ông rất đẹp trai: đầu như vàng, vai như đồng, tay đeo nhẫn óng ánh, chân đi giày. Tuy là vua, ông vẫn cày ruộng, người nhà thường mang cơm ra đồng cho ông. Ông là người dũng cảm.

Tháp Chăm ở làng Hậu Sanh, cách Phan Rang chừng 8 km về phía tây nam, có tượng vua Po Rome và tượng của bà vợ ông, người dân tộc Khăđê, có tên là Bia Tan Chan.

Po Rome có vợ là người Việt. Bà này có tên là Ngọc Khoa, là con gái của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1614 - - 1635). Chúa Sãi đã gả con cho vua

Chiêm để giữ tình hoà hiếu và cũng tạo điều kiện mở mang thể lục.

Chung quanh cuộc hôn nhân giữa Po Romé và Ngọc Khoa có nhiều truyền thuyết, giai thoại được lưu hành, đặc biệt là chuyện Po Romé say đắm Ngọc Khoa rất mực, đến nỗi nghe lời bà mà chặt cả cây thần (cây Kraik, phiên âm Việt là cây cam xe, cây thần này phù hộ cho vương quốc Chiêm). Vì cây bị chặt, nên sau này Po Romé mới thua trận. Người Pháp viết về nhà vua, còn kể cả những chuyện ghen tuông của các bà vợ của Po Romé v.v..

BẾ PHÙNG

(Thế kỷ XVII)

Tài liệu bằng tiếng Tày, sưu tầm ở Cao Bằng cho biết diễn xướng Then đã ra đời vào thời kỳ nhà Mạc. Diễn xướng này là một loại hình nghệ thuật tổng hợp có nhạc, múa và lời ca riêng. Nội dung lời hát Then gồm nhiều thần thoại, cổ tích, miêu tả đoàn quân Then từ trần gian lên cõi trời.

Có hai loại diễn xướng Then cùng nội dung, nhưng được gọi khác tên:

Ở Hòa An (Cao Bằng) gọi là Then, được tác phẩm của ông Bé Phùng. Ở Trùng Khánh (Cao Bằng) gọi là Giàng, do ông Hoàng Quỳnh đặt ra: Hai ông đều làm quan cho nhà Mạc, thời Mạc Kính Cung (1598 – 1625) chiếm cứ Cao Bằng để chống lại nhà Lê.

Truyền thuyết dân gian bổ sung vào sự tích này. Bé Phùng được suy tôn là Trạng, gọi là Trạng Tư Thiên. Ông Hoàng Quỳnh hoặc Quỳnh Vân được suy tôn là vua, gọi là vua Ca Đáng. Hai ông thi tài rồi kết nghĩa anh em. Ông Quỳnh Vân lập đội xướng ca nam ở Trùng Khánh, ông Tư Thiên lập đội xướng ca nữ ở Hòa An. Vua Mạc chạy lên Cao Bằng, vì thua trận nên thường buồn rầu, lâm bệnh, nhờ xem biểu diễn Then mà bình phục. Vua Mạc phong cho ông Bé Phùng làm chức quản nhạc. Vì vậy, cũng gọi là ông Quản Nhạc Tư Thiên, là vị tổ hát Then ở Cao Bằng.

CẨM ẨM CA

(Thế kỉ XVII)

Con gái chúa Chăm Cong ở Mường La. Sử Thái chép: nàng là một phụ nữ xuất sắc, có mối tình đặc biệt. Một đêm, nằm mơ thấy được kết hôn với một chàng trai nghèo, nàng đã theo giấc mơ đi đến Năm Bàn, gặp được Tống Đón và cưới chàng. Có tập thơ Thái ca ngợi thiên tình sử này, lấy tên là Tống Đón Âm Ca.

Sách *Lịch sử xã hội dân tộc Thái* (1977) ghi về nàng: “Nàng Âm Ca là một người tài giỏi hơn hẳn những tài trai đương thời. Nàng thường thay cha trông nom việc bản mường. Khi cùng chồng lãnh đạo nhân dân ra khai phá vùng Vàng Môn, nàng đã có công hô hào nhân dân biến vùng này từ bùn lầy nước đọng thành nơi bản mường đông đúc. Để kỷ niệm việc làm trên, nàng đã đặt tên bản mường mới dựng là Vàng Môn (là Vàng (hay Bằng), nay là: xã Mường Bằng”.

Ở đất Mường Hạ, từ lâu không có ai làm tạo. Biết tin ông hoàng ngoại, dân chúng già trẻ cử người xuống kinh, trình nhà vua, kể lai lịch... Vua cho hai vợ chồng về làm tạo, lại cho tiền bạc, gấm vóc và hàng ngàn binh mã đi theo...

Đến Mường Hạ, tạo lập phủ, lập đền ở một quả núi gọi là chòm Pu Hóc (Đặng Nghiêm Vạn xác định là chòm Tền Pha hiện nay). Vua Kinh ban cho tạo tước đạo, cai quản từ Ảng, Khoài, Lang, Chiêm, Hùng, Ét. Được ba tháng, cơ ngơi đã vững, binh triều đình mới rút, chỉ để lại ba ngàn quân.

Tạo hóa giải các điều bất hoà giữa anh em, xây dựng bản mường bề thế. Có một, hai chục mường đến châu; có tám chín chục mường quì phục. Thời đó, tạo được tôn là đức vua Quán. Nàng Khảm Sòi sinh với tạo một con gái là nàng Khảm Sóc, một con trai là ông Hoàng Ngòi.

HOÀNG CÔNG CHẤT

(? - 1767)

Chính quê làng Hoàng xá, huyện Thư Trì, nay là xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình, xuất thân là một nông dân. Ông nổi lên khởi nghĩa chống chính quyền Lê Trịnh. Từ 1739, hoạt động mạnh ở vùng Khoái Châu, chuyển xuống Sơn Nam, rồi rút vào thượng du Thanh hóa (1751). Từ đây, ông tiến lên Tây Bắc, tập hợp lực lượng người Thái và các dân tộc ở đó, diệt quân phi, chém được người cầm đầu là Phạ Châu Tín Tông, chiếm thành Tam Vạn giải phóng Mường Thanh (đất Điện Biên ngày nay).

Ông xây dựng lại căn cứ, lập thành mới là thành Bản Phủ, có qui mô tổ chức vững vàng. Ông mở mang thế lực ra toàn vùng sông Mã, sông Đà, chiếm được miền Thập Châu, mà bọn quan lại ở Vân Nam đã cướp của nước ta. Ông vẫn tiếp tục chống đối lại vương triều Lê Trịnh, phối hợp với Lê Duy Mật đang bành trướng thế lực từ Trấn Ninh về Thạch Thành (Thanh Hóa).

Hoàng Công Chất trở thành vị chúa đất Mường Thanh. Ông đã xây dựng nơi này thành một trung tâm chính trị văn hóa ở vùng Tây Bắc, giữ vững an ninh trật tự, dẹp được bọn phi hay cướp bóc. Nhân dân gọi ông là Then Chát, Keo Chát. Một số câu ca (tiếng Thái) còn lưu truyền, khẳng định lòng yêu mến ông và xác nhận cuộc sống hòa hợp cộng đồng:

...Tiếng hát của quân Keo Chát trong phủ

Ngân vang khắp cánh đồng Mường Thanh bao la

Ai ơi muốn biết xin hãy về coi

Người Kinh cùng người Hán

Người Thái với người Lào, người Xá

Vui vẻ cùng nhau, tay làm miệng hát

...Sau khi giải phóng được đất Mường Thanh , Hoàng Công Chất tính đường cố thủ lâu dài để chống lại triều đình dưới xuôi. Lúc đầu họ Hoàng đóng ở thành Tam Vạn. Sau nhận thấy thành tuy rộng, nhưng cách bố phòng sơ sài quá không hợp với các loại vũ khí mới xuất hiện thời đó như súng thần công, súng hỏa mai v.v... Cũng không hợp với sự phòng thủ từ mặt Lào qua, hoặc từ miền xuôi đánh lên, Hoàng Công Chất quyết định xây thnh Bản Phủ (nay gọi là thành Chiềng Lẻ, thuộc xã Noọng Hẹt, Điện Biên). Thành này là một kỳ công của họ Hoàng, rộng 80 mẫu, dựa lưng vào sông Nậm Rốm, có tường thành đắp bằng đất trồng tre gai mang từ dưới xuôi lên vây kín. Bên ngoài có hào rộng từ 4 đến 5 mét, sâu 10 mét, thành cao 5 mét, mặt thành rộng từ 4 đến 6 mét, trên đó, voi ngựa đi lại được. Thành có 4 cửa: tiền, hậu, tả, hữu. Ở mỗi cửa lại đắp đôn cao, có vọng tiêu và lính gác. Trong thành có khu ngoại vi là nơi lính đóng. Ở đây họ Hoàng cho đào 133 giếng và ao, hình dáng khác nhau: vuông, tròn, tam giác, lục giác, bát giác để trữ nước cho binh lính dùng. Hiện còn thấy di tích nơi nhà ở của quân lính, nơi làm kho lương, kho vũ khí, nơi chăn ngựa, giữ voi. Giữa thành có phủ là nơi các thủ lĩnh nghĩa quân đóng.

Hiện ở Điện Biên còn lưu truyền bài hát ca ngợi thành Bản Phủ tức Chiềng Lẻ:

Chúa cho ta nước uống, ta được uống

Chúa cho ta cơm ăn, ta được ăn

Chúa bảo ta đắp thành, ta xây ta đắp.

Thành to, thành đẹp

Thành vững đứng giữa cánh đồng

Giặc nào chẳng khiếp vía

vây quanh thành sâu hơn mười sải

Mặt thành rộng hai chục sải tay

Ngựa phi, voi chạy, lính đứng gươm trần sáng loáng

Chúa cưỡi ngựa đứng trên mặt thành uy nghiêm

Nào ta hãy lấy tre về trồng cho khắp

Tre Mừng Thanh chúa bảo đừng lấy

Hãy lấy tre có gai vàng như ngà

Tận miền xuôi đem về trồng mới tốt

Lấy hơn bốn mươi ngàn khóm

Rào quanh thành, thành vững, chưa yên lòng.

MẠC THIÊN TÍCH

(1706 - 1780)

Ông còn có tên là Mạc Thiên Tứ, tự là Sĩ Lân, con trai của Mạc Cửu. Mạc Cửu là người ở Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Không chịu sự thống trị của nhà Mãn Thanh, Mạc Cửu cùng một đám lưu nhân nhà Minh bỏ trốn sang Hà Tiên lập nghiệp. Lúc này, họ Nguyễn đang xây dựng cơ đồ ở miền Nam, đối đầu với họ Trịnh ngoài Bắc. Chúa Nguyễn Phúc Chu, tức là Tô Quốc công thu nhận Mạc Cửu, phong cho chức Tổng Binh.

Mạc Cửu mất, giao cho con nối nghiệp, Mạc Thiên Tích giữ chức Hà Tiên trấn, Tổng binh đại đô đốc từ năm 1735. Năm 1771, Xiêm đem quân vào chiếm Hà Tiên, Mạc Thiên Tích chạy về Gia Định. Nguyễn Phúc Thuần đã cứu viện, đuổi được quân Xiêm. Năm 1777, họ Nguyễn thua Tây Sơn, Mạc Thiên Tích đã đem con Nguyễn Ánh trốn sang Xiêm, nhưng bị triều đình nước này nghi kỵ. Để giữ lòng trung với chúa Nguyễn ở Nam Hà. Mạc Thiên Tích đã nuốt vàng tự tử. Ông sinh ngày 19- 4, mất ngày 1-11, thọ 75 tuổi. Những người con của Mạc Thiên Tích đều tận trung với Gia Long.

Tiếp tục sự nghiệp của cha, Mạc Thiên Tích đã có công lập nên làng xóm, tổ chức cuộc sống mới, khai thác tài nguyên để tạo cho Hà Tiên thành vùng đất trù phú; thịnh vượng, gắn bó máu thịt với cộng đồng Việt Nam. Nhân dân ở đây biết ơn ông. Tại Mạc công miếu, (đền thờ Mạc Thiên Tích) có câu đối ghi rõ công lao này.

Mạc Thiên Tích cũng tỏ ra là người có tài chính sự và quân sự. Ông đã tổ chức tốt việc trị an ở vùng đất mới, thân hành đi kiểm tra các đảo (1767), dẹp bọn cướp biển như bọn Trần Thái (1769), bọn Phạm Lam (1770). Khi quân Xiêm do Phi Nhã Tân cướp phá Hà Tiên, ông đã chống cự mãnh liệt, bị thua trận, phải vất vả chạy hết Châu Đốc, Tiền Giang, rồi Long Xuyên, mà vẫn gia lòng trung với chúa Nguyễn.

Điều đáng chú ý là, Mạc Thiên Tích rất gắn bó với truyền thống văn hóa Việt Nam. ông đã thành lập một hội tao đàn, lấy tên là Chiêu Anh Các (1736), thu nạp đến trên 60 người của Trung Quốc và Việt Nam, cùng nhau xướng họa chung quanh đề tài ca ngợi cảnh vật đất Hà Tiên. Có đến trên 3200 bài thơ vịnh các cảnh mà Mạc Thiên Tích dựng lên, trên cơ sở thiên nhiên tươi đẹp đẽ gia công tô điểm bằng sức người. Trăng Đông Hồ, bến Lư Khê, xóm Lộc Trĩ v.v... là những đầu đề ngâm vịnh. Không những bài thơ chữ Hán, nhóm Chiêu Anh Các còn làm cả thơ Nôm. Thơ viết theo thể song thất lục bát, nội dung sử dụng rất nhiều chất liệu dân gian, dùng nhiều ngôn ngữ quen thuộc trong đời sống nghề nghiệp, chài lưới cổ truyền của dân tộc Việt. Tổng cộng đến 422 câu thơ nôm liên ngâm lấy tên là *Hà Tiên quốc âm thập vịnh*.

Mạc Thiên Tích còn là tác giả tập *Minh bột di ngư* (chữ Hán) gồm một số bài phú và 32 bài thơ. Văn bản đã thất lạc nhưng năm 1821, Trịnh Hoài Đức đã sưu tầm lại được và cho khắc in.

Phụ lục: Lộc Trĩ thôn cư

(Bài thơ ca ngợi xóm Lộc Trĩ, ở Mũi Nai tỉnh Hà Tiên. Đây là bài vịnh cảnh thứ 9 trong lơ cảnh: *Hà Tiên thập vịnh*. Có thơ đường luật chữ Nôm, chữ Hán và 344 câu song thất lục bát - Đoạn nói về Lộc Nhĩ câu 267 đến câu 300. Chỉ trích một đoạn ngắn).

...*Ruộng dân là chốn dân này*

*Để khi gỏi rượu đều ngày nắng mưa
Ba sào trua hãy còn nghỉ khỏe
Toại tác lòng già trẻ đều no
Hoặc thuyền, hoặc bộ cũng cho
Miễn thông của thế ngõ bù khát khao
Thà ba đào, chẳng thà tướng phủ
Ông chau truyền một thú ngư hà
Non ngư đôi bữa lân la
Rút giấy đằng cát, quấy chà liễu dương
Riêng một phương cây mây cuối nguyệt
Ba tháng xuân chưa thiết một ngày
Động châu nôi vũ ra tay
Khi câu trị nước, khi cày nhà an.*

...

*Thành thời đất thẳng bừa an
Có dân làm lụng, có làng ăn chơi.*

(Theo sách: Văn học Rà Tiên của Đông Hồ - Sài Gòn 1970)

CẨM NHÂN QUÝ

(Giữa thế kỉ XVIII)

Ông là vị chúa đất ở Mường Mực (huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La). Sách *Lịch sử và xã hội dân tộc Thái* (1977) - đã dẫn có đoạn viết:

Ông là một nhân vật nổi tiếng trong các chúa đất ường Mực. Ông có công giúp triều đình đánh giặc ở vùng Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng. Trong *Quả tồ nương* (Sách sưu tầm ở Mai Sơn) có ghi việc ông giúp vua Cảnh Hưng đánh nước Tụ tức miền Tụ Long, hiện thuộc tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Trong nhân dân, phổ biến những câu ca tụng ông như:

Chúa đánh giặc Hỏ, giúp đất mường Kinh

Chúa đi đến tận vùng Đông Vãn, Bảo Lạc v.v..

Bên cạnh còn lưu truyền truyền thuyết tán tụng lòng gan dạ của chúa...

Cầm Nhân Quý lúc đương thời gọi là A nha Cồ hoặc pú cháu Cầm Chứa. Chúa là người rất gan dạ. Khi quân Hỏ đánh kinh đô, nhà vua sai người lên điều các chúa Thái đem binh đánh giặc. Chúa vâng lệnh ngồi trên ngựa chiến đi đầu hàng quân, hai tay cầm hai thanh gươm dài hàng sải. Chúa mặc áo giáp của vua Bó Cáp (một loại ma bay lơ lửng trên không), áo đâm chém không đứt, đạn bắn không thủng. Khi giáp trận, chúa đâm chém ba ngày, ba đêm không buông tay kiếm. Máu giặc vấy vào người biến áo thành màu đỏ thẫm. Đến ngày thứ ba, giặc Hỏ tan, chúa vẫn như điên như loạn, mặt rục đỏ, hai mắt trũng trũng, tay khua kiếm báu. Bộ hạ phải vục chúa xuống ngựa, mời chúa nghỉ ngơi. Nhà vua thấy chúa gan dạ phong cho chức Quả Cầm tướng quân, và cho làm chủ đất Mai Sơn. Sắc phong nay còn khắc trên đá ở hang Thảm Mu ở gần huyện lỵ Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

BOK KIOM

(Thế kỉ XVIII)

Ở vùng An Khê (tỉnh Bình Định) có một chàng trai tên là Bok Kiom. Chàng là con ông Biliboron, người dân tộc Bana.

Bok Kiom ăn nhiều lớn nhanh, có sức mạnh như gấu, nhanh hơn mèo rừng. Chàng nghe lời tộc trưởng theo ông Nguyễn Nhạc đi đánh giặc.

Trong trận ban vây hạ thành Qui Nhơn, Bok Kiom dẫn đầu một toán quân, nửa đêm bắc thang, vác câu liêm con cúi xông lên giết chết lính gác, đốt thành, phối hợp cùng quân ba mặt ập vào hạ được thành.

Chàng được đệ nhất trại chủ Nguyễn Nhạc ban thưởng một con ngựa, một cây roi bịt vàng, một ngọn giáo bằng bạc. Lại cho làm tướng trấn giữ đồn An Khê.

Không biết chung cục của Bok Kiom về sau ra sao, chỉ biết là theo gương anh, đồng bào người Ba Na, Xê Đăng, Gia Rai đi theo Tây Sơn rất đông.

YÃ ĐỐ

(Thế kỉ XVIII)

Bà là vợ thứ của Nguyễn Nhạc, thường được gọi là Cô Hầu hay Cô Hầu đốc tướng> Bà thuộc dân tộc Bana, vốn là một nữ tù trưởng ở plây Đê Hmâu, nay thuộc hợp tác xã Đak Giang, xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai Công Tum.

Làm vợ Nguyễn Nhạc, Yã Đố đã góp phần xây dựng lực lượng khởi nghĩa Tây Sơn. Bà cùng dân plây tìm đất khai hoang, tạo được một cánh đồng hơn 20 mẫu, nay còn dấu vết gọi là cánh đồng Cô Hầu (trên phần đất Tú Thủy xã Nghĩa An). Bà còn động viên nhân dân ủng hộ cho nghĩa quân nhiều voi ngựa.

Nhân dân địa phương cho biết vùng đất này còn truyền tụng một bài ca dân gian (hmon) ca ngợi bà Yã Đố. Bà cũng trở thành một nữ thần trong truyện kể, trong sử thi của người Ba Na. Trong các buổi lễ hội lớn của một số plây ở Kbang, cùng với tiếng chiêng đồng, trong lời khấn của già làng có những câu:

...Ở thần núi, thần sông

Ở ông Bok Teng

Ở bà Yã Đố

Lũ làng xin mời về...

(Theo Phan Đại Doãn trong sách

Trên đất Nghĩa Bình Qui Nhơn - 1988 tr.85)

NGUYỄN VĂN TỒN

(uối thế kỷ XVIII)

Ông là người dân tộc Khơ Me - Nam Bộ, theo giúp Nguyễn Ánh về việc quân, tỏ ra rất trung thành, hăng hái. Khi Nguyễn Ánh thua chạy sang Vọng Các (1875), ông cũng theo sang, sống ở Long Kỳ, dưới quyền của tướng Lê Văn Cầu. Nguyễn Ánh trở về, phá được quân của Nguyễn Lữ, ông được giao quản đồn binh và dân chúng Khơ Me ở hai phủ Trà Vinh và Mân Thít. (Sau này thành các huyện Tuân Nghĩa và Trà Vinh thuộc tỉnh Vĩnh Long).

Ông được ghi tên trong danh sách công thần trung hưng của triều đình nhà Nguyễn. Khi mất truy tặng là hộ quân thống chế. Đền thờ ông ở Trà Vinh gọi là đền thống chế Tồn.

BẾ HỰU CUNG

(Thế kỷ XIX)

Ông người làng Bắc Khê, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng, sống vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, sang đầu thế kỷ XIX, làm quan đến Hữu thiêm đô ngự sử, lĩnh chức Đốc trấn tỉnh Cao Bằng. Khi Tôn Sĩ Nghị bị Tây Sơn đánh bại, Bế Hựu Cung đem cả nhà theo Lê Chiêu ở huyện Thượng Nguyên tỉnh Giang Nam. Đầu đời Nguyễn trở về nước, được dung nạp, đổi họ thành Nguyễn Hựu Cung.

Ông là soạn giả sách *Cao Bằng thực lục* ghi chép khá phong phú về các truyền thuyết, thần tích, núi sông phong tục ở Cao Bằng. Đặc biệt, soạn giả gược nhiều chi tiết về lịch sử và địa lý vùng này từ thời cổ đến năm 1802.

Bé Hựu Cung là số hiếm trong những nhà tri thức thuộc dân tộc ít người ở nước ta trước thế kỷ XX, có công trình biên soạn. Tác phẩm Cao Bằng thực lục thuộc loại sách địa phương chí có giá trị nhất định về tư liệu folklore và tư liệu dân tộc học.

LÊ VĂN KHÔI

(? - 1834)

Ông nguyên là họ Bé, con ông Bé Văn Kiệm ở Cao Bằng. Họ Bé này thất tán, chạy vào Thanh Hóa. Khôi được gặp Lê Văn Duyệt đang làm Kinh lược ở đây xin ra thú. Ông Duyệt thương chàng trai thông minh, nhận làm con nuôi, đưa về Gia Định, lấy tên là Lê Văn Khôi, cho vào quân ngũ, làm đến chức vệ úy.

Khi Lê Văn Duyệt mất, Lê Văn Khôi bị cách chức và tra hỏi. Thấy rõ triều đình Minh Mệnh không muốn dung mình, nhân nắm được tình hình quân và dân Gia Định rất oán trách quan lại, ông liền âm mưu khởi nghĩa. Tháng 6 1833 (18 - 5 âm lịch), ông cùng 27 người đột nhập dinh Bộ chánh giết viên quan là Bạch Xuân Nguyên, rồi giết luôn tổng đốc An Biên là Nguyễn Văn Quế, chiếm được thành Gia Định.

Lê Văn Khôi tỏ ra có tài năng tổ chức và chỉ đạo quân sự. Ông tự xưng là Đại nguyên súy, ổn định chính quyền, có qui mô như một triều đình riêng. Quân đội có trung quân, tiền quân, tả quân, hữu quân, lại có cả quân thủy, quân voi, đều do đồng chí của ông quản lĩnh. Ông đặt quan chức gồm có Thái khanh 6 bộ, đặt các hệ thống như ngũ đồn, ngũ khuông, ngũ dục v.v.. Phát hịch truyền khắp nơi, cử tướng tá về đánh lấy các tỉnh. Chỉ trong vòng một tháng toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ đều về tay quân khởi nghĩa. Lê Văn Khôi lại tiến hành bổ quan chức về các phủ huyện. Những người phò tá ông đều là tướng xuất sắc, có cả người miền xuôi, miền núi như Thái Công Triều, Lưu Tín, Quách Ngọc Chân v.v... Ông còn sử dụng cả những người theo đạo Gia Tô, những giáo sĩ ngoại quốc.

Triều đình Huế lo sợ vì cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, nên huy động lực lượng lớn đàn áp. Các tướng lĩnh xuất sắc như Trần Văn Năng, Tống Phúc

Lương, Trương Minh Giảng, Phạm Hữu Tân liên tiếp nối nhau, chia làm nhiều ngả đánh vào Gia Định. Họ còn dùng nhiều phương kế lung lạc lòng dân các tỉnh, chiêu dụ những người thân cận của Lê Văn Khôi. Mưu mẹo này đạt kết quả, đến nỗi một viên tướng khởi nghĩa đã giúp công đắc lực nhất cho Lê Văn Khôi là Thái Công Triều cũng về qui hàng triều đình. Thế lực nghĩa quân giảm sút. Lê Văn Khôi rút về cố thủ trong thành Phiên An. Triều đình đánh mãi không hạ được vì thành xây từ 1830, rất vững vàng kiên cố. Nhưng đến năm 1834, Lê Văn Khôi bị bệnh mất. Con trai lên thay làm nguyên soái là Lê Văn Cù mới có 8 tuổi, không đương nổi việc lớn. Quân triều đình tổng tấn công, hạ được thành, bắt đến 1278 người, trong đó có cả một cố đạo là cố Marchand. Tất cả đều bị chém chôn chung vào một số gọi là Mả Ngụy. Đó là vào tháng 7 năm 1835.

NÔNG VĂN VÂN

(- 1836)

Ông là người Cao Bằng, con ông Nông Văn Liêm, và là em rể của Bế Khôi (Lê Văn Khôi), giữ chức Tri châu Bảo Lạc (Lúc này thuộc tỉnh Tuyên Quang). Lê Văn Khôi khởi nghĩa ở Gia Định, họ hàng bị truy nã rất ngặt, anh em bà con đều bị bắt. Nông Văn Vân liền nổi lên tự vệ. Tháng 8-1833, ông cùng một số thổ ty địa phương kéo cờ khởi nghĩa. Tự xưng là Tiết chế thượng nhân, ông nhanh chóng mở mang thế lực, đánh chiếm các thành tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng và rộng ra cả các tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Yên. Nhiều thổ ty khác ở những tỉnh này hưởng ứng và liên lạc được với ông. Ông cũng có chủ trương tổ chức bản bộ của mình như một triều đình, có các quân doanh cơ đội, dự định đánh xuống các miền Hà Nội, Bắc Ninh.

Triều đình Huế cũng lo sợ trước cuộc khởi nghĩa này như cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi trong Nam. Vua Minh Mệnh cho đại quân ra đàn áp. Nhiều đạo quân được cử đi các đường: Tổng thống quân vụ là Tạ Quang Cự đánh mặt Cao Bằng, Lạng Sơn. Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ đánh mặt Tuyên Quang. Phạm Đình Phổ đánh mặt Thái Nguyên. Những ngày đầu, quân triều đình không bị thất bại thì cũng bị chật vật, không thu

được thắng lợi nào. Nhiều viên quan tỉnh thất cơ như Tuần phủ Hoàng Văn Quyền bị bắt sống, án sát Phạm Đình Trạc phải đào hố tự chôn mình v.v...

Đầu năm, 1834, Tạ Quang Cự giải vây được Lạng Sơn, thu phục lại Cao Bằng, Nguyễn Công Trứ tiến vào được đến căn cứ của nghĩa quân, nhưng loay hoay mãi vẫn không tìm được dấu tích của Nông Văn Vân. Quân triều đình rút đi thì ông lại quay về, thế lực vẫn mạnh mẽ như trước. Tuy vậy, trước sự tăng cường áp lực của quân đội triều đình ông không tung hoành được nữa. Các tướng lĩnh như Tạ Quang Cự, Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ đã bao vây khu vực căn cứ của nghĩa quân, gây nhiều thiệt hại cho ông. Một số thủ lĩnh tâm phúc và tài ba của Văn Vân như Lãnh Phúc Phần bị chết, Lãnh Văn Chương phải bỏ chạy. Quân của Nguyễn Công Trứ dò tìm ra được sào huyệt của nghĩa quân và cả nơi giấu mình của Nông Văn Vân ở khu rừng Thảm Bát. Họ không dám tiến sâu vào mà chỉ bao vây và phóng hỏa đốt rừng. Nông Văn Vân bị chết cháy.

QUÁCH TẮT CÔNG

(Thế kỷ XIX)

Ông là một lang đạo thuộc dân tộc Mường ở Thạch Bi, tỉnh Hòa Bình. Dòng họ ông từ xưa thần phục nhà Lê. Sang đầu thế kỷ 19, Nguyễn trị vì, đặt chế độ lưu quan, khiến cho các lang đạo rất lo lắng về số phận. Đúng vào lúc một vị cháu nhà Lê là Lê Duy Hoán bị giết và tước bỏ lộc thờ phụng nhà Lê, con thứ hai của Hoán là Lê Duy Lương đứng lên khởi nghĩa. Lê Duy Lương xưng là Đại Lê hoàng tôn, khắc ấn tín, đặt quan chức, lập quân đội, xưng nghĩa chống triều đình. Cuộc khởi nghĩa mở đầu vào năm 1833 được nhân dân, nhất là bà con người Mường hưởng ứng.

Quách Tắt Công đã đem bản bộ của mình đặt dưới quyền chỉ huy của Lê Duy Lương, Ngay đầu năm 1833, quân khởi nghĩa chia hai đạo đánh Hưng Hóa và Thiên Quan, thì Quách Tắt Công chỉ huy đội quân tấn công vào Thiên Quan, tức là Nho Quan ở Ninh Bình. Vua Minh Mệnh điều hai đội binh lớn ở Nghệ Tĩnh (do Tạ Quang Cự cầm đầu) vào ở Thanh Hóa (do Nguyễn Đăng Giai phụ trách) ra đánh phá. Nghĩa quân thua to. Lê Duy Lương bị bắt và bị giết.

Quách Tất Công trốn được. Ông lẩn tránh ít lâu đến năm 1836, lại cùng với Quách Tất Tại đứng lên khôi phục phong trào. Hai ông tìm được một tôn thất nhà Lê khác là Lê Duy Hiến làm minh chủ. Ông chia quân tấn công các nơi, đã đánh chiếm được Hồi Xuân (châu ly châu Quan Hóa ở Thanh Hóa). Quân khởi nghĩa mở rộng thanh thế ở khắp vùng thượng du Thanh Hóa, lan xuống cả các huyện đồng bằng (Thiệu Hóa, Nông Cống) và đến cả Qui Châu (Nghệ An), Ninh Bình. Triều đình lại phải huy động lực lượng lớn để đàn áp. Lần này, các tướng nhà Nguyễn là Trương Đăng Quế, Phạm Văn Điển cầm quân, tấn công rất ráo riết. Núng thế, các thủ lĩnh Lê Duy Hiến, Quách Tất Công lần lượt đều bị bắt. Đó là vào giữa năm 1838.

CHÂN TRIẾT

(Thế kỉ XIX)

Chưa rõ tiểu sử của nhân vật này. Ông thuộc dân tộc Khơ Me ở Hà Tiên. Lúc bấy giờ, triều đình nhà Nguyễn thi hành chính sách thực dân, có âm mưu thôn tính Cao Miên, đã đặt trấn Tây Thành (tức Nam Vang), cử quan lại sang cai trị. Đồng thời phía bên kia nước Xiêm cũng có âm mưu tương tự. Nhà nước Cao Miên yếu ớt đã phải cống nạp cả hai triều đình phong kiến Việt và Xiêm. Dân chúng và nhiều quý tộc, quan lại Miên đã tìm cách chống lại.

Trước tình hình rối ren ấy, một số người Việt, người Khơ Me và những người chống đối khác đã nổi lên, sử nhà Nguyễn gọi là các thổ binh hỏ dân làm phản. Tại Hà Tiên, năm 1840, ông Chân Triết đã cầm đầu một cuộc khởi nghĩa. Ông lôi kéo được hai người làm suất đội cơ thổ binh ở Hà Tiên, cho họ đem đến hai ngàn quân từ núi Thất Sơn đánh xuống huyện Kiên Giang. Quan lại và binh lính nhà Nguyễn đều bỏ chạy. Chân Triết cho đắp đồn khắp ven sông Giá Đà, thu thập dân chúng ở các vùng núi như Ba Suy, Suy Tôn, để chống lại triều đình. Nhưng lực lượng yếu ớt, ngay sau đó phong trào bị dập tắt.

LÂM SÂM

Lâm Sâm cũng là một lãnh tụ dân tộc thiểu số Khơ Me quê ở Trà Vinh. Ông nổi lên ở huyện này, đánh đổ được bọn quan lại, lập căn cứ chống triều Nguyễn. Không có nhiều tài liệu để biết rõ tiểu sử của ông: Sách *Quốc triều chính biên* chỉ nói: “Trong đảng của Lâm Sâm, có nhiều phiên tăng dùng yêu thuật mê hoặc quần chúng, thổ dân qui phục rất nhiều”.

Lâm Sâm nổi lên từ 1841. Đầu tiên, ông chiếm phủ Lạc Hóa. Bỏ chánh tỉnh Vĩnh Long, là Trần Tuyên, và Tri huyện Trà Vinh là Bùi Quơn đều bị giết. Tháng 7 năm ấy, ông lại đánh tan quân triều đình do Bùi Công Huyền chỉ huy ở Xoài Xiêm. Đến cuối năm 1842, triều đình Huế cử ba đạo quân do Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Công Trứ vào đánh. Lâm Sâm bị bắt cùng với các tướng Kiêm Hồng, Trần Hồng, Thạch Đột và đều bị xử tử.

ĐỘI TIÊN PHONG CẦU PUNG

(Thế kỉ XIX)

Vào những năm Tự Đức thứ 13, 14 (dương lịch 1860 - 1861), đất Cao Bằng thường bị bọn thổ phỉ quấy phá. Tên tướng phỉ cầm đầu là Châu Chí Văn, cùng các bộ hạ là bọn Lý Hiệp Thắng, Chu Chí Cao đem tới hai ngàn đồ đảng từ cửa ải Trà Lĩnh kéo vào, cướp phủ Hoà An. Chúng lại thông đồng được với thổ ty Bảo Lạc là Nông Hùng Thạc cho một tên tay sai là Điền Bằng, rủ rê mấy ngàn người Triều Châu, cùng uy hiếp Cao Bằng. Chúng đóng quân ở các đồn Na Gà, Nà Chương (thuộc xã Ninh Lạc, phủ Hoà An), ngày ngày đi cướp các phố phường thôn xóm.

Viên quan triều Nguyễn coi cả hai tỉnh Cao Lạng lúc bấy giờ là Phạm Chi Hương, bàn bạc với mọi người tìm kế chống giặc, được nhân dân Tày, Nùng, Hoa ở các vùng tán thành, một ông thổ ty (dân tộc Tày) là Vi Văn Lý được cử ra cầm đầu dân binh, tổ chức theo hình thức xã đoàn dưới miền xuôi. Đoàn dân binh này, gọi là xã đoàn Thiên Bình.

Trong xã đoàn Thiên Bình, có một đội quân tập hợp từ phố Thất Khê (Lạng Sơn) tự nguyện làm tiên phong, lấy tên là đội tiên phong Cầu Pung, do mấy người thuộc dân tộc Hoa là Hoàng A Hỉ và Thang Á Tác chỉ huy.

Đội tiên phong Cầu Pung cùng xã đoàn Thiên Bình đánh giặc rất hăng hái. Những người chỉ huy trên đều tỏ ra dũng cảm, hăng hái xông lên, đánh cho bọn phi nhiều trận tan tác. Chúng phải bỏ đồn Na Gà, Nà Chương. Một số chạy về Bảo Lạc, số khác rút lui theo đường ải Trà Lĩnh mà trốn về Qui Thuận (Trung Quốc).

(Sưu tầm thực địa tại Cao Bằng)

THANG TRƯỜNG HỢP

(Cuối thế kỷ XIX)

Không biết ông sinh năm nào, tiểu sử ra sao, thuộc dân tộc Hoa, sống ở phố Cổ Dâu, huyện ly Châu Thương Lang (tức là huyện Trùng Khánh) tỉnh Cao Bằng. Vào những năm 1850-1854, vùng đất này luôn luôn bị giặc phi quấy nhiễu. Mấy tên phi cầm đầu, lấy hiệu là Đức Thắng Đường, Đại Thắng Đường, Hỷ Thắng Đường, Công Thắng Đường, Hậu Nghĩa Đường, Đông Thắng Đường v.v... đem quân vào cướp phá. Lực lượng của chúng rất đông, có khi đến hai ngàn tên, ít nhất cũng bảy tám trăm tên, phá phách nơi này nơi khác. Phố Cổ Dâu, phố Thông Huệ luôn luôn bị chúng tấn công. Quan Binh của triều đình dẹp mãi không được, đánh chỗ này, chúng lại sang chỗ khác, ít lâu lại quay về, nhân dân sống không yên ổn.

Thang Xàng (cũng đọc là Thang Tường, sau đổi tên là Sàng Hộ, tức Thang Trường Hợp) đã họp nhân dân trong phố chống cự lại với bọn phi, hưởng ứng quân quan của tỉnh Cao Bằng. Năm 1850, ông đánh thắng tên Đức Thắng Đường, năm sau đuổi bọn Đại Thắng Đường chạy về Long Châu. Năm sau nữa, ông cùng với Đốc binh Trịnh Ân Lộc diệt hơn một ngàn quân của Hỷ Thắng Đường. Năm 1854, ông lại cùng các bạn là Hoàng Nguyên Lợi, Hoàng Thành Phô, giúp tỉnh tiêu diệt được bọn Đông Thắng Đường. Tướng giặc là Hoàng Bát Vạn phải ra hàng.

Do nhiều lần có công diệt phi, Thang Trường Hợp được triều đình thưởng bằng bá hộ Minh Hương. Dân chúng ở Thượng Lang quý mến ông.

(Theo sách Sơ thảo lịch sử tỉnh Cao Bằng 1964)

CHƯƠNG HAN

(Cuối thế kỷ XIX)

Hồi cuối thế kỷ 19, vùng Tây Bắc bị tàn phá nặng nề, vì có bọn giặc Hồ (giặc cỏ người Hán ở Vân Nam) xuống quấy nhiễu.

“Năm 1876, một tù trưởng Khmú từ Thượng Lào, tự xưng là Chương Han, tức chàng Chương dũng cảm nổi dậy kêu gọi nhân dân các dân tộc đánh giặc. Cuộc nổi dậy được các dân tộc hưởng ứng rất đông. Tù trưởng Thái Đen là Cầm Ten (*Đại Nam thực lục* gọi là Bạc Cầm Tiên) cũng mang quân theo. Liên quân Khmú - Thái tiến đánh Tuần Giáo, Thuận Châu. Giặc phải rút về Mường La cố thủ. Năm sau chúng tập trung quân phản công lại. Tuy giàu lòng quả cảm, nhưng thiếu tổ chức, nghĩa quân bị thua để mất Mường Muối. Cầm Ten bị bắt và bị giết. Ít lâu sau, Chương phải vừa đánh vừa rút sang Lào. Trên đường rút quân, nhân dân Khmú đánh trả nhiều trận rất anh dũng. Hiện nay ở vùng Nậm Ty thuộc huyện Sông Mã, còn có ngọn núi mang tên Pú Xả Ngan tức núi "người Xả dũng cảm" để ghi lại một chiến công của nhân dân Khmú ở đây.

(Trích sách : Những nhóm dân tộc ngữ hệ Nam Á (H. 1972) tr. 275)

ĐỌC THÊM:

Không nên lầm Chương Han người thật với Chương Han trong thần thoại Thái. Chúng tôi đã ghi rõ vấn đề này; xin trích ra đây:

"Chương Han là một dũng sĩ tài giỏi, đã kéo binh lên đánh cả trời. Anh có thanh gươm thần vô địch là gươm Hang Xénh. Anh có phép thổi vào rừng, biến tất cả lá cây hóa thành quân tướng đi đánh khắp đó đây, đánh đâu thắng đó, đánh cả con của then. Then muốn trả thù cho con, sai lũ quỷ Mèn xuống cứu, bị Chương Han giết sạch. Then cho lũ quỷ sống lại, đánh nhau lần nữa. Chương Han tức mình đuổi quỷ lên tận mường trời, tiêu diệt hết. Then Luông phải chịu phong cho Chương Han làm Then, coi việc chiến tranh, nên gọi là Then Chương.

Người Khơ mú có một thủ lĩnh cũng được gọi là Chương Han, nhưng lại là người có thực. Ông tên thật là Tào Lả Xanh, đã khởi binh ở Nậm U, kéo vào Tây Bắc, phối hợp với người Thái do Bạc Cầm Ten đứng đầu để đánh giặc Cờ Vàng. Tào Lả Xanh xưng tên là Chương Han để tự ví mình với một anh hùng thần thoại.

Ở nhiều cuộc lễ làm chá, làm chiêng của người Thái, tục: *Đánh thức Chương*. có ý nghĩa mời Chương Han trong thần thoại gọi các âm binh về dự lễ".

(Trích sách Nhân vật thần kỳ - Vũ Ngọc Khánh chủ biên - NXB Văn hóa dân tộc 1989 trang 27).

CẢ GIA ĐÌNH VÌ ĐẤT MƯỜNG LA

(Thế kỷ XIX)

Chúa đất Mường La (vùng tỉnh Sơn La, trung tâm cư trú của dân tộc Thái Đen) có tên là Cầm Nhân Lương. Ông là dòng dõi của *Bun Hiêng* (người được triều Tây Sơn phong tước Đông Hưng hầu). Cha ông là *Bun Nhò*, được phong là Chiên Thảo tướng quân.

Làm chúa Mường La những năm 1830, triều Minh Mệnh, Cầm Nhân Lương được gọi là *Bun Quảng*. Ông có nhiều công lao với bản mường. Năm 1845, ông rú các bô lão đi đào ao Bôn, ao Vai; vỡ đất làm ruộng Cáy Ché, bản Phục v.v... Năm 1847, đi vỡ ao Huổi Thư để thả cá. Ông còn khai phá các ruộng Ta Lành, Nà Dội, Nong Pháy, Phiêng Phường, Bó Phứa, Bó Nôm, đào hai con mương dẫn nước vào ruộng là mương Tông và mương Panh.

Ông cũng có tài trị an, đã định chức cho các bô lão, phân chia các chức *lam* ở các mường, dẹp yên được các vụ tranh chấp. Hai người vợ cũng giúp đỡ ông nhiều, được dân bản mến mộ. Bun Quảng mất ở Hưng Hóa năm 1857, khi ông về xuôi nộp lễ vật.

Dòng dõi họ Cầm của Bun Quảng tiếp tục đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ bản mường. Những năm 70 của thế kỷ XIX, Cầm Ngọc Yêu

làm chúa Mường La gọi là *Bun Yêu*. Thời gian này, vùng miền núi Tây Bắc không được yên ổn vì bị bọn giặc Cờ Vàng quấy nhiễu. Tướng giặc là Dịp Tài kéo đồ đảng sang nước ta qua đường Lao Cai, tiến xuống Hưng Hóa, Hòa Bình. Chúng lần chiếm Mường Lò, Mường Chiêu, mua chuộc các châu mường. Ở Mường Muối, Mường Chai, và cử người sang Mường La bắt phải đầu hàng.

Bun Yêu nhất định không chịu khuất phục. Ông đem quân chống lại, nhưng ngay trận đầu vì thế yếu đã phải rút lui. Ông sai em là Chăm Lả ra chặn giặc. Chăm Lả thạo về cách làm bẫy đá, nhưng bẫy chưa làm xong thì giặc đã đến; Chăm Lả đành rút chạy về Ít Ông. Bun Yêu dẫn quân ra tiếp sức cho em. Quân của triều đình nhà Nguyễn cũng kịp thời từ Hưng Hóa kéo về phối hợp. Tuy vậy, bọn giặc Cờ Vàng vẫn hùng hổ hơn. Chúng bắn chết viên lãnh binh của triều đình. Bun Yêu cũng bị ngã ngựa. Ông rút chạy về Tội Bú. Địch đuổi theo. Ông chạy về Mường La, sang Mường Bằng, Mường Chén, rồi về Suối Rút để lánh sang Hưng Hóa. Cả gia đình vợ con ông tan tác mỗi người một nơi. Bọn Cờ Vàng chiếm đóng đất Mường La, cho người dò tìm dấu vết Bun Yêu. Chúng mua chuộc bọn tay sai; bỏ thuốc độc vào món ăn. Bun Yêu trúng độc và mất ở Hưng Hóa.

Giặc mở mang thế lực, âm mưu chiếm đóng lâu dài. Chúng cho tên Vòng Trống làm quan châu Mường Mạ; tên Xáng Xấp làm phía ở Mường Chai. Chúng đóng quân la liệt ở các bản Cá, bản Hải, bản Cọ, bản Cáp v.v... Có ai toan chống lại, bị chúng diệt ngay. Cả họ hàng của một châu Mường Chai bị giết sạch. Một dũng sĩ ở đây là Tòng É toan đánh úp, bị chúng thủ tiêu ngay.

Sau khi Bun Yêu mất, người anh họ là Chăm Ngọc Hoan đứng ra thay em gìn giữ bản mường. Bọn giặc mời ông ra, ông chưa kịp nói năng gì thì chúng đã bắt ông toan hãm hại. *Bun Hoan* nhẫn nhục nói với tên tướng giặc Dịp Tài là ông biết có kho của đang cất giấu ở Mường Bằng, xin hiến cho chúng để chuộc thân. Giặc cho người đi theo ông, nhưng ông đã giả vờ đau bụng thừa cơ chúng hờ hênh, trốn thoát. Bun Hoan vừa trốn tránh, vừa tìm cách chấn chỉnh lại bản bộ, liên lạc với các mường, và xin với triều đình Huế cho viện binh.

Một người em khác của Bun Yêu là Chăm Ý cũng noi gương các anh. Ông tìm lên Mường Lang để xin cứu viện. Trên đường đi, bọn gian dò biết, báo

cho giặc bắt được ông ở Tạ Khoa. Cầm Ý cũng xin với giặc cho đi đào kho của cải ở Mường Chai để chuộc mạng. Đến nơi ông chỉ lung tung, giặc đào ở đâu cũng chẳng được gì, chúng đã giết ông.

Cầm Ý mất. Bun Hoan đã liên lạc được với các đạo các châu ở Lai Châu, Phù Yên. Nhiều nơi kéo đến giúp Mường La, có cả quân của Lưu Vĩnh Phúc (Cờ Đen) từ Lào Cai xuống phối hợp. Giặc Cờ Vàng núng thế phải hàng, rồi được ta cho chúng rút về Vân Nam.

Sau 8 năm sống dưới ách giặc, dân Mường La mới được trở lại cuộc sống ổn định. Bun Hoan lại làm châu mường. Con của Cầm Ý được làm phía ở Mường Chai.

PÔ CUM PAO

(Nửa cuối thế kỉ XIX)

Ông là một nhà sư, người dân tộc Khơ me ở tỉnh Tây Ninh. Năm 1862, quân Pháp đã chiếm ba tỉnh miền đông Nam bộ. Chúng một mặt tổ chức việc trị an, mặt khác lo dẹp tiếp những toán nghĩa quân không chịu sống dưới ách thực dân để gấp rút bình định địa bàn chiếm đóng. Một số nghĩa quân chạy lên phía bắc Thủ Dầu Một. Nơi đây, nhà sư Pôcumpao đã có một lực lượng gồm người Khơ Me, người Stiêng, Người Mônông, người Chăm. Ông trở thành nhà lãnh đạo, đối đầu với quân Pháp ở tỉnh Tây Ninh. Đại bản doanh của ông đặt ở làng Chợ Rây Mêang.

Mặc dầu lực lượng non kém, nghĩa quân Tây Ninh bền bỉ chiến đấu 11 năm trời từ 1864 đến 1875. Nhiều lần Pôcumpao đã thu được thắng lợi gây niềm phấn khởi. Trận đánh ngày 3-6-1866, diệt được chủ tỉnh Tây Ninh người Pháp là Lác-cơ-lô. Tiếp đó, trận đánh ngày 11-6- 1866, cũng diệt được viên trung tá Mác-se-dơ, đánh đuổi cả một lực lượng cứu viện lớn của Pháp. Pôcumpao còn được sự phối hợp tác chiến của nghĩa quân người Việt. Sau khi Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định mất (1864), con trai ông là Trương Quyền đã cầm đầu một toán quân, nổi chí của cha đánh Pháp, vừa đánh tiêu hao quân địch ở Gia Định, vừa kéo lên Tây Ninh để góp sức với

Pôcumpao. Pôcumpao còn mở rộng diện hoạt động của mình. Từ Tây Ninh, ông chuyển sang cả vùng đất Khơ Me để gây thêm lực lượng.

Đến năm 1867, quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền tây Nam Bộ. Phan Thanh Giản phải uống thuốc độc chết. Quân Pháp được lợi thế hơn, đàn áp mạnh các tổ chức nghĩa quân. Trong trận đánh đêm 3-12 -1867, Pôcumpao bị thương nặng, rồi bị giết.

Hai người bạn và là thủ túc của Pôcumpao là Anông và Achereng đã thay ông chiến đấu. Nhưng thế lực yếu dần, cho đến 1875 thì phong trào tan rã hẳn>

ĐÌNH CÔNG YẺNG

(Cuối thế kỉ XIX)

Đất Phù Yên (thuộc tỉnh Sơn La) còn có tên là Mường Thái. Nhân dân đang sống trong yên ổn thì lũ giặc Cờ Vàng bên kia biên giới sang cướp phá. Chúng là bọn thổ phi, dưới quyền tên tướng Hoàng Sùng Anh. Chúng gây nên nhiều tội ác.

Nhân dân Phù Yên căm giận, mọi người tụ tập nhau sắm sửa giáo mác, liều chết đánh nhau với giặc để giữ gìn mường bản. Bốn tổng Quang Huy, Tường Phù, Tường Phong, Tân Phong, tổng nào cũng có dân binh do những người hăng hái dũng mãnh cầm đầu. Nhưng thế giặc rất mạnh. Dân bản tuy có tinh thần vẫn không áp đảo được chúng.

Lúc bấy giờ, các tỉnh thành bên cạnh, như Hòa Bình Hưng Hóa đều đem quân đến cứu. Đội quân ở Hòa Bình, do một thủ lĩnh là Cai Hai, ngược sông Đà tiến lên, bị bọn Cờ Vàng chặn lại, núng thế phải rút lui.

Đạo quân ở Hưng Hóa do Đình Công Yẻng cầm đầu. ông là người dân tộc Mường, thành thạo việc đánh giặc, có nhiều mưu kế, lại có Đình Công Bình là người can đảm, dũng lược giúp việc. Cả hai ông chia quân tiến về Mường Thái, lập mẹo phục binh, lừa cho bọn Cờ Vàng lọt vào chỗ hiểm yếu. Mấy tên tù tướng của Hoàng Sùng Anh liều lĩnh xông ra, đều bị ông Yẻng giết chết. Các đội dân binh Phù Yên hăng hái phối hợp với một mặt bất ngờ

đánh thẳng vào đồn giặc, một mặt đêm ngày tập kích tiêu hao từng bộ phận của chúng. Quân Cờ Vàng bị nhiều ngày lúng túng, cảm thấy không yên nên rút chạy về Phú Thọ. Các ông Đinh Công Yểng, Đinh Công Bình đặt quân mai phục trên đường đi, chặn bắt đến hai trăm tên. Nhiều đứa rối rít van lạy, xin tha để rút về bên kia biên giới. Đó là vào những năm từ 1878 đến 1880.

Chưa có điều kiện để tìm hiểu sâu hơn tiểu sử của Đinh Công Yểng, mặc dù hiện có bàn thờ ông ở bản Thái (địa phương gọi là ông Lệnh Yểng), và bàn thờ ông Bình thì ở bản Cù, đều ở đất Phù Yên.

HÀ VĂN MAO

(Cuối thế kỷ XIX)

Ông thuộc dân tộc Mường ở Điền Lư thuộc huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hóa. Ông tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp rất sớm. Khi phong trào lên mạnh, ông được giao chỉ huy căn cứ Mã Cao (nay thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định). Nhưng hoạt động chủ yếu của ông là ở Điền Lư. Từ đây, có lần ông đã đem quân vượt sông Chu, đánh đồn Bái Thượng.

Để đàn áp nghĩa quân Hà Văn Mao, quân Pháp cho trung úy Ác-tô lên Điền Lư đóng đồn. Ác-tô lập kế, cho bắt mẹ và vợ con Hà Văn Mao, ra điều kiện là nông đầu hàng thì mới tha cho gia đình. Hà Văn Mao lấy kế địch làm kế mình, hẹn gặp Ác-tô ở La Hán. Ông đã phục kích giết chết Ác-tô và viên tri phủ Quan Hóa.

Địch tấn công Điền Lư để trả thù. Chúng mở hai gọng kìm: một từ Mai Châu (Hòa Bình) qua Phú Lệ (Quan Hóa) theo sông Mã tiến xuống; một ở thị xã Thanh Hóa đánh lên. Đó là vào tháng 4 năm 1887. Tuy có lực lượng áp đảo, quân Pháp cũng phải chật vật mới đẩy lùi được Hà Văn Mao lên vùng hang Niên Kỳ. Chúng đuổi theo lên Niên Kỳ, ông lại quay về Điền Lư. Cuối cùng, địch phải dùng cách khủng bố nhân dân, ngăn chặn tiếp tế, lung lạc nội bộ nghĩa quân. Thấy không còn phương cách cầm cự, Hà Văn Mao đã phải tự sát để giữ tròn khí tiết.

Hà Văn Mao rất được nhân dân mến mộ. Ở vùng xuôi, lúc đó thường lưu truyền những câu chuyện đề cao lực lượng và tài năng của ông, nhằm động viên phong trào Cần Vương Thanh Hóa. Đã có những câu vè phản ánh sự mến mộ này:

...Trông ra dãy phố hai hàng

Ồn đây có tiếng một chàng Cai Mao

Người này thật đáng anh hào

Quân dư năm vạn, người cao bằng vôi

Bình yên cũng thường xuống chơi

Đến ngày loạn lạc trấn nơi cửa rừng

Tai nghe người nói vang lừng

Cai Mao gửi xuống chén vừng làm tin

Các văn thân Thanh Hóa cũng kính trọng Hà Văn Mao. Khi ông mất, có câu đối viếng:

Vũ trụ tổng giai ngô phận sự

Hào hùng chính tiện thổ man nhân

(Việc trong trời đất, chúng ta đều chung nhiệm vụ; Chí khí hào hùng, đáng khen ông là kẻ núi rừng).

CÀM BÁ THƯỚC

(? – 1895)

Ở hữu ngạn sông Chu, thuộc huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, phía trên Cửa Đạt, có vùng đất tên là Trịnh Vạn. Tên đặt theo chữ Hán thì vậy, nhưng chính ra đó là một mường, nơi cư trú của đồng bào Thái. Mường này

đã có lâu đời, và cũng có tên tuổi trong sử sách. Khởi nghĩa Lam Sơn có một chiến công năm 1418: diệt đội quân Lý Bân ở Mường Một. Mường Một, Mường Ván, hay Mường Trinh, đều có tên chỉ vào Trinh Vạn.

Trinh Vạn là một làng quê của Cẩm Bá Thuộc, chòm Lùm Nưa là nơi chôn rau cắt rốn của ông. Ông giữ chức bang biện quân vụ năm 1884, phụ trách hai châu Lang Chánh, Thường Xuân nên người ta cũng gọi là ông Bang Thuộc. Khi Phan Đình Phùng khởi nghĩa, chỉ huy phong trào Cần Vương ở bốn tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình gồm 15 quân thứ, thì Thanh Hóa là một quân thứ gọi là Thanh Thứ do Cẩm Bá Thuộc đứng đầu. Những ngày phong trào lên cao, Cẩm Bá Thuộc và Hà Văn Mao đã hoạt động khắp các huyện miền núi Thanh Hóa.

Quân đội thực dân đẩy mạnh cuộc đàn áp. Hà Văn Mao mất, Tống Duy Tân bị bắt (1892), Tôn Thất Hàn bị địch giết. Cẩm Bá Thuộc vẫn cố duy trì căn cứ của mình. Bà con ở Lang Chánh, Thường Xuân vẫn chôn vũ khí, lương thực đến giấu ở Trinh Vạn và Làng Cúc. Quân Pháp biết vậy đã bố trí việc tìm kẹp kiểm soát rất chặt chẽ. Nhiều đồn bót được dựng lên khắp nơi vây quanh Trinh Vạn: đồn Lược, Bá Thượng, Cửa Đạt, Thổ Sơn, Lang Lừa, Nhiên Trạm v.v... Cẩm Bá Thuộc vẫn tìm cơ hội để phá thế kẹp này. Cả năm 1893, nghĩa quân tập kích đồn Quang Thôn (tháng 2), đồn Cửa Đạt (tháng 3) đồn Thổ Sơn (tháng 6), khiến quân Pháp phải điều lực lượng mạnh cùng một lúc ba đội quân do Lơ-cát, Cu-vơ-li-e và Mác-li-ê đến đánh Trinh Vạn: Cẩm Bá Thuộc lập mẹo cho người trá hàng, dẫn địch sa vào ổ phục kích, làm cho chúng thiệt hại nặng. Quân ta kéo dài cuộc kháng chiến suốt từ 1893 đến 1895. Nhưng sau đó, địch tăng cường viện binh, phong trào Cần Vương khắp nơi đều sa sút không giúp được cho nhau, Cẩm Bá Thuộc yếu thế, phải rút lên đỉnh núi Lang Ca Pô, cầm cự thêm một thời gian ngắn. Ngày 13 tháng 5 năm 1895, ông cùng vợ con và một số thủ hạ đã sa vào tay địch.

MÃ QUỐC ANH

(Cuối thế kỷ XIX)

Phong trào Cần Vương lắng xuống, vua Hàm Nghi đã bị bắt, nhưng ở nhiều nơi vẫn có những nhóm khởi nghĩa chống đối không chịu sự thống trị của thực dân Pháp, ở Cao Bằng cũng vậy. Nhiều thổ hào, thủ lĩnh nổi lên. Một số được Tôn Thất Thuyết (đã sang ở Quảng Tây, Trung Quốc) từ xa khuyến khích.

Quân Pháp đã chiếm tỉnh lỵ Cao Bằng, chia quân ra các ngả để bình định các huyện. Năm 1890, chúng đến vùng Hạ Lang. Ở đây có Mã Quốc Anh phối hợp với một người dân tộc Hoa là Tăng A Hợ, tụ tập nhân dân lại chống cự. Bà con người Nùng đều theo Mã Quốc Anh, ủng hộ ông chiếm cứ vùng đất đai phía đông bắc, từ Canh Nhân (xã Quang Lang, Hạ Lang) đến biên giới. Tăng A Hợ thì án ngữ phía tây bắc, từ Lũng Túng trở ra. Địch thấy chưa đủ sức đàn áp các ông, phải rút về Quảng Uyên, đến 1892 mới trở lại, lập đồn, toan diệt trừ nghĩa quân.

Suốt ba năm, xảy ra nhiều cuộc xung đột, quân Pháp đều bất lợi. Viên quan hai bị Mã Quốc Anh bắn chết ở đầu phố Hạ Lang. Chính quyền thực dân quay ra khủng bố dân Nùng, nhưng cũng không có kết quả. Chúng xin điều đình với Mã Quốc Anh song thực ra chỉ là dối trá.

Sang năm 1895 một viên trung tá được cử từ Cao Bằng chỉ huy việc tấn công. Chúng dùng đến ba cánh quân:

- Cánh từ Phục Hòa đánh qua Hát Pắc, Bản Đây, Na Thùng, Bí Hà (ở biên giới Việt Trung).
- Cánh Hạ Lang đánh vào căn cứ địa của Mã Quốc Anh gồm các vị trí: Lũng Lương, Lũng Cuồn, Lũng Thán, Lũng Chủ, hang Ngườm Chong v.v...
- Cánh phía tây bắc, đánh vào căn cứ của Tăng A Hợ, qua các vị trí Nga Sơn, Lũng Túng, Cốc Chìa, hang Luỹ Dẻ v.v...

Đồng thời chúng mua chuộc một số tay sai như thông lại Hoàng Văn Lương, Chánh tổng Hoàng Văn Đồi, lý trưởng Hoàng Văn Dương v.v... bày kế đưa đường, suốt trong hai tháng mới diệt được căn cứ Canh Nhân. Chúng bị thiệt hại nặng, chết một đại úy, một trung úy Pháp và hàng trăm lính. Mã Quốc Anh thất bại, bỏ căn cứ chạy sang ẩn náu ở Trung Quốc, không biết kết cục ra sao. Dù sao, một tổ chức nhỏ yếu trong lúc phong trào

Cần Vương đã bị đàn áp, mà chiến đấu dằng dai với kẻ địch suốt sáu năm trời, người đứng đầu và tập thể đồng chí của ông cũng rất xứng đáng với cộng đồng dân tộc.

(Theo sơ thảo lịch sử tỉnh Cao Bằng)

KHUNJUNOB

(1827 - 1937)

Ông là một trong những người có tuổi thọ cao nhất của dân tộc Ê Đê. Tên thực là Y Thu K'nul, quê tại Buôn Đôn, thuộc Buôn Mê Thuật, sống đến 110 tuổi.

Ông có sở trường về nghề săn voi, có đức tính dũng cảm, chân thành, được mọi người dân Ê Đê kính trọng. Những năm cuối cùng của thế kỷ 19, thực dân Pháp kéo lên Đắc Lắc, các dân tộc Mơ nông, Ê Đê đã theo những thủ lĩnh của họ như N'Trang Long, Ama Dơ hao chống địch. Y Thu đã liên lạc với những người này, và cầm đầu dân chúng Ê Đê, cầm cự bảo vệ bản mường. Rừng Buôn Đôn là nơi đã diễn ra nhiều cuộc đụng độ giữa quân Pháp và nghĩa quân Ê Đê.

Quân Pháp đẩy mạnh cuộc tấn công để bình định vùng Tây Nguyên. Các thủ lĩnh Mơ nông và Ê Đê đều bị chúng giết hại. Tình hình ảnh hưởng đến phong trào chung, bà con các buôn làng cũng sợ hãi, hàng ngũ bị tan rã nhiều. Y Thu bước sang tuổi già cũng thấy sức lực mình suy yếu. Ông buộc phải bằng lòng điều đình với quân Pháp, chúng vẫn để ông làm tù trưởng ở Buôn Đôn, tiếp tục nghề săn bắt voi, nuôi voi đem bán sang các nước: Lào, Thái. Không cầm quân kháng chiến được nữa, nhưng ông vẫn không làm việc gì cho Pháp.

Bà con Ê Đê kính trọng và thương ông - Họ thường gọi ông là Khua Prong Khunjunob, tức là Vua Khunjuaob.

(Theo sách Tây Nguyên của Hoàng Văn Huyền - NXB Văn hóa 1980)

AMA DƠ HAO

(Đầu thế kỷ XX)

Ama Dơ hao chính quê ở Ban Mê thuật, (tỉnh lỵ Đắc Lắc). Nhưng ông lấy vợ ở buôn Ea Vông, cách Ban Mê Thuật 29 km, nên theo phong tục Ê Đê, ông sang ở quê vợ.

Ông là một tù trưởng lớn có rất nhiều ảnh hưởng đối với nhân dân trong vùng. Núi rừng của dòng dõi vợ Ama Dơ hao để lại, vợ chồng ông được quyền kế nghiệp và xem là của riêng. Ai muốn vỡ rừng, làm nương rẫy đều phải xin phép ông. Mật ong, sáp ong trong rừng đều do Ama Dơ hao thu... Đàn trâu bò của ông đông tới bốn năm trăm con. Ai làm sai với phong tục tập quán đều do Ama Dơ hao xét xử Ama Dơ hao nuôi riêng trong nhà đến 200 tôi tớ...

dân Pháp thâm nhập cao nguyên Đắc Lắc, bắt phu để làm đồn binh, trại lính, đắp đường. Ama Dơ hao đã động viên nhân dân chống lại. Nhiều nơi chung quanh hưởng ứng ông. Phong trào công khai chống bắt phu phát triển, trong thời gian ngắn đã lan rộng đến huyện Madorác, tây giáp biên giới Khơ ma, bắc giáp Phi ku. Ở Buôn Ba Thiên cách Buôn Ma Thuật 35 km về phía đông, nhân dân đã dùng nỏ, tên thuốc độc chặn đánh một đoàn xe bò tiếp tế của địch, bắn chết mấy tên lính và cướp được nhiều nhiều muối và đạn.

Quân Pháp tìm cách bao vây kinh tế, không cho chở muối và dụng cụ từ xuôi lên. Ama Dơ hao đối phó lại bằng cách đưa lâm thổ sản quý, bí mật đưa về Bình Định, Phú Yên để đổi các thứ nhu yếu. Nhân dân thi hành lệnh của ông, chọc thủng được lưới bao vây và đảm bảo đều việc tiếp tế suất trong 4 năm cầm cự.

Tháng 2-1905, Pháp đưa lực lượng lớn vào tấn công. Nghĩa quân Ê Đê chiến đấu dũng cảm, nhưng không đương nổi. Ama Dơ hao cùng gia thuộc, dân làng đến 400 người chạy vào rừng sâu, nhưng cũng không thoát khỏi sự truy lùng của địch. Tháng 6-1905, Ama Dơ hao bị bắt đem về giam tại nhà lao Ban Mê Thuật. Sau hai tháng bị cầm tù, ông đã mất trong ngục. Phong trào chống bắt phu của đồng bào Ê Đê cũng bị dập tắt.

(Theo sách: Những trang sử vẻ vang của các dân tộc ít người của Đỉnh Xuân Lâm - Trần Quốc Vượng - NXBGD 1968)

PO' TAO PUI

(Đầu thế kỉ XX)

Không biết tên thực của ông là gì, có sách chép ở Oi Ất (?). Chỉ biết ông là vua Lửa (Hỏa Xá) của dân tộc Giarai ở Tây Nguyên. Ông được giữ thanh gươm thần. Theo lời nguyện, nếu một người ngoại tộc trông thấy thanh kiếm ấy thì dân tộc Gia Rai sẽ bị tiêu diệt.

Năm 1904, một viên quan Pháp là Ôđăngđan đến vùng này để dò xét tình hình. Ở đây, nhân dân các dân tộc Giarai đang nổi dậy chống thuế, chống đi phu, bắt lính. Phong trào lan rộng ra các tỉnh Plâycu, Công Tum, Đắc Lắc. Ôđăngđan lấy danh nghĩa là nhà khảo sát di tích văn hóa Chăm, đến gặp tù trưởng Pơ Tao Pui. Ông đón tiếp một cách niềm nở, xin sẵn sàng ra hàng và mời y về nhà đãi rượu.

Chè chén say sưa, Ô-đăng-đan nhắc đến chiếc gươm thần và đòi Pơ Tao Pui cho xem. Y không biết rằng Pơ Tao Pui đã bố trí người mai phục, chỉ chờ lúc y lên giọng cứng bức là ông ra hiệu. Nghĩa quân xông ra trói chặt y cùng mấy tên đi theo, lôi vào rừng giết chết (7-4-1904). Quân Pháp được tin đưa lính tráng càn quét, khủng bố buôn làng của Pơ Tao Pui. Ông đã phải lánh lên vùng thung lũng nguồn sông Ba.

Phụ lục:

... “Pơ tao chỉ là danh hiệu chỉ người thủ lĩnh của dân tộc Giarai tượng trưng cho quyền uy, truyền thống bộ tộc. Pơ Tao cũng được gọi là vua. Có hai Pơ tao đầu tiên: Pơ tao Ta và Pơ Tao Pui là vua nước và vua Lửa.

Sự xuất hiện Pơ tao gắn với một huyền thoại. Một người thợ rèn gươm, nung đỏ đã lâu mà vẫn không thấy nguội. Ông hỏi thanh gươm vì sao, gươm trả lời: "Ta chỉ nguội khi được tôi bằng máu người mà thôi". Người thợ rèn cầm ngay gư chặt đầu một người. Máu thấm vào cho gươm nguội liền, nhưng lập tức gươm tuột tay rơi xuống nước. Ông ta không làm sao mò được.

Tiếng đồn về thanh gươm lạ vang xa. Vua các nước chung quanh đều muốn có thanh gươm, đã kéo nhau đến đích thân mò lặn. Vua Chăm lấy được thanh gươm trước, nhưng vừa nhô lên thì bị vua Gia Rai cướp mất. Vua Khơ me lấy được vỏ. Vua Kinh lấy được chuôi gươm. Lưỡi gươm chiếm được, vua Giarai đưa về giầu kỹ, chỉ truyền lại cho người được tôn là Pơ tao.

TỔNG KHIÊM

(Đầu thế kỉ XX)

Chính tên là Nguyễn Văn Kiêm, người xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình, có làm phó tổng nên gọi là Tổng Kiêm. Ông đã cùng với Đốc Bang, tức Nguyễn Đình Nguyên, lý trưởng xã Mông Hóa mưu mô khởi sự.

Nguyên nhân là bởi sự căm thù bọn lang đạo nấp bóng chính quyền thực dân phong kiến hành hạ dân lành. Bố của Đốc Bang, bị tên quan lang Hòa Bình là Đinh Công Nhung trói vào bè thả trôi sông cho chết. Đồng thời, bà con dân tộc Mường ở đây cũng căm tức ách thống trị lang đạo. Tổng Kiêm và Đốc Bang quyết định khởi nghĩa.

Điều đặc biệt độc đáo là toàn thể nghĩa quân chỉ có 41 người. Họ vẫn tổ chức lễ tế tại núi Viên Mai, ngày 15-4- 1909, tôn Tổng Kiêm làm đốc tướng, Đốc Bang làm phó. Khẩu hiệu nêu lên là "Nam Sơn Hoàng Bà, khởi nghĩa Bình Tây, độc lập Chính phủ". Bài về lưu truyền về lễ tế cờ có đoạn:

Tổng Kiêm bức chí đặt bày mưu cơ

Giết trâu làm lễ tế cờ

Nguyễn Đình làm lễ binh cơ hội đồng

Thầy trò ta quyết thành công

Ta quyết một lòng nói dấy không yên

Ta làm một trận đảo điên

Đánh cho hết bọn cường quyền hại dân

Cuộc tấn công thị xã Hòa Bình diễn ra ngày 2-8-1909. Hai ông có kế hoạch chia quân thành hai nhóm nhỏ, đánh vào trại lính khố xanh, giết chết tên giám binh Se-nhô, thu được nhiều súng đạn, giải phóng tù nhân, chiếm kho bạc và các công sở. Sau đó, nghĩa quân rút lui, chuyển đi đánh các đồn khác như đồn Đồng Bến. Khuếch trương thế lực, họ chuyển sang tỉnh Sơn Tây, san phẳng đồn Hòa Lạc ở huyện Thạch Thất (27-8-1909). Quân địch vội vàng điều lực lượng lên vây đánh, ngăn không cho nghĩa quân liên lạc với Đề Thám ở bên tỉnh Vĩnh Yên.

SÙNG MI QU

(Đầu thế kỷ XX)

Ông là người thuộc dân tộc Mông. Ở Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Tiểu sử chưa kê cứu được, chỉ biết ông đã lãnh đạo nhân dân địa phương nổi lên chống Pháp.

Ngày 11- 2- 1911, ông chỉ huy 400 người Mông biểu tình trước nhà đại lý Pháp ở Đồng Văn, nêu các yêu sách: tự do trồng và buôn bán thuốc phiện, tự do chuyên chở muối. Tất nhiên là chính quyền thực dân không chấp nhận, dùng vũ lực để giải tán họ. Quân chúng dưới sự chỉ đạo của Sùng Mi Quảng đã biến thành lực lượng khởi nghĩa. Họ tấn công đánh chiếm một số đồn ở biên giới ngay vào những ngày 27-2 và 3-3-1911. Đánh đồn xong, họ tản ngay vào rừng.

Quân Pháp tăng cường đàn áp và truy quét. Mười bốn tháng sau, phong trào bị dập tắt. Sùng Mi Quảng bị cầm tù (22/4/1912).

GIANG TẢ CHAY

(Đầu thế kỷ XX)

Thường gọi ông là Pa Chay, hay Bát Chai, là người dân tộc Mông quê ở Điện Biên. Ông đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của người Mông, chống thực dân Pháp suốt ba năm từ 1918 đến 1921. Nghĩa quân do ông chỉ huy đã giao chiến với địch nhiều trận, như ở bản Nam Ngạn gần Điện Biên (1-1918), Ở Ba La Viêng (16-1-1919), ở Ba Xúc (17-1-1917), ở núi Long Hè (21-1-1919).

Quân đội của Giang Tả Chay rất linh hoạt, mở rộng hoạt động ở Việt Nam (Điện Biên) và sang cả Lào (Sầm Nưa). Nhân dân che chở, giúp đỡ cho Giang Tả Chay, quân Pháp đã phải thừa nhận là chúng không chiến đấu chống một đám giặc mà đối phó với cả một dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa kéo dài được ba năm. Sau vì thấy tình hình bất lợi, Giang Tả Chay đã sang hoạt động ở đất Lào, không rõ kết cục ra sao.

Đáng chú ý là *Truyện kể bản mường* của người Thái, cũng có bản kể đến cuộc khởi nghĩa của Giang Tả Chay. Nhưng bản này lại có thêm một chi tiết khác: Cầm Văn Oai, người Thái đã theo Pháp, dùng cách mua chuộc Giang Tả Chay. Trong túp lều ở ven rừng gần bản Xam Mứn ở Mường Thanh, Oai và Chay kết nghĩa anh em, Oai khuyên Chay tạm hoãn vì sức Tây còn lớn đánh chưa nổi... Chay nghe lời, thu binh rút sang Lào. Oai được Tây cho mề đay... Vài năm sau, Chay nổi lên đánh Tây rất lớn ở Sầm Nưa bên Lào v.v... Chi tiết này chưa thẩm tra mức độ chính xác được.

N' TRANG LÔNG

(? - 1935)

Thường gọi là Ama Trang Lơn, người dân tộc Mơ nông, quê ở làng Bu nơ Trang. Từ thuở nhỏ, ông đã được bà con Mơ nông quý mến do nhiều đức tính: thông minh, mưu trí, gan dạ. Ông sớm có tinh thần dân tộc thấy thực dân Pháp xâm chiếm, hống hách với buôn làng thì rất căm phẫn. Ông đi nhiều nơi, gặp gỡ các vị thủ lĩnh, các bậc đàn anh có thành tích chiến đấu để học hỏi kinh nghiệm. Về nơi cư trú của mình, ông giúp làng phát rẫy, tìm nguồn nước luyện tập cung nỏ và luôn luôn chứng tỏ năng lực xuất sắc của

mình. Bắt đầu có những câu chuyện đồn đại rằng N' Trang Long có phép biến hóa, có tài vũ dũng.

Bọn thực dân tiến hành việc khảo sát cao nguyên Mơ nông. Chúng lập đồn bốt, đặt cơ quan hành chính ở vùng ba biên giới (1910). Lính tráng thường hay về phá phách. Chúng đã về cướp buôn làng, giết chết vợ con N' Trang Long. Ông đã cùng các bè bạn, bộ hạ nổi dậy trả thù, tấn công đồn, phá hủy nhà tên đại lý Pháp ở Buru Sra (1912). Tiếng tăm của ông vang khắp nơi. Bọn địch càng thấy rõ ông là linh hồn của cuộc chiến đấu. Chúng nhất quyết phải diệt được N' Trang Long.

Viên đại lý Pháp là Hăng ri Metro vừa là một quan binh, một quan cai trị, vừa là một nhà khảo sát. Nắm vững tình hình địa lý, phong tục vùng cao nguyên, biết nói tiếng địa phương, H. Metro một mặt tăng cường khủng bố, một mặt cho người thương lượng với triều đình. N' Trang Long quyết định lập kế trá hàng để thanh toán món nợ với tên thực dân. Ngày 2-8-1914, một lễ "đầu thú" được tổ chức long trọng tại địa điểm Buno, cách đồn địch hơn nửa ngày đường. H. Metro được mời tới chứng giám. Cả hai bên phía địch có bốn chục lính, v phía ta là đông đảo buôn làng, có nghĩa quân trà trộn. Theo phong tục, tất cả đều phải bỏ vũ khí chất đống trước bàn để làm lễ cúng thần. H. Metro được mời tới chứng giám. H. Metro yên tâm, cho là đối phương thành thực và có kỷ luật. Bất ngờ, chính người Êđê ngồi trước mặt y đã chồm dậy, nói cho y biết ông ta chính là N' Trang Long và vung dao kết liễu đời y. Cả 40 tên lính hộ vệ cũng bị diệt luôn một lúc. Thừa thắng, nghĩa quân diệt luôn Bumêra, rồi các đồn Bu Pukha, Bu Pu thông.

Sau những chiến thắng này, nhân dân vùng Tây thêm cảm phục, càng thần thánh hóa N' Trang Long. Bà con Monông, Stiêng, Ê Đê cùng hợp sức duy trì phong trào suốt 15 năm, chặn được nhiều cuộc hành quân hoặc mở đường của bọn thực dân. Chung quanh N' Trang Long xuất hiện thêm nhiều dũng sĩ, đều là bạn bè thủ túc của ông và cũng là những chỉ huy nghĩa quân xuất sắc: N' Ong Leng, R' Dinh v.v... Mãi cho đến cuối tháng 5 năm 1935, quân Pháp mới bình định được vùng cao nguyên ba biên giới, sau khi tấn công bản doanh của N' Trang Long, bắt được cả ban chỉ huy.

CÔN PÚA

(? - 1947)

Ông là người thuộc dân tộc Tà Ôi, ở làng A Xốp, miền rừng núi Hưng Hóa tỉnh Quảng Trị. Thực ra Côn Púa không phải là tên. Người Tà Ôi không quen gọi họ (sau cách mạng tháng 8, bà con lấy họ Bác Hồ làm họ của mình). Côn có nghĩa là con. Púa là tên của con trai. Dân tộc ở đây có tục gọi tên theo tên con trai đầu lòng.

Hồi nhỏ, Côn Púa đã được theo cha và dân làng hưởng ứng lời chiêu Cần Vương của vua Hàm Nghi (1858). Khi Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Trị, đồng bào dân tộc các động ở Cam Lộ, Tân Sở, Mai Lĩnh v.v... ra đón xa giá và ủng hộ lương thực. Bố của Côn Púa lúc ấy là một già làng (Ariay) được nhà vua ban cho cái áo.

Cuộc Cần Vương thất bại; chính quyền thực dân bình định các vùng, tiến hành làm đường, lập đồn điền để khai thác các vùng rừng núi. Người cha đã mất, Côn Púa được thay làm ay làng A Xốp. Ông đã tập hợp các trai làng khỏe mạnh lập đội vũ trang, tích trữ lương thực, bố trí phòng thủ để chống lại quân Pháp những lúc chúng lên quấy nhiễu, tàn phá bản làng. Có lúc ông tổ chức những cuộc chiến đấu, tiêu diệt được cả một toán Pháp. Nhiều bản làng thuộc các dân tộc khác như Vân Kiều, Cơ Tu và cả dân tộc Kinh cũng hưởng ứng ông.

Tháng 8-1945, Côn Púa đã cùng bộ hạ của mình xuống núi tham gia cướp chính quyền ở Khe Sanh. Sau đó, ông được bầu làm chủ tịch mặt trận Việt Minh địa phương. Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã cùng bà con Tà Ôi, Vân Kiều nuôi dưỡng đội biệt động, tham gia chiến đấu chống địch. Cuối năm 1947, Côn Púa mới qua đời.

(Theo tài liệu điều tra của Nguyễn Quốc Lộc trong sách Danh nhân Bình Trị Thiên NXB Thuận Hóa 1986)

NÔNG VĂN DÈN

(1929 - 1941)

Còn có tên gọi là Kim Đồng (tên của tổ chức cách mạng đặt cho). Kim Đồng quê ở làng Nà Mạ, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Mặc dù còn ở tuổi thiếu niên, Kim Đồng đã tham gia vào hội cứu quốc trong mặt trận Việt Minh những ngày đầu thành lập. Anh được giao nhiệm vụ làm liên lạc và canh gác bảo vệ cho các chiến sĩ Việt Minh hoạt động bí mật. Anh đã được dịp gần gũi lãnh tụ Chí Minh, lúc này có bí danh là Thu Sơn (Già Thu) ở hang Pác Bó.

Kim Đồng có nhiều đức tính: thông minh gan dạ, biết xử lý kịp thời trong khi làm nhiệm vụ giao thông liên lạc, trung thành và dũng cảm. Anh bị địch bắn trúng trong một chuyến đưa thư. Mộ Kim Đồng hiện ở Nà Mạ, trong khu di tích lịch sử Pác Bó. Tên anh được dùng đặt cho nhà xuất bản chuyên về các sách phục vụ đối tượng thiếu niên nhi đồng. Anh được xem là biểu tượng người đội viên đầu tiên của phong trào thiếu nhi Việt Nam từ giữa thế kỷ 20.

(Theo truyện thiếu nhi Kim Đồng của Tô Hoài - 1981)

PHẦN V MỘT SỐ THẦN TÍCH

THẦN THÔNG, CƯƠNG NGHỊ, HÙNG CƯỜNG

Tương truyền đời Hùng Vương có một vị sơn thần thuộc dòng dõi nhà vua kế lập giữ chức Quang tên là Quý Công. Ông là một vị quan trung trực, có đức độ khoan hòa, trọng nghĩa khinh tài, thanh liêm khí khái. Bà Hòe Lang, vợ ông là người phụ nữ nhân đức, dốc lòng giúp kẻ yếu, cứu kẻ nguy nan, được dân trong vùng một lòng kính phục. Một năm, trời làm mưa lớn, nước dâng cao mùa màng mất sạch. Dân tình đói khát, trộm cướp nổi lên như ong. Nhà vua giáng chiếu sai Quý Công đi kinh lược hai sứ Sơn Tây và Sơn Nam. Ngài lạy tạ bệ rồng, đem binh mã lên đường.

Ngài đời gót đến thôn Quang, xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi vừa lúc mặt trời gác núi, bèn tạm dừng quân ở chùa Cảnh. Nửa đêm, ngài đang ngủ trong chùa bỗng thấy trên điện sáng rực hào quang có Phật kim thân đầu đội mũ trăm sao, tay cầm ba quyển sách vàng phán rằng: *"Đức Ngọc Hoàng sai ta mang ba con hổ xám và quyển sách này xuống trao cho Chúa Công. Sau này ngài sẽ có ba đứa con là ba vị sơn thần cứu dân cứu nước"*. Liền lúc đó vị thần mở ngay cuốn sách vàng ra đọc: *"Ba vị sơn thần được đầu thai, làm con của Chúa Công là: Đệ nhất đương cảnh thần hoàng thần thông đại vương, Đệ nhị đương cảnh thành hoàng cương nghị đại vương, Đệ tam hùng cương đại vương"*.

Bỗng nhiên tiếng sấm nổ rất to, Quý Công giật mình tỉnh dậy mới biết là thần nhân báo mộng. Sáng sớm hôm sau, xa giá về đến huyện Thiên Thi, ngài đem điềm chiêm bao ra kể lại cho dân chúng nghe. Mọi người đều nói: *"Nhà quan có hồng phúc rất lớn tất sẽ có Sơn thần đầu thai làm con"*.

Một hôm bà Hòe Lang đang ngồi ở phòng tây, tựa lưng vào lan can, bỗng bâng khuâng như thể chiêm bao. Bà thấy 3 con hổ xám ở đâu bay ra vây lấy bà, một lát biến mất. Bà nhìn kỹ ba pho tượng Phật kim thân tự nhiên biến thành ba đứa trẻ râu với bà: *"Chúng con là Sơn thần, được Ngọc Hoàng cho đầu thai làm con của Chúa Công"*. Bà Hòe Lang tỉnh mộng, kể ngay giấc chiêm bao cho Quý Công nghe.

Sau đó bà Hòe Lang có thai mười hai tháng, đến mồng mười tháng ba đẻ ra một cái bọc. Phá bọc ra thấy ba cậu con trai khôi ngô tắn tú, tay dài chắm gót, dưới chân có bảy cái lông, sau lưng có bảy nốt ruồi đỏ dàn hình như sao Bắc đẩu, oai phong lẫm liệt lạ thường. Trong và sau khi bà sinh, mưa to, gió lớn đến hơn chục ngày chưa tạnh. Lại có một đám mây xanh như hình cái tán hiện ra che chở, hương bay ngào ngạt quyện mấy ngày không tan. Chúa Công rất mừng, truyền cho quân lính lập đàn chay cúng tế trời đất bách thần. Cúng tế xong, tán đàn thì gió mưa cũng vừa tan hết. Chúa Công bèn truyền gia thân giết trâu bò mở tiệc khao mừng hát xướng trong ba chục ngày mới thôi.

Thu qua, xuân lại, các ông lên bốn tuổi đời. Chúa Công đặt tên cho con thứ nhất là Thần Thông, con thứ hai là Cương Nghị, con thứ ba là Hùng Cường. Các ông bản tính thông minh, bách gia chư tử đều am hiểu sâu sắc, người đời đều khen là con người kỳ dị. Đến khi các ông mười tám tuổi bố mẹ đều qua đời. Để tang bố mẹ ba năm, ba ông được vua triệu về bái kiến. Nhà vua hỏi đến đâu, ba ông ứng xử trôi chảy đến đây. Nhà vua có lời khen ngợi ba ông; *“Là kẻ quốc sĩ không ai sánh kịp”*. Danh tiếng ba ông vang dội trong triều, đức độ ba ông tỏa khắp tám cõi, nhà vua rất tin tưởng. Chiều hôm, ban sớm ba ông không lúc nào xa cách mặt rồng. Vua phong chức cho ông cả Thần Thông. trấn thủ Cửa Đông, giữ chức Thái Bảo tướng quân. Ông hai là Cương Nghị trấn thủ Cửa Tây, giữ chức Tham Tán tướng quân. Ông ba Hùng Cường trấn thủ Cửa Nam giữ chức Thái Phó tướng quân.

Hồi ấy, vua Hùng có một cô đồng vợ của Bá Long, là người tinh thông thiên văn địa lý. Vua thường hỏi bà ta về quốc kế dân sinh. Ba ông vốn tính trung thực thấy thế lấy làm gai mắt thường dâng sớ tâu: *“Cô đồng vốn là người đàn bà ngu si, làm gì mà biết trước được việc trời đất, chẳng qua chỉ nói hoang đường làm cho lòng vua mê hoặc”*. Cô đồng phật ý bèn làm lễ hỏi trời rồi phán rằng: *“Nhà vua kiêu căng, trời sẽ giáng tai họa, nước nhà 'sẽ xảy ra biến cố’”*.

Quả nhiên, tướng giặc Ân là Thạch Linh thần tướng khởi binh trăm vạn đánh phá biên giới. Thư biên giới cáo cấp về triều, vua vô cùng lo sợ, liền phong cho ba ông chức thống chế tiền quân đem ba vạn quân tinh nhuệ đánh nhau với giặc. Hai bên đánh nhau hơn mười hiệp chưa phân thắng bại. Ba ông bèn rút quân về ở thôn Quang xã Thổ Hoàng. Các ông ngắm địa thế

ở thôn này có hình kim qui uống nước, gò kim tinh đóng ở giữa ao làm tiền án, đằng sau có một giếng nước trong bốn mùa không cạn. Ba ông bèn truyền lệnh cho binh sĩ và gia thần dựng đồn lập trại để chống cự với quân Ân. Một tháng sau dân trong thôn Quang bị ốm đau nhiều, bèn lập đàn cúng tế. Trời đất bách thần xin âm phù tế độ. Đang hành lễ thì thấy trong chùa hào quang sáng rực, một vị thần mặc áo hoàng bào, đội khăn đỏ, cưỡi ngựa hồng, tay cầm thanh long đao từ chùa Cảnh đi ra đến thẳng chỗ lập đàn báo: *"Ta là vị long thần ở chùa này, vâng mệnh Ngọc Hoàng giáng đàn báo cho dân biết, nay có ba vị tướng quân vôn là Sơn Thần giáng thế, hộ nước cứu dân, đến đây đóng đồn đánh giặc mà nhân dân điem nhiên không biết lễ nghi gì cả"*. Nói xong biến mất, dân tình kinh sợ bèn mổ trâu bò làm lễ mừng ba vị tướng quân. Ba vị thừa lại cùng dân: *"Ba vị anh em chúng tôi vâng mệnh nhà trời xuống đánh giặc giúp nước cứu dân. Sau này sẽ làm đương cảnh Thành hoàng trấn giữ phương này. Dân chúng với anh em chúng tôi đã thành nghĩa cũ. Nhân dân hương hỏa phụng thờ chúng tôi. Dân làng yên ổn không sinh bệnh tật, không xảy ra hỏa hoạn, xóm làng yên ổn"*. Nghe lời truyền phán nhân dân ai nấy đều khâm phục đức độ của ba vị tướng quân. Trong lúc chiến tranh mà giáo hóa của ba vị tướng quân thấm vào lòng dân biến thành phong tục thuần hậu, lúc động thì ra quân đánh giặc, lúc yên tĩnh thì có chế độ nuôi người nhà, cứu giúp người nghèo, đối với tân khách thì tỏ lòng hào hiệp. Đức độ của các ngài cao cả cho nên dân địa phương đều tự nguyện làm gia thần xin đi đánh giặc. Ba vị tướng quân truyền cho binh sĩ và nhân dân thiết lập đồn trại ở làng Thổ Hoàng, kiểu đất như hình hoa sen.

Thế giặc ngày một mạnh, bỗng có Thiết xung thần vương ở quận Võ Ninh xuất hiện. Ba ông cùng với Thiết xung thần vương kháng cự quyết liệt với giặc. Ông Thông được phong chức thống chế đại tướng quân chỉ huy toán quân tiên phong. Ông Nghị cùng với ông Cường được phong làm tả hữu thái phó tướng quân chỉ huy các đội quân đường thủy. Ba vị tướng quân đón đánh quân Ân ở Kinh Bắc và sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng. Bỗng thấy quân Ân đi đường thủy kéo đến, bóng cờ rợp đất chiêng trống nổi lên như sấm. Ba vị tướng quân múa đao xông vào đồn lũy giặc, chém đầu tướng giặc và hơn trăm đầu lính. Đánh nhau kịch liệt, hai ông bị rơi đao, cúi xuống nhặt thì hai cánh quân giặc ập tới. Hai ông chạy thẳng ra cánh đồng, trông thấy kiểu đất hình con chim rất quý bèn ngửa mặt than rằng: *"Tình thế này khiến cho anh hùng nhỏ lệ"* vừa dứt lời thì hai con hổ xám từ trong

mình các ông nhảy ra và bay thẳng lên trời. Dân chạy đến xem thì không thấy hình tích của hai ông, chỉ còn mũ áo để lại, trong khoảnh khắc, kiến mới xông lên thành hai nấm mồ. Thấy sự lạ, dân trở về đền đóng của các ông khi xưa lập miếu thờ cúng.

Còn ông Thông thì tả xung hữu đột ở chốn trận tiền. Chém giặc không biết bao nhiêu mà kể, xác giặc đầy ngập sông làm cho nước không chảy được. Giặc tan ông Thông đem quân về xã Thổ Hoàng huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu. Đi thẳng vào sinh từ của mình, ông cho vùi phụ lão đến mà bảo: *“Ta nghe tin hai em đã hóa, nên bảo cho dân biết nên lập đền thờ”*. Sau đó ông đến thăm mộ hai em, bỗng trời đất tối sầm lại: ông thấy hai em hiện lên bảo: *“Số mệnh thiên đình hết hạn ở trần gian rồi, Đức Ngọc Hoàng sai chúng em đến rước anh về”*. Dứt lời bóng con hổ xám từ trong mình Thông Công nhảy ra bay thẳng lên trời. Trong chốc lát chỉ thấy mũ áo ông để lại còn hình dạng biến mất. Dân đang biểu tâu vua, vua ngậm ngùi than thở: *“Nước nhà vừa qua bị giặc Ân tàn phá, nay nhờ có các vị thiên thần, sơn thần, thủy thần giúp sức, đến nay đất nước thanh bình thì các ngài đã qui hóa hết cả, thật đáng truyền”*. Vua phong cho các vị làm phúc thần, hưởng sự thờ cúng của nhân dân. Vua lại phê chuẩn cho thôn Quang xã Thổ Hoàng lập miếu phụng thờ, lại ban cho năm trăm quan tiền xanh và sai sứ giả về cùng dân sửa sang lăng mộ đền đài. Lăng mộ được nhân dân ở đây gọi là mả v>

LINH CÔNG, THỦY CÔNG, ĐÀO CÔNG

Tương truyền Đức Công người ở trang Nghĩa Cương huyện Sơn Vi, phủ Thao Giang, xứ Sơn Tây, vốn dòng dõi Hùng Vương. Vợ ông là Lễ, con gái họ Lê ở trang Kênh Bôi, xã Đặng Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, xứ Hải Dương. Thân mẫu của Á Lễ chiêm bao thấy con giao long đang giao hợp sau đó còn diều quanh bà. Từ đó bà cảm động mà mang thai, sinh ra Á Lễ. Á Lễ từ bé đã thông minh xinh đẹp nổi tiếng. Tuổi vừa đôi tám, nàng kết duyên với Đức Công. Vợ chồng đẹp đôi phải lứa, sống rất tâm đầu ý hợp nhưng đã mấy năm rồi mà chưa có con. Đến khi Đức Công năm mươi ba tuổi ông bảo với vợ: *“Vợ chồng nay tuổi cao mà chưa có con,*

hoặc là chưa thấu đến lòng trời, hoặc việc người còn thiếu sót chẳng. Chi bằng tìm đến nơi đền miếu linh thiêng, hoặc danh lam thắng cảnh cầu phật cầu thần để phù hộ độ trì cho có chút con cái làm bầu làm bạn".

Sau đó vợ chồng biện lễ vật, đến đền Nam Hải thắp hương cầu đảo, nguyện ứng điềm lành. Lúc mặt trời gác núi, hai vợ chồng ngủ lại để cầu thần báo mộng. Đến cuối canh ba, nàng Á Lễ bâng khuâng nửa tỉnh nửa mê, bỗng thấy mây ngũ sắc bay lại, bay đi trong điện, cả ngôi đền bỗng sáng rực ánh hào quang. Chợt có một con rồng từ đám mây lao xuống, diễu quanh phu nhân ba vòng. Phu nhân cả sợ, thét lên ba tiếng, tỉnh dậy, kể điềm chiêm bao cho Đức Công nghe. Đức Công nói: *"Nhà ta phúc hậu đã đợ đất trời soi xét, cứ như điềm chiêm bao, giờ đất giáng phúc lành".*

Vợ chồng lễ tạ thần linh rồi lên xe loan về bên quê ngoại ở Kênh Bôi. Ngay lúc ấy, phu nhân xuống tắm ở bên sông, bỗng thấy con giao long diễu quanh dưới chân, rồi phun rãi thơm vào thân thể bà. Bà cả sợ chạy thẳng lên bờ, gột rửa mãi cũng không hết. Phu nhân kể lại cho Đức Công nghe, Đức Công bèn nói: *"Bản mệnh của ta thuộc về thủy thần, nhất định sẽ đẻ ra thủy thần".*

Nói xong ông bà lại trở về nội trị ở xứ Sơn Nam thuộc đạo Kinh Bắc. Nửa đêm, Đức Công nằm ở chính cung, bâng khuâng như thể chiêm bao, thấy một người bung một cái mâm vàng, trên mâm đặt ba con cá chép đầu rồng, đuôi như đuôi con giao long. Người kia dâng lên trước mặt Đức Công, nói rằng: *"Quan lớn là người phúc hậu, nay trời đã ban cho ba con cá chép báu và một bài thơ, cứ xem đó đủ biết được tương lai".* Đức Công nghe xong chưa kịp hỏi thì người kia đã biến mất. Đức Công mở bài thơ xem, có bốn câu sau:

"Quảng Lãng giang hồ Kênh Bôi tân

Tam ngư thiên bảo hứa quân nhân

Nhất đường ngư thủy long vân hội

Long chủng giai sinh long chủng thần".

Dịch nghĩa:

"Sông Quảng Lăng với bến Kênh Bồi có ba con cá là của báu nhà trời ban cho nhà quan. Đây là điềm báo trước hội rồng mây cá nước một nhà. Là giống rồng cho nên đẻ ra vị thần giống rồng".

Đọc xong, bỗng tỉnh lại. Đức Công nghĩ điềm lành thấy rõ ở trong chiêm bao, thế nào con cũng thành vương. Quả nhiên vừa được một tháng phu nhân cảm thấy tâm thần bồn chồn có vẻ như có mang. Đến ngày mùng mười, tháng hai năm Giáp Tý, Ả Lễ đẻ ra một bọc có ba đứa con trai, tướng mạo khác thường, cằm én mày ngài, mặt rồng, trán hổ, lưng có hai mươi tám điểm nổi lên như những vẩy cá. Đức Công mừng thầm, cho là thủy thần giáng sinh, tỏ ra kính trọng hết mực, và tâu cho vua Hùng biết. Thấy trạng mạo ba cậu bé khác hẳn người thường, Hùng Vương cho rằng sau này ba chàng tất sẽ hiển đạt, bèn đặt cho cậu cả là Linh Công, cậu thứ là Thủy Công, cậu ba là Đài Công. Nhà vua còn truyền cho trang Kênh Bồi, xã Đặng Xá làm ấp ăn lộc của ba ông, và sau này sẽ là nơi thờ phụng các ngài.

Ngày qua tháng lại, ba ông lên tám, thông minh dĩnh ngộ, không phải dạy dỗ mà ăn ở rất có khuôn phép, chưa đi học đã biết chữ. Khi ba ông đi chơi ngoài đường, trên không hiện ra đám mây hồng như hình các tán che đầu, ba ông đi đến đâu thì sấm chớp mây mưa kéo theo đến đấy. Ba ông rất thích tắm sông, có thể ở dưới sông cả ngày không cần lên bờ. Tiếng đồn về ba ông bay khắp thiên hạ, anh hùng hào kiệt bốn phương thấy đều kính phục. Năm ba ông mười tám tuổi, văn võ toàn tài, oai phong lẫm liệt, đức độ khoan hồng, gần xa nức tiếng.

Hồi ấy, nước lũ dâng lên rất to, lúa má hoa màu bị hư hại nặng, mười phần mất chín, nhân dân rất đói khổ, cơ cực. Nhà vua bèn phái ba ông đi tuần du, xem xét tình hình đời sống nhân dân và trông coi việc đắp đê trị thủy. Một hôm ba ông đi qua bản Á (tức trang Kênh Bồi), nhân dân làm lễ lạy mừng và xây dựng hành cung cho các ông ở trong những ngày trị thủy. Mới được vài ngày, nước lũ dâng cao, tràn cả vào hành cung, ba ông truyền cho dân chặt cây ngăn nước. Song thủy thế rất mạnh, khó chống giữ nổi, ba ông cả giận mắng: *"Loài thủy tặc tác oai tác quái làm hại trần gian, ta nay kính dâng mệnh vua, toàn quyền trông coi thủy quốc. Chúng mày, lũ thủy tặc, dám hoành hành làm hại nhân dân. Dù trần gian hay là thủy quốc pháp luật cũng có chỗ giống nhau, nếu không nghe mệnh lệnh của ta, tội chúng mày khó mà tha thứ"*. Ngay lúc đó ba ông bâng khuâng, bải hoải, chiêm bao

thấy hai vị tướng ở dưới sông rẽ nước lên bờ, xông vào đánh nhau với ba ông. Ba ông dàn quân đánh giáp lá cà, đánh nhau hơn mươi. Sau đó, ba ông giương nỏ bắn ba phát, phóng ngựa đuổi theo, chém đầu hai viên đại tướng thủy tặc và chém hơn trăm đầu binh sĩ của chúng. Bỗng nghe ba tiếng sét ba ông giật mình tỉnh dậy, mới biết là chiêm bao. Sáng hôm sau, nước lũ mọi nơi tự nhiên rút hết. Từ đó bốn trang thuộc xã Đặng Xá đều yên ổn. Trị thủy xong, ba ông phụng mạng về triều bái tạ nhà vua: vua cử ba ông Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam để thừa kế nghiệp cha. Ba ông lạy tạ vua rồi đem quân đi các xứ, trị nhậm được hơn mười năm.

Một thời gian sau quân của Thạch Linh thân tướng sang xâm lược nước ta. Ba ông đã hợp lực cùng với Thiết Xung Thần Vương ở làng Phù Đổng quận Võ Ninh phá tan giặc. Khải hoàn, ba ông cưỡi thuyền rồng về đến sông Quảng Lăng huyện Kim Thi (Ân Thi), bỗng thấy cơn gió lốc từ Tây Bắc kéo đến, trời đất mù mịt, trông sông sóng cồn lên dữ dội, nghe có tiếng quát rất to: *"Ta cùng thân mẫu trở về thủy quốc"*. Nhân dân nghe thấy đều kinh sợ. Trong gió mưa, dân thấy bà Ả Lẽ, thân mẫu của ba ông đi đến bên sông mà thuyền rồng và quân sĩ đang chờ sẵn. Bà quay lại bảo với dân rằng: *"Ta cùng ba vị tướng quân có lời chào vĩnh biệt bà con. Bà con hãy về cung điện làm lễ, sẽ được hưởng phúc muôn đời"*.

Ngày bốn vị cùng hóa là ngày mười lăm tháng bảy năm Ất Mùi. Nhân dân lạy tạ các vị rồi về cung điện sửa sang tế lễ rất trọng thể. Trong khi hành lễ, mây mù nổi lên, mưa to gió lớn kéo đến, các loài thủy tặc như giao long, ba ba, tôm cá đều bơi lên mặt nước chầu về cung điện. Dân tâu lên vua công trạng và việc hóa của các ông, vua mừng rỡ phán rằng: *"Thiên thần và thủy thần cùng giúp trần gian trẫm không phải lo lắng gì nữa"*. Bèn mở yến tiệc linh đình phong thưởng cho công thần, tướng sĩ.

Vua chuẩn y cho thôn Kênh Bôi, xã Đặng Xá, huyện Đường Hào phủ Thượng Hồng phụng sự. Các ngài rất anh linh: Tương truyền Đinh Điền (đời nhà Đinh) đi dẹp loạn mười hai sứ quân. Khi đi qua đền, Đinh tướng quân làm lễ mật đảo và được âm phù chiến thắng. Đinh tướng quân bèn đề thơ:

Sinh hóa diệc đồng thứ nhất tâu

Sinh vị danh tướng hóa vị thân

Lãng giang Kênh Bối gian lưu tích

Vũ trụ đường đường cựu tứ thân.

Dịch nghĩa là: Sinh và hóa cũng cùng một bên sông này. Khi sống làm bậc danh tướng, khi hóa làm thần. Ở Kênh Bối và Lãng Giang đều lưu dấu tích, vũ trụ đường đường cũ cũng như mới.

Đến khi vua Trần đánh giặc Nguyên, vua sai quan biện lễ cầu đảo ở đền. Trần ấy thắng to, Lê Phụ Trần cưới ngựa trắng đi tiên phong chém được tướng Ô Mã Nhi, chặt làm ba đoạn ném xuống sông Bạch Đằng. Thắng giặc Nguyên; nhà vua trở về thành Thăng Long mở tiệc khao thưởng công thần tướng sĩ, đồng thời bao phong bách thần.

ĐÀO AN, ĐÀO Ý

Tương truyền ở đạo Thanh Hoa, có một người tên là Đào Lang vợ là Thị Loan, tay nghề buôn quế sinh nhai sau trở nên giàu có. Tuy làm nghề buôn bán song là người hiền hậu, hai vợ chồng rất được quý mến. Ông bà đi chợ về, gặp trời tối bèn vào trọ ở miếu của khu Cựu Dũ huyện Văn Lâm. Đến đêm, bà Loan chiêm bao thấy hai người đàn ông áo mũ chỉnh tề từ phương Bắc đến tự xưng là quan thủy thần, phụng mệnh thiên đình xuống đầu thai làm con. Nói xong đưa cho bà hai quả trứng bảo bà nuốt đi. Bà tỉnh mộng, đem kể chuyện đó cho chồng nghe. Chồng bà cho đó là điều tốt lành bèn làm lễ mật đảo. Bỗng thấy ánh hào quang từ trong miếu bay đến phủ lên mình bà Tạ Thị. Về nhà bà có mang, đến mười hai tháng năm Giáp Thìn thì đẻ ra một bọc có hai cậu con trai khôi ngô tuấn tú. Bà đặt cho cậu cả tên là Đào An hiệu Ninh Tĩnh, cậu thứ là Đào Ý hiệu là Mỹ Đức. Đến năm hai cậu mười lăm tuổi, Cao Minh, đọc nhuần nhuyễn binh thư, sở trường về võ lược. Năm mười tám tuổi, bố mẹ đều mất cả. Hai ông an táng chu tất và để tang bố mẹ ba năm. Vừa lúc đó, Hùng Dụ Vương giáng chiếu cho các châu huyện cử người hiền tài kiêm toàn văn võ để nhà vua sử dụng và trao quan tước. Hai ông ứng tuyển và khi ra mắt nhà vua, hai ông rất được nhà vua quý mến. Vua phong cho Đào An làm chỉ huy sứ tả tướng quân, Đào Ý là chỉ huy sứ hữu tướng quân.

Hồi ấy có Thục Phán cũng là dòng dõi Hùng Vương, thụ phong ở nước Ai Lao. Nghe tin Hùng Duệ Vương không có con trai mà lại tuổi cao sức yếu, bèn đem quân sang xâm lược nước Văn Lang. Thanh thế quân Thục rất mạnh, thư cáo cấp từ biên giới gửi về ngày mấy bận, Hùng Duệ Vương lấy làm lo sợ, bèn vời đức thánh Tản Viên đến hỏi kế đánh giặc. Sơn Thánh tâu: *“Hơn hai nghìn năm nay đã có tới sáu bảy vị vua hiền, công đức cao dày thấm xương tủy người dân. Hiện nay nước giàu binh mạnh, oai đức nhà vua lan khắp bốn phương trời, lòng trời yêu mến cho các vị hiền tài giáng thế giúp đời như hai người con họ Đào (tức Đào An, Đào Ý) . Ngoài ra có biết bao nhiêu là thần núi, thần sông cũng đều xuống trần giúp nước. Quân Thục thật không đáng kể, chỉ trong một ngày đủ dẹp tan được. Thần xin đề cử hai vị tướng họ Đào cầm quân chặn đánh các ngã đường. Riêng thần thay mặt nhà vua gánh vác khó nhọc, khiến tướng điều binh đánh nhau với giặc”* . Hùng Vương cả mừng gọi hai ông đến, cử làm tướng tiên phong chặn hai ngã đường Tây Bắc. Hai ông phụng mệnh lên đường. Đến trang Cự Dũ huyện Gia Lâm phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc (xưa là Võ Ninh), hai ông thấy địa thế Cự Dũ phong quang, có sơn thủy bao bọc, có long châu hồ phục bèn truyền đóng quân tại đây, lập đồn trại để chặn đường đánh giặc. Thấy dân chúng hoang mang lo sợ, hai vị tướng quân họ Đào bèn phủ dụ dân: *“Quân của ta không như quân của kẻ xâm lược. Ta không bao giờ hại dân, dân cứ yên tâm làm ăn”*. Dân bèn làm lễ tạ ơn và xin làm tôi con để phụng sự hai ông. Hai ông chọn lấy hai mươi lăm trai tráng trong bản làm gia thân. Phụ lão và nhân dân tâu: *“Hai vị tướng quân dùng oai, đức để cảm hóa mọi người, khiến cho dân chúng an cư lạc nghiệp. Sau này xin lấy chỗ đóng quân để làm miếu phụng thờ hai ngài”*. Hai ông vui lòng đồng ý. Hai ông hỏi thăm về ngôi miếu mà thân mẫu đã hoài thai sinh ra hai ông. Phụ lão tâu: *“Ngôi miếu ấy thờ hai vị thủy thần rất anh linh. Nhưng khoảng hơn hai chục năm nay, có người Thanh Hóa đến trọ, từ đó đến nay không còn thiêng nữa”*. Hai ông nói: *“Người xứ Thanh chính là thân mẫu của chúng tôi đấy”*. Bèn đem vàng ban thưởng cho dân và đưa riêng mười nén vàng tậu ruộng hương hỏa trao cho dân làm tự đền để chi vào việc cúng tế sau này. Sáng ngày hôm sau, sứ giả đem chiếu chỉ của vua lệnh cho hai ông tiến quân đánh Thục. Trước khi ra trận hai ông cho mổ trâu lợn tế trời đất bách thần, khao thưởng binh sĩ dân chúng địa phương. Sau đó hai ông đem quân đóng ở núi Sóc Sơn, cùng Tản Viên Sơn Thánh hội binh bàn sách lược tấn công. Bỗng nhiên quân Thục ở đâu kéo đến đông như kiến. Sơn Thánh

và hai ông chỉ huy quân đánh nhau với Thục, chém được viên tướng và vài nghìn đầu giặc, thu được nhiều vũ khí. Quân Thục bỏ chạy tán loạn.

Thượng tuần tháng giêng Tản Viên Sơn Thánh khen ngợi hai ông và dâng sớ tâu lên. Vua cho vời hai ông về kinh, rồi mở yến tiệc khao thưởng quân sĩ rất long trọng. Hai ông được vua ban cho thái ấp ở Kinh Bắc làm chỗ hưởng lộc. Hai ông lạy tạ trở về thôn Cự Dữu, Gia Lâm, tu sửa miếu mạo và mở tiệc chiêu đãi nhân dân. Trong lúc vui yến ẩm, bỗng có một đám mây dài như hình dải lụa từ trên trời bay xuống, hai ông bay lên theo đám mây đến bên sông thì biến mất. Hôm ấy là ngày 15 tháng 8. Dân tình cả sợ làm lễ tâu lên vua. Nhà vua sai quân về làm lễ tế bái, sắc phong làm thượng đẳng phúc thần.

Đền triều Lê Đại Hành khảo sát bách thần, thấy hai ngài anh linh bèn phong cho vị thứ nhất là *An Tĩnh Tế Thế Phụ Quốc Tá Thánh hiển ứng Linh Thông Đại Vương*, vị thứ hai là *Ý Đức Tế Thế Phụ quốc Tá Thánh Hiển ứng Linh Thông Đại Vương*. Từ đó về sau đền thờ rất linh ứng được các triều vua gia phong duệ hiệu.

Đời Trần Thái Tông có quân Nguyên sang xâm lược, kinh thành bị vây hãm chiếm đóng, Trần Quốc Tuấn phụng mạng đến cầu đảo ở đền hai vị đại vương, được hiển ứng âm phù. Sau khi bình xong giặc Nguyên, nhà vua phong là *Linh ứng Anh Triết Hiển Hiệu Trợ Thuận Đại Vương*.

Đời Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh lấy lại được nước bèn phong tặng hai vị là *Phổ Tế Cương Nghị Anh Linh*, lệnh cho làng Cự Dữu trùng tu miếu mạo để thờ phụng.

PHẠM ĐẠT - PHẠM DŨNG

Tương truyền ở cách Biện Sơn, huyện Lô Dương, phủ Thuận Thiên, Châu Ái có người tên là Phạm Đạt, làm chức điền binh sự vụ Sơn Nam, vợ là con gái họ Đinh ở trại Trì La tên là Đinh Thị Duyên, Phạm Đạt lập gia cư tại quê vợ. Ông bà khi ngoài bốn chục tuổi mà chưa có con trai, bèn đến chùa Đế Thích Thiên Vương cầu tự. Phạm Đạt và phu nhân vào lễ xin cầu thần báo mộng. Đêm ấy chiêm bao thấy một vị áo mũ chỉnh tề, râu dài xanh tốt,

dáng người thanh tú khác thường; bảo Phạm công rằng: *"Nhà ngươi có thích đấu cờ không?"* Phạm công thưa: *"Tôi không biết đánh cờ"*. Cụ già nói: *"Cờ là một sự huyền bí của trời đất, nhân gian khó mà biết được. Ta xét nhà ngươi phúc hậu, nay cho ngươi hai quân bằng đá, đem về làm gia bảo"*. Ông tỉnh mộng, lay tạ rồi về quê. Vài tháng sau, bà Đinh Thị có mang. Khoảng bảy tháng sau, vợ chồng Phạm Đạt về quê chịu tang chú ruột rồi ở tại quê nhà. Đến ngày mồng chín tháng ba năm Kỷ Mùi, trời đất bỗng tối tăm, gió thom đưa đến sức nước bốn chung quanh nhà, ánh hào quang sáng rực trong phòng, Phu nhân trở dạ đẻ được hai cậu con trai, mày ngài cằm én, tay dài chấm gối, bàn tay có bảy chiếc lông mọc dài. Sau một trăm ngày, Phạm công đặt tên cho ông thứ nhất là Đá, ông thứ hai là Dững. Năm lên tám tuổi, Phạm công cho tự học ở Ngô tiên sinh, học mới vài năm mà đã thông kinh sử. Mấy năm sau cả hai bố mẹ đều mất vào ngày mười hai tháng bảy. Hồi ấy họ Võ là một họ to ở bản ấp, thấy hai ông là kẻ anh tài mẫn tiệp, họ cho là không phải con người tầm thường, muốn dụ dỗ để nuôi và hứa gả con gái cho, nhưng hai ông là người có chí khí hơn người, đâu có chịu sự luồn cúi như vậy. Hai ông tính khí cương cường trí dũng, thường tập hợp những tay chơi ở trong vùng đến ăn cướp nhà họ Võ, làm cho họ cảm phần quyết tâm trừ khử hai ông. Họ từng cho gia nhân đi tróc nã ba bốn phen đều không có kết quả gì. Trước tình hình như vậy, anh em bảo nhau tìm phương lánh nạn đến ở nhờ quê ngoại thôn Trì La thuộc huyện Thiên Thi xứ Sơn Nam. Đến địa phận bản thôn vào lúc trời nhá nhem tối cổng làng đã đóng "Nội bắt xuất ngoại bắt nhập" rất là nghiêm ngặt, hai ông bèn nằm ngủ ở cái quán đầu làng. Đêm ấy các họ trong bản ấp đều chiêm bao thấy một ông quan mũ áo chỉnh tề, cưỡi con ngựa hồng, có khoảng vài chục người theo hầu, đi thẳng vào ấp gọi dân ra bảo: *"Ta đây vâng mệnh Đế Thích Thiên Vương báo cho dân chúng biết: nay có hai vị qu nhân, sau này là phúc thần của bản ấp, hiện đang nằm nghỉ ở ngoài quán. Dân chúng phải làm lễ đón về, không được điềm nhiên mà mắc tội"*. Lúc ấy là lúc gà gáy lần thứ nhất, nhân dân nghe thấy tiếng ồn ào ở ngoài quán hình như binh mã rất đông, trong ấy có bao nhiêu chó đều huếch mõm lên trời sủa thâu đêm không ngớt. Nhân dân thấy hiện tượng ấy rất sợ hãi, họ nói điềm chiêm bao cho nhau nghe và không chờ đến sáng, họ cùng nhau ra quán. Thấy hai ông còn đang ngủ, họ đánh tiếng: *"Dám xin hỏi hai vị ở đâu đến đây?"* Như dội vào tai, hai ông tỉnh giấc ngồi dậy trả lời: *"Hai anh em chúng tôi là con nhà họ Phạm, nay về thăm bà con quê ngoại ở Trì La"*. Nhân dân biết hai ông là con của bà Đinh Thị Duyên trước kia bèn mời về

thét đãi nuôi dưỡng. Nhưng dân chỉ cho hai ông là bậc cháu ngoại của làng mình mà thôi, cho nên họ không chịu cúi đầu làm lễ tuy vậy họ cũng phụng dưỡng rất tôn kính để chờ xem lòng trời. Hai ông ở với dân làng được vài tháng, nhân dân bỗng mắc bệnh dịch. Họ lập đàn cúng trời đất, đêm ấy lại mơ thấy một ông quan hình dáng giống như đã thấy ở trong mơ trước đây trách nhân dân rằng: *"Trời đã sai ta là bản cảnh Long thần báo cho dân biết, có sao dân còn nghi hoặc không chịu làm lễ chào mừng mà xin làm phận tôi con. Vì thế trời quả trách, dân chúng không được yên ổn"*. Nhân dân tỉnh mộng, họ biện lễ vật đến rước hai ông, rồi làm lễ chào mừng xin làm thần tử, hai ông từ chối, cuối cùng thấy lòng dân tha thiết bèn tỏ ra đồng ý. Đến năm hai ông mười bảy tuổi, cơ thể phát triển khác thường, sức lực rất khỏe, nhắc nổi nghìn cân sắt đá nhẹ như lông chim hồng vậy. Hồi ấy, vua Thục bị giặc Đại man đem quân đánh chiếm. Quân giặc có tới mười vạn, cướp phá Cao Bằng Hưng Hóa, nhà vua truyền hịch tuyển lựa nhân tài giết giặc cứu nước. Hai ông bèn vào kinh ứng tuyển, nhà vua chứng kiến các môn võ nghệ do hai ông trình diễn, rất lấy làm hài lòng, các lực sĩ bốn phương đều sợ xanh mắt. Vua phong cho ông thứ nhất làm Bình man đô nguyên soái, ông thứ hai làm Thiên quan đại tướng quân, giao cho mấy vạn hùng binh đi đánh giặc. Riêng số gia thần chân tay của hai ông có tới 1300 người, trong số đó có ba trăm hai mươi người ở Trì La. Hai ông chọn những người dũng cảm làm t như các ông: Nguyễn Công Hào, Nguyễn Công Tá, Đinh Công Tào, Đinh Công Tuấn, Đinh Công Huyền, Đinh Công Tuấn, Phạm công Mai, Trương Cộng Vị, Hà Công Thương, Đỗ công Mai, Đỗ công Đán, Trần công Kế, Đào Công Quý, Lê Công Thương, Đặng Công Hoàn, Đặng Công Tố, Đoàn Công Thụy... Hai ông ra lệnh tiến quân lên miền ngược đánh chém được đầu ba tên tướng giặc và truy kích chém được một nghìn đầu nữa, tẩn thu cờ trống khí giới của giặc đưa về kinh đô. Sau khi chiến thắng trở về, hai ông về thăm quê nội ngoại, được nhà vua ban thưởng cho vàng bạc châu báu gấm vóc mỗi thứ hơn mười cân. Hai ông ở thăm quê nội, sau đó về thăm quê ngoại ở Trì La. Nhân dân sửa sang hoàng cung nơi mà vua Hùng đã ngự hồi trước để hai ông ở. Để tỏ lòng gắn bó thật sự với dân ở Trì La hai ông mở yến tiệc ba ngày để vui vẻ với dân, đồng thời bỏ số tiền ba nghìn quan sửa chữa đền thờ Đế Thích Thiên Vương. Trước khi về triều, hai ông nói với dân Trì La những lời tâm sự và bỏ mười nén vàng cúng cho dân làm công quỹ để chi vào việc thờ cúng sau này. Trước quang cảnh ấy hai ông làm thơ nói lên lòng cảm kích của mình trong đó có câu: *"Trì La hương hỏa nghìn năm đó, sống cũng vinh mà chết*

cũng vinh”. Sau khi về triều làm việc, hai ông dâng biểu xin nhà vua được lấy thôn Trì La làm nơi vạn niên hương hỏa, được nhà vua phê chuẩn. Hai ông làm quan tại triều được hơn mười năm thì xảy ra việc xâm lược của Triệu Đà. Lúc đầu quân Đà bị hai ông đánh bại, sau Đà xin giảng hòa, vua Thục bằng lòng và có những biểu hiện mất cảnh giác như việc gả Mị Châu cho Trọng Thủy (con của Đà). Hai ông hết sức can ngăn nhưng vua không nghe, bèn xin từ chức về nghỉ ở Trì La. Hai ông vào đền Đế Thích khẩn vái rồi cùng ra đằng sau đền thắt cổ tự sát. Trong lúc hai ông giao cả sinh mạng của mình cho sợi dây để tuấn quốc, sấm gió nổi lên ù ù, nhân dân trông đằng sau đền Đế Thích có sợi dây thừng đỏ như lửa dài mười trượng bay lên không trung biến mất. Nhân dân làm lễ mai táng trọng thể và lập đền thờ, các triều đế vương phong ông thứ nhất là: Hiển Thánh Linh Thông đại vương, ông thứ hai là: Thiên Quan Bảo Đ.

HÀ DỤC, HÀ MINH

Hoàng Tử Hùng Đức là con trai Hùng Uy Vương, tức vua Hùng đời thứ 10. Được cha truyền ngôi lấy hiệu là Hùng Chính Vương, tức là vua Hùng đời thứ 11.

Thời ấy giặc mũi đỏ lại tràn qua biên thủy phía bắc vào xâm lấn nước ta. Ở làng Hồ Lỗ có một bà mẹ đẻ sinh đôi được hai anh em. Một đứa khóc tiếng khóc chào đời vào nửa đêm khi trời còn u minh tăm tối. Một đứa khóc tiếng khóc chào đời vào tờ mờ sáng ngày mai. Vì thế mẹ đặt tên là Hà Minh và Hà Dục. Theo tập quán, những đứa trẻ sinh đôi, đứa sinh sau bao giờ cũng được coi là anh, đứa sinh trước lại coi là em nên Hà Dục là anh Hà Minh. Vì nhà nghèo không nuôi được cả hai con, nên người mẹ phải cho Hà Minh đi làm con nuôi ở làng Gió, tên chữ là Hà Phong, cách một cánh đồng.

Lớn lên cả hai chàng đều trở thành những chàng trai làm nghề nông khỏe mạnh, tháo vát, gọi là những chàng lực điền. Sau việc cày bừa, gặt hái hai anh em Hà Dục, Hà Minh thường rủ trai tráng hai hàng tập võ, tập vật ở cánh đồng giáp ranh giữa hai làng. Vì thế hai làng Hà thường liên kết với nhau thành một lò vật nổi tiếng. Hai làng Hà kết thành một xã là xã Liên Hà. Nay xã vẫn còn là một xã ở huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

Giặc mũi đỏ tràn từ biên thủy phía bắc xuống, hai anh em song sinh đưa lò võ Liên Hà đón đánh. Quân của hai chàng trai song sinh đáng tan giặc mũi đỏ. Tướng giặc mũi đỏ Xích Ty bèn rút quân về chiêu mộ thêm tàn quân của giặc Ân đã bị Thánh Gióng đánh tan rã, hiện còn lẩn trốn trong vùng rừng biên thủy. Vì thế quân giặc lại đông như cào cào châu chấu, tràn xuống phá hại mùa màng.

Đạo quân của hai anh em song sinh làng Hà lại đón đánh. Tướng giặc Xích Ty biết hai anh em song sinh rất yêu quý nhau, sống không thể thiếu nhau. Giặc bèn lập mưu kế, khi thua chạy chúng chia quân ra nhiều ngã để rút. Một cánh quân giặc bỏ chạy lên phía núi Độc. Một cánh khác chia ra chạy về phía làng Tuy. Hai anh em song sinh phải chia ra hai cánh quân đuổi giặc. Cánh quân Hà Minh đánh giặc Xích Ty ở núi Độc. Giặc yếu thế bèn phao tin rằng ông Hà Dực đã chết ở Đông Tuy.

Ngược lại quân của Hà Dực đánh tan giặc ở Đông Tuy. Tướng giặc ở Đông Tuy lại phao lên rằng ông Hà Minh đã chết trận ở núi Độc.

Vì hai anh em quá thân yêu nhau, sống không thể thiếu nhau, chết không thể lìa nhau, nên nghe tin như vậy thì lòng dạ bồi rối như lửa đốt. Cả hai ông đều "hoá" hồn bay lên trời vội vã tìm nhau.

Quân sĩ tướng chủ tướng của mình đều tử trận nên hoang mang, vì thế mà bọn giặc Xích Ty và tàn quân của giặc Ân chạy vào rừng trốn thoát. Lúc ấy hai anh em Hà Dực và Hà Minh mới biết là trúng kế giặc không thể "hoá" trở lại làm người được nữa. Nhưng hồn hai ông vẫn hiện lên phù hộ dẫn đường cho quân lính của mình rút lui về giữ cầu Bài và cánh đồng làng Rỗ gần làng Phù Đổng để lấy vía của Thánh Gióng giữ tinh thần cho binh sĩ tránh bị địch bao vây sát hại.

Sau này dân gian lập đền thờ hai ông. Năm nào Liên Hà cũng mở hội, diễn lại cảnh hai ông tướng giặc bị lừa mà "hoá", để nhắc nhở con cháu đời đời chớ nên nghe theo mưu gian kế độc của kẻ thù>

BẢY VỊ ĐẠI VƯƠNG

Tương truyền thời Hùng Nghi Vương, xã Minh Nông, huyện Phú Khang, phủ Tam Đái, đạo Sơn Tây có một người tên là Đinh Tuấn là người thông minh tài trí độ lượng hơn người. Hùng Nghi Vương phong làm tham chính, năm Đinh Công hăm sáu tuổi được thăng chức Tản trị đại phu, cho đi tuần hành trong nước, Đinh Công phụng mạng đi đến đâu thì ở đấy đều được yên ổn, ngoài đường không ai nhặt của rơi. Một hôm Đinh Công về qua xã Mản Trù, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam, thấy sơn thủy hữu tình, nhân dân thuần hậu, bèn lập doanh trại ở cạnh sông làm chỗ yên nghỉ. Hồi ấy xã Mản Trù có người là Nguyễn Kiệu, vợ là Trương Thị Thục vốn là nhà phong lưu, hiền lành, chất phác. Một hôm vợ chồng ông Nguyễn có dịp đi ra các nơi khác, đến lúc trở về, đến bến đò, gặp cô bé khoảng mười hai mười ba tuổi nhan sắc tuyệt trần có vẻ buồn bã, Nguyễn Công hỏi thì người con gái ấy nói: “Bố mẹ tôi mất sớm, nay tôi không người nương tựa” Nguyễn Công hỏi quê quán thì người con gái ấy ngậm ngùi sa lệ không nói, bèn đem về nuôi, đặt tên là Hoạch Nương (cô bé bắt được). Hoạch Nương ở với gia đình Nguyễn Công luôn tỏ ra là một cô gái ngoan ngoãn, vợ chồng Nguyễn Công rất mực yêu mến. Ngày tháng thâm thoát đã được một năm, tuy là con nuôi song Hoạch Nương được coi như con đẻ. Ông bà muốn tìm một nơi xứng đáng để gả chồng cho cô song cô vẫn một mực từ chối. Đinh Công đến Mản Trù thấy nàng nhan sắc tuyệt trần rất yêu, hai bên đều ăn ý hợp tình, bèn xin với Nguyễn Công chọn ngày làm lễ thành hôn. Sau khi kết duyên với Hoạch Nương, Đinh Tuấn nằm mơ thấy một cụ già đưa đến cho bảy đứa trẻ, bảo rằng: *“Nhà ông tu nhân tích đức ba bốn đời nay, trước đây ông đã gặp được người đàn bà thủy tiên (ám chỉ Hoạch Nương) nay ta phụng mệnh thiên đình đưa bảy đứa trẻ này đầu thai làm con để chúng giúp nước giúp dân, sáng sửa cửa nhà, nổi danh thiên hạ”*, cụ già bèn đưa cho Hoạch Nương bảy đứa trẻ và bảo: *“Có cái bụng nào mà chứa được bảy cái trứng, sau khi đẻ sẽ nở thành bảy đứa con trai”*, nói xong bay lên không trung biến mất. Sau đó một trăm ngày, Hoạch Nương có mang đến hai mươi một tháng, đến mồng hai tháng bảy năm Nhâm thìn đẻ ra một bọc bảy trứng, sau nở thành bảy con trai, đều khôi ngô tuấn tú, cầm én mày ngài. Trong lúc Hoạch Nương trở dạ đẻ, trên trời có vài chục tiếng sét, trong buồng đẻ hương bay sức nức. Đến năm hai tuổi Đinh Tuấn muốn làm lễ ăn mừng để đặt tên cho bảy con, Hoạch Nương ngăn cản mà rằng: *“Phép đặt tên phải nên đi sâu vào ý nghĩa của nó, hãy chờ vài năm nữa, thiếp sẽ đặt tên cho các con”*. Đến năm các con trai lên bảy tuổi, một hôm, mùa đông gió heo may vi vu, dế kêu nỉ non, vợ chồng ngồi sưởi, uống

rượu ngâm thơ, bảy đứa con trai ngồi quây quần xung quanh, Hoạch Nương bỗng ôm mặt khóc thút thít, Tuấn Công ngạc nhiên hỏi tại sao đang vui lại khóc thì Hoạch Nương thưa: *“Thiếp vốn là con gái của thủy cung, vì có tội nên phải dâng lên trần gian hai mươi sáu năm, kết hôn với chàng, để bảy con trai. Tên của các con sẽ là: con thứ nhất là Lương, con thứ hai là Hải, con thứ ba là Long, con thứ tư là Lôi, con thứ năm là Sơn, con thứ sáu là Nhạc, con thứ bảy là Linh. Xin chàng hãy nhớ kỹ để đặt tên cho con. Thiếp đến nay đã mãn hạn đi đày, xin chàng ở lại nuôi dạy các con, thiếp xin chàng cho được trở về với mây nước”*. Nàng vừa dứt lời thì trời bỗng tối sầm, xuất hiện một cỗ xe nước từ dưới sông đi lên, nàng lên xe đi mất. Ngày ấy là mồng sáu tháng chạp năm Giáp Tuất. Đinh Tuấn thương nhớ Hoạch Nương, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, bèn dựng ngôi miếu thờ nàng đề đệ hiệu: *“Thủy Tinh Từ Diệm Ngọc Nương”*, hương khói phụng thờ tứ thời bát tiết. Đinh Tuấn nuôi dạy các con và căn cứ vào lời trời trăng của nàng mà đặt tên cho từng con. Đăm bảy con lên mười hai tuổi, đều là những người thông minh trí tuệ, tài sức hơn người, cao lớn đỉnh đặc, không phải học mà tự biết được binh pháp. Có điều rất lạ là: khi bảy cậu đi đến đâu thì trên không trung xuất hiện đám mây vàng che phủ trên đầu như tàn lọng vậy. Đến năm bảy con lên mười lăm tuổi. Đinh Tuấn đem bảy con về triều dâng vua. Nhà vua thấy bảy người đều khôi ngô tuấn tú, tư thế khác thường, biết đó là những thần nước, thần núi giáng trần, cho nên đều ban phong chức tước cho bảy người và tỏ ý kính trọng. Vài năm sau, nước nhà có giặc Hồ Tôn, quốc vương của nó là Ha la, đem quân đến xâm lược, thiên hạ đã mất đến quá một nửa, các quan triều đi đánh luôn mấy năm mà chưa thấy kết quả gì. Nhà vua cả lo, bèn lập đàn cầu đảo thiên địa bách thần, năm cầu mộng ở ngay trước đàn, đến canh ba mơ thấy một cụ già từ trên trời xuống bảo rằng: *“Quân giặc tuy mạnh song chẳng đáng lo trên thiên đình đã cho sơn thần và thủy thần bảy vị xuống làm con họ Đinh để giúp nước dẹp quân tàn bạo, tại sao nhà vua không sai bảy người ấy đi đánh mà cứ suốt ngày lo âu như thế?”*. Sáng hôm sau nhà vua vời bảy ông vào bệ kiến, phán rằng: *“Các khanh là bậc thiên tài đêm qua thiên thần đã báo mộng cho ta biết. Các khanh hãy vì nước nhà mà đánh dẹp bọn cường tặc”*. Các ông lay tạ và tâu: *“Đạo làm tôi nguyện hết lòng vì dân vì nước mà quét sạch quân giặc hung tàn ra khỏi bờ cõi để đền ơn bệ hạ”*. Ngay hôm ấy, nhà vua phong cho Lương Công làm quân sơn thủy đô chiêu khảo sứ, đại nguyên soái, phong Hải Công, Lôi Công làm thống lĩnh thủy đạo đại tướng quân, phong Sơn Công, Nhạc Công, Linh Công làm Thống đốc bộ đạo đại tướng quân đem

mười lăm vạn quân tiến công, bảy ông lãnh mạng về bái tạ Đinh Công rồi đem quân đi đánh. Đường thủy đường bộ cùng tiến, thế mạnh như chẻ tre, bắt được chúa Ha La ở trận tiền, chiếm được lương thực khí giới hơn trăm xe đưa về kinh đô. Hùng Vương cả mừng phong cho bảy ông tước vương. Sau đó thân phụ (tức Đinh Tuấn) đã sáu mươi tư tuổi, bị bệnh uống thuốc và cầu thần đều không thấy kết quả. Tuấtừ trần, bảy anh em xin về chịu tang, được vua phê chuẩn và còn ban cho vàng bạc gấm vóc khoảng hơn một nghìn cân. Sau khi đoạn tang, Hùng Vương vời bảy ông về triều cùng trông coi việc nước. Được một năm thì có mười sáu tù trưởng ở vùng Tuyên Quang và Hưng Hoá khởi binh nổi loạn. Nhà vua lại sai bảy ông đem mười vạn hùng binh đi tiêu trừ. Bảy ông đem quân đi đánh, kết quả là mười sáu tù trưởng đều qui hàng. Với chiến công huy hoàng ấy, người đời sau có thơ rằng:

“Ra oai một trận yên miền núi

Đem cả thành trì hiến quốc quân

Vạn thuở trước, cùng sau vạn thuở

Nhà khen hiếu tử, nước trung thần ”

Chiến công dâng lên vua Hùng, nhà vua cả mừng, ban thưởng rất hậu, đồng thời cho Lương Vương, Hải Vương, Long Vương, Nhạc Vương, Lĩnh Vương được xây dựng cung điện ở châu Tự Long. Được vài năm thì Sơn Vương, Nhạc Vương, Lĩnh Vương lên núi mà hoá. Năm ấy Hùng Nghị Vương cũng hoá, thái tử là Duệ Vương nối ngôi, Lương Vương, Long Vương, Hải Vương, Lôi Vương cùng về triều chào mừng Duệ Vương, được vua khen thưởng úy lạo, sau đó lại trở về cung điện Mản Trù nghỉ ngơi vui với nhân dân, bốn anh em tương thân tương ái, không rời nhau nửa bước, anh em ước hẹn với nhau: *“Sinh chung một bọc thì cũng chết chung một mồ”*. Một hôm bốn ông đặt yến khoản đãi nhân dân Mản Trù rồi từ biệt họ đi chu du thiên hạ. Bốn anh em đi chơi khắp nơi, có khi săn bắn ở rừng sâu, có khi hóng gió mát ở nơi đồng rộng. Một hôm bốn ông đi đến chân núi Tản Viên, thấy có phiến đá cao phẳng rộng, bèn làm nhà ở đó, anh em nghỉ ngơi ở ngôi nhà ấy được ba năm, một đêm anh em nằm mơ thấy thiên đình cho sứ giả về vời sau khi tỉnh giấc mơ bèn dặn bảo những kẻ hầu hạ: "Sau khi anh em ta hoá thì phải chôn chung một mồ", nói dứt lời thì hoá ngay,

giaộc tuân theo làm lễ an táng chung một huyệt. Khi ấy là mồng hai tháng sáu. Sau khi bốn ông hoá được một năm thì có một loại cây mọc ở trên mả mỗi ngày mỗi lớn. Sau này Hùng Duệ Vương chu du bốn phương qua xứ này thấy cây gỗ mọc trên mả bốn ông là cây gỗ bạch đàn muốn chặt lấy về để dùng, bỗng thấy lá bạch đàn kêu vu vu như tiếng người: *“Muôn lạy quân vương, đừng chém cây gỗ này, cây gỗ này là hiện thân của bốn anh em chúng tôi đây!”*. Nhà vua rất ngạc nhiên, bèn vời dân làng gần đó đến hỏi mới biết đó là mả của bốn ông, nhà vua khen ngợi là anh linh, bèn hạ bút đề vào thân cây mấy chữ: Thứ nhất là Linh Lang Lương Vương, thứ hai là Linh Lang Hải Vương, thứ ba là Linh Lang Long Vương, thứ tư là Linh Lang Lôi Vương. Đề xong vua lại phán: *“Các khanh có công với nước, nay trẫm đề duệ hiệu thắm vào trong cây gỗ dù nghìn vạn năm cũng không phai mờ được. Giả sử nghìn vạn năm về sau, cây gỗ này đổ xuống trôi đến áp nào thì áp ấy sẽ là chỗ hương hoá thờ cúng các khanh”*, nói xong, nhà vua sai quan làm lễ tế. Đến thời Duệ Tông nhà Trần, cây gỗ ấy già cỗi, bỗng gặp gió mưa đổ xuống thuận theo dòng nước chảy đến bên Mản Trù. Lúc ấy mặt trời gác núi, người bãi Mản Trù ra bến thấy ánh sáng ở cây gỗ ấy sáng rực như vạn ngôi sao, bèn hối hả chạy về báo cho dân biết, nhân dân già trẻ gái trai ra bến, họ cho là quái vật bèn đẩy ra, càng đẩy ra lại càng thấy trôi vào, đẩy mấy chục lần cũng thế, nhân dân bèn khênh lên đặt ở bờ sông. Sáng mai họ đem rìu ra đẽo thì thấy có thân hiệu của bốn vị ăn sâu mãi vào thân cây gỗ, họ sai thợ mộc làm thành bài vị rồi dâng biểu tâu lên nhà vua Trần Duệ Tông. Nhân khi trời đại hạn lúa má khô héo, nhà vua sai quan đến làm lễ cầu mưa, nếu có linh nghiệm thì cho dựng miếu và gia phong duệ hiệu để thờ. Trong lúc đang làm lễ, trời bỗng đổ mưa đến ba thước nước, Duệ Tông cho là thần rất linh ứng, bèn sắc phong đưa về bãi Mản Trù lập miếu thờ phụng. Từ đó về sau các vị hộ quốc cứu dân, cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng, cho nên các triều đại đều có gia phong duệ hiệu.

CAO NHA

Tương truyền về thời Hùng Vương thứ mười tám, ở châu Bảo Lạc, phủ An Châu, trấn Tuyên Quang có một vị tù trưởng tên là Cao Bàn, hồi ấy quân Thục đến xâm lược, đã nhiều lần Cao Bàn bắt được quân Thục đem nộp cho triều Hùng. Tướng Thục căm giận Cao Bàn bèn đem quân đến tróc nã, Cao Bàn nghĩ: Thục đem quân cả nước đến xâm lược mà ta thì chỉ có một châu

nhỏ này, khó mà chống cự nổi, bèn đến ẩn cư ở trang Trúc Giản, khu Ngọc Tranh, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam. Sau đó, Cao Bàn sinh được một người con trai, tướng mạo cao lớn đỉnh đạc, mặt vuông tai lớn, khác hẳn người thường, bèn đặt tên là Nha. Nha lên bảy tuổi, cha mất, lên chín tuổi, mẹ mất; năm mười sáu tuổi trở thành một người có tài kiêm văn võ; năm mười chín tuổi làm chức Tư chính. Được một năm, nhà vua cho làm chức Lục bộ ấn kinh, sau thăng lên chức Tham nghị triều chính. Đến năm hai mươi bảy tuổi quân Thục chiếm đất Cao Bằng, vua sai ông làm tướng đi đánh. Trước khi ra quân, ông triệu tập gia thần ở Ngọc Tranh và Trúc Giản được 282 người theo hộ vệ ông lên Cao Bằng, đánh nhau một vài trận, quét sạch quân Thục, qua bảy tám năm, dân sống yên ổn. Để trả hờn về trận xâm lược trước đó mấy năm bị thua đau, Thục vương lại đem quân sang đánh, lần này Hùng Vương vời Cao Nha giao cho mười vạn quân kéo lên các châu trên miền Tây Bắc đánh một trận, quân Thục thua to phải tháo chạy thoát thân. Nhà vua nghe tin thắng trận cả mừng, hạ chiếu vời Cao Nha về triều. Trên đường về, đến phủ Nam Sách, bỗng thấy mây mù dày đặc, gió mưa kéo đến sầm sập, ông hoá ở đó. Nhà vua nghe tin, rất thương công thần, bèn sai quan triều về làm lễ an táng ở nơi ông hoá và truyền cho dân lập đền phụng sự. Nhà vua lại chuẩn y cho Ngọc Tranh Trúc Giản là nơi cư trú của ông từ thuở sinh thời xây dựng đền chính và bao phong là Cao Đô Nha đại vương. Đến đời Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh, một hôm có viên chủ tướng hành quân qua miếu vào làm lễ mật đảo, đêm chiêm bao thấy một vị đầu đội mũ hoa tự xưng danh: *"Ta là danh tướng triều Hùng, nay thấy vua Lê khởi nghĩa đánh giặc xâm lăng, ta nguyện tòng trình trợ chiến..."*. Viên chủ tướng tỉnh mộng, làm lễ tạ rồi tiến quân thẳng đến Lạng Giang, chém giết quân Minh nhiều không kể xiết. Lê Thái Tổ lên ngôi phong là Cao Đô Nha Linh ứng Hiển Hựu đại vương, chuẩn y cho hai trang Ngọc Thanh và Trúc Giản cùng thờ phụng.

LÝ ĐỨC, LÝ TĨNH

Tương truyền ở huyện Lương Giang, phủ Thiên Thiệu Châu Ái có một vị quân trưởng tên là Lý Thành Vi, vợ là con gái viên huyện lệnh huyện Tiên Nữ phủ Khoái Châu xứ Sơn Nam, vợ chồng hoà thuận, ăn ở phúc hậu, cứu giúp người nghèo, nuôi dưỡng người già, không tiếc tiền của. Một hôm Lý Công nghe tin chùa Tây Thiên ở vùng Đảo Lĩnh đang mở hội, thiên hạ nô

nước đi trải hội vui vẻ bèn sửa lễ đến chùa cầu phúc và chơi thăm phong cảnh. Sau đó Lý Công đi Sơn Nam thăm họ ngoại. Trên đường đi, đến Đằng Châu thì trời đã xế chiều, ông tìm chỗ trọ không được, nên thầy trò đành phải ngụ tại miếu thần. Đêm ấy khoảng gần canh ba, ông chiêm bao thấy hai v áo mũ chỉnh tề, có vài trăm quân lính tùy tùng, đi thẳng vào trong miếu. Lại thấy có một vị ra đón quì ở bên đường. Hai vị quan lớn hỏi: *"Người là ai, hiện là viên chức gì?"*. Vị kia thưa: *"Tôi là thần hoàng bản ấp, nay nghe có hai vị quan lớn đến đây, cho nên ra đây nghênh tiếp..."* Ông nghe xong, thấy hai vị quan lớn vào miếu, liền đứng dậy hỏi: *"Các ngài là ai?"* hai vị quan lớn trả lời: *"Chúng tôi đều là chúa tể Đà Lam ở Đảo Lĩnh, vì nhà ông phúc hậu, cho nên Ngọc hoàng sai chúng tôi xuống đầu thai vào làm con gia đình ông..."* nói chưa dứt lời thì Lý Công tỉnh dậy. Lúc ấy đã quá canh ba, nghe trong làng có tiếng chó sủa, nhân dân đổ ra xem, một lát họ lại trở về. Đến tảng sáng, thầy trò Lý Công toan đi, thấy nhân dân ra đón rước vào nhà, ông rất nghi, không rõ lành dữ ra sao, bèn hỏi: *"Tôi là người hiền lành, không hiểu là có việc gì xảy ra?"* Dân thưa: *"Đêm qua, dân chúng tôi ai nấy đều chiêm bao thấy binh mã ở đâu tiến đến, họ vào từng nhà gọi mà báo rằng: Nay có hai vị quan lớn đến miếu thổ thần, dân chúng sao cứ điềm nhiên không ra làm lễ, lỗi ấy dân chúng phải chịu. Vì thế dân chúng tôi ra miếu thổ thần xem thì thấy có tiếng quân lính ồn ào, nên không đến gần. Sáng ra, chúng tôi ra đón thì chẳng thấy tăm hơi gì hết mà chỉ thấy mấy thầy trò ngài ở đây, chúng tôi chả hiểu sự tình ra sao"*.

Lý Công thấy nhân dân hỏi bèn kể lại giấc mộng của mình cho họ nghe, họ thấy đây là việc lạ, nghĩ thầm ông này không phải là hạng người tầm thường, thế nào cũng sinh ra con cháu thần thánh. Nhân dân xin cho họ được làm đạo tôi con. Ông ở lại thăm hỏi nhân dân vài hôm rồi về quê nhà kể điềm chiêm bao cho vợ nghe. Người vợ nghe xong liền nói: *"Lúc mình đi vắng, ở nhà tôi cũng nằm chiêm bao thấy hai con rồng đến nhà, tôi chạy ra ôm lấy nó..."* Lý cho đây là điềm trời giáng phúc, bèn lập đàn cầu đảo trời đất bách thần âm phò tế độ. Vợ ông có thai đến mười hai tháng, đến mồng mười tháng ba năm Ất mùi sinh được hai con trai. Sau ba tháng ở bàn chân hai cậu đều mọc lông dài bảy tấc. Hai con Lý Công rất khôi ngô: mày hùm cằm én, mắt phượng, tay dài chấm gối, vóc dáng cao lớn đường hoàng. Lý Công đặt tên cho con thứ nhất là Đức, con thứ hai là Tĩnh. Đến năm hai ông mới ba tuổi đời chẳng ngờ Lý Công mất. Sau khi an táng Lý thì ở bản

châu có tên cường hào thấy hai con của Lý khôi ngô tuấn tú, ai cũng cho là thế nào trong tương lai cũng trở nên bậc anh hùng hào kiệt, nên ghen tức, kéo đồng bọn đến hành hung cướp phá và định bắt sống hai con ông. Vợ ông nghĩ không bỏ đi xa nhất định bị hại do đó bà bèn đem hai con về nương náu bên quê ngoại ở huyện Tiên Lữ. Qua một năm, hai đứa trẻ mới lên năm mà thông minh khác thường, ăn nói đồng dạc như người lớn, ai cũng cho là thánh thần xuất thế. Hồi ấy có nhiều đám cướp muốn bắt sống hai đứa trẻ đem về xuôi để mai ngày tôn lên làm tướng. Vợ Lý Công biết âm mưu của họ, rất lo sợ, bèn bỏ huyện Tiên Lữ đem hai con lánh lên trang Nhân Dục thuộc Đằng Châu, nơi có những người làm tôi con rất thân tín của Lý Công hồi trước để nương náu cho qua cơn hoạn nạn. Ba mẹ con mới đi đến nửa đường thì cô đồng ở Nhân Dục đã báo cho dân biết: *"Nay có hai vị quan lớn cùng với thân mẫu của các ngài đã đến địa phận ta, dân mau mau ra đường nghênh tiếp, nếu điềm nhiên thì dân chúng ở đây phải mang tội!"*. Dân cho là việc lạ đổ ra đường xem tình hình thế nào, bỗng gặp ba mẹ con, theo sau là một chú nhỏ gánh hòm quần áo, dân thấy thế liên tưởng ngay đến lời phán của cô đồng, bèn hỏi: *"Mẹ con bà đi đâu đấy?"* Phu nhân nói: *"Tôi là vợ Lý Công một vị quan trưởng Châu Ái, lánh nạn đến đây tìm đất lành để cư trú, nghe trang Nhân Dục có quen biết với Lý Công trước đây, không biết từ đây đến đó còn bao xa nữa"*. Mọi người nghe nói đều kinh ngạc thưa: *"Bọn chúng tôi đều là người Nhân Dục cả, nay may gặp phu nhân và hai cậu ở đây chắc cũng do lòng trời xui khiến, xin về với dân chúng tôi"*. Thế là phu nhân và hai con được tôn kính nuôi dưỡng, dân coi hai đứa trẻ như bậc sư trưởng của mình, chẳng bao lâu Đức và Tĩnh đã mười chín tuổi, biểu lộ tư thế của đáng anh hùng, người bốn phương đều suy tôn làm chủ soái để mưu đồ việc lớn. Năm Đức và Tĩnh hai một tuổi, cùng thân mẫu về thăm quê nhà ở Châu Ái. Khoảng một năm phu nhân vô bệnh và mất vào mùa xuân tháng tư.

Hồi ấy Hùng Huy Vương nối ngôi, chăm lo đời sống trăm họ, bỗng có giặc Ân sang xâm lược, nhà vua triệu tập nhân tài về kinh đô khảo sát. Hai anh em ứng tuyển trúng cách, Đức được phong là Hữu Dục đại tướng quân, Tĩnh được phong là Đô Thống đại tướng quân. Mấy năm sau hai người thăm trang Nhân Dục, triệu tập dân đến bảo: *"Chúng tôi được nhà vua ban chức tước, dân cả nước đều là thần tử, song với dân Nhân Dục thì bao nhiêu tình sâu nghĩa nặng bấy nay, tưởng chừng không có lời nào nói được. Nay chúng tôi có trăm lạng vàng xin đưa cho bà con để xây dựng hành*

cung làm chỗ ghi nhớ đời đời...". Ngày mồng chín tháng tư mở tiệc ăn mừng, nhân khi hào hứng, ông Đức làm thơ:

“Hành cung xây dựng vừa xong

Vì dân vì nước tấm lòng khôn lay.

Nghìn năm nặng nghĩa trò thầy

Cao xanh bát ngát, sáng tày trời trăng”

Hồi ấy ở Tuyên Quang, Hưng Hoá có nhiều trộm cướp tàn hại nhân dân, vua sai hai ông đi trấn thủ 16 châu mạn ngược. Hai ông trị nhậm ba năm, dẹp yên được nạn trộm cướp và nạn hổ lang, nhân dân được an cư lạc nghiệp. Sau đó tướng giặc Ân là Thạch Linh đem quân xâm lược Văn Lang, vua Hùng sai hai ông đánh nhau với chúng ba năm không phân thắng bại. Sau đó hai ông đem quân đến trợ chiến cho Phù Đổng thiên vương, đánh cho quân Ân thua lớn. Thiên vương về núi Võ Ninh, cưới chiến bào cưỡi ngựa sắt bay lên không trung biến mất. Hai ông về đến núi Diệu Sơn thuộc Kinh Bắc (Bắc Ninh), trời bỗng nổi cơn gió mưa sấm sét, hai ông cưỡi đám mây ngũ sắc bay lên trời. Một lát sau, trời quang mây tạnh, quân sĩ và gia thần chỉ thấy cân đai áo mũ của hai ông để trên bờ giếng ở chân núi mà thôi. Gia thần dâng biểu tâu lên, nhà vua thương bậc công thần có công dẹp loạn yên dân, bèn sai quan triều đến chỗ hai ông hoá làm lễ cúng tế và truyền nhân dân làm đền phụng sự. Nhà vua phong hai ông làm thượng đẳng phúc thần, chuẩn y ba trang Lượng Hoàng, An Tôn, Nhân Dục làm hộ nhi. Ba nơi ấy đều là đền chính, hàng năm có lễ quốc tế. Ngoài ra, hai ông còn được thờ ở năm mươi một ngôi đền ở các nơi khác.

HÙNG ANH HÙNG DỤC

Tương truyền đời Hùng Duệ Vương, ở đất Hải Dương xưa có một vị bộ chúa họ Hùng Huy Tuấn, vợ người quận Nam Hải là Hàn Thị Bích. Tuấn công vốn người lấy nhân nghĩa trị dân không khi nào dùng đến hình phạt. Ông hơn bốn chục xuân thu, phu nhân ông hơn ba chục tuổi đời mà chưa có con. Một hôm trước cảnh gió xuân ấm áp, trước sân hoa cỏ thơm tho, trong

cung điện thì huy hoàng tráng lệ, ông bà cùng pha trà thưởng thức. Phu nhân bỗng thấy trong người bâng khuâng bèn ngả lưng xuống sập, chiêm bao thấy con rồng vàng từ trời lao xuống đè lên người bà, bà sợ hãi quờ tay nhỏ được hai chiếc râu của nó. Con rồng liền bay vút lên không đi mất. Bà lấy được hai chiếc râu rồng giấu vào trong áo, bỗng nhiên hai chiếc râu ấy hoá thành hai con rồng con bò ngoằn ngoèo, bà cả sợ la hét lên một tiếng, giật mình tỉnh dậy, mồ hôi trong người bà toát ra thơm phức. Tuấn công thấy thế liền hỏi: "*Có sao bà la hét kinh hoàng như thế?*". Sau một lát, bà ổn định tâm thần kể lễ căn kẽ điều chiêm bao cho ông nghe, ông nói: "*Nhà ta vốn là dòng dõi vua Lạc Long Quân thuộc về chi nhánh dưới nước, quả nhiên có điều chiêm bao như thế, nhá3;nh sẽ có con rồng thần ra đời*". Sau đó được khoảng trăm ngày, bà có mang, đến giờ thìn ngày mồng tám tháng giêng năm Giáp thìn, đẻ ra một cái bọc có hai con trai, vóc dáng cao lớn bề vệ, cằm cú mày ngài, sau lưng có vệt mây năm sắc, bụng có hàng vây, quả thật không phải là hạng người thường. Sau một trăm ngày, ông bà đặt tên cho con trai cả là Anh, con trai thứ là Dục. Xuân sinh, hạ trưởng, ngày qua tháng lại, hai ông lên tám tuổi, thông minh trí tuệ như thần, dũng cảm tài năng như thánh, đi đến đâu thì trời nổi gió sấm và kéo mây đổ mưa đến đấy; dừng lại nơi nào thì nơi ấy mát rượi và ánh sáng rực rỡ toả ra bốn bên, nhân dân thấy thế đều sợ hãi khâm phục. Đến năm hai ông mười bảy tuổi, thiên tài lỗi lạc, chẳng học mà hay, có tài văn võ kiêm toàn, lại có mưu kỳ chước lạ, oai danh toả đến phương xa, không một nơi nào là không kính phục. Gặp khi trời nắng gắt, lúa má hoa màu khô héo, nhân dân đói khát, trộm cướp nổi lên, vua Hùng truyền lệnh triệu tập văn võ bá quan và những người thuộc về dòng dõi nhà vua vào dự kỳ thi hội. Khi ấy Anh và Dục từ bộ Hải Dương lên kinh dự thi. Kết quả cuộc thi hai ông trúng tuyển vào bề kiến, nhà vua thấy phong tư đỉnh đặc nghĩ thầm: quả là bậc thiên tài giáng thế, không phải người thường. Nhà vua phong cho anh là Tả tư tào tướng quân, em là Hữu tư tào tướng quân. Hai ông lĩnh chức trong triều được vài năm thì bộ chúa Hải Dương Tuấn công tuổi ngoại sáu tuần vô bệnh mà mất, hai ông bèn xin phép nhà vua cho về quê cử hành tang lễ, được nhà vua phê chuẩn và ban cho một số lụa là vàng bạc để giúp đỡ việc tang lễ. Sau khi mãn tang, hai ông lại vào triều bái yết, nhà vua lại phong cho anh thừa kế ngôi bộ chúa Hải Dương, đồng thời phong cho em giữ chức Thống lĩnh Long chu thuỷ đạo tướng quân. Hồi ấy trời làm đại hạn, nhân dân đói kém, bốn phương nổi loạn đao binh, đời sống con người lúc ấy thật là lầm than khổ ải. Nhà vua thấy thế, sai cho phát chẩn cứu đói đến nỗi kho tàng gần

như dốc sạch. Nhà vua liền sai ông Dực cùng với quan quân đường thủy làm lễ cầu đảo thiên hạ bách thần. Ông thay mặt nhà vua lên lễ cầu đảo ba ngày, trời đất bỗng tối sầm lại, mưa gió dữ dội trong mười hôm liền, lúa má hoa màu thấy đều xanh tốt. Nhà vua mở tiệc ăn mừng và gia phong ông làm Tán trị triều chính điều bát thiên hạ địa tướng quân và sai ông đem quân tuần hành để cáo dụ thiên hạ. Quân Dực công đi đến đâu, bao nhiêu bọn trộm cướp cừ khôi thấy đầu hàng phục. Sau ba tháng tuần du, thiên hạ gió hoà mưa thuận, trăm họ đều an cư lạc nghiệp. Một hôm ông tiến quân về đến xã Lan Đình, phủ Từ Sơn, quận Kinh Bắc thấy một kiểu đất “*hoa sen hoá phượng*”, bên tả, bên hữu có các hình như bút, bảng, cờ, ngựa, trước mặt có dòng sông nhỏ làm minh đường. Ngày ấy nhân dân xã Lan Đình đều làm lễ chào mừng, ông truyền cho dân làng dựng một hành cung ở trên kiểu đất ấy. Xây dựng xong, ông lưu lại chơi mười ngày, nhân dân đến xin làm tôi con. Sau đó ông cho tiến quân đến xã Đề Cầu huyện Tế Giang, địa phương này nhiều trộm cướp, ông cho đóng quân ở đây, rồi truyền hịch phủ dụ bọn gian phi và cảm hoá dân tình, qua một tháng bọn giặc cướp đều ra hàng, nhân dân làm ăn yên ổn. Ông tiến quân về xã Hối đồng phủ Quốc Oai, nhân dân làm lễ chào mừng xin làm thần tử được ông phê chuẩn. Ông lưu lại ở đây vài hôm rồi lại về huyện Tam Nông phủ Hưng Hoá. Hối đó hai xã Long Truyền và Đậu Dương đều theo làm tôi con có tới hơn hai trăm người. Ông bèn cho hai địa phương ấy làm Hộ nhi sở tại. Ông tuần du trong nước bảy tám tháng nhân dân đều được yên ổn, nhà vua lại vời về bộ kiến và cho đến trấn thủ Hải Nam. Ông phụng mạng đi nhậm chức tại Hải Nam được ba năm. Gặp lúc cuối triều Hùng, vận nước sắp đến ngày thay đổi. Thục vương nghe tin Duệ vương tuổi tác đã cao mà không có con kế vị, phải nhường ngôi cho con rể là Tản Viên Sơn thánh. Thục vương đem ba chục vạn quân đánh Hùng Duệ Vương... Nhà vua triệu Tản Viên Sơn thánh và Anh công Dực công hợp đồng tiến lĩnh đánh dẹp. Sơn thánh tâu: “*Thần xin dốc xuất các vị tướng tài đánh trên bộ, còn đường thủy xin cử Hải Dương bộ chúa Anh công và Nam Hải trấn vương Dực công chỉ huy thủy chiến, quân Thục nhất định sẽ thua*”. Các ông đều lạy tạ nhà vua rồi chia đường cùng tiến... Tản Viên Sơn thánh và các tướng lĩnh đem quân lên Mộc Châu, Anh công và Dực công đem quân thủy tiến về cửa bể Thần phủ. Thủy bộ hai đư đều tiến đến chỗ quân Thục đóng quân đánh nhau một trận dữ dội. Trong khi chiến đấu ác liệt thì trời đất bỗng tối sầm, sấm sét nổi lên âm âm, quân thủy quân bộ của Thục đều tan rã, quân ta truy kích chém được đầu giặc nhiều vô kể đồng thời bắt sống được một số đưa về kinh đô.

Nhà vua nghe tin thắng trận cả mừng, bèn giáng chiếu vời Anh công và Dự công về triều. Thuyền hai ông về đến cửa sông Ý Bạch thuộc huyện Thạch Đằng trời bỗng nổi ba tiếng sét, gió táp mưa sa tối tăm mù mịt, trên sông sóng cuộn lên âm âm, các loài cá, ba ba, thường luồng, rắn mang hoa đều nổi lên mặt nước châu đầu vào thuyền của hai ông. Bỗng có hai con rồng từ hai chiếc thuyền bay lên trời biến mất. Hai ông đều hoá. Trong chớp mắt trời quang mây tạnh, nhân dân địa phương đổ ra xem thấy thuyền hai ông đã đắm. Tướng lĩnh và quân sĩ các đạo tiến đến đều cho là việc lạ, họ dâng biểu tâu vua, nhà vua biết tin tỏ lòng thương tiếc công thần có công với nước, hơn nữa hai ông vốn là dòng dõi Hùng vương, bèn sai quân đến chỗ hai ông hoá để làm lễ và cho dựng miếu thờ phụng. Sau đó nhà vua lại sai làm lễ ở trong thành, nhà vua truyền trăm quan tế lễ ba ngày. Trong khi đang hành lễ trời đất bỗng tối tăm, trên đàn có hào quang rực rỡ, hai con rồng hiện ra, nhà vua cùng trăm quan đều thấy. Ngày ấy là mùng ba tháng chạp. Nhà vua bèn hạ bút phê chuẩn bao phong là thượng đẳng phúc thần, cai quản mười hai cửa bể. Một vị phong là Dự Vận Hộ Quốc đại vương và Dự Vận Phổ Hoa Ái Quốc đại vương, chuẩn y cho phường Ý Bích huyện Thạch Đằng làm hộ nhi trông coi đền chính. Hàng năm có hai lần quốc tế vào mùa xuân, mùa thu. Ngoài ra, những địa phương là đệ tử của hai ông đều có dựng đền thờ cúng.

Hùng Duệ vương tuổi già sức yếu, muốn nhường ngôi cho Đức Tản Viên Sơn thánh, nhưng ngài không nhận và tâu với vương rằng: “Thần cùng bề hạ đã có tiên thuật thì nên ngự cõi thần tiên cực lạc, hưởng phúc trường sinh bất lão há chẳng sung sướng lắm sao. Tình thế này nên vời Thục vương đến nhường ngôi. Hơn nữa Thục vương cũng là dòng dõi Hùng triều, nào phải người đâu xa lạ”. Nhà vua theo chủ trương của Sơn thánh bèn truyền ngôi báu cho vua Thục. Qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, các ngài đều hiển linh cứu dân hộ quốc, các đời đế vương đều có bao phong duệ hiệu, Vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, dẹp được quân Minh, lên ngôi hoàng đế, truyền đến Chiêu Tông thì họ Mạc cướp ngôi. Tương truyền đời Lê Chiêu Tông có một viên quan nội thị là Chu Huyền Linh, vì thân cô thế cô không thể báo đền ơn vua, bèn làm người buôn vải đi vào đến huyện Thạch Đằng, phủ Hà Trung Châu Ái buôn bán ở chợ phường Ý Bạch. Họ Mạc hạ lệnh cho bắt những bề tôi nhà Lê không chịu ra phụng sự nhà Mạc. Quân Mạc truy lùng Chu Huyền Linh. Thấy không thể chạy đường nào cho thoát, Huyền Linh

lên vào miếu thờ hai ông ở cửa bể để nấu sau bệ tượng thánh. Huyền Linh hoảng sợ

tương không thoát khỏi, chỉ muốn tự tử. Ngoài đền bốn mặt đều là quân Mạc vây trùng điệp, chúng hò reo xông vào trong đền tróc nã. Lúc ấy trời chập choạng tối, quân Mạc tiến đến trước đền sợ hãi không dám xông vào trong đền, lùi ra bờ vây ở chung quanh vài ba ngày. Huyền Linh nghĩ nếu quân Mạc cố ý vây hãm thì sẽ tuyệt lương chết đói, bèn lẩm nhẩm khẩn: "Thần vốn một lòng trượng nghĩa không thờ họ Mạc, do đó mà bị quân Mạc vây hãm tróc nã cực kỳ nguy khốn. Nay xin nấu dưới bóng các ngài, xin các ngài hiển linh cứu cho chạy thoát nhanh vượt kẻ thù. Thần cúi đầu đội ơn thần thánh, ghi lòng tạc dạ không dám lãng quên". Khẩn xong, vào khoảng canh một, gió mưa kéo đến, sóng bể dâng lên cuồn cuộn, quân vài chục quân Mạc ra biển, quân Mạc sợ hãi chạy toán loạn, nửa đêm hôm ấy, Huyền Linh thấy quân Mạc chạy đi nơi khác, Huyền Linh lay tạ trước nhang án thánh và lấy trộm hai cái bình hương giấu vào tay nải, gá gáy một lần thì lại ra đi về quê nhà. Về qua đất Tạ Xá, Huyền Linh thấy một bên tay nải có tiếng kêu vo vo như đàn ong và tự nhiên nặng trĩu xuống như là tảng đá vậy, lấy tay sờ ở ngoài tay nải thấy ở trong đều là rắn cuộn khúc và động cựa, vội vàng ném một chiếc tay nải xuống đó, tức địa hạt xã Tạ Xá đông. Còn một tay nải đựng một bình hương đem về cất giấu trong nhà. Từ khi đem bình hương về nhà, khiến cho thôn ấp không yên, mà trên mái nhà họ Chu - nơi cất giấu bình hương - ngày đêm có tiếng kêu ù ù như sấm, thường thấy rắn, hùm ra vào trong thôn ấp, chập tối thấy âm binh vào làng quở trách nhân dân: "Chúng ta đây là bốn vị thổ thần cai quản ấp này. Nay có vị Trấn Hải Long vương chúa tể do Huyền Linh rước về làm thần hoàng trông coi cai quản dân chúng tại đây. Ta đây vâng mệnh đức Trấn Hải Long vương báo cho dân chúng đều hay. Nếu cứ ngu xuẩn tối tăm điềm nhiên vô lễ thì dân chúng sẽ mắc vòng tội lớn". Nói xong biến mất, nhân dân cả sợ cho là việc lạ, họ đến nhà họ Chu hỏi: "Thấy các vị thổ thần hiện lên báo nhà ông rước được Quan lớn về làm thần cai quản thôn ấp chúng ta, thần đã báo ứng, nhất định phải đúng, xin ông cho dân biết, dân được yên ổn cũng là nhờ cậy ở đức của ông". Ông thấy được chân tình của dân, bèn thuật lại việc làm của mình cho họ nghe, họ liền rước bình hương ra quán đặt lên ban thờ. Từ đó làng An Xá có một quán ba gian ở cạnh sông thờ phụng Trấn Hải Long vương, nhân dân có sự âm phù tế độ của thần và làm ăn thịnh vượng.

Nói về việc Huyền Linh đặt bình hương ông thứ nhất tại xứ Tây Gao cạnh đường xã Tạ Xá, sáng ra có một người trong ấp đi qua thấy một con rắn mang hoa nằm cuộn tròn ở trong bình hương, hai mắt sáng quắc, người ấy hoảng sợ hét lên một tiếng rồi ngã phục xuống đất nằm thiếp đi chiêm bao thấy một vị quan lớn có tả hữu đứng hầu, binh mã có khoảng hơn một nghìn người, cho bắt người trong ấp đến bảo: *"Ta đây vốn là thủy thần đi qua địa hạt này, may . gặp về báo cho dân chúng biết đừng có xem thường mà làm điều trái phép"*. Người đó tỉnh dậy thì đã thấy nhân dân đang làm lễ, bèn đem việc chiêm bao nói cho mọi người nghe. Vừa nói xong thì mưa gió kéo đến, trời đất tối tăm mù mịt, tháp thoáng con rắn thần biến mất. Nhân dân bèn mang kiệu rước bình hương đặt lên bàn thờ trong quán. Suốt trong ba ngày liền cả khu đều tối như đêm. Sau một thời gian không lâu, nhân dân đặt một ngôi miếu ở cạnh đền hoàng tử triều Lý. Qua năm sáu năm trời, nhân dân Tạ Xá làm ăn giàu có cường thịnh. Có một đêm, ở trong đền vọng ra những tiếng rì rào hình như tiếng quân lính hội họp, nhân dân đóng cửa không dám ra, bỗng nghe tiếng luồng gió ù ù vang lên như sấm từ trong đền thổi ra một hồi lâu rồi im bật. Sáng ra, dân đến xem thì bình hương đã mất. Nhân dân cho là sự lạ kỳ bèn làm lễ ở đền hoàng tử nhà Lý khẩn khứa về việc mất bình hương Long vương không hiểu lành hay dữ thế nào xin thánh linh soi xét. Đêm ấy tất cả dân chúng đều chiêm bao thấy một vị quan lớn bảo: *"Thượng quan đã trở về miếu cũ ở cửa biển rồi"*. Nhân dân bèn làm lễ tạ, từ đây không dám cầu đảo gì nữa.

Đến thời vua Trang Tông nhà Lê cùng quan thái úy họ Nguyễn khởi nghĩa từ Ai Lao đem quân về diệt trừ họ Mạc, quan quân đến địa phận châu Xích Đằng, qua đền thờ của Dục Công bỗng thấy một con cọp vàng từ trong đền đi ra vẩy đuôi đến trước xe nhà vua nhảy múa ba vòng và gầm lên ba tiếng, ngay lúc ấy trời đất tối tăm mù mịt, tháp thoáng con cọp nhảy vào trong đền biến mất. Nhà vua đòi phụ lão đến hỏi đền này thờ thần gì. Dân tâu thờ thần thủy phủ Long Vương là dòng dõi Hùng vương xưa. Nhà vua bèn dừng xe nghỉ một đêm cho quan thái úy họ Nguyễn mật đảo khẩn rằng: *"Xin ngài âm phù giúp cho quân nhà vua diệt trừ giặc Mạc sẽ được nhà vua bao phong làm thượng đẳng phúc thần"*. Đến nửa đêm, nhà vua chiêm bao thấy một ông tướng cao lớn đường hoàng tay cầm thanh long đao đến trước mặt nhà vua tâu: *"Thần vốn là dòng dõi Hùng Vương, đức Ngọc hoàng phong làm chúa tể long cung, nay thấy nhà vua khởi nghĩa diệt trừ quân tàn bạo mà tiến quân qua đây. Vì thế mà thần kính cẩn đón rước xa giá nhà vua và*

xin cho thần được tòng chinh giúp nước lập công..." Nói chưa dứt lời thì nhà vua tỉnh mộng nghĩ thầm thiên thần cũng giúp đỡ nghĩa binh, bèn truyền chư tướng làm lễ trước lúc lâm trận. Sau đó đánh nhau một trận với quân Mạc ở địa phận xã Thượng Phần. Quân Mạc thua to, quân triều đình chém đầu giặc nhiều vô kể, thấy giặc chết cao như núi, máu chảy thành ngòi. Quét xong giặc Mạc, Trang Tông hồi kinh lên ngôi hoàng đế, hạ chiếu gia phong thần là Quảng Hựu Thông Linh Mãnh Lang Dực Vận đại vương, chẩn y cho dân xã An Xá làm hộ nhi. Nhà Lê trung hưng, ngài hiển linh giữ nước giúp dân, các đời vua đều có truy phong.

NGUYỄN TUẤN, NGUYỄN CHIÊU, NGUYỄN MINH

Tương truyền quận Cửu Chân có một người tên gọi Nguyễn Xuân, vợ là Đoàn Thị Nghị người xã An Canh, huyện Thiên Thi, vốn là nhà hào phú ăn ở thân đức, song tuổi đã cao mà chưa có con trai, Nguyễn Công rất lấy làm lo. Một hôm vợ chồng cùng về quê ngoại, muốn dựng một ngôi chùa ở đó tình cờ gặp một ông cụ già lấy gậy chỉ vào ngôi đất quý ở bản địa mà rằng: *"Đất này là kiểu phượng hoàng, nên dựng ngôi chùa nhỏ trên đất này, người nào làm được việc này sẽ sinh quý tử"*, nói xong biến mất. Nguyễn Xuân bèn bỏ của ra dựng chùa. Sau này ông bà cùng về giữ chùa thờ phật. Một hôm Đoàn Thị ra tắm ở giếng Đông Kinh, đang tắm thì trời tối tăm mù mịt có con rồng vàng xuống giếng lấy nước, rồi diễu quanh bà mấy vòng, nhả dớt dãi thấm vào mình mấy bà, toả ra mùi thơm phức. Chỉ thoáng chốc lát rồng bay lên gòir biến mất, từ đó bà Đoàn Thị Nghị có mang, đến ngày mồng 10 tháng ba năm Bính thìn sinh ra một cái bọc có ba con trai rất khôi ngô kỳ vĩ, bố mẹ bèn đặt con thứ nhất là Tuấn, con thứ hai là Chiêu, con thứ ba là Minh, năm lên chín tuổi cho theo học ở trường của Lỗ Tiên Sinh, học mới ba năm mà đã tinh thông văn võ. Đến năm mười lăm tuổi cha mất. Ba ông thay cha giữ chùa và phụng dưỡng mẹ. Từ đó tài năng của ba ông nổi bật, nhân dân và hào kiệt trong vùng thấy đều khâm phục. Năm mười chín tuổi là năm vua Hùng Duệ ra bằng kén chọn nhân tài, ba ông lai kinh ứng tuyển, vào bộ kiến ứng đối trôi ch tỏ ra là người văn võ kiêm toàn làm cho vua rất hài lòng, vua phong cho ông Tuấn làm chức Tư tào điện lạc quân, ông Chiêu làm chức Tả tào phán quan, ông Minh làm chức Hữu tào phán

quan Ba ông xin vua cho về thăm nhà và được vua ban cho hơn mười cân vàng bạc gấm vóc. Ba ông về quê chính ở quận Cửu Chân rồi về xã Cổ Lễ thăm mẹ, ba ông mở tiệc ăn mừng, trong lúc yến ẩm thù tạc, ông Tuấn nói với nhân dân các họ: "*Chúng tôi với nhân dân vẫn “phi nội trặc ngoại” đâu phải ở đâu xa lạ chúng tôi muốn nơi đây làm ấp hương hoả vạn năm của mình...*" Sau đó các ông ban cho dân mười lạng vàng để làm khoản tiền mua ruộng ao đưa vào khoản chi phí đèn hương hàng năm. Ba ông ngắm xem kiểu đất là nơi sơn thủy hữu tình, bèn truyền cho dân lập hành cung ở đầu làng. Sau khi xây xong hành cung thì thân mẫu từ trần. Ba năm đoạn tang, các ông về triều nhậm chức, nhà vua phong cho ông Tuấn làm chức Thống lĩnh tào tiêu lục bộ hùng lạc tướng quân, ông Chiêu làm Tiết chế thị vệ lạc tướng quân và ông Minh trị nhậm Hải Dương. Được một thời gian trong nước yên tĩnh thì bỗng có quân Thục sang xâm chiếm, nhà vua giao binh quyền cho Tản Viên Sơn thánh đồng thời với ba ông phong làm đại tướng quân lãnh các đạo hùng binh trên miền ngược đánh nhau với quân Thục. Dưới sự chỉ huy của Tản Viên Sơn thánh và tinh thần chiến đấu dũng cảm của ba ông, quân Thục thua to rút chạy. Ba ông phụng mệnh về kinh đô, quân đi đến bờ sông Đà thì phong ba nổi lên, Minh công đã hoá. Nhà vua thương tiếc công thần, bèn truyền cho dân lập đền thờ ở trên sông nơi mà Minh công qui hoá và cho xã Cổ Lễ được đèn hương phụng sự. Còn hai ông là Tuấn và Chiêu xin về Cổ Lễ xây dựng cung hội đồng ở điện phượng hoàng, dặn dò nhân dân sau này lấy cung hội đồng này thay cho miếu mạo thờ cúng. Được mấy năm sau, quân Thục lại kéo đến xâm lược nước Văn Lang hai ông lại cầm quân ra trận. Ông Tuấn bị trúng thương vào ngực, ông và ông Chiêu chạy về đến hành cung Cổ Lễ đều hấp hối một lúc. Nhà vua nghe tin rất thương tiếc, cho quan triều về làm lễ và truyền cho dân sửa sang cung điện lăng tẩm. Các triều đế vương đều có truy phong: Vị thứ nhất là Đương Cảnh Đô Đại Thành Hoàng Uy Dũng Linh Cảm Đại Vương, vị thứ hai là Chiêu Ứng Đại vị thứ ba là Minh Lang Đại Vương, đồng thời cho Cổ Lễ được làm hộ nhi sở tại, hàng năm đến kỳ tế xuân thu, triều đình phải có quan về tế.

TRƯỜNG MINH, THỨ MINH, QUÝ MINH

Tương truyền đời vua Hùng thứ 18 là Hùng Duệ vương có ông Hùng Trạc cháu gọi bằng bác, bà Hùng Trạc mang thai 12 tháng, đúng giờ Ngọ, ngày mồng 5 (ngày Ngọ), tháng 5 (tháng Ngọ) năm Canh Ngọ 295 trước công nguyên sinh ra một bọc ba người con trai. Lúc ấy mây lành khí đẹp cùng bay, hương thơm phùng phức trên trời nổ liền ba tiếng sét. Ông Hùng Trạc tâu lên vua Hùng cho cùng đặt tên là "Ngọ". Ban hiệu người anh là Trường Minh, thứ là Thứ Minh, em út là Quý Minh. Ba anh em lớn lên, đều thông minh tuyệt thế, trí dũng hơn người, ham võ nghệ, thích việc quân.

Bấy giờ vua Hùng Duệ vương tuổi đã cao bỏ trẻ việc nước chỉ lấy rượu chè, săn bắn làm vui. Nước Hồ Tôn (Chiêm Thành) từ phía Nam thường vượt biển xâm phạm cửa Thần Đầu (Thần Phù). Một giải núi rừng Tam Điệp - Trường Yên có nhiều giặc cướp quấy nhiễu dân cư, ách tắc đường giao thông từ bắc vào bộ Cửu Chân (Thanh Hoá). Vua Hùng sai tướng Sùng Công, Ngọc Thỏ và Đô Hồng vào Cổ Lâm xây dựng lưu đồn đóng quân phòng phủ mặt biển. Phong ba anh em trưởng Minh Ngọ, thứ Minh Ngọ và Quý Minh Ngọ là tướng đem quân đóng ở Bồ Trang, chia đường đánh dẹp những toán giặc cướp tụ tập hoặc ẩn náu trong rừng núi. Trong vài năm giặc cướp vùng Tam Điệp - Trường Yên bị dẹp yên, đưa lại cảnh thái bình, nhân dân an cư lạc nghiệp. ra có giặc lớn nổi lên đánh phá đất Hoài Hoan (Nghệ An). Vua Hùng triệu ba tướng về triều lĩnh binh vào Hoài Hoan dẹp giặc. Ba tướng vâng mệnh vua mang quân vượt núi trèo đèo qua bộ Cửu Chân tiến thẳng vào đất Hoài Hoan, đánh một trận lớn dẹp tan đảng giặc chém kẻ cầm đầu.

Đời sau có người ca ngợi:

Ngọn cờ thẳng chỉ Cửu Chân ra.

Hùng hồ muôn lòng một tiếng ca.

Vó ngựa xá chi cơn gió nhẹ.

Màn hùm bao quản tuyết sương pha.

Tung hoành ngàn dân hằng mong tưởng.

Đồi núi muôn trùng cũng vượt qua.

Cung kiếm anh hùng là sự nghiệp.

Gian lao gánh vác nước non nhà.

Trên đường ban sư, ba tướng đóng lại ở Bồ Trang cho quân sĩ nghỉ ngơi mở tiệc khao quân. Sau đó mấy ngày ba tướng trưởng Minh Ngô, thứ Minh Ngô và Quý Minh Ngô bỗng nhiên không bệnh mà hoá ở vùng này.

Tin báo về triều đình, vua Hùng hạ chiếu phong tước đại vương, cho các nơi đã được ba tướng đóng quân đều lập đền thờ.

Làng Quảng Phúc lập đền thờ ba vị Minh Ngô đại vương trên nền hành doanh đóng quân>

LÝ LỖ, LÝ HUYÊN

Tương truyền đời Hùng Vương có người tên là Lý Phục, danh tướng của Hùng triều, quê ở Trang Phúc Bồi, phủ Thiệu Thiên thuộc Thành Hóa. Lúc bấy giờ thiên hạ thái bình, Lý Phục chu du đây đó, một hôm quá bộ đến trang Sài Thị thuộc huyện Đông Yên thấy địa thế ở đây rất đẹp, bèn xây dựng hành cung ở trên khu đất ấy làm chỗ nghỉ ngơi. Hồi đó trong bản ấp có một ông tên gọi Hoàng Nhân sinh được một con gái là Quế Hoa nhan sắc tuyệt trần và lại là một người con gái nét na. Lý Phục vốn biết tiếng nàng bèn cho mời Hoàng Nhân đến đặt yến ba ngày rồi đặt vấn đề xin kết duyên cùng Quế Nương, được vợ chồng Hoàng đồng ý. Lý Phục lập nàng làm đệ nhất phu nhân cho ở tại cung Sài Thị. Ngày ấy tháng hè oi bức. Quế Hoa cùng mấy cô gái hầu ra tắm ở trước hành cung, đang tắm bỗng thấy ánh lửa toả sáng ở giữa sông, có hai con rắn xanh ngoi trên mặt nước, một lúc biến mất, lại thấy sấm nổ ở giữa sông làm cho sóng cuộn lên âm âm. Lúc ấy một con giao long dài mười trượng, đầu đội mũ hoa, mình có vẩy ngũ sắc, diều chung quanh Quế Hoa, các cô hầu gái sợ hãi chạy về hành cung báo cho Lý

Phục, ông chạy ra trước hành cung xem thấy mình mảy Quế Hoa đầy rớt rãi, cạo cũng không ra, ông sai thị nữ đỡ Quế Hoa về nghỉ tại hành cung. Lý Phục cho là việc lạ, bèn lập đàn cầu đảo ở trước hành cung. Trong khi hành lễ, bỗng thấy trời đất tối tăm, gió mưa kéo đến, giữa sông có tiếng sấm nổ, thấy con giao long bay lên chỗ cúng lễ, Lý Phục cả sợ bèn làm lễ tạ thì giao long biến mất. Đêm ấy Lý Phục chiêm bao thấy mình cùng với Quế Hoa đi xuống sông thấy lâu đài điện các điệp trùng, có một vị mình mặc hoàng bào, đội mũ hoa sáng rực như sao, mời Lý Phục và Ế Nương cùng ngồi, Lý Phục nhìn chung quanh đều là những loài sấu, mập, rùa, rắn liên giật mình tỉnh dậy. Từ đó Quế Hoa có mang, Lý Phục bảo vợ: *“Hôm nhà đi tắm, có giao long hiện lên, đó là Thủy đế Long vương đã giao hợp với mình đấy”*. Ông bèn lập riêng một cung điện cho vợ ở. Vợ ông có mang đúng mười bốn tháng, đến giờ dần ngày mồng hai tháng sáu, đẻ ra một bọc có hai trứng, nở ra hai con trai. Trong lúc đang đẻ, trên không trung có mấy nàng tiên ngự trên đám mây ngũ sắc, hát múa, tiêu thiều nhã nhạc vang lên, mùi thơm toả ra sức nức, được một lúc đều biến mất. Sau khi đẻ được ba ngày, thì trời nổi sấm sét vô cùng dữ dội, Lý Phục cả sợ, dâng biểu tâu lên nhà vua, sau đó nhà vua cho sứ giả về thăm, thấy hai người con trai mới sinh này có tướng mạo kỳ quái: đầu rồng mình rắn, tiếng như chuông, mặt đen như sắt. Khi lớn lên, mình cao tám thước, sức địch muôn người, hiện ra hình dáng rồng rắn, xuất thánh nhập thần vô cùng biến hoá. Hùng Duệ vương đặt tên cho người thứ nhất là Lỗ, người thứ hai là Huyền phong làm thủy thần trấn thủ sông Nhị Hà và sông Ngưu Giang. Vì là một bà mẹ có công lao đẻ ra thần thánh, nhà vua ban thưởng vàng bạc cho Quế Hoa rất hậu. Quế Hoa đem số vàng được thưởng ấy giao cho mười hai họ là: Lê, Bùi, Phạm, Hoàng, Đỗ, Ngô, Đặng, Nguyễn, Trần, Đào, Đinh, Lý làm khoản tiền quỹ để xây dựng cung điện. Hồi ấy Lý Phục đã tám chục tuổi, vô bệnh mà mất. Lý Công mất được ít lâu, Quế Hoa trở về cung điện riêng của mình ở trang Sài Thị. Một hôm, chiều trời êm ả, bà ra chơi ở trước cung điện. Bỗng thấy trên trời xuất hiện một đám mây hồng rồi hoá thành một đường dài như dải lụa điều rủ xuống, sau biến ra một bầy chim sẻ trắng bay diều chung quanh Quế Hoa, bà cảm thấy ghê rợn, được một lát thì bầy chim biến mất. Thấy điềm báo chẳng lành, hai ông lập đàn cúng tế cầu cho thân mẫu mạnh khoẻ, trong lúc đang cúng tế, trời bỗng tối sầm, sấm sét nổi lên vang dậy. Một con rắn xanh dài hơn mười trượng từ dưới sông bò lên, theo sau con rắn ấy là rắn mang hoa và các loài cá, rùa, ba ba kéo đến chỗ đàn tràng, chỉ trong khoảng chốc lát thì Quế Hoa cùng bầy thủy loại đều biến đâu mất, trời đất trở lại trong

sng như thường. Sau đó hai vị quan lớn đến ở hành cung Sài Thị, cứ mỗi tháng hai kỳ vào châu Duệ Vương, một kỳ xuống châu thủy phủ. Hội ấy Hùng Duệ vương thọ một trăm linh năm tuổi, Thục Vương thấy Hùng Duệ Vương tuổi cao mà không ai thừa kế, bèn đem quân sang xâm lược. Hùng Duệ vương cho sứ giả đi mời con rể là Tản Viên Sơn thánh và hai ông vào triều Hùng vương nói: *“Tản Viên là sơn thánh, Lý Lỗ và Lý Huyền là thủy thần đều sinh giúp bản triều, ta không lo gì nữa”*. Ba người trình vua về kế đánh giặc, nhà vua cả mừng, bèn đem chiếc nỏ thần Linh quang vào làm lễ thái miếu, rồi trao cho Sơn thánh và Lý Lỗ, Lý Huyền cầm quân đánh giặc. Các ông tiến lên Mộc Châu, bày trận khiêu chiến quân Thục, quân Thục ra nghênh chiến, quân vua Hùng giả vờ thua chạy, nhử cho quân Thục vào trận địa có mai phục sẵn, Sơn thánh thúc trống, quân vua Hùng bắn nỏ thần vào phía quân Thục bốn mặt đổ ập lại vây kín quân Thục. Không có lối thoát, quân Thục giầy xéo lên nhau mà chết. sau cuộc thất bại này, hai năm sau Thục Vương lại đem quân sang đánh báo thù. Lần này lực lượng quân Thục lớn hơn lần trước, đường bộ từ Mộc Châu, đường thủy từ cửa bể Hội Thống, thủy bộ hai đường đều tiến. Sơn thánh chỉ huy đánh bộ, hai ông Lý Lỗ, Lý Huyền chỉ huy đánh thủy. Đặc biệt là thủy chiến, hai người gọi những loài thủy tộc dữ tợn như cá voi, các sấu, cá mập, giao long. Các loài rắn độc từ đâu kéo đến dày đặc cả mặt nước, uy hiếp tinh thần quân địch, khiến chúng sợ hãi chạy tan tác. Chiến thắng khải hoàn, hai ông Lý Lỗ, Lý Huyền xin nhà vua cho phép về thăm quê ngoại. Thuyền rồng về đến trang Sài thị, nhân dân mổ trâu bò làm lễ chào mừng hai ông. Trong lúc rượu ngà say, hai ông nói: *“Thời hạn ở trên trần của anh em chúng tôi đã hết, nay phải trở về làm việc tại thủy phủ”*, hai ông bèn viết duệ hiệu của mình giao cho dân thờ cúng. Viết xong, hai ông biến thành hai con rắn dài hơn mười trượng biến mất (Lúc ấy là giờ ngọ ngày mồng hai tháng mười hai năm Ất sửu). Nhân dân lập miếu thờ phụng, nhà vua truy phong là Đương cảnh thành hoàng Thánh Thông Linh ứng đại vương, và Đương cảnh Thành Hoàng Hiền Minh cảm ứng đại vương. Các ngài hiền linh giúp nước cứu dân, cho nên các vị đế vương các triều đại đều có gia phong: vị thứ nhất được phong là Thánh Thông Linh ứng Khuông Quốc Hựu Thánh Nha đại vương; vị thứ hai được phong là Hiền minh cảm ứng Bình Uy Địch Triết Chủ đại vương.

TẢN VIÊN SƠN THÁNH VÀ NĂM VỊ NHÂN THẦN

Tương truyền triều đại Hồng Bàng truyền ngôi mười tám đời đều gọi là Hùng Vương. Đến đời Hùng Duệ Vương có một gia đình ở Châu Ái (Thanh Hoá) tên là Cao Đôn, vợ là Phan Thị An, gia tài giàu có, sinh hạ được hai con trai, anh gọi là Cao Hạnh, em gọi là Cao Sùng, anh em khoảng tám, chín tuổi, cha mẹ đều từ trần, hai anh em côi cút dựa lẫn vào nhau để sống. Tuy nhiên, hai anh em đều làm phúc làm đức như bỏ tiền của ra xây dựng đền miếu và sửa chữa cầu cống, đồng thời giúp đỡ cho người nghèo già yếu, vì thế mà cửa nhà sa sút, vườn ruộng hao mòn, lâm cảnh bần bách, đến nỗi bạn bè thân thích xa lánh. Hai người bèn uỷ thác cho ông cậu trông nhà cho mình, rủ nhau đi nhờ cậy người cô ruột buôn bè ở lộ Đông Hải, được vài năm anh em đến trú ngụ ở động Lãng Sương, huyện Thanh Xuyên, phủ Gia Hưng đạo Hưng Hoá. Qua mấy năm, hai người làm nghề buôn bè dần dần lại trở nên giàu có. Hồi ấy trong sơn động có người con gái họ Đinh tên là Diên nương (nàng Diên), ông già họ Đinh gả Diên nương cho Cao Hạnh, còn Cao Sùng thì lấy vợ ở châu Đà Bắc tên là Hương nương, con gái họ Trương. Anh em thành duyên gia thất đều vào làng ở nơi quê vợ. Hai người đều trở thành bậc hào phú nổi tiếng, được lòng nhân dân cho nên nhân dân bầu lên làm chức vụ tri quản động ấp. Hai người càng giàu có càng làm điều nhân đức. Hồi ấy hai ông tuổi ngoài năm sáu mươi và hai bà cũng ngoài bốn chục tuổi đời mà chưa từng sinh nở. Hai cặp vợ chồng bèn đi cầu đảo khắp nơi. Một đêm hai ông nằm mộng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ hiện lên bảo: "Đất do đạo trời định đoạt mà phúc thì do con người làm ra. Người có đức thì quả phúc mỗi ngày mới thêm. Trên núi mà có chỗ lõm xuống đều là huyết cả, Đấng hoàng thiên định ban cho không phải là nghèo". Nói xong, biến mất, lúc ấy hai ông mới biết thần xuống giúp cho nhà mình, hai anh em bèn dời mộ cha lên táng ở trên đỉnh núi, theo đúng cách thức như thần nhân đã chỉ dẫn. Trong lúc mai táng, trời đất tối mù mịt, mưa gió kéo đến dữ dội. Anh em đắp xong phần mộ rồi làm lễ tạ, trời đất lại quang tạnh như thường. Sau một trăm ngày, hai bà của hai ông ra bãi hái dâu, thấy trên trời có con chim diên năm sắc giáng xuống hai bà dường như trần ngực ở trên bụng, được một lúc thì bay vút lên không trung biến mất. Hai bà sợ hãi bàng hoàng đều chạy thẳng về nhà. Đêm ấy, ông em dẫn vợ ra

đứng hóng mát xem trăng ở trước sân, bỗng thấy hai ngôi sao giáng xuống, ánh sáng toả vào thân bà, bà kinh sợ vào phòng ngả lưng, chiêm bao thấy hai con cọp nhảy múa ở trong phòng, bà vội bắt được chúng, giật mình tỉnh dậy. Bà vợ của ông anh cũng chiêm bao bắt được con cọp. Từ đó cả hai bà đều có mang. Mang thai mười bốn tháng, đến mồng bảy tháng giêng năm Đinh ty, trời đất tối tăm, tiếng gió thổi ù ù chung quanh nhà ở đều vang lên như sấm, vật tứ linh như long, ly, qui, phượng đều xuống châu phục, mùi thơm sực nức, ánh hào quang sáng trưng ở buồng đẻ, bà vợ của Cao Sùng đẻ ra một cái bọc có hai con trai, bà vợ của Cao Hạnh đẻ ra một con trai, cả thảy là ba cậu con trai, cậu nào cũng có dị tướng; cằm én mày ngài, hai xương gò má cao vợi, tay dài chắm gối, bàn chân có bảy cái lông dài, sau một trăm ngày, hai cậu con của Cao Sùng được đặt tên là Hiền, và Minh. Con trai của Cao Hạnh đặt tên là Tùng. Ngày tháng thoi đưa, chẳng mấy mà các cậu đã lên chín, tư chất đều thông minh, trí dũng hơn người. Ba anh em đều đến học Lỗ Tiên Sinh, học mới ba năm mà đã am hiểu nghĩa lý, kinh sử lâu thông. Ba anh em đang thời học tập, chẳng ngờ Cao Hạnh và vợ chồng Cao Sùng đẽ qua đời. Anh em làm lễ an táng xong, đều phải thôi học. Gia tài mỗi ngày một sa sút. Bà Đinh Thị Diên vợ của Cao Hạnh và là thân mẫu của Tùng ngoài sáu chục tuổi đời mà gia đình túng thiếu không biết làm cách gì để dưỡng lão, ba anh em cùng nhau lên hái củi ở núi Tản Viên đem bán lấy lương ăn nuôi mẹ. Trong hoàn cảnh cùng khốn ấy, anh em riu búa trong tay, sớm đi tối về, nuôi mẹ, nuôi bác cực kỳ hiếu thảo. Tương truyền hồi ấy ở đất Pháp Sách có một bà họ Ma tự xưng là thần nữ cai quản rừng núi Tản Viên và Linh Sơn. Người em của bà Ma Thị là Ma Lô Công, chị em tuổi đều cao mà không có con. Bà Ma Thị tuổi ngoài bảy chục, em là Lô Công dù trẻ hơn cũng đã ngoài sáu chục tuổi đời. Người nào đến hái củi ở núi Tản Viên đều phải nộp thuế cho bà Ma mỗi gánh ba tiền. Bà Ma thu thuế của ba anh em họ Cao song họ đều không có tiền nộp, một hôm bà Ma cả giận mắng rằng: "Tản Viên vốn là gia sản của tao, tao có quyền cai quản sơn lâm, bọn chúng mày sao dám đến phá cây cối ở núi Tản của tao mà không nộp thuế". Ba người cùng van lạy bà Ma. Tùng than: "Bọn anh em chúng tôi nhà nghèo túng không biết lấy gì để nuôi mẹ già. Hơn nữa chúng tôi đều là tu mi nam tử mà công bú mớm không đền đáp được thật đáng xấu hổ đứng ở trong trời đất này. Vì thế chúng tôi phải làm nghề hái củi nuôi mẹ. Trông mong bà Ma hãy rủ lòng nhân đức thương cho. Nay bà Ma cả giận không cho chúng tôi hái củi, bọn chúng tôi không có cách nào nuôi dưỡng mẹ già, đành xin cho anh em chúng tôi làm con nuôi bà, đem sức lực

của mình làm cho bà để nuôi mẹ già". Bà Ma nghe anh em trình bày, nói: "Các anh thật là con hiếu, biết công ơn dưỡng dục cù lao", liền chấp thuận cho cả ba anh em được làm con nuôi. Bà Ma gọi em là Lôi công đến, bảo cho biết: "Ba anh em nhà này quả là người biết hiếu nghĩa, xin làm con nuôi nhà ta để nuôi mẹ già. Nay cho em nuôi hai đứa còn chị thì chỉ nuôi một tên Tùng. Đâu cũng là chị em nhà, nào phải người dưng". Sau đó bà Ma bảo Tùng đem mẹ là Đinh Thị đến ở chung với bà để tiện chăm nom nuôi dưỡng. Tùng thuận theo. Từ đó ba anh em yên tâm làm ăn nuôi mẹ. Một hôm, Tùng, Hiền, Minh cùng lên núi Tản thấy có cây gỗ to, cao hơn trăm trượng, cành lá xum xuê, ba anh em chặt gỗ đổ xuống đất, em về gọi người trong sách lên cắt ra từng đoạn, chém cành đem về. Đến khi mọi người cùng leo lên chỗ chặt cây, thấy cây gỗ to ấy lại đứng thẳng lên như cũ cành lá vẫn xum xuê xanh tốt. Ba anh em đều kinh sợ, người trong sách thấy thế cũng đều xuống núi về nhà. Anh em lại cầm búa ra đẵn cây, cây gỗ lại ngã xuống, ba anh cầm búa giả vờ ra về, họ nấp ở ngoài rình xem tình hình ra sao. Vụt thấy ông cụ già đầu râu tóc bạc, mặc áo trắng, chông gậy đi trước, có một tiểu đồng cầm cái chuông đồng đánh ba tiếng, ông cụ già miệng đọc thần chú đi ba vòng quanh cây gỗ, bỗng thấy có áng mây năm sắc xuất hiện, bốn mặt sáng trưng, ông cụ già lấy gậy trở vào cây gỗ, cây gỗ lại từ từ đứng lên và vẫn xanh tươi như cũ. Tùng chỉ cho hai em nấp xem, Tùng chạy thoát ra ôm chân lấy ông cụ và hỏi: "Cụ từ đâu đến đây? Anh em tôi nhà nghèo, tài thiên trí ngu, không có cách nào nuôi mẹ, vì thế phải làm nghề hái củi để báo đáp công sinh thành, xin cụ thương tình cho anh em chúng tôi được bán cây gỗ này để nuôi hai mẹ già. Chúng tôi trông ơn cụ". Ông cụ nghe xong phán: "Cây gỗ to này là chúa sơn lâm và là cột trụ của nước nhà, cây này xanh tất thì vận nước lâu dài, non sông tươi đẹp, sao lại nỡ lòng mà đẵn xuống được! Các anh có lòng hiếu, ta cho cái gậy thần đem về giúp đời để làm kẻ sinh nhai nuôi mẹ". Ông già trao gậy cho Tùng và truyền cho cả lời thần chú, rồi phán rằng: "Cái gậy này một đầu chỉ vào mọi vật dù đã chết cũng đều sống lại, biến hoá vô cùng; một đầu chỉ vào muôn vật đó đang sống cũng phải chết ngay, chỉ mây mây tan, chỉ ngàn ngàn sập, muôn vật thảy đều biến mất. Phải cẩn thận đấy!". Trao gậy xong. Tùng cầm gậy lễ tạ. Ông cụ già lại phán. "Ta vốn là sao Tử vi đế quân, cai quản núi Tản Viên này, thấy các anh chặt cây to, thượng đế sai ta xuống bảo các anh từ nay không nên chặt nữa. Cái cây to này là của báu trong nước". Nói xong biến mất. Tùng từ khi được gậy thần, đem về nhà uỷ thác cho hai em là Hiền công và Minh công nuôi hai mẹ già, ông chu du thiên hạ, cứu giúp nhân dân

khiến cho người ta dù đã chết cũng đều sống lại, nhân dân đều khen là thần sư. Từ đó anh không phải làm nghề hái củi mà vẫn đủ nuôi được mẹ già một cách chu đáo. Hiền Minh mười chín tuổi, thân dài mười thước, cao lớn đỉnh đặc, tài năng trí dũng hơn người, đi đến đâu, trên không xuất hiện đám mây như cái tán che trên đỉnh đầu, mưa gió đi theo. Hồ báo tể tướng và các ác thú khác ở núi rừng thấy đều nép sợ. Tùng đến châu Trung Nghĩa huyện Thanh Xuyên thấy đứa trẻ chăn trâu đánh chết con rắn đen dài ba thước, mục đồng đang xum lại kéo, lúc ấy Tùng bỏ ba mươi tiền ra mua con rắn ấy, trẻ chăn trâu bằng lòng bán cho ông con rắn. Ông thấy con rắn có một chữ "vương" (vua), bèn kéo con rắn đến bên sông niệm thần chú, lấy đầu gậy chỉ vào nó, nó liền sống lại, bò xuống sông đi mất. Sau một lát thấy sóng dưới sông nổi lên cuộn cuộn, nước rẽ ra làm hai, có chiếc thuyền rồng nổi dềnh lên rồi ghé vào cạnh bờ sông, có một người áo mũ chỉnh tề đứng trong thuyền nói: "Tôi vâng mệnh Thái tử ở thủy phủ lên kính mời thần sư về chơi nơi thủy quốc long cung". Tùng liền bước xuống thuyền rồng. Đi một lát thì đến thủy phủ. Ở đây lầu rồng gác phượng mọc lên san sát, có điện ngọc lưu ly có thành vàng sán lạn không sao kể xiết. Các quan hộ vệ ai nấy đều là những kẻ mặt cá mặt rồng có hàng trăm nghìn con người như thế. Ngay lúc ấy có lệnh của vua Thủy Tề truyền tả hữu mời thần sư vào nội điện, vua Thủy Tề mời thần sư ngồi tại bên tả. Trong cuộc hội kiến và yến tiệc trọng thể, vua Thủy Tề bảo: "Trưa hôm nay trẫm cho thái tử lên chơi ở trên trần bị bọn trẻ trâu đánh chết, may gặp được Thần sư cứu giúp sống lại trở về. Ôn đức của Thần sư vô cùng to lớn, xin biểu hiện lẫm lòng thành tạ ơn Thần sư chút quà nhỏ mọn". Nói xong bèn cho thị vệ bưng mấy mâm vàng bạc châu báu ra tặng cho Thần sư, Thần sư cố gắng từ chối không nhận. Trong lúc ấy Thái tử ghé vào tai Tùng nói: "Cha tôi hiện có một quyển sách ước rất quý. Thần sư hỏi mượn được quyển sách ấy hẳn là một sự may mắn". Tùng nghe được manh mối, bèn tâu với vua Thủy Tề Long vương, xin cho mượn quyển sách ước. Thủy Tề đồng ý cho mượn, khi ra về, Thủy Tề cho tướng Xích Lân rẽ nước đưa Tùng lên. Từ khi mượn được sách ước, Tùng đứng trước sân mở sách ước tỏ lòng ước muốn có nơi ăn chốn ở sang trọng một chút. Bỗng nhiên trời đất tối tăm, sau lát lại bừng sáng, thấy lâu đài cung điện hơn một trăm toà hiện lên trang nghiêm lộng lẫy. Còn như bà Ma Thị thấy ba anh em đều là người có thiên trí thông minh, bèn giao hết quyền cai quản núi Tản Viên và núi Linh Sơn, cũng như sông ngòi ruộng đất cho Tùng làm của hương hỏa mai sau. Đến mùng mười tháng bảy Đinh Thái bà và bà Ma Thị cùng mất. Từ đó Tùng đặt cung điện

tại giữa đỉnh núi Tản Viên. Núi Non và núi Lãng ở bên tả bên hữu núi Tản Viên, Tùng cho Hiền và Minh dựng lầu đài ở đó. Ba ông cùng lập toà miếu ở giữa đỉnh núi thờ bà Ma Thị. Đặt quan tài hai mẹ ở bên tả, hương hoả thờ phụng kính cẩn. Phong cho hai em làm thần hai vai tả hữu, Tùng tự xưng là Tản Viên Sơn Thánh. Từ đó oai danh lừng lẫy, chủ trị một phương, cứu chữa bệnh cho mọi người, ba anh em đều tự xưng là Tam Thánh giáng trần. Tương truyền đời Hùng Vương thứ mười tám là Duệ vương, triều Hùng hưởng quyền trị nước đến đó đã hơn hai nghìn năm. Duệ vương sinh hạ được hai chục hoàng tử và sáu nàng công chúa đều lên chơi cảnh tiên hết cả. Chỉ còn lại hai nàng công chúa, là Tiên Dung, Mị Nương đều là người hiền hoà nhan sắc tuyệt trần, người ta ngợi khen là "nữ trung Nghiêu Thuân". Tiên Dung công chúa đã kết hôn với Chử Đồng Tử ở nơi xã Đa Hoà, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam thượng. Công chúa thứ hai như hoa thơm còn đang phong nhị, Vương bèn hạ chiếu cầu hiền kén rể. Nhà vua lập lầu gác ở cửa thành Việt Trì làm chỗ tiếp đãi người hiền. Bao nhiêu người anh tài trí dũng, văn võ kiêm toàn, trong thiên hạ đều đến kinh thành ứng tuyển nhiều không kể xiết. Nhà vua ngự trên lầu cao tuyển anh tài, song mỗi người mỗi vẻ, người được mặt này, kẻ thiếu mặt kia, vua chưa lấy làm hài lòng. Tản Viên Sơn Thánh là Tùng biết tin, bèn cùng với con vua Thủy Tề đến kinh thành thi tài độ sức. Nhà vua ngự xem hai ông hoá phép dờn non lập bể, làm gió làm mưa biến hoá vô cùng rất là huyền diệu. Hùng vương thấy tài trí của hai người đều tương xứng cả, chưa chưa biết gả cho ai, bèn vờ đến trước mặt bảo: "Trẫm đây có ngọc Lam Điền, tài năng hai người đều hài lòng trẫm, cho nên khó quyết định gả cho ai được. Chi bằng một trong hai người ai mang lễ cưới đến trước thì trả cho". Sơn Thánh và Thủy thần cùng lạy tạ nhà vua. Thái tử con vua Thủy Tề trở về thủy phủ còn đang đi tìm kiếm châu báu, nào là: Voi trắng chín ngà, tóc tiên chín bó, ngựa hồng chín con, gà chín móng, ngọc lưu ly một nghìn viên, một đôi phượng hoàng, kỳ lân ba con; Tản Viên Sơn Thánh vẫn ung dung thư thái, đứng tại dưới lầu, mở sách ước ra, ước nguyện một lát, hai em là Hiền và Minh mỗi người cưới con voi đực, theo sau là một bày voi có hàng vạn con kéo đến, Tùng đệ dâng sớ lễ. Tả hữu đi theo Sơn Thánh vào sân rồng bái tạ, đến gà gáy một lần, vương gả công chúa cho Sơn Thánh. Vương thấy Hiền đứng ở bên tả, Minh đứng ở bên hữu, các loài thú dữ đều dàn ra tả hữu phủ phục dưới sân chầu nhà vua. Vua hỏi Tản Viên Sơn Thánh: "Hai viên đứng hai bên tả hữu hiện giữ chức vụ gì?" Sơn thánh tâu: "Em của hạ thần cũng có chút ít tài năng". Nhà vua thử hỏi thì hai ông

ứng đối trôi chảy, nét mặt bình thường không thay đổi, văn võ toàn tài đạt đến trình độ cao. Hùng vương rất hài lòng bèn phong là Tả Nhạc phủ Dự Thánh đại tướng quân. Hôm ấy Tản Viên Sơn Thánh làm lễ đầy đủ, rước dâu về núi Tản. Khi vừa ra khỏi cửa thành thì thái tử con vua Thủy Tề đem lễ vật đến, thấy Sơn Thánh đã đón được dâu, thái tử hầm hầm nổi giận chạy về thủy phủ, ra lệnh cho thủy binh nổi loạn dâng nước lên đánh nhau với Tản Viên Sơn Thánh, hàng năm giao chiến vào hồi tháng sáu. Sơn Thánh từ khi lấy con gái Duệ Vương, được vương vời đến nương ngôi cho, nhưng Sơn Thánh hết sức từ chối mà chỉ xin phò tá việc nước chứ không muốn làm vua. Từ đó thiên hạ thanh bình vô sự được năm sáu bảy năm thì thủy thần nổi loạn, nước lớn ngang trời, đường xá bị phá vỡ, lúa và hoa màu bị ngập hết, nhà cửa cầu cống bị đổ sập, nhân dân đói khát lưu tán, có nhiều người chết đói, vua Hùng vời Sơn Thánh về triều, vương phán "Nay thiên hạ bị thủy tai làm hại, nhiệm vụ triều đình là phải uỷ nhiệm cho bậc hiền tài tuân thủ thiên hạ để trị thủy, nhà người có thể xung vào việc này...". Sơn Thánh phụng mệnh, về triều tập hai em là Hiển và Minh hiện giữ chức tả hữu nhạc phủ để hiệp đồng tác chiến với Thủy Tinh. Hai ông tiến quân đi đâu là truyền dựng hành cung đến đấy để trị thủy. Mỗi khi đến địa phương nào hai ông đều ngắm xem thủy thế ở đó phá ở chỗ nào, liền lập hành cung đóng ở chỗ đó, đồng thời mượn cuốn sách ước của Tản Viên Sơn Thánh ra ước nguyện một lúc thì bao nhiêu quặng bị sạt vỡ đều bồi đắp ngay như cũ. Dân địa phương lưu tán đều được chiêu hồi cấp tiền, gạo, cho nên dân chúng đều no ấm, an cư lạc nghiệp, cùng trông nhờ đức chính của hai ông. Trên đường đi trị thủy, hai ông về đến huyện Thiên Thi, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam, quan địa phương ra làm lễ mừng, xin mời hai ông vào nhà chiêu đãi mở tiệc. Hai ông bèn đóng quân ở huyện sở, sau đó đi thăm trong huyện để ngắm địa thế đặt hành cung. Hồi ấy có ông nhà họ Phạm, vợ là Trần Thị Hảo vốn quê ở trang Hội Triều, huyện Hoàng Hoá, phủ Hà Trung, Châu Ái, vốn là dòng dõi trâm anh, có nền nếp thi thư, đến đời Phạm công Tuyền phụng mệnh nhà vua đi nhậm chức thái thú ở Nam Sách, vừa được mười năm. Ông có chính sự nhân đức, không xâm phạm đến sợi tơ sợi tóc của nhân dân, nhân dân đều yêu mến. Một năm bị hạn hán, lúa má hoa màu khô héo, nhân dân chẳng những đói khát mà còn mắc bệnh dịch tễ, Phạm công cảm thấy lo lắng và thương cảm, bèn lĩnh ba vạn quan tiền kho về phát chẩn cho mọi người nghèo đói và cô nhi quả phụ. Mặt khác phát thuốc cho những người đau ốm, chôn cất và cải táng cho một số thi hài vô thừa nhận. Khoản tiền và thóc trong kho đều chi hết. Khi ấy Phạm công Tuyền ngoài

năm chục tuổi, phu nhân Trần Thị cũng đã ba mươi một tuổi đời, một hôm thanh nhàn, gió xuân ấm áp, phu nhân ngồi thành thoi ngắm hoa nở ở hiên tây. Trong lúc bâng khuâng, chiêm bao thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, áo mũ chỉnh tề, tay cầm một cành đan quế nở ba đoá hoa có ba màu khác nhau, đi từ trong mây bước thẳng xuống đứng ở trước mặt phu nhân, phán "Ta là vị thần ở núi Nam Nhạc, vâng mệnh hoàng thiên xuống ban cho nhà ngươi ba bông hoa phú quý để đền đáp lòng từ thiện của nhà ngươi. Ta có bài thơ đọc cho nhà ngươi nghe". Phu nhân rất mừng, bèn cầm cành hoa; nghe cụ già đọc thơ, thơ rằng:

“Phạm gia phúc đạt thiên tri

Ứng hứa tam hoa cộng nhất chi

Hiếu nghĩa trung thành niên thế trạch

Gia trân quốc bảo tại hoa chi”.

Nghĩa là: “Nhà họ Phạm phúc hậu thấu đến lòng trời; Vì thế ta cho ba bông hoa cùng nở một cành. Hiếu nghĩa trung thành dài lâu ơn đức, Nhà quý báu cũng do ở cành hoa này”. Phu nhân nghe tiếng đọc thơ như rót vào tai, vụt tỉnh lại mới biết là chiêm bao bèn đem việc thấy ở trong mộng nói cho ông Tuyên biết. Ông bảo phu nhân: *“Quả nhiên chiêm bao như thế, rõ ràng hồng phúc nhà ta lớn lắm. Nhà thế nào cũng sinh quý tử...”*. Được vài tháng sau phu nhân quả nhiên có mang. Đến mùng 8 tháng 3 năm Canh thìn sinh một con trai mặt to tai lớn, cằm én mày ngài, hình dung tuấn tú khác hẳn người thường. Cậu bé vừa đầy tuổi tôi, phu nhân có mang, đến mùng 10 tháng giêng năm nhâm ngọ sinh cậu con trai nữa. Cậu hai lên hai thì phu nhân có mang, đến mùng 10 tháng 12 năm Giáp thân lại sinh thêm một cậu con trai, môi đỏ như son, tai trắng như tuyết, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng long lanh như sao Bắc Đẩu, tiếng vang vang như tiếng chuông, hình dung đỉnh đặc khác bậc tầm thường. Thấy ba con trai đều tuấn tú lộ vẻ thông minh, Phạm Tuyên vui mừng, đặt tên cho con thứ nhất là Phạm Hiếu, con thứ hai là Phạm Thành, con thứ ba là Phạm Lương. Ba ông mới lên năm sáu tuổi đời phu nhân bỗng nhiên tạ thế. Phạm công lại phải bồi thường ba vạn quan tiền kho của nhà nước, bồi thường không đủ, nhà vua bèn biếm truất quan chức của ông. Ông lo lắng cho tình trạng gia đình con còn thơ ấu, nhân dân trong hàng phủ nghe thấy đều mang tiền đến giúp đỡ Ruộng đất

bán hết để bồi thường tiền kho. Phạm công nghĩ: lợi lộc gì cũng chẳng bằng an nhàn, hiện nay goá vợ, để lại một đàn con thơ ấu, lọc cọc gà trống nuôi con, gia tài chỉ hai bàn tay trắng biết lấy gì để nuôi nấng con thơ, thật là nan giải. Còn đa mang chức vụ và danh lợi làm gì. Chi bằng treo ấn từ quan, tìm nơi dạy trẻ để làm cái kế nuôi dưỡng con thơ, há không nhàn hạ hay sao? Nhân đó ông dâng biểu tâu lên xin cho từ chức để dưỡng thân già, được nhà vua đồng ý. Ông lạy tạ nhà vua và từ biệt các bạn đồng liêu trở về quê hương, tìm nơi mở trường dạy trẻ. Hội ấy có một vị quan trưởng ở châu Xích Đằng, phủ Khoái Châu thuộc đạo Sơn Nam nghe ông là người văn chương nổi tiếng trong thiên hạ vả lại trước đây cũng có tình bạn khi ở quan trường, liền mời ông về nhà dạy học cho con cháu trong nhà và người ở địa phương. Ông ngồi dạy học mới được vài năm, chẳng ngờ vị quan trưởng ở Đằng Châu tạ thế, ông còn lưu lại dạy học một năm nữa. Hội ấy các vị phụ lão ở khu Đặng Xuyên, xã Đặng Đình, huyện Thiên Thi nghe ông hay chữ nổi tiếng, ăn ở nhân đức họ bảo nhau tìm đến trường học mời ông về dạy học ở làng mình. Ngôi chùa làng lúc đó đang trùng tu, họ cử ông ra chủ trì. Ông đem ba đứa con nhỏ về dạy học ở Đặng Xuyên, vừa dạy trẻ học vừa trông nom việc tu tạo công đức. Lúc này ba cậu con trai của ông đã bảy tám tuổi, tài năng trí dũng hơn người. Sau khi tu tạo chùa xong, dân nhờ ông giữ chùa, ông cũng đồng ý. Ông dạy kinh sách được vài năm, khi ấy ba con trai ông đã mười ba tuổi, thông minh đặc biệt học một biết mười, trí tuệ hùng tài không ai dám địch. Người trong thôn áp thấy ba cậu thông minh như vậy, khiến cho ai nấy đều tỏ lòng khâm phục, họ trầm trồ khen: "Phạm tiên sinh có ba con trai không phải thần đồng xuất hiện thì cũng là thiên thánh giáng trần chứ không phải người tầm thường. Năm ấy trời đại hạn, nhân dân nhiều người đau ốm. Chỉ riêng hai giáp ở khu Đặng Xuyên, ba cậu bảo cho nhân dân làm lễ cầu đảo, và mình viết ba tờ biểu kêu trời đất bách thần, đồng thời mỗi một ngõ xóm đều niêm yết một cái biển cấm, do đó mà thôn áp đều yên ổn. Mưa có tưới chỉ tưới riêng cho khu vực thôn áp này, lúa má phong đăng, nhân dân đều kính sợ và đều cho là một việc lạ lùng. Thời gian này Hiền công và Minh công tiến quân vào huyện Thiên Thi, đóng quân lại và chơi bời yến hội một tháng. Hai ông đêm đêm cứ chiêm bao thấy ba cậu con trai áo mũ tề chỉnh chững chạc đến chơi. Hai ông hỏi tên các cậu và hỏi từ đâu đến, ba cậu thường trả lời: "*Chúng tôi con Phạm công ở Châu Ái. Hiện nay cha chúng tôi đang dạy học khu Đặng Xuyên. Nay thấy hai vị quan lớn, với chúng tôi cũng là thanh khí lễ hằng cho nên tìm đến với nhau để kết nghĩa giao du...*". Hai ông nghĩ: "*Thường thường chiêm bao gặp ba*

người này, có lẽ trang huyện này có con người tài năng lỗi lạc". Ngày hôm ấy, hai ông thăm hỏi quan địa phương xem trong huyện có khu Đặng Xuyên thật không. Quan địa phương trả lời rằng có khu tên là Đặng Xuyên. Hai ông hẹn đến ngày hôm sau xe loan đến đất ấy thăm hỏi tình hình thế nào. Đêm trước, nhân dân ở các họ trong khu Đặng Xuyên đều chiêm bao thấy các ông Hiếu, Thành và Lương theo sau ba vị là các âm hồn gia tiên của các họ đi vào khu Đặng Xuyên loan tin cho các gia đình: *"Hôm sau có hai vị quan lớn về chơi hỏi thăm dân làng. Bọn chúng tôi kính vâng mệnh trời làm phúc thần cai quản thôn ấp phương này, vì thế đến báo cho dân biết, đừng có điềm nhiên mà mắc tội lỗi"*. Nhân dân vụt tỉnh, ai nấy đều nói chiêm bao của mình thì giữa người nọ với người kia đều giống nhau như hệt. Họ cho là một sự lạ lùng. Trong khi đang trò chuyện với nhau, bỗng thấy xe loan cùng binh mã của hai ông tiến đến, nhân dân ngấm xem diện mạo của hai ông hệt như hai vị thấy ở trong mơ. Ngày ấy nhân dân tung bưng làm lễ chào mừng hai vị quan lớn. Hai ông hỏi nhân dân xem có ai là họ Phạm ở nơi khác hiện trú tại đây không, nhân dân đều thưa có Phạm tiên sinh đang ngồi dạy trẻ. Hai vị quan lớn lại hỏi: "Phạm tiên sinh có con cái gì không?" Dân chúng thưa: "Tiên sinh có ba cậu con trai, thông minh đặc biệt, dân làng chúng tôi đều khâm phục tài năng của các cậu". Hai ông nghe lấy làm mừng bèn sai bộ hạ vời ba cậu đến. Nhác xem diện mạo của ba cậu này sao mà giống như đúc với ba cậu mà hai ông đã nom thấy trong chiêm bao. Hai ông mời ba cậu đến ngồi ở bên phía tay phải, thử hỏi xem tài văn võ ra sao, ba cậu ứng đối như nước chảy không hề vấp vấp làm lẫn chút nào. Hai ông thấy tài năng của ba cậu quả thật là bậc anh tài cho là có ứng nghiệm với điều chiêm bao, liền nói: "Việc do trời định, ta với các người tất thành nghĩa anh em". Nói xong, hai ông truyền lệnh cho dân tu tạo quán sớ làm hành cung để sử dụng những khi hội họp yến ẩm. Địa hình của khu Đặng Xuyên trang Đặng Đình bằng phẳng, phiên đất dân cư đằng trước có con sông ôm l những phiên đất ở trong thôn ấp vòng vèo như xoáy ốc, nơi dựng hành cung đặt tại gò Kim Tinh (gò hình tròn) mạch đất từ đông bắc kéo đến, trước mặt có tam thai (ba gò) làm án và nước ở các nơi chảy đến hội tụ, bên tả bên hữu tương ứng, địa thế bốn phương đều quay đầu lại, thật là một kiểu đất quý. Nhân dân phụng mạng sửa sang hoàn thành, sau đó năm vị (tức là Hiền, Minh công và ba con trai của Phạm công) cho mở tiệc yến ẩm vui vẻ ba ngày, sau đó nhân dân làm lễ lạy tạ tự nguyện xin làm phận tôi con, năm vị đức ông đều hài lòng với nguyện vọng chính đáng ấy. Ít lâu sau, các vị đức ông như Hiền, Minh, Hiếu, Thành, Lương đều về triều bái yết nhà vua,

hai ông (tức Hiển và Minh) tâu sự việc thấy ba ông họ Phạm trong giấc mơ, qua đó mà tìm được ba con người thật để kết nghĩa anh em. Nhà vua nghe lời tâu bèn thử xem tài năng ra sao, ba ông ứng đối thông minh, tỏ ra là người học rộng biết nhiều, nhà vua bèn phong cho ông thứ nhất là Tư chính lễ bộ, ông thứ hai làm Tham nghị triều chính, ông thứ ba làm Điền chính tào liêu. Nhà vua lại cho nhân dân khu Đặng Xuyên làm bộ hạ của năm vị đức ông. Từ đó các ông làm việc tại triều, bốn bề thanh bình, trong phủ yên ổn vô sự. Ba vị đức ông xin vua về thăm quê nhà báii yết gia tiên và thăm thân phụ, được nhà vua phê chuẩn đồng thời gia phong cho thân phụ là Phạm công Tuyển hàm vinh lộc đại phu, ban cho vàng bạc châu ngọc gấm vóc và các hạng binh mã, đồng thời cho xe loan tiễn về quán. Ba ông họ Phạm lạy tạ trước bệ ngọc, về khu Đặng Xuyên đón thân phụ về quê. Nhân dân quê hương làm lễ chào mừng. Ba ông truyền cho nhân dân xây dựng một toà lâu đài ở khu đất đầu làng. Kiểu đất này là hình con "thỏ" (hình vương) ở giữa hình đó có chỗ đất lõm xuống, đằng sau có kim tinh (gò tròn) làm án; hai bên tả hữu ôm lại, bên ngoài có đầm sâu làm minh đường. Nhân dân phụng mạng xây dựng xong, ba vị đức ông bèn cho mở tiệc yến ẩm ba ngày, mời nhân dân và phụ lão đến yến hội. Ba vị đức ông cấp cho dân năm nén vàng để làm khoản quỹ công cộng và mua ruộng đất lấy hoa lợi đưa vào việc trùng tu cung điện sau này. Ba đức ông lưu lại quê hương chừng dăm sáu tháng, chẳng ngờ đạo trời.xui khiến, thân phụ các ông tạ thế vào ngày mồng 5 tháng 01 ấy người đã ngoài bảy mươi tuổi. Ba ông mai táng xong, bèn dâng biểu xin vua cho ở nhà chịu tang cha, được vua chuẩn y. Ba ông ở quê nhà thờ phụng cha được một năm, nhà vua lại xuống chiếu vời về triều báii yết. Được vài năm, vua lại phong cho Hiếu công làm Đô đài giám sát, Thành công làm Phụ chính quốc công, Lương công làm Đại tư chính quốc, từ đó vua tối nhất trí xây dựng kỷ cương trật tự triều đình và ban hành chính sự nhân hậu cho trăm họ, đời sống nhân dân đầy đủ, thiên hạ thái bình. Nói về khu xóm Đặng Xuyên cùng nhờ được hồng phúc của năm vị đức ông, cho nên làm ăn giàu sang hiển đạt. Hồi ấy Thục An Dương Vương từ xa nghe thấy Hùng Duệ Vương tuổi đã cao mà không có người thừa kế, nhường ngôi cho Thánh Tản Viên, nhưng Thánh Tản Viên không nhận, bèn đem ba chục vạn quân sang đánh Duệ Vương để cướp nước. Quân Thục chia hai đường thủy bộ. Đường bộ có mười lăm vạn quân, một nghìn viên tướng giỏi, tám nghìn con ngựa tốt, tiến theo đường Cao Bằng, Lạng Sơn, Châu Đại Man, châu Hoàng Nhan, châu Mãn, châu Phụ, châu Tấn, châu Tư Long, châu Bảo Lạc, Mai Châu, Mộc Châu, Phù Hoa Châu, Tuyên Quang,

Hung Hoá, Văn Bào, Thuỷ Vĩ, quân Thục đi đến đâu đều đóng đồn trại đến đấy. Đường thuỷ cũng mười lăm vạn quân, một nghìn viên thương tướng, thuyền có một vạn chiếc đi từ cửa biển Thần Phù đến Châu Hoan Châu Ái, châu Bồ Chính, rồi tiến theo các đường sông. Thanh thế quân Thục ào ào như sóng cuộn âm âm như sấm dậy chiêng trống vang trời, kinh kỳ rợp đất, một ngày có dăm sáu lần tiếp được thư từ ở biên giới báo gấp về triều. Nhà vua bèn sai các ông Phạm Hiếu, Phạm Thành, Phạm Lương đem quân chống cự quân Thục. Ba ông phụng mệnh đem hai vạn quân tiến thẳng vào chỗ địch. Các ông đóng đồn binh ở địa phận Hung Hoá, thường đánh nhau với quân Thục, qua ba bốn trận đánh, quân Thục luôn luôn thất bại, chém được vài chục đầu tướng giặc. Quân giặc bèn lùi đến Mộc Châu. Ba ông thu được các đất Văn Bàn, Thuỷ Vĩ, Hung Hoá, lập trại để giữ đất. Qua một tháng, quân Thục lại kéo đến, ba ông chưa kịp ra quân thì đã bị quân Thục bủa vây bốn mặt, ba ông cho đóng cửa thành cố thủ, qua vài ba tháng, binh sĩ đói khát, một mặt tướng Thục cho quân đồng thanh hô to: *"Cơ nghiệp triều Hùng đã suy sụp, Hùng Duệ không con kế vị, như vậy là số trời đã định, có sao ba ông không hiểu được lẽ đó? Nay muốn giữ toàn tính mạng, lại được tước lộc, cấp cấp qui hàng. Vả lại Thục Vương vốn là chúa tể bộ tộc Ai Lao, cũng là dòng dõi Hùng Vương, có phải là người xa lạ gì đâu! Rút cục đều là tông phái nhà vua, tình người nhà với nhau, không phải là người ngoài. Hơn nữa, Thục Vương là người khoan nhu đại độ, đức rộng tài cao, thật là một đáng vua hiền. Ba ông qui hàng tất cho tước lộc nếu không qui hàng, hẳn không lối thoát, trừng trị không tha!"*. Ba ông cả giận muốn ra đánh nhau một trận quyết được thua, song quân sĩ đói khát, mệt không còn đủ sức chống cự, chỉ đóng cửa thành cố thủ. Ba ông đưa thư báo gấp về triều nhà vua liền mời Sơn Thánh đến hỏi kế đánh giặc. Sơn Thánh Tản Viên tâu: "Thần xin gánh vác nhiệm vụ khó nhọc này thay cho nhà vua, chỉ trong một ngày dẹp yên quân Thục", được nhà vua phê chuẩn bản tâu của Sơn Thánh. Ngay lúc ấy Sơn Thánh liền triệu tập vị thần hai vai và hai bộ sơn thần thuỷ thần, vào lễ nhà vua, vua phong Sơn Thánh làm chức Nhạc Phủ thượng đẳng thần; Hiền công là Cáo Sơn đại vương, Minh công là Quế minh đại vương, và chủ tướng đều được phong tước thứ bậc khác nhau. Lúc ấy Cao Sơn đại vương và Quí Minh đại vương truyền hịch bốn phương mộ quân tuyển tướng, được khoảng hơn hai chục nghìn người. Tản Viên Sơn Thánh lĩnh mười vạn quân cùng với hai em và các tướng sơn thần thuỷ phủ, chia hai đường thuỷ bộ đều tiến, thuyền với ngựa song song, đi thẳng đến nơi giặc đóng và đánh nhau một trận dữ dội để giải vây. Quân

Thục thua to ba ông phá vòng vây thoát ra, hiệp đồng tác chiến với Sơn Thánh đuổi quân Thục chạy dài đến Mộc Châu, lại đánh một trận bắt được viên thượng tướng của Thục chém đầu thị uy. Quân nhà vua truy kích chém đầu quân giặc rất nhiều, thu gọn khí giới, cò trống đưa về kinh đô, thế là dẹp yên quân Thục. Nhà vua nghe tin đại thắng, hạ chiếu vời chủ tướng về triều. Ngày ấy Sơn Thánh và các vị như Hiến, Minh, Hiếu, Thành, Lương các vị tướng sĩ khác đều tiến về kinh thành. Được ít lâu, hai ông Hiến và Minh về đến châu Đà Bắc huyện thanh Xuyên đều hoá. Hiến công lên núi Nộn Sơn - trái núi bên tả của Tản Viên, lên đến đỉnh núi, có mây năm màu phủ kín, bách thú lai châu, giữa lúc trời đất mù mịt; ngài bay lên không biến mất. Minh công lên núi Lãng Sơn - trái núi bên hữu cửa Tản Viên, lên đến đỉnh núi, trước lúc bay lên trời, cũng có hiện tượng hiển linh như Hiến công vậy. Ba ông Hiếu, Thành và Lương thấy việc hết sức lạ kỳ như vậy, bèn đóng quân tại nơi đây, dâng biểu tâu lên nhà vua, nhà vua bèn sai các quan triều hiệp lực với ba ông Hiếu, Thành và Lương làm lễ ở nơi hai vị qui hoá. Các quan triều cùng ba ông truyền cho nhân dân lập đền thờ tại đỉnh núi. Công việc hoàn thành, ba ông về triều tâu trình hình cụ thể lên nhà vua, được nhà vua khen ngợi: "Các người kiên trì cố thủ như vậy đáng khen là bậc tôi trung, trẫm phong cho các người là Tam trung hầu", ba ông cùng lạy tạ bệ Ngọc. Sau đó nhà vua lại truyền cho các vị tướng của Hiến công và Minh công kể nơi nào có hành công của hai ông đều cho lập miếu thờ cúng. Các toà miếu thờ hai ông gồm ba mươi hai chỗ. Nhà vua phong cho Hiến công là Cao Sơn đại vương, Minh là Quý Minh đại vương, chuẩn y cho hai giáp Đoài và Bắc ở khu Đặng Xuyên phụng sự.

Từ khi Thục Vương thua trận, oán hờn sâu sắc, sau ba năm bèn cầu viện binh mã ở các nước láng giềng lại sang xâm lược nước ta. Nhà vua lại sai Tản Viên Sơn Thánh và ba ông Hiếu Thành, Lương đi đánh. Vua phong ông Hiếu là Trung Hiếu đại vương, ông Thành là Trung Thành đại vương, ông Lương là Trung Lương đại vương. Ba ông lạy tạ bệ rồng bèn đem quân hiệp cùng Sơn Thánh đánh quân Thục thua to, quân Thục bị truy kích chém đầu rất nhiều không sao kể xiết máu chảy thành sông, xương chất thành núi. Nhà vua nghe tin thắng trận bèn giáng chiếu vời ba ông về triều. Trên đường về, đi đến địa phận huyện Hoàng Hoá thuộc Châu Ái (Thanh Hoá), ba ông về quê thăm nhà, nhân dân làm lễ lạy mừng, ba ông bèn truyền cho khao thưởng quân sĩ và nhân dân địa phương. Trong khi đang vui vầy yến ẩm, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, mưa to gió lớn đổ xuống âm âm, trong

vòng chốc lát thì trời quang mây tạnh, hai ông Hiếu và Lương đều hoá. Thành công bèn làm lễ an táng ở cạnh núi Vân Nham và truyền cho địa phương dựng đền phụng sự. Công việc tế táng xong xuôi, ngày hôm sau Thành công đem quân về triều, thuyền binh của ông tiến đến ngã ba sông Lương Giang, vụt nổi trận gió lớn, trời đất mịt mù, sóng cuộn lên âm âm, một lát lắng trong, thấy các loại cá, ba ba, rắn mai hoa, thường luồng v.v... đều nổi lên mặt nước, bỗng có tiếng sét dưng như xé đất, thấy con rồng vàng tự trong mình ông bay vút lên trên không đi mất, ông liền hoá ngay lúc ấy. Các tướng của ông làm biểu tâu lên nhà vua nói ba ông đều hoá. Nhà vua nghe tin rất thương ba vị bề tôi trung nghĩa, có công lao với nước, bèn sai quan triều về nơi ba ông hoá làm lễ tế bái, một mặt truyền cho dân địa phương lập miếu thờ phụng, cấp cho ruộng hương hoả, hàng năm đến mùa xuân mùa thu lại sai quan về tế. Sau đó nhà vua lại truyền cho bộ hạ của ông ở các nơi đều dựng miếu thờ, được tất cả hai mươi ba chỗ. Nhà vua lại truyền lệnh cho hai giáp tại khu Đặng Xuyên tu sửa hành cung khi ba ông còn sống vẫn hội đồng vui chơi yến ẩm tại đó làm nơi thờ của hội đồng. Hồi ấy nhà vua phong cho hai vị Hiến công và Minh công là thượng đẳng tối linh phúc thần, ba vị Hiếu, Thành, Lương là trung đẳng phúc thần.

THIÊN KHAI

Tương truyền đời Hùng vương thứ mười tám ở châu Tự Long thuộc đạo Tuyên Quang có một người tên là Tuyên Ngoạn, vợ là Ma Thị Ngu người bản châu, vợ chồng ăn ở hài hoà, phúc hậu, tuổi đời đã đến ngũ tuần mà chưa có con trai, một hôm Tuyên Ngoạn nằm mơ thấy trời có ba tiếng sét, vòm trời bị xé làm hai mảnh có con rắn dài ba thước từ trên trời rơi xuống bụng bà Ma Thị, vợ chồng kinh hãi, giật mình tỉnh dậy, mới biết rằng mình chiêm bao, được ít lâu thì Ma Thị có thai và thời gian mang thai là mười hai tháng. Đến đêm mồng bảy tháng mười một năm Giáp tí, Tuyên công mơ thấy vị thần tướng bế đứa trẻ đến gõ cửa bảo rằng: "*Nhà ông phúc hậu, trời đã soi xét, cho ông đứa trẻ này, mai sau nó làm nên sự nghiệp giúp đời yên dân...*". Vị thần tướng biến mất, ông tỉnh dậy thì đến giờ dần ngày hôm sau, Ma Thị sinh hạ một cậu con trai. Trong lúc đang đẻ, trời nổ tiếng sét, hào quang sáng rực một nhà, mùi thơm gió đưa ngào ngạt. Cậu bé ra đời, chóng lớn và khôi ngô. Năm mười hai tuổi bắt đầu đi học, tỏ ra là một cậu học trò rất thông minh. Năm mười bảy tuổi tài kiếm văn võ, được thầy bạn kính

phục. Năm 20 tuổi bố mẹ đều mất, làm lễ an táng và chịu tang ba năm, sau đó người thanh niên ấy tỏ ra có chí khảng khái chiêu binh mãi mã, tích lũy lương thực, tìm chỗ hiểm yếu đến ở. Một hôm đến châu Bồ Chính, thấy núi Minh Tinh, trên núi có động Thiên Khai, hình thế thiên nhiên rất là thanh tú lạ kỳ, bèn di cư lên đó, chiêu nạp quân sĩ đến vài vạn người tự xưng là Thiên Khai vương, tất cả tô thuế tạp dịch ở châu Bồ Chính đều thuộc quyền cai quản của vương. Hồi ấy công chúa con vua Hùng là người có sắc đẹp; Thiên Khai vương nghe tin bèn đến cầu hôn, khi đến nơi thì Hùng vương đã gả cho Tản Viên sơn thánh, Thiên Khai vương bất bình muốn đem binh mã đánh nước Văn Lang. Một đêm, Thiên Khai vương chiêm bao thấy một vị mặc áo bào xanh, tay cầm cờ vàng tự xưng là Thiên tướng đến bảo Thiên Khai vương rằng: *"Trời cho ngài giáng sinh là để giúp vua Hùng và để đền đáp tấm lòng từ thiện của gia đình họ Tuyền, ngài phải một lòng một dạ giúp nước để lưu lại tiếng thơm cho đời sau, không nên cưỡng lại lòng trời mà mang họa vào mình "*. Thiên Khai vương tỉnh mộng, cho ngói báu là một loại thiêng liêng không thể nào lấy trí lấy lực của một người mà tranh giành được, sáng hôm sau vào bái yết Hùng vương. Nhà vua thấy tư thế của một con người, mình cao tám thước, sức địch muôn người, là một vị tuấn kiệt, bèn phong làm "Tham tán điều bát quân vụ", chưa đầy một năm lại phong làm "Luyện đạt triều chương chính sự đốc lĩnh long chu thủy đạo đại tướng quân" (tức là chức chỉ huy thủy binh). Từ đó vua tôi đồng tâm nhất trí, thiên hạ thái bình, Thiên Khai vương bèn chu du thiên hạ thăm phong cảnh đẹp ở mọi nơi. Một hôm Thiên Khai vương đến xã La Tiến huyện Phù Dung (tức huyện Phù Cừ) thấy địa thế rất đẹp, long châu hổ phục, sơn thủy hữu tình, bèn cho xây dựng đồn trại ở đó. Thiên Khai vương vui với cảnh vật ở La Tiến, ra sức khuyến bảo nhân dân làm ruộng trồng dâu, làm điều lợi, bỏ điều hại, gắn bó lòng người bằng những việc làm nhân nghĩa, gây dựng nề nếp thuần phong mỹ tục cho dân, công lao của Thiên Khai vương rất lớn, nhân dân yêu mến, đều tự nguyện xin làm phận kẻ tôi con. Thiên Khai xin vua Hùng miễn tô thuế tạp dịch cho dân La Tiến và xin vua lấy La Tiến làm nơi phụng thờ hương hỏa mai sau này, được vua Hùng phê chuẩn. Sau đó ít lâu, xảy ra việc quân Thục kéo sang xâm lược Văn Lang, vua Hùng và Tản Viên Sơn Thánh triệu Thiên Khai vương về triều bàn mưu đánh giặc. Thiên Khai vương về xã La Tiến cho tuyển lựa mỗi họ mấy người làm gia thần. Số người làm gia thần có hai mươi một người như: họ Nguyễn bốn người, họ Hoàng ba người, họ Bùi ba người, họ Đặng năm người, họ Phạm hai người họ Dương bốn người. Thiên Khai vương cho mở

trâu bò kháo thưởng nhân dân binh sĩ, sau đó ra lệnh tiến quân đánh nhau với quân Thục, quân Thục thua to. Sau chiến thắng, Thiên Khai vương trở về thăm núi Minh Tinh đóng quân lại mấy ngày khao thưởng quân lính, trong khi đang vui yến ẩm, trời đất bỗng tối tăm mờ mịt, sấm sét nổi lên âm ầm, trên không trung có tiếng người đọc thơ:

“Hỡi người La Tiến!

Báo cho người hay;

Triệu về tiên cảnh,

Làm thần phương này”.

Đọc xong bốn thì trời lại phong quang, sấm sét im bật, nhân dân quân sĩ nom lên chỗ ngồi không thấy Thiên Khai vương đâu cả, chỉ thấy áo mũ trút lại mà thôi. Ngày xảy ra chuyện ấy là mồng năm tháng năm. Các tì tướng cùng nhân dân La Tiến làm biểu tâu lên nhà vua, nhà vua cho rằng ông bình sinh có công lao với dân với nước, bèn truy phong là *Thiên Khai Tuyên Minh đại vương*, chuẩn y cho xã La Tiến làm hộ nhi. Nhân dân lập miếu tại chỗ hành cung khi trước để thờ. Thời Trần Thái Tông ba tháng không mưa, lúa má hoa màu khô héo, vua Thái Tông thân hành đến tế, trời bỗng đổ mưa, nước mưa tràn trề ruộng cao ruộng trũng, nhà vua khen là linh ứng bèn gia phong là Linh ứng Hộ Quốc Hiển Hiệu Thượng Đẳng phúc thần.

NGUYỄN MINH

Tương truyền ở huyện Lô Dương Châu Ái có người tên là Nguyễn Minh, cha mẹ mất sớm nên phải sống nương tựa bà con, dần dần lớn tên tự mình làm ăn sinh sống độc lập. Nguyễn Minh mình cao bảy thước, khí vũ hiên ngang, tính hào hiệp, những hào kiệt trang bản huyện đều qui phục. Trong xóm có một nhà giàu có cô con gái rất đẹp, muốn dụ dỗ đến ở rể, nhưng Nguyễn Minh khảng khái không chịu khuất phục, vì thế nhà giàu đó ghét và ức hiếp chàng. Chàng đành phải tạm dời khỏi quê hương thân thiết của mình, đi lang thang đến trang Mạn Xuyên vừa lúc trời nhá nhem tối, chàng vào trọ trong làng, đêm ấy trong làng nhiều người bị bệnh thương hàn

thượng thổ hạ tả, các vị phụ lão chiêm bao thấy thần nhân báo: “*Ở ngoài quán có vị đại nhân đến trợ, tại sao dân làng không ra đó mà tìm*”. Tảng sáng, các vị phụ lão ra quán xem, quả nhiên thấy Nguyễn Minh còn nằm ngủ ở đây và đây như sấm. Mọi người đều lay Nguyễn Minh chột tỉnh dậy, phát ra một tiếng vang như tiếng sét từ trời dội xuống, thế là nhân dân đều khỏi bệnh. Để tỏ lòng thành kính của mình, nhân dân đón chàng về bản trang. Chàng được dân nuôi dưỡng đầy đủ. Chàng ra sức dạy dân cày cấy và học hành để nâng cao đời sống vật chất và trình độ văn hoá cho họ. Tình cảm của dân với Nguyễn Minh gắn bó chặt chẽ, bỗng có lệnh vua vời chàng về triều bàn kế đánh giặc ngoại xâm. Chàng tâu trình mưu kế được nhà vua coi trọng phong là Cửa ải đại vương tướng quân và gả con gái thứ ba là Ngọc Nương công chúa cho. Từ đó chàng và Tản Viên Sơn thánh được vua Hùng giao binh quyền đánh giặc giữ nước. Nguyễn Minh lập được nhiều chiến công được phong là Cửa ải đại tướng quân. Làm việc một thời gian Nguyễn Minh xin về nghỉ. Một hôm, vợ Nguyễn Minh xuống sông tắm không trở về nữa, chàng vô cùng thương nhớ, lập đàn cầu cúng bảy ngày, thấy công chúa hiện lên trên mặt nước, nói: “*Thiếp vốn là người con gái thủy cung, sum họp với chàng chỉ một thời hạn nhất định, nay hết hạn phải về, không nên thương cảm. Sau này đôi ta sẽ gặp nhau*”. Đến ngày mồng tám tháng sáu, tức là sau ngày phu nhân hoá được hơn hai tháng, Nguyễn Minh cũng ra sông tắm. Trong khi đang tắm bỗng loá lên ánh hào quang sáng rực, thế là Nguyễn Minh biến mất, chỉ còn đai vàng mũ ngọc để lại trên bờ. Nhà vua nghe tin bèn truy phong là Cửa ải đại vương, cho dân trang Mạn Xuyên lập đền thờ cúng. Sau này quan trung úy đem quân đánh nhà Mạc, đi qua cửa đền thấy con rắn to ra nằm giữa đường, trung úy biết là thần linh báo ứng, bèn vào đền làm lễ mật đảo âm phò trợ chiến, sau khi diệt Mạc trung hưng, nhà vua gia phong ông Nguyễn Minh là thượng đẳng phúc thần.

HÀN SÙNG, MỸ DUNG CÔNG CHÚA

Thời Hùng Vương, ở động Lương Giang Phú Thiệu thuộc Ái Châu có một người tên là Hàn Thuy, gia thế vốn là tù trưởng một phương, lấy người bản đồng là Lê Thị Xương làm vợ, ông bà ăn ở với nhau hoà thuận và đối xử với mọi người cũng rất nhân hậu. Một đêm, Hàn Thuy chiêm bao thấy một ngôi sao lớn sa xuống mồm bà Lê Thị lại thấy một con vật đầu rồng mình

cá cũng từ trời rơi xuống, ông gọi bà cùng xem thì con vật ấy diều quanh Lê Thị ba vòng hoá thành một đứa con trai rất đẹp ngã vào lòng bà, bà bế đứa cho ông, đứa bé ấy đọc một câu:

Hàn công hỡi Hàn Công

Tôi đây là tiên đồng

Giáng xuống làm con cái

Đẻ rặng rờ tổ tông

Bỗng có luồng gió đánh vào màn幔, ông sực tỉnh thì trời đã hửng sáng. Từ đó Lê Thị có mang. Từ khi bắt đầu có nghén đến lúc gần sinh thường nghe có người đọc thơ bên tai; đại ý nói là bà Lê Thị sẽ sinh bậc thần minh làm nên sự nghiệp to lớn... Đến đầu giờ dần, ngày mồng mười tháng giêng năm Đinh mùi đẻ ra một người con trai khôi ngô tuấn tú khác hẳn người thường, ông đặt tên là Sùng. Lớn lên, Sùng theo học Hiệu đường sinh ở phố Xích Đằng phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam. Sùng học thông minh, chẳng những có tài văn võ mà còn giỏi y lý. Đi học xa lâu ngày, Sùng xin phép thầy về thăm cha mẹ, vừa về đến nhà thì bố mẹ đã mất trước đó một ngày. Ông thương khóc cha mẹ, bèn dựng một cái lều tranh ở cạnh mã đèn hương thờ cúng ba năm. Hồi ấy loạn lạc, ở địa phương có tên Đào Hùng tính rất hung dữ thường tụ họp đồ đảng đi ăn cướp, thấy Sùng có tài muốn ông làm mưu sĩ; ông nghĩ mình không thể nào làm việc cho phường lang sói nhưng thân có một mình liệu làm gì nổi nó, bèn bỏ nhà đến nương tựa thầy học ở Xích Đằng, đến nơi biết thầy đã tạ thế lâu rồi. Sùng tiếp thu được quyển sách thuốc của thầy để lại, trong có nhiều môn thuốc gia truyền nổi tiếng thiên hạ. Một hôm Sùng đến chơi xã Liễu Cốc thấy có kiêu đất *Phượng hoàng ẩm thủy* (phượng hoàng uống nước) và một kiêu "*thổ long tượng hý*" (rồng đất đùa nhau) rất quý, cho rằng đất ấy phát vương hầu và làm phúc thần, ông bèn đến mở trường dạy học để gây cảm tình với dân và nhân dân có ai đau yếu, ông đều bốc thuốc không lấy tiền, nhân dân Liễu Cốc thấy đều yêu quý ông như người thân thích của mình, ông bèn ngỏ lời xin dân hai ngôi âm phần, được dân đồng ý, bèn về cải táng mộ bố mẹ rồi mang hài cốt đến táng ở kiêu đất phượng hoàng. Sau khi cải táng được trăm ngày, nhân dân Liễu Cốc đều ốm đau, trong làng chó sủa thâu đêm, làm cho người ta không thể nào ngủ được. Có một đêm, nhân dân đều chiêm bao

thấy binh mã kéo đến truyền rằng: “Sùng là người được thiên đình chỉ định làm phúc thần cai quản thôn này mà nhân dân chưa xây dựng dựng điện để ngài đến ngự cho nên quở trách thôn xóm các người đây”. Nhân dân tỉnh dậy đều cho là thần báo mộng, họ rất sợ hãi. Ngay hôm ấy nhân dân thôn Ngang xin được làm đạo tôi con và xây dựng một khu nhà mời ông vào ở, từ đây nhân dân yên ổn không có ai đau ốm. Hồi ấy, chánh cung hoàng hậu mắc bệnh phong chữa mãi chưa khỏi, nhà vua tìm khắp thần dân thiên hạ nếu ai chữa cho hoàng hậu khỏi sẽ ban cho chức tước và gả công chúa cho. Sùng bèn lai kinh, vào yến kiến vua rồi cho hoàng hậu uống một liều thuốc, quả nhiên bệnh phong khỏi hẳn. Nhà vua thấy ông là người diện mạo khôi ngô kỳ vĩ bèn thử tài văn chương và võ lược của ông, ông trả lời khiến nhà vua rất hài lòng về tài năng của một vị lương y đồng thời là kẻ anh hùng hào kiệt. Vua Hùng gả Mỹ Dung công chúa cho ông và phong tước đại vương, cho được ăn lộc ở đạo Sơn Nam. Ông đem công chúa về xã Liễu Cốc. Một hôm, công chúa cùng ngồi với ông ở trên điện, trời bỗng tối tăm mù mịt, sấm sôi lên âm âm, có đám mây hình như tám lụa hồng từ trên trời buông rủ xuống cung điện, trong khi ấy có tiếng đánh đàn thổi sáo của tiên đồng ngọc nữ, một lát sau, trời đất trở nên tạnh sáng, mọi người nhìn lên cung điện chẳng thấy công chúa đâu cả, chỉ thấy áo khăn trút lại. Nhà vua thương tiếc phong làm phúc thần và chuẩn y thôn Ngang làm hộ nhi trông coi đèn miếu hương hoả thờ phụng đời đời, nhà vua còn miễn hẳn tô thuế tạp dịch cho bản thôn. Từ khi công chúa hoá đi. Sùng buồn rầu song đành ở góa một mình không chịu lấy vợ kế. Hồi ấy Thục vương đem quân xâm lược, vua bèn sai Sùng và Tản Viên Sơn Thánh cầm quân đánh giặc. Quân giặc thua to, nhưng sau hai năm lại đem quân đến đánh báo thù. Lần này quân vua Hùng dưới sự chỉ huy của Sùng và Tản Viên Sơn Thánh lại chiến thắng oanh liệt. Vua Hùng phong Sơn Thánh là Nhạc Phủ kiêm Thượng đẳng thần, còn Sùng thì không biết lấy chức tước gì phong cho xứng đáng bèn gọi là “Tăng cấp thổ phủ đại vương”. Sau này Hùng vương đành phải nhường ngôi cho Thục Phán, Sùng về ẩn cư ở xã Liễu Cốc không chịu làm tôi Thục vương, mà Thục Vương cũng không dám cưỡng ép Sùng phải thần phục mình, Vương coi Sùng là vị khách quý, ban cho đất Khoái Châu để cung cấp bổng lộc cho ông. Một hôm trở về làng cũ ở Lương Giang Châu Ái, nhớ Mỹ Dung công chúa bèn lập đàn giữa trời cúng tế, khẩn nguyện: “Từ Nàng ra đi, xa cách nhau vài chục năm nay, để cho nửa chẵn bụi phủ mà lòng ta quận đau khôn xiết. Nàng có khôn thiêng thì mang xe đón ta về cùng chung sống”. Đêm ấy Sùng chiêm bao thấy xe loan của nàng đi

đến, bảo: *“Thiếp với chàng cũng muốn trăm năm ước hẹn, ngờ đâu xuân xanh như ngựa hồng qua cửa sổ”*. Nói xong biến mất, ông tỉnh dậy cảm thấy trong người bâng hoảng, một lúc thì mất. Ngày ấy là mùng mười tháng chạp. Mai táng xong, nhân dân thôn Ngang lập miếu ở cạnh hành cung, họ viết thần hiệu ông và thờ cùng chỗ với Mỹ Dung công chúa. Vua Thục nghe tin cũng sai người về tế, gia phong là Thượng đẳng phúc thần.

Đến đời nhà Lý, Chiêm Thành nhiều phen tiến sang xâm lược, Thánh Tông phải thân chinh đánh giặc, một hôm thuyền qua sông, đến nơi này đóng lại một đêm bèn khấn: *“Bách thần có vị nào anh linh âm phù giúp nước thì đêm nay báo mộng cho ta biết. Sau khi dẹp yên giặc, ta sẽ gia phong duệ hiệu và xuân thu hằng năm cúng tế... ”*. Khoảng cuối canh ba, Thánh Tông chiêm bao thấy một ông quan tướng mạo oai nghiêm, cười con long mã đến nói: *“Tôi là phúc thần ở địa phương này, vốn xưa là con rể triều Hùng. Nay nghe nhà vua đem quân đi đánh giặc, cho nên tôi đến đây nguyện xin âm phù giúp nước”*. Trong chiêm bao, Thánh Tông nhìn đằng sau ông quan có một cô con gái tuổi khoảng đôi mươi nhan sắc xinh đẹp như ả Hằng cung Quảng tự xưng là vợ của vị phúc thần và là nữ thần ở thôn Ngang cũng xin tòng chinh âm phù giết giặc. Bỗng có tiếng sét giội vào tai, Thánh Tông tỉnh dậy, biết thần rất anh linh. Sau khi dẹp xong giặc Chiêm, Thái Tông về qua thôn Ngang, bèn gia phong là Thượng đẳng phúc thần.

PHẠM THIÊN, PHẠM QUANG

Tương truyền ở xã Hà Trung, huyện Thạch Hà phủ Thiệu Thiên Ái Châu có một người là Phạm Hồng vợ là Hàn Thị Khanh làm nghề chài lưới, vốn là người tu nhân tích đức. Một hôm quăng chài giữa sông thấy một tấm đồng vuông trôi vào trong lưới, ông ném ra lại trôi vào ông cho là việc lạ bèn vớt lấy cho vào trong thuyền, lấy đá ra mài thì thấy phiến đồng có bốn câu: *“Triều Hùng mạt vận, giặc Thục xâm lăng. Họ Phạm sinh thánh, lũ giặc kinh hoàng. Thâm nhuân thánh đức, Thanh Sâm khói hương, Oai danh khó sánh, sơn cao thủy trường”*. Phạm Hồng cho là điều lành bèn đưa cho chú ruột là Phạm công Bình hồi ấy đang làm chức thị vệ cho Hùng Duệ Vương. Chú của ông cho sấm ký là một việc lớn không dám giấu giếm bèn đem Phạm Hồng vì tấm thẻ đồng dâng lên Hùng Vương. Hùng Vương xem xong và ngắm tướng mạo ông Hồng biết là con người thực thà trung hậu sau này

tất sinh con thánh bèn giữ lại để sử dụng, được ít lâu phong làm quân trưởng phủ Khoái Châu đạo Sơn Nam. Ông đưa phu nhân Hà Thị đến trị nhậm Khoái Châu. Nhân khi thông thả, ông đi thăm phong cảnh, đến một nơi thấy kiêu đất long triều hổ phục, bốn bề ôm lại rất đẹp rất hùng, bèn hỏi phụ lão là thôn ấp nào, phụ lão thưa rằng: “*Đây là ấp Thanh Sầm*”. Ông chợt nhớ đến mấy câu sấm ghi trên phiến đồng trước kia do ông bắt được, hơn nữa thấy nhân dân làm ăn thịnh vượng, có thuần phong mỹ tục bèn dựng hành cung gọi là Thanh Sầm làm chỗ nghỉ ngơi những khi nhàn hạ. Hồi ấy ông và phu nhân tuổi ngoài bốn chục mà chưa có con, thường than thở: “Ba mươi tuổi mà không có con đã là bất hiếu; huống chi tuổi ngoài bốn chục mà chưa có con, nếu không may xảy ra việc gì há không phải là đại bất hiếu hay sao!”. Từ đó dốc lòng làm điều nhân đức, đem tiền của cứu mang những người nghèo đói. Một hôm ông bà sửa lễ đến cầu ở chùa Hương Tích, đêm nằm cầu mộng ở trong động, khoảng canh ba chiêm bao thấy ông cụ già cho hai con cá chép màu hồng, rồi lại thấy một con rồng thần từ dưới thủy phủ bay lên diễu chung quanh Hàn Thị. Ông tỉnh dậy, sáng hôm sau làm lễ tạ rồi lên thuyền trở về. Trong lúc thuyền đang đi thường thấy hai con cá chép đỏ bơi theo sau thuyền đến giữa sông cái. Trời bỗng tối sầm, sóng cuộn lên, các loài thủy tộc dữ tợn như côn, ngạc, kinh, nghê đều nổi lên mặt nước, ở giữa bầy cá dữ có con giao long dài mười trượng diễu chung quanh thuyền của Hàn Thị, ông và người nhà khiếp sợ nằm phục xuống không dám nom, khoảng trong chốc lát, gió mưa im bật, các loài thủy tộc cũng biến đâu mất, ông ngẩng lên trông thấy mình mây Hàn Thị đầy những dốt dãi, bèn bỏ thuyền lên bờ, ông bà diu nhau về. Sau đó Hàn Thị đêm đêm chiêm bao thấy con rồng thần đến phủ bà, nhân đó có mang. Từ khi có nghén đến lúc gần sinh thường nghe có người đọc mấy câu thơ:

“Nước trong xanh, nước trong xanh

Trời Nam long lộng giáng sinh anh tài

Họ Hàn nuôi dưỡng bào thai

Rồng thần xuất hiện giúp đời nên công”

Đến giờ sưa ngày mồng bốn tháng giêng năm Giáp Thìn, đẻ ra một bọc có hai con trai, đầu rồng mình rắn, hình dáng dị kỳ, ông bà rất mừng, bèn đặt

tên con lớn là Thiện, con thứ là Quang. Hai ông con thường hay biến tướng hiện hình, gọi mưa bão gió, ông Hồng nghĩ thầm về điềm sấm ký trước đây nay đã báo ứng, bèn dâng hai con lên vua Hùng. Nhà vua thấy tướng mạo kỳ lạ của hai ông bèn giữ lại nuôi ở trong cung. Hai ông rất mực thông minh, không học mà biết nhà vua rất quý mến, phong chức Thị Tòng tham nghị luyện đạt triều chương chính sự. Sau khi ông Hồng tiễn hai con, xin vua trở về quê hương, bỗng nhiên vô bệnh mà mất, không bao lâu thì phu nhân Hàn Thị cũng mất theo. Hai ông về làm lễ an táng và ở nhà chịu tang ba năm. Vua lại vời hai ông cho nối nghiệp cha được lấy châu Xích Đằng làm nơi ăn lộc. Hai ông về xã Thanh Sầm là nơi ở của cha mẹ trước kia, chân cấp người nghèo, nuôi dưỡng người già, khuyến khích dân làm ruộng trồng dâu, thi hành nhân chính, làm điều lợi bỏ điều hại, đối với dân rất có công, người già người trẻ ở Thanh Sầm đều vui vẻ kính phục. Gặp khi vua Thục đem quân xâm lược Văn Lang, vua Hùng rất lo, sai người vời hai ông và Tản Viên Sơn Thánh vào triều bàn mưu tính kế đánh giặc. Các ông vào triều tâu: *“Hùng triều ngự trị thiên hạ có tới hai nghìn năm trăm năm nay, vua thánh hiền kế tiếp nối dây, nhân hậu thấm vào lòng người, quân Thục dám đến xâm phạm, sự thất bại của chúng cũng đã rõ lắm rồi. Bọn hạ thần xin giúp nhà vua đánh quân Thục, chẳng bao lâu nữa sẽ bình định xong”*. Vua Hùng bèn lên nhà thái miếu cáo yết tiên vương, thân cầm búa việt trao cho Sơn Thánh Tản Viên và phán: *“Từ mặt đất cho đến tận trời, ta giao cho tướng quân quản lĩnh”*. Vua lại phán bảo hai ông rằng: *“Từ mặt đất cho đến vực sâu giao cho hai vị tùy quan quản lĩnh”*, liền phong cho hai ông làm Đốc lĩnh chu thủy đạo tướng quân, đem quân đánh các đường thủy. Ngoài ra, các nơi giặc đóng đều uỷ quyền cho Sơn Thánh Tản Viên đánh dẹp. Hai ông vâng mệnh, trở về Thanh Sầm chiêu tập dân binh làm quân thủ túc; Khao quân xong liền xuống sông bày trận thủy chiến, trong khi đánh, bao nhiêu giao long, sáu mập, cá voi đều nổi lên trợ chiến uy hiếp kẻ địch, Quân Thục thua to, chết đuối vô kể. Còn đạo quân trên bộ bị Sơn Thánh và chủ tướng hội đồng tác chiến làm cho quân Thục tua tan tác dù chỉ một chiếc bánh xe hay một con ngựa cũng không trở về được. Sau khi chiến thắng, nhà vua hạ lệnh khải hoàn, hai ông về đến cửa sông Viên Môn thuộc đạo Sơn nam, trời bỗng tối tăm, sóng cuộn ầm ầm, hai ông hoá làm hai con giao long xuống sông biến mất. Vua nhớ công lao của hai ông phong là Hướng Thiện Ninh Quốc đại vương và Đạo Quang Vĩnh An đại vương, ban cho dân xã Thanh Sầm được phụng thờ hương hoả.

MINH ĐỨC, CHIÊU TRUNG

Tương truyền đời Hùng Vương thứ 18 ở châu Quỳnh Nhai có một người tên là Đặng Cần, vợ là Phùng Thị Thuần vốn nghề chài lưới kiếm ăn. Ông bà ăn ở hiền lành phúc hậu song tuổi đã cao mà vẫn chưa có con trai. Ông bà thường than thở rằng: Núi vàng biển thóc nhẹ lông cò, con thảo cháu hiền nặng tựa vàng. Một đêm Phùng Thị chiêm bao thấy hai ngôi sao từ trên trời giáng xuống trần, bà ôm lấy bỏ vào mồm nuốt. Bà giật mình tỉnh dậy, đem điều chiêm bao nói với ông, ông đoán chắc là điều chiêm bao tốt lành. Từ đó Phùng Thị có mang đến mồng 10 tháng tư năm Nhâm thì sinh ra một bọc có hai con là Minh Đức và Chiêu Trung. Hai ông trưởng thành tỏ ra là người có tài năng võ dũng phi thường. Hồi ấy Hùng Vương thứ 18 mở hội tuyển lựa hiền tài, hai ông bèn lai kinh ứng tuyển. Khi vào bệ kiến, hai ông ứng đối lưu loát, vua Hùng ban cho hai ông chức chỉ huy sứ tả hữu tướng quân. Sau đó có một tướng triều đình vốn là dòng dõi Hùng vương nhưng vì trông coi quân Ai Lao nên đổi tên là Thục Phán, thấy Hùng vương tuổi cao mà không có con trai nên đem quân tới đánh hòng chiếm ngôi báu. Sau khi bàn mưu tính kế với Tản Viên Sơn Thánh, vua Hùng giao một đội quân tinh nhuệ cho hai ông lên tuần phong trên đạo Tây Bắc. Trước khi đi, hai ông truyền cho tướng sĩ xây dựng đồn trại ở hai khu lưu thụ, lưu hạ thuộc địa phận xã Nghĩa Trang. Hai ông tuyển được hai mươi trai tráng ở địa phương làm gia thân. Phụ lão địa phương tâm rằng: "Hai vị tướng quân lấy điều nhân đức chinh phục người ta khiến cho dân chúng tôi đều an cư lạc nghiệp. Vậy nơi này đóng đồn sở, mai sau xin lấy chỗ miếu thờ hai ông". Hai ông thuận lòng với lời cầu xin của dân và ban cho hai chục nén bạc để gây quỹ hương hoả mai sau. Thu xếp công việc chu đáo hai ông tiến quân đến núi Sóc Sơn thuộc đạo Kinh Bắc, cùng với Tản Viên Sơn thánh đánh nhau với quân Thục một trận lớn chém được vài vạn thủ cấp quân Thục. Quân Thục tạm thời phải rút về nước. Từ đó thiên hạ thanh bình.

Vua hạ chiếu triệu hai ông về khao thưởng tướng sĩ rồi cho hai ông về đạo Hải Dương giữ quyền trấn thủ và lấy nơi đó làm ấp ăn lộc của mình.

Một hôm, hai ông đang ngự trên phủ đường trời đất bỗng nổi cơn mưa gió, trên không trung có đám mây vàng rủ xuống như tấm lụa dài, hai ông liền bay lên mây biến mất. Khi ấy là ngày mồng ba tháng chạp. Nhân dân dâng

biểu tâu lên, nhà vua sai quân về lập miếu thờ cúng và phong làm phúc thần. Đến đời Lê Đại Hành ra lệnh khảo hạch bách thần, hai vị đại vương có công linh hiển nên được vua sắc phong là "Hiển ứng anh thông phổ tế linh diệu địch cát tuân tĩnh anh thanh duệ khí hùng liệ>

MINH LANG

Tương truyền Hùng triều đời thứ mười bảy là Hùng Nghị vương, đóng đô ở miền sông Bạch Hạc, Việt Trì, quốc hiệu là Văn Lang. Hùng Nghị Vương là ông vua đức lớn, tài cao, thông minh mẫn tiệp, người đời đều khen ngợi là bậc vua hiền. Trong các nàng phi của Hùng Nghị Vương có nàng phi thứ sáu tên là Dung Nương, tuổi vừa đôi mươi, hoa đào rực rỡ, nhụy ngọc vẫn còn ấp ủ, đức tính và sắc đẹp trọn vẹn đôi bề. Dung Nương rất được nhà vua yêu chiều.

Hầu hạ nhà vua được ba năm, một hôm Dung Nương chiêm bao thấy con rồng xanh vụt bay xuống bụng. Sau đó nàng có thai đúng mười bốn tháng. Đến mùng 10 tháng 3 năm Bính ngọ, trời đất bỗng nhiên tối sầm lại, mưa to gió lớn kéo đến âm âm, một mùi thơm lạ ngạt ngào trong cung điện. Dung Nương sinh hạ được một hoàng tử, mặt rồng mắt phượng, cầm én mây ngài, hai vai trĩnh triện, tầm vóc cao lớn đường hoàng. Được 100 ngày, vua đặt tên cho hoàng tử là Minh Lang. Đến năm Minh Lang 13 tuổi đã nổi tiếng là người thông minh, thần văn thánh võ dũng lược hơn người.

Hồi đó ở Hải Nam có quân Tần nổi loạn, mười vạn hùng binh hoành hành thiên hạ. Thế giặc mạnh như sấm sét, một ngày có tới năm lần thư cấp cáo từ biên giới gửi về triều. Nhà vua vội họp quần thần bàn kế đánh giặc. Minh Lang cùng với cậ ruột của mình là Tuấn Công cùng quì xuống tâu: "Bọn thần xin thay mặt nhà vua đánh giặc, xin nhà vua chớ nên quá lo lắng. Trời đã sinh nhân tài giúp nước, giặc kia chẳng đáng lo gì. Nhà vua hãy kêu gọi dòng dõi hoàng gia cùng quần thần văn võ và thứ dân, ai có tài hãy ra cứu nước, nhà vua nên ban thưởng tước lộc cho họ. Như vậy sẽ có nhiều nhân tài xuất đầu lộ diện ra gánh vác việc nước".

Nhà vua liền truyền hịch bốn phương, nhân tài kéo đến tấp nập, tình nguyện xông pha trận mạc. Vua phong cho hoàng tử Minh Lang làm Thái Bảo quốc

chính, kiêm thuỷ bộ đại tướng quân và phong cho các tướng mỗi người một chức vụ xứng với tài năng của từng người. Hoàng tử và chủ tướng lay tạ nhà vua, đem năm vạn hùng binh tiến đánh. Khi đi qua Đặng Xá nhân dân nô nức đón mừng và xin quân tướng hãy dừng lại ba hôm để mở tiệc khao quân trước khi lâm trận. Sau đó, hoàng tử chia quân đi hai đường: đường bộ từ Ái Châu, Hoan Châu, Bồ Chính thẳng đến Hải Nam; đường thuỷ từ Nhị Hà, Vệ Giang qua cửa Thần Phù đến Hải Nam.

Khi lâm trận, trời đất bỗng tối tăm, mưa gào gió thét, khiến quân giặc hoảng sợ bỏ chạy toán loạn, quân vua Hùng chém đầu giặc không biết bao nhiêu mà kể, tướng giặc bị giết ngay giữa trận tiền. Quân nhà vua thu thập khí giới, lương thực của giặc đưa về kinh đô. Nhà vua giáng chiếu khải hoàn. Hoàng tử và chư tướng dâng chiến công lên mừng thọ nhà vua. Nhà vua cả mừng mở yến tiệc linh đình chiêu đãi tướng sĩ và quân lính. Đang khi yến tiệc, bỗng nhiên một tiếng sét long trời đất nổ ra, gió bão cuốn lên âm âm, hoàng tử Minh Lang tự nhiên hoá thành con rồng dài mười trượng, đầy ánh hào quang, bay lên trời biến mất, trăm quan thấy thế đều hoảng sợ, song chỉ trong chốc lát trời quang mây tạnh, chỉ còn lại thi hài hoàng tử mà linh hồn đã hoá tự bao giờ. Nhà vua vô cùng thương tiếc truyền cho triều thần bách quan làm lễ an táng tại phía Tây thành, và truyền cho lập đền thờ cúng. Chư tướng tâu lên vua rằng: *“Khi hoàng tử mang quân đi đánh giặc, đi qua nơi nào dân cũng ra đón rước bái yết và xin cho quân nghỉ lại địa phương mình. Nay xin nhà vua giáng chiếu; a phương ấy lập miếu thờ và cho các quan xuống địa phương làm lễ”*. Nhà vua phê chuẩn và ban sắc phong là Thượng đẳng phúc thần, gọi là ngài là Minh Lang uy nghi Bảo quốc đại vương.

NGỌC THỎ, ĐÔ HỒNG

Cuối đời Hùng, quan lạc tướng Chí Linh bộ Dương Tuyền (Hải Dương) là Hùng Bảo, tuổi ngoài 50 mà chưa có con trai, nhân mãn cảnh núi Dục Sơn, trong núi có động Nam Tào, tiếp với núi Vạn Yên, trong núi có động Sắc Đầu thuộc bộ Vũ Ninh, mới dời tư dinh đến ở chân núi Dục Sơn. Giữa vùng gò đồng liên tiếp, rừng lớn tre cao, ông Hùng Bảo cùng vợ là bà Lâm Thị, thường cầu tự ở đền thờ trong động. Một hôm ông bà mộng thấy lên

núi Dược Sơn, gắp một cục gạch hai tay ôm một vàng trắng sáng đưa cho bà Lâm Thị rồi bảo:

"Vợ chồng người ăn ở hiền lành biết tu nhân tích đức nên trời cho một mặt trăng để làm cho sáng trước đủ sau".

Từ đó bà Lâm Thị có mang, đến mùng 10 tháng 2 sinh được một con trai, hình dung tuấn tú, khí vũ hiên ngang. Ông Hùng Bảo mừng lắm nhân điềm giấc mộng mới đặt tên là Ngọc Thỏ. Lớn lên ông Ngọc Thỏ có sức khoẻ hơn người, ham võ nghệ 16 tuổi thì cha mẹ nối nhau qua đời. Bấy giờ vua Hùng Vương thứ 18 là Duệ Vương tuổi đã cao, bỏ trễ việc nước, chỉ vui thú rượu chè, săn bắn, một giải núi rừng Tam Điệp - Trường Yên, có nhiều giặc cướp quấy nhiễu dân cư. Nước Hồ Tôn (Chiêm Thành) thụt bể đổ bộ vào cửa Thần Đầu (Thần Phù). Vua Hùng phong ba ông Sùng Công, Ngọc Thỏ và Đô Hồng làm tướng trấn giữ cửa biển Thần Đầu (Thần Phù).

Tướng Ngọc Thỏ và Đô Hồng dựa vào núi Hồ Điệp, tục gọi là núi Ô Rô, đóng hai trại quân, nay thuộc thôn Hậu, xã Yên Thái (Cổ Lâm), án ngữ con đường độc đạo, chặn giặc đổ bộ từ cửa biển Thần Đầu (Thần Phù) vào đất liền. Đoạn đường xung yếu bậc nhất nên tục gọi là: "Đường công".

Năm Canh Thân (265 - TCN) tướng Ngọc Thỏ về triều châu vua, bỗng nhiên không bệnh mà mất, hôm ấy là ngày 15 tháng 8. Vua Hùng cho an táng ở phía nam đô thành phong là Đại Vương, hạ chiếu cho nhân dân Cổ Lâm lập miếu phụng thờ gần chân núi phía đông núi Hồ Điệp.

Đến năm Mậu tuất (263 - TCN) tướng Đô Hồng cũng tự nhiên không bệnh mà hoá, hôm ấy là ngày mùng 6 tháng 12. Nhân dân an táng tướng quân Đô Hồng ở thôn Hậu. Vua Hùng sắc phong làm Đại vương hạ chiếu cho nhân dân lập miếu thờ.

NGUYỄN NGỌ

Cuối đời Hùng, ở Châu Ái, phủ Trường Yên, động Hoa Lư, xã Vân Lung, khu Tập Ninh, có một nhà họ Nguyễn tên Trường, lấy bà Đinh Thị Khương người cùng xã. Nguyễn Công vốn nghề thầy thuốc, đời đời làm nhiều điều

ân đức. Một ngày nọ bà Đinh Thị ngủ ở đông hiên, trong lúc mơ màng thấy một con ngựa hồng từ bên ngoài đi vào đứng dậy và từ đấy có thai, đến ngày mồng 8 tháng giêng năm Bính ngọ, sinh hạ một nam tử, phong tư đẹp đẽ, khí vũ hiên ngang, khác hẳn người thường. Nguyễn công mừng lắm, nhân đêm mộng thấy ngựa hồng, lại sinh năm ngọ, bèn đặt tên là Chàng Ngọ. Đến tuổi trưởng thành, Chàng Ngọ tìm thầy học tập, thông hiểu văn chương, tinh thông võ nghệ, bè bạn đồng môn đều kính phục.

Năm 16 tuổi cha mẹ nối nhau qua đời, Chàng Ngọ chôn cất cha mẹ mồ yên mả đẹp xong xuôi, thì gia tài khánh kiệt, sớm vay chiều mượn, một bữa no, mười bữa đói, nhà ở bên vách trống thường than rằng: "Con thầy thuốc giỏi hay chết vì bệnh, mà ta nay cùng khổ vì cái bệnh nghèo". Tuy cuộc sống cùng khổ nơi ngõ hẻm nhưng thiên tính vui đời chẳng đổi đời, ngày ngày với cây rìu cái búa kiếm kế sinh nhai, tối tối lấy đom đóm làm đèn đọc sách, một túi cơm, một bầu nước mà thú phận nghèo, vui đạo học, thật là có trí lớn lao vậy. Mười chín tuổi xong tang mẹ, Chàng Ngọ nghe tiếng Tản Viên Sơn Thánh là người có nhiều thuật lạ, dời núi, lập biển, lục trí thần thông, đang ở trên động Lãng Sơn, trên núi Tản Viên, thuộc đạo Sơn Tây. Chàng Ngọ tìm đến nơi yết kiến, được Sơn Thánh yêu mến, cho đến ở với em Sơn Thánh là Quý Minh.

Bấy giờ vua Hùng thứ 18, là Duệ Vương không có con trai, có con gái út là My Nương, vua rất yêu mến, cho dựng lầu kén rể ở đô thành, ý muốn tìm người tài giỏi để sau nhường ngôi. Sơn thánh xuống núi ứng tuyển, được vua Hùng vừa ý tuyển làm phò mã, mở cung phủ giúp vua trị nước. Sơn Thánh tiến cử em là Quý Minh giữ chức Hữu đô đài tiến cử Chàng Ngọ giữ chức Trung thư lệnh. Trải qua 7 năm ơn vua, Ngọ công thường thường về thăm quê quán Vân Lung, chẩn cấp những người nghèo khó, một làng được nhờ ơn huệ.

Lại nói Bộ chủ Ai Lao là Thục Phán trước xin lấy Mị Nương là con gái vua Hùng không được, trong lòng căm giận nay thấy vua Hùng Duệ Vương đã già mà không có con trai nối ngôi, mới chừa tích quân lương, liên kết các Man động, chia làm năm đạo, dựng đai kỳ ở Mộc Châu xâm phạm nước Văn Lang. Vua Hùng triệu trăm quan bàn kế đánh dẹp, phong con rể là Tản Viên Sơn Thánh lĩnh Nguyên nhung ấn, chia quân 5 đạo để nghênh địch. Ngọ công xin lĩnh đạo quân đón đánh quân Thục ở Châu Ái, các đạo hiệp

sức cùng đồng loạt tiến công, quân Thục thua to. Sơn Thánh thắng trận, vua Hùng ban chiếu gia phong các tướng khao thưởng quân sĩ. Phong Sơn thánh thượng trật cho đi tuần du thiên hạ, xem xét dân tình, phong Ngô công ra trấn thủ châu Hoan, Ngô công cố từ và xin cho theo Sơn Thánh để có dịp du lịch bốn bể, vua cũng ưng cho. Hai ông cùng hạc cầm nhân nhã, non nước tiêu dao, khi đàn khi sáo thi thư đại khối càn khôn, lúc nhạc lúc ca, thanh sắc đồng lai ý vị, buồm Tam Điệp nhơn nhơ trắng gió, Ngũ hồ chèo quế dũi tiên tung, kính song mâu vui thú yên hà, vạn tượng xe mây theo lối cũ, non xanh nước biếc qua lại càn khôn nửa túi, tây thánh bắc thần vào ra phong canh một bầu. Một ngày qua Châu Ái đến đất Trường Yên, Ngô công xin Sơn Thánh cho về thăm quê cũ Hoa Lư. Sơn Thánh bèn cùng Ngô công về xã Vân Lung, khu Tập Ninh, mở tiệc yến lớn ăn mừng, nhân dân đều đến làm lễ. Tiệc mừng xong xuôi, Sơn Thánh thấy khu Phù Long địa thế đẹp đẽ, nhân dân no đủ, phong tục thuần hậu liền truyền lệnh cho quân sĩ xây dựng một cung sở ở đất Phù Long làm nơi qua lại dừng xe.

Ngô công cũng bái từ Sơn Thánh về cung phủ ở khu Tập Ninh. Ngô công giúp dân tiền của, khuyên dân chăm việc nông tang, lấy nhân nghĩa cố kết lòng người, lấy hoà mục đúc thành dân tục, một cõi âu ca thuận nhuần ân đức thân như cha mẹ sinh thành.

Lại nói vua Hùng Duệ Vương ở ngôi 105, vua triều Sơn Thánh đề nhường ngôi. Sơn Thánh từ không nhận, nhân tâu với vua rằng: "Gần đây Thục chúa đã dâng thư cầu hoà; xung thân nộp cống, nên triều về để nhường ngôi". Vua Hùng Duệ Vương nghe lời Sơn Thánh truyền ngôi cho Thục chúa. Thục chúa lên ngôi lấy hiệu là An Dương Vương.

Ngô công ở khu Tập Ninh, xã Vân Lung, nghe tin vua Hùng Duệ Vương đã nhường ngôi cho Thục chúa, bèn than rằng: "Thương thay cơ nghiệp nhà Hùng dầy tay người khác!". Ngay ngày hôm sau ông cho mở yến tiệc khoản đãi phụ lão nhân dân, rồi ban cho khu tập Ninh 10 hốt vàng và bảo: "Ta cùng nhân dân tình nghĩa đã nên sâu sắc chẳng phải một ngày mà quên được! Ví bằng sau khi ta trăm tuổi, nhân dân dựng một ngôi đền chính ở đất Tập Ninh, viết thần hiệu của ta mà phụng thờ. Còn như các khu: Phù Long, Tri Mễ, Mạnh Trung, Trung Hoà, ở xã nhà đều cho mỗi khu 6 hốt vàng, để cho dân mua ruộng mua ao, lấy chi vào việc hương hoả phụng thờ. Hàng năm cứ mồng tám tháng giêng ngày sinh ta, nhân dân các thôn đều đến đền

chính thờ ta mở hội ca hát, vui chơi. Nhân dân nghe lời dặn của ta chớ có thay đổi vậy."

Nhân dân năm khu đều lạy xin tuân lĩnh mệnh lệnh, công việc xong xuôi, Ngô công lấy mỗi khu hai người, theo ông đi về Sơn Tây, lên Lăng Sương động, mới đến chân núi Tản Viên, Ngô công bỗng nhiên bị cảm mạo mà hoá, hôm ấy là ngày 13 tháng 10 âm lịch. Tuỳ tùng và dân địa phương làm lễ an táng Ngô công ở núi Quýnh địa phận Lăng Sơn, phía nam chân núi Tản Viên, rồi đem tin về báo cho dân xã, nhân dân theo lời ông dặn, xây đền thờ ở khu Tập Ninh, viết duệ hiệu: "Đức ông Ngô lang" để phụng thờ.

Lại nói Thục An Dương Vương được nước, cảm ơn vua Hùng nhường ngôi, mới tu sửa đền miếu ở núi Nghĩa Lĩnh thờ 18 vua Hùng. Phàm các tướng vua Hùng Duệ Vương đều phong đại vương, sắc chỉ cho các làng, ấp, đồn quận, doanh trại, nơi ở trước lập miếu phụng thờ. Ngô công được tặng phong: "Ngọ sơn đại vương".

Xuống chiếu chỉ cho xã Vân Lung rước sắc phong về, 5 khu trong xã đều lập đền thờ, đền chính ở khu Tập Ninh. Từ đấy về sau trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê mở đền dựng nước, thần thường hiển linh âm phù giúp nước cứu dân, nên có nhiều đời vua phong thêm mỹ tự.

MINH LANG VÀ SÁT HẢI

Tương truyền ở xã Cử Dương, huyện Thượng phúc, Phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam có một vị quan trưởng tên là Hùng Liên, được vua Hùng phong làm trấn thủ Sơn Nam, vợ là Tạ Thị Loan người ở Bảo Lạc. Hùng Liên gần sáu mươi tuổi, Thị Loan ngoài bốn mươi tuổi mà chưa có con. Vợ chồng ông vốn người tu nhân tích đức, một hôm, bàn với nhau: "Tuổi mỗi ngày mỗi cao mà chưa có con, chi bằng hãy đi cầu đảo miếu thần phật, may ra được trời đất bách thần soi xét ban cho". Ông bà đưa nhau đến chùa Yên Tử ở Hải Dương thắp hương cầu nguyện. Đêm ấy ông bà nằm cầu mộng ở trước nhang án, bà nằm mơ thấy con rồng vàng diều quanh mình ba vòng, bà sợ hãi kêu rú lên mấy tiếng rồi tỉnh mộng, đem điều chiêm bao kể cho Hùng Liên nghe. Hùng Liên cho rằng đó là điềm lành thế nào cũng sinh quý tử. Ông bà làm lễ tạ phật, trở về đến sông Kim Ngưu, bãi Xích Đằng nghỉ chân một lúc, phu nhân xuống bên sông tắm, đang tắm thấy có con giao long diều ở dưới chân phun dải thơm vào mình mây. Về nhà, người bà vẫn còn mùi thơm phưng phức. Bà về nhà thuật lại tỉ mỉ cho Hùng Liên nghe ông nói: "Ta thuộc về cung mạch thủy thần tất nhiên có thủy thần giáng sinh, hãy chờ xem điều chiêm bao thế nào". Nói xong, về trị sở Sơn Nam, đêm ấy ông chiêm bao thấy có người bung cái mâm bằng vàng, trên mâm có con cá chép, đến trước mặt bảo: "Nhà ông phúc hậu, trời đã soi xét. Cá chép này là của báu nhà trời, nay đem cho ông". Hùng Liên muốn hỏi lại thì người ấy biến mất. Sau khi chiêm bao, được ba hôm thì phu nhân cảm thấy trong bụng chuyển động rồi có mang đến mười một tháng, đến giờ dần ngày mồng mười tháng ba năm Giáp tý đẻ ra hai cậu con trai có tướng mạo kỳ lạ: Sau lưng có hai mươi tám điểm nổi hầu vẩy cá chép trượng trung cho hai mươi tám ngôi sao (nhị thập bát tú). Hùng Liên đem sự kiện đó tâu lên vua Hùng, nhà vua thấy diện mạo hai ông kỳ lạ bèn đặt tên cho ông thứ nhất là Minh Lang, ông thứ hai là Sát Hải. Hùng Liên thuật lại việc phu nhân tắm ở sông Kim Ngưu có giao long diều quanh thân thể rồi cảm động mà có thai, vua nghe bèn phán: "Quả nhiên như thế tất là thần sông Kim Ngưu đậu thai". Vua Hùng cho được lấy Đồng Lý làm chỗ ăn lộc và làm nơi đền chính thờ phụng sau này. Hồi Minh Lang và Sát Hải lên tám tuổi đã tỏ ra thông minh lỗi lạc, chưa học đã hay. Đi đến đâu, trên trời hiện đám mây như cái tàn che đến đấy. Tính hai người thích bơi lội, thường tắm dưới sông suốt

ngày không lên. Đến khi mười sáu tuổi, nổi tiếng văn võ toàn tài, thường đàm luận cùng bè bạn về việc kinh bang tế thế, tỏ ra là người giỏi giang khiến bạn phải khâm phục. Hồi ấy có nạn hồng thủy, nhân dân đói khổ, nhà vua sai hai ông đem quân đi tuần hành khắp nơi để thi thố tài năng trị thủy cứu dân, một hôm đến ấp Đồng Lý, nhân dân làm lễ chào mừng. Đến đêm hai ông chiêm bao đánh nhau với ba viên tướng giặc, chúng thua to tháo chạy. Hai ông tỉnh mơ, chạy ra bên sông thấy ba con giao long bị chém chết nổi lên mặt nước, thế là nước rút đến lòng sông. Nhà vua bèn vời hai ông về triều mừng công chiến thắng thiên tai, và phong cho trị nhậm đạo Sơn Tây. Hai ông xin về thăm bố mẹ, được nhà vua ưng thuận. Hai ông về thăm nhà được mấy ngày thì thân phụ mất. Được ít lâu, hai ông về xã Đồng Lý sửa sang hành cung hơn sáu tháng trời. Ở Đồng Lý có một người tên là Lê Huân, vợ là Trương Thị Hoan, gia đình làm nghề trồng dâu chăn tằm, hàng ngày Trương Thị phải đi hái dâu, một hôm trời nổi cơn gió lốc, Trương Thị vào náu trong khóm dâu, ngủ thiếp đi, mơ thấy ba người con gái đẹp đến nằm chung với bà, hỏi thì họ trả lời: "*Chúng con là con gái vua Long Vương ở thủy cung xin đầu thai vào làm con họ Lê*". Trương Thị tỉnh mơ, về nói cho Lê công, Lê công nói: "*Quả nhiên như thế tất có thủy phủ thần nữ giáng sinh*". Sau một tháng, Trương Thị có mang đến mười lăm tháng tám năm Nhâm thìn đẻ ra một bọc ba con gái, môi son má phấn, mắt phượng mày ngài, sau một trăm ngày, bố mẹ đặt tên cô thứ nhất là Quế Ho thứ hai là Quỳnh Hoa, cô thứ ba là Mai Hoa. Năm mười sáu tuổi dậy thì con gái như hoa đào rực rỡ, như trăng thu sáng ngời, nghề nữ công rất thành thạo, chỉ hiềm một nỗi không bao giờ mở miệng nói cười. Hai ông tuần du đến đây, nhắc thấy ba cô, bèn hỏi nhân dân xem con cái nhà ai mà xinh đẹp thế, nhân dân cho hay lai lịch ba cô, hai ông cho đòi ba cô đến hỏi: "*Người ta sinh ra có miệng, có lưỡi, tại sao chẳng nói chẳng rằng?*". Ba cô vụt mở miệng đọc bốn câu thơ:

Từ nơi thủy phủ giáng trần.

Có môm còn đợi cổ nhân tỏ bày.

Mong nhau mười sáu năm nay,

Gặp chàng mới biết có ngày mai sau.

Nghe đọc thơ xong, hai ông nói với nhân dân: “*Kiếp trước chúng tôi là con vua thủy tề Long Vương, các cô này đều là vợ của chúng tôi*” bèn cho mời ông bà họ Lê đưa trăm nén vàng sính lễ. Ông bà họ Lê gả Quế Hoa, Quỳnh Hoa cho Minh công, Mai Hoa cho Sát Hải công. Sau đó vài hôm, hai ông đi trị nhậm tại đạo Sơn Tây, giao cho các vị phu nhân ở lại hành cung Đồng Lý để trông nom nuôi dưỡng nhạc phụ nhạc mẫu. Sau ba năm trị nhậm Sơn Tây, có Thạch Linh thần tướng đem những đạo binh từ phương Bắc đến xâm lược, thư tín từ biên giới báo về dồn dập, nhà vua cả lo bèn lập đàn cầu đảo thiên địa bách thần, cầu đến ba ngày ba đêm thì gió mưa kéo đến, xuất hiện một ông già cao hơn chín trượng, đầu râu trắng xoá vừa đi vừa hát ở đường, vua Hùng thân hành ra đón vào trong đàn tràng, hỏi: “*Nay có quân giặc ở phương Bắc đến xâm lược, được thua ra sao, xin cụ chỉ giáo...*”. Cụ già gieo quẻ bói rồi đoán: “*Nếu tìm được người thì giặc này chẳng đáng kể chi*”. Sau đó vua Hùng cho sứ đi tìm được Phù Đổng Thiên Vương ra giúp nước. Hùng Vương sai hai ông cùng các vị thần núi thần sông đem mười vạn hùng binh trợ chiến. Hai ông cùng Thiên Vương chém được Thạch Linh thần tướng ở chân núi Võ Ninh. Quân giặc đã tan, Thiên Vương phóng ngựa về đến núi Sóc Sơn cởi chiến bào ra rồi bay lên trời. Hai vị đức ông thì về đến sông Đồng Lý, bỗng nổi cơn gió lốc, trời đất tối tăm, sóng nổi lên cuộn cuộn, dân địa phương nghe ở dưới sông có tiếng gọi rất to: “*Kính mời ba vị phu nhân cùng về thủy quốc!*”. Hôm ấy là giờ thân (lúc sắp tối) ngày 15 tháng 8, năm Canh Thìn. Một hồi lâu thì gió mây quang tạnh, sông nước trở lại bình thường, dân Đồng Lý không thấy ba vị phu nhân đâu cả, họ nháo nhác đi tìm, bỗng thấy thuyền rồng còn đậu ở bến, trong thuyền toàn là quân lính, họ nói to để nhắc lại: “*Hai vị đại vương cùng với ba vị phu nhân đã xuống thuyền rồng về thủy quốc rồi. Dân làng hãy về sửa sang hành cung thành chỗ miếu thờ...*”. Dân làng Đồng Lý thần hậu tế lễ rất mực tôn kính. Nhà vua nghe tin bèn phong là Thượng đẳng phúc thần, đồng thời phê chuẩn cho xã Đồng Lý làm nơi đền chính.

NĂM ANH EM HỌ NGUYỄN

Tương truyền ở đời Thục An Dương Vương có một người tù trưởng ở Châu Ái tên là Nguyễn Doanh Hùng, vợ thứ ba là Trần Thị Đoàn, vợ chồng rất yêu nhau, song từ khi làm bạn với nhau chưa hề sinh nở bao giờ. Nghe tin ở huyện Ân Thi châu Xích Đằng thuộc sứ Sơn Nam thượng (Hung Yên) có

đền thờ vua Thích Đế rất anh linh. Người trong thiên hạ ai muôn con cái tìm đến thắp hương cầu đảo đều có con, nói chung rất linh ứng. Khi ấy đến Đế Thích mở hội vào xuân, hai ông bà sắm sửa lễ chay và trai giới thành kính đến làm lễ cầu tự. Đêm ấy bà nằm ngủ tạ chùa phía trước trong khu vực đền, đến nửa đêm, ông chiêm bao thấy đám mây năm màu từ đất cuộn cuộn xông lên bao phủ cả đền chùa, ngược trông lên điện thấy chư phật ngự trên toà sen, hào quang toả khắp bốn bên, các vị Kim cương La hán đứng hầu hai bên, đằng trước chư phật là ba toà công đồng, các vật tứ linh (long, li, qui, phượng) đều châu phục, các quan điện bộ đều qui, nghe thấy trên điện báo xuống: *“Nay có vợ chồng vị tù trưởng ở Ái Châu rất thành tâm và lại nếu về tiền căn có nhiều điều phúc đức, nay triều Hùng đã hết, vua Thục lên thay căn có bậc anh tài xuống giúp nước, thiên đình cho năm vị sơn thần giáng sinh. Hai vị cai quản cao sơn, hai vị cai quản sông sơn, một vị cai quản ắt sơn đều là những vị sơn thần ở Châu Ái đầu thai vào nhà viên tù trưởng Nguyễn Hùng. Sắc lệnh ban xuống không được chậm trễ, phải gấp triệu tập năm vị sơn thần này đến nhận lệnh”*. Vị sơn thần đến lay trước điện. Truyền rằng: *“Lấy quả ấn loại nhỏ đóng dấu sơn vào sau lưng mỗi vị sơn thần”*. Năm vị

sơn thần đều theo vợ chồng Nguyễn Hùng xuống trần. Bỗng thấy một hồi trống rỗng rung lên, có con kỳ lân nhảy ra sân múa và gầm lên một tiếng như chuyển trời động đất, ông giật mình đánh thót một cái, tỉnh dậy, ông kể cho phu nhân và sư ông nghe, sư ông nói: *“Vợ chồng ông phúc hậu và có lòng thành cầu khẩn trời phật, cho nên trời phật ứng mộng như thế, nhất định nhà ông sẽ có điềm lành”*. Ông bà lễ tạ phật về nhà, bỗng thấy đám mây năm màu bay lượn ở bên cạnh phu nhân, phát tiếng kêu ù ù rất lạ. Khi về đến nhà, phu nhân thấy mình nhiễm mùi thơm man mác, bụng và vú đỏ vằn lên như sơn, ông bà cho là điềm lành. Được vài tháng, phu nhân quả nhiên có mang, thời gian mang thai là mười sáu tháng mà chưa thấy đẻ, ông cho là việc lạ, nghĩ thầm: *“Vợ chồng mình cầu tự nay đã có mang mà không làm lễ tạ, vì thế bị hãm lại không đẻ được”*. Ông bà bèn sắm sửa lễ đến Đền Thích lay tạ, sau đó ra về đến phía đông đầu làng Đình Xá, ở đây có một cái giếng nước sạch và trong, lúc ấy trời tối sầm lại, gió gào thét xung quanh làng như sấm, dân làng kinh hãi, nấp xem thấy con rồng đen từ trên trời lao mình xuống giếng, trong khi ấy phu nhân đẻ ra một cái bọc có năm cậu con trai, con rồng đen hút nước giếng phun tắm cho năm cậu con trai. Chốc lát gió mây đều tạnh, trời đất lại bừng sáng, song tiếng ở dưới đất vẫn kêu ù ù

không dứt, nhân dân ra xem, thấy bà đã đẻ được năm cậu con trai. Mới đẻ ra mà các cậu đã biết ngồi khá vững, có dấu chân cạp in ở xung quanh chỗ bà đẻ. Nhân dân thấy điềm lạ bèn dựng lều tranh cho sáu mẹ con ở và buông màn che gió cẩn thận rồi họ làm biểu tâu lên vua Thục, nói về việc sinh nở kỳ lạ. Nhà vua bèn cho quan triều về truyền cho dân trại lập ấp sinh tử tại chỗ phu nhân đẻ. Quan triều lại sai người hộ tống phu nhân và năm cậu bé về triều bái yết nhà vua. Nhà vua ngự triều xem xét, truyền lệnh cho các quan xem xét thân thể năm cậu bé có dấu vết gì lạ thì thấy trong lòng bàn tay trái của mỗi ông đều thấy dấu sơn đóng vào, trên mặt ấn có mấy chữ triện: *"Đệ nhất Cao sơn nhạc phủ chi ấn. Đệ tử Sông sơn nhạc phủ chi ấn. Đệ ngũ ất sơn nhạc phủ chi ấn"*. Lại xem dưới lòng bàn chân đều có bầy cái lông dài hơn một tấc. Cậu thứ nhất tay dài chắm gối, mặt đỏ như son, cậu thứ hai cũng như thế, cậu thứ ba và cậu thứ tư mặt đen như sắt, cậu thứ năm mặt như son phấn. Cả năm cậu mắt đều sáng lóng lánh như sao, tiếng nói vang vang như sấm. Nhà vua khen: *"Trên thiên đình cho năm vị sơn thần giáng trần giúp nước, năm người này thật là khác hẳn con người trần gian"*. Khi ấy, nhà vua triệu phụ lão và dân làng đến ban cho ba nghìn quan tiền kho và phê chuẩn cho dân hai giáp Đông và Tây ở bản khu được làm dân con của năm vị đức ông, các ông anh là thần giáp Đông, các ông em là thần giáp Tây. Nhà vua lại truyền cho ông bà tù trưởng đem năm con về nuôi, uỷ cho quan châu phải cấp tiền và lương thực cho ông bà họ Nguyễn để chăm nuôi các con, chờ khi nào lớn lên thì về triều nhận chức. Nhà vua truyền cho quan triều hộ tống năm cậu về quê quán. Từ đó ông bà cùng với quan châu hiệp lực chăm sóc nuôi nấng các con. Xuân qua đông tới năm cậu đã mười bốn tuổi đời. Cậu nào cũng có tài năng văn võ hơn người. Đến năm các cậu mười bảy tuổi, hình vóc cao lớn khác thường, tay cầm tằm cân sắt đi chạy nhẹ nhàng như bay, sức mạnh như thần hết sức kỳ lạ không ai dám địch. Quan châu dâng biểu tâu lên vua về tình hình của năm cậu. Nhà vua hạ chiếu vời về triều thử tài độ sức. Năm cậu vào bái yết nhà vua được nhà vua hỏi về tài văn võ. Qua việc trình bày của các ông, người ta thấy văn chương thể hiện rất hay đến nỗi qui khóc thần kinh, võ nghệ đem thao diễn cũng rất lạ kỳ làm cho rùng rợn cạp thét. Khi múa dao thì khiến cho hàng vạn con người cũng phải sợ xanh mắt không ai dám tới gần. Khi nện đầu gậy xuống đất thì đất bị xẻ ra sâu tới nghìn dặm. Bước chân đi nhanh như bay, tiếng nói vang như sấm động. Nhà vua rất lấy làm hài lòng, bèn phong cho cậu thứ nhất là "Thông lĩnh nhạc phủ nguyên soái đại tướng quân, Cao sơn Hiền công đại vương", cậu thứ hai là "Phụ chánh nguyên soái đại tướng

quân, Cao Sơn Hựu công đại vương", cậu thứ ba là "Tiết chế nhạc phủ đại tướng quân, Sông sơn Quý công đại vương", cậu thứ tư là "Tư bố nhạc phủ đại tướng quân. Song sơn Minh công đại vương", cậu thứ năm là "Đề chương nhạc phủ đại tướng quân, át Sơn Oai công đại vương" thống lĩnh các đạo quân ở miền rừng núi. Từ đó năm vị làm việc tại triều, vua tôi tâm đầu ý hợp, thiên hạ thanh bình, trong phủ yên vui vô sự, nhân dân vui vẻ trong đời sống đầy đủ, bốn bề đều ngược trông cảnh tượng thái bình. Sau một thời gian làm việc tại triều, lòng nhớ quê hương trở dậy, năm vị xin vua cho phép về quê yết bái gia tiên, thăm hỏi cha mẹ và xem địa thế ở các nơi, để chuẩn bị xây dựng hành cung. Nhà vua đồng ý, đồng thời ban cho vàng ngọc, lụa là gấm vóc mỗi thứ năm cân, và năm đạo quân có đầy đủ voi ngựa hộ tống về quê. Năm ông về đến quê nhà, nhân dân địa phương chào đón như ngày hội lớn. Năm ông làm lễ gia tiên và bái yết cha mẹ, sau đó mở tiệc khao vọng mười ngày. Năm ông lưu tại quê hương vài tháng, đến ngày mùng năm tháng mười năm ấy, thân mẫu không đau ốm mà mất. Năm ông làm lễ an táng chu đáo và làm chay cúng bái hết đạo làm con. Năm ông dâng biểu về triều xin phép cho được ở lại chịu tang mẹ, vua ban cho tiền lụa, đồng thời cho⁷⁵; tang một năm. Sau khi an táng mẹ xong, các ông cùng nhau đi xem đất nơi nào là châu long chính khí để xây dựng hành cung. Từ địa phận Tuyên Quang, Hưng Hoá, Sơn Tây có bảy mươi hai hành cung. Một hôm năm ông về đến đến hai giáp Đông Tây thuộc xã Đình Xá, huyện Thiên Thi (tức Ân Thi) châu Xích Đằng xứ Sơn Nam, các gia tộc đều đến ra mắt chào mừng. Năm ông họp bàn với các cụ phụ lão và dân địa phương xây một hành cung ở nơi các cụ phụ lão ngắm thấy ở đây long mạch rất tốt, mạch đất từ phương kiền hợi (Tây bắc) dẫn đến, núi không cao lắm lại có ruộng đất chen lẫn vào, nước không sâu lắm song ao giếng đều có sự thích nghi với dân. Bên cạnh kiểu đất này có một hình đất dài như thanh kiếm, trước mặt là gò Thổ Tinh (gò vuông) làm án, bên xây dựng hành cung tại đây. Ngoảnh lưng về phương tân (phương tây), trông ra phương Ất (phương Đông). Xây dựng xong, năm ông ban cho hai giáp Đông, Tây mỗi giáp ba thỏi vàng nén để mua ruộng ao làm khoản công ích và cũng là ruộng hương hoá mai sau. Chỗ hành cung này tên là xứ Đình Đang. Từ đó về sau nhân dân tuân theo mệnh lệnh của năm vị, không bao giờ dám bỏ. Năm vị ở lại nơi đây, làm việc lợi, bỏ việc hại, khuyến khích dân việc cày cấy dâu tằm, lấy nhân nghĩa cố kết lòng người, lấy hòa mục xây dựng phong tục, trong khoảng vài ba năm, nhân dân no ấm, phong tục trở nên thuần hậu, hai giáp Đông, Tây đều được trông nhờ phúc âm của năm vị đức ông. Hồi ấy có viên

tướng nhà Tần tên là Triệu Đà người ở Chân Định thay Nhậm Hưu làm chức hiệu úy ở quận Nam Hải, Triệu Đà sai tướng đem quân sang đánh Thục Vương, một đạo quân xuất hiện ở đường núi Tam Điệp thuộc Châu Ái, một đạo từ Bồ Chính và Ninh Minh, một đạo từ Sơn Nam. Thư ở biên giới đưa về báo cáo rất gấp một ngày có đến ba lần. Vua Thục Vương cả sợ, bèn vời năm vị lựa chọn được số trai tráng khoẻ mạnh với sáu dòng họ gồm bốn mươi tám người làm bộ hạ. Năm vị về triều bái yết bệ ngọc, nhà vua phong cho năm vị làm đại tướng quân chia quân năm đạo đánh quân Triệu, trong khi chiến đấu năm vị thừa thắng chém được tướng của Triệu Đà là Dương Trương trên thành ngựa, oai phong năm vị lấy lòng, người sau có thơ rằng:

“Tinh bái đường đường xuất Ngọc Quan,

Tam quân như nhất một hào đao.

Mã đề không sử phong khinh túc

Hổ trưởng hưu hiềm tuyết xấu nhan.

Thiên lý trì khu thiên lý mộng.

Nhất trùng ly biệt nhất trùng san.

Kiểm cung tự cổ anh hùng sự.

Đảm liễu gian nan bất giác nan”

Dịch nghĩa: "Đường đường cờ xí ra ải Ngọc Quan, Ba quân (nhất trí) chỉ như một người không có bút nào tả được. Luống những làm cho vó ngựa gió nhẹ dưới chân. Đừng ngại gì trong trướng hùm mặt gầy như nguyệt. Nghìn dặm rong ruổi là nghìn dặm chiêm bao. Mỗi một từng xa cách là một từng núi! Từ thuở xưa kiểm cung là việc của anh hùng, gánh vác nhiệm vụ khó khăn mà chẳng cảm thấy gì là khó".

Báo tin chiến thắng về triều, vua Thục cả mừng, liền ban thưởng cho vàng bạc gấm vóc, quang cảnh ấy thật là hiếm có, người sau có thơ rằng.

“Quả nhiên xích hiếm tài man khẩu,

Trực cả ba liên thành hiến quốc quân.

Thiên cổ dĩ tiên, thiên cổ hậu.

Gia hiếu tử, quốc trung thân!"

Dịch nghĩa: "Mấy thước gương nhiên bẻ gãy bọn giặc dã man, đem những bức thành dài dâng lên bậc quốc vương. Nghìn đời trở về trước và nghìn đời về sau, đối với, nhà là con hiếu, đối với nước là tôi trung".

Năm vị bèn dâng biểu xin cho nhân dân ở hai giáp Đông, Tây thuộc trại Định Xá làm tôi con của các ông và cũng là nơi phối hưởng cúng tế sau này, được nhà vua chuẩn y, đồng thời miễn tô thuế binh phu tạp dịch cho dân hai giáp vì nơi đây là nơi thái ấp (ấp ăn lộc) của năm ông. Nhà vua lại còn phong tước đại vương làm vị thần sống của dân. Năm ông lạy nhà vua, rước sắc về hành cung ở trại Định Xá mở tiệc khao thưởng linh đình, nhân dân hai giáp Đông, Tây đều đến làm lễ chúc mừng. Công việc hoàn hảo, năm ông lại về triều làm việc để cùng phò tá nhà vua.

Triệu Đà thất bại chua cay, song Đà chẳng cam chịu một bề, thường cho quân xâm lược biên giới, mưu rửa hận vì mấy năm qua đã từng thua quân Thục. Nhà vua ban thưởng khích lệ tinh thần chiến thắng của tướng sĩ, lại trao cho họ chiếc nỏ thần Linh quan. Nỏ này do ngày trước đắp loa thành ba năm không thành, đắp đến đâu lở đến đấy. Nhà vua trai giới, lập đàn tế trời đất bách thần, sau thấy con rùa vàng từ phương Tây đến, tự xưng là sứ giả Tây giang. Rùa vàng biết nói tiếng người và biết cùng người ăn uống. Nhà vua rước vào cung điện lấy chậu vàng để đựng rùa. Hỏi kẻ đắp thành, rùa vàng bảo vua giết con yêu tinh bạch kê (gà trắng), sẽ đắp xong thành. Sau rùa vàng từ biệt về biển Nam, trút chiếc móng cho vua. Vua sai quan đại thần là Cao Lỗ chế tạo ra máy nỏ, khi nào có chiến tranh, đem nỏ này ra bắn thì chưa hề thua trận bao giờ nhân đó đặt tên là nỏ "Linh quang qui tráo thần cơ". Nhờ nỏ này cho nên mỗi khi giao chiến với quân Triệu đều toàn thắng. Một hôm Triệu Đà bày mưu cho con là Trọng Thủy rằng: "*Hiện nay Thục Vương có năm anh em Hiến công đều là những kẻ hùng tài, ta không thể chống được, hơn nữa Thục Vương còn có nỏ thần Linh quang thì quân ta làm sao mà đánh thắng được. Chi bằng tạm thời bãi binh, dùng mưu kế để đánh chúng, chứ không nên dùng võ lực*". Đà bèn viết thư xin hoà, nhà vua đồng ý. Được ít lâu Đà sai sứ thân mang lễ vật đến cầu hôn cho con trai

của Đà là Trọng Thủy lấy My Châu con gái của Vương. Vương đồng ý gả My Châu cho Trọng Thủy. Trước âm mưu nham hiểm của Đà, năm ông hết sức can ngăn, Thục Vương cự tuyệt không thèm nghe lời can giải ấy. Từ đó Trọng Thủy sang làm rể, Thục Vương cho Trọng Thủy với My Châu ở đông cung, sau Thủy dụ dỗ My Châu cho xem trộm nỏ thần Linh quang, Thủy tráo máy, rồi cáo về thăm cha. Đem hết tình hình quân Thục và tình hình nỏ thần đã bị đổi máy báo cáo với Đà, Đà liền phát binh đánh Thục. Quân Thục thua to, Thục Vương cuội ngựa chạy xuống biển Nam, lấy sừng vãn tê soi xuống nước, thần Kim Qui lên đón vua chạy xuống bể. Khi ấy năm vị đều chạy theo vua, đến bể thấy vua đã hoá, liền thu thập tàn quân được hơn năm nghìn người, lại đánh nhau với quân Triệu một trận to ở cửa bể Đại Nha, Quân Triệu bỏ vây bốn mặt, ông thứ năm bị Đà giết hại, còn bốn ông bị bao vây, các ông vừa đánh vừa lui đến địa phận hai giáp Đông Tây trại Đinh Xá châu Xích Đằng đạo Sơn Nam, bảo nhân dân hai giáp lập càn lộ thiên ở xứ Đông Voi, viết duệ hiệu, ông thứ năm là Ất Sơn đại vương cho dân thờ cúng. Từ đó Ất Sơn đại vương anh linh lừng lẫy, những kẻ buôn bán qua lại cầu đảo đều có linh ứng, họ mang vàng bạc của cải đến cúng. Sau có người lái trâu lái dê ở làng Ngọc Cục, đất Hồng Châu thuộc đạo Hải Dương, một hôm đánh một bầy dê qua cửa đền, vừa đi vừa hát: “*Đệ ngũ lang hề đệ ngũ lang, Ngũ lang tu phó ngã tri tường. Sinh tiền nhược hữu thon ngưu chí, tử hậu thủy năng tán ngã dương*”. Nghĩa là: “Chàng Năm ơi hỡi chàng Năm! Chàng Năm hãy tỏ cho xem tỏ tường. Nuốt trâu thỏ trước hùng cường, bầy dê hãy đánh tan hoang coi nào”, hát vừa xong thì bầy dê đều bị đánh chết. Anh lái sợ làm lẽ tạ và lại ngâm rằng: “*Ngũ lang hề ngũ lang, ngũ lang tu phó ngã tri tường. Anh hùng dĩ toại anh hùng chí. Linh hữu linh hề sinh ngã dương*”. Nghĩa là: “Chàng Năm ơi hỡi chàng Năm, chàng Năm hãy tỏ cho xem tỏ tường. Anh hùng tiếng đã gọi rằng. Đàn dê sống lại rõ ràng anh linh”. Hát vừa xong thì bầy dê cải tử hoàn sinh. ười lái kia biết thần rất anh linh, trước lúc trở về anh ta ghi trộm duệ hiệu thần đem về làng lập đền phụng sự, cho nên sự tích thần còn có một dị bản. Từ khi bốn vị đức ông bại trận trở về trại Đinh Xá, đổi họ đổi tên như dân thường. Triệu Đà chiếm xong nước Âu Lạc của Thục An Dương vương lên làm vua, vốn biết tiếng bốn anh em đều là người trí dũng khác thường, muốn bắt ép họ phải ra làm việc, cho nên đã nhiều lần sai sứ thần về dụ bốn ông cùng ra xuất chính. Bốn ông ra sức từ chối và bảo nhau: “*Sống làm việc giúp nước là lẽ sống vinh hiển. Vì nạn nước mà chết thì cái chết ấy vẫn có ý nghĩa như sống. Sống không phục thù được cho nước đành chết đi để giữ trọn lòng*

trung nghĩa, chứ còn có mặt mũi nào mà cam tâm làm điều như nhục hổ thẹn!" Nói xong liền cho mời phụ lão và nhân dân trại Đình Xá đến bảo: "Bọn chúng tôi với dân làng là tình thầy trò. Nay đã có sinh từ làm nơi hội đám. Hàng năm đến ngày mùng 10 tháng 3 là sinh nhật của anh em chúng tôi, dân làng có thể mở hội vui chơi hát xướng... Sau khi chúng tôi chết, dân làng nên dựng miếu thờ cúng. Đại phạm các tiết lễ về ngày sinh ngày hoá của chúng tôi đều rước về cùng nội đồng rồi rước về các miếu riêng để tế...". Nhân dân và phụ lão đều bái lĩnh di chúc của bốn ngài. Sau đó bốn ngài cùng uống thuốc độc chết. Nhân dân tỏ tình thương tiếc, họ mổ trâu bò làm lễ an táng. Ông thứ nhất táng tại Đình Đan, ông thứ hai táng tại xứ Đình Hôi, ông thứ ba táng tại xứ Bên, ông thứ tư táng tại xứ Góc gạo. Các nơi mai táng đều có xây một cái đàn lộ thiên để thờ cúng. Sau đó nhân dân giáp Đông và giáp Tây đều lập miếu viết duệ hiệu các vị: Vị thứ nhất là Cao sơn đại vương, vị thứ hai cũng là Cao sơn đại vương, vị thứ ba là Sông sơn đại vương vị thứ tư cũng là Sông sơn đại vương, vị thứ 1 năm là Át Sơn đại vương. Nhân dân hai giáp rước năm vị về miếu riêng của từng vị để thờ. Từ đó về sau, cầu nắng cầu mưa đều thấy linh ứng. Nói về họ Triệu là vua truyền được năm đời thì nội thuộc Tây Hán. Trải qua Đông Hán, Ngô, Tần, Tống, Tề và Lương đều phải người sang cai trị áp dân tộc ta. Tên Tiêu Tư và Lương làm quan thái thú ở đất Việt ta rất mực tham tàn bạo ngược. Hồi ấy có người đất Thái Bình quận Hưng Long tên là Lý Bôn (có người đọc là Lý Bí khởi nghĩa đuổi Tiêu Tư về phương Bắc, dẹp Lâm Ấp ở phía Nam, lấy lại được nước. Trước khi Lý Bôn đem quân đi đánh giặc, có đi qua Đại Đình Xá châu Xích Đằng làm lễ tế năm vị đại vương, khẩn rằng: "Năm vị đại vương anh linh thì âm phù tế độ, giúp nước giết giặc, giành lại non sông, để cho nhân dân trăm họ cùng được sống cuộc đời thanh bình, no ấm... sẽ gia phong duệ hiệu, biểu dương sự anh linh hiển hách của các ngài...". Sau khi Lý Bôn lên làm vua có giáng sắc phong tặng bách thần, phong ông thứ nhất là "Cao sơn Hiển ứng hộ quốc đại vương", ông thứ hai là "Cao sơn Dực thánh phù vận đại vương", ông thứ ba là "Sông sơn Hùng lược Tế thế đại vương", ông thứ tư là "Sông sơn Chính trực trợ thuận đại vương". Ông thứ năm là "Át sơn Uy dũng Linh ứng đại vương", sắc lệnh ban xuống cho hai giáp Đông, Tây trại Đình Xá rước sắc về trùng tu miếu mạo phụng sự các ngài, ức năm hương lửa, dài lâu sánh với vận hội nước nhà...

HÙNG HẢI, ĐỖ HUY

Cuối đời vua Hùng Duệ Vương thứ 18, bộ Giao Chỉ mấy năm liền thiên tai tật dịch, nước biển dâng ngập lụt ruộng đồng, nhân dân làm than cơ cực. Vua Hùng Duệ Vương sai con trai quan chủ bộ Dương Tuyền là Hùng Hải, và con trai quan Chủ bộ Chu Diên là Đỗ Huy, đi tuần hành miền ven b Giao Chỉ để vỗ an dân chúng. Hai ông vâng mệnh vua Hùng, mang quân bản bộ đi đến đâu là xuất lúa kho nuôi dân đào sông tiêu nước, đắp đê ngăn nước biển dâng. Từ đấy thủy tai chấm dứt, tật dịch đều yên, thóc lúa phong đăng, tầm tơ tươi tốt, trong khoảng vài năm, dân chúng ven biển bộ Giao Chỉ của lắm vật nhiều, ăn no mặc ấm. Hai ông về triều phụng mệnh. Bấy giờ nước Hồ Tôn ở phía nam nước Văn Lang thường mang quân vượt biên vào cửa Đại Nha cướp của giết người. Vua Hùng Duệ Vương lại sang Hùng Hải lĩnh đạo thủy quân, sai Đỗ Huy lĩnh đạo bộ binh tiến xuống Nam Thủy, quân nước Hồ Tôn thua trận bỏ chạy về nước.

Thủy quân đại tướng Hùng Hải, và Bộ quân đại tướng Đỗ Huy đem quân lui về đóng đồn ở vùng Thượng tiên lập đồn lưu thủ gọi là Bảo Đồn (nay là Vân Đồn), doanh trại phía tây của tướng quân Hùng Hải, doanh trại phía đông của tướng quân Đỗ Huy.

Lại nói Triều Hùng mở vận trời Nam, đất nước gồm 15 bộ, xưng hiệu Văn Lang, Cha truyền. con nối đều gọi là Hùng Vương làm vua trị nước hơn hai ngàn năm.

Một năm trước khi ngôi báu chuyển đời, đêm 15 tháng 8 năm Nhâm dần (256 trước CN) giữa tiết trung thu, đêm đó trời quang mây tạnh, trăng sáng vàng vạc, bỗng trên không trung một tiếng nổ vang, tiếp đó mây bay, gió cuốn, ầm ầm như muôn ngàn ngựa hí quân reo, nhân dân quanh vùng thấy đều kinh sợ. Chợt một con rồng đen giương nanh vuốt, từ hành doanh phía tây bay thẳng lên trời, một lát trời im gió lặng, ló bóng gương nga, thì có tin tướng quân Hùng Hải đã về trời. Sau khi an táng vừa trọn trăm ngày, tướng quân Đỗ Huy mang mấy tùy tùng về kinh đô, tâu vua về việc Hùng tướng quân thất lạc. Vua Hùng nghe tâu mới phong tướng quân Hùng Hải làm: *Thủy Hải long đại vương*. Cho nhân dân ở Bảo Đồn lập miếu ở hành doanh thờ phụng.

Một hôm tướng quân Đỗ Huy đang chầu trước ngự tiền. Bỗng nhiên trời đất tối t một ngôi sao từ trong mình tướng quân bay ra như dải lụa dài nhằm thẳng hướng đông hào quang sáng chói. Trong giây lát, trời đất lại trong sáng, Đỗ tướng quân đã lâm chung, bấy giờ nhằm ngày mùng 2 tháng 12 năm Nhâm dần (156 trước CN).

Hùng Duệ Vương tặng phong Đỗ tướng quân là: *Chiêm Huy linh ứng đại vương*. Sắc chỉ cho nhân dân Bảo Đồn lập miếu ở hành doanh nơi ông đóng quân thờ phụng. Lại cho đổi chữ Bảo Đồn đồn phòng giữ, thành Bảo Đồn đồn quý báu và cho dân sở tại dùng chữ Bảo Đồn đặt tên làng gọi là: Bảo Đồn trang.

Năm 257 trước CN, Thục chúa được vua Hùng Duệ vương nhường ngôi, đổi tên nước Văn Lang làm nước Âu Lạc lấy hiệu là: *An Dương Vương*.

An Dương Vương tặng phong hai vị là *Đông Thánh, Tây Thần*.

Từ đây về sau trải qua các triều đại Tiền Lý, Hậu Lý, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn đều có hiển linh phù nước hộ dân, cầu mưa đảo tạnh, các triều gia phong có đến hơn 50 mỹ tự.

LÝ TIẾN

Vào đời Hùng Vương thứ 6, trên vùng đất sông cái Nhị Hà và sông con Tô Lịch có hai vợ chồng già. Chồng ngày đánh cá kiếm sống, theo con nước lên theo lịch mùa mà gieo mạ gặt lúa. Người vợ thì thành tâm lặn lội đi các nơi có thần sông, thần núi, thần mưa, thần gió linh hầu xin có con để nối dõi tông đường. Ở vùng đất này có một gò đất cao nổi lên giữa đồng bằng mênh mông. Dân làm ruộng muốn nhìn xa trông rộng, dõi tìm người đi xa, thường leo lên gò đất để có thể phóng tầm mắt đi bốn phương tám hướng. Vì thế gò đất ấy được gọi là gò Khăn, hay núi Khán - trên núi có đền thờ thần mùa xuân, tế trời đất, mùa màng, bởi vậy núi còn có tên là núi Khán Xuân.

Đền trên núi là đền Khán Xuân, được coi là nơi thiêng liêng, cầu gì được nấy.

Một lần người vợ cầu cúng suốt đêm ở trên núi Khán Xuân, thì gặp linh ứng. Bà nằm mơ thấy rồng vàng xuất hiện và báo mộng rằng: Đất này sẽ là đất đế đô muôn đời, cần phải có một vị thành hoàng của đất để giữ gìn khí linh thiêng lâu dài. Ta sẽ chọn vị thần về ở với vợ chồng ngươi. Khi sinh con, vợ chồng ngươi phải mang tiền vua.

Từ đó người vợ mang thai chín trăm chín mươi chín ngày thì sinh được một người con trai khôi ngô tuấn tú. Nhớ lời dặn của thần, hai vợ chồng đem con ngược sông Cái lên Phong Châu xin tiền vua. Vua Hùng cho là điềm lạ nhận tiền và giao cho dân làng Tô nuôi. Từ đó dân làng gọi tên là chàng trai ấy là Trai Tiên.

Trai Tiên càng lớn càng trở thành một chàng trai gan lỳ thông minh, can đảm. Lớn lên chàng nối nghiệp cha làm nghề đánh cá, nối nghề mẹ gieo mạ gặt lúa. Chàng khoẻ mạnh hơn người. Nghe tin phía bắc có vùng núi thường có tiên đến chơi, chàng đến tận nơi du ngoạn khắp vùng đất Tiên Sơn. Nghe núi phía đông, qua sông cái có những đầm nước mênh mông thường có những nàng tiên, chàng đến tận vùng sông nước Tiên Du thả thuyền ngoạn cảnh. Chàng về nơi chôn rau cắt rốn vì nghe tin: Vùng đất sông Mẹ (sông Cái), sông Con bị động. Sông con sinh đôi là sông Tô và sông Trâu Vàng. Nàng tiên biển Đông dặt tay chàng dùng thuật rút đường bay lên trời.

Từ trên trời cao vùng sông Mẹ, sông Con chàng nhìn thấy sông Mẹ sông Con uốn khúc như một con rồng nằm cuộn trong ổ. Tiên nữ bảo chàng:

- Đất này có thể rồng nằm, là đất thiêng có thể làm đất lập đế đô dựng nghiệp cho muôn đời con cháu mai sau. Nhưng hiện nay con rồng không nằm yên được vì rốn rồng bị bọn Hồ tinh tức cáo chín đuôi, trốn từ đầm Xác cáo chạy về làm tổ cố thủ. Rốn rồng bị động nên rồng cứ vật mình vật mảy, đất trời lên, sụt xuống, động liên miên, không yên được lúc nào để bay lên. Nếu chàng diệt được cáo chín đuôi giữ được rốn rồng thì một nghìn năm sau rồng sẽ bay lên được. Còn nếu không diệt được cáo chín đuôi, rốn rồng sẽ bị thủng thì đất này sẽ động sụt xuống biển.

Chàng bèn lao vào đánh nhau với cáo chín đuôi, đuổi lũ cáo chạy khỏi vùng chôn rốn rồng. Thanh kiếm của chàng phải phóng sâu vào rốn rồng mới chặt đứt được cái đuôi thứ chín của con Hồ tinh.

Chàng tìm cách rút lưỡi kiếm lên để đánh đuổi Hồ tinh, nhưng một con rùa vàng nổi lên ngăn lại, mà rằng: Lũ cây cáo đời nào cũng có, giết con này con khác lại thành tinh, cáo mà chết thì mèo già lại hoá cáo. Mà người cũng có thể hoá cáo chứ không phải chỉ có cáo thành tinh hoá ra người đâu. Vì thế chàng phải để thanh kiếm lại yếm ở nơi rón rông, để lũ cây cáo không thể nào dám bén mảng đến quấy rối rông được nữa. Lưỡi kiếm của chàng nằm đây sẽ hoá thành gươm thần giữ đất cho muôn đời.

Chàng trai vâng lời Rùa Vàng tức thần Kim Quy, để thanh kiếm lại. Từ đó rón rông được yếm, biến thành một cái hồ rộng, gọi là hồ Long Đỗ, tức là hồ Rón Rông. Từ đó vùng đất này có tên là thành Long Đỗ.

Chàng sau khi trấn yên cáo chín đuôi ở hồ Rón Rông thì giúp dân chúng mở mang việc trồng lúa đánh cá khắp vùng sông Cái, sông Con, tạo nên một vùng đông dân trù phú. Tuy ở đây không có núi non hiểm trở nhưng thành quách vững chắc va vào lòng người; vua Hùng giao cho chàng làm Lạc tướng, chỉ huy đạo hùng binh ở sông Tô.

Giặc Ân từ phương bắc tràn xuống, vua Hùng cử chàng Trai Tiên dẫn quân lên biên ải cự nhau với giặc. Nhưng thế giặc quá mạnh, cứ tràn xuống như nước vỡ bờ. Quân của chàng Tiên cứ vừa đánh vừa lui. Đến bộ Vũ Ninh, giặc Ân vây quân trùng trùng điệp điệp, hãm quân chàng vào tử địa. Một mình Trai Tiên tả xung hữu đột trong vòng vây. Nhưng quân giặc quá đông, Trai Tiên bị chín mươi chín mũi tên xuyên khắp người. Chàng kiệt sức nhưng vẫn cố ôm cổ ngựa chiến phóng về quê mẹ. Giặc Ân khiếp sợ trước khí phách của Trai Tiên, bèn lui quân. Tới đầu sông Tô, nơi nền nhà cũ mẹ chôn rau cho chàng, chàng mới chịu gục xuống trút hơi thở cuối cùng. Con ngựa chiến cũng chết theo chủ. Lập tức mọi đùn lên thành gò. Nơi gò ấy, sau này dân gian lập đền thờ. Đó là đền Giáp Đông, thôn Đông Thuận, đến nay đền còn hậu cung ở phố Hàng Cá, một trong ba mươi sáu phố phường Hà Nội cũ. Nhân dân đời sau thờ ông là Thành hoàng đất kinh đô. Đến thời Lý Công Uẩn, dựng đô đặt tên là Thăng Long, tôn phong Trai Tiên là vị thánh tổ của thành Thăng Long và ban quốc tính (họ vua) nên người đời sau gọi tên ông là Lý Tiên.

BỐN NÀNG HỒNG

Thời Đông Hán đô hộ nước ta, ở xã Tuân La, huyện Thiện Tài, quận Giao Chỉ, có cô con gái họ Mai tên Đại. Năm 18 tuổi người cha mắc bệnh qua đời, gặp năm mất mùa đói kém, mẹ con dẫn nhau về nương nhờ nhà cậu là Đinh Công Bình, quê ở xã Vân Long, độ Hoa Lư. Chưa đầy một năm người mẹ lại nhiễm bệnh mà mất. Nhà cậu cũng nghèo, nàng Đại xin vào ở bên núi, ông Đinh Công Bình bằng lòng, nàng bèn dựng một gian nhà cỏ ở xứ Đá Hàn dưới chân núi Tam Phong (Ba Chon), ngày ngày kiếm củi để nuôi thân. Một ngày tiết trời mùa hạ, nàng Đại lên núi Mão Sơn lấy củi gánh về ngồi nghỉ trên một phiến đá dưới lùm cây rậm rạp, chỗ này râm mát hây hây gió đưa, nàng Đại mắt lim dim buồn ngủ. Chợt gió bắc nổi lên rung cành chuyển lá, xa xa nghe tiếng hổ gầm. Nàng Đại bừng tỉnh đã thấy một Hắc hổ sơn quân từ phương bắc nhảy đến bên mình. Nàng Đại bàng hoàng kinh sợ ngã nằm bất tỉnh, khi tỉnh dậy thì cơn gió đã yên phương đông đã lộ vùng trăng, bên mình không thấy Sơn quân chỉ thấy bốn bè thụy khí sực nức hương thơm. Nàng Đại gánh củi về nhà, từ đó có thai hơn một năm sau sinh được một bọc bốn con gái, bấy giờ là ngày 15 tháng 10 năm Nhâm Ngọ. Nàng Đại lấy làm kinh bèn đem bốn đứa con bỏ vào trong núi, kịp khi trở về lo buồn thành bệnh mà mất. Khi nàng Đại vừa mất. Hắc hổ sơn quân ôm thi thể nàng lên táng ở đỉnh núi, giữ gìn nuôi nấng bốn con bằng nhị hoa nước quả. Bốn cô bé khôn lớn rất nhanh. Qua bốn năm sau Hắc hổ sơn quân nhân đêm tối mang bốn con xuống núi bỏ vào sân nhà ông cậu Đinh Công Bình. Người nhà nghe tiếng động, thấp đèn mở cửa thấy bốn trẻ thơ, mới đem vào trong nhà nuôi nấng, đặt tên chúng là "Hồng". Bốn nàng Hồng đến tuổi trưởng thành, nhan sắc tuyệt trần lại có sức khỏe vô song, nhân dân trong vùng gọi là "Tiên núi Ba Chon".

Năm 34, Tô Định sang thay Tích Quang làm thái thú Giao chỉ, Tô Định là kẻ dã man tàn ác, bắt những người dân Việt có ý chống Hán, đóng cọc ba người chụm đầu gần nhau, thổi cơm trên tre, khi chín nồi cơm, thì ba người bắt hạnh đã chết cháy.

Tô Định vô cùng hiếu sắc, thường tìm bắt đàn bà con gái nhan sắc đem về trị sở sung làm nô tỳ, sau khi mua vui chè chén lại dùng những người con gái này làm vật ban thưởng.

Bốn nàng Hồng thấy cảnh dân tộc làm than ực, quần quai dưới sự đô hộ của giặc Hán, mới chiêu mộ nghĩa quân chống Hán. Nghe tin Bà Trưng khởi

nghĩa, bốn nàng Hồng mang thủ hạ tiến về Mê Linh theo Bà Trưng ra quân chia đường đánh dẹp giặc Hán, thu được 65 thành, Bà Trưng lên làm vua phong thưởng các tướng, lưu bốn tướng Hồng nương ở lại triều đình giúp chính sự.

Bốn tướng Hồng nương tâu xin về thăm quê quán, Trưng vương bằng lòng. Bốn tướng Hồng nương đem tùy tùng về nhà Vân Long, bấy giờ ông cậu Đinh Công Bình đã mất, bèn lên thẳng đỉnh núi Ba Chon đắp mộ sinh mẫu, lại tìm khắp chốn rừng sâu núi thẳm không thấy Sơn quân, mới dựng đền thờ sinh mẫu ở chân núi Mão Sơn, rồi truyền giết trâu mổ lợn sửa lễ tế Sơn quân và sinh mẫu. Công việc xong xuôi, bốn tướng trở lại triều đình dâng biểu xin miễn binh, nhưng , tạt dịch cho xã Giá Sơn và xã Vân Long. Trưng vương làm vua chưa được 3 năm thì vua Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện làm đại tướng cùng phù lạc hầu Lưu Long, Lậu huyền tướng quân Đoàn Chí mang hơn trăm tùy tướng, hai vạn tinh binh, hai nghìn xe và thuyền chiến sang đánh nước ta.

Sau trận thua lớn ở hồ Lãng Bạc, bốn tướng Hồng nương thoát khỏi trùng vây, đem tàn quân chạy về quê hương đóng trên đỉnh núi Tam Phong (Ba Chon) rồi cùng thác trên núi.

DUYNG NƯỚC, DUYNG ĐÌNH

Tương truyền một người tên là Dương Đạo, tổ tiên vốn người ở Chợ Trại thuộc Hoan Châu, ông ngụ cư ở Xích Đằng phủ Khoái Châu đạo Sơn Nam mới có hai đời, vợ ông là Phan Thị Nga người Xích Đằng. Vợ chồng duyên hợp uyên ương, hài hòa cảm sắt, ông làm nghề chữa thuốc, những ai là người nghèo khổ mà ốm đau đều bốc thuốc cho không. Ông bà sinh được hai con chỉ thích múa gươm cưỡi ngựa. Ông cùng bà Phan Thị tâm sự: *“Nhà ta hiền lành mà các con đều không phải là đứa khá giả sau này, hay là ta hãy đi cầu trời phật xin lấy con hiền để cửa nhà rạng rỡ, há chẳng tốt đẹp sao”*. Ông bà bèn đến chùa Hương Tích huyện Hoài An, phủ Ứng Thiên cầu tự. Ông bà nằm cầu mộng tại chùa suốt cả một đêm mà chẳng thấy báo ứng gì hết, trong bụng cho là phật chẳng linh thiêng. Ông bà liền trở về nhà, trên đường về mới đi đến đất Tư Viên, bỗng thấy trời đất tối sầm lại, gió mưa kéo đến, vợ chồng ông vào trọ ở chùa Tư Viên, đến cuối canh ba, ông

chiêm bao thấy trên chùa có ánh hào quang đỏ rực, có tả hữu bát bộ kim cương. Thập bát La hán truyền lệnh cho ông: *"Nhà ngươi là người phúc hậu, trời đã định cho một vị thủy thần và một vị long thần đầu thai làm con. Hai người con này sau làm nên sự nghiệp, xứng đáng là những người con hiền của gia đình"*. Truyền lệnh xong, thấy có một vị thần dẫn người đàn ông đi từ ngoài bến Tư viên vào đưa đến cho Dương Đạo. Lại nghe thấy tiếng Ngọc hoàng phán: *"Cả vị long thần. Ở chùa này cũng cho xuống làm con họ Dương"*. Vị nào vị ấy đều lạy tạ lãnh mệnh và đi theo ông. Về đến nửa đường, có một ông quan cầm một bài thơ đưa cho ông, trong chiêm bao mở ra thấy bốn câu thơ rằng:

"Long thần cùng với Thủy thần,

Lòng trời đã định dành phần họ Dương.

Xuống trần trừ khử tai ương,

Cứu dân hộ quốc danh lừng gần xa".

Xem xong bốn câu thơ, ông chợt tỉnh chiêm bao, bèn lạy tạ Phật rồi về. Được ít lâu, Phan Thị có mang, thời gian có mang là mười hai tháng đến ngày mười lăm tháng tám năm Canh dần đẻ ra một bọc hai con trai, tướng mạo kỳ lạ: mắt phượng mày ngài, mặt vuông trán bóng, được năm ngày, cha mẹ đặt tên cho con cả là Nước, con thứ hai là Đình. Đến năm hai ông lên năm, Tô Định bèn vời Dương Đạo phong cho làm quan ở huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai thuộc đạo Sơn Tây, nhận chức vừa ba năm Tô Định biết Dương có hai con là Nước và Đình tuy còn nhỏ tuổi mà đã đầy đủ trí khôn, bèn đặt mưu vu cáo cho cha con Dương tích lũy binh lương âm mưu làm phản,. Tô Định đem quân đến vây huyện thành bắt Dương Đạo ra chém đầu thị oai. Bà Phan Thị vội dắt hai con là Nước và Đình lên ra cửa sau chạy thoát, đi về đến thôn Tư Viên thì trời đã xế chiều, bà liền dắt hai con vào trọ ở chùa. Đêm ấy chớ ở thôn Tư Viên sửa suốt đêm không ngớt. Nhân dân đều chiêm bao thấy Trung Thành đại vương ngự ở trong cung, triệu tập nhân dân đến họp và bảo: *"Có hai người con họ Dương vốn là Thủy thần và Long thần giáng sinh, sau này sẽ làm thành hoàng ở Mai Viên. Nay bị nạn phải đến đây ẩn náu, dân chúng phải làm lễ chào mừng và tìm cách bảo vệ cho được nếu không thì sẽ xảy ra tai biến tạt dịch, đến lúc ấy hối cũng không kịp"*. Nhân dân tỉnh mộng, bảo nhau ra chùa thăm xem sự thật thế

nào. Đến chùa, thấy bà Phan Thị và hai con đều nằm ngủ. Trong khi đang ngủ, một người mặt đỏ rực như mặt trời, nhân dân thấy thế cả sợ, bèn trở về làm lễ thì Phan Thị và hai con tỉnh giấc, người mặt đỏ lại biến ra trắng, dân rất lấy làm lạ, cùng nhau làm lễ chào mừng và thuật lại điềm báo mộng của Trung Thành đại vương. Họ tự nguyện xin hai ông nhận cho mình được làm tôi con, hai ông đồng ý với lời xin xuất phát từ lòng thành kính ấy. Họ khẩn khoản mời bà Phan Thị cùng hai vị ở lại trông coi chùa và đèn nhang thờ phật. Được chôn nương thân để lánh nạn, hai ông học kinh niệm phật cho khuây nổi lòng. Sau vài ba năm, hai ông về học ở trường Phúc Thắng tiên sinh tại Xích Đằng, học rất thông minh, người đương thời khen ngợi là hai vị thần đồng. Mối thù Tô Định giết cha khiến hai ông như người nằm trên đống gai và nếm m mật đắng không lúc nào quên. Một hôm nghe tin có chị em họ Trung khởi binh ở Hát giang thuộc đạo Sơn Tây, hai ông tìm đến thì chẳng may thân mẫu Phan Thị từ trần, hai ông làm lễ an táng và để tang ba năm. Sau đó họ đến bái yết Trung nữ vương ở Hát giang. Trung vương thấy hai ông tướng mạo đường đường, thân trường tám thước sức địch muôn người, cả mừng phán: *"Trời vì nước ta đốc sinh hiền tài phò tá, nhưng sao mà gặp gỡ muộn thế?"*. Vương bèn sai hai ông về đạo Sơn Nam phủ dụ nhân dân, chiêu binh mãi mã, hai ông vâng mệnh trở về trang Tư Viên thiết lập hành cung, một mặt truyền hịch đi các phủ huyện chiêu dụ các anh hùng hào kiệt đồng tâm báo quốc, diệt giặc hung tàn. Khi ấy bốn phương nghe lệnh hưởng ứng, chỉ khoảng vài ba tuần đã được ba vạn người đến họp tại cung Tư Viên. Hai ông dùng một số trai tráng thông minh khỏe mạnh làm gia thần. Hai ông tiến quân đến cửa Hát giang hội binh với Trung Vương. Vương phong ông Nước làm Tiền bộ đô đốc kiêm thủy tào đại tướng quân, ông Đình làm Thống lãnh nguyên soái, chia đường cùng tiến đến thành của Tô Định đánh nhau một trận, khí thế nghĩa quân mạnh như chẻ tre, Tô Định thua to đã phải dền tội. Vương khôi phục được hơn sáu mươi thành tự lên làm vua, phong cho ông Nước và ông Đình được dùng đất Khoái Châu làm chỗ ăn lộc của mình. Hai ông về cung Tư Viên mở tiệc khao thưởng mừng công, có bao nhiêu bổng lộc do nhà vua ban đều đem tán phát cho người nghèo khổ, lòng nhân nghĩa thấm sâu vào dân, quan hệ giữa hai ông và dân thật là gắn bó. Một hôm cùng ngồi ở hành cung, trời bỗng tối mù mịt, nước sông dâng lên, các loài thủy tộc như thường luồng, sấu, mập, rùa, ba ba đều chầu vào hành cung của hai ông. Ông Nước xuống sông tự hóa. Ngay lúc ấy, ông Đình mặt tự nhiên đỏ rực như mặt trời mọc, có một con rết sáng loang loáng tự trong mình ông thoát ra và biến mất. Ông Đình cũng hóa.

Nhân dân dâng biểu tâu lên Trung Vương, Vương phong ông Nước là Bên Nước đại vương, vì ông hóa ở bên nước, phong ông Đình là Đương Đình đại vương, vì ông hóa ở trong cung. Một mặt truyền cho dân Tư Viên lập miếu phụng thờ muôn đời hương hỏa.

BẠCH NGỌC, LƯƠNG TU, NHA TAM NƯƠNG

Thập kỷ 20 thế kỷ I, ở Châu Hoan, quận Cửu Chân, có ông Bạch Hồng, tài kiêm văn võ, được phủ đô hộ nhà Hán bổ chức Huyện lệnh, ông đem vợ là Trương Thị đến nhận chức ở Bình Hải. Bạch công làm quan rất thanh liêm, lại hay che chở dân lành, tránh sự đàn áp của giặc Hán. Một hôm Bạch công mộng thấy cùng vợ là Trương Thị đến một nơi cung điện nguy nga, có người cho một cái ngọc tê, ông vừa cầm lấy ngọc tê thì giật mình tỉnh dậy, từ đó bà Trương Thị có thai, đến ngày mồng hai tháng hai năm Bính Tý sinh được một con trai, ông bà đặt tên là Bạch Ngọc. Được vài năm bà Trương Thị qua đời, Bạch công xin từ quan nhưng phủ đô hộ không ưng thuận, ông đành phải lấy một người con gái cũng họ Trương, tên là Thái Nương năm ấy đã 39 tuổi, quê ở Bình Hải làm vợ kế để trông nom Bạch Ngọc. Một đêm bà Thái Nương mộng thấy bắt được chim sẻ mà có mang đến ngày 16 tháng hai năm Mậu dần sinh một con trai, Bạch công đặt tên là Lương Tú, năm sau bà Thái Nương lại mộng bắt được con chim có ngà, rồi có thai, no ngày đủ tháng sinh được một nàng con gái, đặt tên là Nha Tam Nương.

Niên hiệu Kiến Vũ thứ 10 (34) đời vua Hán Quang Vũ, việc nộp cống về Lạc Dương thường chậm trễ và thiếu hụt. Vua Hán nổi giận hỏi Thái thú Tích Quang sai Tô Định sang thay.

Tô Định là tên quan gian ác, xảo quyệt, cho rằng việc thuế cống chậm hụt, chính vì Tích Quang nặng về đức trị, nên đặt chân sang Giao chỉ, Tô Định đã hạ lệnh các huyện bắt dân phu tu sửa thành trì kiên cố, tăng cường bắt lính người Việt ghép vào các đội quân Hán. Sau một thời gian, Tô Định có một lực lượng quân sự lớn mạnh, y bắt đầu thi hành chính sách đàn áp khốc liệt, vơ vét vàng bạc châu báu của các quan lại người Việt. Quan Huyện lệnh

Bình Hải không có vàng bạc đút lót để chiều lòng Tô Định, lại thường đấu tranh giảm nhẹ lực dịch cho nhân dân, Tô Định căm ghét Bạch công, mới lừa ông về phủ đô hộ bắt mà giết đi, tùy tòng có người trốn thoát phi báo tin dữ về Bình Hải. Công tử Bạch Ngọc vội vàng đưa kế mẫu, và hai em lên đến ẩn ở động Hương Sơn. Bà kế mẫu buồn rầu lo nghĩ nhiệm bệnh qua đời. Việc chôn cất xong xuôi, anh em chia nhau đi các nơi kết giao với những người hào kiệt mưu sự chống Hán.

Năm 40, Trưng Trắc khởi nghĩa ở Mê Linh, ba anh em Bạch Ngọc đem thủ hạ đến quân doanh yết kiến được bà Trưng lưu làm tùy tướng trong đạo trung quân. Sau khi đánh đuổi Tô Định, thu phục 65 thành ở Lĩnh Nam, Trưng Trắc lên làm vua, phong em là Trưng Nhị làm Bình khôi công chúa, các tướng tá đều được phong thưởng thứ bậc khác nhau. Bạch Ngọc được phong Đại tướng quân, trấn giữ Bình Hải, Lương Tú được phong Phán quan, Nha Tam Nương được phong là Công chúa.

Năm 42, vua Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, Phù lạc hầu Lưu Long, và Lâu Thuyền tướng quân. Đoàn Chí mang hơn trăm viên tùy tướng, 2 vạn tinh binh, 2000 xe và thuyền chiến sang xâm lược, đánh thắng quân ta một trận lớn ở Lãng Bạc, Trưng Vương lui về Cẩm Khê rồi hy sinh ở sông Hát. Phán quan Lương Tú và Nha Tam Nương công chúa thoát khỏi vòng vây đem tàn quân chạy về Bình Hải. Quân Hán tiến xuống vùng Thần Đầu, giao chiến với ba anh em Đại tướng quân Bạch Ngọc. Quân Việt ít không cưỡng nổi, mới rút chạy về đóng ở vùng Hậu Lộc, quận Cửu Chân. Quân Hán bình định vùng Thần Đầu rồi tiến quân vào quận Cửu Chân, giao chiến với ba anh em Đại tướng quân Bạch Ngọc. Quân Việt tan vỡ, ba tướng đều bỏ mình vì nước, hôm ấy là ngày mùng 10, tháng bảy năm Nhâm ần (42).

Nhân dân VĩnhLộc (Vĩnh Bình) nhớ ơn Đại tướng quân Bạch Ngọc khi được hưởng thực ấp Bình Hải đã miễn các loại tô thuế mới xây đền Ba anh em Đại tướng quân.

NGUYỄN MINH, NGUYỄN TRỰC

Triệu Đà diệt Thục An Dương Vương lên làm vua lập ra nhà Triệu. Truyền năm đời vua được non một thế kỷ, sau bị nhà Tây Hán xâm lược và thôn tính. Đến đời Quan Vũ nhà Đông Hán, Tô Định sang làm thái thú Giao Chỉ, y là kẻ cực kỳ tàn bạo, cho nên dưới quyền cai trị y dân cực kỳ khổ sở. Hồi ấy có người con gái dòng họ Hùng Vương trước kia tên là Trưng Trắc với em gái tên là Trưng Nhị đều là bậc hào kiệt trong làng nữ lưu, phát cờ khởi nghĩa đánh Tô Định. Trước đó, ở xã Đông Quan, huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín có người tên là Nguyễn Quang vợ là Đào Thị Quế vốn nhà giàu có, song vì làm phúc mà đến nỗi gia tài khánh kiệt, vợ chồng đem nhau đến xóm An Khê, xã An Viên dựng ba gian nhà tranh bốc thuốc cứu nhân độ thế, bà Quế thì lấy nghề bán dầu và nước trà làm kế sinh nhai, chỉ trong vòng sáu bảy năm, gia tài lại trở nên giàu có. Vì là người phúc hậu nên có tín nhiệm với dân, dân bầu ông Quang làm hào mục trong huyện. Tiền tài và danh vọng, ông bà Quang đều không thiếu, song chỉ thiếu một đứa con trai để thừa kế tông đường, cho nên ông bà rất lo. Để thay đổi được số trời, ông bà lại đem quá nửa gia tài ra làm những điều nhân đức như cứu người nghèo đói ốm đau, nuôi người già không nơi nương tựa và bắc cầu dựng quán, t sửa đình chùa những nơi đổ nát, đồng thời lập đàn cúng tế cầu phúc. Một hôm ông Quang nằm mơ thấy hai con rồng đen hóa làm vị thần tướng đưa cho ông hai đứa trẻ con và bảo: *“Nhà ông phúc hậu trời đã chứng tri, nay cho hai đứa trẻ này đầu thai vào làm con sau này chúng sẽ làm nên sự nghiệp rạng rỡ gia đình...”* Bỗng có tiếng sét nổ bên tai khiến ông giật mình tỉnh dậy. Từ đây Đào Thị có thai mười hai tháng, đến mồng một tháng giêng năm Đinh mùi đau bụng trở dạ, mãi đến đầu giờ dần ngày mồng bảy tháng ấy mới đẻ được một cái bọc có hai đứa con trai rất khôi ngô tuấn tú, bèn đặt tên cho cậu cả là Trục, cậu hai là Minh.

Ông bà Quang mở yến tiệc mời dân làng và hàng tổng hàng huyện đến ăn mừng hơn mười ngày, đến ngày mười hai tháng hai trời đất kéo mây đen sầm gió mưa sấm sét âm âm. Bỗng thấy một thiên thần từ trên trời xuống trao cho một thanh long đao và hai thanh gươm báu rồi nói: *“Trời trao vật báu này cho Trục và Minh để làm nên sự nghiệp giúp nước yên dân”*. Nói xong thần bay lên trời biến mất. Năm Trục và Minh chín tuổi, học ở trường Lý tiên sinh tại xã Đại Lan năm sáu năm, tinh thông bách gia chư sử rất thích luyện tập phương pháp dùng binh. Hồi ấy ở trại An Khê có một cái cống, người đời kêu là Quán Cống, nước chảy trong veo, bốn mùa không

kiệt, hàng ngày hai cậu đi học qua đấy thấy phong cảnh đẹp, bèn bảo người làng dựng ba gian nhà tranh làm học đường dạy trẻ học.

Năm hai người hai mươi tám tuổi, họ bèn chiêu mộ quân binh, riêng xã An Khê cũng có năm chục người theo làm gia thần. Hai ông đem quân đến miền Hát Giang vào bái yết Trung Vương. Vương lấy làm hài lòng về tài năng thao lược của hai ông, bèn sai đi phủ dụ hào kiệt ra giúp nước. Hai ông tuân lệnh về phủ dụ nghĩa quân ở bản phủ và đem số quân này về yết kiến Trung Vương. Sau đó Vương cho phát hịch đi khắp các nơi, dân chúng đồng tâm hướng nghĩa, số quân là hơn bảy vạn người đến hội ở Hát Giang, làm lễ tế trời đất trước giờ ra quân. Trung Vương tuyển danh tướng nào có mưu trí để đóng vai phũ bán dầu, chỉ có hai ông mặt mũi tuấn tú, vương liền ban cho khăn yếm cải trang làm hai cô gái đi bán dầu. Hai ông cải trang gánh dầu đi bán rong, theo sau là quân sĩ trùng trùng điệp điệp túc trực xa xa. Tô Định nhìn thấy hai cô gái bán dầu, liền sai quân sĩ đòi vào, Định nói: *"Hôm nay may gặp hai vị quý nương, đó là lòng trời xui nên..."* Hai ông nom thấy quân sĩ của mình đã lạng lẽ tiến đến gần bèn rút thanh gươm ra chém Tô Định làm ba đoạn quẳng xuống sông Hát Giang. Trung Vương lên làm vua, phong thưởng tướng lĩnh. Hai ông được phong là Khai Quốc chính trực đại vương và Phụ Quốc Đức Minh đại vương. Hai ông mang sắc phong về trại An Khê, nhân dân toan giết trâu bò làm lễ chào mừng, hai ông từ chối nói: *"Trâu bò là vật cày ruộng, nhân dân được no đủ là nhờ nó, nước giàu mạnh cũng là nhờ sức của nó. Cớ sao đem con vật có công ra giết hại? Ta không nỡ ăn"*. Nhân dân nghe nói đều khâm phục bèn làm cỗ chay dâng tiến, vì thế sau này nhân dân làm lễ cúng hai ông chỉ dùng bánh dày oản quả. Trung Vương làm vua ba năm, Quang Võ nhà Hán sai Mã Viện đem quân sang đánh. Hai Bà thua, lui quân về giữ Cẩm Khê; cuối cùng phải nhảy xuống sông Hát Giang tự sát. Lúc ấy ông Trực và ông Minh chỉ còn hai mươi tám gia thần bị hãm trong vòng vây của giặc.

Trong lúc nguy cấp, bỗng xuất hiện một toán binh mã từ trên trời đi xuống, sáng rực hào quang. Một vị thiên thần nói: *"Hai tướng quân người Nam vốn là bả thụ thiên đình giáng sinh trần thế, nay thiên đình phái thiên binh thiên tướng xuống phò trợ hai ông giải thoát nạn này"*. Dứt lời, vị thiên thần thổi ra trận gió, trời đất tối sầm lại, gió mưa sấm sét cuốn đến ầm ầm, quân Hán hoảng sợ, không dám truy kích hai ông, do đó hai ông chạy thoát về đến cố cung An Khê nghỉ ngơi. Một hôm hai ông mời nhân dân

đến ban cho 5 nén vàng lưu làm của hương hỏa mai sau. Sau đó hai ông xuống thuyền tắm ở cửa ngòi Cống Khẩu. Trong lúc đang tắm, trời bỗng kéo mây đen kịt góc trời, dưới nước cuộn sóng âm âm, trên trời sét rung động, hai con rồng đen hiện ra rồi hóa ra hai người bay lên không trung đi mất, chỉ còn áo mũ trút lại cạnh đường, chốc lát kiến mỗi xông đất phủ lên thành mả. Nhân dân bèn dựng miếu thờ. Đến đời vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh Minh xâm lược, hai ông hiển linh giúp nước. Vua Lê chuẩn y cho thôn An Khê xã An Viên phụng sự và truy phong duệ hiệu Khai Quốc tể Thế chính Trục đại vương và Phụ Quốc An Dân Đức Minh đại vương.

NGUYỄN TRUNG

Tương truyền ở bãi Kim Lan huyện Siêu Loại phủ Thuận An xứ Kinh Bắc có một vị quan trường là Nguyễn Thanh, vốn là một gia đình hào phú, nền nếp thi thư, lại có đức độ và chí khí nên dung nạp được rất nhiều người hào kiệt bốn phương. Tình hình trong nước lúc bấy giờ rất rối loạn, Nguyễn Thanh làm bộ chúa Sơn Nam, muốn chống lại nhà Hán nên ngầm chiêu tập anh hùng các nơi về. Một hôm ông đi chơi đến thôn Thiệu Phú, xã Liễu Cốc, tổng Tạ Xá châu Xích Đằng, thấy phong tục thuần hậu ông rất lấy làm mến người mến cảnh. Ông bỏ tiền của ra giúp đỡ người nghèo và khuyên bảo họ hướng về việc nghĩa. Trong làng có ông già họ Lý tên Hằng có cô con gái xinh đẹp tuổi vừa đôi tám. Nguyễn Thanh rất yêu mến ngỏ ý muốn lấy làm vợ. Ông Lý Hằng và dân bản đều rất vừa ý đẹp lòng.

Một đêm vợ Nguyễn Thanh chiêm bao thấy nuốt một con rết trên trời rơi xuống, bà liền kể lại với chồng. Nguyễn Thanh vui mừng nói: "Vậy thì hồng phúc nhà ta rất lớn, điềm lành ấy tất sẽ sinh con quý tử". Quả nhiên ít lâu sau Nguyễn phu nhân có thai. Đến ngày 10 tháng giêng năm Nhâm Tuất bỗng thấy hương thơm ngào ngạt, hào quang sáng rực, bà sinh hạ được một cậu bé khôi ngô tuấn tú. Năm lên ba tuổi, bố mẹ đặt tên cho cậu là Trung. Năm Nguyễn Trung 23 tuổi, Tô Định được Hán Quang Vũ cử sang làm thái thú quận Giao Chỉ. Thái thú Tô Định là một kẻ tham tàn, độc ác, dân chúng khắp nơi đều mang lòng căm ghét. Nguyễn Thanh là bộ chúa Sơn Nam tập hợp dân chúng lại phát cờ khởi nghĩa chống Tô Định nhưng quân ít lực mỏng nên bị thua ngay trận đầu. Tô Định đuổi theo giết chết được ông và còn giết chết cả vợ ông nữa - Nguyễn Trung may mắn trốn thoát đến ở nhờ

bà đi ở xã An Xá huyện Ngự Thiên. Nguyễn Trung mang mối cừu thù trong lòng thâm nung nấu ý định trả thù. Ông lập mưu tính kế bèn đến chùa Hương Long bạch với sư cụ xin được qui y. Nhà sư làm lễ Tam bảo thừa nhận và ban cho ông pháp hiệu Đạo Uẩn thiên sư. Từ khi Nguyễn Trung đi tu đêm đêm thường nằm mộng thấy tiên xuống luyện võ cho. Một đêm, Nguyễn Trung nằm ngủ trước cửa Tam Bảo, nửa đêm chiêm bao thấy một vị thiên quan cầm một lá thư trao cho ông và bảo rằng: "Ta vâng lệnh Ngọc Hoàng trao cho ông lá thư này". ông mở thư thấy có bốn dòng thơ, đại ý là: "Muốn rửa được thù báo hiếu cha mẹ thì hãy về đất Thiệu chờ đợi bậc quý nhân. Sông núi nước Nam đã được định phận rồi quân Tô Định nhất định phải thua". Ông tỉnh dậy biết đây là điềm chiêm bao trời phạt báo cho bèn làm lễ tạ chư Phật rồi về quê ngoại ở Phú Thiện. Ở đó có ngôi chùa nhỏ, Nguyễn Trung liền vào tụng kinh gõ mõ. Dân làng thấy chùa có sư bèn đến hỏi sư từ đâu đến. Nguyễn Trung đáp: "Đây là quê ngoại của tôi vì vậy tôi chẳng phải là người xa lạ. Còn việc tôi đi tu là để nhằm siêu độ tổ tiên thoát khỏi vòng luân hồi cực khổ".

Nguyễn Trung tu ở chùa Phú Thiện rất chăm lo đến việc đúc chuông tô tượng và đem tiền phát chẩn cho dân. Ông tuy tựa cảnh chùa song lòng phục thù vẫn nóng rục không lúc nào nguội. Ông ngầm liên kết với những người hào kiệt, tích lũy lương thực để chờ ngày khởi sự. Dân Phú Thiện hiểu rõ ý nguyện của ông đều tỏ lòng kính phục. Vì vậy cảnh chùa thanh tịch đã biến thành nơi tuyền quân náo nhiệt. Dân địa phương nô nức tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Trung. Ông hạ lệnh lập doanh trại ở xã Phú Thiện, cho giết trâu tế trời đất và tTrung Quốc đại vương. Ông đang định ra đánh nhau với quân Tô Định thì một đêm ông nằm chiêm bao thấy sao Đê Tạo xuất hiện ở phía Nam, nghĩ rằng thế nào cũng có Thánh quân giáng thế, chi bằng hãy ản nấu ở núi rừng chờ đợi thời cơ hành động. Hơn nữa quân của giặc Tô đang mạnh mà lực lượng ta chưa có bao nhiêu, "dục tốt bất đạt" chi bằng hãy cứ bình tĩnh chờ khi nào có sứ giả nhà vua đến hãy hay. ông bèn xem một quẻ bói, đoán biết chỉ trong vài ngày sẽ có mệnh vua đến triệu.

Hồi ấy ở đất Phong Châu có hai chị em là Trung Trắc, Trung Nhị phát cờ khởi nghĩa đánh Tô Định. Nghe tiếng Nguyễn Trung là bậc hào kiệt bèn cho người đến mời ông ra cùng hợp sức đánh giặc, phong cho ông làm đại tướng quân. Hai Bà Trưng truyền hịch mời các bậc anh tài khắp đất nước

hội tụ ở cửa sông Hát. Nhân dân khắp nơi nô nức hưởng ứng lời hiệu triệu của Hai Bà Trưng kéo đến xin đầu quân có tới mười vạn. Trưng nữ Vương cho lập đàn tế trời núi sông. Bà khẩn rằng: "Thiếp là một bậc nữ lưu nghĩ đến giang sơn xã tắc mà lòng đau đớn. Bởi tên giặc Tô Định lòng dâm dục, chính sự tàn ngược thả chí ngông cuồng, trời người cùng giận. Thiếp đây vốn dòng dõi Hùng triều đâu có thể cúi đầu làm thính mặc cho bọn giặc bạo ngược hoành hành. Cúi đầu cầu nguyện trời đất bách thần âm phù cho thiếp dấy quân đánh giặc giữ nước cứu dân, khôi phục lại giang san".

Ngay ngày hôm ấy bà cho quân tiến đánh. Các nữ tướng đi tiên phong. Nguyễn Trung chỉ huy toán quân đi giữa, Trưng vương chỉ huy toán quân đi sau. Quân Tô Định thua to bỏ chạy tan tác, Tô Định phải đền tội. Quân ta bình định được sáu mươi lăm thành. Trưng Trắc lên ngôi vua, phong cho Trưng Nhị làm Bình Khôi công chúa. Các tướng lĩnh đều được phong thưởng, Nguyễn Trung xin Trưng nữ vương về quê được vua phê chuẩn và được ban 100 lạng vàng, 10 bộ áo gấm. Vua còn cho đất Thiện Phú là đất hưởng lộc khi sống và là nơi phụng thờ hương hỏa cho ông khi về già. Nguyễn Trung về quê, dân chúng nghênh đón rất trọng thể. Một hôm, bỗng trời đN tối tăm mưa gió sầm sập, dân chúng thấy có một con rết rất to bay từ trong mình Nguyễn Trung ra, vút lên trời. Vừa lúc đó có ba tiếng sét nổi dữ dội, mây đen tan hết, một luồng hào quang sáng rực bay vút lên không biến mất. Nguyễn Trung hóa trong lúc ấy. Dân đến xem thì thấy kiến, mối đã xông thành mả, dân dựng miếu thờ luôn tại đó.

LÊ THỊ HOA

Thế kỷ 1 ở làng Thượng Linh, huyện Thiên Bản, nay là thôn Thượng Linh, thuộc xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, có ông Lê Thái vợ là Dương Thị Tạo, sinh hạ được hai con trai, và ba con gái. Người con gái đầu lòng là Lê Thị Hoa, nhan sắc tuyệt trần, không những giỏi văn chương, mà lại rất sành nghề võ. Năm 18 tuổi nàng kết duyên với Mai Tiến người làng Bách Cốc cùng huyện Thiên Bản. Mai Tiến là một thanh niên anh tuấn học rộng tài cao, được thái thú Giao chỉ là Tích Quang mến tài ý muốn thu phục, nên thường thăm hỏi, nhưng Mai Tiến không chịu ra làm quan với giặc Hán. Mai Tiến nhà giàu có tính tình khảng khái, yêu thương nòi giống thấy người nghèo thì chu cấp, thấy người bị áp bức thì bênh vực, người bị

chính quyền đô hộ truy nã thì ông cho ẩn nấu trong nhà. Hai vợ chồng Mai Tiến ăn ở với nhau rất hòa thuận, sinh được bốn con trai là: Mai Viết Đạt, Mai Trọng Thỏa, Mai Văn An và Mai Đức Trí. Khi Mai Đức Trí 12 tuổi, nhằm đời vua Quang Vũ nhà Đông Hán, niên hiệu Kiến Võ thứ 10 (34), Tô Định sang thay Tích Quang làm thái thú quận Giao Chỉ.

Tô Định thi hành nhiều chính sách tàn bạo, cho bắt những người chống lại chính quyền đô hộ, đóng cọc trói ba người chm đầu gần nhau, đặt nồi gạo lên rồi nồi lửa nấu cơm, khi nồi cơm chín, da thịt những người bất hạnh thành than. Chúng hành hình kiểu dã man khủng khiếp này ở các phiên chợ để uy hiếp tinh thần dân Việt.

Trước cảnh thống khổ của nhân dân, dưới sự đàn áp dã man tàn bạo của giặc Hán, Mai Tiến trong lòng căm uất, thường tổ chức đi săn bắn trong vùng rừng núi lân cận, có ý định tìm nơi căn cứ để chống Hán. Một hôm thăm miếu Thừa tướng Lữ Gia ở núi Gôi, cảm khái lòng trung dũng chống Hán của thần, Mai Tiến đề lên vách núi một bài thơ:

Ngân ân tâm bất cải

Kháng Hán thị hùng hào.

Chí tôn Nam Việt tráng.

Trung đối Bàng sơn cao.

Tạm dịch:

Án bạc lòng không đổi.

Chống Hán tỏ hùng hào.

Chí khỏe gìn Nam Việt.

Lòng trung sánh núi cao.

Quân do thám đem việc gần đây Mai Tiến có hành vi chống lại chính quyền đô hộ và sao bài thơ đề ở miếu Lữ thần trình báo về phủ đô hộ. Tô Định bèn lừa mời Mai Tiến về phủ lỵ mà giết đi. Bà Lê Thị Hoa nghe tin chồng bị

hại, bèn tụ tập trai tráng họ Mai và dân làng Bách Cốc nổi dậy chống Hán, lại phát động khởi nghĩa ở Thượng Linh. Quân Hán ở huyện Thiên Bản đem quân tiến đánh nghĩa quân ở Bách Cốc, bà Lê thị Hoa dùng kế mai phục đánh thắng quân Hán một trận lớn, rồi rút về xây dựng căn cứ ở Thượng Linh.

Huyện úy Thiên Bản là Lưu Đại Ý và hơn 300 quân bị tiêu diệt ở làng Bách Cốc làm cho lòng người nô nức, người các nơi hưởng ứng theo về Thượng Linh; chỉ trong vài ngày, số nghĩa quân tăng hơn 2000 người. Dựa vào địa thế làng Thượng Linh ở giữa cánh đồng, nghĩa quân đắp nhiều đoạn lũy đất nổi các bờ tre quanh làng tạo một tòa thành kiên cố, lại đào một con hào sâu rộng bao quanh, con đường vào làng có cổng lớn án ngữ, cổng làng đắp đất ngoài ghép đá hộc, trên có vòm lâu đặt cung nỏ, gạch đá, cánh cổng đóng bằng nhiều lớp tre già, mé trong cọng rào nhiều lớp cánh gà, phòng khi giặc phá được cánh cổng, nghĩa quân sẽ từ trong lớp cánh gà dùng giáo dài diệt chúng.

Huyện lệnh Thiên Bản nghe tin dữ Huyện úy và toàn quân bị tiêu diệt ở cánh đồng làng Thượng Linh thì cả sợ, y ra lệnh giới nghiêm đóng chặt các cổng thành. Một mặt viết văn thư bẩm về phủ Đô hộ, một mặt gửi thư vào quân Cửu Chân cầu viện. Quận úy Cửu chân là Lưu Đại Hải vốn là em ruột Lưu Đại Ý, đang đóng ở huyện Võ Thiết, tiếp được văn thư cầu cứu của huyện lệnh Thiên Bản. Qua vài hôm Tô Định sai con là Tô Long mang 100 quân về hội với quân Hán ở Thiên Bản và Cửu Chân tiến công Thượng Linh.

Bà Lê Thị Hoa cùng các tướng chỉ huy nghĩa quân đánh thắng giặc Hán nhiều trận. Biết không thể dùng quân lực nhanh chóng dập tắt cuộc khởi nghĩa giặc Hán dùng kế bao vây đóng đồn trại chặn các đường giao thông, mở nhiều cuộc khùng bố những làng chúng nghĩ có liên hệ với Thượng Linh.

Nghĩa quân Thượng Linh càng ngày càng bị thu hẹp địa bàn hoạt động, phải luôn luôn mở những trận đánh để dẫn vòng vây, nhiều tướng lĩnh lần lượt hi sinh, số quân mỗi ngày một giảm. Bà Lê Thị Hoa cử viên tướng trẻ là Trần Đạo quê ở Thượng Linh, cải trang đi các nơi chiêu mộ :nghĩa sĩ để bổ sung lực lượng. Mùa lúa chín giặc Hán thả ngựa phá đồng lúa, lại cho quân gặt những mảnh ruộng xa chiến lũy ngoài tầm tên bắn.

Để có lương ăn, nghĩa quân Thượng Linh phải mở cổng làng xông ra cánh đồng hỗn chiến và cướp lúa. Máu nghĩa quân Thượng Linh hòa máu giặc Hán đổ khắp cánh đồng, thóc phải đổi bằng máu. Một hôm đang hỗn chiến, giặc đem đại quân tràn vào làng qua cổng lớn, nghĩa quân chống lại mãnh liệt, đánh nhau giáp lá cà ở ngay những cánh gà trong cổng, gạch đá từ các điểm cao ném xuống, những bẫy cần tre bật tung xác chúng, tên giặc nào vào sâu thì sa xuống hố có nước vôi và bồ hóng. Xác giặc chết gổ lên nhau nghẽn cả lối đi. Quân Hán chết quá nhiều nên phải rút ra khỏi làng.

Sau trận chiến đấu ác liệt này, tuy vẫn giữ được làng, nhưng nghĩa quân bị thương vong nặng, lúa bị mất hết, căn cứ Thượng Linh trợ trợ ở giữa cánh đồng lúa tươi bởi tan hoang đẫm máu bốn phía quân Hán bao vây dày đặc.

Bà Lê Thị Hoa bồn chồn lo lắng, tính đốt ngón tay, nghĩa quân đã giữ căn cứ Thượng Linh tròn 8 tháng, qua bao trận giao tranh, số quân mười phần không còn một, lương ăn hết sạch, muốn cứu gỡ tình thế này, chỉ có cách rút quân, tìm nơi hiểm yếu xây dựng căn cứ mới, ấy là kế vẹn toàn, phải giữ lấy thực lực còn lại nhân nó lên cho mạnh, để đấu với giặc Hán keo khác.

Sau khi đắn đo suy nghĩ kỹ càng, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trai đem số quân còn lại, đang đêm đánh mở đường máu bỏ Thượng Linh, chạy vào vùng núi rừng Tam Điệp. Nghĩa quân len lỏi băng qua những khu rừng hoang nguyên thủy, núi cao vực thẳm âm u, thú rừng các loại vô vàn, đến một nơi hẻo lánh giáp bãi biển có nhiều doi đá nhọn mà thuyền bè ngoài khơi không đi vào được, lại có nhiều đầm phá, cá nước chim trời nhiều không xiết kể, vùng này còn có rất nhiều cây quang lang, bột thân cây làm bánh ăn chống đói.

Bà Lê Thị Hoa cho quân dừng lại, dựng trại làm nhà, đoàn người dựa vào nguồn thực phẩm tự nhiên mà sống. Họ tiếp tục vỡ hoang cấy lúa trồng ngô, đặt tên quê mới là “Yên Nội”.

Chư47;y 3 năm ở đây trở thành một ấp lớn, những lục lâm hảo hán, những người cửa nhà tan nát, kẻ mất vợ, người mất chồng vì giặc Hán ở các nơi kéo về ngày một đông, của cải ngày một lắm.

Bà Lê Thị Hoa một mặt khuyên dân chăm chỉ ruộng đồng, trồng gai dệt vải, một mặt tuyển lựa trai tráng chia làm ba đội, luyện tập võ nghệ đợi thời cơ

đánh giặc Hán phục thù rửa hận.

Năm 40 nghe tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh, bà Lê Thị Hoa cho bốn con trai làm Tả Hữu tiên phong đem hai đạo quân đi trước bà chỉ huy hậu đội theo sau. Từ vùng núi rừng Yên Nội ba đạo quân của năm mẹ con bà Lê Thị Hoa tiến ra chiếm vùng Thiên Bản. Với một ý chí phục thù tuyệt hận, thế quân mạnh như chẻ tre, quân Hán nghe tin đã bỏ chạy, không kịp giao phong, quân bà Lê Thị Hoa thừa thắng tiến thẳng về Luy Lâu hội với quân Hai Bà Trưng, bà Lê Thị Hoa được Hai Bà Trưng kính trọng. Cuộc khởi nghĩa thành công, đất nước sạch bóng giặc Hán. Bà Trưng lên làm vua, luận công phong thưởng cho các tướng sĩ, riêng năm mẹ con bà Lê Thị Hoa cố từ công nhận quan tước, chỉ xin được về Yên Nội khai hoang.

Bà Lê Thị Hoa lâm bệnh mất ngày 25 tháng 2 năm Nhâm Dần (43). Được tin bà mất, Trưng Vương rất thương cảm, sai quan vào tế điệu, tôn phong bà Lê Thị Hoa là: Từ Thiện phu nhân và lập đền thờ ở làng Yên Nội, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa.

NÀNG CÔN

Thời thuộc Hán ở Thượng khu, trang Đông Mạc, sau thuộc huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam nay là thôn Tráng Kiện thuộc xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định, có một người họ Phạm tên Khang, vợ là Trương Thị Đức, tuổi ngoài 40 mà chưa lần nào sinh nở. Một ngày nhàn hạ, bà Trương Thị Đức nằm nghỉ trong phòng, mộng thấy một người cho một bông hoa đang nở, từ đó mang thai, đủ ngày đủ tháng sinh hạ một nàng con gái, ông bà đặt tên con là nàng Côn. Lớn lên nàng Côn nhan sắc tuyệt trần, tứ đức gồm đủ thông hiểu cái môn cầm, kỳ, thi, họa, lại giỏi nghề cung kiếm.

Thái thú Tô Định nghe đồn về tài sắc của nàng Côn, mới cho người đến hỏi làm thiếp, Phạm công không bằng lòng gả con gái. Tô Định giận lắm tìm cách ghép Phạm công vào tội chết, bà Trương Thị buồn rầu sinh bệnh mà mất theo, vừa lúc đó tin Trưng Trắc tụ nghĩa ở Mê Linh, nàng Côn tìm đến yết kiến. Trưng Trắc hỏi nàng Côn về phương pháp dùng binh lược thao tam lược áp dụng với phương nam. Nàng Côn ứng đáp trôi chảy. Trưng Trắc thu

nhận nàng làm tỳ tướng rồi cử nàng về Sơn Nam mộ nghĩa binh. Nàng Côn dẫn 50 thân binh về quê nhà dựng cờ tụ nghĩa, trai tráng các vùng lân cận theo về rất đông, chưa đầy một tuần số quân khởi nghĩa đã lên tới hơn 2000 người, bèn xây đồn dựng lũy ở Thượng khu. Trung Trắc đánh đuổi Tô Định chiếm phủ đô hộ, nàng Côn mang quân bản bộ cùng nhiều toán nghĩa quân khác đánh chiếm các đồn quân Hán đóng ở vùng Sơn Nam. Đất nước sạch bóng quân thù, Trung Trắc lên ngôi, phong thưởng các tướng thứ bậc khác nhau, nàng Côn được phong làm Thục Côn công chúa, ban thực ấp ở vùng Mỹ Lộc ngày nay.

Năm Nhâm Dần (42) niên kiệu Kiến Vũ thứ 19, vua Hán sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, Phù lạc hầu Lưu Long và Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí mang đại quân chia đường thủy bộ xâm lược nước ta. Triều đình Trung Vương sai phái nhiều tướng lĩnh lên biên giới chống giặc. Hai bên cầm cự hàng tháng quân Hán không tiến được. Mã Viện ngầm chuyển nửa số quân bộ theo thủy quân vượt biển vào đánh thẳng quân ta một trận lớn ở hồ Lăng Bạc. Trung Vương lui về Cẩm Khê, quân Hán tiến lên, nhiều trận giao tranh lớn ở vùng này, và trận cuối cùng diễn ra trên bờ sông Hát Giang. Quân ta thua, Trung Vương cùng em gái là Bình Khôi công chúa nhảy xuống sông Hát Giang tự tận. Thục Côn công chúa cố sức đánh mở đường máu, dẫn toàn tàn quân len lỏi tìm đường, theo dòng sông Hồng đi về phía nam, quân đến Vị Hoàng thì bị quân Hán chặn đường. Thục Côn công chúa cùng quân Hán giao phong. Một đoàn thuyền quân Hán đang xuôi dòng sông Hồng, thấy hai bên kịch chiến, chúng dừng thuyền đổ quân lên bờ đánh vỗ vào sau lưng quân Giao Chỉ. Quân Giao Chỉ anh dũng chiến đấu chém quân Hán chết như ngã rạ, nhưng vì quả bất địch chúng, nên sau vài giờ chiến đấu toàn quân đều hy sinh, giữa vòng vây còn lại một mình Thục Côn công chúa. Công chúa uất hận hét lên một tiếng rung chuyển đất trời, quân Hán giật mình sợ hãi đứng lui ra xa, công chúa thừa thế xông vào hoa đao chém chết mấy tên, thoát khỏi vòng vây nhảy xuống sông để khỏi lọt vào tay quân xâm lược. Một ngày sau xác công chúa nổi lên, dạt vào cửa sông Vinh giang, nhân dân vớt lên an táng ở xứ Bến Trì và lập đền thờ ở quê hương và những nơi công chúa đã đóng quân, tôn làm phúc thần.

NÀNG NGA

Đời Đông Hán đô hộ nước ta, ở trang Đường Hào, huyện Đường Hào, bộ Dương Tuyền (Hải Dương), có ông Trần Thực vốn dòng hào trưởng bị sa sút nghèo nàn, ông đem vợ dời đến ở trang Dưỡng Mông, huyện Duy Tân, châu Lị Nhân, sinh được con trai là Trần Huy. Ớn lên Trần Huy kết duyên cùng Phạm Thị Đào, người trang Dưỡng Mông. Gần 40 tuổi bà Phạm Thị mới có thai 13 tháng sinh được con gái đặt tên là Nàng Nga - hôm ấy là ngày 15 tháng 8 năm Giáp Tuất (14).

Năm Nàng Nga 13 tuổi thì cha mẹ nối nhau qua đời, Nàng Nga theo về ở với bà dì (em mẹ) lấy chồng ở bờ sông Dâu, thuộc bộ Vũ Ninh.

Nàng Nga ở nhà dì giúp việc hái dâu, nuôi tằm kéo kén. Đến tuổi trưởng thành, Nàng Nga nhan sắc dịu hiền, cử chỉ đoan trang, tính khăng khái, lại có sức khỏe hơn người. Một đêm Nàng Nga chơi dưới ánh trăng trên bờ sông Dâu gặp một dị nhân truyền cho các môn võ nghệ.

Bấy giờ thái thú Giao Chỉ là Tô Định tham lam tàn ác, tô thuế nặng nề, thi hành nhiều chính sách nhằm đồng hóa dân ta, xóa bỏ tục Việt, áp dụng pháp luật Hán... Đẩy mạnh việc bắt dân ta lên rừng khai mỏ vàng, săn kiếm ngà voi, sừng tê, xuống biển mò ngọc châu, công việc này hại chết nhiều người, mà đời sau đã ghi lại trong bài sáng tác hịch đánh Tô Định (Thảo Tô Định hịch văn):

Khai kim Trường tắc hàn xâm nhân cốt, địch sắc thiết bì.

Thái minh châu tắc mô trích ly đầu, bách hành nhất phán

Nghĩa là:

Người tìm vàng rét buốt thấu xương, nứt ra đôi sắc.

Kẻ mò ngọc va chạm thương lòng, đi trăm về một.

Đau lòng trước cảnh lầm than cơ cực của nhân dân, Nàng Nga từ biệt bà di về quê nhà mưu việc khởi nghĩa chống Hán. Trở về Dưỡng Mông, Nàng Nga dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, trên cơ sở đó tuyên truyền tư tưởng chống Hán. Hơn một năm sau, Nàng Nga được ông Nguyễn Văn Bình và vợ là Mai thị Sáng hưởng ứng chiêu mộ trai tráng ở các nơi theo về gần 2000 người, bèn lập đồn lũy ở Ngoại khu thuộc trang Dưỡng Mông ngày đêm luyện tập võ nghệ. Vừa lúc nghe tin Bà Trưng khởi nghĩa, Nàng Nga đem quân bảo hộ về Mê Linh tụ nghĩa, được Bà Trưng phong Tỳ tướng phụ tá tướng Trưng Nhị. Sau khi đuổi Tô Định chiếm thành Luy Lâu, thu phục được 65 thành trong cõi Lĩnh Nam, Bà Trưng lên làm vua, phong Nàng Nga làm Nguyệt Nga công chúa, lưu lại ở triều đình giúp chính sự.

Mùa xuân, tháng giêng, năm Nhâm Dần (42), nhà Hán sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, cùng Phù lạc hầu Lưu Long, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí, mang hơn trăm tỳ tướng, hai vạn tinh binh, hai nghìn xe và thuyền chiến sang xâm lược nước ta. Triều đình sai nhiều tướng mang quân lên biên giới. Hai bên cầm cự hàng mấy tháng, giặc Hán không tiến lên được. Mã Viện chia một nửa thuyền vượt biển tiến vào đánh thắng quân ta một trận lớn ở hồ Lãng Bạc. Trưng Vương lui quân về Cẩm Khê và hy sinh trong một trận đánh trên bờ sông Hát. Nguyệt Nga công chúa chạy thoát vào vùng rừng núi, sau đó thu thập được vài trăm quân thất trận lên kéo về đóng ở khu Lương Đống một nơi hẻo lánh, gần trang Dưỡng Mông nhưng thường ngày ít người qua lại. Ở đây Nguyệt Nga công chúa chia quân làm nhiều toán, dựng nhà cách một quãng xa bên các đường đi vào khu Lương Đống, cải trang thành xóm của cư dân, hàng ngày phát hoang trồng cấy, đào củ trên núi, săn bắn chim muông, lấy quả trong rừng, đánh cá trong khe dưới vực, nuôi dưỡng lực lượng đợi thời khôi phục.

Đầu tháng 9, năm Kiến Vũ (43), giặc Hán do thám được nơi Nguyệt Nga công chúa đóng quân, chúng đem đại quân bốn mặt giáp công. Lương Đống thất thủ, Nguyệt Nga công chúa hy sinh. Hôm ấy là ngày 9 tháng 9 âm lịch. Nhân dân Dưỡng Mông lập đền thờ Nguyệt Nga công chúa tôn là "Loa Tô" (Bà tổ dạy nghề trồng dâu nuôi tằm).

TRIỆU CÔNG TẶNG VÀ Ả RÒNG

Giữa thập kỷ 20, thế kỷ I, ở trang Cổ Viễn, quận Giao Chỉ, có một người họ Triệu tên gọi Công. Tăng, văn võ gồm hai, anh tài xuất chúng. Năm 19 tuổi cha mẹ nối nhau qua đời. Khi chôn cất cha mẹ được mồ yên mả đẹp, thì gia tài khánh kiệt, lại thêm tứ cố vô thân, mới thu xếp hành trang, đi chu du thiên hạ.

Cùng thời này, ở trang Mỹ Lộc, nay là thôn Mỹ Lộc, xã Việt Hùng, huyện Thư Trì, có ông Nguyễn Tuấn dòng dõi thế gia, vợ là Trần Thị Khương, 30 tuổi chưa một lần sinh nở. Một hôm bà mộng thấy rồng đen quấn quanh mình, từ đó có thai 12 tháng sinh hạ một nàng con gái, hình dung yếu điệu xinh đẹp tuyệt trần, nhân điềm nằm mộng thấy rồng mới đặt tên là Ả Rồng.

Năm Ả Rồng tròn 16 tuổi, nàng có sức khỏe phi thường, võ nghệ tinh thông. Một hôm vợ chồng Nguyễn Tuấn mộng thấy thần bảo:

- Ngày mai có quý nhân qua đây ông bà nên kén làm giai tể.

Sáng hôm sau, Nguyễn Tuấn sai quét dọn nhà cửa để chờ đón khách, mãi đến gần trưa vẫn không thấy người nào tới nhà. Nguyễn Tuấn nóng ruột bước ra ngoài cổng, thì chợt thấy từ xa đi lại một người uy phong凛冽, khí Vũ hiền ngang, ông mời vào nhà khoản đãi, hỏi han quê quán họ tên. Người đó xưng tên là Triệu Công Tăng và giải bày hoàn cảnh cô đơn không nơi nương tựa. Nguyễn Tuấn nghe xong động lòng thương cảm, lại nhớ lời thần mộng mới cho Triệu Công Tăng gá nghĩa trăm năm với con gái ông là Ả Rồng.

Bấy giờ thái thú Giao Chỉ là Tô Định tham lam tàn ác lại vô cùng hiếu sắc. Y nghe tiếng Ả Rồng tài sắc song toàn mà tâm hồn xáo động, mới bổ nhiệm Nguyễn Tuấn làm chức Huyện thừa huyện Thư Trì, nhưng ông từ chối viện cớ mình tuổi cao, lắm bệnh. Tô Định lại cho người về cầu hôn xin lấy Ả Rồng. Nguyễn Tuấn trả lời là con gái đã lấy chồng. Tô Định nổi giận dùng mưu bắt Nguyễn Tuấn giết đi. Ả Rồng vô cùng đau xót và căm phẫn mới cùng chồng là Triệu Công Tăng phát cờ khởi nghĩa chống Hán. Trong vài ngày trai tráng quanh vùng theo về hàng nghìn, họ chia thành đội ngũ luyện tập võ nghệ, đóng đồn trại ở rừng sù vệt khu Mỹ Bông.

Năm 39, cả bộ Giao Chỉ đâu đâu cũng mang hờn nuốt giận, hào kiệt nhiều nơi đốt tre mài thành mũi giáo, đập mảnh vại làm gươm, tiến đánh các

doanh trại giặc. Năm 40 Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh nhanh chóng giải phóng một địa bàn rộng lớn tiến vây Luy Lâu hệ thống đầu não của giặc Hán.

Triệu công Tăng cùng Á Ròng nhỏ trại kéo quân về Luy Lâu hội với quân Bà Trưng. Tô Định không chống lại được bị thua, y phải cạo râu, đổi áo giả làm tên lính trốn về nước.

Bà Trưng lên làm vua phong Triệu Công Tăng làm Đại tướng quân, phong Á Ròng là Bảo Chân Công chúa long nương phu nhân. Hai người dâng biểu xin về quê hương làm ruộng, lại xin miễn tô thuế cho trang Mỹ Lộc và khu Mỹ Bông.

Năm 42, Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, phù lạc hầu Lưu Long, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí mang hơn trăm tỳ tướng, hai vạn tinh binh, hai nghìn xe và thuyền chiến sang xâm lược nước ta. Đại tướng quân Triệu Công Tăng cùng Á Ròng nghe tin vội vã về triều cùng các tướng mang quân đi chống giặc ở miền biên giới. Hai bên cầm cự hàng tháng, giặc Hán không tiến lên được. Mã Viện bèn chia một nửa quân vượt biển tiến vào đánh thẳng quân ta một trận lớn ở hồ Lãng Bạc.>

Trung Vương lui quân về Cẩm Khê và hy sinh ở sông Hát. Nhiều đội quân còn lại ở biên giới bị bao vây. Triệu Công Tăng thấy Trung Vương đã mất, đại cục đã hỏng, bèn rút quân về xuôi. Quân đi đến núi Tiên Sơn, Hà Bắc bị quân Hán đuổi kịp, hai bên giao chiến dữ dội, Triệu Công Tăng xông pha trong trận mình bị trọng thương bèn đâm cổ tự sát. Á Ròng và Tỳ tướng Trần Thị Nguyệt đem tàn quân chạy lên ngọn núi, quân Hán kéo tới vây bọc mấy vòng tình thế vô cùng nguy ngập. Trần Thị Nguyệt khuyên Á Ròng cải trang lên ra khỏi vòng vây còn mình ở lại quyết tử chiến với giặc Hán. Đợi khi Á Ròng thoát khỏi trùng vây, Trần Thị Nguyệt đốc quân xuống núi, quân Hán bám sát sau lưng truy kích. Đến gần trưa gặp dòng sông rộng chặn đường, toàn quân tan rã, Trần Thị Nguyệt nhảy xuống sông tự vẫn.

Á Ròng lên khỏi vòng vây, đi suốt ngày đêm về quê nhà, bà phát tang chồng, đặt hiệu là: "*Thái thượng lang quân*".

Á Ròng huy động trai tráng Mỹ Lộc và Mỹ Bông lại đóng đồn quân ở khu Mỹ Bông, cắm cờ hiệu Đại tướng Triệu Công Tăng trên một cây cổ thụ thè

quyết lấy máu giặc Hán trả thù cho chồng (chỗ ấy sau có địa danh là cây Ông).

Một hôm có người báo xác một người con gái dạt vào bãi sông, Ả Ròng ra xem nhận ra đó là Trần Thị Nguyệt, mới sai quân vớt lên chôn cất ở khu Mỹ Bồng.

Sau khi quân Hán chiếm được phủ Đô hộ, chúng cho binh thuyền theo dọc sông Hồng, sông Đáy xuống phía nam, truy đuổi các toán tàn quân. Phù lạc hầu Lưu Long bao vây khu Mỹ Bồng.

Ả Ròng đem quân dựa vào đồn lũy giao phong với giặc, suốt từ giờ Mão đến cuối giờ Thân thì tử trận, quân sĩ toàn bộ hy sinh.

Đời sau có thơ khen rằng:

Trung dũ quân hề nghĩa dũ phu.

Tiết liệt danh tiêu chân Hán thù.

Long nương tuy tử danh do tại.

Vạn cổ phương danh Mỹ Bồng khu.

Tạm dịch:

Trung với vua vẹn nghĩa với chồng

Tiếng thơm còn mãi với non sông

Ả Ròng tuy mất danh còn đó

Mỹ Bồng còn lưu bãi chiến trường.

Nhân dân trang Mỹ Lộc lập đền thờ Triệu Công Tăng và Ả Ròng trên khu nhà của Nguyễn Công.

Nhân dân trang Mỹ Bồng lập đền thờ Triệu Công Tăng và Ả Ròng nơi ông bà đồn binh.

Lập đền thờ Tỳ tướng Trần Thị Nguyệt trên khu mộ của bà.

Ả Rông còn được làng Bông Điền lập đền thờ. Truyền thuyết nói trận chiến đấu cuối cùng bà giết rất nhiều quân Hán nên khi bà tử trận, chúng chém bà làm ba khúc. Mỹ Lộc, Mỹ Bông, Bông Điền - mỗi nơi an táng một phần, nên tục ngữ có câu:

Mỹ Lộc thờ đầu

Mỹ Bông thờ thân

Bông Điền thờ chân.

Thôn Mỹ Bông nay còn dấu tích: Cồn voi, Cồn ngựa, mộ bà Trần Thị Nguyệt, Mả Tàu nơi chôn quân Hán tử trận, cây ông... gần đây thôn bên thôn Mỹ Bông đào được ngôi mộ một tỳ thiếp của Mã Viện.

Khi Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Châu có đề ở đền Mỹ Bông câu:

Nhất gia trung liệt hiển Giao châu.

Một nhà trung hết rục rờ Châu Giao

Cuối năm Kỷ Ty (1389) Đô tướng Trần Khát Chân qua sông Hồng lên đền Mỹ Bông cầu thần âm phù đánh giặc Chiêm Thành. Ngày 28 tháng giêng năm Canh Ngọ (1390) Đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm ở Hải Triều, giết được vua Chiêm là Chế Bồng Nga, Đô tướng Trần Khát Chân tâu bày về linh ứng của thần, vua Trần sắc phong thần đền Mỹ Bông bậc Đại vương Thượng Đẳng. Từ đó về sau quốc đảo dân cầu thấy đều linh ứng, trải các triều đại đều có sắc phong.

NGỘ CÔNG VÀ NGA NƯƠNG

Tương truyền ở động Hoa Lư, huyện An Khánh, phủ Trường An, Châu Ái (Thanh Hóa) có người tên là Ngô Thông vốn là dòng dõi gia thế, đến đời Ngô Thông làm đến chức phủ doãn phủ Hà Trung, vợ là Võ Thị Trinh. Hồi ấy có một người tên là Phạm Cầu người động Nga Sơn huyện Thanh Sơn

phủ Hà Trung cũng làm đến chức thái phó ở đời Triệu Ai Vương, được bổ nhiệm ra làm bộ chúa Hải Dương, vợ là Trần Thị Đoan. Hai ông Ngô, Phồn bạn đồng song (bạn học) và làm quan cùng một triều, thân mật với nhau như môi với răng. Bấy giờ Ngô công (tức Ngô Thông) tuổi ngoài năm mươi, phu nhân Võ Thị tuổi ngoài bốn chục và bên ông là họ Phạm (tức Phạm Cầu) cũng khoảng từng nẩy tuổi đời mà chưa ai có con cái gì cả. Hai ông làm quan có nhiều nhân chính như: nuôi người già yếu, chẩn cấp cho kẻ nghèo khó, lấy đạo đức thay cho uy quyền, xét xử hình án công minh không có kẻ nào oan uổng, chuyên tâm mở mang việc học, chăm chú lo toan việc cày cấy, dâu tằm, cho nên dân được no ấm và hiểu biết những điều phải lẽ trên đời. Thời bấy giờ nhà Triệu đã suy, Ai vương hôn ám, Cù thái hậu dâm loạn, hai ông bèn cáo quan về nhà. Hai ông tuy nhà ở xa nhau, song thường thường qua lại giao du với nhau, cùng nhau chung hưởng cái thú thanh tao cầm, kỳ, thi, tửu. Một hôm hai ông lập đàn cầu cúng thiên địa bách thần giáng phúc cho lấy chút con để yên ủi cảnh già. Hai nhà giao ước với nhau: nếu hai bên đều sinh con trai thì cho chúng kết làm anh em; nếu một bên sinh con trai, một bên sinh con gái thì cho chúng kết duyên vợ chồng. Gặp thời loạn lạc, Ngô công đem gia đình lánh nạn ở động Nga Sơn, giả làm thầy chùa. Phạm công đem gia đình lánh nạn ở động Nguyệt Nham, làm thầy đồ dạy trẻ con học. Một đêm Ngô công chiêm bao thấy một vị thần nhân áo mũ chỉnh tề, phong tư đĩnh đạc, đến phán: Ta là long thần Ngộ Sơn. Hoàng thiên cho xuống làm con nhà ăn ở phúc hậu. Tôi xin đầu thai vào làm con ông.

Sau đó phu nhân có mang mười ba tháng, đến ngày hăm bốn tháng tư năm Bính Ngọ, trời đất nổi cơn mưa gió sấm sét dữ dội, phu nhân đẻ ra một cậu con trai có tướng mạo khôi ngô kỳ vĩ, mắt sáng lấp lánh như sao Bắc Đẩu, tiếng vang vang như chuông. Ai thấy đều cho rằng đó là đứa trẻ kỳ lạ. Còn Phạm công ở động Nguyệt Nham thì phu nhân cũng chiêm bao thấy mình bay lên cung trăng được bà Vương mẫu cho một cái gói lụa bằng khăn hồng, phu nhân lay tạ, đem vào trong trướng mở ra xem, thấy hai con ngài bay vào lòng phu nhân, sau đó có mang, đến ngày mười lăm tháng tám năm Bính Ngọ, trong nhà bỗng nhiên thấy ánh hào quang sáng rực, hương thơm thoang thoang từ xa đưa đến, khi ấy phu nhân sinh ra một cái bọc có hai cô con gái mặt như gương ngọc má phấn môi son, mày ngài rợp, bà con xa gần thấy thế đều tấm tắc khen là nàng tiên giáng thế. Qua một trăm ngày bên nhà Ngô công đặt tên cho con trai là Ngộ, bên nhà Phạm công đặt tên

cho cô lớn là Nga Nương, cô bé là Châu Nương. Năm hai nàng ba tuổi thì phu nhân tạ thế vào ngày 10 tháng 7, Phạm công phiền não thương khóc, làm lễ an táng phu nhân ở động Nguyệt Nham. Sau đó quân Hán đi tầm nã, ông nghĩ nếu không cao chạy xa bay thì làm sao mà giữ gìn nuôi nấng được đứa trẻ mồ côi này. Ông chợt nhớ đến trang Trung Hòa, huyện Đường Hào, phủ Thượng

Hồng là một nơi có thuần phong mỹ tục, hồi còn trị nhậm Hải Dương ông đã từng biết rõ, chi bằng đem hai con đến nương tựa nơi đây. Sau khi đã chuyển đến Trung Hòa nhân dân rất vui mừng, thu xếp chỗ dạy học cho ông. Ngày tháng thoi đưa, hai cô lên chín tuổi, Phạm công cho đi học, hai cô học rất thông minh. Các nhà hào trưởng ở địa phương này hễ ai muốn hỏi hai cô làm vợ thì kẻ ấy liền bị ốm đau, sau đó họ có lời đến tạ và xin lỗi thì bệnh khỏi ngay, từ đó họ bảo nhau: Hai cô con gái nhà Phạm tiên sinh ắt là thần tiên giáng thế, ai muốn sống muốn tất thì chớ có đùa bỡn cợt nhả mà mang vạ vào thân. Nói về gia đình Ngô công lánh nạn ở động Ngộ Sơn sinh hạ một con trai, năm lên mười một tuổi, học thông minh, tuy nhỏ tuổi mà đã có biểu hiện của một con người anh hùng hào kiệt. Hồi ấy nhà Hán sai Tô Định sang làm thái thú Giao Chỉ, y truy nã giết hại cừu thân nhà Triệu. Ngô công bèn chiêu mộ được năm sáu trăm người kết thành một phe chống nhau với các quan nhà Hán. Tô Định sai quân đến đánh. Ngô công kiên quyết chống lại chúng và chém được mười tên giặc, nhưng quân của Tô Định càng kéo đến đông, bủa vây ông trùng trùng điệp điệp ông bị chúng chém chết. Phu nhân mang con là Ngộ về ẩn náu ở động Hoa Lư, được ít lâu thì mất. Sau khi mai táng xong, Ngộ công đến thăm nơi cha chết trận ở Ngộ Sơn, đến nơi thấy người dân động đã đắp thành mã lớn. Ngộ công kêu khóc, xin linh hồn cha âm phù tế độ cho con trả được thù, Ngộ công trở về động nương nhờ nhà cậu được gần một năm. Hồi ấy quân của Tô Định thường qua lại nơi này, vả lại các nhà trong động cũng người thần phục Tô Định. Vì vậy Ngộ công phải tìm đủ cách để tự bảo vệ mình không bị sa vào lưới giặc mới có thể mưu đồ rửa hận cho cha, Ngộ công bèn đi tìm Phạm công (tức Phạm Cầu) ở động Nga Sơn. Đến nơi thì được người trong động cho hay ông Phạm đã di cư đến động Nguyệt Nham. Ngộ công liền tìm đến động Nguyệt Nham đến đầu làng thì trời chạng vạng tối, không rõ lối vào làng, bèn nằm nghỉ tại quán ở bên sông, ông cảm khái nên thơ.

Dấu cho nghìn dặm một thân,

Núi sông đâu chẳng là Xuân một nhà

Hiếu trung nổi tiếng gần xa,

Dưới trời thảy với dân ta đậm tình.

Ngâm thơ xong, Ngô công ngả lưng nằm nghỉ ngon giấc ở cái quán chơ vơ hẻo lánh trên sông. Đêm ấy nhân dân các họ ở Trung Hòa đều chiêm bao thấy một ông quan áo mũ chỉnh tề, cưỡi ngựa hồng, theo hầu khoảng hơn một trăm người, đi thẳng vào trong khu gọi các họ ra bảo: "Ta là bản cảnh long thần báo cho dân biết: Ở địa phận Trung Hòa này, trên thiên đình đã ấn định Ngô công làm phúc thần, hiện nay ngài đang trú ở trên sông, quân sĩ của ngài rất nhiều. Dân chúng gấp làm lễ mừng, nếu để chậm trễ có lỗi!". Nhân dân nghe nói đều sợ hãi liền đi theo long thần ra quán, thấy một ông quan tuổi trẻ, hình dung cao lớn chững chạc đang nằm ngủ trong quán, quân sĩ cầm cờ cầm kiếm đứng hầu hai bên nhiều không kể xiết. Long thần dẫn nhân dân đến làm lễ, trong khi hành lễ bỗng nghe thấy tiếng sét, họ tỉnh dậy thì trời vừa hửng sáng. Khi ấy trời nổi cơn mưa to gió lớn, nhân dân các họ cùng họp nhau đoán mộng. Họ kéo nhau ra quán thấy Ngô công vẫn còn nằm ngủ, nhìn hình dạng thì giống như ông quan họ thấy trong chiêm bao. Họ nhìn lên quán thấy có bốn câu thơ bèn cúi đầu làm lễ, khi đang làm lễ Ngô công chợt tỉnh, thấy dân đang lễ mình, ông ngạc nhiên không rõ sự thể ra sao, bèn hỏi: "Dân ta có việc gì mà lễ bái như vậy?" Họ thưa: "Dân chúng tôi nghe có vị phúc thần đến đây, cho nên ra đón rước về". Ngô công liền hỏi: "Ta nghe có Phạm công Cầu ngồi dạy học ở đây phải không?" Nhân dân dẫn Ngô công đến trang của Phạm công. Phạm công thấy Ngô công đưa con mô côi của bạn tìm đến với mình thì mừng rơi nước mắt, nhân đó ông thuật lại giấc chiêm bao linh hồn Ngô công về ứng hiện trước đây mấy hôm cho Ngô công nghe và đọc 4 câu:

Nghĩa đầy núi biển trời xanh,

Lan vàng thom ngát lưu danh ở đời

Dâu cho dâu biển chẳng đời,

Quyền nên chẳng cũng ở nơi huỳnh này.

Từ đó, Ngọ công xem Phạm công là thầy. Tuy là chỗ nương náu, sớm khuya học tập, song mỗi khi cầm bát cơm Ngọ công lại nhớ đến mối thù của cha. Một hôm Phạm công ngỏ lời cho Ngọ công biết trước kia hai gia đình đã ước hẹn với nhau nếu một bên sinh con trai, một bên sinh con gái sẽ gả cho nhau, Phạm công nói: "Bây giờ kẻ khuất người còn, song lời ước hẹn giữa ta với cha của cháu vẫn còn văng vẳng bên tai. Nay ta gả Nga cho cháu kết làm đôi bạn trăm năm. Thành hôn xong cháu sẽ trả thù cho cha cháu cũng được. Cháu hãy vui lòng nhận lời bác để vong hồn cha cháu ngâm cười nơi chín suối..." Nghe xong, Ngọ công sụp lạy Phạm công và tỏ ra vô cùng xúc động. Ngọ công cùng Nga Nương sánh duyên loan phượng khi mỗi bên mới có 17 tuổi đời. Ngọ công và Nga Nương cùng giỏi về tài văn chương, võ nghệ. Vợ chồng tâm đầu ý hợp, cùng nhau chiêu binh mãi mã tính kế trả thù cho cha.

Trước hết, ông bà tuyển được 72 người võ sĩ ở 3 khu thuộc thôn Trung Hòa làm gia thần. Riêng về phần Nga Nương cũng tuyển được 32 mỹ nữ là những cô gái khỏe mạnh, đẹp và dũng cảm làm thị vệ. Phạm công tuổi đã ngoài tám chục, cáo từ về động Nga Sơn nghỉ ngơi dưỡng lão. Phạm công cùng con gái là Châu Nương (em của Nga Nương) về động Nga Sơn. Học trò và vợ chồng Ngọ công tiễn chân Phạm công về đến Nga Sơn, sau đó Ngọ công cùng phu nhân trở lại đất Trung Hòa chiêu mộ quân sĩ được hơn một nghìn người. Ngọ công truyền cho gia thần tu sửa cái quán bên sông làm nơi hành cung. Phạm công về Nga Sơn được vài năm thì mất, thọ 82 tuổi. Ông bà Ngọ công về Nga Sơn làm lễ mai táng cho Phạm công rất chu đáo. Sau đó Ngọ công và phu nhân trở về Trung Hòa luyện tập quân sĩ và phiên chế cơ đội, phát cờ khởi nghĩa, song thanh thế và thực lực còn có phần nào chưa được đầy đủ nên chưa dám đương đầu chạm trán với giặc. Thời gian ấy có hai người con gái con quan lạc tướng Châu Phong, lớn là Trung Trắc, bé là Trung Nhị khởi nghĩa đánh Tô Định. Trắc tự xưng là Trung Vương, phong cho em làm Bình khôi công chúa, Trung Vương sai Trung Nhị truyền hịch đi khắp bốn phương để chiêu mộ anh hùng hào kiệt hướng nghĩa diệt thù. Ngọ công và Nga Nương đem một nghìn hai trăm quân bảo hộ theo sứ giả về bái yết Trung nữ Vương. Vương thấy tướng mạo Ngọ công và Nga Nương có những nét khá đặc biệt rất lấy làm vui mừng, bèn phong Ngọ công làm Tham tán quốc chính thượng tướng quân Ngọ phong hầu và phong cho Nga Nương là Thống lĩnh tả hữu nội vệ nữ tốt Nguyệt Nga công chúa. Trung Vương truyền cho quân sĩ đắp đàn cầu đảo

thiên địa bách thần âm phù tế độ giết giặc cứu dân cứu nước. Vương chỉ huy quân đội xông tới thành của Tô Định đánh một trận, giết được Tô Định tại trận chặt làm 5 đoạn, khôi phục được hơn sáu chục thành trì Lĩnh Biểu. Trưng Vương lên ngôi vua được ba năm thì nhà Đông Hán sai Mã Viện sang xâm lược nước ta. Trưng Vương sai Ngô công cầm quân đi đánh mấy trận liền chưa phân thắng bại. Một hôm Ngô công lên đỉnh núi Ngải Đồi, trời bỗng tối tăm, mưa to gió lớn kéo đến dữ dội. Ngô công hóa ngay lúc ấy. Sau ba hôm thì trời quang mây tạnh, gia thần lên núi thấy nơi ông hóa đã thành một cái mả lớn. Các viên tỳ tướng về tâu Trưng vương về tình hình Ngô công đã hóa, vương ban sắc phong là Ngô Ngải đại vương, sai gia thần của Ngô công truyền cho dân làng ở quê nội quê ngoại và nơi ông hóa lập đền thờ cúng. Quân Hán nghe tin Ngô công đã mất lấy làm mừng rỡ, liền mở một cuộc tấn công lớn. Trưng Vương phong cho Nguyệt Nga công chúa, phu nhân của Ngô công - chức Thống lĩnh tiền quân kiêm tri thủy bộ cầm quân đánh giặc. Nàng búi tóc mặc áo giáp, đội mũ cưỡi ngựa chiến, tay cầm hai thanh gươm xông vào trận địa nhà Hán. Nàng đánh với chúng năm sáu trận liền, nhanh như cắt, chém được hơn ba chục đầu tỳ tướng của giặc. Song quân Hán đông gấp bội và lại là quân đội thiện chiến. Quân Bà Trưng chẳng những ít về số lượng còn là đạo quân ít được tập luyện cho nên Hai Bà đã thua trận và hóa ở sông Hát Giang. Khi ấy gia thần của Nguyệt Nga công chúa chỉ còn khoảng vài chục người. Chạy về đến sông Thạch Trụ huyện Đông Ngạn nàng xuống chiếc thuyền nhẹ về đến con sông nhánh ở Trung Hòa, trời bỗng nổi cuồng phong, trong người nàng bay ra một cột lửa đến nhà hội đồng ở khu Trung Hòa rồi biến mất. Nàng hóa ngay lúc ấy, một số gia thần cùng đi với nàng cũng hóa nhân dân lấy làm sợ hãi, họ làm lễ cúng tế ở bên sông, đồng thời viết duệ hiệu Nguyệt Nga công chúa để thờ. Tương truyền hai vị rất anh linh, cầu mưa được mưa, cầu gió được gió.

CHU LIÊN, ĐỖ THỊ DUNG, ĐỖ XUÂN QUANG

Thời thuộc Hán ở làng Phi Hiến huyện Thiên Bản, nay là thôn Vây, thuộc xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, có ông Đỗ Hình là một người có danh vọng trong vùng, vợ là bà Trần Thị Nga, tuổi ngoài 50, mới sinh được một nàng con gái, đặt tên là Đỗ Thị Dung, bår là năm Canh Thìn (20),

đời Tân - Vương Mãng. Năm sau lại sinh thêm một con trai, ông bà đặt tên là Đỗ Xuân Quang. Lớn lên hai chị em học hành thông thái, lại có sức khỏe phi thường, giỏi cả văn lẫn võ.

Năm Đỗ Thị Dung 20 tuổi, Tô Định nghe đồn sắc đẹp của nàng, mới cho người đến cầu hôn. Ông Đỗ Hình không ưng thuận. Tô Định tức giận tìm kế vu cho ông Đỗ Hình phạm pháp luật đem bắt giam vào ngục rồi ngâm giết hại. Bà Trần Thị Nga nghe tin chồng mất trong lòng sầu thảm, nhiễm bệnh qua đời.

Hai chị em Đỗ Thị Dung căm giận chiêu mộ trai tráng được hơn 300 người khởi nghĩa chống Hán: lập căn cứ ở làng Phi Hiến, giữa cánh đồng nước mênh mông. Nghĩa quân ngày đêm ra sức luyện tập võ nghệ chờ dịp trả thù. Giữa lúc đó nghe tin bà Trưng khởi nghĩa, hai chị em Đỗ Thị Dung bèn đem quân lên núi rừng tiến về Mê Linh. Trên đường hành quân nàng gặp Chu Liên chỉ huy một toán nghĩa quân đóng ở núi An Sơn xứ Đoài. Ba người vừa mới gặp nhau đã tâm đầu ý hợp mới cùng nhau làm lễ kết nghĩa chị em. Chu Liên hơn tuổi được tôn làm cả, hai toán nghĩa quân đóng quân ở núi An Sơn hợp lại kéo về với Bà Trưng. Chu Liên, Đỗ Thị Dung, Đỗ Xuân Quang đều được phong tướng cầm đầu. Sau khi đuổi được Tô Định, Bà Trưng lên làm vua, phong tướng Chu Liên trấn thủ vùng Đại An (phủ Quốc Oai ngày nay), tướng Đỗ Thị Dung trấn thủ vùng Hiến Khánh (huyện Vụ Bản ngày nay), tướng Đỗ Xuân Quang làm quan tại triều đình. Cuối năm Tân Sửu (41), tướng Chu Liên từ Nhâm Sở về Hiến Khánh (huyện Vụ Bản ngày nay), thăm tướng Đỗ Thị Dung, về lễ từ đường họ Đỗ ở làng Phi Hiến, chẳng may mắc bệnh qua đời được an táng ở đây, phần mộ tướng Chu Liên gọi là "Mả Cả".

Mùa xuân, tháng Giêng, năm Nhâm Dần (42) nhà Hán sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, cùng Phù lạc Lưu Long mang đại quân chia hai đường thủy bộ sang xâm lược. Tướng Đỗ Thị Dung mang quân từ Hiến Khánh về triều chống giặc Hán. Trong trận quân thua ở hồ Lãng Bạ Đỗ Xuân Quang hy sinh tại trận, tướng Đỗ Thị Dung thoát khỏi vòng vây ruổi ngựa chạy về Hiến Khánh. Một số tướng lĩnh thoát chết trong các trận đem tàn quân chạy về phía nam dừng chân ở vùng này, họ đóng đồn trại liên nhau mưu việc khôi phục.

Mã Viện đem quân đuổi theo, một trận giao chiến xảy ra ở cánh đồng nơi các toán quân Giao Chỉ tập kết, Tướng Thị Dung đem quân ở Hiền Khánh ra tiếp ứng, nhưng vì quả bất địch chúng quân ta tan vỡ (nơi chiến trường nay mang địa danh Đồng đội).

Tướng Đỗ Thị Dung và một số thân binh sống sót dùng một con thuyền vượt cánh đồng về làng Phi Hiền, quân Hán bủa vây trùng trùng điệp điệp, con chim sẻ cũng khó bay qua. Tướng Đỗ Thị Dung tự biết không thể phá được vòng vây bèn dùng gươm tự sát. Quân xâm lược Hán thừa thế tiến vào Cửu Chân, nhân dân đem thi thể tướng Đỗ Thị Dung chôn cất mộ phần có tên là "Mã Đát". Dân thôn Phi Hiền tức thôn Vây ngày nay lập bàn thờ Bà tướng thời Trung vương, tôn làm Phúc thần thành hoàng đương cảnh.

ĐÌNH TRIẾT, CUNG CAI NƯƠNG

Vào thời Bắc thuộc, ở đạo Ái Châu, phủ Thiệu Thiên, huyện Hoảng Hoá, Trang Vĩnh Lộc có một quan lang bố đạo họ Hùng, húy Đức. Hùng Đức lấy vợ người họ Trần, ở cùng trang, hai vợ chồng sống rất hoà thuận. Vào một ngày mùa hạ nóng nực, hai ông bà ra sân ngồi hóng mát, nhìn ra con sông trong xanh trước nhà, bà nảy ra ý định xuống sông tắm. Trong khi bà đang mãi dả mình trong nước mát, bỗng một con giao long dài hơn một trượng từ đáy sông nổi lên quấn quanh người bà 3 vòng. Bà hoảng sợ kêu cứu, giao long thả bà ra lặn xuống đáy sông. Sau đó một tháng, bà thấy trong mình chuyển động rồi có thai, mãn nguyệt, bà sinh hạ được hai người con, một trai, một gái. Cả hai đều đẹp tựa tiên đồng ngọc nữ. Người con trai là Đình Triết, người con gái được gọi là Cung Cai. Hai ông bà yêu quý các con như châu ngọc. Khi lớn lên hai anh em được cha mẹ cho đi ăn học. Trưởng thành cả hai đều văn võ song toàn.

Sau khi cha mẹ qua đời, hai anh em xuống một con thuyền đi chu du khắp nơi tìm thiên địa. Một ngày nọ, thuyền đi qua xã Hương Cát huyện Tây Chân phủ Thiệu Trường, đạo Sơn Nam; họ thấy nơi đây vật thịnh dân an, có thể đất rồng vây hổ châu rất đẹp, hai người bèn quyết định dừng lại dựng nhà để ở, họ được nhân dân nơi đây rất quý mến.

Lúc bấy giờ, hai Bà Trưng đang đốc binh ở Hát Môn chống lại Tô Định. Hai bà thường cử người đi khắp thiên hạ chiêu dụ nhân tài. Biết tin hai anh em đưa nhau đến yết kiến Trưng Trắc. Thấy cả hai văn võ kiêm toàn, hai bà vô cùng mừng rỡ cử hai anh em thống lĩnh một đạo binh.

Sau khi Tô Định đại bại, Trưng Trắc phong cho người anh là Phù Quốc Địch Triết Đại vương và người em là Vua Bà Hoàng Hậu Cung Cai Đại vương.

Thiên hạ thái bình, hai anh em xin với Trưng Vương được trở về Hương Cát. Về Hương Cát họ tụ tập dân làng, mở tiệc khao thưởng rồi đem vàng bạc vua ban phân phát cho nhân dân. Sau đó, họ cho các bậc phụ lão trong làng biết mình là con vua Thủy Tề được cử lên giúp vua chống giặc, nay giặc đã tan xin được trở về Thủy quốc. Dân làng tiễn hai anh em ra bên sông, hai người xuống long thuyền, ra đến giữa sông rẽ một đường nước mà đi m filepos-id="filepos2360046">

NÀNG CỤC

Đầu thế kỷ I, ở làng Quán Các, huyện Giao Thủy, nay là thôn Quan Các, thuộc xã Tân Thịnh, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà, có ông Trình Mẫn, vợ là bà Phan Thị Đất, hiếm hoi sinh được mụn con gái, ông bà đặt tên con là Nàng Cục. Nàng Cục lớn lên, mặt hoa da phấn, mắt phượng mày ngài, nhan sắc tuyệt trần, lại thêm sức khỏe phi thường, bẻ gãy sừng trâu, đẩy thuyền trên cạn, tính tình chuộng võ. Năm 18 tuổi, Nàng Cục kết duyên với người cùng làng tên là Nguyễn Hình Lang. Năm 34, Tô Định sang làm thái thú quận Giao Chỉ, nghe tiếng đồn về tài sắc của Nàng Cục, mà xáo động tâm thần. Khi dò biết Nàng Cục đã có chồng, bèn mật lệnh cho huyện lệnh Giao Thủy tuyền chồng Nàng Cục và Nguyễn Hình Lang làm chức Huyện Thù, rồi tìm kế vu hãm mà giết đi, để toan tính bắt Nàng Cục về phủ Đô hộ.

Nàng Cục vô cùng đau xót và căm phẫn, mới mộ trai tráng ra lập đồn trại ở khu rừng xú, vệt đầu làng để chống giặc Hán.

Đồn quân gọi tên là "Qui Cục", có nghĩa là ai có hận thù, đau khổ với giặc ngoại xâm thì về với Nàng Cục. Người các nơi kéo về đứng dưới cờ nghĩa

có tới hàng ngàn. Họ chia thành đội ngũ, luyện tập võ nghệ, võ ruộng bãi cây cày lấy lương thực, chăn nuôi lợn vịt, đánh cá nuôi nhau.

Năm 39, cả quận Giao Chỉ, đâu đâu cũng mang hờn nuốt hận. Hào kiệt bốn phương, đốt cây tre mài thành dáo, đập mảnh làm gươm nổi dậy chống Hán. Bọn Huyện lệnh Châu úy có đem quân đi đánh dẹp, nhưng vấp phải sức chiến đấu dũng cảm của nghĩa quân, và lại cuộc chống xâm lược nổi lên khắp nơi, chúng lúng túng tự thủ, không có lực lượng cứu ứng lẫn nhau.

Năm 40, Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh, nhanh chóng giải phóng một địa bàn rộng lớn, tiến vây thành Luy Lâu, làm rung chuyển hệ thống đầu não của giặc. Quân Hán ở các quận huyện phải rút bót về bảo vệ phủ thành Đô Hộ. Thừa lúc quân giặc hoang mang dao động, Nàng Cự mang quân chiếm thành Giao Thủy, rồi thừa thắng truy đuổi tàn quân Hán ruổi thẳng về Luy Lâu hội quân với Hai Bà Trưng. Những cuộc nổi dậy ở các địa phương gặp thời cơ, tạo thành một thế tiến công giặc Hán mọi chỗ mọi nơi đồng loạt. Khi họ diệt xong các điểm quân sự của giặc ở các huyện thành, đoàn quân chiến thắng mạnh như nước vỡ bờ chảy về chỗ trũng, kéo về hợp binh dưới cờ bà Trưng Trắc, và giông bão lớn đã đổ xuống đè bẹp quân thù.

Chính quyền của bọn xâm lược phương Bắc, cắm sâu trên đất Giao Chỉ trên 200 năm, bỗng chốc tan tành. Tô Định phải vật rêu, cắt đứt búi tóc trá hình mới trốn thoát về Tàu, quân Hán bị diệt hoàn toàn.

Nàng Cự khi lâm trận thường mặc võ phục màu vàng, nên phong mỹ hiệu là: Hoàng Tur Cự nương công chúa.

Trung Vương cho các tướng về trấn thủ ở địa phương khi bắt đầu khởi nghĩa. Hoàng Tur Cự nương công chúa về Giao Thủy đôn quân và được thực ấp ở đây.

Năm Kiến Vũ thứ 19 (42) vua Hán Quang Vũ phong Phục Ba tướng quân Mã Viện làm đại tướng, cùng Phù lạc hầu Lưu Long và Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí, mang hơn trăm tỳ tướng, hai vạn tinh binh, hai nghìn xe, thuyền chiến sang xâm lược nước ta.

Cự nương công chúa mang quân bản bộ về Mê L được điều lên vùng Lạng Sơn chống giặc. Hai bên đánh nhau hàng tháng, quân Hán không tiến lên

được. Mã Viện chia quân một mũi tiến theo ven biển vào Lãng Bạc.

Quân ta ở biên giới phía bắc đều rút về để bảo vệ Mê Linh. Cự nường công chúa được Trưng Vương cho mang cờ tiết về phía nam mộ quân bổ sung lực lượng triều đình. Cự nường công chúa về Giao Thủy sửa sang đồn Qui Cực, phát lệnh chiêu mộ quân sĩ mời Bà Liệt ra làm Giám quân, ngày đêm luyện tập chuẩn bị để chi viện Trưng Vương.

Nhưng chẳng may quân ta thua lớn ở vùng Lãng Bạc, đại quân tan vỡ. Trưng Vương lui về Cẩm Khê và hy sinh ở dòng sông Hát.

Phù lạc hầu Lưu Long mang binh thuyền xuôi dòng sông Hồng tiến công đồn Qui Cực. Cự nường công chúa mang quân chặn giặc ở cửa sông nhưng vì quả bất địch chúng mới rút và đồn cố thủ. Trong mấy ngày vây hãm, Lưu Long đợi quân ta bắn hết tên nỏ mới dốc toàn lực công kích, sai quân chặt hết cây cối ở rừng sù, vệt xếp nhiều thang áp tường đồn, quân Hán leo lên trần vào đồn Qui Cực Một trận ác chiến giáp lá cà diễn ra, xác giặc Hán ngổn ngang trên trận địa. Giám quân Bà Liệt và quân Nam cũng hy sinh hết, còn lại một mình Cự nường công chúa vẫn hăng hái múa giáo ruổi ngựa xung đột giữa vòng vây không hề sợ hãi.

Trước sức mạnh phi thường và võ nghệ tuyệt luân của nữ tướng còn trẻ, có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Lưu Long tâm hồn mê mết, y hạ lệnh cho quân Hán phải bắt sống nàng để dâng chủ soái. Nhờ vậy, Cự nường công chúa mở được đường máu vượt vòng vây chạy ra biển. Đến đây trời đã gần tối, trông ra ngoài khơi Nam Hải, mặt biển nhấp nhô sóng bạc, nhìn sang dãy Tây Sơn, chân trời ngậm bóng quạ vàng, bên tai gió thổi rì rào, trước mắt mây bay ảm đạm, càng gợi nỗi buồn cảnh quẩn thua trước mắt. Công chúa phần chí nhảy xuống sông tự vẫn, vài ngày sau xác công chúa nổi lên trôi theo nước triều về ngang đồn Qui Cực thì dừng lại. Dân trong vùng vớt lên an táng phụng thờ.

TƯỚNG QUÂN HƯỚNG THIÊN

Đầu thế kỷ I, ở đất Long Biên có ông Hướng Loan nhà nổi đời làm thuốc, vợ là Phùng Thị. Hai ông bà ăn ở với nhau rất hoà thuận, lại hay làm phúc

cứu người, chỉ hiềm một nỗi hiềm hoi. Đến năm Hường công ngoài 50 tuổi, một đêm bà Phùng Thị mộng thấy một người mặc áo bào đỏ, lưng mang đai ngọc, đến đầu giường tự xưng là: "Pháp Lô thần tướng xin đến đầu thai". Nói xong, bỗng nghe một tiếng sấm vang, bà Phùng Thị giật mình tỉnh dậy, thuật chuyện giấc mộng cho Hường công nghe. Từ đó bà có mang, no ngày đủ tháng sinh hạ một cậu bé, hình dung tuấn tú, khí vũ hiên ngang, Hường công đặt tên con là Hường Thiện. Lớn lên, Hường Thiện có sức khoẻ, ham học võ nghệ, giỏi sử dụng siêu đao, khi múa siêu đao thì quỷ khóc thần sầu, muôn người không dám đến gần, người đương thì gọi là tráng sỹ.

Năm 40, bà Trưng Trắc dựng cơ nghĩa ở Mê Linh. Tráng sỹ Hường Thiện chiêu mộ nghĩa quân kéo về tụ nghĩa. Tráng sỹ Hường Thiện cùng nhiều tướng khác được Bà Trưng phái mang quân xuống phía Nam, chia đóng các nơi hiểm yếu đón chặn quân Hán từ quận Cửu Chân ra cứu viện cho Giao Chỉ.

Tráng sỹ Hường Thiện đóng quân ở Địch khu, thuộc Địch Hoa trang. Chưa đầy một tháng thì Bà Trưng đã chiếm được thành Luy Lâu. Tô Định cạo râu, đổi áo cải trang trốn về nước. Bà Trưng Trắc lên làm vua, Hường Thiện được triệu về triều phong chức Điện tiền đô chỉ huy sứ.

Năm 42, Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, Phù lạc hầu Lưu Long, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí, mang hơn trăm viên tỳ tướng, hai vạn tinh binh, hai nghìn xe và thuyền chiến sang xâm lược. Tướng Hường Thiện cùng một số tướng mang quân lên biên giới phía bắc chống giặc. Hai bên cầm cự quân Hán không tiến được Mã Viện bèn chia một nửa thuyền vượt biển thọc sâu vào nội địa đánh thắng quân ta một trận lớn ở hồ Lãng Bạc, Trưng Vương lui về Cẩm Khê và hy sinh ở sông Hát. Các đội quân chống giặc ở biên giới bị bao vây. Tướng quân Hường Thiện thấy Trưng Vương đã mất, đại cục đã hỏng, bèn rút quân về xuôi, nhiều cuộc giao tranh mở lối ở dọc đường, đi đến vùng Phúc Lộc (Sơn Tây), tướng quân Hường Thiện còn lại vài chục thân tùy mới chạy sâu vào vùng rừng rú hoang vu, gặp miếu thờ hai vị công chúa con vua Hùng Duệ vương. Tướng quân Hường Thiện vào miếu khẩn cầu thần linh âm phù, và dừng quân nghỉ lại. Đêm khuya, tướng quân mộng thấy hai người con gái xưng là "Sơn tinh phu nhân" bảo rằng núi Lô Sơn có thể dừng chân. Sớm hôm sau toán tàn quân lên đường, rẽ lau vạc cỏ, xế trưa gặp quả núi chắn ngang, chân núi có động,

mọi người lấy lau khô làm đuốc đi vào trong động, khoảng vài trăm bước đến một khoảng rộng có thể chứa hàng trăm người, phía trên có lỗ đá lộ thiên, ánh sáng chiếu trên vách đá có hàng chữ: "Lôi Sơn động". Nghĩ đến lời thần mộng, tướng quân Hường Thiện trú quân lại đây, quân sĩ ngày ngày vào rừng săn bắn, chim muông, thú dữ, đào củ mài hái hoa quả Trong rừng núi vùng này còn nhiều loại cây quang lang, một thân cây có thể ăn thay gạo. Mọi người mừng rỡ yên tâm, lại cho người cải trang lần tìm đến các bản làng mua hạt giống rồi cùng nhau vỡ hoang trồng cây lấy lương thực nuôi nhau.

Lại nói sau khi Trung Vương tự tận, Mã Viện cùng Lưu Long chia quân đi đánh dẹp các huyện miền đồng bằng, rồi dọc theo dòng sông Hồng, sông Đáy. Tới cửa Thần Đầu y không dám mạo hiểm vượt cửa biển nguy hiểm "Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm" này, nên đã lấy bớt số quân các quận huyện về tập trung đào một đường sông thông qua dải núi Cửu Chân và xếp đá làm đê ngăn sóng biển (chỗ đào núi gọi là Tạc Sơn), chỗ đê ngăn sóng biển gọi là Tạc Khẩu). Nhờ một số tướng lĩnh thoát chết trong các trận giao tranh, đã thu thập tàn quân chiêu mộ thêm nghĩa sĩ đóng ở các địa phương như ba anh em họ Đào Hiến Hựu, Đào Quý Minh, Đào Phương Dung đóng ở làng Thổ Quan (Long Biên) ở Tú, ở Huyền, ở Cát ở trại Vân Thủy (Phúc Thọ). Hai anh em Cả Lợi, Hai Lợi ở vùng Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc) .v.v...

Ở Lôi Sơn, tướng quân Hường Thiện cho người bí mật về các vùng lân cận chiêu mộ nghĩa sĩ và tìm kiếm tàn quân, cuối năm Nhâm Dần (42) số quân ở Lôi Sơn đã lên tới hàng nghìn. Đô úy các huyện lại đem quân đánh dẹp nghĩa quân. Nghĩa quân chống cự quyết liệt làm cho quân Hán tổn thất nặng nề, nhưng các căn cứ kháng chiến cô lập, không liên lạc được với nhau để nương dựa nên nổi nhau bị tiêu diệt. Vĩnh Hoa căn cứ ở Trang Tiên Nha (Yên Lạc - Vĩnh Phú) bị tiêu diệt, tiếp đó ngày 14 tháng chín hai anh em Cả Lợi, Hai Lợi đóng căn cứ ở Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc) cũng vậy.

Cuối tháng chạp, quân Hán tiến công Lôi Sơn động, nghĩa quân nhờ có thế núi hiểm trở, thắng được vài trận, nhưng vì lực lượng quá chênh lệch, quân Hán tiếp cận cửa động, dùng củi khô chất kín cửa hang phóng hoả. Tướng quân Hường Thiện cùng quân sĩ leo lên lối lộ thiên trên đỉnh núi thoát chết, lương thực và các đồ quân dụng cháy hết. Nghĩa quân đóng trên đỉnh núi dùng đá lăn xuống chặn những đợt tiến công của quân Hán nhưng không có

com ăn, nước uống, lại thêm tiết đông lạnh lẽo, cái đói cái rét nhất là cái khát, nghĩa quân không thể tiếp tục chiến đấu, tướng quân Hướng Thiện dẫn quân xuống núi đánh mở đường máu chạy về vùng Bình Lục bị quân Hán đón chặn các ngã đường, tiền lui không được, tướng quân Hướng Thiện đành đem tàn quân chạy vào Đích Khu nơi đóng quân xưa, sửa sang hào lũy để cố thủ. Quân Hán kéo đến vây kín Đích Khu trùng điệp điệp. Đích Khu nằm giữa cánh đồng nước sâu bao bọc, nghĩa quân đắp lũy chẹn ngang con đường độc đạo vào làng. Quân Hán không có đường để dùng số đông ồ ạt tấn công, chúng bèn đóng trại bao quanh Đích Khu, với ý định bắt sống toàn bộ nghĩa quân. Hôm ấy là ngày 26 tháng chạp, năm Nhâm Dần (42).

Ngày Tết năm Quý Mão, quân Hán tổ chức ăn tết ngay trong doanh trại, ngược lại trong Đích Khu im lặng như thường, đến chiều ngày mùng 3 tết, tướng quân Hướng Thiện lập đàn cầu đảo Sơn Tinh phu nhân âm phù diệt giặc nổ pháo hò reo mở lũy xông thẳng vào doanh trại quân Hán trút lửa căm thù vào quân xâm lược, quân Hán trở tay không kịp bị giết rất nhiều, Nghĩa quân mở được con đường thông suốt, Tướng quân Hướng Thiện hạ lệnh cho quân sĩ chạy trước, còn mình đứng lại ngăn đánh; quân Hán hò reo đốt đuốc đuổi theo. Hướng Thiện chặn ngã ba đường; múa thanh siêu đao như muôn đoá hoa bay thấp thoáng không trông rõ hình người, lại nhờ bóng đêm trời tối, ánh đuốc chập chờn, chợt bên phải, chợt bên trái tướng quân đến đâu là đầu rơi máu chảy, quân Hán chết như ngã rạ, chúng sợ hãi không dám đến gần chỉ đứng từ xa dùng cung nỏ bắn tướng quân. Trời hửng sáng, tướng quân Hướng Thiện thấy quân Hán các ngã đổ về đông như nêo cối dùng câu liêm xông tới. Tướng quân hét to một tiếng chuyển động đất trời, quân Hán kinh hồn vỡ mật đứng dừng cả lại. Hướng Thiện thừa kê sải bước ra khúc sông gần đó mà tự tận.

Nhân dân Đích Khu lập đền thờ tướng quân Hướng Thiện trên nền hành doanh của ông, nay là Đình Đức.

Có đôi câu đối:

Trục Định bắc hoàn huy sử sách

Phù Trưng Hồng nghiệp thụ Nguyên huân.

Tạm dịch:

Đuổi Tô Định về Tàu về vang sử sách

Giúp vua Trưng dựng nghiệp đáng bậc Nguyên huân.

Dân làng còn lập đền thờ hai vị công chúa ở nơi xưa tướng quân Hương Thiện lập đàn cầu đảo.

LÃ BẢO, NGUYỄN LANG

Tương truyền về đời nhà Triệu, ở huyện Lôi Dương quận Cửu Chân có một hào trưởng tên là Lã Tạo vốn nghề làm thuốc, ăn ở phúc hậu, vợ là con gái một hào trưởng ở bộ Võ Ninh. Vợ chồng hoà hợp, sinh hạ được bảy người con trai. Đến khi ông năm mươi một tuổi, một hôm trò chuyện tâm sự với Trương Thị: *“Nhà ta phúc hậu song bảy đứa con đều là những kẻ tầm thường. Có lẽ chúng ta ăn ở còn có điều gì thiếu sót, bây giờ phải đi cầu đảo xem sao, nếu trời phật chứng giám mà cho quý tử giáng sinh hẳn cũng là điều an ủi tuổi già”*. Sau đó ông bà đến cầu tự ở núi Kiên Sơn, huyện Kim Yên. Sau khi mật đảo về nhà được ít lâu thì bà Trương Thị chiêm bao thấy con rồng vàng từ trên không bay xuống rồi hoá thành chim công chạy vào, bà tóm được một đầu nó, vụt giật mình tỉnh dậy mới biết là nằm chiêm bao. Bà đem điềm chiêm bao kể cho ông hay. Ông bảo: *“Chiêm bao thấy điềm trời báo ứng, nhà ta thế nào cũng được quý tử giáng sinh”*. Sau một trăm ngày, bà Trương Thị có mang mười bốn tháng, đến mồng mười tháng ba năm Tân hợi sinh được một cậu con trai mặt mũi khôi ngô kỳ vĩ lông mày xanh và dài nhưm, khuôn mặt dài và sáng như mắt chim phượng hoàng, cầm dây dãn như cầm chim én, đầu tròn như đầu cọp, bụng có bảy nốt ruồi trải ra như hình sao Bắc đẩu, tay dài chấm gối, dưới bàn chân có bảy cái lông. Được cậu con trai quý báu, ông bà rất yêu mến, vừa một trăm ngày bèn đặt tên con là Gia, Gia đầy tuổi tôi mà nói đã sõi, mới lên ba tuổi đã sành âm nhạc, vì thế cha mẹ lại đặt tên là Bảo. Ngày qua tháng lại, chả mấy tí mà cậu Bảo đã lên tám, cha mẹ cho học ở Trảng Dương tiên sinh tại khu Khổng tước, học mới ba năm mà thông suốt bách gia chư tử và am hiểu các phương pháp dùng binh. Trong lúc theo học, thầy học từng khen: *“Nhà có người con thế này mai sau cũng làm nên sự nghiệp hiển hách. Trên đời hiếm có con người như vậy”*.

Anh em bạn học đều kính phục, họ bảo nhau: "Con người này chả phải thần đồng xuất hiện thì cũng là vị thánh trên trời giáng trần". Trong khi trò chuyện vui vẻ với bạn học, cậu Bảo thường than thở: "*Nam tử mà râu, nếu không có tài như Y, Lã, quản, Nhạc đời xưa, thà rằng da ngựa bọc thây còn hơn*". Lời nói khẳng khái của cậu Bảo làm cho mọi người khâm phục. Cậu Bảo theo thầy học tập vừa được ba năm thì chẳng may thầy qua đời, từ đó cậu đành phải thôi học. Hồi ấy có một gia đình họ Hàn ở quận Cửu Chân vốn là hào trưởng và rất tàn bạo, y muốn Bảo phải khuất phục mà làm tay chân cho y, nhưng Bảo không thèm nhìn mặt y, do đó mà y thâm thù muốn tìm cách làm cho gia đình Bảo lâm cảnh khốn cùng. Hàn tự tập đồ đảng là những phường đầu trâu mặt ngựa đến ăn cướp, hành hung. Lã Bảo biết bọn côn đồ này rất mạnh, không có cách nào chống cự nổi bèn lạy tạ bố mẹ, đem gia quyến đến trú tại chợ La Đăng ở huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam làm nghề bốc thuốc. Cứ vài tháng lại về phường Lãnh Tuần châu Xích Đằng. Sau đó ba bốn tháng Bảo đến trú tại đất Nam Trì làm thuốc cứu dân. Phong tục dân Nam Trì vốn thuần hậu, hơn nữa Lã Bảo cũng vốn là con người ăn ở phúc đức, những người nghèo đói cần chữa bệnh đều hết lòng cứu chữa và có khi còn bốc thuốc cho họ mà không yêu Bách tiền tài bổng lộc, cho nên địa phương đối xử với Bảo rất ơn sâu nghĩa nặng. Qua một thời gian, dân ở trang Vực Đường đón Bảo về làng làm thuốc. Được ba bốn năm, Bảo bèn vào làng đó ở. Nói về tên cường hào họ Hàn chuyên tụ tập đồ đảng trộm cướp phá phách của cải của nhân dân địa phương bị dân căm thù đến cực độ đã bắt và giết đi. Bảo nghe tin đồ đảng họ Hàn bị quét sạch bèn đem gia quyến về quê. Được hơn một tháng trời, chẳng may ông bà họ Lã đều từ trần. Mấy anh em hai bàn tay trắng không còn nhờ cậy vào đâu. Song các anh đều có gia đình riêng, chỉ có Bảo vẫn còn long đong, tuy nhiên Bảo là người vốn có đầu óc tự lập, không sống ỷ lại vào các anh. Một hôm, Bảo ngửa mặt lên trời ứa hai hàng lệ mà than: "Cha ta làm thuốc cứu chữa bệnh tật cho hàng nghìn con người mà không cứu chữa được cảnh nghèo của một đứa con". Bảo bèn từ biệt các anh, về ở nhờ bên cậu ruột là Trương Công Đàm ở bộ Võ Ninh. Đàm rất yêu mến cháu. Qua một năm, Trương Công Đàm bị tên Đào Gia Hoan giết. Bảo rất căm hờn muốn trả thù cho cậu, song thân cô thế cô không chống nổi, bèn lánh mặt đi nơi khác. Bảo đến trú tại chùa Thiên Quang ở đất Ô Lý. Một hôm bảo lên chơi am Cổ Kính, núi Bằng Sơn, thấy ở đó một người con gái rất đẹp, có mấy thị nữ theo hầu. Họ nhìn như dạo bước ở trước am mây. Bảo liếc mắt nhìn và nghĩ thầm: "Không hiểu sao nơi sơn cung thủy tạ này

mà lại có khách lầu trang như thể một bầy tiên nữ thế kia". Bảo liền đánh bạo hỏi: "Không ngờ may mắn gặp được nàng tiên, biết đâu một lần gặp gỡ chả thành lương duyên nghìn thừa hay sao? Lòng trời đã định. Không hiểu ý nguyện của tiên nữ thế nào?". Người con gái ấy điềm nhiên không tỏ ý nên không trả lời. Mấy cô gái xuống núi. Bảo là người có chí khí anh hùng, không ham mê gió trăng. Bảo quyết chí trả thù, bèn lánh vào đất Ô Lý chiêu tập đồ đệ, chờ cơ hội sẽ tiêu diệt kẻ đã gây nợ máu với ông cậu của mình. Người con gái tiên đã điềm nhiên không thèm trả lời thì Bảo cũng chẳng màng chi nữa, thung dung trở gót về chùa. Sau này Lê Hoàn khi qua núi Bắc Lĩnh có đề thơ:

“Á thanh sơn bán tịch huân,

Hoa am vạn cổ liễu điều tân.

Đương viên cổ kính tương phùng xứ.

Chùng hội sinh tiên ngộ túc nhân”

Nghĩa là:

Núi xanh thắp thoáng giữa lúc nắng chiều.

Muôn thừa am hao cảnh liễu đang tơ.

Đương thời gặp nhau ở nơi đài gương

Ai biết nhân duyên gặp gỡ là do kiếp trước đưa lại.

Từ khi Bảo lánh ra ở Ô Lý, tuy nương tựa cửa thiên, song sớm khuya vẫn toan tính việc trả thù cho cậu. Hồi ấy Bảo đã chiêu mộ được vài trăm nghĩa binh, song không có lương thực nuôi quân, đành phái quân đi cướp của tổng tiền các nhà hào phú trong vùng Ô Lý, tuy nhiên đối với nhân dân thì không hề xâm phạm đến chân tơ kẽ tóc của họ, vì thế dân chúng rất khâm phục, quý mến nghĩa binh. Nhưng tình thế không cho phép Bảo ở yên nơi hẻo lánh Bảo nghĩ: Số quân chiêu mộ được đành cứ để cho họ lưu lại đất này, còn ta phải về đất Nam Trì (thuộc huyện Thiên Thi, phủ Khoái châu, xứ Sơn Nam) để kết giao với những hào mục ở vùng ấy thì mới tạo nên thời cơ thuận lợi

để khởi sự. Bảo đến Nam Trì vào lúc bóng chiều đã xế, chưa biết trọ ở nhà ai, liền nằm nghỉ ở cái quán đầu làng một đêm. Nguyên đất Nam Trì có bốn khu, sau sát nhập làm hai khu là Bảo Tùng và Ngọc Khê, đất bằng phẳng, dân cư ở miền sông Kim Ngưu và Nguyệt Đức. Địa thế bốn bề ôm lại. Cái quán đầu làng dựng tại kiêu đất "Phượng hoàng hàm thụ" (chim phượng ngâm thụ). Đêm mà ông ngủ ngoài quán, trời đất bỗng nổi mưa to gió lớn, chó trong làng đều ngửa mặt lên trời sủa suốt. Ngay đêm ấy, toàn thể dân chúng trong làng đều chiêm bao thấy có một ông quan đem vài trăm quân đến đóng ở quán Nam Trì, truyền lệnh đòi nhân dân đến bảo: *"Ta vốn là thiên thần được quyền cai quản sinh mạng của dân. Nay về chơi đây, cho nên vờ dân trên báo cho ai nấy đều hay"*. Dân đều sụp lạy bỗng tỉnh dậy, ai nấy đều kể lại việc tai nghe mắt thấy ở trong mộng cho nhau nghe. Có điều kỳ lạ là ai cũng chiêm bao thấy giống nhau như hệt. Nhân dân đều đổ ra quán đầu làng để xem thấy Bảo đã ngồi ở đó. Họ nhìn diện mạo đúng như ông quan mà họ đã thấy ở trong chiêm bao. Họ tỏ vẻ cung kính và hỏi: *"Dám hỏi ngài ở đâu đến?"* Bảo đáp: *"Ta vốn trước kia đã từng ở đây, đâu phải là người xa lạ"*. Nhân dân đón rước về ở trong làng. Từ khi ông về, nhân dân đều yên ổn mạnh khỏe. Về lại đất Nam Trì ông lại ra sức chiêu nạp binh sỹ, phủ dụ dân tình. Hồi ông ở Ô Lý có vài nén vàng làm vốn, nay đem tặng cho cả cho dân để gắn bó thêm ân tình với họ. Nhân dân thấy ông tài chí khác thường và lại là người độ lượng cho nên họ đều tâm phục...

Trước đây ở Nam Trì có người tên là Nguyễn Nghi, vợ là Trần Thị Huyền ở trang Đoàn xã Thổ Hoàng. Vợ chồng ăn ở trung hậu, làm ruộng cần cù, trở nên no đủ, nhưng chồng đã năm mươi tuổi, vợ đã bốn mươi hai tuổi mà chưa có con trai, vợ chồng thường than thở: *"Nhà ta tích đức tu nhân, đời đời chỉ biết làm ruộng, không bao giờ làm điều gian tà bất nghĩa, mà hiếm hoi thế này. Hay là câu đảo trời đất bách nhân âm phò tế độ, cho lấy một đứa con trai thì là mãn nguyện lắm rồi"*. Sau đó lập đàn cúng lễ ba bốn hôm liền. Một hôm Trần Thị dựa ở hàng lan can trong quán Ngọc Khê thiu thiu ngủ, chiêm bao thấy con hổ vàng từ trên trời lao thẳng xuống, nằm ở bên cạnh, bà quàng tay bắt được nó, liền giật mình tỉnh dậy. Sau đó bà có mang mười một tháng, đến mồng chín tháng ba năm nhâm thân, đẻ được một con trai, cằm én, đầu hổ, hai xương gò má cao vọt vọt, trong lòng bàn chân, bàn tay đều có bảy chiếc lông, tướng mạo kỳ lạ, cha mẹ quý như ngọc. Vì chiêm bao thấy con hổ, cho nên sau một trăm ngày bèn đặt tên cho con mình là Lang (con chó sói). Ngày qua tháng lại, Lang đã trưởng thành, tiếng

nói vang như sấm, khí khái anh hùng biểu hiện rất rõ nét. Tuy vậy, Lang là người ôn hoà, nhân dân đều quý mến gần gũi. Sau khi gặp Bảo, hai người hợp tính nét nhau, bèn kết làm anh em, dù là tình trong bốn bề song cũng như tình anh em ruột thịt một nhà. Một hôm, Bảo chuyện trò tâm sự, than thở với Lang rằng: *“Ta nhớ ân tình của ông cậu ta đã bị tên Đào Hoan giết hại, muốn rửa hận thù cho cậu, chỉ hiềm vì thế lực cô đơn khó mà đương đầu với nó. May sao anh em mình kết nghĩa, trông cậy lẫn nhau như môi với răng. Người xưa nói: “Đường dài hay sức ngựa, chúng ta đã hiểu nhau thì nên bầy mưu tính kế cho nhau”*. Nghe xong Lang bừng bừng nổi giận, nói: *“Chúng ta từ tình bạn trở thành tình nghĩa anh em, đồng cam cộng khổ sống chết chẳng sờn, em nguyện cùng anh rửa xong thù hận”*. Sau đó, hai ông chiêu mộ dân ấp và dân trong huyện được bốn trăm năm mươi chín người, bèn cho giết trâu bò khao quân. Để bổ sung thêm lực lượng cho nghĩa binh, Bảo lại vào châu Ô Lý đem số quân đã chiêu mộ từ trước được khoảng vài trăm kéo về Sơn Nam hội với cánh quân tiến qua cửa sông Bạch Đằng, buông thuyền lên bờ, chẳng ngờ đạo trời xui khiến, nghĩa binh gặp được quân của Đào Hoan đang hoành hành ở đó. Hai ông chia đường đánh lại, bắt và giết được kẻ thù là Đào Hoan tại trận. Bắt được kẻ thù đền tội, hai ông về làm lễ tế vong linh Trương Công Đàm, tế xong, liền khao thưởng quân sĩ, uống rượu vui chơi vài ngày. Công thành chí toại, hai ông trở lại trang Nam Trì. Từ đó, oai danh chấn động gần xa, nhân dân mến phục đều tự nguyện xin làm tôi con hai ông. Hai ông truyền cho quân sỹ và dân chúng sửa chữa lại cái quán đầu làng. Như trên đã nói, quán này dựng trên kiểu đất "Phượng hoàng hàm thụ" ở chỗ giáp giới giữa khu Ngọc Khê với khu Bảo tàng. Trước kia thân mẫu của Lang năm chiêm bao ở quán này, Bảo cũng có lúc đã tạm trú ở quán này một đêm, cho nên hai ông quyết định đây quán có nhiều kỷ niệm ấy làm nơi trung tâm hội đồng để mỗi khi hai ông họp mặt nhau thì đến đó, đồng thời cũng lấy nó để tuyên truyền cho đời sau. Một hôm anh em từ biệt nhau, Bảo lại trở về đất cũ Ô Lý ở đứng đầu châu Ô Lý tên là Hùng Lã. Cuối triều đại Hùng vương lánh loạn chạy vào Ô Lý, làm chúa tể một phương. Vị quân chưởng ở Ô Lý có người con gái tên là Lâu, nhan sắc tuyệt vời, lại có võ lực, có tài săn bắn, nòng là đoá hoa khô chưa tìm được lúa đôi xứng đáng. Bảo công từ ngày ngụ cư đất ấy tiếng tăm lừng lẫy một phương, cả bộ lạc Lâm Ấp đều yêu mến kính phục. Hùng Lã nghe tiếng Bảo là kẻ anh hùng mưu lược, liền sai người mời đến, đặt tiệc chiêu đãi rất trọng thể. Hùng Lã nhìn diện mạo Bảo, nghĩ thầm đây là con người phi thường, bèn có ý thương con kén rể, nhân đó, truyền cho

quân tả hữu lùi ra, rồi nói với Bảo: *“Ngài từ muôn dặm đến đây, làm khi khách của miền núi rừng trùng điệp này: Tôi muốn vì ngài chọn một người nâng khăn sửa túi, kết bạn trăm năm, chẳng hay ý ngài thế nào?”*. Lúc đầu, Bảo hết sức từ chối song Hùng Lã cứ khẩn khoản nói mãi, Bảo mới vui vẻ nhận. Thế là Hùng Lã đem con gái là Lâu Nương công chúa gả cho và chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành hôn. Thật là duyên may phận đẹp lạ thường, người con gái yêu kiều như vị tiên nữ giáng trần mà Bảo đã gặp ở núi Bằng Sơn trước đây mấy năm, ngờ đâu lại chính là Lâu Nương công chúa ngày nay. Tình yêu nồng thắm mới tám năm trời nào có là bao thì tình tha hương cố quốc lại ngổn ngang trong lòng, Bảo xin với Hùng Lã cho về thăm quê, Hùng Lã chẳng những đồng ý mà còn ngợi khen: *“Lòng người con hiếu, khác nào tấm lòng vua Thuần vì thương cha mẹ đã kêu khóc giữa khoảng trời cao lòng lộng”*. Hùng Lã bèn cho mười chiếc thuyền đưa về bản quốc vừa đầy một tháng đã đến nhà. Bảo bái yết gia tiên đi thăm phần mộ, nói chung tấm lòng hiếu kính đối với gia tiên, tấm lòng hoà thuận đối với anh em họ hàng đều chu đáo tận nghĩa tận tình.

Từ khi vợ chồng Bảo về thăm quê nhà, được năm sáu tháng, trong lòng khao khát gặp Lang người anh em kết nghĩa với mình từ lâu. Hơn nữa nhân dân Nam Trì với Bảo vốn tình sâu nghĩa nặng, đã từng theo làm gia thần, được thử thách trong chiến đấu từ lâu. Bảo về Nam Trì thăm Lang và ở chơi mười ngày. Khi ấy Nguyễn công thân phụ của Lang chiêm bao thấy một người áo mũ chỉnh tề râu tóc bạc phơ, từ trên không bước xuống, đứng ở trước mặt Nguyễn công mà phán: *“Nhà họ Nguyễn phúc hậu, cho nên thiên đình cho nhân tài giáng sinh giúp nước Bảo công với Lang công tuy mỗi người sinh ở mỗi nơi khác nhau, nhưng chí khí thì phụ hợp với nhau, cho nên vừa làm bè bạn, vừa là anh em, rồi đây cả gặp nước, rồng gặp mây, cả hai người đều gặp thời thế hiển hách công danh”*. Nói chưa dứt lời thì Nguyễn công tỉnh dậy, bèn mời Bảo công đến và ân cần nói: *“Anh với em nó kết tình bè bạn thân thiết, nên xem nhau như anh em một nhà. Anh em đồng cam cộng khổ, sống chết một lòng, lão đây trông nhờ vào hai anh đấy!”* Bảo công nghe Nguyễn công dạy bảo chân tình, liền thưa: *“Chúng tôi đã thề cùng trời đất kết nghĩa anh em như tình cốt nhục...”*.

Bảo công và Lang công xem địa thế trong khu bèn truyền lập doanh trại ở khu giữa là chỗ kiêu đất rón rỗng rất quý, làm chỗ đồng họp bàn việc nước. Được vài năm. Khi Triệu Võ đế (Triệu Đà) băng hà. Triệu Văn Vương lên

cầm quyền trị nước, ra lệnh cho các châu, quận, huyện được phép đề cử người có tài năng đạo đức học vấn uyên bác. Khi ấy Bảo công và Lang công đều ra ứng tuyển. Khi vào triều bệ kiến, họ ứng đối trôi chảy, được nhà vua ngợi khen, phong Bảo công làm Thị tưng tham quan. Ông làm việc có chính sự rất tốt và có công sắp đặt kỷ cương trật tự triều đình. Lang công được vua phong làm chức Điền minh. Đến năm thứ sáu. Văn vương phong Bảo công làm tể tướng. Ông phò tá Văn Vương và Minh vương. Sau này nhà vua phong Lang công trấn thủ Ái Châu và kiêm nhiệm cả Hoan Châu. Từ đó vua tôi đồng tâm nhất trí, thiên hạ thái bình, trăm họ no đủ. Minh Vương rất ưu đãi hai ông, hai họ của hai ông có nhiều người nhờ danh thế đó mà làm nên chức vụ có tới hơn bốn chục người. Đến đời Triệu Ai Vương thì cơ nghiệp họ Triệu trở nên suy sụp, vua u mê, chính sự có nhiều điều lầm lẫn, song lòng trung nghĩa của hai ông thì chẳng hề thay đổi chút nào. Một hôm Ai Vương ngồi trên điện Thái Hoà, có một đám mây đen sì như hình con chó bay từ phía tây bắc đến, vua hỏi thị vệ không ai biết làm gì. Bảo công thưa: *"Đây là lòng trời cho biết tai biến sắp xảy đến. Hiện nay Hán Võ đế gây chiến với những nước ở xa để lập công trạng tình thế sẽ xảy ra việc xâm lăng nước Việt của ta. Xin nhà vua cho tăng cường trấn thủ biên giới để ngừa việc bất trắc"*, song Ai Vương tin bọn Lý Ước cho rằng Hán với Việt cách xa nhau về địa lý, hơn nữa non sông nước Nam Việt có triền núi Ngũ Lĩnh án ngữ có thể cố thủ, vì thế không hề lo lắng đề phòng. Hán Võ đế phong Lộ Bác Đức làm Phục ba tướng quân và Trung Quân làm phó tướng quân, đem hai chục vạn quân đến xâm lược Nam Việt. Quân Hán chia hai đường thủy bộ đều tiến. Đường bộ qua cửa ải ven theo đường núi, đường thủy từ cửa Thần Phù tiến vào Châu Hoan, Châu Ái và sông Lục Đầu, chỗ nào cũng thấy quân Hán. Thư từ biên giới báo về khẩn cấp, một ngày có tới năm lần. Ai Vương lo sợ, bèn sai tể tướng Bảo công và đốc lĩnh Hoan Châu Lang công cầm quân đánh giặc. Bảo công chỉ huy các tướng đường bộ, Lang công chỉ huy các tướng đường thủy. Bảo công đem quân đến châu Đại Điền phối hợp với Lang công đánh nhau với quân Hán hơn mười trận, quân Hán thua to. Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức bảo chủ tướng: "Nước Nam Việt chỉ có Bảo công và Lang công là hai viên tướng tài mưu mô chí dũng như bậc thánh thần, quân ta khó mà địch nổi. Trước tình hình này, kế tốt hơn hết là phải đánh bằng mưu chứ không thể đánh bằng võ lực". Lộ Bác Đức bèn sai quan đem nghìn nén vàng đút lót bọn cận thần họ Triệu. Để mê hoặc lòng vua và ly gián vua với Bảo công và Lang công, bọn gian thần là Ngô Quyền và Lý Ước bí mật tâu với Ai Vương: *"Hai tướng*

Bảo, Lang âm mưu phản quốc, nên đã giảng hoà với tướng nhà Hán, vì thế bắt được tướng Hán đều tha không giết". Triệu Ai Vương nghe cả giận bèn cho vời hai ông về triều. Lúc ấy Lang công đem quân về. Ai Vương quở trách và giáng xuống làm chức huyện Thiên Thi. Ông thấy vua đang tin nhiệm bọn quyền gian, liền vâng mệnh về trị nhận ở huyện Thiên Thi. Khi tiến quân về đến quê cũ ở Nam Trì, trời bỗng nổi gió mưa tối tăm mù mịt có tiếng hồ gầm ba tiếng. Lang công liền hoá ngay hôm ấy. Bộ hạ của ông đem việc ông mất đình, nhà vua tuy giận, song cũng nghĩ ông là người có nhiều công lao, bèn truyền cho Nam Trì dựng đền thờ phụng làm phúc thần. Bảo công cũng phụng mệnh về triều, Ai Vương truất ông xuống giữ huyện lệnh Phong Châu, Bảo công căm giận bọn Lý Ước âm mưu bán nước Nam Việt cho giặc, than rằng: *"Tình thế nước nhà nguy biến lắm rồi, sớm muộn thì đất nước này cũng bị quân Hán thôn tính"*. Ông trị nhậm Phong Châu, trong một thời gian không lâu nhân dân địa phương đều làm ăn yên ổn, quân Hán không dám xâm phạm đến địa phận này. Ông suy tôn Kiến Đức làm Thuật Dương vương, tâu vua ban cho Lang công làm thượng đẳng phúc thần. Ông đem duệ hiệu Lang công về Nam Trì làm lễ tế viếng. Cực kỳ thương tiếc ông cảm khái ngâm câu:

Sinh vi danh tướng hoá vi thần

Bảo dữ quốc hệ, tỵ giữ dân

Thiên địa trường tồn danh bất hủ

Dan thư thiết khoán vạn niên xuân.

Nghĩa là: "Khi sống làm bậc danh tướng khi hoá làm thần. Giữ cho nước và che chở cho dân. Tên tuổi cùng trời đất Vĩnh cửu lưu truyền bất hủ, ghi trong sử sách hàng vạn năm".

Nguyễn công - thân phụ của Lang công - thấy Bảo công về thăm và làm lễ bái yết từ đường, vợ chồng ông rất đau lòng cho nên đã hoá cùng một tháng. Bảo công làm lễ an táng rất trọng thể, sau đó, ông trở về Phong Châu. Nhà Hán biết rõ Ai Vương không tin dùng Bảo công, bèn đem binh đến xâm lược, Ai Vương biết tình thế đất nước nguy cấp bèn thất cố chết. Sứ giả nhà Hán lại tư thông với Cù thái hậu, Bảo công nghe tin ấy bèn cố thủ Phong Châu, đồng thời truyền lệnh đi các nơi chiêu tập nghĩa binh ở các

miền Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thao Giang, Đà Giang cho đến các phủ huyện ở Sơn Nam được số nghĩa binh hơn hai nghìn người tiến thẳng vào dinh lũy quân Hán, đánh một trận, chém hơn một nghìn quân. Quân Hán tạm rút lui. Lộ Bác đức âm mưu dụ dỗ Chu Năng vị tỳ tướng của Bảo công, bèn sai người đem vàng bạc đến đút lót cho Năng và nói: *“Nếu ngài phản được Bảo công sẽ cho được trị nhậm nước Nam mãi mãi”*. Năng nhận kế phản bội do Hán bày ra, tiếp đó quân Hán tiến quân ở Bạch lưu, Lô giang, đánh nhau mới năm sáu hợp chưa phân được thua, Năng đem binh mai phục ở Thiết Sơn tập kích đằng sau. Bảo công không ngờ Năng đã phản bội, bèn rút lên Thiết Sơn, bấy giờ Năng hiệp lực với quân Hán tấn công đến, ông ngoảnh lại thấy Năng đang cùng quân Hán tiến đánh ở đằng sau mình. Thế rồi quân Hán bỏ vây bốn mặt, ông đánh nhau với quân Hán mãi từ sáng đến lúc trời xế bóng, quân Hán kéo đến mỗi ngày một đông, tình thế của ông lúc đó hết sức cô đơn, bèn lui về giữ thành Dương Châu, quân Hán truy kích và đến vây chặt lấy thành. Khi ấy, binh sỹ của ông tán loạn, chỉ còn vài chục bộ hạ thân tín, ông liền cầm siêu đao nhảy lên ngựa chỉ huy số quân bộ hạ cố sức đánh phá vòng vây, song không sao phá nổi. Ông bèn đánh ra phía tây bắc, quân Hán lại kéo đến đánh nhau giáp mặt với ông vô cùng gay gắt, làm cho ngựa chiến của ông không sao tiến được, ông liền múa siêu đao chém một viên tướng Hán và mười tên lính của chúng, dù vòng vây ở trong tạm thời tan vỡ nhưng vòng vây ở ngoài lại ập đến và thít chặt lại. Trong khi ấy sức ông đã kiệt, ngựa ông đã mỏi, tả hữu bộ hạ của ông chẳng còn ai, ông đánh rơi thanh siêu đao xuống đất liền bị viên tướng Hán chém một nhát gươm vào cổ nhưng chưa đứt khỏi người. Ông hét lên một tiếng rất to, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, sấm sét nổi lên dữ dội gió mưa kéo đến sầm sập, quân Hán sợ hãi chạy toán loạn. Tuy rụng đầu song ông vẫn ngồi trên lưng ngựa, chạy thẳng lên xứ Tuyên Quang và chạy đến những nơi có thuộc hạ của mình.

Sau khi Bảo công tử trận vợ ông là Lâu Nương công chúa vẫn ở quê nhà, đêm ấy nàng nghe tiếng ông gọi vang vang ở không trung, báo rằng: *“Ta đã bị tên tỳ tướng là Chu Năng cấu thông kết với tướng Hán phản bội, ta đã chết trận vào ngày mùng mười tháng tư rồi”*. Phu nhân nghe thấy cả sợ khóc nức nở. Ngay ngày hôm ấy, phu nhân chiêu mộ đợc một số bộ hạ của ông khi trước và một số nghĩa binh gồm năm trăm người. Phu nhân cải trang thành con trai, cưỡi ngựa chạy thẳng đến Phong Châu, chợt gặp Chu Năng và quân Hán đóng ở đây. Nàng đánh vào quân Hán, trong lúc đánh

nhau kịch liệt trời đất bỗng nổi cơn mưa gió tối mờ mịt, quân Hán thấy Bảo công chỉ huy một đạo quân từ trên trời đánh xuống, ông chửi mắng tên phản bội Chu Năng: “*Mày là đứa bê tôi bắt trung bắt nghĩa, bụng dạ mày không bằng chó ngựa*”. Bèn chém tên này tại trận. Chu Năng chết, quân Hán tan rã, phu nhân truy kích, chém thêm được vài trăm đầu giặc nữa. Thần binh thần tướng của Bảo công sau khi giết được tên phản bội cũng biến mất. Phu nhân cưỡi ngựa đi các xứ để tìm thi hài Bảo công. Lại nói ngựa của Bảo công phóng về trang Nam Trì, huyện Thiên Thi phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam rồi chạy thẳng đến chỗ dựng miếu sau này mới đứng lại. Một lát sau, nhân dân kéo đến làm lễ kính chào. Ông liền phán: “*Duệ hiệu của ta là Trung - Thiên - Bảo - Quốc, nhân dân cứ như thế mà thờ*”. Nhân dân Nam Trì lĩnh mệnh lệnh của ông. Ngay lúc ấy trời đất tối tăm có tiếng kêu ù ù như sấm nhân dân đều kinh sợ. Trong chốc lát trời đất lại tạnh sáng như thường, ngựa ông lao thẳng ra, chạy về đến trang Động Phi thuộc phủ ứng Thiên, gặp một bà già, ông liền hỏi: “*Người mà chỉ có mình không có đầu liệu có sống được không?*” Bà cụ trả lời: “*Tôi chỉ biết người nào hoàn toàn thân thể thì mới sống được. Có thân mà chẳng có đầu, sống được cũng khó*”. Ông nghe bà già nói bèn thét lên ba tiếng và than rằng: “*Một lời nói này có thể đáp điểm cho năm xương anh hùng mà muôn thừa căm thù nhà Hán còn lưu lại mãi mãi*”, than thờ xong, trời đất tối tăm, gió mưa nổi lên giữ dội, ông từ trên ngựa lao xuống mà hoá, lúc ấy là ngày mùng một tháng mười hai. Dân làng Động Phi đắp thành phần mộ, sau đó lập đền thờ cúng, người sau có thơ rằng:

Sinh vi danh tướng hoá vi thần

Trung nghĩa tòng lại vị kỷ nhân

Giang thượng đôi thu nguyệt ảnh

Vãng lai nhân thuyết Bảo công thần.

Nghĩa là: "Sống làm bậc danh tướng, hoá đi làm thần. Từ trước đến nay chưa có mấy người trung nghĩa như thế. Nằm mò trên sông dưới ánh trăng thu. Kể qua người lại đều nói đây là phần mộ Bảo công".

Từ lúc Bảo công chết trận, ngựa ông chạy đến đâu, máu ông tưới xuống đến đấy, sau người ta dựng miếu thờ ở những nơi có giọt máu hồng của ông

thăm xuống. Lâu Nương phu nhân đem quân đi tìm ông nghe tin ông đã về đến trang Đông Phi thuộc xứ Sơn Nam, phu nhân chạy đến chỗ Bảo công hoá rồi gieo mình xuống sông tự tử. Nhân dân địa phương thương tiếc lập miếu thờ bà chung với ông. Các tỳ tướng của ông đều về quê cũ ở Nam Trì lễ tế ông và bảo dân khắc hiệu của ông để thờ. Công việc thu xếp yên ổn, các viên tỳ tướng của ông đều ra thất cổ tự sát trên bờ sông Kim Ngưu, dân đem tất cả di hài mai táng ở phía tay phải miếu ông và dựng riêng một ngôi đền để thờ.

Sau khi Bảo công hoá qua các triều Đông Hán, Ngô, Tần, Tống, Tề, Lương gồm ba trăm bốn mươi chín năm, về phía nước Nam thì trải qua bốn triều Đinh, Lê, Lý, Trần mở mang nghiệp lớn, ngài thường hiển linh giúp nước cứu dân, các triều đại đều truy phong là Thượng đẳng phúc thần. Đến niên hiệu Hàm Thông đời Đường Cao Biền làm đô hộ An Nam. Cha của Cao Biền là Cao Nguyên, mẹ là họ Thuý, năm bà bốn mươi một tuổi chiêm bao thấy con rồng vàng phủ lên bụng mà có mang, đến ngày mồng bốn tháng giêng năm Giáp Thìn thời đẻ ra Biền. Nhà họ Cao kế thế làm quan to nhà Đường. Lúc trở dạ đẻ Biền, hào quang sáng rực buồng đẻ, mùi thơm ngào ngạt, trên không có đám mây ngũ sắc nổi lên trong ba hôm liền. Biền mười lăm tuổi đã vào hầu trong nội điện, ông có nhiều mưu lạ, độ lượng hơn hẳn người thường, có tài lược anh hùng, ham say nghề phong thủy (tức thuật địa lý để đất) địa thế hàng trăm nước đều thâm tóm cả vào trong tay và long hổ của các kiểu đất đều phải phục tùng, Biền từng sáng chế ra con chim diêm chim học bay lên không trung để xem xét địa lý của các nước. Biền là bậc anh hùng chí dũng hơn người. Năm ba mươi một tuổi làm chức tướng quốc nhà Đường bèn được vua Đường phong chức Đô hộ An Nam. Biền đắp thành Đại La, hiệu là Tĩnh - hải phủ vương. Từ khi Biền ở đất nước Nam, thấy những kiểu đất quý đều cho dựng hành cung làm chỗ nghỉ ngơi ngoạn thưởng. Hồi ấy có nước Nam Chiếu (tỉnh Vân Nam ngày nay) đem mười vạn quân sang cướp phá An Nam. Cao Biền đem quân đi đánh quân Nam Chiếu, một hôm đi qua miếu thờ hai ông (Bảo công và Lang công) ở trang Nam Trì, huyện Thiên Thi, lộ Khoái châu, xứ Sơn Nam thấy địa thế ở đây rất quý, tức là kiểu đất "Phượng hoàng hàm thụ" ở địa phận khu Bảo tàng, Biền cho là ngôi miếu được dựng tại kiểu đất quý, nhất định anh linh, bèn dùng xe vào miếu ngủ một đêm, mật đảo: *"Nay tôi cầm quân đánh giặc Nam Chiếu, thần có anh linh thì âm phù đánh thắng sau khi thành công hẳn được bao phong cúng tế, hương hoá muôn đời"*. Cao Vương (tức Cao Biền)

khẩn xong, đêm ấy chiêm bao thấy hai người đầu đội mũ trâm sao, thân mặc giáp ngọc sáng long lanh, một vị cười ngửa trắng cao hơn bảy thước tay cầm siêu đao vàng, một vị cười con hổ vàng, tay cầm búa việt, Cao vương bèn hỏi: “*Danh tướng ở đâu đến đây?*”. Một vị tự xưng rằng, “*Thần vốn là Trung thiên Bảo quốc*”, một vị tự xưng rằng: “*Thần vốn là Trung lang tế thể đều là đại thần của họ Triệu hồi xưa. Nay thấy ngài đem quân đi đánh giặc, chúng tôi xin tòng chinh, âm phù cho quân ta đánh thắng*”. Thần nói vừa dứt lời thì Biên tỉnh dậy, bèn vờ nhân dân và phụ lão đến báo: “*Ta nay vâng mệnh hoàng đế Đại Đường làm chức đô hộ An Nam, Giặc Nam Chiếu dám dấy binh đến xâm phạm, vì thế ta tiến quân qua đây. Ngắm xem địa thế nơi đây có kiểu đất quý. Miếu thần làng này dựng ở kiểu đất “Phượng hoàng hàm thư”. Nhân dân nhất định giàu có, phát công hầu khanh tướng...*”. Cao Biên đến khu Ngọc Khê cho dựng hành cung ở đó. Ngọc Khê cười là Phạm Tố, vợ là Trần Thị Phương người ở trang Nam Trì. Khi bà hai mươi một tuổi, nằm mộng thấy vào chơi Hương Tích, được Phật bà Quan âm hiện lên cho hai cành thoa vàng, sau đó bà có mang, đến ngày mười lăm tháng hai năm Bính Thìn đẻ ra một cái bọc có hai cô con gái nhan sắc đẹp như hai nàng tiên, miệng cười trâm hoa, hai con người sáng long lanh như hai hạt ngọc. Khi đẻ nàng có con chim năm màu đến múa ở sân và có hương thơm tỏa ra ngào ngạt. Đến khi hai tuổi, cha mẹ đặt tên họ cô thứ nhất là A Lữ, cô thứ hai là Lự. Lớn lên đến đâu phẩm chất ưu tú càng trở nên kiều mẫu đến đây, đặc biệt là nữ công. Năm hai cô hai mươi một tuổi chính là năm mà Cao Biên đến xây dựng hành cung ở đó. Khi ấy chị em họ Phạm đều ra xem, Biên nhắc thấy hai cô gái đang dậy thì có vẻ mặt yêu kiều lộng lẫy khiến cho Biên nghĩ thầm đây không phải là hạng người tầm thường. Bèn cho mời ông bà họ Phạm đến tỏ ý xin được kết duyên trăm năm với hai nàng. Ông bà họ Phạm đồng ý, Biên bèn thưởng cho một trăm nén vàng và sai dựng hành cung cho hai nàng đến ngụ ở đó. Sau đó, Biên đem đại binh đến nơi giặc đóng, thấy Bảo công và Lang công hiền linh đem quan hộ vệ cho đạo quân của Biên đánh nhau với quân Nam Chiếu. Trong lúc hai bên giao chiến gay gắt, thì trời đất tối sầm lại, sấm sét nổi lên dữ dội, quân giặc sợ hãi chạy toán loạn, quân Biên chém được rất nhiều. Dẹp yên được giặc, Biên lại về đến cung Ngọc. Khi vào ngày mùng mười tháng bảy, nhân dân ta làm lễ chào mừng tại miếu hội đồng của hai ông. Cao Biên nói với dân: “*Ta đây với hai vị thượng đẳng linh thần dượng như có nhân duyên từ sớm. Qua thời gian giặc Nam Chiếu tiên sang xâm phạm An Nam làm cho dân lâm than khổ cực, ta đem quân đi tiêu trừ giặc cướp, qua nơi*

đây ta biết chắc là thần linh ở đây rất thiêng. Quả nhiên đêm đến, hai vị thượng đẳng hiện lên xin tòng quân giết giặc. Ta với hai vị tuy âm dương cách biệt nhưng vốn chung một đầu nguyệt khí bẩm sinh, tuy là Nam bắc hai phương, song cùng chung một trời đất này. Từ nay trở đi, ta với hai vị thành tình nghĩa anh em. Ta muốn hưởng sự cúng tế vạn năm, tiếng thơm lưu truyền bất hủ...". Nhân dân hai khu ở Nam Trì đều nghe theo mệnh lệnh của họ Cao, và họ Cao ban một số vàng cho dân để gây công quỹ. Sau đó, Biền rước hai nàng về phủ đô hộ. Về sau Cao Biền được vua Đường vời về nước và mất ngày mồng mười tháng tám năm Quý Ty. Dân An Nam nhớ công đức Cao Biền đều tôn là Cao vương và có lập đền thờ ở một số nơi. Sau này vua nhà Tống phong tặng Cao Biền là quốc vương, phong Bảo công là Trung thiên Bảo quốc đại vương, Lang công là Trung lang Tế thể đại vương, mấy khu thuộc trang Nam Trì đều thờ phụng ba vị này. Sau khi Cao vương về nước hai bà phu nhân trở về quê dựng ngôi chùa nhỏ xuất gia đi tu. Hai bà bỏ tiền của ra mua ruộng đất để làm tự điền. Đến ngày mười lăm tháng mười một hai vị phu nhân làm lễ phật rồi hoá, nhân dân làm lễ an táng ở phía tây dãy hành cung và dựng miếu thờ phụng tại khu Bảo tàng thuộc trang Nam Trì. Qua các triều đại, các vị linh thần đều hiển linh hộ quốc cứu dân. Cho nên các vị đế vương ở các triều đại đều truy phong là thượng đẳng phúc thần. Nhà Lê phong vị thứ nhất là Tán trị hựu thánh, phong vị thứ hai là Cương trực hiển thánh, phong vị thứ ba là Dũng lược quả đoán, chuẩn y cho trang Nam Trì là nơi đền chính.

BÙI HỘ

Bùi Hộ, người xã Thổ Hoàng, có sức khỏe và thông kinh sử. Hồi ấy Triệu Quang Phục giữ Đầm Dạ Trạch chống nhau với quân Lương, hàng ngày Bùi Hộ chèo thuyền độc mộc ra vào phục kích quân Lương. Sau khi thành công, ông xin lui về vui thú điền viên nơi thôn dã. Sau này Hậu Lý Nam Đế (tức Lý Phật Tử) thôn tính được cơ đồ của Triệu Quang Phục đem nghìn đến dụ ông nhưng ông không chịu thần phục họ Lý. Ông thọ 70 tuổi vô bệnh mà mất. Sau khi ông mất, phụ lão trong làng chiêm bao thấy nhiều quân sĩ theo hầu ông đi tuần xung quanh thôn ấp. Ông phán bảo "Ta giúp vua Triệu Quang Phục, có công chống giặc ngoại xâm. Nay đức thượng đế cho ta làm phúc thần làng này. Nhân dân làm đền thờ ta sẽ được ta ban phúc cho". Sau khi lập đền thờ, nhân dân Thổ Hoàng làm ăn thịnh vượng. Giữa làng tương truyền có một cái gò là mả Bùi đại vương. Sau này, Nguyễn Trung Ngạn, người bản xã vào triều làm chức đại hành khiển, làm bài thơ vịnh sự tích của vương như sau:

Độc mộc phò vương tài dễ trọn

Nghìn vàng mua chuộc dạ không thay

Một lòng trung nghĩa sau như trước

Muôn thuở danh thơm đất nước này.

Thời Cảnh Hưng, giặc Chết hùng cứ địa phương nhà vua sai Hồng quận công tiễu trừ có đến cầu đảo ở đền Bùi Hộ. Sau khi dẹp yên giặc, Hồng quận công tâu lên triều đình về sự linh ứng của Bùi, được nhà vua tặng phong phúc thần. Qua các đời vua, cầu đảo đều linh ứng.

TRẦN TIÊN QUÂN

Tương truyền ở x có một người tên là Trần Tiên Quân, rất mực hào phú. Tổ tiên xưa của ông vốn là người nhà Tây Hán lánh nạn sang ở nước Nam, đến

thế hệ ông thì đã thành người Nam rồi. Gia thế ông vốn sùng đạo phật, tu nhân tích đức. Một hôm, Trần Tiên Quân biện lễ vật đến xã Mộ Đạo (tức xã Hướng Đạo) huyện Gia Lâm dâng cúng chư phật xin làm thư tự (tức chùa Đại Bi). Hơn một năm giữ chùa, Trần Tiên Quân rất được lòng dân. Ông bỏ của ra mua được hơn 10 mẫu ruộng vườn ao chuôm cho dân cày cấy để làm công quỹ nhà chùa.

Tiên Quân tuổi tác đã cao mà chưa có con, trong lòng không khỏi có ý lo buồn. Một đêm ông nằm chiêm bao thấy một ông già, tay cầm một chiếc khăn gấm hồng, phán bảo: *“Ta là người tiên, giữ chức trách định đoạt nhân duyên cho người thiên hạ. Nay có một bức khăn gấm hồng trao cho người làm của báu”*, nói xong biến mất. Tỉnh dậy, thấy trên tay có khăn hồng, Tiên Quân biết là có điều tốt lành. Quả nhiên sau đó, ông sang chơi xã Lạc Đạo, được người ta làm mối cho một người con gái da trắng như ngọc, tóc xanh như mây tên là nàng Thụ. Tiên Quân đưa sính lễ đón về trang ấp từ đó, duyên hài hòa như tiếng đàn ăn nhịp. Ít lâu sau nàng Thụ sinh hạ được một cậu con trai, diện mạo khôi ngô tuấn tú, sau lưng có 28 nốt ruồi, tượng trưng cho 28 ngôi sao. Đến giờ Mão, ngày hai mươi mốt, tháng giêng, năm Canh dần đẻ sinh đôi được hai con trai. Khi trở dạ, buồng sản phụ sáng rực ánh hào quang, gió đưa mùi thơm sực nức. Hai cậu bé tướng mạo oai phong凛冽. Năm lên ba tuổi ông đặt tên cho con là lớn là Bảo, con nhỏ là Lục.

Khi hai ông trưởng thành, cha mẹ cho theo học tại trường của Lý Đường tiên sinh ở xã An Khê. Sau 10 năm, hai ông trở thành người có tài văn võ kiêm toàn. Gặp khi triều đình mở khoa thi, Bảo công và Lục công đỗ cao được nhà vua ban chức tước. Sau này hai ông giúp hậu Lý Nam Đế đánh Triệu Quang Phục. Sau khi đánh thắng Triệu Quang Phục, hai ông xin về quê hương thăm cha mẹ, được nhà vua phê chuẩn. Khi đến nhà ông mở tiệc mời nhân dân, phụ lão đến hội họp ở chùa. Đang chén tạc chén thù thì có một đám mây hồng bay là là trước điệ diểu quanh chùa. Trong đó có mấy vị thiên sứ phán rằng: *“Ta nay vâng mệnh Ngọc Hoàng xuống mời ông Bảo và phu nhân về”*. Hai người hóa ngay lúc ấy. Đó là ngày mồng 6 tháng 3 năm Bính ngọ. Đệ tử và nhân dân ở các xứ như Mộ Đạo, Lạc Đạo, An Khê, Hàng Tri... cùng nhau lập đền thờ ở phía tay phải cạnh chùa.

Một thời gian sau, quân Tùy sang xâm lược nước ta. Ông Lục được nhà vua ủy quyền cho cầm quân đánh giặc. Ông cưỡi ngựa trắng, xông pha chiến

trường, đánh cho quân giặc tan tác. Chiến thắng khải hoàn, ông được nhà vua ban thưởng rất hậu. Ông xin về làng Mộ Đạo nghỉ ngơi dưỡng sức, nhà vua đồng ý. Ông về nghỉ song đã làm được rất nhiều việc công đức như sửa sang đình chùa, ban cấp cho dân 100 nén vàng để gây công quỹ, chi vào hương hỏa sau này. Vài năm sau ông được gọi về triều để bỏ đi trấn thủ Hoan Châu và Bồ Chính Châu. Làm quan ở đó được bốn năm ông về thăm xã Mộ Đạo, huyện Gia Lâm. Lúc đang ngồi chơi ở sinh từ thì có một luồng hào quang từ người ông toát ra bay lên không. Ông bảo với dân rằng: "*Ta đã hết hạn ở dưới trần, nay phải về thiên đình, vậy nên ta viết duệ hiệu này trao lại cho dân*". Nói xong ông hóa ngay. Nhân dân làm lễ an táng rất trọng thể. Nhà vua ban sắc, truy phong là *Lục Yển Bửu Thuộc Triều Ung Hộ Quốc Đại Vương*, chuẩn y cho xã Mộ Đạo và Lạc Đạo huyện Gia Lâm cùng phụng sự. Ở các triều đình, Lê, Lý, Trần, có việc quốc gia đại sự, ngài đều hiển linh trợ giúp.

LŨ GIA

Lúc bấy giờ nước ta (Âu Lạc) bị Triệu Đà xâm chiếm sát nhập vào nước Nam Việt, tức tỉnh Quảng Đông nước Trung Quốc ngày nay.

Triệu Đà lấy vợ người Việt, xưng đế hiệu chống Hán.

Nhà Hán muốn thu phục họ Triệu, mới cho sửa sang mồ mả tổ tiên họ Triệu ở huyện Chân Định, cho người coi sóc, hàng năm tế tự, lại cho anh em Triệu Đà làm quan to, thưởng nhiều của cải, rồi cho Thái trung đại phu là Lục Giả sang sứ nước Nam Việt kể công đức vua Hán đối với dòng họ Triệu. Lục Giả là một thuyết khách nổi tiếng thời đó khi đến Nam Việt, y lấy điều lợi hại dụ dỗ Triệu Đà bỏ đế hiệu xưng Vương hiệu, hình thức bề ngoài nước Nam Việt coi như một nước chư hầu của nhà Hán.

Con nối ngôi Triệu Đà là Triệu Văn Vương cũng lấy vợ người Việt, vì cảm ơn vua Hán giúp mình đánh nước Mân, mới cho con trai mình là Anh Tề vào châu để tạ ơn.

Anh Tề vào Trường An lấy một người con gái Hán, họ Cù ở huyện Hàm Đan, sinh hạ được một con trai tên là Hưng. Triệu Văn Vương mất, Anh Tề

lên nối ngôi tức Triệu Minh vương, lập Hưng làm thái tử. Triệu Minh Vương mất, thái tử Hưng lên nối ngôi tức Triệu Ai Vương, tôn mẹ là Cù Thị làm thái hậu.

Nhà Hán thấy có cơ hội thôn tính Nam Việt, mới sai người tình cũ của Cù thái hậu là Thiệu Quý, sang dụ vua Triệu và thái hậu vào châu, lại sai bọn biện sĩ là Trung Quán làm Giám đại phu đi theo để thuyết phục, bọn dũng sĩ là Ngụy Thần đi theo để giúp việc khi cần thiết, và sai vệ úy Lộ Đắc Đức mang đại đội quân mã đến đóng ở quận Quế Dương gần Nam Việt để uy hiếp. Lại sai sứ ban riêng cho thừa tướng nhà Triệu là Lữ Gia một quả Ấn bạc, bào tía, đai ngọc, thao xanh, để mua chuộc.

Vua Triệu Ai Vương còn nhỏ, Cù Thái hậu trước đó dan díu với Thiệu Quý, nay gặp y sang sứ, hai người lại tư thông ới nhau. Cù Thái hậu khuyên vua Triệu xin nội thuộc vào nhà Hán, hủy bỏ các cửa quan ải nơi biên giới, lại sửa soạn cống phẩm vào châu vua Hán.

Thừa tướng Lữ Gia con ông Lữ Các quê ở vùng Vô Phong, sau thuộc quận Cửu Chân, mẹ là Trần Thị Lan quê ở Hương Trang Nghiêm, huyện Thiên Bản (Vụ Bản). Thừa tướng vốn dòng người Việt nên được người trong nước tôn trọng, ông làm quan qua ba triều vua, tuổi đã ngoài chín chục, ông can ngăn vua Ai Vương không được vào châu nhà Hán, nên việc vào châu còn dằng dằng chưa quyết.

Vua Hán nghe tin Thừa tướng Lữ Gia không chịu nội thuộc, mới sai tráng sĩ huyện Giáp là Hàn Thiên Thu, nguyên là quan tướng nước Tề Bắc, cùng em Cù Thái hậu là Cù Lạc mang 2000 dũng sĩ sang Nam Việt.

Thừa tướng Lữ Gia nghe tin bèn ra lệnh cho nhân dân trong nước: "Vương (Ai Vương) tuổi còn trẻ, thái hậu là người Trung Quốc, lại dan díu với sứ giả, chỉ muốn nội thuộc, đem hết đồ báu trong nước dâng vua Hán, đem nhiều người trẻ bán về Trường An làm nô cho người Hán, Thái hậu chỉ nghĩ đến mình không nghĩ đến xã tắc...". Ông đem quân giết vua Triệu Ai Vương và thái hậu cùng các sứ giả nhà Hán, rồi lập Kiến Đức con trai đầu của Triệu Minh Vương, mẹ là người Việt lên làm vua tức là Triệu Dương Vương. Một mặt mang quân mở cửa ải, đón đánh tiêu diệt bọn Hàn Thiên Thu ở ngay biên giới, chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu.

Năm 112 trước công nguyên, Vua Hán xuống chiếu cho Lâu thuyền tướng quân, Đô úy Dương Bộc đem quân Dự chương xuống Hoàn phố. Qua thuyền tướng quân Kiệt Hầu đem quân theo đường sông, Lý Thủy Tri Nghĩa Hầu đưa quân Dạ Lang và các tội nhân được tha đi theo đạo quân này xuống sông Trường Kha. Lại sai sứ mang cờ tiết phong Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân, đem quân Quế Dương ra sông Hồi Thủy, chỉ huy các đạo quân trên tập trung tấn công vào Phiên Ngung, kinh đô nước Nam Việt. Các đạo quân Hán có tới 30 vạn, trong đó có 10 vạn quân lâu thuyền. Lâu thuyền là loại thớt biển rất lớn, thuyền có lầu cao 10 trượng (hơn 20 mét). Thủy quân Nam Việt không địch nổi, quân Hán chiếm được Tầm Hiệp; thừa kế phá cửa Thạch Môn, cướp hết thuyền chiến của người Việt, đánh bại quân tiên phong Nam Việt, áp sát Phiên Ngung. Quân Hán cho nhiều thuyền khách lên vào thành chiêu dụ người gốc Hán trong quân đội Việt chạy sang hàng quân xâm lược. Gặp đêm trời tối gió to quân Hán tung lửa đốt thành, đến gần sáng cửa thành đông nam bị hãm. Thừa tướng Lữ Gia mang tàn quân đưa Triệu Dương Vương chạy ra biển, đánh tan toàn quân Hán giữ phía tây Phiên Ngung là Tư Mã Tô Hoàng và Lang Trung Đỗ Kế. Quân Nam Việt cướp thuyền dong buồm ra biển đổ bộ lên vùng Thiên Bản.

Thừa tướng Lữ Gia kêu gọi người Âu Việt, và Lạc Việt đứng lên chống Hán, đắp Triệu thành ở Hà Tây, do Triệu Dương Vương đóng giữ chống bộ binh giặc Hán. Thừa tướng Lữ Gia lập đồn trại ở núi Tráng Nghiêm để ngăn thủy quân giặc Hán.

Đại quân Hán tiến đến Bạch Hạc thì bị các tướng Việt là Phạm Thông, Nguyễn Đức, Đinh Tuấn... đánh cho thua liểng xiểng. Giặc Hán tạm lui quân, lập kế cho tên việt gian là Chu Năng trá hàng để làm nội ứng. Thấy Chu Năng là người Việt, Triệu Dương Vương thu nạp và cho đóng quân ở vùng Lăng Công Lập Thạch. Khi quân Hán tấn công, Chu Năng thu quân bản bộ đánh từ hậu cứ đánh ra, quân Âu Lạc thua nặng, Triệu thành thất thủ, Triệu Dương vương và một nhóm tàn quân chạy lên núi Sài Sơn bị vây chặt trong hang, cuối cùng vua tôi đều tự tiết. Đến nay ở trong núi Sài Sơn còn di cốt đã hóa thạch.

Giặc Hán chiếm được Triệu Thành, chúng ào ạt tiến xuống phía nam đánh vào cứ điểm Trang Nghiêm. Quân của thừa tướng Lữ Gia bị đại quân Hán

bốn bề vây chặt. Một trận chiến đấu chênh lệch, một chọi mấy trăm, hơn một giờ, quân hai bên chết nằm gối lên nhau máu hoen cỏ nội. Thừa tướng Lữ Gia bị giặc Hán chém trúng cổ. Ông vừa vút thanh đao về phía trước, đồng thời đưa hai tay đỡ cái đầu của mình vừa rời khỏi cổ. B Hán sợ quá dạt ra hai bên, thừa tướng Lữ Gia ôm đầu ruồi ngựa đến chân núi Gôi, bỗng gặp một người đàn bà hỏi:

- Tướng quân không có đầu sao mà sống được?

Thừa tướng Lữ Gia chợt tỉnh bỏ rơi đầu mình rồi ngã xuống ngựa.

Quân Hán đuổi tới nơi đem thi thể Thừa tướng Lữ Gia vút xuống cửa sông Nguyệt giang. Dân làng Nguyệt Mai vót lên mai táng và lập đền thờ trên phần mộ ông, tôn làm Phúc thần.

TRIỆU QUANG PHỤC

Triệu Việt Vương húy Quang Phục, là con tù trưởng Triệu Túc ở vùng Chu Diên, đã đứng lên hưởng ứng sớm nhất cuộc khởi nghĩa năm Tân Dậu (541), do Lý Bôn lãnh đạo, thu được thắng lợi nhanh chóng, không đầy ba tháng mà quét sạch lũ đô hộ nhà Lương.

Tháng giêng, mùa xuân năm Giáp Tý (544), Lý Bôn xưng nam đế (vua nước Nam), đặt tên nước là Vạn Xuân (Đất nước vạn mùa xuân) niên hiệu là Thiên Đức. Phong Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều đứng đầu hàng văn, Phạm Tu đứng đầu hàng võ, phong Triệu Quang Phục là Tả tướng quân.

Năm Ất Sửu (545) nhà Lương sai các danh tướng Dương Phiêu và Trần Bá Tiên mang đại quân sang xâm lược. Vua Lý Nam Đế mang quân chống cự bị bất lợi lui về đóng ở động Khuất Liêu, rồi bị bệnh, vua trao quyền cho Tả tướng quân Triệu Quang Phục.

Tả tướng quân Triệu Quang Phục không lập căn cứ ở nơi rừng núi hẻo lánh, ông đem quân về Đầm Dạ Trạch giữa vùng đồng bằng đông dân trù phú. Dạ Trạch là khu đầm lầy, thuộc huyện Khoái Châu, bên quãng sông Hồng chảy ven đất Hưng yên. Theo sử sách xưa Đầm Dạ Trạch “to rộng và sâu khôn

ước lượng", "bốn mặt bùn lầy người ngựa không đi được, chỉ dùng thuyền độc mộc nhỏ đẩy bằng sào lướt trên nước và cỏ. Nếu lỡ ngã xuống nước thì bị rấn rết cắn chết.

Dựa vào địa thế hiểm trở này, ông cầm cự với giặc Lương gần ba năm. Mọi người suy tôn ông là "Dạ Trạch vương". Một hôm Dạ Trạch vương thấy có rồng vàng thào cái móng chân cho và bảo cài lên mũ đầu mâu, quân giặc trông thấy tự nhiên sợ phục. Từ khi được móng rồng Dạ Trạch vương đánh trận nào cũng thắng.

Năm 540 Trần Bá Tiên về phương Bắc, lưu phó tướng Dương Sàn ở lại Giao Châu. Dạ Trạch vương đem quân đánh Sàn. Sàn thua và bị giết.

Dạ Trạch vương xưng là Việt vương, đóng đô ở Long Biên.

Bấy giờ anh vua Lý Nam Đế là Thiên Bảo. Khi Nam đế thua, Thiên Bảo cùng Lý Phật Tử đem quân vào Cửu Chân. Trần Bá Tiên đuổi đánh, Thiên Bảo thua, chạy sang đất Ai Lao, thấy động Dã năng ở đầu nguồn sông Đào Giang đất rộng màu tốt, mới đắp thành để xưng là Đào Lang vương. Năm Ất Hợi (555) Đào Lang vương mất, Lý Phật tử đem quân xuống miền Đông, đánh nhau với vua không được, mới giảng hòa xin thề. Vua nghĩ tình Lý Nam Đế mới chia địa giới ở bãi quần thần, cho Phật Tử ở phía tây nước.

Sau Phật Tử cho con là Nhã Lang xin lấy con gái vua là Cảo nương. Tướng quân Trương Hồng và Trương Hát can vua không nên thông gia với họ Lý. Vua không nghe cho Nhã Lang ở r

Một hôm Nhã Lang hỏi vợ rằng:

- Trước vua cha chúng ta cừ thù với nhau nay là thông gia chẳng cũng hay lắm ư! Nhưng cha nàng có thuật gì mà lui được quân của cha tôi.

Cảo nương không biết thâm ý của chồng, lấy mũ đầu mâu cho xem. Nhã Lang ngầm đổi móng rồng, rồi trở về cùng Lý Phật Tử kéo quân thẳng đến đất Triệu Việt Vương. Vua đội mũ đầu mâu ra cự chiến nhưng long trảo (móng rồng) đã bị đánh trảo, mà vua thì tuổi đã cao nên việc quân không được phân chân. Vua mới chạy về phía Nam.

Tương truyền, Vua chạy đến làng Hư Tả, gặp cánh đồng rộng nước sâu ngăn trở. Vua dừng lại tìm thuyền chở quân, bấy giờ vừa đúng giờ Ngọ, dân Hư Tả dâng vua cơm gạo tám thơm. Vua qua cánh đồng đến làng Bái Trạch, xuống Cầm Nang đóng quân một đêm. Hôm sau vua lại qua làng Thiện Dăng, xuống làng Vụ Ngoại, đến cửa Đại Nha gặp biển nghẽn đường, mà quân Lý Phật Tử ba mặt đuổi theo gần kịp Vua mới hô to:

- Hoàng long thần vương không giúp ta sao?

Bồng rồng vàng nổi lên rẽ nước thành đường đi. Vua bước một bước xuống, nước lại khép lại như cũ.

Vua mất hôm ấy là ngày 14 tháng 8 năm Canh Dần (570).

Nhân dân nhớ công đức nhà vua đánh thắng giặc Lương đem lại nền độc lập cho dân tộc, lập đền thờ trên bờ biển nơi ông tự trầm. Làng Hư Tả cũng lập đền thờ Triệu Việt Vương hoàng đế trên khu đất thuộc Thượng thôn nơi ông dừng chân, tôn làm phúc thần.

Quân Nguyên Mông xâm lược lần thứ hai, Thượng hoàng và Vua Trần rút khỏi Thăng Long vào vùng Tam Điệp - Trường Yên, qua đền Độc Bộ cầu thần âm phù diệt giặc. Năm đầu Trung hưng (1285) quân Đại Việt chiến thắng diệt gần 50 vạn quân Nguyên Mông. Vua Trần tôn phong thần là: MINH ĐẠO HOÀNG ĐẾ.

Giặc Nguyên - Mông xâm lược lần thứ ba, vua Trần Nhân Tông sai sứ giả về đền Độc Bộ cầu đảo. Sau khi đại thắng thủy quân giặc ở Bạch Đằng giang, năm Trùng Hưng thứ tư (1288) tôn phong thêm Mỹ tự: "Khai cơ".

Đời vua Trần Anh Tông quân Chiêm Thành xâm chiếm biên giới, Huệ Võ vương Trần Khát Chân, và Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đem thủy quân đi bình Chiêm, qua đền Độc Bộ cầu thần âm phù thắng lợi, bắt được vua Chiêm Thành là Chế Chí, Năm Hưng long thứ 21 (1313) tôn phong mỹ tự: "Thánh liệt, Thần vũ" tức Minh Đạo, Khai cơ, Thánh liệt, Thần vũ, Hoàng đế.

NGUYỄN BẠCH LANG, NGUYỄN ĐƯƠNG LÂU, NGUYỄN QUÝ HIỂN

Tương truyền ở xã Đào Tùng, huyện Gia Lộc, phủ Hạ Hồng, xứ Hải Dương có một người tên là Nguyễn Danh Bảo, vợ là Trần Thị Hoan. Vốn dòng dõi thi lễ và nề nếp, người đương thời đều khen là một nhà hào phú trung hậu. Ông bà thường xuyên làm phúc nên kết quả cuối cùng là gia tài không còn một thứ gì có thể độ thân. Hơn nữa địa phương luôn bị nạn lụt đe dọa, nhân dân đói khổ, binh hỏa tàn phá. Vợ chồng than thở với nhau, muốn rời bỏ quê hương tìm chỗ đất lành nương thân. Một hôm ông bà dẫn nhau đến thôn Hạ Cát, xã Cát Dương tổng Cát Dương, huyện Phù Hoa, thấy đời sống nhân dân nǹ, phong tục thuần hậu, bèn xin cư trú và dựng trường dạy học, vợ thì mở ngôi hàng bán trà nước làm kế sinh nhai. Hồi ấy ông bà tuổi gần bốn mươi mà chưa có con. Một hôm vợ chồng than thở về nỗi hiếm hoi cho rằng không có con trai nối dõi tông đường là một điều bất hiếu lớn bèn đến cầu đảo ở chùa núi Yên Tử, mật đảo rằng: "Chúng tôi con người trần tục, lúc nào cũng mong muốn có chút con trai để nối dõi tông đường hương hỏa. Xin mười phương chư phật soi xét lòng thành ban cho phúc lớn". Khấn xong, đêm ấy nằm cầu mộng ở trước nhang án, ngược xem phong cảnh trong động sáng rực hào quang, trên điện có vị phật kim thân, trước mặt người đầy vàng bạc châu báu đằng sau người có ba đứa trẻ con. Phật vờ vợ chồng ông đến phán: "Những đứa trẻ này đều là con vua Ngọc Hoàng cả đấy, vợ chồng nhà ông về nhà nên thiết lập đàn tràng ở giữa sân mà cầu đảo thì thần sẽ ban cho", nói xong biến mất. Vợ chồng tỉnh mộng liền y lời làm theo. Sau đó Trần Thị có mang, lúc nào cũng nghe vǹng vǹng bốn câu:

Thiên thần giáng thế vào lòng Nguyễn

Muôn thưở thơm danh khắp núi sông

Có đức nên trời ban phúc tới

Nghìn năm hưởng lộc biết bao phùng.

Gặp tiết tháng ba cuối xuân. Trần Thị nằm ở buồng lan mơ thấy ba đứa trẻ từ trời xuống xin vào làm con, tỉnh dậy đau bụng trở dạ sinh ra một bọc ba

con trai, cậu nào cũng diện mạo phương phi. Đến năm các cậu lên năm thì hiểu biết âm luật nhã nhạc: cha mẹ rất vui mừng về đàn con thông minh dĩnh ngộ của mình, bèn đặt tên con thứ nhất là Bạch Lang, con thứ hai là Đương Lô, con thứ ba là Quý Hiền. Ông bà cho ba con theo học Đường Hòa tiên sinh. Cả ba học khoảng bảy tám năm, thông suốt kinh sử, võ nghệ cũng hơn hẳn mọi người, đặc biệt binh pháp của Khương Thái công rất nhuần nhuyễn. a cậu mười lăm tuổi, bỗng nổi trí tang bồng muốn vùng vẫy bốn phương. Ba người chiêu binh mãi mã, mưu đồ việc lớn. Hồi ấy họ mộ quân ở Cát Dương, Hạ Cát và trang bản: tổng số quân là 500 người. Nếu tính cả các phủ huyện khác thì số quân lên đến hơn hai nghìn người. Họ thiết lập đồn doanh ở Cát Dương, Hạ Cát để luyện quân tuyển tướng. Hồi ấy Lý Bôn khởi nghĩa họ đem quân đến qui phục, Lý Bôn cả mừng phong Bạch Lang làm Cương lĩnh long chu, phong Đương Lô làm thái bản tướng công, phong Quý Hiền làm tham tán tướng quân. Các ông chia quân làm năm đạo đến đánh Bá Tiên. Bá Tiên dàn quân đánh nhau ở Phủ Lý Nhân, quân Lương bị tiêu diệt, còn một số tàn quân tháo chạy về nước. Lý Bôn lên ngôi vua, đổi quốc hiệu là Vạn Xuân tự hiệu là Lý Nam Đế. Lý Bôn phong Bạch Lang làm chức chưởng ấn nội các, phong Đương Lô làm đông các học sĩ, phong Quý Hiền làm Tây các quan. Sau quân Lương lại sang xâm lược, lúc ấy Lý Nam Đế đã già yếu, lui về đóng ở động Khuất Liêu, giao cả binh quyền cho Triệu Quang Phục. Quang Phục đem quân về đóng ở chằm Dạ Trạch tự xưng là Triệu Việt Vương. Lây tư cách là cự thần của Lý Nam Đế, Bạch Lang bàn với hai em: "*Quang Phục tiếm quốc ta còn mặt mũi nào làm tôi hai họ, chi bằng riêng một cơ đồ để đương đầu với Quang Phục*". Ba ông đem quân về đóng ở Hạ Cát tự xưng là ba vị đại vương, đánh nhau với Triệu Quang Phục đến năm sáu năm mà không giành lại được kết quả gì đáng kể. Một hôm Bạch Lang tự than: "*Tự xưng làm bá làm vương thật chỉ là cái điếm không lành*" bèn mượn thú luyện phép thần tiên mà lãng quên thế sự không để lộ ý đồ cho hai em biết. Từ đó Bạch Lang chu du bốn phương cho khuây khỏa nỗi lòng. Bạch Lang đến thăm thắng cảnh động Hương Tích, mến cảnh Phật mà gạt bỏ niềm tục, ông làm lễ qui y và cải pháp danh là Bạch Linh thiền sư. Hơn mười năm trời, Bạch Lang giấu kín tung tích. Hai người em mong mãi không thấy Bạch Lang trở về bèn cùng năm người Cát Dương, mười người Hạ Cát đi dò xét dấu vết Bạch Lang. Họ nghe tin Bạch Lang trụ trì ở chùa Yên Sơn nên cùng nhau đến xin ông trở về bản ấp. Ông trở về xã Cát Dương, bỗng trúng phong mà chết. Nhân dân an táng ông rất chu đáo rồi em trở về thôn Hạ Cát, trời đất bỗng nhiên tối

tầm, gió mưa kéo đến mù mịt, trên không trung bỗng có ba tiếng sét nổ, một đường hào quang như sợi dây đỏ từ trời rủ xuống trước mặt hai ông. Có hai con rồng trong người hai ông thoát ra, bay lên trời biến mất. Hai ông mờ mờ ra đầm lung rồi mất. Trước khi hai ông hóa, có một vị đứng trên mây tự xưng "Ta là Phù Đổng Thiên Vương vâng mệnh thượng đế xuống rước hai ông về, không được chậm trễ". Hai ông mất, nhân dân làm lễ an táng ở xứ đồng thần, đồng thời dựng miếu ở hành cung. Các đời đế vương truy phong là Bạch Lang đại vương, Đương Lô đại vương, Quý Hiền đại vương.

LÝ NAM ĐẾ

Năm 43, Mã Viện đem quân xâm lược, Trưng Nữ vương thua trận hy sinh ở sông Hát. Nước Việt Nam lại bị nhà Hán đô hộ, đến năm 227 nội thuộc Đông Ngô. Họ Tư Mã diệt ba nước Ngụy, Thục, Ngô lập nên nhà Tấn, nước ta lại bị nội thuộc nhà Tấn, rồi qua nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương. Các quan cai trị nhà Lương đều tàn bạo hà khắc, áp bức bóc lột nhân dân vô cùng lầm than khổ cực. Thời ấy ở đất Long Hưng (Thái Bình) có ông Lý Bôn là người thiên tư lỗi lạc, văn võ toàn tài làm chức Giám quân, châu Cửu Đức cầm giặc bọn quan lại nhà Lương, mới liên kết với hào kiệt mưu việc dấy binh. Có tù trưởng Chu Diên là Triệu Túc cùng con là Triệu Quang Phục đem quân hưởng ứng. Người trong nước theo về rất đông, thế quân lừng lẫy. Quan Thứ sử Giao Châu là Vũ lâm hầu Tiêu Tư bỏ chạy về Quảng Châu. Lý Bôn đem quân vào Long Biên coi giữ việc châu trị, bấy giờ là năm Tân Dậu (541) niên hiệu Đại Đồng nhà Lương. Tháng 12 năm Nhâm Tuất (542), vua Lương sai Tôn Quýnh và Lư Tử Hùng làm tướng mang quân sang đánh nước ta, quân đến Hợp Phố bị chướng khí gây thành tật dịch, quân Lương 10 phần chết 6, 7, số còn lại tan rã mà trở về. Tháng tư năm Quý Hợi (543) vua Lâm Ấp đem quân cướp quận Nhật Nam, đại tướng Phạm Tu đánh thắng chúng ở quận Cửu Đức.

Mùa xuân, tháng giêng, năm Giáp Tý (544) Lý Bôn lên ngôi vua, xưng Nam Việt đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức năm thứ nhất quốc hiệu là Vạn Xuân: Dựng điện Vạn thọ làm nơi triều hội, đặt trăm quan, phong Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều đứng đầu hàng quan văn, Phạm Tu đứng đầu hàng quan võ, Triệu Quang Phục làm Tả tướng quân.

Tháng sáu, năm Ất Sửu (545), nhà Lương lấy Dương Phiêu làm Thứ sử Giao châu, Trần Bá Tiên làm hành quân Tư Mã đem đại quân sang đánh nước ta. Vua Lý Nam Đế đem quân chống cự bị thua ở đất Chu Diên, lại bị thua ở cửa sông Tô Lịch, vua chạy vào thành Gia Ninh. Quân Lương tiến theo vây chặt thành trì. Tháng giêng năm Bính dần (546), thành Gia Ninh thất thủ. Vua Lý Nam Đế chạy vào Tân Xương đất của người Lão. Quân Lương đóng chốt ở cửa sông Gia Ninh. Mùa thu, tháng tám, vua Lý Nam Đế lại đem 2 vạn quân từ đất Lão ra đóng quân ở hồ Điền Triệt, thuyền đỗ chặt cả trong hồ. Quân Lương có ý sợ đóng ở cửa hồ mà không dám tiến vào. Trần Bá Tiên bàn với các tướng nhà Lương rằng:

“Quân ta sang đây đã lâu, tướng sĩ mỏi mệt, vả lại quân trợ trợ một mình, không có tiếp viện, tiến sâu vào trong nước người ta, nếu một trận đánh mà không thắng lợi thì đừng mong sống được. Nay nhân lúc họ thua luôn, lòng người chưa vững, mà người Di Lão ô hợp, dễ bề đánh giết chính nên cố sức liều chết, quyết tâm đánh lấy, không có cơ gì mà dừng lại, lỡ mất thời cơ”.

Đêm hôm ấy nước sông lên mạnh, dâng cao 7 thước, chảy rót vào hồ. Trần Bá Tiên dẫn quân Lương đánh trống reo hò theo dòng nước tiến vào hồ. Vua Lý Nam Đế vì không phòng bị nên thất bại, vua lui về ở trong động Khuất Liêu, ủy cho Tả tướng quân Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều động mọi lực lượng đi đánh Trần Bá Tiên. Vua Lý Nam Đế mất ở động Khuất Liêu. Nhân dân nhớ ơn đức vua diệt giặc cứu dân, lấy lại non sông Hồng Lạc, nhiều nơi trong nước lập đền thờ phụng.

ĐÌNH LÃNG, ĐÌNH THỐNG, ĐÌNH MINH

Tiêu Tư nhà Lương sang làm thái thú là người tàn bạo hà khắc, nhân dân oán khổ. Hồi bấy giờ có người là Lý Bôn (Lý Bí) khởi nghĩa đánh nhau với quân Lương. Trước đó, ở động Huyền Vân có một người họ Đinh tên Lăng, vợ là Nguyễn Thị Sùng vốn là người tu nhân tích đức. Đinh công vốn là người có tài có đức, chẳng may gia biến xảy ra, bố mẹ đều mất. Hồi ấy địa phương mất mùa luôn mấy năm liền, trộm cướp nổi dậy khắp nơi, một tên cường tặc muốn bắt ép Đinh Lăng theo chúng, ông than: “*Gia đình ta mấy*

đời chỉ làm điều nhân đức, nếu ta đi theo bọn chúng thì bao điều phúc đức của tổ tiên cha mẹ ta đến đời ta rửa sạch sành sanh". Ông bèn thu xếp gia tài đem vợ là Nguyễn Thị đến trọ tại chùa xã La Tiến, ông bà được dân La Tiến yêu mến. Thời gian ấy, ông bà tuổi gần bốn chục, chưa sinh con, ngày đêm thắp hương cầu đảo chư Phật. Một đêm ông chiêm bao thấy con rồng vàng hiện ở trong nhà, Nguyễn Thị có mang từ đó, đến mồng bốn tháng giêng năm Mậu Thìn đẻ ra một cậu con trai mặt rồng mắt phượng, cầm én mày ngài, Đinh Lăng công nhận điềm mộng bèn đặt tên con là Linh Lang. Lúc trở dạ đẻ phụ lão La Tiến chiêm bao thấy quân lính đi vào trong đền truyền gọi phụ lão và nhân dân ra tập trung trước cửa đền, có một vị ngồi trên ngai phán bảo: "Ta đây là Tuyên Minh chính thần. Nay có nhà họ Đinh giữ chùa ăn ở phúc hậu, cảm động lòng trời, trời định cho ba vị giáng sinh làm con. Năm nay đẻ một, sang năm đẻ hai. Đều là những vị phúc tinh giáng thế phò vua giúp nước, sau khi hoá sẽ làm phúc thần ở địa phương này. Số trời đã định, nay ta báo cho dân biết...". Nhân dân tinh dậy biết là điềm chiêm bao gì đây họ ghi lại để nghiệm xem sau này thế nào. Đến tháng mười một năm Mậu Thìn, Nguyễn Thị lại chiêm bao thấy hai tiên đồng xin vào làm con, bà lại có mang: Đến ngày rằm tháng tám năm sau lại đẻ ra một bọc có hai con trai rất là tuấn tú. Sau một trăm ngày, Đinh Lăng đặt tên cho con một là Thống, một là Minh. Ngày qua tháng lại, Linh Lang lên bảy, Thống và Minh lên sáu, ba ông đều thông minh dĩnh ngộ, tài sức hơn người. Một hôm ông bà từ biệt nhân dân La Tiến đem ba con về quê. Năm ba cậu mười lăm mười sáu tuổi thì ông bà Đinh công đều mất. Năm mười tám mười chín tuổi cả ba theo học, bách gia chư sử cùng các môn võ nghệ tỏ ra là người có bản lĩnh. Cầm giận tên Tiêu Tư tàn bạo, ba người chu du thiên hạ để tìm chân nhân hỏi xem vận hội nước nhà ra sao. Một hôm ba anh em đi đến địa phận xã La Tiến, gặp một ông già đầu tóc bạc phơ có dáng tiên phong đạo cốt, mời vào trong đền đặt tiệc khoản đãi.

Trong lúc chén tạc chén thù, bao nhiêu chuyện cổ kim sinh sinh hoá hoá, sắc sắc, không không đều được nói đến. Đến lúc gà gáy dồn dập, ba ông nhìn lên tường thấy đề bài thơ rất hay, lấy làm ngạc nhiên, ngờ đâu có một ông thủ từ mà hay chữ đến thế, bèn hỏi lai lịch ông già. Ông già cười và nói: "*Lão đây là bậc danh tướng của Hùng triều và là vị chính thần của xã La Tiến. Ba ngài sau cũng cùng ta làm phúc thần ở làng này, vì thế nay ta tiếp đãi ba ông".* Nói xong đứng dậy phui áo đi vào hậu cung biến mất. Ba ông lấy làm kinh sợ, bèn đề một bài thơ lên tường:

Hùng triều dựng nước nay,

Đại vương hiển ứng gặp người trần gian.

Từ đây ân nghĩa kết truyền,

Giữa đình u hiển nghe quyền hoá công.

...Ba người làm lễ bái tạ, ra đi. Một hôm đến đất Thái Bình quận Long Biên, họ gặp Lý Bôn. Lý Bôn thấy ba ông tướng mạo đường đường, oai phong凛凛, có tài văn võ, học vấn sâu rộng, bèn giữ lại quân trung làm việc. Ba ông cùng viên đại tướng là Triệu Quang Phục truyền hịch đi các phủ huyện chiêu tập nghĩa binh đánh giặc Lương xâm lược. Chỉ khoảng thời gian vài ba tuần mà số người hưởng ứng đã lên đến sáu vạn tám trăm người. Linh Lang làm đại nguyên soái quản lĩnh tám bộ phận quân đội, Thống công làm Đô thống chế, Minh công là Hiến Minh đại phu. Ba ông đem quân đánh nhau với Tiêu Tư. Y phải chạy về nước. Lý Bôn lên ngôi tức là tiền Lý Nam Đế. Nhà vua mở tiệc khao thưởng tướng sỹ, ba ông xin lấy La Tiến thuộc phủ Khoái Châu làm ấp ăn lộc, được nhà vua chuẩn y. Ba ông xin vua cho về thăm xã La Tiến, làm lễ bái yết Tuyên Minh đại vương và khao thưởng nhân dân ba trang. Các ông nói chuyện với dân: "Ba chúng tôi đã xin vua cho miễn trừ các khoản tô thuế tạp dịch để chuẩn bị sau này là nơi vạn năm hương hoá của chúng tôi". Nhân dân bèn dựng đền thờ ở bản trang mình để chuẩn bị sẵn nơi thờ cúng các ngài mai sau.

Mấy năm sau quân Lương do Trần Bá Tiên chỉ huy lại sang xâm lược, Lý Nam Đế đóng quân ở hồ Điển Triệt, quân Lương không dám đến gần. Một hôm nước sông dâng lên chảy vào trong hồ, quân Lương theo nước mà tiến, quân của Lý Nam Đế thua to. Vua rút lui về động Khuê Liêu bị bệnh lam chướng mà mất. Bao nhiêu quyền hành đều do đại tướng Triệu Quang Phục nắm giữ. Ba ông can Quang Phục không nên chiếm ngôi, mà phải tìm con cháu của Lý Nam Đế dựng lên làm vua nhưng Quang Phục không nghe. Ba ông đem quân về đóng tại La Tiến để chống nhau với Triệu Quang Phục. Sau khi nghe thấy người anh em họ của Lý Nam Đế là Lý Phật Tử khởi binh ở huyện Chu Diên, phủ Tam Độ thuộc đạo Sơn Tây, ba ông đem binh mã đến qui phục Phật Tử. Ba ông tâu với Phật Tử: "Thần đánh nhau với Quang Phục nhiều lần mà không thắng được. Nhất định có phép lạ gì đây. Thần nghe Quang Phục có con gái tên là Mỹ Nương tuổi tương đương với

công tử Nhã Lang, nên xin cầu hôn để dò xem thế nào". Phật Tử nghe kể của ba ông, bèn sai sứ sang cầu hôn. Triệu Việt Vương đồng ý gả con gái cho Nhã Lang. Phật Tử cho Nhã Lang sang ở rể. Nhã Lang dụ dỗ My Nương cho xem máy đầu mẩu móng rồng. Nhã Lang thay đổi máy rồi về tâu với Phật Tử. Phật Tử sai ba ông cầm quân đánh Triệu Việt Vương, Vương thua chạy, gieo mình xuống cửa bể Đại Nha tự sát. Phật Tử lên ngôi lấy hiệu là Hậu Lý Nam Đế phong ông thứ nhất là Đại Bàng nguyên soái Linh Lang đại vương, phong ông thứ hai là Đô Thống đại vương, phong ông thứ ba là Hiến Minh đại vương. Ba ông cùng hoá một ngày. Hậu Lý Nam Đế sai quan triều về làm lễ tế bái và truy phong làm Thượng đẳng phúc thần, chuẩn y cho ba trang xã La Tiến lập miếu thờ.

Sau này Đinh Tiên Hoàng khởi nghĩa dẹp loạn sứ quân, một hôm hành quân qua miếu các ông, trời bỗng đổ mưa, quân không tiến được. Đinh Tiên Hoàng vào miếu trú chân, bỗng tâm thần băng khuông chiêm bao thấy bốn vị tôn thần, Tiên Hoàng hỏi thì vị đứng giữa thưa: "Tôi là Thiên Khai tuyên minh, danh tướng triều Hùng, còn ba vị đứng bên tả bên hữu, một vị xưng là Bát bộ Đại bàng Linh Lang, một vị xưng là Đô Thống, một vị xưng là Hiến Minh, đều là danh thần thời Tiên Lý, hậu Lý, nay thấy ngài đánh dẹp mười hai sứ quân để thống nhất núi sông, bọn thần nguyện tòng chinh, âm phù giúp nước dẹp loạn". Sau này Tiên Hoàng dẹp được mười hai sứ quân, lên ngôi hoàng đế phong Thiên Khai tuyên minh là thượng đẳng thần, phong Linh Lang, Đô thống và Hiến Minh làm trung đẳng thần, sắc lệnh cho nhân dân ba tráng xã La Tiến trùng tu miếu mạo, từ đó nước đảo dân cầu rất là linh ứng.

Các triều đại đều có gia phong duệ hiệu.

CHIÊU TƯỚNG QUÂN VÀ CUNG PHI NGỌC NƯƠNG

Tương truyền về thời Tiên Lý Nam Đế, ở trang Bảo Đài phủ Thuận Thiên (nay là phủ Thiệu Hoá), Châu Ái (nay là Thanh Hoá) có gia đình họ Nguyễn húy là Độ (tức Nguyễn Độ) vốn dòng dõi trâm anh thế phiệt. Ông có ba anh em, ông là thứ hai. Trong làng tiên cử ông làm lính, qua một năm

nhập ngũ, võ nghệ của ông nổi bật, khảo hạch trúng cử võ chức, nhà vua bèn phong cho giữ chức Điện binh Hải Dương. Hồi ấy ông mới hai mươi tuổi. Nguyễn Độ vốn con người trung thành, khí độ hơn người, đối với thầy với bạn tỏ lòng thành thực, cho nên trong cơ ngũ đều được mọi người yêu mến khâm phục. Riêng việc lập gia đình riêng, ông chưa kén được người xứng đáng. Hồi ấy ở giáp đường thuộc trang Đặng Xá huyện Đường Hào phủ Thượng Hồng có một người tên là Đặng Hồ, sinh hạ được một cô con gái tên gọi Chân Nương, tính nết hiền hoà, dung nhan tươi đẹp sáng sủa. Nhân khi có việc quan, ông đi qua ấp này, gặp nàng ông rất ưa, bèn làm lễ ăn hỏi, vợ chồng ông bà họ Đặng bằng lòng gả con gái cho. Nguyễn Độ bèn làm lễ cưới đón dâu về doanh trại. Từ đó duyên hải loạn phượng, song ba bốn năm trời mà tin mừng chưa thấy, đường con cái vẫn muộn mản. Ông ngẫm suy nghĩ: "Ham mãi việc quan không phải vì tham lợi lộc, nếu không tham lợi lộc thì đeo đẳng chức vụ làm gì... Muốn mưu cầu địa vị với triều đình tất nhiên phải mưu cầu lợi lộc đã mưu lợi thì phúc đức mỗi ngày mỗi giảm. Công danh đến thế là đủ rồi, nayu thân giữ đức mới là điều quan trọng nhất". Vì thế ông dâng biểu cáo bệnh xin về được nhà vua phê chuẩn. Ông về quê ngoại, tức thôn Đường Trang Đặng Xá xây dựng nhà cửa điền viên. Ông vốn là người tin quý thần, bèn xây một cái đài để thờ Hoàng Thiên Hậu thổ, sớm tối thấp hương cầu khẩn. Ngoài ra, ông còn bỏ gia tài để cấp phát cho người già, yếu, hoặc ai có việc gì nguy cấp ông đều đem hết sức mình giúp đỡ họ. Lúc nào ông cũng chuyên tâm đến điều nhân hậu phúc đức. Một hôm ông về quê nhà ở Ái Châu, bỗng gặp một ông cụ già đầu tóc bạc phơ, tay chống gậy trúc, theo sau có một tiểu đồng cầm chiếc túi đựng la bàn đứng ngắm ở dưới núi Vân Đài xem một huyệt rất quý và nói: "*Huyệt này do trời để chờ người có phúc mới có thể xúng được. Ta thấy ông là con người phúc hậu, ta muốn cho ngôi đất quý này...*". Ông nghĩ: "Hoạ phúc của mình mình hay. Gia thế nhà ta từ đời xưa đến đời nay chỉ một niềm tu nhân tích đức. Vợ chồng ăn ở hiền lành, không tham của, không làm điều ích kỷ hại nhân. Nay gặp ông già bảo để giúp cho ngôi đất này thật là may mắn quá chừng". ông bèn nhún mình tỏ vẻ kính cẩn thưa: "*Cụ hết lòng giúp cho thì tôi trông ơn đức của cụ*". Cụ già nhìn ông cười mà ngâm bài thơ rằng:

Địa do thiên định, phúc do nhân

Tích thiện chi gia tất hiển thân

Hữu đạo u thiên, thiên tứ phúc

Ngu mi tác án, phượng hoàng chân.

Dịch nghĩa:

Đất do trời định, phúc đức do người

Nhà tích lũy điều lành thì nhất định hiển đạt

Có đạo với trời (cho nên) trời ch>

(Đất này) có nét mày ngài làm án tiên, thật là kiểu đất phượng hoàng.

Cụ già ngâm thơ xong. Lấy gậy chỉ vào chân núi và dẫn đến cho coi kiểu đất "hoa sen hoá chim phượng hoàng" (liên hoa hoá phượng). Chỗ huyết kết là một chỗ đất lõm xuống đằng trước có hai cái mày ngài làm án tiên, bên tả bên hữu có cờ có kiếm như kiểu đứng hầu bên cạnh. Ông già chỉ gậy vạch vào chỗ đất lõm xuống mà đặt hướng là "toạ định hướng quí" (ngả lưng về phía nam, trông về phía bắc). Ông liền cúi đầu lĩnh mệnh, ông lão vụt lên không trung biến mất. Ông sững sờ sợ hãi, biết đây là thần nhân hiển linh báo cho, bèn chạy về nhà loan báo cho anh em biết việc này. Anh em nhất trí đem mả cha di táng vào chỗ đất do thần nhân chỉ bảo ấy. Sau khi táng mả được một trăm ngày thì bà Đặng Thị bỗng chiêm bao thấy mình bay lên cung Quảng Hàn bề một cảnh quế đỏ và lại hái một đoá hoa sen, giật mình tỉnh dậy, biết là chiêm bao. Sau đó bà có mang, đến ngày mồng 10 tháng mười một năm Ất mao đẻ được một cậu con trai, thân hình cao lớn, diện mạo khôi ngô, trán cao, cằm én, tiếng nói vang như sấm, mắt sáng như sao, khác hẳn người thường nhiều lắm. Cậu bé vừa đầy tuổi tôi mà đã biết nói đủ điều, cha mẹ bèn đặt tên là Chiêu (chiêu có nghĩa là sáng tỏ). Đến năm Chiêu lên hai, Đặng Thị lại có mang, đến ngày mười lăm tháng bảy năm Đinh Ty, bỗng thấy một con chim xanh bay vào buồng ngủ, kêu lên ba tiếng rồi biến mất. ít lâu sau Đặng Thị sinh hạ một cô con gái, mặt tròn như chiếc gương ngọc, sáng sủa không mảy may bụi bặm, mắt phượng mày ngài môi son má phấn, thật là người con gái khác hẳn trần gian. Sau một trăm ngày, cha mẹ đặt tên cho là Ngọc Nương. Ngày qua tháng lại, Chiêu đã lên chín tuổi, sớm biểu lộ ra là con người chính khí anh hùng cương trực, thông minh vượt lên mọi người.

Cha mẹ cho đến học ở dưới trướng của Trần Tiên Sinh, học mới được vài ba năm mà văn chương võ nghệ đều tinh thông thành thạo, học trò trong trường đều khâm phục, họ cho Chiêu là bậc thầy khác hẳn người. Nhân dân bên họ ngoại (tức thôn Đường ở trang Đặng Xá) thấy thế đều tôn kính yêu mến, họ nghĩ dân làng mình (phi nội tắc ngoại), ngày sau thế nào cũng có phận nhờ. Ngọc Nương lên 8 tuổi cũng được học một trường với anh, học hai ba năm thì văn chương tinh thông, thơ làm rất nhanh, trâm nét và nữ công không hề thiếu sót chút nào. Ngọc Nương càng lớn càng lộ vẻ kiều diễm, nụ cười như đoá hoa đào, gương mặt sáng như trăng thu, ai nấy trông thấy đều ngưỡng mộ như nàng tiên ở núi Bồng Lai giáng trần. Hồi ấy Lý Nam Đế băng hà, Triệu Quang Phục tướng quân lên thay cầm quân đánh giặc ngoại xâm. Chiêu lúc ấy đã hai mươi ba tuổi, trưởng thành, có tài thao lược và sức mạnh hơn người. Nhân dân địa phương đều dốc lòng qui phục, bèn kết thành một đội quân có vài trăm người, đi ăn cướp lấy của cải của một số nhà hào phú để chẩn cấp cho những người nghèo đói già yếu trong vùng. Hành vi của Chiêu là hành vi của một chàng hiệp khách, nên được quần chúng lao khổ khâm phục, coi Chiêu là bậc ân nhân của mình. Một hôm Triệu Quang Phục ngự giá đến huyện Đường Hào, dừng lại ngắm xem phong cảnh địa phương. Đêm đến, Quang Phục chiêm bao thấy một người con trai và một người con gái, mặt mũi khôi ngô kỳ vĩ, từ ngoài bước vào, đến trước mặt vương cúi đầu thi lễ. Vương phán hỏi: *"Nam, nữ tuổi xanh sắc đẹp từ đâu đến đây, có công việc gì, hãy nói cho hay"*. Hai người thưa rằng: *"Bọn thần vốn là anh em ruột, là thần tiên giáng thế, cho nên anh em hạ thần đến đây bái yết nhà vua"*. Vương hỏi: *"Anh em nhà người tên họ là gì?"* Theo lời hỏi của Vương, một người xưng danh là Chiêu, một người xưng danh là Ngọc Nương. Vương chột tỉnh, cho là điều chiêm bao hết sức tốt lành. Sáng ra, quân của Vương tiến đến địa giới trang Đặng Xá, nam phụ lão đưa nhau ra đón rước quân của Vương, khi ấy trong số dân đông đúc như thế cũng có mặt Ngọc Nương. Triệu vương ngự trên xe trông thấy Ngọc Nương sao mà giống như đúc cô gái mà Vương thấy trong mơ thế này. Vương không tin là mình đã tỉnh giấc mơ đêm qua, trong lòng sung sướng, bâng khuâng, bèn truyền gọi đến trước ăng: *"Nàng là con cái nhà ai?"* Nàng thưa: *"Quê thiếp vốn ở Ái Châu, đến ở thôn Đường, trang Đặng Xá là nơi quê mẹ đã mấy năm nay"*. Vương hỏi: *"Tên là gì?"*, Nàng đáp: *"Tên thiếp là Ngọc Nương"*. Vương lại hỏi: *"Gia đình nàng còn có anh em nào không?"*, Nàng trả lời: *"Thiếp còn có người anh ruột tên là Chiêu"*. Vương bèn truyền lệnh đóng quân ở thôn

Đường, trang Đặng Xá, ra lệnh đòi ông Chiêu đến. Chiêu đến bái yết Vương. Nhìn vào trạng mạo khôi ngô kỳ vĩ khác thường, Vương cảm thấy sao mà Chiêu thật với Chiêu ở trong mơ giống nhau đến thế, bèn thử tài năng học vấn của Chiêu. Chiêu ứng đối lưu loát như nước chảy, qua sự ứng đối đó biểu lộ Chiêu là con người văn võ toàn tài trên đời ít ai sánh kịp. Vương rất lấy làm hài lòng. Vương cho mời bố mẹ của Chiêu và phụ lão đến, ban cho bố mẹ một trăm lạng vàng và thưởng cho dân thôn Đường xã Đặng Xá ba nghìn quan tiền. Vương phán rằng : "*Chiêu và Ngọc Nương vốn là vị thần của dân sau này, trẫm định giao cho dân làm người giữ nhiệm vụ thờ cúng Chiêu công*", nhân dân tỏ ý vui mừng. Vương làm lễ thành hôn với Ngọc Nương. Sau đó triệu cả Chiêu về kinh thành phong làm Thủy lộ tướng quân lập Ngọc Nương làm cung phi thứ tư, phong tước là Xuân Hoa công chúa. Từ đây vua tôi tâm đầu ý hợp, vợ chồng nồng ấm tình duyên. Qua một năm, hai anh em xin trở về quê nhà bái yết từ đường, được Vương phê chuẩn, liền ban cho vàng ngọc lụa là cả thảy là năm nghìn cân, đồng thời cho xe loan, binh mã, cờ quạt chiêng trống và thị nữ tiễn về tận làng. Đến mồng một tháng hai họ về đến trang Bảo Đài. Nhân dân làm lễ mừng. Họ làm lễ gia tiên, mở tiệc ăn uống linh đình trong ba hôm. Sau đó đưa ra mười nén vàng tặng dân làng, rồi đem quân về thăm quê ngoại ở thôn Đường, trang Đặng Xá thuộc xứ Hải Dương. Công việc bái yết đã xong họ liền truyền cho nhân dân xây dựng một hành cung ở thôn Đường. Kiểu đất nơi đây: long hành như hình con rồng vòng vòng ôm lại, đồng bằng phẳng nổi lên bảy cái gò cao như hình bảy ngôi sao Bắc đẩu châu về hành cung. Nội minh đường là nơi hồ ao tụ thủy ở trước mặt, ngoại minh đường là một dải sông chuồn vòng châu lại. Xây dựng xong, ông rước bố mẹ về ở tại hành cung đó. Mở tiệc khai hạ 10 ngày, ông và Ngọc Nương tặng cho dân mười nén vàng mua ruộng ao đặt làm của công dùng cho việc tu sửa hành cung.

Khao thưởng xong, anh em lạy tạ bố mẹ rồi về triều. Từ đó ông làm việc trong triều được vài ba năm thì quân Lương lại kéo sang xâm lược. Vương liền phong cho ông chức Chiêu thảo thái úy kiểm soát nguyên suý bình Lương đại tướng quân. Ông phụng mạng cử binh thẳng tiến vào đồn trại giặc Lương, đánh một trận làm cho quân Lương tan tác, chém được 10 thủ cấp tướng Lương treo ở dưới cờ, lại truy kích kẻ không chịu quy hàng chém đầu và thu khí giới về kinh đô. Ông dâng biểu tâu tình hình chiến thắng về triều, vương giáng chiếu triệu về. Ông phụng mệnh kéo quân về bái yết Việt

Vương, được vương phong là Kháng triết quận công. Ngọc Nương về triều hầu hạ Việt Vương, được phong là Thị nội cung tần Xuân Hoa công chúa. Vương đi trấn thủ hai quận Sơn Nam và Hải Dương được năm sáu năm. Thiên hạ thái bình, trong phủ không xảy ra chuyện gì. Hồi ấy có Lý Phật Tử vốn là dòng dõi của Lý Nam Đế, các cận thần lập Phật Tử lên làm vua, đại khởi binh đến đánh Triệu Việt Vương. Từ đó "Long tranh hổ đấu" thiên hạ rối bời, một nước hai vua, non sông chia xẻ làm đôi. Vương tuyển tướng điều binh đánh nhau chống Phật Tử. Vương phong Trương Hồng là Tử dục thượng tướng quân, Trương Hát làm Hữu dục thượng tướng quân, Nguyễn Chiêu làm thái úy tiên quân, tướng quân chia đường đánh nhau với Lý Phật Tử khoảng năm sáu năm. Quân của họ Lý bị nhiều trận thua to. Triệu Việt Vương có móng rồng cài lên đỉnh mũ đầu mâu, quân họ Lý thấy đều run sợ, khiến cho tinh thần chiến đấu bạc nhược. Lý Phật Tử thấy vương có bí thuật và nhiều tướng tài, bèn hội chư tướng bàn rằng: *"Nay ta cứ đem quân chống chọi nhất định sẽ bị Triệu Việt Vương đánh bại, chi bằng hãy đánh bằng mưu. Nếu có lòng trời, chỉ việc đợi thời mà giành phần thắng lợi về mình, chứ không nên dựa vào binh lực mà đánh nhau mãi"*. Các tướng đề thành chủ trương hoà hoãn của Phật Tử. Họ Lý bèn sai cận thần dâng lễ tiến cống với lời lẽ khôn khéo đến trước Triệu Việt Vương xin giảng hoà. Việt Vương đồng ý bèn chia cắt mốc giới từ châu Quận Thần tức là địa phận Thượng Cát Hạ Cát để nhường một phần đất đai cho Phật Tử. Biết đây nhất định là âm mưu tiến công bằng mưu lược của kẻ địch, các tướng Trương Hồng, Trương Hát và Nguyễn Chiêu ra sức cản ngăn nhưng Việt Vương kiên quyết không nghe. Ông Chiêu liền tâu: *"Hoà với họ Lý, thần chỉ e dưỡng di hoạn"* (nuôi cạp để lại mối lo). *Vả lại ta với họ Lý như rồng với cạp cùng tranh giành nhau, không thể nhân nhượng nhau được. Nay vương thoả thuận cho cầu hoà, thần trộm nghĩ đây là một cơ hội dẫn kẻ địch vào thành, "Nhập cửa thành yêu", chúng nắm hết lực lượng và mọi điều cơ mật của ta, nhất định có ngày chúng tiến công ta, lúc đó muôn việc đã lỡ mất rồi, hối không kịp nữa"*. Vương cũng chẳng nghe. Ngọc Nương cung phi cũng can vua, vua không lưu tâm đến lời nói của nàng. Lý Phật Tử nghe Triệu Việt Vương có con gái tên là Cảo Nương công chúa bèn xin cầu hôn cho con mình là Nhã Lang. Triệu Việt Vương đồng ý, tướng Chiêu lại can: *"Nhà vua không nên nhẹ dạ tin người. Nó là kẻ địch, chắc chắn có âm mưu gì đấy đặt kế hôn nhân chỉ là để thực hiện âm mưu đen tối của chúng mà thôi. Đừng về phép dụng binh mà nói, đây là trận tấn công ta bằng mưu kế, sau đó chúng sẽ tấn công ta bằng binh hỏa..."*. Vương không nghe,

phán rằng: *"Ta với Lý Nam Đế vốn là nghĩa vua tôi, Phật Tử là dòng dõi của vua Lý ta không thể nhẫn tâm cự tuyệt ông ta"*. Thấy vậy tướng Chiêu bèn dâng biểu xin về quê nuôi cha mẹ già ông được vương phê chuẩn, ban cho vàng bạc lụa là và cho binh mã tiễn về đến quê nhà ở Ái Châu. Trên đường về ông qua quê ngoại ngày mùng 6 tháng giêng, nhân dân làm lễ lay mừng, ông vào cung yết kiến cha mẹ, mở tiệc mời phụ lão đến dự yến ba ngày. Trong khi yến hội, ông đứng lên nói chuyện với dân rằng: *"Ta nghe việc đời hưng vong do lòng trời định sẵn. Nay xem thế nước thấy rằng đức đại vương của ta vốn người nhân từ, sau này họ Lý tất đại vương ta khó mà giữ được ngôi báu. Lòng ta cảm thấy lo lắng, vì thế xin về dưỡng lão để có cơ hội chiêu mộ gia thân. Ai có lòng chung nghĩa thấy nên tự lập tự cường chờ khi nguy biến đều phải dấy binh ứng cứu"*. Nghe nói gia thân ai nấy đều cảm động, hứa xin trung thành với chủ tướng đến cùng. Yến tiệc xong, ông lại sức cho gia thân và dân địa phương xây một cung hội đồng ở cạnh sông thuộc địa phận bản ấp để làm chỗ hội binh sau này. Nhân dân vâng mạng xây dựng xong, ông ra làm lễ khánh thành và uỷ lạo gia thân, dân chúng. Sau đó, ông rước cha mẹ về bên nội. Ông nhàn cư và phụng dưỡng song thân, sớm thăm tối hỏi hết đạo làm con. Vừa được một năm, thì than ôi đạo trời cũng khéo đa đoan, khiến cho song thân cùng tạ thế vào ngày mùng 10 tháng hai. Ông cùng em làm lễ an táng, và làm chay chu đáo. Lại nói Ngọc Nương kết duyên với Việt Vương mười năm mà không sinh nở lần nào, hơn nữa nàng can gián vua, vua không nghe, nên trong lòng cũng chứa đầy phần uất, bèn xin nhà vua cho xuất gia đi tu để vui thú thanh nhàn và diệt dục. Vương chuẩn y ban cho nàng vàng ngọc sai xe loan hộ tống về quê nhà. Ngọc Nương lay tạ trước bệ ngọc tạ từ nhà vua. Nàng về quê nội trong châu Bảo Đài khóc lay cha mẹ làm lễ tạ gia tiên trước lúc ra đi quy y phật pháp. Sau khi nàng đi tu, có dịp trở lại quê ngoại thôn Đường nàng ban cấp cho nhân dân ba nén vàng để làm khoản tiền công quỹ và bỏ tiền ra sửa sang chùa chiền, Ngọc Nương chính thức đi tu thành bậc Sư Trưởng. Vương truyền lệnh đặt tên hiệu là Diệu Phương, tự là Pháp Tuấn và ban cấp cho xe và mũ. Lý Nhã Lang sau khi kết hôn với Cảo Nương công chúa được Vương tin yêu cho ra vào nơi cung cấm. Một hôm Nhã Lang hỏi dò Cảo Nương: *"Trước đây cha chúng ta hiềm khích nhau gây nên nội chiến, không hiểu lúc ấy phụ vương bên này có phép thuật gì lạ mà chiến thắng được quân bên kia?"*. Cảo Nương bèn chỉ vào cái móng rồng gắn trên mũ đầu mâu của Triệu Việt Vương. Nhã Lang bèn ngậm lấy cái móng giả thay vào viện cố xin về thăm cha. Việt Vương đồng ý. Không lâu, Lý Phật Tử đem

quân tấn công Triệu Việt Vương, Việt Vương mất móng rồng nên bị thua, chạy đến cửa biển Nam Hải, đường cùng đành phải tự sát. Ngọc Nương cung phi nghe tin cũng mất vào ngày mười tám tháng tư. Dân làm lễ an táng ở xứ Đông Kiến và lập đền thờ. Năm ấy, tướng Chiêu hội binh một nghìn sáu trăm người. Họ cự chiến với quân họ Lý một cách oanh liệt, tướng Chiêu cùng các tướng chém được vài trăm đầu quân Lý. Nhưng quân họ Lý nhiều gấp bội, tình thế binh lực của ông cô đơn, biết rằng khó điều chống nổi, bèn ngửa mặt lên trời than: "Chúa ta vì lòng không bắt nhand mà lâm phải đường cùng; phận làm tôi con chỉ biết có đạo cương thường mà thôi. Nếu làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, nhất định để tiếng chê cười muôn thuở. Vua ta chỉ vì trung nghĩa mà mắc lừa, xin trời chứng giám". Ngày mười hai tháng năm, lao mình xuống sông Hồng mà hoá. Nhân dân địa phương thương cảm lòng trung nghĩa của ông, liền lập miếu tại bên sông nơi ông hoá để phụng thờ muôn đời. Các gia tướng của ông đều cảm kích về tình nghĩa thầy trò, họ lập miếu thờ ở bốn mươi lăm nơi. Đến thời Nam Bắc phân tranh, Ngô Quyền thừa cơ dấy binh lên nắm quyền bính, không được bao lâu thì nước ta có loạn mười hai sứ quân, mỗi thủ lĩnh chiếm cứ một phương, quân đánh lại nhau. Đinh Tiên Hoàng khởi nghĩa ở động Hoa Lư dẹp loạn mười hai sứ quân. Đinh Điền làm chức thái úy, vâng mệnh Tiên Hoàng cầm quân đánh mười hai sứ quân. Một hôm, Đinh Điền hành quân qua thôn Đường trang Đặng Xá, nghe nói đền rất anh linh, bèn vào làm lễ mật đảo, và khấn: "Ngài âm phù đánh giặc thành công, sau này tôi sẽ đem thành tích hiển linh của ngài tâu lên vua bao phong thưởng đẳng phúc thần cùng nhau hưởng lộc thái bình". Khấn xong, đêm ấy Thái úy Đinh Điền đóng cạnh miếu, chiêm bao thấy Đại vương mặc áo giáp rực rỡ, đầu đội mũ trụ, tay cầm long đao, cao lớn đường hoàng đỉnh đạc, theo sau là Ngọc Nương cung phi (em gái của Đại vương) đi thẳng vào tướng dinh, Đinh Điền hỏi: "Chẳng hay hai người là ai? Giữ quan tước gì?" Thần đáp: "Ta là danh tướng của Triệu Việt Vương. Hai anh em nghe tin tướng quân hành quân qua đây, nguyện xin âm phù trợ chiến giết giặc". Thái úy cả mừng, bèn mời ngồi, bỗng nhiên tỉnh lại, biết là chiêm bao. Đinh Điền cho là thần hiển linh bèn vội phụ lão trong thôn đến hỏi. Nhân dân bèn cung khai duệ hiệu hai vịnh Điền giúp Đinh Tiên Hoàng dẹp yên loạn mười hai sứ quân, Tiên Hoàng lên ngôi hoàng đế đóng ở Hoa Lư và sắc phong cho hai anh em Nguyễn Chiêu là Phúc thần.

TRẦN LẠC VÀ TRẦN LANG

Tương truyền ở xã Phương Lịch, huyện Chí Linh xứ Hải Dương có người tên là Trần Bảo, vợ là Nguyễn Thị Hoan, gia thế vốn nhà hào phú. Vợ chồng ông Trần ăn ở trung hậu, được dân địa phương khen ngợi. Gặp lúc địa phương lụt lội, binh đao giặc giã, ông bà đành thu xếp gia tài di cư đến xã Đặng Đình, huyện Ân Thi là nơi phong tục thuần hậu để cư trú. Trần công dạy học còn Nguyễn Thị bán trầu nước làm kế sinh nhai. Hồi ấy ông bà tuổi gần 40 mà chưa có con, bèn cùng nhau đi lễ cầu tự ở chùa Hương Tích. Ông bà cầu mộng ở chùa, đêm đến nằm mơ thấy quang cảnh trong động sáng rực. Đức phật ngự trên tòa sen truyền gọi ông bà đến phán rằng: "Vợ chồng nhà ngươi phúc hậu, Phật ban cho hai đứa trẻ đầu thai làm con. Lúc ấy ở bên cạnh có một cụ già cho biết thêm; hai đứa trẻ này là con vua thủy tề ở sông Quảng Lăng, nên về lập đàn cầu đảo. ít lâu sau bà Nguyễn Thị có mang luôn luôn nghe thấy bên tai văng vẳng có người đọc thơ.

Họ Trần trời phú hai trai

Biển sông tú khí đòi đòi danh thơm.

Đến giờ ngộ, ngày 16 tháng Giêng, Tr chiêm bao thấy hai đứa trẻ con từ trong giếng nước đi lên năn nỉ xin vào làm con. Tỉnh mơ, Nguyễn Thị trở dạ đẻ ra một cái bọc có hai con trai rất khôi ngô. Trần công cả mừng, đặt tên cho con thứ nhất là Lạc, con thứ hai là Lang. Năm lên sáu tuổi họ theo học ở Nguyễn Hòe, tỏ ra rất thông minh, văn võ kiêm toàn. Đến năm 20 tuổi, hai ông tỏ ra có chí trượng phu, muốn dẹp loạn yên dân. Hai ông chiêu mộ quân ở biển huyện và các huyện trong tỉnh như Đông Yên, Xích Đằng và cả huyện Đường Thao, Hải Dương. Số quân mộ được lên đến hơn 3000 người chia làm ba đồn đóng ở ba nơi trong xã. Hai ông tính tình có chỗ khác nhau. Ông Lạc cương cường, khắc khổ; ông Lang mềm dẻo, nhân nại. Song, hai ông rất hòa thuận, biết nhường nhịn cho nên anh em ở được với nhau. Ông Lạc lấy con gái ông Trần Đào người địa phương có người trông nom cha mẹ, ông Lạc và ông Lang đem quân đến hội với Lý Bôn. Lý Bôn rất mừng bèn phong ông Lạc làm Thủy đạo thống lĩnh tướng quân, ông Lang làm Tham tán mưu sự. Nhà vua sai hai ông đem quân đánh nhau với Trần Bá Tiên. Quân Lương thua lớn. Được ít lâu quân Lương lại kéo sang xâm lược. Lúc ấy Lý Bôn tuổi già sức yếu, lui về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở

đó. Đại tướng Triệu Quang Phục lên thay, đem quân về đóng đồn ở đầm Dạ Trạch để chống nhau với Bá Tiên. Khi ấy hai ông đem quân về đóng ở xã Đặng Đình. Được ít lâu, thân phụ Trần công mất; thân mẫu và quý nương - phu nhân của ông Lạc - cũng mất cùng ngày. Sau khi an táng xong, Lạc công bàn với Lang Công : "Hiện nay cơ nghiệp nhà Lý đã mất, Quang Phục thì ngang nhiên xưng hùng xưng bá, huống chi anh em mình không kém gì Quang Phục. Chi bằng ta biệt lập cơ đồ một khu trong thì chống Quang Phục, ngoài thì chống Bá Tiên há chẳng được ư?". Hai ông bèn chia xã Đặng Đình thành ba khu đóng thành ba đồn binh, chia nhau canh giữ được vài ba tháng. Lạc công tự nghĩ - tự xưng hoàng đế có lẽ là điềm chẳng lành. Tuy vậy ông không dám bày tỏ cho Lang công biết. Ông bèn lấy cớ đi tìm thuật thần tiên, chu du các danh lam thắng cảnh và vào tu ở động Hương Tích, lấy pháp danh là Thiện hóa cư sĩ. Ba bốn năm đã qua. Lang công không biết Lạc Công ở đâu. Sau biết tin Lạc công tu ở Hương Tích, bèn đến tìm cho bằng được. Sau đó hai ông cùng ngồi xe trở về Đặng Đình. Từ đó hai ông thường làm những việc có lợi cho dân, mở chợ cho dân buôn bán gọi là chợ Động. Một hôm hai ông đang ngồi chơi ở hành cung bỗng thấy nước sông réo lên ù ù. Các loài thủy tộc như thồng luồng, rắn, cá, ba ba, rùa cùng nổi lên mặt nước. Khi ấy có một đường hào quang đỏ rực từ dưới sông bay lên hành cung. Trời đất tối sầm lại, mưa gió sấm sét kéo đến sầm sập. Khoảng một lúc thì trời quang mây tạnh nhân dân và quân lính không thấy hai ông đâu cả chỉ thấy mũ áo trút lại chỗ ngồi. Nhân dân bèn viết thần hiệu khắc vào một bài đặt ở hành cung phụng sự. Qua các Triều Đinh, Lê, Lý, Trần đều hiển linh giúp nước nên các đế vương đều ban sắc phong làm thượng đẳng phúc thần.

LÝ PHỤC MAN

Ông vốn người làng Cổ Sở, hồi nhỏ là bậc anh tài thao lược rất thạo nghề cung kiếm, lớn lên có oai quyền và đức độ sức khỏe có thể vật ngã voi. Ông quy phục Lý Nam Đế. Nhà vua thấy ông có tư thế hiên ngang, xứng đáng là bậc đại trượng phu cho tham gia các trận đánh, lập nhiều chiến công. Sau khi nhà vua thấy Đường Lâm là nơi xa xôi hiểm yếu bèn phong ông làm đại tướng quân đi trấn thủ miền đất ấy. Đến trị nhậm ở đây, nhân dân địa phương đều được trông cậy vào ân đức của ông. Quân Chiêm Thành đánh vào vùng Cẩm Đức, ông nhận được chiếu chỉ cầm quân đánh giặc và đại

thắng. Nhà vua ban cho ông cái tên Phục Man và ban cho họ Lý, lấy vị công chúa là Lý Nương đại vương. Ông là người trung thành, có đức thanh liêm nên mọi người đều sợ oai của ông. Sau này sang xâm lược. Tướng giặc Trần Bá Tiên đánh nhau với quân triều đình tại miền Tô Lịch, Chu Diên. Vua Lý Nam Đế lui về đóng ở động Khuất Liêu rồi bằng hà ở đó. Ông nghe tin rất buồn, sai người cố thủ những nơi hiểm yếu. Bỗng một đêm bốn bề lửa cháy quân Man đi đầy cả trước mắt, ông tức giận vì lòng người nham hiểm, mệnh trời cũng khó mà tin được bèn đem gia tướng đột phá vòng vây, nhưng rút cục lại gặp đường cùng không lối thoát. Ông chỉ trời vạch đất rồi ung dung tự sát. Các gia tướng đưa thi hài ông về bến Hồ Mã thuộc địa phận Cổ Sở để an táng.

Sau này Lý Thái Tổ đi tuần du đến xã Cổ Sở, trông thấy núi sông kỳ thú thấy có gì phảng phất anh linh bèn rót chén rượu khấn rằng: "Nếu nơi này là nơi địa linh nhân kiệt thì hiển linh cho trẫm thấy". Đến đêm nhà vua chiêm bao thấy một con người kỳ lạ, cao lớn, đến cúi đầu vái chào mà nói "Thần là người địa phương này, họ Lý, tên là Phục Man, làm tướng giúp Lý Nam Đế. Các thời đại tiếp sau, thần đều hiển linh phá giặc như giúp Ngô Vương phá quân Nam Hán, giúp Lê Đại Hành phá quân Tống", nói xong thông thả đọc thơ :

Thiên hạ ngày đen tối

Biểu hiện tâm lòng chung

Giữa trời bùng nhật nguyệt

Ai cũng thấy hình dung.

Nói xong biến mất. Nhà vua tỉnh mộng, bèn sai trùng tu miếu mạo và đắp tượng như nhà vua thấy trong mơ. Nhà vua phong cho Lý Phục Man làm thượng đẳng phúc thần. Niên hiệu Nguyên Phong nhà Trần, quân Nguyên sang xâm lược. Khi kéo qua Cổ Sở, ngựa của chúng bị què không tiến lên được. Người trong làng dựa vào sức thần chém giết và bắt được rất nhiều giặc. Thắng giặc, thần được phong thêm hai chữ "minh ứng". Đến năm Nguyên Phong, quân Nguyên lại đến xâm lược nhưng qua bản ấp thì mảy may không dám xâm phạm, như là có sự phòng hộ nào đó. Khi giặc yên,

thần được gia phong "Chứng an quốc công". Năm Hưng Long thứ hai mươi mốt, gia phong hai chữ "Hựu quốc".

KIỀU CÔNG HÃN

Ông họ Kiều huý Công Hãn sinh ở Châu Phong, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú, cha là Kiều Công Chuẩn, ông là Kiều Công Tiễn nha tướng của Tiết độ sứ Dương Diên Nghệ.

Năm Đinh Dậu (937), Kiều Công Tiễn giết Dương Diên Nghệ đoạt chức Tiết độ sứ. Kiều Công Tiễn sợ Ngô Quyền là con rể Dương Diên Nghệ đang trấn thủ Ái Châu đem quân ra báo thù, mới sai sứ sang cầu vua Nam Hán cho quân sang giúp. Kiều Công Chuẩn can rằng :

- Nhà ta vốn là Hào trưởng ở Châu Phong, nếu như cha lượng sức không đánh nổi quân Châu Ái, thì nên trao chức Tiết độ sứ cho Ngô Quyền, rồi về Châu Phong an hưởng tuổi già, không nên rước quân Nam Hán vào tàn sát dân mình, cái tội ấy không gì nặng bằng.

Kiều Công Tiễn nghe xong nổi giận rút gươm toan chém, các tướng xúm lại giằng lấy gươm và khuyên giải nên Kiều Công Chuẩn mới thoát chết. Kiều Công Chuẩn về tư dinh, viết thư kể tình hình quân Nam Hán sắp kéo sang, ông giục Ngô Quyền gấp rút tính kế diệt giặc để cứu muôn dân, rồi dặn dò Kiều Công Hãn mang thư vào Châu Ái trao tận tay Ngô Quyền, còn ông đem hai con nhỏ là Kiều Thuận và Kiều Công Đĩnh lên về ẩn ở Hội Hồ.

Ngô Quyền nhận được thư của Kiều Công Chuẩn, bèn giữ Kiều Công Hãn ở lại bàn kế đánh giặc. Ý Ngô Quyền muốn mộ thêm quân. Kiều Công Hãn hiến kế. Nam Hán là một nước nhỏ, nhân buổi nhà Đường suy sụp, chiếm một khoảng đất phía đông nam dựng nước, vẫn luôn luôn ngó nước ta. Nay cơ hội đã đến, chúng sẽ sang cướp nước ta mà sẽ tràn vào đường biển, không nên để chúng liên kết được với Đại La mà phải kịp thời đem quân đánh chúng ngay từ cửa biển.

Ngô Quyền nghe theo, mới sai Phạm Bạch Hổ mang quân theo đường bộ đánh úp Đại La, rồi tự mình làm tướng, sai Kiều Công Hãn làm tiên phong

mang thủy quân vượt biển ra đồn trú ở vùng Lương Xâm (nay thuộc huyện Hải An - Hải Phòng). Ở Lương Xâm, Ngô Quyền được tin báo vua Nam Hán phong con trai là Hoằng Thao làm Giao Vương, chỉ huy đoàn thuyền tiến sang nước ta. Cùng lúc Phạm Bạch Hổ đã chiếm được Đại La mang quân về Lương Xâm hợp sức chống giặc.

Sau khi chiến thắng quân Nam Hán, Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, Kiều Công Hãn có nhiều công lao được phong chức Đề Sát. Ngô vương làm vua được 6 năm thì mất, thái tử Xương Ngập còn nhỏ, cậu là Dương Tam Kha cướp ngôi xưng là Bình vương. Xương Ngập chạy về ẩn náu ở miền Nam Sách. Dương Tam Kha nhận con thứ hai Ngô vương là Xương Văn làm con nuôi. Năm Canh Tuất (950), Dương Bình vương sai Xương Văn và hai chỉ huy sứ họ Dương và họ Đỗ đem quân đi đánh hai thôn Đường thôn Nguyễn. Kiều Công Hãn mật dặn các tướng đem quân về đánh úp Dương Tam Kha rồi lập Xương Văn lên làm vua, xưng là Nam Tấn vương, lại cho đón anh là Xương Ngập về kinh sư cùng coi việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương, tiến phong Kiều Công Hãn làm Giám quốc. Được mấy năm Thiên Sách vương mất. Đến năm Ất sửu (965) Nam Tấn vương đem quân đi đánh hai thôn Đường, thôn Nguyễn, bị tên nỏ của phục binh bắn trúng mà chết.

Ngô Xương Xí là con Thiên Sách vương lên nối ngôi chú, người cùng họ là Ngô Nhật Khánh đem quân tranh giành. Ngô Xương Xí bỏ Cổ Loa vào ở Bình Kiều, Châu Ái. Các hào trưởng chiếm giữ quân ấp tự trị không theo về Cổ Loa. Sử sách ghi lại được 12 khu cát cứ gọi là 12 Sứ quân. Đề sát Giám quốc Kiều Công Hãn chiếm cứ Châu Phong và hai châu lân cận, tục gọi là Kiều Tam Chế, một trong 12 sứ quân thời đó.

Năm Đinh Mão (967) Đinh Bộ Lĩnh được Trần Lãm cho binh quyền ở Bồ Hải khẩu, lại được Phạm Bạch Hổ đem Đằng Châu qui thuận. Đinh Bộ Lĩnh liên tiếp đánh bại La Đường ở Tế Giang, phá Nguyễn Siêu ở Thanh Trì, diệt Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ Đông giang, xưng là Vạn Thắng vương, quân uy lừng lẫy mới chia quân làm hai đạo; một đạo tiến sang Kinh Bắc dẹp Lý Khuê và Nguyễn Thủ Tiệp. Một đạo tiến lên vùng Sơn Tây, Ngô Nhật Khánh sợ hãi đầu hàng, Nguyễn Khoan bị giết, Kiều Thuận bị cầm tù. Thành Phong Châu bị vây hãm. Sứ quân Kiều Công Hãn đem vài trăm thân binh đêm mở

cửa thành mở đường máu, thoát vòng vây chạy về phía nam, có ý định chạy vào Bình Kiều hợp với Sứ quân Ngô Xương Xí.

Sáng ngày mồng 10 tháng chạp năm Đinh Mão (967), Sứ quân Kiều Công Hãn còn hơn chục thân binh, chạy về đến vùng Thượng Hiền, dừng ngựa hỏi thăm đường vào Châu Ái (chỗ hỏi thăm đường sau có tên Ván Khẩu, nay là thôn Ván Khẩu xã Nam Vân huyện Nam Ninh, thôn này có đền thờ Sứ quân Kiều Công Hãn). Quân qua trại An Lá (Nay thuộc xã Nghĩa An giáp An Nam Vân huyện Nam Định) bị thổ hào Nguyễn Tấn đem mấy trăm dân quân đón đánh. Sứ quân Kiều Công Hãn ít quân lại đang mệt mỏi qua mấy chục ngày đêm triền miên chiến đấu, ông bị thương vào cổ, bèn phóng ngựa chạy xuống làng Lãm, nay thuộc huyện Đông Sơn (Nam Ninh) đến đây gặp cánh đồng lầy lội. Sứ quân Kiều Công Hãn dừng ngựa ở, gò cao buộc lại vết thương, rồi quay ngựa trở lại đến mé làng An Lũng, ông xuống ngựa bước vào quán hàng bên cầu An Lũng, bà chủ quán hàng là Phạm Thị Già dâng rượu cúc và gỏi cá trắm. Ông nói:

- Ta vốn ở xa ngàn dặm đến đây với bà vốn chưa quen biết, cứ sao bà có hậu tình, sau này ta biết lấy gì báo đáp?

Bà Phạm Thị đáp:

- Đêm hôm qua tôi mộng thấy thần nhân bảo hôm nay có một vị tôn quý được hưởng huyết thực vùng này. Vị tôn quý đó chẳng phải là tướng quân sao?

Kiều Công bèn nhận đồ dâng, ăn xong mới bảo bà Phạm Thị rằng:

- Ta nhớ hậu tình của bà hôm nay, ta không báo được thì trời sẽ đền cho, *“làm điều lành hẳn có phúc thừa”*, bà khá ghi nhớ lời ta vậy.

Nói xong, Kiều Công bước ra ngoài quán, nhìn thấy một mô đất cao, bèn đi đến đó, cởi áo chiếm bảo trái xuống đất nằm lên, lấy cây giáo gồi đầu mà mát. Nhân dân lấy chiếu đắp lên thi thể Kiều Công qua một đêm mới xông thành mộ.

Sau đó thường hiển linh, nhân dân 4 xã : Bái Dương, Trang Trữ, Cổ Lũng, Hiệp Luật lập đền thờ ngay trên phân mộ. Ngoài cổng đền dựng một miếu

nhỏ thờ bà Phạm Thị Già vì công dâng rượu và gỏi thần ăn trước khi mất.

Khi vua Lê Đại Hành mang quân đi đánh giặc Bắc, mộng thấy thần mang một toán quân mã, xin cùng lên biên ải giúp sức. Sau khi chiến thắng, bắt được phó tướng của giặc là Quách Quân Biễn là Triệu Phụng Quân. Vua Lê Đại Hành khen thần linh hiển hạ chiếu ghi vào từ điển. Vua Lê Đại Hành mộng thấy thần và hỏi:

- Ông là thần nào?

Trả lời:

- Tôi là thần Long Kiêu ở An Lũng

Sau này, năm Thái Ninh thứ hai (1073) đời vua Lý Nhân Tông, trời giáng mưa dầm bảy tháng. Nghe tiếng thần Long Kiêu linh ứng vua sai sứ giả về đền cầu cho nắng ráo được ứng nghiệm. Vua Lý hạ chiếu ban cho 16 mẫu tự điền và phong thêm mỹ hiệu cho ông.

ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Hồi nước ta bị chia cắt làm mười hai xứ, mỗi xứ có một sứ quân cầm đầu, gây chiến với nhau làm cho dân vô cùng khổ cực, điêu đứng. Đó là thời kỳ loạn mười hai sứ quân. Thời ấy có vị anh hùng là Đinh Bộ Lĩnh quê ở Hoa Lư khởi binh đánh dẹp các sứ quân, cuối cùng đã đưa giang sơn về một mối.

Tương truyền có một lần, Đinh Bộ Lĩnh hành quân qua Tổng Tam Lộng thấy nơi đây đồng ruộng phì nhiêu, bằng phẳng, nhân dân làm ăn phồn thịnh, địa thế hiểm trở tiến lên có thể đánh, lui về có thể giữ. Vương bèn hạ lệnh cho quân đóng đồn ở đây, đồng thời triệu tập dân lại phán: *"Hiện nay loạn lạc trăm họ đều khổ, ta quyết định lấy khu này làm chỗ trú quân, nhân dân hãy đồng thời hợp sức với ta đánh giặc"*. Sau đó vương chiêu mộ người của bốn họ Lê, Trịnh, Nguyễn, Đào được hơn bảy mươi người làm bè tôi thân tín của mình. Một hôm vương sai lập đàn tràng cầu đảo thiên địa bách linh âm phò tế độ. Đêm đến, vương chiêm bao thấy một ông quan mũ áo chỉnh tề, lộng lẫy, tay cầm thẻ vàng, đến trước mặt vương tâu: *"Thần được*

thiên đình sai xuống báo cho vương biết, nay vương đã có bốn đại gia tộc làm bề tôi tâm phúc, nhất định sẽ dẹp yên được giặc", nói xong bay lên không biến mất. Sáng ra, vương làm lễ tạ thần linh. Ngay sau đó, vương ra lệnh tấn công trang Tùng Đỗ, diệt được vị sứ quân ở Ái Châu.

Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, vương lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, Ninh Bình. Quân thần dâng tôn làm Đại tướng Minh hoàng đế. Vương phong cho con trưởng là Liễn làm Nam Việt vương, phong cho con thứ là Hạng Lang làm thái tử. Vương tỏ ra yêu mến Hạng Lang, Liễn rất bất bình, bèn sai thích khách ám sát Hạng Lang. Sau đó chính vương cũng bị viên cận thần Đỗ Thích giết hại.

Vận hội nhà Đinh ngắn ngủi, bảy mươi vị gia thần của 4 họ Lê, Trịnh, Nguyễn, Đào đều về ẩn dật tại bản trang và cùng với nhân dân dựng miếu thờ Đinh Bộ Lĩnh để nhớ đến công ơn giết giặc cứu dân, thống nhất đất nước của vương. Một năm sau, dân bản chiêm bao thấy vương dẫn quân về hội họp tại miếu rất đông. Sáng ra mọi người hỏi nhau thì đều thấy chiêm bao giống nhau cả.

Vào khoảng năm Thiên phúc, Lê Đại Hành đem quân đi đánh giặc, qua ngôi miếu của bản trang vào lúc mặt trời xế bóng, nhà vua cho tạm đóng quân nghỉ lại. Đêm nhà vua chiêm bao thấy thần nhân cười nói rằng: *"Cung miếu này là chỗ ta đóng quân hôm trước. Nay vị anh quân đánh giặc qua đây, ta hiện lên ra mắt và sẽ âm phù cho ba quân chiến thắng..."*. Lê Đại Hành tỉnh mộng, truyền gọi phụ lão đến hỏi về tình hình linh ứng của thành hoàng bản trang. Dân tâu lên, nhà vua ban cho ba chục quan tiền công để trùng tu miếu mạo.

PHẠM BẠCH HỔ

Phạm Bạch Hổ quê ở Đằng Châu (Kim Động, Hải Hưng), bà mẹ nằm mộng thấy sơn tinh bạch hổ mà có mang, nhân điềm mơ thấy hổ trắng mới đặt con là Bạch Hổ. Lớn lên Phạm Bạch Hổ có sức khỏe bạt sơn cử đỉnh, võ nghệ tuyệt luân. Khi Ngô Quyền mang quân từ Châu Ái ra Bắc đóng ở miền Lương Xân đón đánh quân Nam Hán, Phạm Bạch Hổ hiến kế xin chọn quân tinh nhuệ, ruổi nhanh về Đại La giết Kiều Công Tiễn để trừ cái họa tâm

phúc. Ngô Quyền nghe theo mới sai ông đem quân đánh úp, chém đầu Kiều Công Tiễn rồi đem quân quay lại, cùng Ngô Quyền chiến thắng giặc Nam Hán. Hoàng Thao cùng toàn bộ binh quyền của chúng vùi xác dưới dòng Bạch Đằng giang.

Phạm Bạch Hổ làm quan võ dưới triều Tiền Ngô Vương. Khi Tiền Ngô Vương mất, Dương Tam Kha tiếm ngôi, ông đã cùng Kiều Công Hãn, Đỗ Cảnh Thạc... lật đổ Tam Kha đưa con Ngô Vương Quyền trở lại ngôi vua. Năm Tân Hợi (951) Hậu Ngô Vương phong Phạm Bạch Hổ làm Phòng Át, ra trấn giữ vùng hải Đông, ông xây dựng Trúc Thành ở Đằng Châu làm li sở.

Hậu Ngô Vương mất, các hào trưởng nổi lên cát cứ từng vùng. Phòng Át Phạm Hổ chiếm châu Đằng, trở thành một sứ quân hùng mạnh. Khi Trần Lâm giao binh quyền ở Bồ Hải Khẩu cho Đinh Bộ Lĩnh, ông cũng đem quân qui phục, lập nhiều công lao giúp Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước. Vua Đinh phong Phạm Bạch Hổ chức Thân vệ tướng quân

Năm 980, hai cha con Vua Đinh ngộ hại, nhà Bắc Tống lăm le đem quân xâm lược nước ta, lúc ấy thiếu đế nhà Đinh mới lên 6 tuổi, tướng quân Phạm Cự Lượng xưng xuất tôn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn thay nhà Đinh, lên ngôi Hoàng đế, để có người tổ chức và chỉ đạo cuộc chiến đấu chống giặc Bắc.

Vua Lê Hoàn một mặt sai sứ giả sang nhà Tống cầu phong, một mặt gấp rút chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Lúc đó triều đình tiền Lê không thiếu các tướng có thừa dũng lực xông tên, đột pháo, chém tướng, cướp cờ, nhưng thiếu người có tài điều động lương thực để nuôi quân sĩ. Thân vệ tướng quân Phạm Bạch Hổ bấy giờ đã 79, tâu xin cáo đáng việc trù liệu quân lương. Vua Lê lo ông tuổi cao khó nhọc.

Phạm Bạch Hổ khảng khái đáp:

"Thần lúc tráng niên theo Tiền Ngô Vương đánh giặc Nam Hán có chút công lao, nay tuy tuổi ngót 80, nhưng mỗi bữa còn ăn hết vài đấu gạo, rong ruổi trên mình ngựa cả ngày không mệt, gân sức còn mạnh, há sợ gì quân Bắc Tống..."

Vua Lê khen dũng khí, mới phong Phạm Bạch Hổ làm Bình Tổng Đô liệu lương quan, mang quân bản bộ ra đóng ở vùng Thiên Bản trừ liệu quân lương.

Năm Quý Mùi (983), lão tướng quân Phạm Bạch Hổ về trời. Vua Lê Đại Hành phong làm Phúc thần. Nhân dân Đàng châu dựng đền thờ trên nơi đóng quân khi Người còn là sứ quân Phòng Ất.

Đền Đàng Châu rất linh thiêng. Theo Việt điện U linh và Lĩnh Nam chích quái chép rằng :

Khi Lê Long Đĩnh chưa lên làm vua, một hôm tổ chức bơi thuyền ở khúc sông trước cửa đền Đàng Châu, bỗng gặp mưa to, bèn khẩn xin thần phù hộ. Thần hiển linh làm cho bên sông này tạnh ráo trong khi đó bên kia vẫn mưa như trút nước. Nhân dân kinh ngạc truyền tụng bài thơ khen ngợi thần:

Mỹ tai đại vương uy linh trọng

Đàng châu thổ địa lại an ninh.

Khước giao phong vũ vô xâm phạm.

Ná biên bàng bãi ná biên

Dịch :

Khen thay thần tướng thực uy linh

Khiến đất Đàng Châu hưởng thái bình.

Đã bắt gió mưa dừng bước lại

Nửa trời tuôn nước, nửa trời xanh.

Vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành lần thứ hai, qua đền Đàng Châu, cầu thần âm phù thắng trận, Thần báo mộng hóa ra con chim đậu trên cột buồm thuyền chiến trời đang gió Nam chuyển gió Bắc. Đại đội chiến thuyền thuận gió chọt đến cửa Tư Dung, rồi từng đàn cá nổi lên trước mũi thuyền cho quân sĩ đi lên đồ bộ. Quân Chiêm Thành bày trận chưa kịp giao

phong thì một cơn giông lớn nổi lên, cát bụi mù trời cuốn vào trận địa, quân Chiêm tan vỡ. Khi ban sư về Thăng Long, vua Lý cho ghi vào tự điền 8 chữ:

Diễn tích truyền linh, Ngụ đầu hô độ

Có câu đối minh họa:

Ngụ đầu hô độ Chiêm vô địa

Diễn tích truyền linh Việt hữu thiên.

Tạm dịch:

Thuyền đi giúp Chiêm không đất.

Buôn đậu chim đưa Việt có trời.

Tương truyền:

Đền thờ Sứ quân Phạm Phòng Át ở ngoài đê th bị nước sông xối vào, đêm đêm người ta thấy như có xe ngựa, quân lính phòng hộ, cho nên đoạn đê này tuy thấp mà nước sông không hại được đến đền. Đời Lê Cung đế (1522 - 1527) dời dựng đền lên trên đê, lúc sắp dựng xong đền, một đêm người đốc công và toán thợ nằm dưới chân đê nghe mang máng có tiếng mai cuộc hình như có vị thổ mộc, sáng ngày xem thấy đền đã chuyển về phía tả đê độ 3 thước.

Sứ quân Phạm Phòng Át có tới 70 đền thờ trong các tỉnh Hải Hưng, Nam Hà, Ninh Bình... có vế đối minh họa:

Giang sơn thất thập vu kim vương khí tráng Hoa châu.

Tạm dịch:

Bảy chục giang sơn (đền miếu) Vương khí nay còn làm đẹp Châu Hoa.

Trong đền Đàng Châu có đôi câu đối, một vế nói chí khí của sứ quân Phạm Phòng Át lúc sinh thời, và một vế nói sự linh thiêng khi sứ quân đã thành

thần:

Bá chủ hùng đồ thập nhị sơn hà dư cố lũy.

Thần cao linh khí bán giang tinh vũ thử tiên giang.

Tạm dịch:

Bá chủ lớn lao mưu lược non sông mười hai nơi lũy cũ.

Thần cho tỏ rõ linh thiêng dòng chia mưa nắng trước sông này.

Khi Lê Long Đĩnh tức Lê Ngọa Triều lên ngôi đổi Đàng Châu làm phủ Thái bình, cho nên đền Đàng Châu có bức đại tự đề:

Thái Bình vương phủ (phủ của vua

Còn đền miếu các nơi trong nước thì lại đề :

"Đằng vương điện (Đền vua Đàng), hoặc Đàng vương miếu (Miếu vua Đàng), vì thần quê ở Châu Đàng. Chữ Đàng nghĩa là "Cây mây" nên tục gọi thần là "Vua Mây".

Đầu thế kỷ XX, tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1892) Chu Mạnh Chinh làm Án sát tỉnh Hưng Yên viết một bài thơ khắc ở đền Đàng Châu trong dịp trùng tu:

Ngô hậu Đinh tiên sư dĩ phi

Đàng Châu chủ đạp bích mê duy.

Tang thương hồi thủ thiên niên quốc.

Trở dậu tương vương thất thập từ.

Lịch đại còn hoa long trật tự.

Bán giang tinh vũ hiệu vân kỳ.

Chí kim trùng độ cưu công tập.

Ban Lạc Sơn Lam đệ nhất bi.

Tạm dịch:

Đình trước, Ngô sau việc đã qua.

Đăng châu sự nghiệp cũng phai nhòa.

Ngoảnh nhìn dâu bể ngàn năm đó.

Còn lại tôn nghiêm bấy tục tòa.

LƯU LANG

Tương truyền Lưu Lang đại vương là người cùng làng với Đinh Tiên Hoàng. Thân phụ của ông là tù trưởng Đại Hoàng, tuổi ngoài 50 mà chưa có con. Một hôm gặp ngày húy của gia tiên, thân phụ của ông than thở "Cái thiếu thốn của gia đình ta không phải là tiền của mà là thiếu người nối dõi tông đường. Chi bằng tán tài làm phúc ăn ở cho trọn vẹn đạo làm người thì lòng trời có thể ngoảnh lại với mình". Từ đó ông ra sức làm điều nghĩa, giúp đỡ chần cấp cho người nghèo, các nơi chùa miếu đều bỏ tiền ra tu tạo, đồng thời xây một ngôi chùa nhỏ trong khu vực nhà riêng, đêm đêm đèn nhang tụng niệm. Một hôm thân mẫu ông đang niệm phật thì gục xuống ngủ thiếp đi và chiêm bao thấy một cụ già ẵm một đứa bé ngồi xuống ở trước cửa chùa. Mười tám vị La Hán ngồi chung quanh, truyền thân mẫu ông đến phán rằng "Vợ chồng nhà ngươi làm điều phúc đức rất nhiều, ta cho ngươi đứa trẻ, sau này tiếng tăm nó lừng lẫy khắp thiên hạ, sớm hay muộn lòng trời đã định, còn lo ngại gì nữa". Thân mẫu ông tỉnh dậy nói cho phụ thân của mình. Phụ thân ông mừng rỡ nói đó là chiêm bao lành. Chẳng bao lâu sau, thân mẫu ông có thai đến ngày sinh được một cậu con trai khôi ngô tuấn tú thông minh, mạnh giỏi hơn người, đặt tên là Lang. Năm 13 tuổi cha mẹ đều mất, Lưu Lang theo người anh họ là Lưu Cơ, cùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền cầm đầu bọn trẻ chăn trâu, suy tôn Đinh Bộ Lĩnh làm người đứng đầu đánh nhau với trẻ chăn trâu thôn khác. Sau này, khi lớn lên, họ cùng chung sức đánh các trận Phù Liệt, Tế Giang, Đằng Châu, Bồ Hải, dẹp được 12 sứ quân và tôn Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua, lấy quốc là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Vua Đinh phong Lưu Cơ là Đô hộ phủ sĩ sự, Lưu Lang làm phó sĩ sự. Thời ấy thiên hạ thái bình, triều đình yên vui vô sự. Một hôm Lưu công đánh thuyền qua sách Phú Yên động Lễ Tôn, Khoái Châu thấy nhân dân giàu có, phong tục thuần hậu bèn cho xây dựng nhà cửa, doanh trại, khuyến bảo nhân dân làm ruộng, trồng dâu, hun đúc cho dân địa phương có phong tục lễ nghĩa nhún nhường. Hồi đó Huệ Vương lên ngôi vua còn nhỏ tuổi. Quan thập đạo tướng quân Lê Hoàn ra vào cung cấm tư thông với thái hậu. Lưu công thấy rất gai mắt, bàn với Đinh Quốc công Nguyễn Bặc và Ngoại giáp Đinh Điền rằng : "Thái hậu làm điều loạn, Hoàn sẽ làm điều bất lợi cho Vệ vương. Bọn ta chịu ăn của nhà nước mà chẳng sớm thanh trừ kẻ đang đứng cạnh vua để chấm dứt nổi loạn thì sau này còn

mặt mũi nào mà trông thấy Tiên đế ở dưới chín suối". Bàn xong, bèn đem quân thủy bộ đánh nhau với Lê Hoàn. Hoàn nhân chiều gió phóng lửa đốt sạch chiến thuyền, Lưu Lang và Đinh Điền đều chết trận. Sau đó Lưu công mất, khí thế vẫn còn lẫm liệt. Ở Phú Yên, nhân dân nhớ ơn ông nên dựng miếu thờ, các triều Lý, Trần đều truy phong là Thượng đẳng phúc thần.

VÕ TRUNG

Tương truyền ở trang An Lão, huyện Tân Minh, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương có một nhà trưởng giả tên gọi Võ Hòa, vợ là Nguyễn Thị Lan quê ở thôn Tóc Khê, trang Khố Liễu, châu Xích Đằng, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam. Gia thế Võ Hòa vốn nền nếp đức hậu, hào phú. Võ công bốn mươi mốt tuổi Nguyễn Thị ba mươi tám tuổi mà chưa có con trai. Võ công làm nghề lương y cứu dân độ thế cũng nhiều mà con trai muộn mẫn, ông cùng bà than thở: *"Người xưa nói đến đạo hiếu cần phải có con trai thừa kế nghiệp nhà, vợ chồng mình gần nửa đời người mà chưa từng có lấy một đứa con trai, không hiểu là duyên có vì đâu. Chi bằng lập một đàn chay cầu đảo thiên địa, phổ độ gia tiên, và phát chẩn cứu giúp người nghèo, làm như vậy may ra thỏa mãn vong hồn gia tiên, thấu đến trời đất thần linh. Ta cứ ở cho hết lòng hết đạo mà chẳng được gì thì cũng không hối hận gì nữa"*. Sau đó ông bà mời thầy cúng lễ chay liền 21 ngày. Qua một trăm ngày, ông thấy một cụ già tuổi ngoài tám chục, đầu tóc bạc phơ, đầy mình lở loét cất bước rất khó khăn, đi từ ngoài vào đến trước sân bảo với Võ công: *"Lão nghèo đói, ốm đau lở loét, không người nương tựa, nghe ông phúc hậu hay làm phúc cứu người vì thế đến nhờ ông giúp đỡ.. "* Võ công liền mời ông cụ vào nhà, nuôi nấng và thuốc thang chu đáo, hơn một năm trời gia tài sa sút đến quá nửa, bệnh tật ông cụ già gần khỏi. Một hôm, cụ già lại nói : *"Lão nghe ở đầm Lôi Trạch thuộc huyện nhà có nhiều giống cá ngon. Lão thèm một bữa gỏi cá, nếu được cá đầm Lôi làm gỏi cho lão ăn thì bệnh có thể khỏi hẳn"*. Võ công bèn sai người giúp việc đi mua, ông cụ già kia nói: *"Người nhà đi mua sợ rằng họ mua cá ở nơi khác đem về thì làm sao mà tin được. Lão muốn đích thân ông đi đến đầm Lôi mà mua"*. Võ công nghe lời cụ bèn đến đầm Lôi mua cá. Khi đến nơi không hề gặp một người đánh cá nào hết, chỉ thấy trên mặt đầm mây khói. Cạnh đầm ông bỗng thấy ông cụ già từ trên bờ đầm bước ra, tay cầm gậy trúc, theo sau là một tiểu đồng xách túi la kinh đi thẳng đến chỗ ông đứng, ông bèn hỏi : *"Cụ ở đâu đến, may gặp*

nhau ở chỗ đầm sâu đồng rộng này?" Cụ già cười tươi tỉnh bảo: "Lão đây vốn là khách "son nhân" và thầy phong thủy. Thời gian này chu du thiên hạ ngắm xem phong cảnh núi sông, thường yêu kiều đất quý ở đầm Lô, đến nay kiều đất này đã hiện lòng định cho nhà có phúc. Lão nghe chỉ có Võ Hòa là người tốt mà chưa gặp được mặt ông ấy". Võ công thấy cụ già nói trúng tên mình háy làm kỳ lạ bèn nói: "Tôi vốn họ Võ tên Hòa không phải là người nào khác", nói xong, Võ Hòa vái cụ già. Cụ già cảm gậy trúc chỉ vào chỗ đất lồm xuống ở cạnh đầm và nói: "Kiểu đất này là kiểu hoa sen mở màn, đất này là đất phát sinh công hầu khanh tướng. Huyệt của nó kết ở "oa tâm". Đất này ắt có thiên thần giáng thế". Ông

già nói xong biến mất. Võ công vui mừng, về đem mộ gia tiên di táng ở ngôi đất bên cạnh đầm Lô. Trong lúc mai táng thì trời bỗng nổi cơn mưa gió tối tăm, sấm sét nổi lên ầm ầm, người người đều hoảng sợ, Võ công làm lễ tạ thần linh rồi về. Sau khi táng kiều đất ấy, vừa được một tháng thì bà Nguyễn Thị Lan chiêm bao thấy con kỳ lân từ trên trời giáng xuống bụng bà, từ đó là có mang. Một hôm bà ra chơi ngoài quán, trời bỗng nổi gió mưa, giữa ngày tối như đêm, trong quán rực ánh hào quang, mùi thơm tỏa ra phung phức, bà Nguyễn Thị Lan đẻ ra một cậu con trai, mặt mũi khôi ngô phong tư lắm hết, tay dài chắm gối, mặt vuông tai lớn, tướng mạo rất khác người thường. Sau khi sinh được mười hôm, nhân dân vẫn để bà Nguyễn Thị nằm tạm ở quán. Sở dĩ nhân dân không dám đón con bà về nhà là vì trong quán cứ có tiếng kêu ù ù như sấm. Võ công nghe tin bà đẻ con trai, bèn về quê ngoại thăm vợ thăm con. Khi ông đến nơi trời đất trở lại phong quang, tiếng ù ù bỗng dừng tắt hẳn, ông bèn đón vợ con về quê nội. Sau đó, nhân dân và gia súc ở trong làng đau ốm không yên, đêm đêm người trong làng đều chiêm bao thấy một ông quan áo mũ chỉnh tề ngồi ở trong quán, tả hữu, binh sĩ đứng hầu, truyền gọi dân đến phán rằng: "Ta vâng mệnh ngọc hoàng thượng đế trông coi dân chúng ở địa phương này. Dân chúng đều là con cái của ta. Chỗ sinh ta ở cái quán này, nên lập sinh từ thì ta sẽ yên ổn, ta được yên ổn thì dân cũng được yên ổn". Nhân dân tỉnh mộng, họ kể cho nhau nghe, thì ra ai ai cũng mơ thấy như nhau cả, họ rất đổi kinh hoàng, bèn biện lễ vật đem đến quê Võ công ở Hải Dương, ông bà thấy thế hỏi: "Bà con có việc gì mà mang lễ vật đến đây?". Nhân dân đều kể chuyện thần báo mộng như thế, hiện nay người và súc vật đau ốm cho nên đến xin làm thần tử và xin lập sinh từ thờ phụng. Ông bà nói chuyện với dân: "Từ khi sinh được một tháng nay, mắc bệnh dạ đề khóc

thâu đêm. Bà con đến thì cậu bé nhà tôi nín ngay. Điềm chiêm bao ấy có lẽ đúng không sai". Dân chúng làm lễ và xây dựng sinh từ thờ cúng tại quê ngoại, từ đó cậu bé Võ mạnh khỏe và nhân dân ở quê ngoại cũng mạnh khỏe thịnh vượng.

Cậu bé họ Võ vừa đầy tuổi tôi đã biết nói đủ điều. Võ Công bèn đặt tên là Trung. Đến năm mười hai tuổi, cao lớn bệ vệ, bản tính thông minh mưu trí, chẳng nhường Trương Lương nhà Hán, Lã Vọng nhà Chu, mọi người thấy vậy đều tấm tắc khen ngợi, bố mẹ cho đến học trường Chu tiên sinh trong huyện, học mới ba năm mà kinh sử ầu thông, thiên hạ đều cho là thần đồng giáng sinh. Đến năm mười lăm tuổi, ông bà Võ công đều mất vào ngày mồng bảy tháng bảy. Từ đó Võ Trung độc lập, chiêu binh mãi mã, oai hùng nổi tiếng một phương, Ngô sứ quân nghe nói bèn đem quân đến đánh nhau với ông một trận ở phủ Nam Sách, quân Ngô thua chạy. Sau đó quân Ngô đến vây, ông bèn chọn hơn ba chục người dũng cảm đột phá vòng vây chém được mấy thủ cấp quân Ngô, song quân Ngô rất đông, ông thì quân ít thế cô không sao chống nổi bèn rút lui về quê ngoại và mộ được vài trăm người, tiếng tăm ông vang dội gần xa, những kẻ anh hùng hào kiệt các nơi đều qui phục dưới trướng. Hồi ấy trong tay Võ Trung đã có một vạn quân tinh nhuệ. Một hôm ông triệu tập các đạo quân về hội họp ở đất Liễu Cốc, thiết lập đàn tế cờ. Làm lễ ba ngày, ông chiêm bao thấy một vị thiên thần tay cầm sắc lệnh đầu chít khăn hồng, đứng trước mặt ông và nói: *"Ta phụng mệnh thiên đình xuống báo cho ông biết: Trời đã giáng sinh vua thánh vào làm cho họ Đinh để nhất thống nước Nam về một mối. Họ Đinh làm vua, họ Võ làm khai quốc công thần. Duyên may rộng mây cá nước, trời kia đã định từ lâu, mong ông đừng trái mạng trời. Có tin đến vời, một khi vua tôi hội ngộ, thế nước ắt thành, mong ông hãy tuân theo cẩn thận"*. Nói xong, bèn trao một mảnh sắc rồng, mở ra xem có bốn câu đề: *"Thượng đế hữu thư nhất báo vân: Đinh gia vị thế Võ, vi thần. Nam bnhất thống quân thần trị, thập nhị sứ quân tán tự vân"*. Nghĩa là: *"Thượng đế có thư báo cho biết: Họ Đinh làm vua họ Võ làm tôi. Nước Nam thông nhất vua tôi cùng cầm quyền cai trị, mười hai sứ quân tán tác như mây"*, đọc xong, sứ giả biến mất. Khi ông tỉnh dậy thì trời đã rạng sáng. Một hôm Đinh Tiên Hoàng sai sứ giả vời Trung công đến động Hoa Lư. Võ Trung mừng cho điềm chiêm bao báo trước rất đúng trước khi vào Hoa Lư, ông truyền hịch đi các nơi gọi quân và tướng sĩ về hội họp được một vạn người, ông mang quân vào Hoa Lư bệ kiến. Tiên Hoàng thấy ông mặt mũi kỳ dị nghĩ thầm đây là trời sinh tướng

tài giúp cho mình làm nên sự nghiệp, bèn phong là Tham tảm trung quân Nguyên soái đại tướng quân. Từ đó vua tôi đồng tâm nhất trí Tiên Hoàng cử Lưu Cơ, Đinh Điền thống lĩnh tiền quân, Võ Trung thống lĩnh hậu quân, Nguyễn Bặc là tiết chế trung quân đại tướng tiên đánh mười hai sứ quân. Tiên đánh một trận, sứ quân Ngô Bình thua to, bắt được bị chém đầu thị uy, các sứ quân khác đều dẹp yên hết. Đinh Tiên Hoàng lên ngôi hoàng đế ở động Hoa Lư. Từ đó nước nhà thống nhất, vua phong Võ Trung làm chức Tham nghị triều chính, được vài năm thăng lên chức Binh bộ thượng thư, sau bỏ ra làm đốc trấn châu Hoan ba bốn năm, vua triệu về lại bổ nhiệm làm tổng trấn Hải Dương. Một hôm ông về thăm bà con bên ngoại ở Liễu Cốc thuộc châu Xích Đằng, sau đó trở về trấn Hải Dương. Thời gian ấy quân Chiêm sang cướp phá nước ta, nhà vua bèn sai Lê Hoàn làm chánh tướng, sai ông làm phó tướng đem quân đi đánh, thu được thắng lợi. Lê Hoàn sinh lòng tiếm quốc, Hoàn chỉ e ngại có Võ Trung là một con người trung chính không sao dụ dỗ được, bèn âm mưu với giặc Chiêm để làm kế phản gián. Lê Hoàn mạo viết bức thư lấy danh nghĩa là Võ Trung đưa cho quân Chiêm, đồng thời rút lột mười tên lính Chiêm mỗi người một nén vàng để chúng nói một luận điệu như vậy. Lê Hoàn đưa khí giới và thư từ của quân Chiêm về kinh thành mật tâu với vua Đinh. Vua cả giận, ban chiếu vời Trung công về triều, vua quở mắng nghiêm khắc: *"Người ta nói nhà ngươi giảng hòa với quân Chiêm, âm mưu phản quốc. Thư và ấn tín đóng vào vẫn rành rành đó!"*. Võ Trung tâu: *"Thần theo bệ hạ trong giaؤ, không từ mọi nguy hiểm, chỉ một lòng một dạ thờ vua để mở mang nghiệp lớn. Nay nước nhà thanh bình, bệ hạ nghe theo mưu mô phản gián của đại thần mà bắt tội hạ thần. Sông chết nhờ trời, không biết làm thế nào bây giờ"*. Nhà vua nghe lời tâu của ông, lòng rất do dự không nỡ xử bằng cực hình, bèn giáng truất ông làm chức huyện lệnh Đông Thành. Võ Trung vâng mệnh xuống trị nhậm Đông Thành được khoảng một năm, trong huyện yên ổn phong tục dân thuần hậu, được vài năm vua lại vời vào triều cho được khôi phục nguyên chức. Võ Trung biết tình thế trong nước nhất định sẽ rơi vào tay Hoàn, ông về triều làm việc hẳn không thể giữ được an toàn, bèn cáo bệnh lưu nhậm chờ khi nào khỏi bệnh sẽ về. Từ đó ông sống nhàn tản yên vui lưu tâm giáo hóa nhân dân để biến thành thuần phong mỹ tục. Một hôm ông đến chơi núi Mộ Dạ thuộc huyện Đông Thành vào bái yết đền An Dương Vương, lễ xong ông đề thơ: *"Nga mao lấy lộ tích do truyền. Âm tướng hung vong sự tại thiên. Vạn cổ sơn hà danh bất hủ. Phối đồng nhật nguyệt ức thiên niên"*. Nghĩa là: *"Tích lông ngỗng đánh dấu đường vẫn còn*

truyền lại. Nghĩ thầm hưng thịnh hay diệt vong do ở lòng trời. Muôn thừa núi sông thanh danh bất hủ. Sánh cùng trời đất ức nghìn năm". Ông ngâm xong, bỗng thấy đôi chim công ra múa ở mặt nước và kêu lên ba tiếng thật to, gió mưa từ xa kéo đến, trời tối đen ngịt, khi ấy ông hóa. Một lúc sau, trời đất tạnh sáng, gia thần và nhân dân đều cho là việc lạ, mọi người đến thăm thấy chỗ thi hài ông nằm, kiến mối đã xông đất đắp lên thành nấm mồ lớn ở bên cạnh núi Mộ Dạ. Ngày hôm đó gia thần và phụ lão đều dâng biểu tâu vua về việc Võ Công đã hóa, bèn sai quan triều về làm lễ ở nơi ông hóa và truyền cho dân dựng đền thờ làm phúc thần. Đền chính ở nơi qui hóa là núi Mộ Dạ huyện Đông Thành phủ Diễn Châu. Lại một ngôi đền chính nữa là sinh từ ở quê ngoại thuộc trại Liễu Cốc, châu Xích Đằng, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam. Hai nơi đền chính kể trên thuộc về điển lễ quốc tế vào mùa xuân mùa thu hàng năm, ngoài ra, những địa phương của những vị bộ hạ của ông đều có dựng đền thờ cúng. Nhà vua lấy tên huyện do ông trị nhậm thuở trước làm tên hi sắc phong là Đông Thành đại vương.

LƯU CƠ

Thời kỳ mười kỳ 12 sứ quân chia cắt đất nước, ở xứ Thanh Hóa có một ông già tên là Lưu Hỷ, vợ là Lê Thị Lao. Vợ chồng làm bạn với nhau đã ngoài hai chục năm mà vẫn chưa có con. Ông bà dốc lòng tu nhân tích đức, cứu giúp người nghèo khó, hoạn nạn. Một hôm, ông bà đi cầu tự ở miếu Sơn thần Bách Bát, trọ lại ở đó ba ngày. Một đêm nọ, bỗng nhiên có luồng hào quang đỏ rực lao thẳng vào lòng bà. Về nhà Lê Thị có mang, đến ngày mồng 3 tháng giêng sinh một cậu con trai tướng mạo khôi ngô tuấn tú. Cậu bé lên bảy tuổi, ông đặt tên cho con là Cơ, cho đi học ở trường của Tri hời tiên sinh ở huyện Gia Viễn học 10 năm, lầu thông kinh sử, được thầy bạn coi trọng. Năm Lưu Cơ 16 tuổi, thân phụ qua đời, đến năm 20 tuổi thân mẫu cũng mất. Sau đó Lưu Cơ đến động Hoa Lư, bái yết Đinh Bộ Lĩnh, được Đinh Bộ Lĩnh tin dùng phong làm Đô hộ phủ sỹ sư và phái đi trấn thủ huyện Siêu Loại để dẹp Lý Lăng Công. Lưu Cơ lĩnh năm nghìn binh mã đóng đồn ở trong Đại Từ, huyện Tế Giang (nay là Văn Giang) phủ Thuận An (nay là Thuận Thành) quận Võ Ninh (nay là Bắc Ninh).

Một năm sống với dân Đại Từ, ông thấy nhân dân thuần hậu, mảnh đất có đủ nhân hòa, địa lợi, bèn cho xây dựng một tòa nhà làm chỗ nghỉ ngơi. Ông

ban cho dân một nghìn quan tiền và bảo: *"Sau này, ta đến trăm tuổi về già ắt sẽ thành thần ở trang này. Bình sinh ta không ăn được thịt cá vậy ngày giỗ ta chỉ dùng cỗ c"*.

Ông đóng quân tại Đại Từ được nhân dân rất kính phục. Người tham gia quân đội ngày càng đông, thanh thế ông rất mạnh. Đánh nhau với Lý Lãnh Công, ông làm cho quân họ Lý tan rã hoàn toàn. Vua Đinh Tiên Hoàng vời ông về triều làm việc. Năm 70 tuổi, ông về thăm lại quê ở làng trang Tri Hới. Sau đó ông lại đến trang Đại Từ ban thưởng kỳ lão và ở chơi 10 hôm mới về. Ba bốn năm sau thì ông mất. Đó là ngày 22 tháng Chạp. Quan địa phương tâu lên, vua Đinh ban sắc, truy phong là Tùỵ Lộc Đại vương.

BA ANH EM HỌ LÝ

Tương truyền có một người tên là Lý Miên làm tự chùa ở thôn Xuân Phao và Văn Ổ thuộc xã Lộng Đình, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc. Hồi bấy giờ có vợ chồng họ Đặng tuổi cao chưa có con, bèn làm lễ đến chùa cầu tự. Lý Miên làm lễ cầu đảo cho ông bà họ Đặng. Đêm ấy ông bà họ Đặng nằm cầu mộng tại chùa, nửa đêm chiêm bao thấy trên điện sáng rực hào quang đức phật kim thân ngự trên toà sen, rất nhiều nhi đồng trai gái đứng quây quần xung quanh. Lý Miên phủ phục dưới bệ, nghe thấy đức phật phán bảo long thần dẫn người đầu thai vào làm con họ Lý và họ Đặng. Đến giờ sữ ngày mồng bốn tháng giêng năm Giáp thìn, họ Lý và họ Đặng đều sinh con. Họ Lý sinh được một cậu con trai mặt mũi khôi ngô, oai phong đĩnh đạc. Họ Đặng sinh được một cô con gái, mặt sáng sủa như gương, mắt sáng long lanh như sao, có sắc đẹp lạ thường. Lên ba tuổi, Lý công đặt tên cho con là Đài, Đặng công đặt tên cho con là Mộ Lương. Sau baức năm Bính ngọ, giờ dần, ngày mồng ba tháng ba năm ấy, ông bà họ Lý lại sinh hai cậu con trai, tai to mặt lớn, tay dài chắm gối, đặt tên cho con lớn là Trâu. Con thứ là Quốc. Hai cậu lớn lên, tài kiêm văn võ, tính khí cương cường trung thực, được nhân dân yêu mến kính phục. Đến năm hai người mười tám tuổi thì bố mẹ đều mất vào ngày mười lăm tháng bảy năm Bính ngọ. Ba anh em làm lễ mai táng cho bố mẹ ở khu Tháp. Vì phải làm ma chay cho bố mẹ, nên ba anh em họ Lý gia tài khánh kiệt, họ phải sang ở nhờ bên nhà họ Đặng để nương nấu qua ngày. Khi ấy Đinh Bộ Lĩnh khởi nghĩa ở động Hoa Lư đánh dẹp mười hai sứ quân. Một hôm đại tướng Nguyễn Bặc tiến quân đến đạo

Tể giang phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc, ông cho quân tạm thời dừng lại ở địa phận Lộng Đình. Ba anh em họ Lý bèn đem hơn ba chục gia thần là người ở những trang Trịnh Xá, Cát Lô, Lộng Đình đến ra mắt Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc nhìn diện mạo ba ông biết là bậc tướng tài liền hỏi han và thử thách. Nguyễn Bặc sử dụng ba ông vào giúp việc điều binh khiển tướng ở quân trung. Trước đây mấy hôm, Đinh Tiên Hoàng nằm ngủ tại nam cung, chiêm bao thấy con rồng vàng từ trời bay xuống rồi hoá làm ba người mũ áo tề chỉnh đến bái yết trước mặt nhà vua và nói: "*Trời cho thánh nhân giáng thế, bọn tiểu thần ra sức phò tá*". Tiên Hoàng sợ tỉnh cho mời tướng Nguyễn Bặc đến bàn về điềm chiêm bao, Nguyễn Bặc cùng ba ông đến bái yết nhà vua. Vua nom thấy ba ông giống hệt như ba người thấy ở trong giấc chiêm bao. Vua hỏi thử về tài năng học vấn, ba ông ứng đối hoạt bát. Vua rất lấy làm hài lòng, phong cho ba ông làm chức chương lãnh tả đạo binh giới kiêm chức tham tán mưu sự. Ba ông giúp Tiên Hoàng dẹp yên mười hai sứ quân. Nhà vua phong cho ông Đãi là Thái bảo tiền quân, phong cho ông Trâu là Thái tử trung quân và phong cho ông Quốc là Thái bộc hậu quân. Sau này xảy ra việc Đỗ Thích giết hại cha con Tiên Hoàng, cơ nghiệp nhà Đinh suy sụp, ba ông bèn xin về nghỉ để vui thú với cảnh điền viên. Được mấy năm sau, Lê Hoàn chiếm ngôi nhà Đinh, ba ông bèn tìm đến người trung thần của nhà Đinh là Đinh Điền, Nguyễn Bặc hiệp đồng khởi nghĩa đánh Hoàn. Qua mấy trận đánh ác liệt, binh thế của Lê Hoàn rất mạnh nghĩa quân bị thua tan tác, ba ông chạy về địa phận hai thôn Văn Ổ, Xuân Phao vào chùa ẩn tránh, đêm ba ông cùng chiêm bao thấy một vị thiên sứ mặc áo gấm, đội mũ ngọc thấy ba ông liền khóc mà đọc thơ rằng:

Đáng thương ba vị tướng quân

Sống làm tướng, chết làm thần mai sau.

Trời soi quốc sỹ công lao

Gương trung chói lọi ai nào sánh ngang.

Sáng hôm sau quân Lê Hoàn kéo đến ba ông buộc lòng phải chạy ra tự sát ở bên sông. Phu nhân Đặng thị vợ của ông thứ nhất cũng tự sát. Khi Lê Hoàn đến xem ba ông mở mắt nhìn Hoàn, Hoàn cả sợ rú lên như sấm rồi ngất đi một hồi lâu mới tỉnh. Hoàn bèn truyền cho nhân dân làm lễ an táng bốn vị và lập miếu thờ cúng. Sau khi Lê Hoàn cướp ngôi nhà Tiền Lê, Vệ vương

Đình Toàn, con của Tiên Hoàng bị phé truất. Một hôm Toàn đến bái yết đền thờ ba ông ở Lộng Đình, Toàn sụt sùi than : *"Sao trời lại phụ lòng người trung nghĩa đến thế. Nay thì trung thần chẳng còn ai nữa!"* Than thở chưa dứt lời thì bỗng thấy bốn mặt xung quanh đèn tối tăm mờ mịt, văng vẳng như có tiếng người khóc than.

Sau này nhà Trần đánh quân Nguyên, Lê Lợi đánh quân Minh và Lê Trang Tông đánh nhà Mạc, đều hành quân qua miếu và có làm lễ cầu đảo. Ba ông đều hiển linh giúp nước đánh giặc. Cho nên lịch đại đế vương đã gia phong duệ hiệu.

NGÔ NHẬT KHÁNH

Năm Ất sửu (965), Hậu Ngô Vương Xương Văn đem quân đi đánh hai thôn Đường và thôn Nguyễn ở Thái Bình, bị phục binh bắn tên nỏ trúng mà mất. Vua chưa có con trai. Con Thiên Sách Vương Xương Ngập là Ngô Xương Xí, cháu gọi Hậu Ngô vương bằng chú lên nối ngôi. Bấy giờ trong nước các hùng trưởng đua nhau nổi dậy giữ lấy quận ấp, không phục tùng triều đình.

Tự quân Ngô Xương Xí bỏ kinh đô Loa thành vào đóng ở Bình Kiều, Châu Ái (Thanh Hóa) cháu họ Tiền Ngô Vương là Ngô Nhật Khánh chiếm cứ đất Đường Lâm, ý đồ khôi phục triều Ngô.

Bấy giờ Đình Bộ Lĩnh có một lực lượng quân sự mạnh mẽ chiếm cứ châu Đại Hoàng suốt mười mấy năm thấy Hậu Ngô vương đã mất, ông bèn tiến quân ra vùng châu thổ sông Hồng, tìm cách liên kết với sứ quân Trần Lãm, một sứ quân nổi tiếng giàu có và đức độ; lại không có con trai nối dõi. Sự liên kết toàn diện giữa quân sự và kinh tế, làm cho Đình Bộ Lĩnh uy danh lừng lẫy, sứ quân Phạm Bạch Hổ đem châu Đằng quy thuận, Đình Bộ Lĩnh liên tiếp đánh bại Lã Đường ở Tế Giang, phá Nguyễn Siêu ở Thanh Trì, diệt Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ Đông Giang, xưng là Vạn Thắng vương, rồi chia quân làm hai đạo: Một đạo tiên sang kinh bắc, dẹp Lý Khuê và Nguyễn Thủ Tiệp. Một đạo thân chỉ huy tiến lên vùng Sơn Tây, Đường Lâm. Ngô Nhật Khánh tự lượng sức mình không địch nổi Vạn Thắng vương mới đem quân bản bộ đầu hàng, rồi theo Vạn Thắng vương đi đánh dẹp Nguyễn Khoan, bắt sống Kiều Thuận ở Hồi Hồ, hạ thành Phong Châu, đuổi sứ quân Kiều

Công Hãn về phía nam, thừa thắng đánh vào Bình Kiều, dẹp yên nạn cát cứ, thống nhất đất nước. Vạn Thắng vương lên ngôi vua tức là Đinh Tiên Hoàng đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Trường Yên. ua Đinh Tiên Hoàng nhân mê sắc đẹp của mẹ Ngô Nhật Khánh, mới tuyên bà vào hậu cung. Lại lấy em gái Ngô Nhật Khánh cho con vua Đinh Tiên Hoàng là Nam Việt vương Đinh Liễn. Ngô Nhật Khánh có ý không bằng lòng, vua Đinh Tiên Hoàng sợ sinh biến mới đem công chúa Phật Kim gả cho Ngô Nhật Khánh phong làm phò mã Đô úy. Phò Mã Ngô Nhật Khánh trong bụng vẫn bất bình, một hôm đem công chúa đi chơi ở cửa biển Nam giới, lấy gương rạch má công chúa kể tội rằng : "Cha mày lừa dối hiếp tróc mẹ con ta, ta há lại vì mày mà quên đức tính của cha mày ư!"

Nói xong bỏ công chúa ở lại còn mình cưỡi thuyền vượt biển vào nước Chiêm Thành. Đến khi nghe vua Đinh Tiên Hoàng băng hà, phò mã Ngô Nhật Khánh mượn hơn nghìn chiến thuyền thủy quân của nước Chiêm, định đánh Trường Yên qua cửa biển Đại Ác (tức cửa Đại Nha sau đổi là cửa Đại An) qua một đêm gặp sóng to gió lớn, thuyền đều chìm.

ĐINH TƯ ĐỒ

Đinh Điền còn có tên là Đinh Trào, sinh năm Giáp thân (924). Cha là Đinh Thân, cùng quê với Đinh Bộ Lĩnh, mẹ là Dương Thị Liễu, người làng Yên Thượng, nay là thôn Yên Liêu thượng, xã Khánh Thịnh, huyện Tam Điệp.

Đinh Điền lúc còn nhỏ cùng Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú bốn người suy tôn Đinh Bộ Lĩnh làm chủ, cùng kết nghĩa đào viên.

Đinh Điền có nhiều công lao giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên 12 sứ quân và các thổ hào thống nhất đất nước. Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua tức Đinh Tiên Hoàng đế.

Đinh Điền là người cùng họ với vua, là khai quốc nguyên huân, theo vua lúc còn thuở hàn vi, cho nên sau khi vua Đinh lên ngôi chia nội giáp trong kinh thành do vua trực tiếp chỉ huy gọi là: "nội thống vạn cơ" nghĩa là: "bên trong nắm giữ muôn mối", phong Đinh Điền làm ngoại giáp cai quản mọi

mối, "Ngoại nương tứ cảnh" nghĩa là: "yên ổn bốn cõi bên ngoài" giữ chức: Kiểm giáo Đại Tư đồ.

Tháng mười năm Kỷ Mão (979) vua Đinh ngộ hại, tự quân còn nhỏ, Lê Hoàn giữ chức thập đạo tướng quân nắm trong nội giáp được nắm quyền nhiếp chính (nội thống vạn cơ) Đại tư đồ Đinh Điền không bằng lòng mới đem vợ là Thượng Trân phu nhân bỏ triều đình lánh ra chùa Trúc Lâm vùng Hải Dương, xin quy y thụ giới Kiền Mộc thiền sư. Khi nghe quan Nhiếp chính Lê Hoàn xưng phó vương Đinh Tư Đồ dùng dùng nổi giận, dẫn dò Thượng Trân phu nhân lúc đó đạo hiệu là Ny Thủy ở lại chùa, còn ông thẳng vào Châu Ái, cùng Đinh quốc công Nguyễn Bặc và Phạm Hạp dẫn quân về triều định giết Lê Hoàn phù ấu chúa. Đinh Tư Đồ chỉ huy đạo quân thủy, bị Lê Hoàn từ đầu gió phóng hỏa đốt cháy chiến thuyền, quân sĩ tan vỡ. Đinh tư đồ chết cháy, người tùy tùng họ Dương thu nhặt di cốt của ông đem về chùa Trúc Lâm. Thượng Trân phu nhân (Ny Thủy) làm lễ an táng ở vườn sau chùa rồi tự tử chết theo. Kiền Mộc thiền sư cho chôn cất phu nhân bên mộ Đinh Tư Đồ.

Tháng mười năm Kỷ Dậu (1009) nhà Lý thay nhà Lê, năm đầu Thuận thiên, vua Lý Thái Tổ xuống chiếu truy phong các bề tôi tiết nghĩa triều trước. Người tùy tướng họ Dương của Đinh Tư Đồ còn sống, mới lên kinh thành Thăng Long nhận lĩnh sắc phong Đinh Tư Đồ làm phúc thần, lại qua chùa Trúc Lâm, đem hài cốt Đinh Tư Đồ và Thượng Trân phu nhân về xây tháp mộ ở làng Yên Hạ, nay thuộc xã Khánh Thịnh.

Nhân dân các làng: Yên Thượng, Yên Hạ, Yên Dương, Yên Mỹ, Yên Bặc, Xuân Dương, Trung Dương, Tam Dương, ồ Vi... đều có đền thờ Đinh Tư Đồ.

LÊ HOÀN

Vùng Thanh Liêm thừa xưa còn hoang rậm ít dân cư. Lê Lộc dựng lều chân núi Cối làm nghề đẽng đá sinh nhai, vợ mất sớm có một con trai là Lê Hiền và nuôi một con hổ mới sinh. Lê Lộc dựng đẽng đờm đó, buồng câu ở cánh đồng làng Vực, làng Nhuế, làng Chem, làng Úng. Bố con bán cá tép ngày tháng lần hồi, hổ con cũng ngày một lớn quanh quần coi nhà, coi đó coi

đăng cho chủ. Một hôm Lê Lộc đi thăm bạn ở thôn bên, vui chén quá say, đêm khuya mới trở ra về. Nhân đêm trời quang trăng sáng vằng vặc như ban ngày, ông đi qua chân núi Bông thăm đó thấy một đoạn bờ ngăn bị vỡ. Lê Lộc cởi áo dài, vén quần lội xuống be lại bờ đó, con hổ tưởng kẻ gian đồ trộm đó, bèn từ trên đỉnh núi chồm xuống vả chết. Khi nhận ra là chủ, hổ bèn cõng đi giấu, cõng quanh trong vùng khi trời sắp sáng hổ lại cõng đi giấu ở sườn núi Côi. Qua một đêm mới đùn thành mộ, đến nay vẫn còn dấu tích, tục gọi là "Mả giấu" hoặc "Mả hổ táng" với kiểu đất phong thủy gọi là:

Tiền áo long cung.

Hậu thùy Bảo cái.

(Đường long cung án che phía trước,

Núi Bảo cái làm gôi phía sau)>

Sau khi cha mất, Lê Hiền buồn sầu thương nhớ, bỏ ngôi lều cũ ra đi, lang bạt vùng Trường Châu (Ninh Bình) gặp một cô gái là Đặng Thị Liên quê ở Kẻ Lập, huyện Thủy Nguyên, Châu Ái (Nay là thôn Trung Lập, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) lưu lạc đến vùng này làm mướn làm thuê. Hai người cùng cảnh cô đơn, họ đem lòng thương yêu nhau và trở thành vợ chồng. Một hôm Đặng Thị chiêm bao thấy trong bụng nở một bông sen và từ đó có thai. Lê Hiền ngược xuôi làm lụng, lên rừng chặt củi đốt than, chẳng may mất tích. Đặng Thị bơ vơ thân gái một mình lại bụng mang dạ chửa, bèn lần về quê hương Kẻ Sập để có chỗ dựa vào dân làng mà sinh sống. Về làng Đặng Thị đi làm cỏ lúa thuê cho các nhà giàu, một hôm bà đang làm cỏ ở cánh đồng sau làng, thấy bụng quặn đau trở dạ, bèn lên gốc cây đa gần đó mà sinh ra Lê Hoàn, hôm ấy là ngày 15 tháng bảy năm Tân Sửu (941). Tương truyền lúc bà Đặng Thị lâm bồn, mây lành che phủ khắp vùng, chim bay đến đậu kín cành đa, hươu nai trong rừng ra cho Lê Hoàn bú. Dân làng thấy lạ bảo nhau dựng cho mẹ con bà Đặng Thị một gian lều tranh để ở (nơi đây nay có tên là nền Sinh thánh).

Lê Hoàn khỏe mạnh hay ăn chóng lớn, Đặng Thị thường đi con vào rừng đào củ mài, kiếm hoa quả, gặp tuần mưa gió mẹ con phải đi ăn xin ở các làng gần đó.

Một hôm Đặng Thị đến xin ăn tại nhà ông Lê Đột ở Kẻ Mía, nay là làng Phong Mỹ, Lê Đột thấy cậu bé tuấn tú khôi ngô hỏi ra lại thấy cùng họ Lê mới xin cho ông nhận Lê Hoàn làm con nuôi. Bà Đặng Thị bằng lòng để con ở lại với ông Lê Đột. Qua vài năm sau bà không bệnh mà qua đời.

Ở nhà Lê Đột hàng ngày Lê Hoàn chăn trâu cắt cỏ. Một đêm mưa phùn gió bắc, giá rét căm căm, Lê Đột thấy chỗ Lê Hoàn nằm có ánh sáng, đến gần xem thấy Lê Hoàn nằm úp ngủ say, có con rồng vàng áp lên mình, hào quang phát ra sáng rực. Từ đó Lê Đột đem lòng yêu và cho cùng hai con ông đi học võ nghệ.

LÊ LONG VIỆT

Hoàng hậu thứ ba của Lê Đại Hành làm lễ cầu tự ở chùa núi Bằng Trình, nằm mơ thấy hai con rồng từ trên trời xuống rồi hóa làm hai đứa trẻ con, tranh nhau ôm mặt trời. Một đứa trẻ nói: "Tôi là anh, mày là em sao mày tranh nhau với tao", đứa trẻ kia đành giao mặt trời cho đứa trẻ vừa xưng là anh. Nó đi năm sáu bước rồi chạy trở lại, rút dao ra nói "Mặt trời là của báu, anh thì anh, tao cũng giết", bèn đâm một nhát dao, đứa trẻ xưng anh chết ngay tại chỗ. Đứa trẻ kia cướp lấy mặt trời chạy đi. Tỉnh mộng, hoàng hậu thứ ba có thai, Ngày 10 tháng giêng đẻ được một con trai, đặt tên là Long Việt. Năm sau, hoàng hậu lại đẻ một con trai nữa, đặt tên là Đĩnh. Tính Long Việt mềm mại, tính Long Đĩnh cương cường. Khi giặc Chiêm Thành sang xâm lược, muốn thử tài hai con, Lê Hành giao cho các con ba vạn tinh binh mười viên tùy tướng và phán: "Giặc Chiêm đem hai đạo quân, sang chiếm nước ta. Một đạo đã chiếm địa phận huyện Thúy Vân, phủ Qui Châu; một đạo đã chiếm 16 châu phủ Gia Hưng, đạo Sơn Tây hai đạo quân đều mạnh. Mỗi con sẽ được cầm một đạo quân đánh riêng. Đứa nào đánh xong trước sẽ được lập làm thái tử, sau khi ta trăm tuổi sẽ nối ngôi báu". Long Đĩnh xin cầm quân đi đánh Hoan Châu và hành quân trước. Còn Long Việt ở lại một ngày sau. Trước lúc lên đường, Đại Hành cầm tay Long Việt bảo "Ý của em con muốn thắng con, song mệnh trời đang tựa vào con, con chớ có lo". Long Việt lạy tạ vua cha, dẫn đạo quân đi đánh giặc. Khi hành quân qua địa phận xã Mạn Trù, trời bỗng u ám, đổ mưa. Long Việt hạ lệnh đóng quân lại. Đêm ấy, Long Việt mơ thấy Chử Đồng Tử đến đàm luận về quá

khứ và tương lai. Sáng hôm sau, Long Việt cho quân tiến lên mạn ngược, đánh nhau với quân Chiêm một trận ác liệt. Trong chiến đấu bỗng thấy một vị thần hiện lên bảo "Ta là Chử Đồng Tử, đến âm phù trợ chiến cho Long Việt đánh lui quân Chiêm". Long Việt chỉ huy quân chém được hơn một nghìn đầu tướng sĩ giặc, tận thu lương thực của chúng và hơn mười xe khí giới đưa về kinh đô. Khi ấy, Đĩn chưa đánh xong Hoan Châu, Long Việt lại xin vào Hoan Châu tiếp sức với em. Thắng trận về triều, Đại Hành lập Long Việt làm thái tử. Long Việt đến đền thờ Chử Đồng Tử ở Mạn Trù lễ tạ. Đêm trước khi Long Việt đến, phụ lão năm chiêm bao thấy Chử Đồng Tử báo "Ngày mai có thái tử Long Việt về làng ta. Ông cũng là một vị phúc thần của dân, do trên thiên đình đã định. Dân làng nên làm lễ đón rước cho long trọng". Nhân dân tin vào điềm chiêm bao của mình, họ ra đường chờ đón quả nhiên quá giữa trưa thì có xe Long Việt đến thật. Nhân dân vô cùng phấn khởi, bèn tâu trình giấc mộng của mình cho Long Việt biết. Long Việt vào lễ tạ ở Mạn Trù và ban cho dân 300 quan tiền xanh để trùng tu miếu Chử công, đồng thời cho lập hành cung để sau này làm nơi khói hương thờ phụng theo như nguyện vọng của dân. Sau đó Lê Đại Hành băng hà, quần thần rước Long Việt lên ngôi hoàng đế. Được ít lâu, Long Việt bị Long Đình lên giết chết. Ngày xảy ra thảm họa ấy là ngày 2 tháng chạp. Nhân dân Mạn Trù cử người đến Hoa Lư dự lễ mai táng và xin duệ hiệu về thờ. Khi Lý Thái Tổ lên ngôi có truy tôn nhà vua là "Khuông Dực tán trị nguyên công hoàng đế".

LIÊN HOA

Sau khi nhà Ngô mất, nước ta hồi ấy có loạn mười hai sứ quân chia cắt đất nước, đem quân đánh lẫn nhau làm cho dân chúng lầm than, chưa có thời nào như thời bấy giờ. May mà lòng người chán ghét chiến tranh mà lòng trời cũng muốn dẹp yên, hồi ấy có Đinh Bộ Lĩnh sinh trưởng ở Động Hoa Lư thuận lòng trời, ứng lòng người, thừa thế nổi dậy, được bọn Lê Hoàn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Trù phò tá. Bộ Lĩnh lấy nàng Đàm Thị lập làm chính phi, Lê thị, Đặng Thị lập làm thứ phi. Trước đó Đàm Thị chiêm bao thấy con rồng vàng bay xuống hóa thành một đôi chim công. Đàm Thị bắt được hai con chim công bèn ngoảnh lại đằng sau đưa cho Đặng Thị một con, tỉnh dậy mới biết là mình chiêm bao. Từ đó Đàm Thị và Đặng Thị đều có mang. Đàm thị đẻ ra Đinh Duệ, Đặng Thị đẻ ra Đinh Toàn. Sau này

Đặng Thị lại chiêm bao thấy có một bà già dìu Đặng Thị ra tắm ở ao sen và bẻ một bông sen trao cho Đặng Thị, nàng đem hoa sen về nhà thì hóa ra cô bé nằm ở trong bụng cất tiếng khóc oe oe. Đặng Thị giật mình tỉnh dậy, đem chuyện chiêm bao nói cho Đinh Bộ Lĩnh nghe, Bộ Lĩnh nói: *"Đây là điều lành, tất sinh quý nữ"*. Đặng Thị có mang mười bốn tháng, đến tháng 11 năm Đinh Dậu sinh được cô con gái tóc sáng như gương mặt như hoa đào, mắt trong sáng như để hạt ngọc, môi son mẩn, phong thái khác thường. Năm lên ba tuổi, Bộ Lĩnh đặt tên cho là Liên Hoa (Hoa sen). Năm 12 tuổi, Đặng Thị từ trần, Liên Hoa mồ côi mẹ, ở với cha. Nàng học tập binh pháp, am hiểu kiếm cung, thật là nữ trung hào kiệt. Đinh Bộ Lĩnh cùng chủ tướng khởi nghĩa đánh mười hai sứ quân, ông mang theo Đàm Thị và các con như Đinh Duệ, Đinh Toàn và Liên Hoa cùng đến chỗ đóng quân. Hội ấy sứ quân là Đỗ Cảnh Thạc chiếm giữ châu Xích Đằng ở đạo Sơn Nam, Bộ Lĩnh kéo quân đến địa phận thôn Trâm Nhị huyện Thiên Thi, châu Thượng Hồng quận Hải Dương đóng đồn trại, đánh nhau với Đỗ Cảnh Thạc mà chưa phân được thua, bèn lưu một mình Liên Hoa ở lại giữ đồn Trâm Nhị, ông cùng hai con và các tướng Lê Hoàn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Trù, chia nhiều đường tiến công các sứ quân khác.

Quân họ Đinh đánh đến đâu đều dễ dàng như chẻ tre, như bẻ cành cây mục vậy, bình được tám vị sứ quân ở các nơi. Còn bốn vị sứ quân nữa. Đinh Bộ Lĩnh bèn phân công cho Lê Hoàn đánh Kiều Thuận Triều ở Hoa Khê. Nguyễn Bặc đánh Kiều Công Mâu ở Phong Châu. Phạm Trù và Đỗ Thích đánh Nguyễn Gia Loan ở Vĩnh Mộ. Đinh Bộ Lĩnh và hai con trai là Đinh Duệ, Đinh Toàn đánh Đỗ Cảnh Thạc ở Xích Đằng. Các tướng đánh ba nơi khác đều dẹp yên được. Riêng ở Xích Đằng thì ba cha con Bộ Lĩnh đều bị quân Đỗ Cảnh Thạc vây. Cha con đều khôn đốn ở trong vây, quân kỵ về báo tin cho Liên Hoa ở đồn Trâm Nhị. Liên Hoa lập đàn cầu đảo bách thần, khấn rằng: *"Thân phụ thiếp là Bộ Lĩnh đem quân đánh mười hai sứ quân thu phục giang sơn về một mối để cứu muôn dân thoát vòng lầm than cơ cực. Nay chẳng may bị Đỗ Cảnh Thạc vây hãm rất nguy. Cúi xin trời đất, bách thần âm phù tế độ cho cha thiếp thu phục sơn hà để cho mặt trời mặt trăng ở trời Nam lại sáng trở lại. Ngày mai thiếp đem quân đi giải thoát vòng vây cho cha. Nếu vạn nhất mà không phá được vòng vây thì mấy cha con thiếp sẽ đánh một trận sống thác với đất Đằng Châu! Muôn trông trời đất minh âm phù tế độ"*. Khấn xong, Liên Hoa nằm ngủ dưới đàn tràng mơ thấy có một người ngồi chững chạc ở trên đàn, áo mũ tươi saõ nàng rằng:

"Ta là Hồng Vũ đại vương, quê ở Tụ Long quyền cai quản cửa Vũ môn, nay cũng là vị phúc thần ở đền Cù tu thuộc bản huyện. Kính vâng mệnh lệnh của thiên đình giáng trần cứu giúp nhà ngươi giải vây cho cha, đưa lại cảnh thanh bình sáng sủa cho non sông nước Nam". Nói xong thần đứng phắt dậy chỉ huy quân tiến lên phía trước. Nàng tỉnh dậy ghi những lời trong mộng để nghiệm về sau. Sáng ngày hôm sau bèn đem số binh phu ở Trâm Nhị và ba nghìn quân sĩ ở bản bộ, có khí giới tinh nhuệ, có lương thực đầy đủ, cả hai đường thủy lục đều tiến, khí thế ba quân mạnh mẽ như sấm chuyển động vung ra nghìn dặm thuyền bè lùa ngựa đi song song với nhau, như chớp giạt, thẳng đến Đằng Châu. Nàng một đao một ngựa chỉ huy ba quân xông thẳng vào vòng vây dày đặc, trong lúc giao chiến bỗng có một cơn gió lốc trời đất tối tăm mờ mịt, bên cạnh nàng xuất hiện một người cao lớn y như người mà nàng đã thấy ở trong mơ dẫn nàng xông và trận địa y như vào cõi không người. Chém được vài trăm đầu, hộ vệ cho thân phụ Đinh Bộ Lĩnh và hai anh Đinh Duệ, Đinh Toàn vượt khỏi vòng vây. Ngay lúc ấy cả mấy cha con lại đánh nhau với Đỗ Cảnh Thạc một trận lớn, Cảnh Thạc thua to bị chết ở đất Cao Đường. Mười hai sứ quân đều dẹp yên. Đinh Bộ Lĩnh đem quân khải hoàn về đắp thành ở động Hoa Lư và đóng đô tại đó. Đinh Bộ Lĩnh tự lập làm Tiên hoàng Đại Thắng Minh hoàng đế, lập Đàm Thị làm Hoàng hậu, Đinh Duệ làm Hoàng thái tử, Đinh Toàn làm Vệ vương, Liên Hoa làm Công chúa. Nhân đó Công chúa Liên Hoa tâu: "*Công lao giải vây cho phụ vương trước đây đều do sức anh linh hiển ứng của Hồng Vũ đại vương, nay thống nhất non sông về một mối cũng nên truy nhớ công đức của thần mà báo đền thích đáng...*". Tiên hoàng bèn chuẩn y cho Liên Hoa trở về Trâm Nhị lập tòa miếu nhỏ, rước thần hiệu Hồng Vũ đại vương để Trâm Nhị phụng sự. Từ đó, vua tôi hiệp đức, thiên hạ thanh bình, đời sống nhân dân vui vẻ đầy đủ. Liên Hoa suy nghĩ: Phong tục của dân ở Trâm Nhị thì hậu mà địa thế thì phong quang đáng yêu, hơn nữa ở đây lại được thờ thần Hồng vũ đại vương, bèn xin phép vua cha cho ở tại doanh trại Trâm Nhị được Tiên Hoàng phê chuẩn. Công chúa lạy tạ phụ vương, xe loan ra đất Trâm Nhị, ngày ấy nhân dân Trâm Nhị rất sung sướng được bà chúa lai lâm bản trang, họ bảo nhau làm lễ chào mừng rất trọng thể. Từ đấy, công chúa chăm lo đến việc cấy cấy và trồng dâu chăn tằm làm cho dân địa phương trở nên no ấm thịnh vượng. Để ban ơn thật sự cho dân Trâm Nhị, công chúa bèn tâu lên vua cha phê chuẩn cho Trâm Nhị được miễn thuế khóa tạp dịch, đã được Tiên hoàng xuống chiếu ban cho. Nhân dân Trâm Nhị đều kính mến, tôn xưng nàng là Đức Vua Bà và công chúa

cũng yêu thương dân như con của mình vậy. Đến khi Tiên Hoàng tạ thế, Đinh Duệ và Đinh Toàn đều bị Đỗ Thích giết hại. Công chúa nghe được tin dữ, bèn đem binh mã bản bộ về triều hiệp lực cùng đại thần là bọn Đinh Điền, Nguyễn Bặc giết Đỗ Thích. Sau khi Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết quyền bính trong nước đều do Lê Hoàn nắm giữ. Hoàn lại tư thông với Đàm Thị và nảy sinh lòng tiếm quốc. Các ông Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Trù chống cự Lê Hoàn. Than ôi! Ngôi báu là thứ rất quan trọng do ở mạnh trời chi phối, không thể lấy trí lấy lực mà giành lại được, thành ra Nguyễn, Đinh, Phạm ba vị tướng quân trung nghĩa của họ Đinh đều bị Lê Hoàn giết hại, ngoài ra các sĩ phu còn có lòng trung với nhà Đinh đều trốn về quê hương không chịu ở lại cộng tác với Lê Hoàn. Hoàn bèn tự lập làm vua, xưng là Đại Hành hoàng đế. Công chúa thấy tình thế xảy ra như thế không còn biết làm thế nào, bèn ngâm mấy câu thơ tỏ lòng thương tiếc Nguyễn Bặc, Đinh Điền trung nghĩa và căm giận Lê Hoàn, Đỗ Thích gian hiểm, thơ rằng :

Liên tai số tử diệc trung can,

Phó dữ sơn hà vũ trụ gian.

Tiểu bỉ gian khu truyền hạ hậu.

Ngộ Ngộ thân phụ cánh hà nhan.

Dịch nghĩa: "*Thương cho mấy ông cũng có gan trung, đem phó thác cả cho n sông vũ trụ. Cười chê bọn gian thần sau này xuống suối vàng, còn mặt mũi nào gặp thân phụ ta nữa!*"

Sau đó công chúa trở về trang Trâm Nhị lưu lại vài chục ngày, triệu tập phụ lão bản trang đặt yến khoản đãi rất hậu, dặn dò các việc xong, công chúa cùng mấy đệ tử chu du thiên hạ, có khi săn bắn cáo thỏ ở rừng sâu núi thẳm, có khi đội ánh trăng ở các dòng sông, có khi làm bạn với gió mát ở những đồng nội bao la bát ngát. Một hôm công chúa đặt chân xuống núi Kim Nhan ở trang Kê Trường huyện Thanh Chương phủ Đức Quang châu Hoan ngắm xem phong cảnh, trời bỗng tối tăm, gió sấm nổi lên âm âm, ban ngày mà mù mịt như đêm, khi ấy các loại vật "tứ linh" (long, ly, qui, phượng) giáng xuống, bách thú lai triều trên không có tiếng đàn hát véo von, công chúa đã hóa trong khung cảnh ấy. Ngày công chúa vĩnh biệt nhân dân chính là mồng

bốn tháng năm. Sau khi công chúa hóa, có mấy người dân ở trang Trâm Nhi theo hầu liền chạy về loan tin cho dân làng biết. Để tỏ lòng tưởng nhớ công đức của Liên Hoa công chúa thuở sinh tiền, nhân dân trang Trâm Nhi lập miếu thờ tại nền doanh trại hồi trước, họ viết thần hiệu là "Đức Vua Bà Liên Hoa Công chúa" đặt trong bài vị cúng tế. Nhà tiền Lê chỉ truyền nước được hai đời thì Lý Công Uẩn người làng Cổ Pháp huyện Tiên Du đã ứng điềm sấm ký "thập bát tử thành" từ sớm, nên được thay thế ngôi báu của Đinh - Lê, đóng đô tại Thăng Long, hiệu là Lý Thái Tổ. Nhà vua lên ngôi, Chiêm Thành luôn luôn quấy rối ngoài biên giới, vua ngự giá đến miếu công chúa cầu đảo sau khi dẹp yên giặc, bèn gia phong thêm mấy chữ "Trang Thục Thuần Mỹ" vào duệ hiệu của công chúa, đồng thời chuẩn y cho trang Trâm Nhi phụng thờ, lưu truyền vạn đại, hương hỏa vô cùng.

TRẦN CÔNG MÃN

Thê kỷ 10 ở huyện Lương Giang, châu Ái, có vị lương y tên là Trần Đồng, vợ là bà Phạm Thị Hương. Hai ông bà ăn ở với nhau rất hòa thuận, đến tuổi 40 vẫn chưa có con, mới sửa sang lễ vật đến cầu tự ở chùa Cao Đài. Từ đó bà có mang, no ngày đủ tháng sinh hạ một một trai, mặt vuông tai lớn, mắt đẹp mày thanh. Ông bà đặt tên là Trần Công Mãn. Hôm ấy là ngày mùng 7 tháng giêng, năm Nhâm dần (942). Lớn lên Trần Công Mãn chỉ ăn cơm chay không màng thịt cá, ham học võ nghệ, cung kiếm hơn người. Năm ngoài 20 tuổi thì cha mẹ nối nhau qua đời. Chôn cất cha mẹ xong thì gia tư khánh kiệt, lại gặp lúc nhà Ngô suy yếu, làm cho nhân dân sống trong cảnh chính nhiễu luân phiên. Lịch sử ghi thời kỳ này là loạn 12 sứ quân.

Trần công Mãn động chí tang bồng mới thu xếp hành trang từ già quê hương ra Bồ Hải khẩu theo Sứ quân Trần Lãm. Một hôm đi đến làng Thái Duyên thì trời sắp tối. Trần công Mãn trông thấy một trang trại cây cối xanh tươi sầm uất, mới đi vào xin ngủ trọ. Chủ nhà cũng họ Trần vốn người hiền hậu, năm ấy tuổi ngoài 70, hiếm hoi có một nàng con gái tên là Trần Thị Xuyên tuổi đang độ trăng tròn, nhan sắc tuyệt trần, siêng năng canh cửi. Quanh vùng cũng nhiều chàng trai rấp ranh bảnh sê nhưng chưa có ai được lọt mắt xanh. Đêm hôm có khách ngủ nhờ. Trần lão và con gái đều nằm mộng thấy ngoài con sông chảy qua trước làng, có tiếng huyên náo như đoàn quân tấp qua, một chiếc thuyền rồng đậu vào bến sông, một con cá

hóa long từ trong thuyền bay vào giữa trung đường, hào quang ánh lên chói lọi, sự nồng hương thơm. Trần lão giật mình tỉnh dậy trong dạ bàng hoàng, đi đến bên giường người khách ngủ nhờ, kêu tỏ ngọn đèn nhìn kỹ thấy đây là một thanh niên tuấn tú, khí vũ hiên ngang, đang trong giấc ngủ say. Trần lão đem lòng yêu mến. Sớm hôm sau Trần lão lưu khách đãi cơm và ngõ ý muốn kén làm giai tể. Trần công Mẫn bằng lòng ở lại duyên cùng nàng Xuyên.

Bấy giờ Trần Lãm đã giao binh quyền ở Bồ Hải cho Đinh Bộ Lĩnh và kéo về đóng ở Hoa Lư. Trần công Mẫn vào Hoa Lư theo Đinh Bộ Lĩnh, được cử làm tiên phong của toán quân do tướng Trần Ứng Long chỉ huy đi đánh sứ quân Đỗ Cảnh Thạc vùng Đỗ Động.

Thành Đỗ Động rất kiên cố, có dòng sông Đông bao quanh ba mặt, nằm giữa vùng đồng lầy mênh mông, rừng lau bãi sậy hoang vu hiểm trở. Nhưng khi quân hai tướng họ Trần chiếm được gần hết vùng Đỗ Động, Đỗ Cảnh Thạc rút vào cố thủ trong thành Đỗ Động cô lập bị cắt đứt mọi đường giao thông tiếp viện. Sứ quân họ Đỗ tính kế thu thập tàn quân dùng chiến thuật bỏ thành vượt sông, phá thuyền chạy vào đóng ở những bãi cao giữa vùng bùn lầy, dựa vào địa hình hiểm trở để nuôi dưỡng lực lượng chờ dịp phản công.

Trần Ứng Long và Trần công Mẫn chiếm thành Đỗ Động, rồi mang quân đuổi theo qua một khu rừng tre nhỏ thì thấy một con sông lớn chắn ngang, trông ra không một con thuyền không một bóng người. Bờ bên kia là một vùng đồng nước, lau sậy ngút ngàn xa tắp.

Muốn đuổi kịp sứ quân họ Đỗ thì phải có thuyền, nhưng lấy đâu ra thuyền để chuyển quân sĩ qua sông. Nhìn dòng sông mênh mông lờ lững lạnh lùng vắng ngắt, một cái riu đánh tép trôi nổi dập dềnh trên mặt nước. Một ý nghĩ chợt đến trong óc vị tướng liên tưởng đến những cái thúng đan tre trát nhựa sắn, dùng đựng nước ăn ở vùng đồng chiêm trũng. Trần Ứng Long cho quân hạ trại rồi sai Trần công Mẫn đem nửa số quân vào rừng chặt tre đem về, nửa số quân ở trại chẻ nan tre đan những cái thúng hình bầu dục, thêm hai cái thang giữ đường cạp vòng quanh cho thêm vững chắc, dùng lá cây giã với đất sét thật mịn thay cho nhựa sắn. Khi thả xuống nước cái thúng nổi có thể chở được bốn năm người và vũ khí. Quân sĩ nhất tề vượt sông xong họ lại vác thuyền lên vai để hành quân, gặp sông ngòi ả xuống

làm thuyền. Nhờ có những con thuyền độc đáo đó, đội tiền quân do tướng Trần công Mẫn chỉ huy đuổi kịp Đỗ Cảnh Thạc. Đỗ Cảnh Thạc chiếm một khu đất cao dần quân dùng cung nỏ, cần bắn gạch đá để cố thủ. Quân sĩ nhà Đinh dựng ngay những cái thúng độc đáo làm tấm khiên đi lên trước che tên đạn xông lên trận địa, quân sĩ họ Đỗ tan vỡ. Đỗ Cảnh Thạc bị Trần công Mẫn chém đầu.

Hai tướng họ Trần mang quân thắng trận hát khúc khải hoàn ca, trên đường về Hoa Lư đóng quân lại ở Bảo Ngũ, nhân dân Thái Duyên thổi cơm đội đến quân doanh để khao quân, đáp lại thịnh tình đó quân sĩ thao diễn bơi thuyền nan trên dòng sông Thái.

Sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, phong Trần công Mẫn chức Đô úy đại tướng quân, cho thực ấp ở làng Thái Duyên.

Tháng 12 năm Canh Thìn (980) Trần công Mẫn bỗng nhiên vô bệnh mà mất. Triều đình sắc phong là Nam đô thành hoàng, ban cho tiền bạc để dân làng Thái Duyên phụng thờ.

NGUYỄN SÙNG, NGUYỄN QUÁCH, NGUYỄN THIỆU

Tương truyền ở trang Phúc Sai, huyện Ninh Sơn, phủ Quốc Oai, xứ Sơn Tây có một ông tên là Nguyễn Quang, vợ là con gái bản ấp tên là Trần Thị Nguyệt, gia tư vốn là người hào phú. Tổ tiên Nguyễn Quang vốn là người ở đất Thái Bình thuộc quận Long Hưng bên Trung Quốc, vì lánh nạn Tùy, Đường nên di cư sang An Nam. Gia tộc tổ đều theo đạo Phật, Lão, đến đời Nguyễn Quang cũng chỉ làm nghề thầy thuốc và giữ chùa. Thời ấy có loạn mười hai sứ quân, ông bà lánh loạn đến trú tại Ngô Tô xã Đào Xá châu Xích Đằng phủ Khoái Châu xứ Sơn Nam. Ông Quang tuổi đã cao mà chưa có con bèn sắm lễ vào chùa cầu tự và cầu mộng ở đó. Khoảng canh ba chiêm bao thấy đức phật ngự trên tòa sen, bên tả bên hữu có các vị thiên quan đứng hầu la liệt có tới hơn ba chục vị, ông Quang phủ phục nghe trên điện có tiếng truyền xuống: "*Nay sai long thần dẫn ba người đến đây nghe ta phán bảo*". Một lát thấy long thần dẫn Sùng Tín quan, Đông Chinh quan và Tây Chinh quan đến, thì thấy có tiếng truyền lệnh: "*Nay thiên đình sai*

ba ông giáng trần đầu thai làm con họ Nguyễn". Vị long thần quì xuống hỏi lại: "Họ Nguyễn có âm đức gì mà được như vậy". Liền có tiếng phán bảo: "Nguyễn Quang trước hết là con người sùng đạo phật, sau là một vị lương y cứu nhân độ thế không hề ham muốn tiền tài lợi lộc, thật là một nhà phúc hậu, vì thế mà trời phận cho ba vị xuống làm con...". Ông Quang chột tỉnh chiêm bao kể lại cho vợ nghe. Bà Nguyệt cũng chiêm bao thấy ba con rồng vàng từ trời xuống chui vào miệng bà, bà nuốt xuống. Sau đó thấy tâm thần chuyển động rồi có thai. Đến mồng chín tháng giêng năm Bính Dần trong phòng bỗng có mùi thơm sực nức và rực ánh hào quang, bà đẻ ra một bọc có ba con trai rất tuần tú. Đến khi năm tuổi, ông Quang đặt tên cho con lớn là Sùng, con thứ hai là Quách và con thứ ba là Thiệu, cho theo học ở Lý Đường tiên sinh. Ba ông học năm sáu năm, đều tỏ ra là những người thông minh lỗi lạc, văn võ toàn tài và có đức khoan dung, có tính cương trực. Bốn biển anh hùng đều nghe tiếng ba ông, họ đều tỏ lòng khâm phục. Ba ông hồi mười tuổi thì cha mẹ đều từ trần. Anh em cùng nhau làm lễ an táng cho di hài bố mẹ ở nơi quý địa bên cạnh chùa, đằng trước mộ có con khe nhỏ uốn khúc châu về, đằng sau có những gò đống hình voi ngựa hướng về ngôi huyệt... Ba anh em đem cả gia tài làm chay độ cho cha mẹ đến nỗi khánh kiệt không biết nương tựa vào đâu, bèn dựng quán bán rượu ở cạnh chùa để có dịp liên hệ với anh hùng hào kiệt bốn phương. Sau ba năm thì Đinh Bộ Lĩnh và Nguyễn Bặc, Đinh Điền phát khởi nghĩa dẹp loạn mười hai sứ quân. Một hôm nghĩa quân qua trang Ngô Tô đến đóng quân tại khu vực chùa, ba ông chạnh lòng bốn phương, bèn chiêu dụ nghĩa binh ở bản châu, tổng cộng hơn ba trăm người. Sáng hôm sau, ba ông đem quân đến ra mắt tướng quân Nguyễn Bặc. Nhạc trông tướng mạo ba ông biểu lộ ra là những bậc phi thường, Nguyễn Bặc tỏ lòng kính mến. Ba ông trình bày chí hướng của mình là muốn dẹp loạn yên dân, tự nguyện theo việc chinh phạt. Nguyễn Bặc cả mừng nói: "May gặp ba ông ở đây thật là trời cho đáng anh tài giúp nước, sự nghiệp đế vương của nhà Đinh nhất định sẽ thành công rực rỡ. Nếu ba ông bằng lòng, ta sẽ kết nghĩa coi ba ông như anh em ruột thịt một nhà". Ba ông bèn cùng Nguyễn Bặc đem quân về kinh. Trước đây khoảng một tháng, Đinh Bộ Lĩnh ngủ ngày, chiêm bao thấy ba con rồng từ trời xuống đứng ở trước mặt rồi hóa ra ba vị tướng quân cúi đầu làm lễ, Đinh Bộ Lĩnh hỏi: "Tên gọi và chức vụ là gì?". Ba ông tâu: "Bọn hạ thần kính vâng lệnh của thượng đế làm thành hoàng tự chủ ở địa hạt này. Nay vì thiên đình đã cho thánh nhân ra đời cho nên bọn hạ thần hết lòng hết sức phò tá". Khi Nguyễn Bặc dẫn ba ông cùng vào ra mắt Bộ Lĩnh, Bộ Lĩnh

thấy diện mạo ba ông như ba vị thần tướng mà mình thấy ở trong mộng trước đây, Bộ Lĩnh rất mừng. Nguyễn Bặc tâm tình về tài năng thao lược của ba ông rất tường tận, Bộ Lĩnh hỏi thì ba ông đối đáp trôi chảy tỏ ra có tài kinh bang tế thế, bèn phong làm chức Tư đồ đồng bình chương sự thống lĩnh chư quân kiêm tham tán quân sự.

Sau đó, Đinh Bộ Lĩnh ra lệnh triệu tập các đạo quân về Hoa Lư. Trước lúc ra quân, Bộ Lĩnh cho lập đàn tế cờ, truyền lệnh cho Sùng công, Quách công, Thiệu công cùng đại tướng Đinh Điền đem quân đánh nhau với mười hai sứ quân. Sau khi dẹp yên nội loạn thống nhất sơn hà, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế phong cho ông Sùng làm Thượng ấn nội các, ông Quách làm Đông chính trấn ngự thiên môn, ông Thiệu làm Tây chính trấn ngự địa phủ. Sau mười hai năm làm việc tại triều, ba ông xin phép nhà vua về thăm quê hương để sửa sang lăng mộ song thân được nhà vua ban thưởng cho năm trăm lạng vàng, một tấm gấm, đồng thời cho hản đất Ngô Tô làm ấp ăn lộc. Ba ông về làng, dân làm lễ chào mừng, ba ông đưa cho dân ba chục lạng vàng để xây dựng hai tòa miếu và sửa chữa ngôi chùa. Một hôm ba ông bày tiệc vui tại chùa, trong lúc chén chè chén rượu ca hát tung bừng, ba ông ngâm mấy câu thơ:

Một nhà phơi phơi tinh thần

Khói hương muôn thuở nhân dân phụng thờ

Dẫu rằng vui lúc say sưa

Mà tình gắn bó Ngô Tô đời đời.

Tiếng ngâm vừa dứt thì bỗng nổ một tiếng sét rung chuyển trời đất, sóng cuốn lên ầm ầm, ngay lúc đó xuất hiện một vị thần tướng cao mười thước đứng ở trên mây lớn tiếng phán: *"Ta là thiên sứ vâng mạng thượng đế xuống mời ba ông về triều của khuyết, hơn nữa số ở trần gian đã hết, trời đã định kỳ..."*. Nói xong biến mất. Ba con rồng vàng từ trong mình của ba ông hiện ra, bay lên trên không, gầm lên ba tiếng lớn. Ba cùng hóa một lúc, không còn để lại hình tích, chỉ còn ba bộ áo mũ. Nhân dân đem nó mai táng ngoài đồng, đời sau gọi chỗ mai táng áo mũ là Đường cắm địa.

CẢNH KỲ, TIẾN SƠN

Tương truyền ở Thái Triền huyện Đông Thành, trấn Nghệ An, có người tên là Hoàng Phúc Hựu, vợ là Võ Thị sinh sống bằng nghề dệt cử, tuổi đã cao mà chưa có con. Chẳng may Hoàng Phúc Hựu mất sớm, Võ Thị đành ở góa, một mình vẫn theo nghề canh cử kiếm ăn. Hàng ngày cứ đến trưa, Võ Thị ra tắm giặt ở con suối thuộc địa phận bản trang. Sau ba năm bỗng nghe ở buồng dệt có tiếng kêu ù ù, đến canh ba mới dứt. Sáng ra, Võ Thị xem chỗ mình ngồi dệt, có một cái lỗ sâu hoắm, khi Võ Thị ngồi vào dệt vải thì cái lỗ ấy phụt hơi lên và có tiếng kêu ù ù. Do đó, Võ Thị cảm động mà có mang. Ít lâu sau bụng mỗi ngày một to, nhân dân bản trang bắt phạt vạ, Võ Thị đành bỏ làng xóm ra đi. Bà bơ vơ cứ đi, không nhằm phương hướng nào hết. Một hôm vào lúc chiều tối, bà đi đến nhà họ Phạm ở trang Đan Xá huyện Cổ Chiếu, thuộc trấn Thanh Hóa xin ở nhờ được Phạm công làm phúc đồng ý cho ở. Đến giờ Ngọ, ngày 16 tháng 6, năm Bính thìn, Võ Thị đến xứ Côn Dầy, trở dạ đẻ ra một cái bọc có 2 quả trứng. Bà sợ hãi che giấu vào trong bụi rậm và về báo cho Phạm công biết. Phạm công cũng cảm thấy sợ hãi, ba ngày sau mới dám ra xem. Ông lượm 2 quả trứng đó đem về giấu kín ở xó nhà. Một tháng sau, trời bỗng nổi gió, hai cái trứng vỡ ra thành hai cái hình kỳ lạ, một cái hình rắn, một cái hình giao long (thường luồng). Rắn và thường luồng lại có tính người, anh em biết nhường nhịn nhau. Phạm công cho là điềm lạ nuôi dưỡng cẩn thận. Từ đó về sau, Phạm công đi cày rắn và giao long cũng theo ông ra đồng, đêm đến chúng lại nằm cuộn khúc ngủ ở trên bàn. Ba bốn năm sau, Phạm công đặt tên cho rắn là Cảnh Kỳ, giao long là Tiến Sơn.

Một hôm, Tiến Sơn theo Phạm công ra chơi ngoài nội, không hiểu do ý trời xui khiến hay Phạm công lỡ tay mà chém đứt đuôi Tiến Sơn. Trời đất bỗng tối sầm lại, gió mưa sấm chớp ù ù. Cảnh Kỳ và Tiến Sơn đều bay lên trời. Dấu tích để lại của hai vị thần là những hồ, đầm xứ này. Ngày 14 tháng 8 năm Kỷ Tị nhà Đinh, ở phía đông bắc thuộc bản trang, trong đêm mưa to gió lớn, nước suối dâng lên, có con giao long cụt đuôi tung lên vạt xuống làm thành một cái vực sâu hoắm, rộng ước một mẫu, nước trong Sáng hôm sau, phụ lão ra xem thấy thế muôn phần sợ hãi, không ai dám đến gần bèn bảo nhau lập đàn ở bên cạnh vực cầu đảo. Giao long liền biến mất, sau đó

giáng đồng tả khẩu vào một ông Điện ở bản trang phán rằng: *"Ta là Long Uyên, tên gọi Tiến Sơn, hiệu chàng gót, thượng đế sắc mệnh cho ta làm long thần ở khu vực này"*. Nhân dân lập miếu thờ, mọi người đều được bình an vô sự.

Những hôm trở trời, rất nhiều tôm cá ngoi lên mặt nước châu đầu hướng về miếu thần, khi ấy ai xâm phạm đến đều bị hại, nên người ta sợ không dám đến gần và gọi đó là cấm địa của thần Gót.

Đến năm Long phù của đời vua Thái Tông nhà Lý, có giặc Chiêm Thành kéo đến xâm lược. Thế giặc rất mạnh, chúng đi đến đâu tàn phá giết chóc đến đấy. Nhà vua lo sợ bèn ngự giá thân chinh dẹp giặc. Khi quân nhà vua đi qua linh miếu, họ xuống bắt cá ở vực, bị thần quở phạt nên quân lính có nhiều kẻ bỏ mạng. Nhà vua thấy thần linh ứng đến mặt đảo và khẩn rằng: *"Thần có khôn thiêng thì giúp vua trừ giặc chứ không nên cản trở việc hành quân của ta"*. Sau đó vua tối tiên binh đến chỗ giặc đóng, đánh một trận dữ dội, quân giặc tan vỡ ngay lập tức.

Chiến thắng khai hoàn nhà vua tặng cho 6 tấm lụa vàng, 10 lạng bạc, cấp cho 11 người làm nhiệm vụ quét dọn miếu thần. Sắc phong là *Đương cảnh thành hoàng trừng tinh hoàng trạc hồng ân linh tế long Uyên. Húy Gót, tự Tiến Sơn thượng đẳng tối linh thần Đại vương*. Các đời đế vương về sau, thiên tai hạn hán, cầu mưa đều linh ứng.

THIÊN HIỀN SỨ VƯƠNG

Tương truyền dân ấp ở huyện Đông Sơn, trước kia, đến triều Lê chia thành một khu, trong khu có ba họ Lê, Trần, Nguyễn là họ lớn, gia thế hào hùng. Thấy địa thế bản thôn bên tả có bên sông, bên hữu có ruộng sâu, hai dòng nước giao nhau, các loài cá chơi đùa trong đó, ở giữa nổi lên một khu đất cao như hình con phượng múa, thật là một kiểu đất xương sống con rồng, ba họ bèn lập gia cư ở đó, chiêu tập con nhà lương thiện lập thành khu dân ấp tức là thôn Thạch Đường. Họ lập một tòa miếu nhỏ để thờ Sơn thần.

Mười năm sau, dân ấp thịnh vượng, trở thành một ấp lớn. Dân số của ba họ và của dân mới chiêu tập hợp lại được 118 người. Có một năm trời giáng

hoạ, dân thiên hạ ốm đau liểng xiểng, dân bản ấp cũng nhiều người đau yếu không yên, nhân dân thường đến khẩn cầu ở miếu. Hồi ấy, nhân dân trong bản thường đến bên sông chần trâu, một hôm khí trời trong sáng, chợt thấy một cụ già đầu râu tóc bạc, khoảng tám mươi tuổi, ngồi một mình ở trên cái gò khá lâu mà không thấy biến đi, một ngày có khi ngồi đến hai ba lần như vậy.

Một lần, vào tháng năm, có một người ở trong khu ốm chết, dân bản đưa thi hài người đó ra mai táng ở bãi sông, người đưa ma đều kêu khóc thảm thiết. Bỗng nhiên trời đất tối sầm lại, mọi người thấy cụ già đầu tóc bạc phơ, tay cầm gậy trúc gọi to lên rằng: *"Hỡi dân chúng lắng nghe ta bảo, trời sai ta xuống đây cứu dân, thấy các người thành tâm nên ta ra tay cứu giúp. Ta chính là vị thần ở thôn Thạch Đường"*, nói xong liền biến mất.

Các vị phụ lão bèn rủ nhau đến miếu thôn Thạch Đường để làm lễ mật đảo, xin rước chân hương về thờ ở bên sông. Họ cúng lễ suốt ba ngày ba đêm, thấy thần nhập vào một ông cụ họ Lê và phán: *"Ta là Thiên hiền sứ vương, thiên đình sắc mệnh cho cai quản phương này"*, nói xong thẳng ngay, dân bản bèn làm lễ tạ. Chỉ trong một đêm mà nhân dân tất thấy đều khỏi bệnh. Sau ba ngày, dân làm lễ cầu vọng. Mọi người đang hành lễ bỗng thấy nổi lên cơn gió to từ Tây Bắc đến, có một tiếng thét rất to giữa nơi đàn cúng lễ. Tất cả lấy làm lạ, nhìn xem thì thấy ngay chỗ lập đàn tràng tự nhiên đột khởi một cái gò đồng hình tròn, dân cho là diêm thiêng khác thường, bèn cùng nhau dựng miếu thờ ở đó. Từ đó đền linh thiêng, dân cúng lễ cầu được ước thấy.

Đến thời vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, khi hành quân đi qua bản khu, vua chiêm bao thấy thần báo mộng rằng thần xin giúp nhà vua đánh quân Minh. Vua chợt tỉnh chiêm bao biết có thần linh phù hộ, truyền cho làm lễ tạ. Trong trận đánh nhau với giặc ở núi Ngọc Sơn, oai phong của nghĩa binh bỗng trở nên áp đảo khiến kẻ địch muôn phần sợ hãi không dám chống cự. Nhà vua bèn tiến quân đánh thốc một trận, chém được đầu giặc rất nhiều. Thắng trận khải hoàn, trên đường trở về khi đi qua bản thôn, nhà vua cho làm lễ tạ linh miếu, cấp cho ba mươi một quan tiền công để trùng tu miếu mạo, cho dân tiếp tục thờ phụng làm phúc thần. Ngài còn có duệ hiệu là Đương Cảnh thành hoàng trưng ứng hiền tế, tặng phong chiêu thần thượng đẳng phúc thần đại vương.

NGUYỄN PHẤN, NGUYỄN TRỌNG, NGUYỄN QUÝ

>

Ông Nguyễn Đạo, người trang Thạch Khê huyện Thanh Hà phủ Nam Sách, đạo Hải Dương vốn nhà phúc hậu, trời cho kiêu đất phượng hoàng, ông đem táng mộ gia tiên vào đất quý ấy được một trăm ngày thì vợ có mang, đến mồng sáu tháng giêng năm Nhâm Thân sinh được ba cậu con trai khôi ngô tuấn tú, ông đặt tên cậu thứ nhất là Phấn, cậu thứ hai là Trọng, cậu thứ ba là Quý. Hồi ấy có người họ Trần ở giáp Đoài, trang Long Hạp (nay là Long Cầu) huyện Phù Cừ, xứ Sơn Nam thượng gặp cơn binh biến lánh nạn đến trú tại đất này (tức trang Thạch Khê huyện Thanh Hà, đạo Hải Dương) Nguyễn công (tức Nguyễn Đạo) bèn đem cậu Phấn cho làm con nuôi người họ Trần. Trần công đem Phấn về quê nuôi được bảy năm thì Nguyễn công vô bệnh mà mất. Hồi ấy trang Thạch Khê có tên Cường hào họ Trương muốn ép vợ Nguyễn Đạo phải lấy nó, nhưng bà giữ vững chữ trinh kiên quyết từ chối, bèn đem hai con là Trọng và Quý đến giáp Đoài trang Long Hạp ở nhờ người bạn cũ họ Trần - bố nuôi của Phấn. Khi ấy Trần công đã mất, bà Nguyễn (vợ Nguyễn Đạo) và bà Trần cùng ở một nhà đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau nuôi dưỡng ba con (tức Phấn, Trọng và Quý). Ba ông khi chín mười tuổi đã có chí khí hơn người. Hai bà gia tài sung túc, cho ba ông con theo học ở trường ông thầy họ Lê, các ông học rất thông minh chỉ mới có một năm mà đã tinh thông kinh sử, người địa phương đều kính phục. Đến năm mười sáu tuổi thì mình cao chín thước, sức lực hơn người. Đến năm mười tám tuổi tính ăn ở rộng rãi, nuôi dưỡng nhân dân, cấp kẻ nghèo, nuôi người già, anh hùng bốn phương nghe tin đều đến qui phục nên quân mỗi ngày một đông. Đinh Tiên Hoàng khởi nghĩa ở Hoa Lư, một hôm nhà vua nằm mơ thấy ba ông đến sụp lạy ở trước sân tâu rằng: “Nghĩa vua tôi vốn do trời định. Anh em chúng tôi xin nguyện dốc lòng tòng quân giúp nước”. Vua Đinh tỉnh mộng liền sai hai vị tướng quân tìm đến trang Long Hạp gặp được ba ông đưa về triều bái yết nhà vua. Nhà vua thấy ba ông hết như ba vị tướng đã hiện hình ở trong giấc mơ, bèn thử khảo sát tài năng, thì thấy ba ông đều là kẻ tài kiêm văn võ. Vua Đinh phong cho ông Phấn làm Tiệp đốc binh nhướng quân, ông Trọng làm Điện binh nguyên soái tướng quân, ông Quý làm Điện binh tướng quân. Ba ông xông pha chiến trường,

ba bốn năm đánh hơn ba chục trận chưa từng nghỉ ngơi lúc nào. Loạn mười hai sứ quân dẹp yên, thống nhất bờ cõi, Đinh Tiên Hoàng lên ngôi ở Hoa Lư.

Ba ông xin về thăm quê nhà và xin trang Long Lạp (tức Long Cầu) làm thái ấp, được nhà vua ưng thuận, đồng thời ban cho vàng bạc châu báu mấy nghìn cân. Các ông về quê nhà bái yết gia tiên, sau đó trở về trang Long Lạp thăm mẹ và bái yết gia tiên Trần công. Các ông xem địa thế rồi truyền cho quân dân xây dựng một tòa hành cung ở địa phận bản ấp (tức trang Long Lạp). Được ít lâu, các ông lai kinh, được nhà vua bổ nhiệm ông thứ nhất thủ trấn Cao Bằng, ông thứ hai trấn thủ Tuyên Quang, ông thứ ba trấn thủ Thanh hóa. Thời gian làm quan ở ngoài, các ông có chính sự tốt nên nhân dân an cư lạc nghiệp không có chuyện gì xảy ra đáng tiếc.

Nhà vua lại vời về triều thăng ông thứ nhất làm Tham tán triều nghị, ông thứ hai làm Đô đài ngự sử, ông thứ ba làm Thái bộc. Các ông làm quan tại triều tám năm thì bà Nguyễn mất tại hành cung Long Lạp (tức Long Cầu) các ông xin về cư tang được nhà vua phê chuẩn Trong thời gian ở nhà, các ông gần gũi nhân dân, khuyên dân làm ruộng trồng dâu dạy dân lễ nghĩa, vun đắp thuần phong mỹ tục. Sau khi mãn tang thân mẫu, các ông lại tiếp được chiếu chỉ vời về triều nhậm chức. Lúc này nhà vua rất tin nhiệm Lê Hoàn, các ông nhận xét sau này sẽ xảy ra âm mưu tiếm quốc, có nhiều lần dâng biểu can ngăn bí mật nhưng không được nhà vua lưu ý, vẫn tin cậy Hoàn, các ông thấy tình thế này không sao cứu vãn bèn xin từ chức. Sau khi đã về quê dưỡng nhàn, các ông đang đến thăm miếu núi Đương Lô ở huyện Tống Sơn phủ Hà Trung châu Ái thì tiếp được chiếu chỉ gọi về triều. Ba ông biết đây chỉ là mưu kế của Lê Hoàn, nếu trúng kế này thì khó mà giữ tròn danh tiết, cho nên ba anh em ông đều tự hóa ở núi Đương Lô, trong khi hoa, sấm sét nổi lên dờng như giận dữ, nhân dân địa phương làm lễ an táng ở trên đỉnh núi đồng thời dựng đền thờ cúng. Sứ giả về triều tâu trình việc ba ông đã mất, vua Đinh thương tiếc kẻ tng thần có công với nước, không hiểu vì lẽ gì mà tự sát như vậy bèn truyền lập đàn mật bảo rằng: *"Các khanh quả là người trung nghĩa tại sao không chịu về triều nói cho trẫm biết?"*. Đêm ấy nhà vua nằm mơ thấy ba ông lạy ở trước bệ, nhà vua trông thấy khóc rằng: *"Vua tôi nghĩa lớn, các ông sao phụ lòng trẫm?"*. Ba ông thưa: *"Đạo vua tôi không nở bỏ nhau, chẳng qua là do đạo trời xui khiến. Thế nước nhất định sẽ lọt vào tay Lê Hoàn. Bọn hạ thần chỉ biết thờ"*

vua một lòng một dạ, nay Lê Hoàn cầm quyền, hại kẻ trung lương, bọn thần thà chết ở miền sơn dã, chứ không để kẻ nghịch thần làm nhục. Đức thượng đế thương bọn thần trung nghĩa, cho nên cho được cai quản miền núi Đương Lôu để phối hưởng sự cúng tế của nhân dân", nói xong, ba ông sụp lạy rồi biến mất. Vua Đinh tinh mơ, cảm về đạo nghĩa vua tôi, bèn ban sắc phong cho ông thứ nhất là Đệ nhất Đương Lôu đại vương, ông thứ hai là Đệ nhị Đương Lôu đại vương, ông thứ ba là Đệ tam Đương Lôu đại vương và sai quân triều đem sắc chỉ, áo mũ đến chỗ các ngài hóa làm lễ, đồng thời truyền cho dân Long Cầu làm hộ nhi trông coi thờ cúng đền chính, hàng năm đến kỳ xuân, thu sai quan đem lễ về tế. Viên tỳ tướng của ba ông tên là Cao Gia quê ở Hải Dương, bình sinh theo ba ông xông pha chiến trường có công được phong làm chức Điện binh sự vụ, đem sắc chỉ về Long Cầu truyền cho nhân dân sửa sang đền miếu, đến ngày mười hai tháng ba bỗng nhiên vô bệnh mà mất, nhân dân cảm về công đức của ông, bèn làm lễ an táng và thờ chung miếu với ba ông.

ĐINH ĐIỀN VÀ MÔI

Sau khi nhà Ngô mất, nước ta xảy ra loạn mười hai sứ quân, hồi ấy có người trong họ với Đinh Tiên hoàng là Đinh Điền tài kiêm văn võ, vua Đinh phong cho Điền làm Đại tướng quân cầm quân dẹp loạn sứ quân. Một hôm Đinh Điền hành quân đến trại Đẳng Man huyện Kim Động ra lệnh đóng quân ở đây, phụ lão và nhân dân sợ hãi bảo nhau làm lễ chào mừng và tình nguyện làm phận tôi con. Đinh Điền tuyển được ba người ở bản trại, một là họ Phan, hai là họ Phạm, ba là họ Nguyễn có biết võ nghệ bèn phong làm bộ tướng. Thời gian đóng quân ở trại Đẳng Man, ông thấy con gái họ Phan tên là Môi Nương là người có nhan sắc và cũng là người con gái có tài thao lược, Đinh công bèn kết duyên với nàng, đặt nàng lên địa vị chính thất. Sau đó, vua Đinh Tiên hoàng vời ông về thành Hoa Lư bàn kế tiến công mười hai sứ quân. Nhà vua sai Đinh Điền và phu nhân đi trước dò xét tình hình địch. Môi Nương bèn cải trang làm người ăn xin lên vào trong thành, nửa đêm mở cửa thành để quân của Tiên Hoàng và Đinh Điền tiến vào, đánh một trận dữ dội, bắt được Ngô Đầu, thừa thắng xông lên chỉ trong thời gian ngắn đánh dẹp xong mười hai sứ quân, thu phục giang sơn về một mối, Đinh công được Tiên Hoàng phong làm Đại tư đồ. Sau khi Đinh Tiên hoàng bị Đỗ Thích giết, quan thập đạo tướng quân Lê Hoàn cướp ngôi vua. Đinh

công muốn khởi nghĩa đánh Lê Hoàn, mưu bị tiết lộ, Đinh công cùng phu nhân chạy về trang Đằng Man, nhân dân Đằng Man làm lễ chào mừng. Ông nói: *"Trang ấp này ăn ở hậu tình với ta thì nên coi trọng di mệnh của ta: Sau này trang ấp thờ phụng ta cùng phu nhân, mỗi khi cúng tế phải kính mời chư vị tướng quân các họ cùng về phối hưởng"*. Ông bà ban cấp cho dân mười nén vàng mua ruộng để cấp cho việc cúng tế. Một hôm, Đinh công và phu nhân mở yến tiệc mời phụ lão và nhân dân các họ đến khao thưởng. Trong khi vui vẻ thù tạc thì trời bỗng tối tăm mù mịt, trên không xuất hiện đám mây rủ xuống như tấm lụa hồng. Ông liền bay lên mây ra đến Đằng Châu thì hóa. Khi ấy là ngày 17 tháng 11. Phu nhân ngửa mặt lên trời than rằng: *"Người con gái trinh t không bao giờ thay đổi đến hai đời chồng"*, bèn cưỡi ngựa ra đên bờ chằm gieo mình xuống nước mà hóa. Nhân dân vô cùng thương tiếc bèn dựng miếu thờ, qua các triều đại: Lê, Lý, Trần, Lê đều có linh ứng, cho nên các triều đều có phong tặng dực hiệu.

TÔ LỊCH

Vương họ Tô, tên Lịch, làm chức quan lệnh ở Long Đỗ. Họ Tô đời đời ở đất Long Đỗ, dựng làng trên bờ sông nhỏ, nhà không giàu có lắm, tề gia chỉ biết lấy đạo hiếu để làm đầu, ba đời biết nhường nhịn mà ở chung với nhau. Thời Tấn có lệ đề cử những người hiếu hạnh, ông được đề cử cho nên có chiếu nhà vua về khen, cắm cờ biểu dương ở cổng làng. Năm mất mùa, thóc thiếu, có chiếu cho cả làng vay thóc. Vì thế mà lấy tên Tô Lịch đặt làm tên làng.

Vào đời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ ba, quan đô hộ là Lý Nguyên Gia thấy ở cổng Bắc thành Long Biên có dòng nước chảy ngược, địa thế khả quan, bèn đi tìm khắp, thấy được chỗ cao ráo, rời phủ lý đến đóng. Ở đây xây dựng qui mô, cửa ngõ nhiều tầng nhiều lớp, bốn phía nhà cửa bao quanh liên tiếp. Chỗ ấy chính là nơi đất nhà cũ của vương. Nguyên Gia bèn cho mổ bò, nấu rượu, mời tất cả các bậc kỳ lão ở trong làng đến để kể chuyện về vương, tỏ ý muốn tâu nhà vua xin thờ vương làm thần Thành Hoàng. Trên dưới cùng lòng theo ý đó, tất cả mọi người đều được mãn ý. Bèn khởi công xây dựng, mấy ngày sau thành một ngôi đền nguy nga tráng lệ. Ngày làm lễ khánh thành, múa nhảy náo nhiệt, đàn sáo

tung bùng. Đất nhờ người mà trở thành thẳng cánh, người nhờ đức m thịnh vượng, há chẳng đúng như thế hay sao.

Đêm ấy, Lý Nguyên Gia ngủ bên cửa sổ bỗng có một trận gió mát ào tới, bụi cuốn cát bay, rèm lay án động. Có một người cười hươu trắng từ trên trời xuống, tóc và lông mi đều bạc phơ, quần áo thắm tươi, bảo Nguyên Gia rằng: "Tôi được sứ quân ủy cho làm Thành Hoàng ở đây. Nếu sứ quân biết giáo hóa cư dân trong thành hết lòng tận trung thì mới đáng là chức mục thú, xứng với trách nhiệm của người làm quan tốt". Nguyên Gia vái lạy xin vâng theo và hỏi họ tên nhưng không được trả lời. Thốt nhiên tỉnh dậy, mới biết là giấc mộng.

Đến khi Cao Biền xây thành Đại La, nghe thấy thần rất là linh dị, bèn sắm lễ vật dâng tế, tôn làm Đô phủ thành hoàng thần quân.

Khi Lý Thái Tổ thiên đô về, thường nằm mộng thấy có một ông già đầu bạc đi thấp thoáng ở trước sân rồng, lay hai lay, cúi đầu hô mừng: "Vạn tuế" vua lấy làm lạ hỏi họ tên. Ông già râu hết nguyên ủy. Vua cười nói: "Vị tôn thần muốn hưởng giữ hương lửa tới trăm năm hay sao?" Đáp: "Cốt mong cho cơ đồ của Hoàng đế bền lâu như Thái sơn, bàn thạch thánh thọ vô cương, trong triều ngoài quận đều được thái hòa, thì lũ chúng tôi chẳng phải chỉ giữ được trăm năm hương lửa mà thôi đâu". Nhà vua tỉnh dậy, sai quan đến tế lễ, phong thần làm Quốc đô Thăng Long Thành Hoàng Đại vương. Dân cư cầu đảo và làm lễ tế thì họa hay phúc hiển ứng rành rành. Năm Trùng Hưng thứ nhất được sắc phong hai chữ "Bảo quốc", năm Trùng Hưng thứ tư được tặng thêm hai chữ hiển linh, năm Hưng Long thứ hai một lại gia phong hai chữ định bang.

Đền thờ Tô Lịch xưa kia ở vùng nhà thờ ln hiện nay.

QUẢNG LỢI BẠCH MÃ

Năm Hàm thông thứ sáu, đời Ý Tông nhà Đường sai Cao Biền sang đánh quân Nam Chiếu. Sau đó phong Biền làm Tiết độ sứ. Biền là người lành nghề xem địa lý, cho nên đã cho đắp thành Đại La để ở. Một hôm Biền thấy một ông cụ già đầu tóc bạc phơ, hình dung kỳ vĩ, đi ven theo bờ sông, Biền

hỏi họ tên là gì, ông cụ nói: "*Ta họ Tô tên Lịch*". Biền hỏi nhà ở đâu, ông cụ nói: "*Nhà ở sông này*" nói dứt lời thì sóng dưới sông vỗ lên ầm ầm trời đất tối sầm lại, nhìn không thấy ông già đâu cả. Biền cho là thần, bèn đặt tên là sông Tô Lịch. Lại một lần nữa Biền thấy một người cao hơn hai trượng, mặc áo hoàng bào đội mũ màu tía, tay cầm thẻ vàng, đứng trên mặt nước, Biền muốn dùng phép để yểm, đêm chiêm bao thấy thần nhân hiện lên bảo rằng "*Ta là thần Long Đỗ, chớ có yểm. Nghe ông mới đắp thành trên sông Tô Lịch. chưa được gặp nhau cho nên đến đây để gặp. Yểm làm gì!*". Cao Biền tỉnh mộng. Sáng hôm sau lập đàn tràng cúng tế, rồi lấy đồng sắt chôn xuống góc thành để yểm. Bỗng thấy trời đất tối tăm, mưa gió sầm sét dữ dội bao nhiêu đồng sắt yểm dưới đất đều bị đánh bật lên và biến thành tro bụi bay tán loạn. Đến triều Lý Thái Tông, có nước lũ rất to, bãi Thăng Long có nhiều chỗ lở sụt, nhà vua cầu đảo ở trong thành bỗng thấy con ngựa trắng từ trong miếu phi ra đến tận bãi sông, dấu chân ngựa phi đến đâu thì phù sa lại nổi lên đến đấy, do đó mà nhà vua ban sắc phong là Bạch Mã đại vương. Về tới nhà Lý có cơn bão to, nhà cửa trong thành đổ sập, riêng có miếu thờ Bạch mã vẫn an toàn không chuyển gì hết. Đến thời nhà Trần, ba lần hỏa hoạn, nhưng chưa bao giờ cháy đến miếu thần Bạch Mã, Quan thượng tướng thái sư Trần Quang Khải có bài thờ đề miếu rằng:

Tích văn hách trạc đại vương linh

Kim nhật phương tri quỷ thiếp kinh

Hỏa sâu tam khu phần bất cập

Phong suy nhất trận thiên nan khuynh.

Chỉ huy võng lượng tam thiên chúng,

Đàn áp yêu ma bách vạn binh.

Phục nguyện dư uy tôi bắc địch

Đôn linh hoàn vũ án nhiên thanh.

Nghĩa là: "Trước kia nghe tiếng anh linh hiển hách của đại vương, ngày nay mới biết rằng bọn ma quỷ khiếp sợ. Lửa bùng cháy cả ba khu mà cháy

không đến được (miếu thần); gió thổi một trận (nhưng) khó mà quạt cho nghiêng được (miếu thần). Chỉ huy nghìn quý võng lượng, đàn áp hàng trăm vạn binh yêu ma. Nếp mong oai thừa (của thần) bẻ gãy kẻ địch phương bắc, khiến cho hoàn vũ trở lại thanh bình.

VỢ CHỒNG VŨ PHỤC

Tương truyền vợ chồng Vũ Phục, người triều nhà Lý. Vũ Phục tên tự là Phúc Thiện người hương Minh Bạo, lộ Quốc Oai, làm nghề bán dầu. Lúc ấy vua nhà Lý bị đau mắt, thuốc chữa không khỏi, nghe nói ở núi Vân Mộng huyện Kim Bảng có Quỷ cốc tiên sinh, là người sở trường về bói dịch bèn sai người đến xem bói. Tiên sinh nói: “Trong quẻ này hình như có tượng vua chúa, vì bệ hạ định kinh đô, xếp đặt lại vị trí kinh thành, nên nước vỡ vào phương kiên, làm cho sức soi sáng của con mắt bị thương tổn; nếu biết trấn yểm, sẽ có thể giữ được yên lành”. Lúc ấy nước sông Cái chảy xoáy, sắp phá vỡ góc thành Thăng Long. Nhà vua bèn sai xá nhân tẩm gội trai khiết, đến ngã ba sông, cầu đảo thần thổ địa, thần hà bá và tiên cung. Xá nhân đêm nằm mộng thấy thần nhân hình dung rất kỳ dị, nghi vệ rất trang nghiêm, bảo rằng: “Sáng sớm ngày nào đó, hãy thấy người nào đến bên sông này trước nhất, thì nên theo ý muốn của người ta mà tiếp đãi một cách đầy đủ, rồi quẳng người ấy xuống sông và phong cho làm thần, lập miếu thờ tự, mới có thể trấn áp được”. Xá nhân tỉnh dậy, về triều tâu bày, nhà vua rất lấy làm than thở nghi ngờ, liền sai xá nhân theo nhật kỳ đi đón. Ngày hôm ấy, trời vừa mới sáng, quả nhiên thấy vợ chồng Vũ Phục gánh dầu từ hương Minh Bạo đi đến. Xá nhân đón mời lưu lại; rồi phi ngựa về kinh tâu bày, nhà vua có ý thương xót, ngầm nghĩ hồi lâu rồi nói: “Nên theo lời nói của thần, đem tình thật hiểu dụ người ta, không nên ức hiếp”. Xá nhân bèn sai người đem việc ấy nói cho vợ chồng Vũ Phục biết và an ủi. “Từ trước đến nay, ai mà không chết, nhưng chết đi cần để danh tiếng lại đời sau. Ngày trước vua Vũ vương có bệnh, Chu công lập đàn cầu khẩn xin được chết thay, đời sau khen Chu công là người trung. Ông bà không nên quuyền luyến sống nơi ngõ hẻm hang cùng, mà nên cố sức làm bậc tôn thần sau khi đã mất, phù hộ thánh quân giữ vững ngôi báu, ngàn năm hương khói phụng thờ, để tiếng thơm trung nghĩa đến mãi đời sau. Như thế chẳng cũng đẹp đẽ lắm sao?”. Vũ Phục hăng hái nhận lời. Sứ giả hỏi: “Bình nhật ông bà thích thứ gì hơn cả”. Vũ Phục nói: “Đồ gà mái, nấu cơm nếp”. Sứ giả liền sửa

soạn và bảo nên ăn no. Khi ăn xong, Vũ Phục ngửa mặt lên trời khẩn rằng: "Vợ chồng già này bỏ mình theo nước, trời cao có thấu, xin chứng giám cho". Liền đó, tự gieo mình xuống nước. Lúc ấy là ngày 30 tháng mười một, từ đây dòng sông phẳng lặng, nước lớn rút dần, bệnh tình nhà vua cũng được khỏi hẳn. Nhà vua cho lập miếu thờ và sắc phong là Chiêu ứng phù vận đại vương và Thuận chính Phương Dung công chúa, lễ nghi phẩm trật rất trọng thể. Nền nhà cũ của Vũ Phục ở xứ Ngõ Dầu hương Minh Bạo đến nay vẫn còn. Trong Việt điện u linh tập chép đủ cả linh tích các đền thờ thần và sắc phong của các triều đại, mà không nói qua đến việc Vũ Phục. Có lẽ Vũ Phục là người ở vào giữa đời Trần trở về sau, không phải là người thời nhà Lý.

(Tham khảo Minh độ sử của Lê Trọng Hàm, thì Vũ Phục người đời vua Nhân Tông nhà Lý. Sách ấy lại chép rằng: trước khi vớt vợ chồng Vũ Phục xuống sông, nhà vua sai trung sử hỏi rằng : “Sau này cúng tế thì phẩm vật dùng những thứ gì?”. Người chồng trả lời: "Xôi xéo, thịt bò thui". Người vợ trả lời : “Cơm nếp, gà mái luộc”. Lại hỏi về phẩm vật tráng miệng, người chồng trả lời: "Canh đậu". Người vợ trả lời: "Chè kho". Sau đó người vợ nhảy xuống sông trước, người chồng nhảy theo sau. Vì thế đến nay hàng năm gặp ngày thần, phải sắm đủ lễ vật như đã nói ở trên. Lúc nghinh giá, kiệu vợ đi trước kiệu chồng. Biền thờ ở đền có 4 chữ "âm dương hợp đức". Nay họ Vũ làng An Thái, đều là dòng dõi vị thần này cả).

LÝ TỬ LONG

Tương truyền bà phi vua Thánh Tông nhà Lý ra tắm ở Dâm Đàm (hồ Tây). Bỗng có một con rồng ở trong đầm nổi lên phun dải thơm vào quanh chỗ bà tắm. Tắm xong ra về mùi thơm ấy vẫn thấm vào mình mấy bà, sau đó bà có thai.

Mười tám tháng sau, một đêm bà nằm mơ chiêm bao thấy một người mặc áo gấm, thắt đai ngọc đến xin làm con. Tỉnh dậy bà sinh hạ được một hoàng tử vào giờ Thân, ngày 13 tháng 12 năm Giáp thìn. Tướng mạo hoàng tử khôi ngô, kỳ vĩ, sau lưng có 28 vết đỏ hằn lên như vảy cá, trước ngực có 7 nốt ruồi đen như bảy ngôi sao. Nhà vua lấy làm lạ bèn gọi hoàng tử là Tử Long. Hoàng tử ra đời vừa được 1 tháng 7 ngày thì Quách Quỳ và Triệu Tiết

tướng nhà Tống đem quân sang xâm lược nước ta. Nhà vua giáng chiếu cầu hiền để giúp nước đánh giặc. Khi ấy hoàng tử đang nằm trên giường, nghe tin bèn ngồi dậy thưa: “*Đất nước xảy ra chinh chiến, có thể nào yên gối được w?*”. Nàng phi thấy con mình còn trứng nước nên rất lo lắng. Hoàng tử nói với mẹ: “*Nhỏ phải có lúc lớn, mẹ đừng lo*”. Sứ giả đến hoàng tử bảo: “*Tôi xin đi, nhà ngươi về tâu vua, xin vua đừng lo. Bọn giặc kia nào đáng kể chi*”. Sứ giả hỏi cần sắm sửa những thứ gì, hoàng tử đáp: “*Chỉ cần một lá cờ hồng, một thanh siêu dài mười trượng và một con voi đực*”. Sứ giả về tâu vua rất mừng, ban cho các thứ trên cùng một vạn quân tinh nhuệ đi theo đánh giặc. Được lệnh nhà vua ban xuống, hoàng tử vụt đứng dậy, đường đường như một vị thiên thần xuất thế, tay phất cờ hồng ngồi trên mình voi chạy như bay. Đến địa hạt phủ Lý Lương, hoàng tử vẫy cờ chỉ huy chiến đấu, bọn giặc thua chạy tán loạn. Thắng trận khải hoàn, hoàng tử được nhà vua phong thưởng rất hậu. Nhà vua muốn nhường ngôi nhưng hoàng tử một mực từ chối, chỉ xin được về biệt thự nghỉ ngơi. Một thời gian sau, hoàng tử lâm bệnh, hóa thành con thuồng luồng trắng dài hơn trăm thước chui từ hangạnh biệt thự xuống hồ Dâm Đàm biến mất. Đó là ngày mùng 10 tháng 2 năm Ất tỵ. Nhà vua truyền cho hai ấp Thủ Lệ và Bông Lai lập đền thờ cúng, tục gọi là đền Voi phục. Đền ở Hoài An và Hồ Khẩu của Vĩnh Thuận cũng đều được lập đền thờ vì đây là hai nơi hoàng tử hiển linh.

Vào năm Quang Hưng triều Lê, thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng đem quân từ Thanh Hóa ra đánh nhà Mạc làm lễ cầu đảo ở đền ngài. Quân nhà Lê đến đất Phần Thượng châu Phúc Lộc đánh tan quân Mạc, khôi phục kinh thành Thăng Long cũng là nhờ sự âm phù tế độ của thần.

THẦN LONG ĐỒ

Khi xưa Cao Biền đắp thành Đại La. Một buổi trưa, đi chơi ở cửa đông ngoài thành bỗng thấy mây mù nổi lên, có khí lạnh năm sắc rực rỡ lấp lóe như sao sáng rực, lạnh rợn người. Trong năm sắc thấy một người cười rộ vàng, đầu đội mũ hoa đỏ, mình mặc áo màu ráng tía, xiêu theo, giày đỏ, đồng thời, thấy mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng một hồi lâu mới tan. Cao Biền kinh hãi, cho là yêu ma tác quái, đòi hỏi xằng bậy được người đòi cúng bái, cũng chẳng có gì là kỳ lạ cả. Đêm hôm ấy Biền mộng thấy một ông hình dạng ăn mặc như lúc thấy ban ngày, đến bảo Biền rằng: “Tôi

là Long Đỗ vương khí quân, thấy ông mở dựng đô thành, nên tôi lại chơi, ông đừng ngờ". Biền tỉnh dậy, nói chuyện với mọi người rồi than rằng: "Ta không biết làm chính trị để quỷ thần trêu ta, điềm tốt hay điềm dữ đây

Có người bảo Biền dựng đèn đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn xuống để trấn áp. Biền theo lời làm như thế. Bỗng một cơn mưa bão rất to, đổ cây, tung đất, bao nhiêu đồng sắt yếm tan ra tro bụi, Biền thấy vậy than rằng: "Ta phải về Bắc mát", rồi quả nhiên Biền phải về thật.

Đến đời nhà Lý, dựng đô ở đây, vua Thái Tông cho mở phố chợ về cửa đông, hàng quán chen chúc, sát tới bên đền rất là huyên náo. Muốn dựng đền ra chỗ khác song vua lại nghĩ: một ngôi đền cổ không nên dời đi mới đem sửa sang lại đền liền với các nhà ngoài phố, riêng để lại một ngôi nhà làm nơi thờ thần. Đến đêm thần liền hiển linh nổi trận gió bắc rất to, các nhà bên đền đều đổ, duy đền thờ thần vẫn nguyên vẹn. Vua Thái Tông lấy làm lạ hỏi, có người biết tâu rõ việc hiển linh của thần từ trước. Vua mừng nói: "Đó thật là vị thần coi việc nhân gian". Liền xuống chiếu cho sửa lễ tế và đặt lệ mỗi năm cứ đầu xuân lại đến làm lễ cầu phúc. Lại sắc phong thần là Quảng Lợi Vương. Trước đây ở phố chợ Cửa Đông ba lần phát hỏa, các nhà trong phố bị cháy hầu hết, duy chỗ đền thờ thần, lửa không bao giờ lan tới.

Về việc đền còn có tên là Bạch Mã, có truyền thuyết kể như sau: Vua Lý Thái Tổ khi mới dời đô ra Thăng Long đã cho dời đền thờ thần Long Đỗ trên núi Nùng ra phía cửa đông thành để xây thành. Nhưng thành cứ đắp rồi lại lở. Vua sai người cầu đảo thì chợt thấy một con ngựa trắng từ trong đền ra, đi quanh một vòng từ đông sang tây rồi quay về đền, đi đến đâu để lại dấu chân đến đó. Vua theo dấu chân ngựa mà đắp lũy thành thì thành không lở nữa nên thờ thần Long Đỗ làm thành hoàng Thăng Long. Đền thờ thần Long Đỗ vì vậy còn có tên là Đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm (Hà Nội) ngày nay.

LÊ PHỤNG HIỆU

Tương truyền ở xóm Na Sơn (núi Nưa) có một người là Lê Minh, vợ họ Phan, ngoài ba mươi mới sinh được một cô con gái là nàng Tố. Năm cô 17

tuổi thì bố mẹ mất. Đoạn tang rồi mà cô vẫn không muốn lấy chồng. Một hôm đi đến trang Dương Sơn, huyện Cổ Đằng thấy một tảng đá, giữa tảng đá có dấu chân người. Nàng cho đó là việc quái gở, trong lòng hết sức hồ thẹn bèn đến chỗ tảng đá ấy dựng túp lều tranh để ở. Hàng ngày nàng chỉ một mực than: *"Trời chẳng cao ôi đất chẳng dày, vì đâu mà đến khúc nôi này"*. Trước khi trở dạ, nàng chiêm bao thấy thần nhân đến bảo: *"Ngày mai phải quét dọn nhà cửa sạch sẽ, có quan lớn đến chơi"*, nói xong biến mất. Sáng hôm sau, nàng sinh được một cậu con trai mặt mũi khôi ngô, lớn lên cao lớn đĩnh đạc, mọi người đều cho rằng đó là thần thánh giáng sinh chứ đâu phải con cái trần gian. Nàng Tố đặt tên cho con là Lê Phụng Hiểu.

Năm 18 tuổi, Phụng Hiểu tỏ ra là một đấng anh hùng phi thường, mưu mẹo dũng lược hơn hẳn người thường. Bà Tố mỗi ngày một già, Phụng Hiểu phải đốn cây hái củi nuôi mẹ. Hồi ấy ở huyện Đông Sơn có một người tài giỏi tên là Tuấn, nghe tiếng Phụng Hiểu là người trí dũng bèn đến thử tài. Hôm đó ông đi hái củi, bà mẹ thì đi chợ. Khi về nhà thấy Tuấn ngồi xếp bằng tròn trên giường, bà cụ liền hỏi ngay: *"Anh ở đâu đến?"* Tuấn thưa: *"Tôi nghe Phụng Hiểu có sức mạnh hơn người cho nên tìm đến đấu võ thử coi thế nào"*. Tuấn nói chưa dứt lời thì bà cụ nói: *"Kìa thằng bé nhà tôi nó đã về kia"*. Tuấn thấy Phụng Hiểu với dáng cao lớn thì rất hoảng sợ vội vã rút lui. Phụng Hiểu nổi giận đuổi theo Tuấn đến Phú Vinh rồi qua Trì Trọng đến Tào Xuyên, đánh cho Tuấn một trận đòn dưới chân núi.

Thời đó, Lý Thái Tổ vừa mới khai sáng cơ đồ, nghe Phụng Hiểu là người tài năng nổi tiếng, bèn vời ông vào triều bệ kiến. Vua thử tài rồi phong cho ông làm Uy Võ Túc Vệ Đại tướng quân. Khi giặc Chiêm Thành sang xâm lấn, ông phụng mệnh đi đánh. Lúc tiến vào đồn giặc, quân Chiêm thấy tướng mạo của ông đã bạt vía kinh hồn, bỏ chạy tán loạn không dám chống cự. Ông bắt sống được tướng giặc là Sạ Đầu. Thắng giặc, lai kinh, ông xin vua về quê thăm mẹ, vua truyền: *"Vừa rồi nước nhà giặc đã đến cướp phá, nhà ngươi giúp trẫm có nhiều công lao, trẫm không biết lấy gì đền đáp công ơn của ngươi. Nay cho nhà ngươi về bản quán, lên đỉnh núi ném con dao, dao rơi đến đâu thì trẫm ban cấp cho vùng ấy làm ruộng lộc khi còn sống và cũng là ruộng hương hỏa mai sau"*. Ông phụng

mệnh, về lên núi ném dao xa hơn mười dặm, rơi xuống núi Mỹ, được vua ban cho hơn nghìn mẫu ruộng. Ông về nhà được ít lâu thì mẹ già mất, chưa

đoạn tang thì ông cũng hóa. Nhà vua nghe tin bèn sai quan về lập đền thờ, sắc phong phúc thần, hương lửa nghìn năm.

LÝ CÔNG UẨN

Long Việt con của Lê Đại Hành lên nối ngôi vua, bị em là Long Đĩnh giết, quần thần đều sợ. hãi chạy trốn, chỉ có Lý Công Uẩn ôm tử thi Long Việt màảm thiết. Long Đĩnh khen là bề tôi trung bèn phong là Phó chỉ huy sứ. Ông làm quan với Lê Ngọa Triều (tức Long Đĩnh) rất được tín nhiệm, sau Ngọa Triều mất không có con thừa kế, quần thần đều suy tôn Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, đóng đô ở Thăng Long. Từ đó thiên hạ thái bình, mọi người đều khen là thánh quân.

Lý Công Uẩn không hiểu cha là ai, mẹ là Phạm Thị sinh nhà vua ở chùa Tiêu Sơn. Trong lúc sinh nhà vua, có ánh hào quang sáng rực đầy nhà. Năm nhà vua lên ba, thân mẫu ẵm đến chùa Cổ Pháp nương nhờ nhà sư Lý Khánh Văn, Khánh Văn nhận làm con nuôi. Sau khi giao con cho Khánh Văn, Phạm Thị mất ở trong rừng Cổ Pháp, kiến, mỗi xông đất đắp lên thi hài cao bảy tám thước, ngôi đất đấy là thắng địa của làng Cổ Pháp... Một hôm Lý Thái Tổ ngự giá về khu Trì Đông thuộc huyện Thiên Thi (tức Ân Thi) thấy ở đây sơn thủy hữu tình bèn cho dựng một ngôi chùa gọi là chùa Long Hoa đồng thời ban cho dân mấy lạng vàng để mua ruộng làm khoản chi vào hương hỏa sau này. Nhà vua trị vì mười tám năm. Thái Tông lên ngôi vua, hạ chiếu xuống các địa phương nói ở đâu đã có xây dựng sinh từ thời Lý Thái Tổ thì cử người lên kinh đô lĩnh sắc chỉ và duệ hiệu về. Từ đó dân cầu có nhiều linh ứng. Đến đời Lý Thần Tông, nhân dân Trì Đông ốm đau, chết mất quá nửa số người. Nhân dân làm sớ kêu cầu ở miếu vua Thái Tổ, nửa đêm, có vị thủ từ nằm mơ thấy một nàng tiên đi thẳng vào trước cung điện nói rằng: *"Hiện nay dân ốm đau nhiều, nên cử người về kinh tâu lên nhà vua sẽ được khỏi bệnh"*. Sau đó dân cử phụ lão lai kinh tâu trình sự việc thân dân báo mộng cho nhà vua. Nhà vua liền sai hoàng thúc là Sùng Hiền hầu và Thành Quán hầu cùng hơn một trăm binh sĩ về đến Trì Đông. Ngắm nhìn địa thế, thấy trong làng có một cái giếng vẫn đục như bùn, và thấy có một tướng hổ lang đứng ở cạnh giếng, Sùng Hiền hầu hỏi: *"Ở đâu đến đây?"* Tướng Hổ lang tâu: *"Tôi*

vâng mệnh thiên đình xuống tác hại dân ở làng này. Nay hai vị về đây xin bảo dân biết: nếu dân viết duệ hiệu hổ lang thân tướng để thờ thì dân sẽ an ổn..." nói chưa dứt lời hổ lang biến mất. Qua đó thấy rằng hổ lang tắm giềng làm cho dân uống phải nước ấy nên ốm đau chết chóc. Sùng Hiền hầu và Thành Quảng hầu đến bái tạ miếu thờ Thái Tổ, ở lại trong miếu một đêm, khoảng canh ba, chiêm bao thấy một nàng tiên nhan sắc tuyệt trần, đến trước mặt Sùng Hiền hầu, hỏi thì nàng trả lời: "*Thiếp là con gái vua ngọc hoàng hiệu là sơn thần thủ huyết. Nay địa phương hiện có hai ngôi đất quý, một ngôi đã lập miếu thờ hoàng đế một ngôi đã dựng chùa...*" Sáng hôm sau, Sùng Hiền hầu bảo dân: "*Địa phương này có một vị nữ thần thủ huyết, nhân dân phải lập đền thờ...*" bèn viết duệ hiệu là "Hồng hoa danh nương" để nhân dân thờ cúng. Nhân dịp ấy nhân dân xin duệ hiệu hai vị để sau này phụng sự làm phúc thân. Sùng Hiền hầu viết duệ hiệu của mình là "*Sùng Nghiêm sinh thần*" Thành Quảng hầu viết duệ hiệu của mình là "*Quảng Thông sinh thần*" giao lại cho dân. Còn vị hổ lang tức là thiên thần được tôn là đại vương, thờ chung miếu với thái tổ hoàng đế. Từ đó trở đi, dân Trì Đông làm ăn thịnh vượng, ai nấy đều ca tụng công đức của hai vị hầu tước. Sau này Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh, một hôm vua Lê hành quân qua khu Trì Đông huyện Thiên Thi, thấy cây cối um tùm, có tòa miếu cổ, vua Lê hỏi thì phụ lão tâu là miếu thờ vua Lý Thái Tổ cùng hai vị hầu tước họ Lý, Lê Thái Tổ vào đền làm lễ mật đảo thần linh âm phù đánh giặc. Trong chiến đấu, các ngài đều có hiển linh trợ chiến, sau khi dẹp xong quân Minh, Lê Thái Tổ lên ngôi vua ban sắc gia phong bách thần, đức thái Tổ triều Lý được vua Lê tôn phong là Thượng đẳng phúc thần.

Tương truyền vua Lý Thái Tổ và Trịnh Minh hoàng hậu họ Lê sinh hạ được tám hoàng tử, trong số đó, hoàng tử thứ năm sinh giờ ngọ, ngày mùng bảy tháng năm Canh thân là khôi ngô tuấn tú hơn cả, được vua cha đặt tên là Nhật Quang. Năm mười ba tuổi, hoàng tử đã tỏ ra là một con người trung hiếu, dũng cảm. Năm mười bảy tuổi thì tinh thông văn chương hơn hẳn mọi người. Năm kiêu phù hữu đạo thứ nhất, vua phái hoàng tử đi coi việc tuyển cử hiền tài ở trấn Thanh Hóa tức là đất Châu Ái thời xưa. Hoàng tử giữ chức vụ không mấy may mắn lắm, tiếng vang đến triều đình.

Hồi ấy hoàng tử nghe đồn ở trang Giác Lý, huyện Cổ Lôi, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hóa có một cô gái con nhà hào trưởng, tên là Quỳnh Nương, mẹ là bà Nguyễn Thị Tri, tuổi ngoài bảy chục, ông bà hiền hậu, chỉ có Quỳnh

Nương là con gái độc nhất. Cô sinh giờ mao tháng hai năm Quý Hợi. Cô hình dung dịu dàng, tóc dài quá gối, mắt phượng mày ngài, thật là một vị nữ trong đám quần thoa. Hoàng tử thường đi tuần du qua đó có lần gặp được nàng, hoàng tử rất yêu bèn mời phụ lão và nhân dân đến chứng kiến lễ thành hôn của họ. Sau đó hoàng tử đem nàng về bái yết vua cha rồi xin về quê nàng dựng một hành dinh. Nhà vua phê chuẩn. Cung điện dựng xong, hoàng tử và nàng sống ở đó mấy năm, dân được thấm nhuần ơn đức.

Có một năm giặc Chiêm xâm lược, vua sai quân đi đánh nhưng không được, hoàng tử Nhật Quang tâu vua cầm quân đi đánh. Quỳnh Nương cũng xin đi giúp chồng trông coi việc vận chuyển lương thực và khí giới. Khi lâm trận hoàng tử đánh đường thủy, Quỳnh Nương mặc nhung phục, cưỡi ngựa hồng đánh đường bộ.

Thủy bộ hai đường cùng tiến đánh, chém được giặc không biết bao nhiêu mà kể, lương thực của cải thu được rất nhiều. Chiến thắng, hoàng tử về triều, nhà vua khen ngợi, phong tặng là đại vương. Ung cũng đúng năm ấy hoàng tử mất nhà vua vô cùng thương xót. Quỳnh Nương sầu não, nàng làm lễ tế chồng, kêu trời khóc đất, cuối cùng cũng chết theo. Đó là ngày 25 tháng mười một. Phụ lão nhân dân biết tin rất lấy làm thương tiếc, bảo nhau chịu tang như chịu tang cha mẹ vậy. Lăng của hoàng tử ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc. Lăng của Quỳnh Nương ở xã Đầu Cá thuộc trang Giác Lý, huyện Cổ Lôi, phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa. Nhà vua sắc phong hoàng tử là Quân Quốc Tá Thánh đại vương và phong cho nàng là Quỳnh Hoa công chúa. Nhà vua cho nhân dân bản trang lập miếu thờ phụng. Từ khi thờ các ngài, nhân dân làm ăn rất thịnh vượng.

Đến đời vua Trần Nhân Tông, giặc Nguyên tiến sang xâm lược, vua thân chinh đi dẹp giặc. Một hôm quân nhà vua đi qua trang Giác Lý, huyện Cổ Lôi, mặt trời đã gác núi, bèn tạm cho đóng quân lại. Đêm nhà vua chiêm bao thấy một vị dương thần và một vị âm thần đến trước mặt tâu: "Tôi là hoàng tử nhà Lý, sinh thời phụng mệnh trấn thủ phương xa, cùng nàng kết nghĩa, giúp sức đánh giặc Chiêm Thành. Nay xin hiển linh giúp vua dẹp giặc, bảo vệ non sông, cứu nước lưu dân trăm họ...". Nhà vua chợt tỉnh, truyền đòi phụ lão đến hỏi sự tích thần linh và sai làm lễ mật đảo. Quả nhiên quân ta không khó nhọc gì mấy mà tiêu diệt được giặc. Chiến thắng khái hoàn, vua cấp phát cho dân địa phương sáu chục quan tiền công làm

khoản chi tiêu hương hỏa và sắc phong cho hoàng tử là Đương cảnh thành hoàng Hiển Minh Tá Thánh Đại Vương quân Quốc thượng đẳng phúc thần Đại vương. Sắc phong cho Quỳnh Nương là: Linh Tế Từ Khiết Nhu Hạnh húy Quỳnh Hoa Nương thượng đẳng tối linh công chúa.

Ỡ LAN PHU NHÂN

Quế ở làng Thổ Lỗi (nay là Dương Xá), cha họ Lê, mẹ họ Võ. Một hôm bà Võ Thị chiêm bao thấy mặt trăng mà sinh ra một người con gái đặt tên là Yên, sau đặt là Cám, hiệu Khiết Nương. Năm 12 tuổi, mẹ chết, bố lấy người vợ kế là Câu Thị, sinh được một người con đặt tên là Tấm. Chưa được bao lâu thì cha mất, Khiết Nương sống chung với dì ghẻ. Một hôm Tấm cùng em đi mò cá ở sông Thiên Đức thấy Khiết Nương mò được nhiều cá, Tấm lừa cho chị xuống sông tắm rồi trút hết cá vào giỏ. Tấm xong thấy mất hết cá, Khiết Nương không dám về nhà mà ngồi khóc bên cạnh đường. Lúc ấy nhà sư Đại Điền trụ trì tại chùa Linh Nhân đi qua thấy thế hỏi rõ sự tình và khuyên Khiết Nương đem một con cá còn sót lại trong giỏ về nuôi ở giếng, sau này ắt có điềm lành. Biết Khiết có con cá nuôi ở giếng, lừa lúc Khiết đi làm vắng dì ghẻ bắt cá nấu ăn. Trở về thấy mất cá, Khiết lại ngồi khóc; sư Đại Điền khuyên nàng nhặt hết xương cá bỏ vào lọ chôn dưới chân giường, 100 ngày mở ra thấy có vật gì thì lấy ra mà dùng. Đúng 100 ngày, Khiết mở ra thì thấy một đôi hài mỏ phượng rất đẹp, nàng bèn đem ra phơi ở sân. Bỗng một con chim bay đến ngậm một chiếc hài bay đi và thả xuống trước cung điện nhà vua. Bắt được chiếc hài, cho là điềm lành sẽ sinh hoàng tử, vua truyền cho dân lập đàn cầu đảo tại chùa. Mọi người nô nức đi xem, riêng Khiết Nương cứ chăm chú hái dâu, trên đầu nàng tụ lại một đám mây ngũ sắc. vua Lý Thánh Tông qua đấy thấy sự lạ liền cho vò nàng đến hỏi "Thiên hạ nô nức đi xem hội, sao chỉ có nàng chăm chỉ hái dâu đến thế"? Khiết Nương cúi lạy tâu "Dì tôi bảo tôi đi hái dâu chứ không bảo tôi đi xem vua nên tôi phải vâng lời dì tôi". Nhà vua bảo với quần thần "Đây là lời nói của người có phúc", bèn lấy chiếc hài cho nàng ướm chân. Chiếc hài vừa như in. Vua ra lệnh cho nàng ngồi lên xe sau đưa về kinh đô và phong là Ỡ Lan phu nhân. Sau khi kết hôn với Ỡ Lan, nhà vua thường sai viên nội thần Nguyễn Bông mang lễ vật về cúng tại chùa Linh Nhân. Một hômại Điền vò Nguyễn Bông vào phòng tăng và bảo "Ngươi có muốn làm hoàng tử không?". Bông đáp "Ai chẳng muốn làm nhưng có cách nào đạt được mong muốn này?". Đại Điền đáp "Hễ khi nào nguyên phi vào tắm trong buồng thì nhà ngươi lên vào xem". Bông làm theo cách ấy, nguyên phi tâu lên vua, vua cả giận sai lời Bông ra chém. Trước khi chết gặp Đại Điền Bông trách "Tôi nghe lời pháp sư cho nên mắc tội". Đại Điền nói "Thân

Bông mau chóng hóa đi sẽ thành quả phúc". Thế là Bông bị chết chém. Ngay đêm ấy Lý Thánh Tông chiêm bao thấy một tiên ông ẵm đứa con trai trao cho. Tỉnh mộng, vua biết đó là linh hồn Nguyễn Bông. Từ đó Ý Lan có mang mười bốn tháng sau sinh hoàng tử Kiến Đức. Khi đó Dương Thái Hậu không có con, bèn tư tình với bọn nội quan ăn trộm con của Ý Lan nuôi làm con mình. Đến khi lớn hoàng tử chỉ biết Dương Thị là mẹ. Sau này, hiểu rõ âm mưu của Dương Thị, Ý Lan bèn bắt hoàng hậu họ Dương cùng 72 cung tần phải tuần táng ở lăng Thánh Tông. Sau này Thái hậu Lê Thị (tức Ý Lan) hối hận về việc mình làm bèn bỏ của ra xây dựng 72 danh lam, cứ đến ngày 25/7 lập đàn cúng giải oan Bà mất ngày 25/7, Vua Lý cho xây dựng điện tại phía Tây chùa Linh Nhân và chùa Tư Phú để thờ.

LÝ HOÀNG NGHỊ

Tương truyền vua Thánh Tông nhà Lý lấy Dương Thị Quý, người phường Quảng Bồ, huyện Từ Liêm lập làm vị cung phi thứ hai. Hồi Dương Thị mười tám tuổi, mắt sáng như sao, mày ngài mắt phượng, miệng cười tươi như hoa nở, nhan sắc thật là cá đấm, nhận sa, hoa hờn, trắng thẹn. Hơn nữa nàng còn là một người đàn bà có đức độ thường, rất được vua yêu.

Một hôm, Dương Thị ra giặt lụa ở Hồ Tây, bỗng thấy nước hồ réo lên âm âm như sấm, trời đất mù mịt, bao nhiêu loài thủy tộc như thường luồng, cá, ba ba, các loài rắn đều nổi lên cả mặt nước. Dương thị cả sợ, nằm nép xuống cạnh hồ. Ngay lúc ấy có một con giao long dài hơn 10 trượng diễu xung quanh thân thể cung phi. Một lát sau trời đất trở lại phong quang và giao long cũng biến đi đâu mất. Cung phi về tâu với vua, nhà vua nổi giận ùng ùng muốn mời ngay bá quan văn võ đến họp bàn mở cuộc săn bắn xuống Hồ Tây. Bỗng nhiên vua thấy mỗi mệ, dựa vào long sàng ngủ thiếp đi. Trong lúc nửa mê, nửa tỉnh, nhà vua trông thấy một ông quan từ trên trời bước xuống, mặc áo gấm, tay cầm cờ vàng, bước thẳng vào chỗ vua ngự, quỳ xuống tâu rằng: *"Thần vâng mệnh Ngọc Hoàng thượng đế xuống báo tin cho nhà vua biết rằng chỉ một vài năm nữa, đất nước này sẽ bị giặc lớn đến cướp phá. Vì thế trời cho một vị thủy thần là Lý Hoàng Nghị giáng sinh vào cửa nhà vua làm vị hoàng tử thứ hai để lợi lúc đó. Như vậy là phúc của nhà vua còn dày dặn lắm đó, xin nhà vua chớ hoài nghi"*.

Chợt có tiếng gió động bức rèm, vua tỉnh dậy, biết có điềm lành. Sau đó Dương Thị có thai, 13 tháng sau đẻ ra một cậu con trai tướng mạo rất kỳ lạ: trên trán có mấy cái lông rử ra phía sau, giữa lòng có 28 nốt ruồi tượng trưng cho nhị thập bát tú, ở giữa rốn có 3 cái lông trắng. Khi giở dạ hương thơm sực nức, hào quang tỏa sáng khắp nhà. Một trăm ngày sau hoàng tử đã biết nói. Hoàng tử thông minh rất mực, nhiều việc không học cũng biết, thật là một vị thánh hiền xuất thế. Hoàng tử đi đến đâu trên đầu xuất hiện một đám mây vàng di động che phủ trên đầu như cái tán. Hoàng tử rất thích bơi lội, có khi ngâm nửa ngày dưới Hồ Tây.

Hoàng tử lên ba, giặc từ miền Nam tràn vào cướp phá. Tướng giặc tên là Thiết Kính, có sáu vạn quân. Các xứ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam là nơi giặc hoành hành dữ nhất, quân triều đình đi đ chưa thu được kết quả gì. Thánh Tông cả lo, triệu tập quần thần hỏi kế đánh giặc các quan đứng nhìn chưa có ai có chủ kiến gì cả, chợt Hoàng tử thứ hai (Lý Hoàng Nghi) bước vào tâu rằng: *"Thần xin nhà vua bớt lo nghĩ, tên giặc Thiết Kính dù có thiên binh vạn mã, thần coi việc diệt nó như bẻ cành khô, củi mục gãy thôi. Thần cam đoan không quá 5 hôm sẽ lấy được đầu tên giặc ấy treo dưới cờ"*. Tâu xong, lạy tạ nhà vua, hoàng tử Nghi cầm cờ hồng, cưỡi voi trắng hét lên như sấm, quân lính theo sau, người ngựa tiến như bay, đến thẳng cõi biển Nam Hải, xông thẳng vào đồn giặc. Hoàng tử hét lên mấy tiếng như sấm, tên tướng giặc Thiết Kính kinh hồn bạt vía, chưa đánh đã ngã lăn ra chết giữa trận tiền. Bọn giặc như rắn mất đầu, giày xéo lên nhau chết không biết bao nhiêu mà kể. Dẹp xong giặc Nam Hải, Hoàng tử dâng biểu tâu vua, vua triệu về kinh, mở tiệc khao thưởng linh đình. Nhà vua khen ngợi: *"Quả xứng là con ta! Quả xứng là con ta!"*, triều thần văn võ đều đến lạy mừng.

Hai tháng sau, hoàng tử bị bệnh đậu mùa nặng, thuốc thang chạy chữa bao nhiêu cũng không khỏi. Nhà vua nói: "Nếu là con ta thì đậu mùa phải bay hết", hoàng tử Nghi liền trả lời: *"Thần là con Thủy Tề Long Vương chứ không phải là con bệ hạ. Tuy rằng thần nương cửa mà sinh song tình cha con đến đây cũng đành phải chấm dứt. Nay xin từ biệt thánh thượng, chúc thánh thượng ngọc thể vạn an, chớ vì thần mà buồn phiền"...*

Thánh Tông phán: *"Khanh có công lớn với nước, nay trước khi từ trần còn có ý muốn gì không, mau nói cho ta biết"*. Hoàng tử đứng dậy sụp lạy, tâu rằng: *"Thần có hai điều mong muốn. Một là: xin bệ hạ hết lòng chăm sóc"*

cho thân mẫu thân là Dương Thị, hai là, hãy xem lá cờ hồng này bay đến đâu thì phê chuẩn cho dân chúng ở nơi ấy làm hộ nhi, giữ việc thờ phụng, hương hỏa thân suốt đời". Nói xong, trời đất bỗng u ám, hoàng tử hiện nguyên hình là con rắn trắng lao xuống Hồ Tây biến mất. Đó là ngày 4 tháng 4 năm Mậu thân. Con voi của hoàng tử phục xuống mà hóa. Lá cờ hồng của hoàng tử phất b nhà vua vội truyền lệnh cho sứ giả chạy theo hướng cờ bay, xem bay đến nơi nào truyền lệnh cho nơi đó lập đền thờ cúng.

HOÀNG LANG

Tương truyền đời vua Thái Tông nhà Lý, thiên hạ thái bình, nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Thái Tông lấy Dương Thị Quý, người ở cảnh Dương lập làm chánh cung hoàng hậu.

Hồi ấy trang Bồng Lai, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai thuộc trấn Sơn Tây có một người tên là Nguyễn Đĩnh, vốn dòng thi thư, nếp nhà hiếu thảo, vợ là Bùi Thị Diễm tu nhân tích đức, trước đã sinh được ba người con trai. Sau có lần nằm mộng thấy nuốt mặt trăng, bà giật mình tỉnh dậy, trong lòng thấy bâng khuâng cảm động mà có mang, đầy tháng sinh được một cô con gái diện mạo thanh tao, phong tư yếu điệu, bà đặt tên là Mỹ Nương. Năm cô mười tuổi cha mất, ở với mẹ. Năm 19 tuổi theo cậu ra chơi Thăng Long, bỗng gặp vua Thái Tông. Vua thấy cô gái có sắc đẹp cá đặc nhận sa, chẳng khác gì vị tiên nữ ở cung Bồng Lai giáng thế, bèn đưa về cung lập làm cung phi thứ bảy. Nàng được vua yêu mến, thường được ban thưởng hậu hĩnh. Vua cho dựng một toà cung điện riêng cho nàng ở trại Thị Lệ cạnh Hồ Tây.

Năm sáu năm sau, thân mẫu của nàng là bà Bùi Thị quá cố, nàng xin phép vua về quê chịu tang. Được nhà vua cho phép và ban nhiều vàng bạc lụa là, nàng làm lễ an táng thân mẫu rất trọng thể. Sau ba năm để tang vua lại cho vời nàng vào cung hầu hạ. Trước lúc ra đi nàng xuống tắm ở Hồ Tây. Đang tắm bỗng nhiên trời đất tối tăm, giữa trưa mà tối như đêm, nước hồ cuộn sóng réo lên như sấm, các loài thủy tộc như thường luồng, ba ba, cá sấu, cá mập và các loài cá lớn đều hiện lên trên mặt nước. Lúc ấy có con giao long (tức thường luồng) dài mười trượng, diễu chung quanh nàng ba vòng, dải thom của nó như quyện vào nàng khiến nàng vô cùng hoảng sợ ngất đi một

lúc lâu mới tỉnh. Gia nhân vực nàng về cung. Nàng đem việc đó tâu vua. Nhà vua cả giận toan hội quần thần, viết chiếu thư bắt xuống Hồ Tây, quở trách Thủy Tề. Bỗng nhiên vua thấy mình mỏi mệt, tâm thần mê mẩn, dựa vào long sàng mà ngủ, chiêm bao thấy một vị thiên quan mặc áo xanh tay cầm cờ vàng, đến quỳ trước mặt vua tâu rằng : "*Vận trời khoảng ba năm hẳn có tên tướng giặc giáng sinh. Nhưng bệ hạ có hồng phúc lớn, nên Ngọc Hoàng cho vị thủy thần giáng sinh vào làm con bệ hạ giết giặc cứu nước. Xin bệ hạ đừng nghi hoặc*". Nói xong bay lên không trung biến mất. Thái Tông tỉnh mộng, biết là điềm lành. Ít lâu sau, cung phi có mang. Trong suốt thời gian mang thai, lúc nào bên tai cũng văng vẳng nghe có tiếng người ngâm thơ:

Nước trong xanh, nước trong xanh

Tây Hồ tú khí giáng sinh hiền tài.

Cung phi phúc đức vẹn mười.

Rồng thần trời khiến đầu thai xuống trần.

Cung phi có mang mười hai tháng. Đến giờ thìn ngày mồng bảy tháng giêng năm Giáp Thìn, nàng đẻ ra một cái bọc, ngay lập tức cậu con trai phá bọc chui ra. Tướng mạo cậu bé rất đẹp: mặt rồng mũi hổ, mắt phượng mày ngài, sau lưng có 28 nốt ruồi tượng trưng cho 28 ngôi sao, ở bụng có bảy cái lông rất dài. Lúc sinh trên trời có ba tiếng sét buông để có ánh hào quang và mùi thơm phưng phức. Sau một trăm ngày, Thái Tông đặt tên cho là Hoàng Lang. Hoàng Lang ăn rất khỏe, lớn rất nhanh mà không nói năng gì hết.

Năm lên hai tuổi, có giặc ở lạc Trinh Vĩnh (?) đem quân đến xâm lược, quân triều đình và giặc đánh nhau nhiều lần, chỉ hao binh tổn tướng mà không thu được thắng lợi nào hết. Nhà vua rất lo bèn lập đàn cầu đảo trời đất thần linh tiên tổ. Trong thời gian cúng lễ, nhà vua túc trực tại đàn tràng suốt ba hôm liền. Bỗng nhiên gió to mưa lớn nổi lên, có một ông lão cao hơn chín thước múa ở trên bờ Hồ Tây, ai trông thấy cũng hỏi: "*Hiện nay có giặc Trinh Vĩnh đến cướp phá, xin cụ cho biết ai được ai thua thế nào?*". Cụ già bậm quẻ tâu rằng: "*Nếu nhà vua tìm được người tài giỏi thì giặc này đáng kể chi*", nói xong biến mất. Nhà vua lập tức cho sứ giả đi tìm nhân tài.

Một hôm sứ giả đến trại Thị Lệ, lúc ấy Hoàng Lang đang nằm ở trong giường, bỗng thấy sứ giả vào, cậu bé mở miệng hỏi mẹ: “Nước nhà có việc gì mà sứ giả đến đây?” Cung phi cho là việc lạ bảo rằng: *“Nay nước nhà có giặc Vĩnh Trinh lớn lắm, cả triều có bao nhiêu tướng như hùm gấu cũng đều kinh hồn táng đờm, nay con hỏi làm gì?”* Hoàng Lang mỉm cười nói: *“Mẹ hãy cứ gọi sứ giả đến đây”*. Sứ giả đến, Hoàng Lang bảo: *“Ông gấp về tâu lên nhà vua, xin chọn cho một con voi đực, may cho một lá cờ vuông đem đến đây cho ta thì nhà vua không phải ngại gì cả”*. Sứ giả về triều đem việc ấy tâu vua, vua cả mừng bèn ra lệnh chọn voi may cờ đem đến cho Hoàng Lang. Hoàng Lang cầm cờ chỉ huy ba quân, quát lên thật lớn: *“Ta là tướng của nhà trời, đánh cho nghịch tặc toi bời không còn mảnh giáp”*. Voi lồng lên như bay xông vào chỗ giặc đóng, Hoàng Lang múa cờ chỉ thẳng vào đồn lũy của tướng giặc. Tướng giặc run sợ mất mật. Hoàng Lan bắt được tướng giặc là Vĩnh Trinh chém ngay tại trận, thế là quân giặc tan rã.

Từ đó về sau Hoàng Lang kinh lý đến đâu, dân nơi ấy đều lập hành cung đón rước. Những cung điện ấy sau này đều biến thành những toà miếu thờ ông. Một hôm xa giá của Hoàng Lang đến thôn Hương Lâm huyện Phù Vân, phủ Thường Tín trấn Sơn Nam thấy cảnh sơn thuỷ hữu tình, nhân dân no đủ, phong tục thuần hậu, liền truyền cho quân lính xây dựng một toà cung điện. Xây dựng xong, phụ lão và dân bản đều đến lạy mừng và mời Hoàng Lang lưu lại ở được một tháng, Hoàng Lang bị bệnh đậu mùa, ba tháng vẫn không đóng vẩy. Nhà vua cho sứ thần đến trang Hương Lâm đón về. Vua thân hành rước chàng vào nội điện vào bảo chàng: *“Khanh nếu quả là con trẫm thì bệnh đậu mùa phải chóng lành”*. Hoàng Lang vụt tâu rằng: *“Hạ thần vốn là con vua Long Vương chứ không phải là con bệ hạ, chẳng qua chở mình của bệ hạ là thác sinh đẹp giặc cứu dân thôi. Nay giặc đã yên, nước nhà đã thái bình, thời hạn của hạ thần ở trần gian đã kết thúc, hạ thần xin từ biệt bệ hạ trở về thuỷ cung”*. Nhà vua gạt nước mắt nói: *“Khanh cho biết như thế, trẫm còn biết làm thế nào bây giờ. Khanh có công với nước, trẫm không biết lấy gì đền đáp. Nay khanh muốn gì, trẫm xin theo ý”*. Hoàng Lang tâu: *“Nơi nào đã có hành cung của thần xin bệ hạ cho phép nơi ấy được làm con hương để thờ cúng thần. Còn riêng trang Hương Lâm ăn ở với thần rất có tình nghĩa xin bệ hạ cho nhân dân ở đó làm con hương vĩnh viễn thờ cúng thần và xin bệ hạ miễn binh lương tạp dịch cho họ”*. Hoàng Lang liền đứng dậy lễ tạ vua rồi hoá thành con rắn dài mười trượng bò xuống Hồ Tây mà hoá.

Nhà vua làm theo lời căn dặn cuối cùng của Hoàng Lang, cho những nơi có hành cung của Hoàng được thờ cúng đồng thời cho trang Hương Lâm được lập miếu thờ và miễn binh lương tạp dịch cho dân ở trong ấy. Sau đó nhà vua ban sắc phong cho Hoàng Long là *Linh Lang đại vương*. Các triều đại sau đều bao phong là *Thượng đẳng phúc thần*.

NGỌC TƯỜNG

Thời Lý có một người họ Trần tên Huấn, quán xã Phúc Lâm, Châu Ái. Ông ra Thăng Long dạy học lấy vợ ở Đại Bi tức Đại Yên, thuộc kinh thành. Bà là người buôn bán thường qua lại chợ An Bản (Đại Yên). Có lần bà được một tay nải lụa là, châu báu. Không tham của người khác bà Huấn gọi trả lại người mất.

Đêm đó bà Huấn mộng thấy một tiên ông trao cho bà hòn ngọc mà bảo: "Nhà ngươi có đức nên Vương mẫu cho Ngọc tinh nữ làm con". Bà giật mình tỉnh dậy, trong mình chuyển động, từ đó có mang, sau sinh hạ một giai nhân, nhân điềm được ngọc trong mộng, đặt tên là Ngọc Tường. Hôm ấy là ngày 8 tháng 2 năm Giáp tuất (1094).

Long Phù năm thứ ba (1103) đời vua Lý Nhân Tông, Lý Giác có thuật lạ, biến cỏ cây làm người, chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ Châu Diên đắp thành nổi loạn. Lão tướng Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh, Lý Giác thua, chạy trốn sang Chiêm Thành nói tình hình hư thực của nước ta. Vua Chiêm Thành là Chế Ma Na mang đại quân sang cướp nước ta, chiếm lại ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính (Quảng Bình, Quảng Trị) mà Chế Củ trước đã dâng nộp cho nhà Lý. Vua Lý lại cử Lý Thường Kiệt nam chinh, trước khi xuất quân lão tướng Lý Thường Kiệt tuyển thêm binh lính. Nhân dân khắp đô thành đều hăng hái tòng quân. Trong số người ứng mộ có ông Đỗ Trần. Khi bà Đỗ Trần dẫn con gái tiễn chồng xuống thuyền trả quân, thì nàng Ngọc Tường nắm chặt áo cha nằng nặc đòi theo đi đánh giặc. Trước tấm lòng nhiệt tình tha thiết của nàng. Chủ soái Lý Thường Kiệt không thể nào từ chối mặc dù ông cũng chưa biết, sẽ dùng cô bé vào việc gì trong chiến trận.

Tới miền đất địch, quân ta hạ trại giao tranh đôi ba trận bất phân thắng bại. Phòng tuyến Chiêm Thành canh gác cẩn mật, quân do thám Đại Việt không lọt vào được Ngọc Tường cải trang làm một em bé đi bán trà cau và thuốc Lào trà trộn sang phía bên giặc đóngค่าย Ngọc Tường còn nhỏ thì không nghi ngờ gì, chúng xúm quanh gánh trà thuốc, hết tốp này đến tốp khác, chẳng phòng bị gì cả, nên nằng thu thập được nhiều tin tức địch quân. Gánh trà, thuốc còn đi sâu vào gần những vị trí đồn trại, và kiểu cách xây dựng, phương pháp bố phòng được Ngọc Tường ghi nhớ. Chẳng bao lâu mọi vị trí của địch quân ta đã nắm, chủ soái Lý Thường Kiệt hạ lệnh tấn công, quân ta toàn thắng, thu hồi ba châu.

Quân Đại Việt ban sư hát khúc khai hoàn, tướng Lý Thường Kiệt tâu công trạng của người con gái chín tuổi anh hùng, vua Lý phong là: Ngọc Hoa công chúa

Về sau Công chúa từ già cõi trần về nơi thượng giới nhân dân trại Đại Yên xây đền, tạc tượng phụng thờ tôn làm: "Thành Hoàng".

Đền đời nhà Trần, quân Nguyên Mông xâm lược nước ta lần thứ hai (1285) hương binh thôn Tư, chở lương ra mặt trận, thuyền qua khúc sông trước của đền Đại Yên bị mắc cạn, người trong thuyền vào đền thắp hương cầu khẩn xin thần phù hộ. Bỗng nhiên một con cá chép nổi lên mặt sông, thuyền đi thông suốt an toàn nhiều chuyến góp công lao trong chiến thắng ngoại xâm. Lúc trở về, hương binh thôn Tư đến làm lễ ở đền Đại Yên, viết thần hiệu rước xuống thuyền, thì thấy một con chim hạc bay đến đậu trên ngọn cột buồm, cho đến khi thuyền cập bến quê hương thì chim hạc biến mất. Dân làng thôn Tư phụng nghinh "Thần hiệu" thờ ở đền làng, tôn làm: "*Đương cảnh phúc thần*".

VÕ DANH HƯƠNG VÀ VÕ THỊ HUỆ

Tương truyền thời vua Thần Tông nhà Lý ở khu Đám thuộc huyện Thiên Thi (Ấn Thi) có một nhà tên gọi Võ Hưng vốn là một nhà hào phú hiếu đễ trung hậu, lấy Lê Thị Ngoạn ở khu Mai Xuyên làm vợ, hai vợ chồng đều là người tu nhân tích đức, mỗi khi tu tạo đền chùa đóng góp một phần làm phúc. Ông bà lập riêng một ngôi chùa trong làng cho nhà sư tụng kinh niệm

Phật. Ông bà ngoài bốn chục tuổi mà chưa sinh đẻ lần nào, một hôm thắp hương cầu đảo ở chùa, khẩn rằng: *“Vợ chồng tôi vốn là người tu nhân tích đức, con cái còn muộn màng, xin chư Phật và các vị thần linh ủng hộ độ trì khiến cho vợ chồng tôi được thấy tin mừng báo ứng...”*. Khẩn xong, lạy tạ trước cửa Phật, ông bà về nhà. Đêm ấy vợ chồng cùng nhau nằm tại buồng chính, chiêm bao thấy Đức Phật Bà Quan Âm hai tay bế hai đứa trẻ trao cho ông và nói rằng: *“Ta cho nhà người một đứa con trai và một đứa con gái sau này chúng nổi tiếng trong thiên hạ”*. Ông bà tỉnh mộng, biết là Phật báo ứng điềm lành. Sau đó Lê Thị sinh được hai người con, con gái đặt tên là Võ Thị Huệ, con trai đặt tên là Võ Danh Hương. Thị Huệ là người có nhan sắc tuyệt trần, văn chương tinh thông, cầm kỳ thi họa đều có tay nghề thành thạo. Thị Huệ được nhà vua mời vào cung phong làm cung phi thứ sáu. Võ Danh Hương là người có tài văn võ song toàn, được nhà vua ban cho chức Ngự sử lang Trung lệnh. Đến tháng tám năm Nhâm Tý, Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp phá Nghệ An, nhà vua sai Hương làm chánh tướng đem hai nghìn quân đánh giặc. Giặc yên, Hương về tâu trước bệ ngọc được nhà vua ban cho vàng bạc, lụa là các thứ quý báu cho hai chị em được về thăm cha mẹ ở khu Đám, Huệ và Hương lạy tạ nhà vua rồi trở lại xóm Đám, mở yến tiệc khao mừng, bái yết gia tiên và khao thưởng nhân dân. Ngoài ra họ còn bỏ tiền ra trùng tu chùa miếu. Được vài tháng, thân phụ và thân mẫu của họ vô bệnh mà mất. Tướng Hương và cung phi Thị Huệ chọn được đất lành an táng di hài cha mẹ. Đoạn tang ba năm họ bèn mua mười ba mẫu ruộng, bốn mẫu chín sào thổ cư và ao để cho nhân dân làm khoán công quỹ chuẩn bị sau khi trăm tuổi làm khoán rỗi điền (ruộng để cung cấp vào việc thờ cúng). Ông Hương được trao chức Linh đài đại phu, lưu lại triều đình phò tá nhà vua.

Nhà vua băng hà, Anh Tông lên ngôi hoàng đế, Võ Huệ cung phi và Linh đài đại phu chịu tang ba năm, một hôm hai chị em đến lạy tạ nhà vua, về nhà vô bệnh mà mất. Vua Anh Tông khen ngợi Huệ là người đàn bà tiết nghĩa, Hương là người bề tôi trung thành bèn sai quan làm lễ mai táng rất trọng thể tại nguyên quán xóm Đám, đồng thời chuẩn y cho dân địa phương lập miếu thờ phụng, hương khói quanh năm.

NHẠC CÔNG VÀ QUÁCH NƯƠNG

Tương truyền đời nhà Lý ở xã Lương Xá, huyện Thương Đức, phủ Mỹ Lương có một người tên là Trần Cự, vợ là Đặng Thị Huyền, vợ chồng ăn ở hòa thuận như đôi chim uyên ương đẹp duyên vừa ý. Được vài năm thì Trần Cự mất, Đặng Thị phải ở góa, đáng tiếc là Trần Cự không để lại con cái gì cả, thành ra một đèn một bóng, Đặng Thị phải sống cực kỳ cô đơn, chẳng khác gì "bè nhỏ trôi sông". Tuy nhiên nàng chỉ một mực thủ tiết, nhiều hào trưởng muốn đặt vấn đề kết hôn với nàng, song nàng vẫn không thay đổi tấm lòng trinh tiết của mình đối với người chồng đã khuất. Một hôm nàng lên núi hái củi. Khi ấy mùa hè oi bức, nàng đến tắm ở bên cạnh giếng, đang tắm thì trời bỗng kéo mây đen kịt, gió mưa sấm sét âm âm, nàng bèn vào náu ở Tam quan của một ngôi chùa gần đấy. Thật là bất ngờ: bốn phía xung quanh toàn là tiếng gầm thét của hàng trăm con hùm b chúng xúm đến gần nàng. Trong bầy ấy có một con hổ trắng nhảy vào chỗ nàng nằm, diều ba vòng rồi nằm xuống bên cạnh. Nàng vô cùng sợ hãi không biết chạy đường nào thoát, bèn nằm thiếp đi, trong khi dở tỉnh dở mê, chiêm bao thấy trên chùa hào quang sáng rực, có vị thần cưỡi con rồng trắng từ trời bay xuống bảo nàng: *"Việc xảy ra vừa rồi là điềm trời giáng phúc, cho con hổ trắng xuống giao hợp với nàng, tất sinh ra con thánh. Nàng không được tiết lộ cho người khác biết việc này"*. Nàng tỉnh dậy, gánh củi về nhà, từ đó nàng có mang. Không chồng mà chửa hẳn không ai khen là ngoan mà chỉ có những lời chê bai, xoi mói, giễu cợt. Nàng phải lánh mặt đi ở nhờ bên nhà em gái ruột là vợ viên tri huyện Đông Yên. Hàng ngày nàng đi đâu thì trên không trung xuất hiện đám mây hồng tròn như chiếc lọng che trên đầu. Đến mồng mười tháng giêng, nàng thấy tâm thần chuyển động trong phòng ngủ của nàng hiện ánh hào quang sáng rực, thoáng một cái có bóng con rồng vàng bay tới trên trời nổ ba tiếng sét, hương bay ngào ngạt ở trong và ngoài buồng cũ, nàng sinh cậu con trai hình dung tuấn tú khác thường. Sau một trăm ngày, đặt tên là Nhạc. Nhạc đầy tuổi đã biết nói đủ điều, lên năm đã hiểu âm luật của nhạc và thơ, người lớn đều tấm tắc khen là thần đồng xuất thế. Nhạc thích rèn luyện cung kiếm, ham đọc binh thư của Thái Công Lã Vọng, mỗi khi bàn luận, Nhạc tỏ ra một người có đầy đủ bản lĩnh, làm cho bạn bè xa gần thán phục. Thấy trước được một con người tuổi xanh mà đầy nghị lực đến thế, viên tri huyện - chồng cô em nàng - dâng biểu lên vua Nhân Tông nhà Lý, trong nội dung tờ biểu có nói rõ thân mẫu của Nhạc cảm thụ tinh khí của con cọp trắng mà sinh ra Nhạc, nhà vua cho là điềm lạ liền sai sứ đến vời lai kinh bái yết nhà vua. Nhân Tông thấy tận mắt con người tuổi trẻ khôi ngô mình cao bảy thước sức địch muôn người, cho rằng

thiên thánh giáng trần người đời ai mà sánh kịp, bèn phong chức "Đông các đại học sĩ" kiêm "đồng bình chương sự". Nhạc xin vua cho về thăm mẹ. Khi ấy Nhạc nhận ra được kiều đất quý ở địa phận xã An Viên bèn dựng một hành cung để thân mẫu ở, đồng thời cũng xây dựng thêm mấy hành cung ở ấp An Lịch và xã Đào Viên. Được ít lâu thì mẹ, dì ruột và ch dì đều mất. Nhạc công và Quách Nương - em gái con dì - làm lễ an táng xong cùng lai kinh bái yết nhà vua. Vua phong cho Nhạc làm Khai quốc ngũ nhạc đại tướng quân và phong cho Quách Nương là Nàng Mây công chúa. Hồi ấy quân Tống sang xâm lược nước ta. Dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, Nhạc được phong chức tiên phong đem quân đánh giặc. Trong chiến đấu, Nhạc xông pha vào nơi gươm giáo khiến bọn tướng giặc khiếp sợ "*Tướng nhà Lý có Nhạc công là người vô cùng dũng cảm, quân ta khó mà địch nổi. Xem chừng viên tướng này chỉ có dùng mưu trí mới thắng được nếu đem sức độ sức thì chẳng đi đến đâu mà chỉ nào binh tổn tướng*". Quân Tống bèn dử Nhạc công tiến sâu vào trận địa của chúng, trong lúc Nhạc công say sưa với chiến thắng thì bốn bề giáp công, tên bay đến như mưa, Nhạc công bị giặc chém gần rơi thủ cấp. Nhạc công giữ chặt lấy đầu cho khỏi rụng, rồi một yên một ngựa phóng lên địa phận ba xã An Viên, An Lịch, Đào Viên, nhân dân ra đón, ông di chúc: "*Ta đã bị giặc chém. Sau khi ta nằm xuống, dân ba xã hãy tu sửa hành cung thành nơi miếu thờ*". Nói xong, ông lại phóng ngựa đến xã Long Tháp huyện Đông Ngàn xứ Kinh Bắc, gặp bà cụ già, Nhạc công hỏi: "*Thưa bà! Xưa nay có ai không có đầu mà sống được không?*". Bà cụ già nói: "*Không thể nào sống được!*". Ông liền xuống ngựa than rằng: "*Xương cốt anh hùng mờ phủ kín, căm thù quân giặc đến ngàn năm!*". Ông liền gieo mình xuống cạnh giếng đó mà hóa, không lâu, kiến mới đùn đắp thành ngôi mả lớn. Dân xã Long Thành thương kẻ trung thần hết lòng vì nước, bèn dựng miếu thờ. Còn ba xã: An Viên, An Lịch và Đào Viên theo di chúc của ông, liền cho ba người chạy theo vó ngựa của ông xem ông đến nơi nào thì hóa. Sau khi làm xong nhiệm vụ dân giao cho, ba người chạy về báo rõ ràng cho dân biết, họ bèn viết thần hiệu là "Ngũ Nhạc đại vương" để thờ. Các nơi có vết máu của ông đều có lập miếu thờ, gồm ba chục xã, Quách Nương nghe tin ông hóa tại xã Long Tháp, nàng kêu khóc, lúc ấy trong mình chỉ còn một nén vàng đưa cho xã An Viên để sửa sang đền miếu. Nàng cũng hóa luôn, trong khi hóa đất chuyển động, gió mưa sấm sét nổi lên dữ dội. Nhân dân An Viên tâu lên triều đình, nhà vua đưa sắc xuống phong Nhạc công là Khai Quốc Tán Trị Công Thần Ngũ Nhạc Đương và phong Quách Nương là Nàng Mây công chúa. Sau này, đời nhà

Trần chống quân Nguyên xâm lược, Ngũ Nhạc đại vương và Nàng Mây công chúa có hiền linh trợ chiến. Sau khi thành công, vua Trần phong Nhạc công là Hùng uy trấn quảng Ngũ Nhạc đại vương, phong Quách Nương là Nàng Mây Trinh Thục công chúa. Đến triều Lê, hai vị cũng có hiền linh, giúp nghĩa quân Lam Sơn diệt trừ giặc Minh và sau này giúp Lê Trung Tông diệt nhà Mạc.

LƯƠNG ĐOẠN

Tương truyền ở trang Hồng Lạc huyện Gia Phúc, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương, có một người tên là Lương Khánh, vợ là Hoàng Thị Liên. Vợ chồng tính tình hiền hậu, lấy nghề cày ruộng học hành làm gốc. Vợ chồng làm bạn với nhau đã lâu mà mới có một mụn con gái. Ông bà dốc lòng tu nhân tích đức đi cầu cúng ở các nơi hằng mong có được đứa con trai nối dõi. Một hôm ông bà đến cầu ở chùa Hậu Bông, chiêm bao thấy thần nhân cho thanh kiếm vàng, bà Hoàng Thị cảm động có mang sinh được cô con gái, chẳng may chết mất. Sau đó bà lại có thai, đến giờ Thìn ngày mùng 10 tháng 6 năm Bính Thìn sinh hạ được một cậu con trai tướng mạo khác hẳn người thường. Cho là điềm trời, ông mừng rỡ đặt tên cho con là Lương Đoạn. Đến năm bốn tuổi, diện mạo khôi ngô, khi ngủ dáng nằm như thanh kiếm. Đến năm tám tuổi cho đi học, cậu bé cực kỳ thông minh, học một biết mười. Chẳng may năm ấy, bố mẹ đều lần lượt qua đời. Lương Đoạn bơ vơ đành ăn gửi nhờ người trong bản. Song người ta lằng nhục cậu, cậu bé lại phải bỏ làng ra đi. Cậu đi đến ấp Tam An, huyện Lương Giang, thấy c trên núi dưới sông, có một căn nhà ở trên mặt đê, hỏi ra mới biết là nhà của ông Lê Công Ân và bà Nguyễn Thị Việt. Vợ chồng Lê Công tuổi ngoài bốn mươi mà chưa có con, thấy cậu bé khôi ngô nhận làm con nuôi nhưng cậu không chịu. Cậu ra cái gò hình kim qui cạnh đê nằm ngủ. Đến đêm cậu chiêm bao thấy một cô gái rất xinh đẹp đến bảo với cậu rằng: *“Nhà anh phúc đức, ta cho anh ngôi đất này để dựng nhà, không nên bỏ đi nơi khác”*, nói xong biến mất. Cậu tỉnh dậy đem chuyện chiêm bao nói cho ông bà Lê, Nguyễn nghe. Từ đó, về sau tuy cậu vẫn không chịu làm con nuôi ông bà họ Lê xong ông bà vẫn yêu mến như là con đẻ vậy. Cậu xin ông bà dựng cho mình một cái lều trên gò kim qui, ban ngày ở nhà ông bà, ban đêm lại về lều ngủ. Năm 13 tuổi cậu được đi học lại, đến năm 17 tuổi, văn võ đều tinh thông cả. Thiên hạ nghe tiếng đều khen là bậc thần thánh giáng sinh. Năm 23 tuổi

(vào khoảng năm Thiên thành đời Lý Thái Tông) giặc Ai Lao sang xâm lược. Vua giáng chiếu tuyên chọn nhân tài. Lương Đoạn nghe tin, nghĩ rằng, kẻ sĩ sinh ở đời không làm gì lưu danh thì không xứng đáng là đấng nam nhi, bèn đi thi. Ông trúng tuyển, vào bái yết nhà vua. Nhà vua rất yêu mến tài năng của ông bèn cử ông cầm quân dẹp giặc. Khi kéo quân đến chỗ giặc đóng, đánh trận đầu ông giả vờ rút lui, và bố trí quân ở chỗ hiểm yếu. Giặc rất lấy làm tự đắc không đề phòng gì hết. Nhân đó ông dẫn quân sĩ bất ngờ xung kích vào chỗ giặc đóng, giặc trở tay không kịp, bỏ chạy tán loạn. Chiến thắng trở về vua phong cho ông chức Đô hộ phủ địa phương. Ông không nhận tước lộc chỉ xin nhà vua ban hản cho số quân do ông chiêu mộ để về lập ấp. Vua phê chuẩn. Ông bà họ Lê và dân làng rất phấn khởi, bỏ bao nhiêu công sức ra vỡ ruộng hoang, lập trang trại. Chỉ mới hơn một năm mà ấp đã trở thành nề nếp, lại được vua cho miễn binh lương thuế lệ sáu năm. Ông đang là chỗ dựa vững chắc cho dân thì triều đình lại vời ông ra nhận chức, ông không chịu. Nhà vua muốn gả công chúa cho ông nhưng ông cũng cố tình từ chối. Nhà vua rất giận. Cùng năm ấy, giặc Chiêm Thành lại sang xâm lược. Nhà vua lại triệu ông về hợp sức cùng thái tử đánh giặc. Ông tòng chinh, lập mưu kế đánh giặc nên quân sĩ không phải quá mệt nhọc mà chiến thắng. Chiến thắng vua ban cho ông tiền bạc về để mở tiệc khao thưởng dân làng. Đến giờ Ngọ 23 tháng 10 năm ấy, trời đất bỗng tối sầm lại, gió mưa kéo đến mù mịt, sấm nổ trên trời, sóng vỗ dưới sông âm âm, ông hoá ngay lúc ấy. Dân làng lễ an táng và dâng biểu báo về tang về triều. Nhà vua thương tiếc công thần nhọc vì việc nước nên sai quan về làm lễ, khi về mới đã xông đất thành một cái mộ lớn, nhà vua phê chuẩn cho dân bãi An Lạc lập đền thờ cấp thêm cho 63 quan tiền hương hoả đồng thời miễn binh lương thuế khoá cho dân làng ba năm. Dân cầu đảo đều thấy linh ứng, làng xóm ngày càng thịnh vượng.

HOÀNG ĐÌNH ĐỘ, HOÀNG ĐÌNH ÁI

Đời nhà Lý ở trang Thiên Thi, huyện Thiên Thi, lộ Khoái Châu, Đạo Sơn Nam, có ông Hoàng Nghĩa, vợ là Phùng Thị, sinh được một người con gái, tên là Ngọc Chân. Thời gian thấm thoát Ngọc Chân đã tròn 10 tuổi mà vẫn chưa có em bồng. Ông bà Hoàng Nghĩa cùng nhau đến chùa Vân Mộng ở vùng Kim Bảng dâng hương cầu nguyện xin cho sinh được con trai nối dõi. Hôm ấy là ngày 12 tháng giêng năm Quý tị (1053). Hai ông bà ngủ lại trong

chùa, đêm mộng thấy Ngọc đế cho hai vì sao đầu thai vào cửa họ Hoàng, để sau này phù vua giúp nước. Từ hôm đó bà Phùng Thị có thai, vừa chẵn một năm, đúng ngày 12 tháng giêng, năm Giáp ngọ (1054) sinh ra một bọc, hai chàng nam tử, hình dung tuấn tú, vũ khí hiên ngang khác hẳn người thường. Ông bà mừng lắm đặt tên con là Hoàng Đình Độ và Hoàng Đình Ái. Lớn lên hai ông thông minh ham học, lại có sức khỏe hơn người, năm 12 tuổi cha mẹ hai ông đón Nguyễn Xuân Quang tiên sinh ở Thái Hà về dạy văn, võ, binh thư, lục thao, tam lược.

Hai ông Hoàng Đình Độ, Hoàng Đình Ái trúng tuyển khoa thi Nho học tam trường năm Ất mao (1075), dự hàng đông bảng.

Bấy giờ vua nhà Tống nghe lời tể tướng Vương An Thạch, sai Thẩm Khôi và Lưu Di đóng ở Quế Châu, ngầm lấy binh người Man động, đóng thuyền bè tập thủy chiếm, cấm các châu huyện biên giới không được mua bán, chuẩn bị đánh nước ta. Nhà Lý nghe tin sai tướng Lý Thường Kiệt và tướng Tôn Đản mang 10 vạn quân đánh sang các châu Khâm, châu Dung, châu Liêm để phá âm mưu địch. Hai vị tân khoa họ Hoàng xin vua cho theo quân Bắc phạt. Vua Lý khen ý chí mạnh mẽ, phong chức Hiệp tán trong đạo quân tướng Tôn Đản vây đánh châu Ung. Trong khoảng hai tháng quân nhà Lý do tướng Lý Thường Kiệt, và tướng Tôn Đản chỉ huy đã hạ được ba Châu thành, bắt sống nhiều người ba châu đem về. Hai quan Hiệp tán họ Hoàng có đóng góp nhiều công được phong Tướng quân.

Tháng ba năm Bính thìn (1076) nhà Tống sai Quách Quì làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm chiêu thảo phó sứ, đem 10 vạn quân, và một vạn ngựa xâm lược Đại Việt. Vua sai tướng Lý Thường Kiệt lúc ấy đã được phong Thái úy đem hai tướng họ Hoàng điều động quân dân đắp lũy phía nam ngạn sông Như Nguyệt (sông Cầu), xây dựng một phòng tuyến kiên cố để phòng thủ. Quân Tống đóng ở bắc ngạn nhiều lần qua sông đều bị đánh lui. Quân Tống bị giết hại rất nhiều thiếu lương thực lại thêm bị bệnh ốm chết cũng không ít, Thái úy Lý Thường Kiệt nắm được tình hình lương nan của địch, mới cho người sang doanh trại quân Tống giảng hoà. Quách Quì hỏi ý kiến các tướng đều nói nên hoà, thế rồi quân Tống rút về nước, tính ra trong thời gian xâm lược nước Đại Việt, quân Tống vừa bị giết vừa ốm chết mất một phần ba quân số, và gần chục viên tướng lớn nhỏ (hai tướng họ Hoàng chém được tướng Tống là Quách Đạt và Lý Quí).

Triều đình nhà Lý luận công phong thưởng tướng Hoàng Đình Độ làm Đông bạng Hùng Tướng quân, tướngnh Ái là Đông bạng Hùng uy tướng quân. Năm Quý mùi (1103) Lý Giác có thuật lạ, biến cây cỏ thành người, y triệu tập kẻ vô lại chiếm cứ Châu Diên, khắp thành nổi loạn. Vua Lý sai Thái úy Lý Thường Kiệt cùng hai tướng mời chị là bà Hoàng Ngọc Chân vốn giỏi phương thuật theo quân vào Châu Diên để trị Lý Giác. Bà Ngọc Chân cao tay ấn quyết phá được thuật lạ của Lý Giác, y thua chạy trốn sang nước Chiêm Thành. Quân Đại Việt ban sư trên đường về qua sách Mộc Kiều, thì bà Hoàng Ngọc Châu bỗng nhiên không bệnh mà hoá. Hai tướng họ Hoàng làm lễ an táng chị ở đây. Hai tướng thấy sách Mộc Triều nằm trên giải đất cao rộng giữa vùng đồng trũng, rừng rậm bao quanh sơn thủy hữu tình, dân thuần tục mỹ, mới dựng nhà ở lại. Thái úy Lý Thường Kiệt và triều tâu công của bà Ngọc Châm. Vua Lý hạ chiếu xây đền thờ, phong bà là Linh Phù thân nữ.

NGUYỄN TUYÊN

Ở trang Đường Bột huyện Cổ có một nhà họ Nguyễn tên là Ngọc Thanh, vợ Lê Thị Hạnh, vợ chồng vốn dòng dõi thi thư ở ăn hiếu thuận, cảm sát duyên ưa, uyên ương hòa hợp, ba sinh hương hỏa chung gốc phong lưu thật là dồi dào phúc đức.

Chỉ hiếm vợ chồng đã ngoại tứ tuần mà điềm chương ngõa còn chậm, mộng hùng xã vẫn chưa, vợ chồng thường phàn nàn: Tội bất hiếu không con là lớn nhất, mai sau trăm tuổi biết trông vào đâu. Chi bằng đi tìm được ngôi đất tốt di táng di hài để cầu âm đức, may ra trời xuống phúc lành, yện bay điềm tất mới thỏa lòng mong ước thuở bình sinh, ông Tha đi tìm đất, qua một tháng mà vẫn chưa tìm được nơi đất tốt. Bỗng một hôm, ông gặp cụ già tay chống gậy trực đứng ở giữa đường, ông hỏi thăm lai lịch, cụ già nói: Lão từ xa tới để xem phong thủy chưa có ý định về đâu, nay thấy ông tướng mạo hiền lành, tính tình khiêm tốn, ông có muốn một ngôi đất tốt để làm âm phần ta sẽ đãi ông một ngôi được đời đời đậu đạt, muôn năm hương hỏa. Ông Thanh nghĩ thầm: Lâu nay mình đang mong muốn, nay tự nhiên gặp ắt hẳn trời cho, cụ già đây chắc không phải người thường, liền khấn khoản mời cụ về nhà nghỉ lại.

Cụ già thấy gia đình ông Thanh cô đơn, nghèo túng vợ chồng chất phác, thật thà cụ nghĩ thầm : Gia đình phúc đức chắc gặp điều hay.

Rồi hai người ra đồng xem đất đến xứ đồng sâu thì thấy một huyệt rất đẹp đúng như sách đã ghi "Có hình chim phượng soi gương, hình chim nhạn như bầy tiên, có ngôi sao châu lại, phía trước có sông rộng sóng lượn nhấp nhô, hình long châu 9 khúc uốn quanh, huyệt ở hoa sen", huyệt này rất huyền diệu, người thường khó mà biết được. Ông Thanh liền rước linh hài tổ tam đại đến cất tại huyệt này nơi đây.

Cất xong mộ, cụ già đi ngay, vợ chồng ông Thanh vội mang lễ vật tạ ơn, cụ già khước từ không nhận.

Ông Thanh về nhà làm lễ tế từ đường. Nửa đêm hôm đó bà vợ nằm mộng thấy một vị tướng cưỡi ngựa hồng, tay bế một em bé mặc áo xanh trao cho bà và nói: Nhà bà phúc đức, được đất sinh người, trời cho bé trai, lớn lên làm nên sự nghiệp giúp đời cứu nước, yên dân lừng danh thiên hạ. Nói xong vị thần tướng vụt bay lên trên không biến mất. Sáng sớm bà kể đầu đuôi nằm mộng cho chồng nghe, ông Thanh mừng thầm cho rằng phúc nhà đã đến.

Trải qua 3 tháng 10 ngày, bà thấy trong người chuyển động có thai. Đủ 9 tháng 10 ngày (tức giờ Tý ngày 10 3 Đinh sửu) bà sinh một bé trai diện mạo khôi ngô, giống hệt cậu bé trong mộng. Khi cậu bé ra đời, không khí mát lành tỏa sáng thơm tho ngọt ngào mật hương, ông Thanh đặt tên cho con là Tuyên.

Từ khi Nguyễn Tuyên mới sinh ra cho đến khi được 3 tháng 10 ngày trong trang chóc cần râm ran thâu đêm làm cho mọi người ngủ không yên giấc, đều cho là sự lạ. Hơn nữa đêm thường nghe tiếng nhạc ngựa reo vang, mọi người càng thêm sợ hãi.

Lúc Nguyễn Tuyên hơn 10 tuổi, cha mẹ cho đi học, đến năm 17 tuổi vẫn học tinh tường, tử chương quán triệt, tài năng xuất chúng, trí độ hơn người, nhân dân đều ca ngợi là nhà tốt phúc mới sinh được quý tử làm rạng rỡ tổ tiên.

Năm Nguyễn Tuyên 21 tuổi giặc Chiêm Thành xâm lấn bờ cõi nước ta, quân trần ải dâng thư về báo triều đình, nhà vua liền cử binh thân chinh đi dẹp giặc.

Quân nhà vua tiến đến bản trang thấy địa thế hiểm trở nhưng rộng rãi. Hơn nữa lại có chợ thuận lợi cho việc đóng quân và tiến quân, nhà vua cho lệnh hạ trại tại chợ. Vào khoảng nửa đêm vua bàng hoàng thấy 3 khối lửa sáng rực ở 3 phía chợ bay đến trước mặt nhà vua, vua cho là sự lạ bèn truyền cho vời các bô lão đến để hỏi: ở đây có vị thần linh nào? Các cụ tâu: Bản trang có ba nơi khi tốt đúc kết thường hay hiển hiện, chúng tôi không biết danh hiệu vị thần nào cả. Vua bèn cho lập các nơi linh địa cầu tế 3 ngày đêm.

Đến đêm thứ 3 vào khoảng canh 3, vua mơ thấy 3 nơi đàn sớ hiện ra 3 vị thần áo mũ chỉnh tề, tay cầm cờ tự xưng : "Chúng tôi theo lệnh thiên đình trần giữ ở nơi đất thiêng này, nay nghe tin hoàng đế thân chinh dẹp giặc phía Nam, chúng tôi nguyện cùng đi giúp đỡ bằng âm phù cứu nước trong lúc lâm nguy", nói xong ba vị thần biến mất. Lập tức trời đất tối tăm, gió mưa tầm tã, mây mù đen tối ngày cũng như đêm, vua thấy vậy cho là linh ứng, bèn làm lễ tạ.

Lễ tạ xong, vua nghe nói gia đình họ Nguyễn có người con trai văn võ toàn tài, bèn xuống lệnh vời hai cha con ông Ngọc Thanh vào bái yết.

Vua thấy Nguyễn Tuyên diện mạo khôi, hình dung tuấn tú liền hỏi họ tên và cho thi tài nghệ. Nguyễn Tuyên tâu bày lưu loát không vương mắc điểm nào. Vua khen ngợi và phán: Giặc Chiêm đang xâm lấn bờ cõi trăm phải thân chinh đi đốc chiến, đến đây trăm thấy địa thế bản trang là nơi bình yên khoáng dã có thể là nơi bài binh bố trận tiến quân. Trăm muốn dùng người làm Đại tướng cầm quân bình giặc.

Nguyễn Tuyên vâng lệnh, bái yết nhà vua và xin được về bái vọng gia tiên, đồng thời chiêu mộ quân sĩ thuộc 4 dòng họ Nguyễn, Bùi, Lê, Nguyễn theo ông làm gia thần cùng đi dẹp giặc.

Nhà vua tiên quân thẳng đến đồn giặc, mở một trận đại tiên công. Đương khi giáp công oanh liệt tự nhiên trời đổ mưa to, gió lớn, sấm sét rền vang, trên không trung âm âm tiếng vang không ngớt, quân giặc thấy vậy đều khiếp sợ đâm chém lẫn nhau, xô chạy thoát thân, quân ta thừa cơ xông lên.

Thế giặc đã bình, vua ra lệnh ban sư khải hoàn. Về đến bản trang, vua hạ lệnh đóng quân và làm lễ tạ 3 nơi linh địa, mở tiệc mừng công khai thưởng quân sĩ. Nhân đây nhà vua ban phong thần hiệu cho các linh địa và chuẩn y cho dân lập đền thờ cúng.

Mọi việc xong xuôi, vua cùng Nguyễn Tuyên cử giá tiến binh về triều đình, khi vào đến địa phận long đầu ở bản trang tự nhiên gió mưa tầm tã, mây mù đen tối, ngựa Nguyễn Tuyên quy xuống bị què, bong móng ra chết, ông cũng hóa thân tại đây. Chốc lát trời quang mây tạnh, nhân dân kéo nhau ra xem thì thấy môi đã đùn lên thành ngôi linh mộ. Mọi người cho là điềm linh ứng, liền viết tờ biểu tâu lên triều đình. Nhà vua được tin rất thương xót Nguyễn Tuyên một công thần có công lớn giúp nước cứu dân, trung nghĩa thờ vua. Vua bèn sai triều đình mang sắc chỉ xuống bản trang truyền lệnh cho dân lập đền thờ ở nơi ông hóa, lại ban thêm cho dân 80 quan bỏ quỹ hàng năm lấy lời sửa sang các nơi linh từ phụng sự, 100 quan tiền lập quỹ hàng năm làm lễ quốc tế xuân thu, miễn binh lương tạp dịch 3 năm, bao phong mỹ tự là "Thượng đẳng phúc thần" muôn đời tế tự.

PHỔ MINH - NGUYỄN TẦU - TAM LANG

Tương truyền đời Lý Thánh Tông ở trang Bảo Định, huyện Thanh Xuyên phủ Hưng Hóa, đạo Sơn Tây có một người tên là Nguyễn Danh Xương là gia đình làm thuốc, ăn ở phúc hậu, cứu nhân độ thế cũng nhiều, dân địa phương đều khen ngợi là gia đình tích thiện như thế nhất định phải có điềm lành báo ứng. Hồi Xương công mười lăm tuổi, bố mẹ đều mất. Từ đó cảnh nhà khôn quăn, Xương công than rằng: *“Con lương y chết vì bệnh, như ta nay thì khôn đốn vì một bệnh nghèo”*. Tuy cảnh nghèo túng chật hẹp, song vẫn vui vẻ yêu đời, học rất khuya, tự hứa hẹn với mình phải làm nên sự nghiệp gì có ích cho đời, do đó mà vượt xa những ý nghĩ tầm thường. Đến năm Xương công 17 tuổi, chẳng may trong nước mất mùa liền mấy năm, nhân dân đói khát, phủ Hưng Hóa trộm cướp nổi lên như ong. Xương công nói với tiểu đồng rằng: *“Nghèo hèn thế này mà còn gặp buổi loạn ly, biết làm sao để sống cho qua lúc này. Song chỗ nào có trời là chỗ đó còn có gió xuân, làm gì mà cứ bo bo ở lý một chỗ, sao không đi xa tìm kiếm đất lành”*.

Ông liền cùng mấy chú tiểu đồng thuận nẻo đến địa phận huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc, vừa lúc mặt trời gác núi, thấy một ngôi chùa ở cạnh đường tên là chùa Chân Võ rất đẹp, bèn cùng bọn tiểu đồng vào trọ. Đến nửa đêm, Xương công chiêm bao nghe trên điện có tiếng người ngâm thơ:

Bảo định nhân hề Bảo định nhân!

Tổ trai tu chí đắc hòa nhân.

Độc sinh quý tử công danh toại,

Hương hỏa trường lưu ức vạn xuân.

Nghĩa là: *Anh chàng Bảo định kia ơi! Tổ trai tìm đến duyên trời xinh xinh. Sinh quý tử, đạt công danh. Khói hương nghi ngút hiển linh muôn đời.*

Ông vụt tỉnh dậy, trời đã hừng sáng, bèn làm lễ tạ chư phật, giục tiểu đồng quây hành lý lên đường. Đi cứ đi, chưa có định đi đến đâu cả.... Nói về tình hình ở ấp Cổ Trai (Nay là xã Nghĩa Trai) thuộc huyện Gia Lâm, có một người hào trưởng tên là Trần Danh Trân, tổ tiên xưa vốn là người ở làng Hoa Cầu, hồi ấy Hoa Cầu có nhiều họ quyền quý họ Trần lép vế, bèn đem con cháu di cư đến Cổ Trai. Sau khi lập ấp ở Cổ Trai, con cháu sinh sôi thịnh vượng thành một làng. Đến thời Lý Thái Tổ lên ngôi, có ban sắc xuống khen thưởng con cháu họ Trần ở Cổ Trai và miễn tô thuế cho vài ba vụ, vì vậy mà lập trại ấy thành Nghĩa Trai, đến Trần Danh Trân là ba đời rồi. Trần Danh Trân tuổi ngoài bốn chục mà chưa có con trai, chỉ mới sinh được cô con gái đặt tên là nàng Châu, tuổi vừa mười tám, nhan sắc tươi đẹp như nàng tiên giáng trần: Trần công bèn xây dựng một lầu cao ở cạnh sông để nàng Châu ở, đồng thời lấy chỗ ấy làm chỗ kén bạc rể hiền. Một hôm Trần công nhàn rỗi uống rượu ngà ngà say dựa vào lan can mà ngủ, mơ thấy có một người ở ngoài đến trước mặt bảo: "Ngày mai có quý khách đến chơi". Ông chợt tỉnh, sáng hôm sau

sai người quét dọn nhà cửa đề chờ xem thế nào>

Nhắc đến bước đường của thầy trò Xương công: Một hôm đi đến ấp Nghĩa Trai, ông thấy trên lầu có tấm biển đề hai chữ "Tuyển tề" (kén rể). Chợt gặp

ông cụ già qua đó, Xương công hỏi: "*Cung Quảng hàn này của ai đó ?*". Ông cụ già nói: "*Chàng ở đâu đến đây, muốn được ra mắt nàng Châu ư? Nàng là con gái Trần công, dựng lầu cao cầu hiền để kết thành đôi lứa*". Xương công nghe cụ già nói, bèn ngoảnh lại nói với tiểu đồng: "*Đời xưa nói giai nhân rất khó gặp, nay gặp ở đây cũng là việc lạ. Ta đến đây để ứng tuyển, bỏ ta thì lấy được ai !*". Xương công khoan thai bước đến trước lầu, cầm bút đề bốn câu thơ lên cột lầu :

Nhất trường du tử thôi tình động,

Vạn lý tâm phương nhĩ vĩ nông.

Tá vấn thiên cung xuân tỏa thược,

Vị thù khai thủ vị thù phong ?

Nghĩa là:

Tình người du tử xiết bao. Tìm thơm muôn dặm lọt vào mắt xanh. Khóa xuân cung Quảng buông màn. Mở ra khép lại giữ gìn chờ ai?"

Đề thơ xong, Xương công vào nhà Trần công xin trọ để tiện cho việc theo học. Trong lúc Trần công đang uống trà với phu nhân, chợt thấy thầy trò Nguyễn Xương đi thẳng vào, ông nghĩ thầm điềm mộng vừa rồi. Nay gặp người này thế nào cũng là người tốt. Ông bèn tiếp đãi như bậc thượng khách và tỏ lời mời Nguyễn Xương lưu lại dạy học cho các cháu họ. Từ đó trở đi, Xương công có nơi nương tựa, không lo đói rét, càng dốc lòng học tập siêng năng. Khoảng một năm gần gũi, Trần công thấy Nguyễn Xương thông minh khác thường bèn gả nàng Châu cho thành hôn, vợ chồng yên mến nhau, mối tình thật là nồng thắm. Một tối gió mát phay phẩy đưa vào góc phía đông, Xương công như tỉnh như say, mơ thấy một ông cụ già đầu tóc bạc phơ từ ngoài bước tới cạnh chỗ nằm nói: "*Nhà ngài phúc đức rất hậu, tôi xin đầu thai vào làm con*". Xương công nói: "*Râu mày trắng xóa như thế vào làm con nhà ta liệu được mấy năm*". Sau khi tỉnh mộng, ít lâu sau nàng Châu có thai, đến mồng tám tháng giêng năm Giáp Tý sinh được một cậu con trai, Xương công sức nhớ đến giấc mơ từ mười tháng trước, bèn đặt tên là Tầu (ông già).

Hồi ấy ở xã Lê Mật, huyện Gia Lâm, có một cô gái họ Phan tên là nàng Quang, năm mười bốn tuổi, cha mẹ mất sớm, nàng từ nhỏ phát nguyện xuất gia không muốn lấy chồng, nghe có một vị tiên sư là Từ công tu ở chùa Thiên Thai, huyện Gia Định là người có đạo đức, nàng bèn cạo đầu đi tu ở ngôi chùa ấy. Mỗi đêm nhà sư tụng kinh đến cuối canh hai thì nàng Quang đem dâng các thức ăn chay, cứ như thế đến vài năm không hề bỏ lỡ bao giờ. Thật là lòng trời xui khiến, một đêm trời nóng, nàng nằm ngủ ở dưới cửa chùa, nhà sư tụng kinh đến khuya mà không thấy nàng đem thức ăn chay lên tiến cúng, nhà sư nhân đó chợt nhớ đến sự tích Bạch Viên bước vào nhà chùa, bèn đi xem tình ý ra sao, chẳng ngờ nhà sư bước qua mình nàng, từ đó Quang tự nhiên có chữa, được ba bốn tháng, dân làng thấy thế cười chê bàn tán xôn xao. Nhà sư cũng không rõ nguyên nhân, ngờ cho Quang có ngoại tình. Một đêm khoảng cuối canh tư, nhà sư ngủ say, Quang lên chùa thắp hương khấn: *"Thiếp là kẻ trong sạch, không nhiễm bụi trần, ngờ đâu nên nông nổi này để cho người đời chê cười. Thiếp đành thác đi làm con ma trinh bạch chứ không chịu làm con người sống mang hổ thẹn vào mình. Nếu thiếp tự tử ở chùa thì nhà sư sẽ mắc phải tai họa. Thiếp xin trốn biệt đi nơi khác mà gieo mình xuống sông tự sát. Sau khi chết đi, cúi xin chư phật mở lượng từ bi tế độ, khiến thi hài của thiếp được người phúc thiện vớt lên không đến nỗi bị chôn vào bụng cá"*, khấn xong, nàng Quang nhân lúc trăng suông sương xuống đầy trời, bỏ chùa lên bước ra đi. Đến một bên sông liền giải ngọc xuống sông tự vẫn. Trời phật đã chứng tri lòng trong trắng của nàng không nỡ để nàng chìm đắm ở dòng sông như vậy. Trời phật bèn sai quân vua Thủy tề nổi lên hộ vệ thân thể nàng cho trôi đến ngách sông Nghĩa Trụ thuộc địa phận ấp Nghĩa Trai. Vừa hay khi thân thể nàng đang lênh bênh mặt nước thì thuyền của nàng Châu cũng vừa bắt gặp, nàng sai đầy tớ vớt xác lên bờ. Được một lúc, nàng Quang thở thoi thóp, mình mẩy chân tay dần ấm áp và sống hẳn lại. Nàng Châu hỏi họ tên quê quán, nàng Quang cứ thực trình bày. Nàng Châu động lòng thương bèn mời nàng Quang về nhà mình, họ ở với nhau rất mực thân thương chẳng khác tình nghĩa chị em ruột thịt. Qua năm sáu tháng trời, một đêm trời hửng sáng, Xương công đã tỉnh dậy lại chợp mắt ngủ đi, mơ mơ mộng mộng thấy có tiếng gõ cửa và gọi: *"Ông Xương ! Ông Xương, ta là Phó Minh bỏ tát, ông dậy mở cửa cho ta để vào làm con nàng Quang"*. Xương công bâng khuâng tỉnh dậy, bước ra mở cửa, ra ngoài nhìn lên trời thấy một đóa mây vàng bay từ phương tây đến rồi dần dần tan mất. Xương công cho là việc kỳ lạ, trở về toan đi năm, thấy nàng Quang sinh được một đứa con trai. Ngày ấy là ngày

hăm một tháng hai năm Quý Hợi. Cậu bé này hình vóc hiên ngang khác hẳn mọi người trần tục, mới ra đời được ba tháng thì chao ôi do lòng trời xui khiến hay do số mạng con người nàng Quang không bệnh mà mất, bỏ lại đứa trẻ mồ côi. Vợ chồng Xương làm lễ đưa linh cữu nàng Quang về tận làng Lê Mật mai táng chu đáo. Vợ chồng Xương công nuôi đứa con của nàng Quang chẳng khác gì con đẻ của mình. Nhân điều báo mộng, Xương công bèn đặt tên cho đứa trẻ ấy là Phổ Minh. Cũng trong thời gian ấy, ở làng Miếu Duệ, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, thuộc Châu Ái, có người tên là Nguyễn Danh Xuân, vợ là Lê Thị Hiều vốn là người tu nhân tích đức, sinh được hai con trai chỉ thích múa gươm cưỡi ngựa, một hôm vợ chồng than thở: *"Nhà ta làm điều thiện, tất có thiện báo, nhưng xem hai đứa con này đều không phải là đứa con hiền. Hay là vợ chồng ta đi cầu đảo trời phật âm phò cho quý tử giáng sinh"*, bèn đến làm lễ cầu đảo ở chùa Thiện Cảm, huyện Nga Sơn, chiêm bao thấy hai đứa bé nhảy múa ở trước sân, bà Lê Thị bắt được một, do đó cảm động mà có mang, đến ngày mồng mười tháng năm, năm Ất Sửu sinh hạ được một người con trai, diện mạo khôi ngô, bèn đặt tên là Tam Lang, năm lên mười sáu tuổi có chí lớn, tìm thầy học tập. Hồi ấy nghe tin có ông Võ Nhuận người làng Mộ Trạch huyện Đường An ở Hồng Châu thuộc đạo Hải Dương nổi lên là bậc nhà nho hay chữ, bèn tìm đến học, song chưa đến được. Một hôm đi đến ấp Tẩu công - con của Xương công - cùng với Phổ Công (tức là Phổ Minh) chơi ở Nguyệt Kính thấy Tam Lang đang cắp sách đi học, hỏi ở đâu đến, Tam Lang kể lẽ nguyên do, thì Tẩu công và Phổ Minh cũng nói: *"Bọn chúng tôi cũng đang muốn đến xin học Võ tiên sinh ở làng Mộ Trạch huyện Đường An, nay thấy anh không quản ngại từ xa đến đây, cùng chúng tôi chẳng hẹn mà gặp, đó là lòng trời hay là việc người?"*. Tam Lang nói: *"Hai anh nói thế chẳng phải việc trời là gì"*. Tẩu công và Phổ Minh lại nói: *"Một lời ngỏ ý cũng là lời từ đáy lòng, xin mời anh về nhà tôi chơi, đến sáng mai chúng ta cùng đi"*. Tam Lang nói: *"Hai anh có lòng tốt, tiểu đệ đâu dám trái mệnh"*, bèn cùng nhau về nhà Xương công. Xương công sai đầy tớ làm cơm rượu khoản đãi, nói với Tam Lang: *"Anh chẳng quản đường xa dặm thẳng đến đây muốn tìm trọ học, tôi muốn anh ở chung với cậu Phổ Minh và con tôi, há chẳng có ích lắm ư?"*. Tam Lang vui mừng nói: *"Tôi quê ở Miếu Duệ thuộc Châu Ái cũng chẳng xa gì cho lắm. Nay được nghe tôn ông dạy như thế, tôi xin gọi tôn ông là cha. Tôi tên gọi Tam Lang quê ở Miếu Duệ, xin tôn Tẩu công và Phổ Minh làm hai anh"*. Xương công cười chỉ vào Phổ Minh mà nói với con trai là Tẩu công và Tam Lang rằng: *"Anh này là phật Phổ Minh bỏ tát*

giáng sinh", vì thế Tam Lang chấp tay vái mà thưa rằng: "*Anh Phổ Minh giáng sinh, vậy thì xin nhường làm anh cả, Tẩu công là anh hai, còn Tam Lang này là em thứ ba*". Nói xong ba người đều cười ha hả, biểu lộ tinh thần hào hứng lạ thường. Từ đó, tình nghĩa anh em keo sơn gắn bó. Phổ Minh, Tẩu công và Tam Lang cùng nhau kết nghĩa, bèn gọi Tam Lang là Chàng ba, biệt hiệu là Miêu Duệ Công. Ba người theo thầy học tập một trường, mới khoảng vài năm đều trở nên những người có tài văn chương lỗi lạc, ệ tinh thông. Đến đời vua Thánh Tông lên ngôi, hạ chiếu cầu hiền, khiến các châu phủ huyện đều phải đề cử những người có đạo đức, có tài năng văn võ, học vấn uyên bác đến thi ở kinh thành. Ngày ấy tất cả những bến đò, những con đường đều chật ních thuyền bè xe ngựa, thật là "*nhất văn thiên tử chiếu, tứ hải trượng nguyên tâm*". (Một khi nghe có chiếu chỉ của nhà vua kén chọn hiền tài, người trong bốn biển đều có tấm lòng mong muốn mình sẽ là trượng nguyên). Trước không khí tung bừng ấy, ba ông đều rủ nhau đi thi. Đến khi bệ kiến nhà vua, ba ông trở tài ứng đối, tỏ rõ tài năng văn chương, võ nghệ nhuần nhuyễn. Nhà vua bèn trao cho Phổ Minh giữ chức bác sĩ, Tẩu công giữ chức tám trị, Tam Lang giữ chức trung thừa và ban cho vinh qui bái tổ. Phổ Minh, Tẩu công, Tam Lang cùng, về xã Nghĩa Trai lưu lại một tháng vui với bà con rồi lại vào triều làm việc. Vừa khi bố mẹ của Tẩu công và bố mẹ của Tam Lang đều từ trần, các ông xin phép về lo liệu đám tang và để tang ba năm rất mực hiếu kính. Nhân lúc thiên hạ hòa bình, ba ông thường đi lại chơi bời ở ấp Nghĩa Trai và cùng nhau xây dựng dinh thự, mua ruộng ao để làm hương hỏa. Đến khi giặc Chiêm Thành tràn sang cướp phá biên giới, nhà vua hạ chiếu vời ba ông về triều, phong cho Phổ Minh làm nguyên soái, Tẩu công làm chỉ huy tướng quân, Tam Lang cũng làm chỉ huy tướng quân, đem các đạo quân chia đường cùng tiến. Chiêng trống ở đầu thuyền nổi lên như sấm. Trên bộ thì bóng cờ rợp cả hai bên bờ sông. Quân nhà vua tiến đến đâu, khí thế như từ trên trời trút xuống. Đánh nhau với quân Chiêm một trận dữ dội, bắt sống được vua Chiêm, quân giặc tan rã từng mảng. Thắng trận khái hoàn, đi đến cửa Thống ở Hoan Châu, sóng bể nổi lên cuộn cuộn làm cho thuyền của Tẩu công bị đắm. Ngày ấy là mồng mười tháng sáu.

Vua Thánh Tông ngự giá về triều, phong chức tước cho tướng sĩ. Đến ngày mồng hai tháng bảy, Tam Lang cũng mất. Sau khi hai ông mất, Thánh Tông nhớ công lao bèn truy tặng tước đại vương và truyền cho các quan triều và Phổ Minh công rước sắc về ấp Nghĩa Trai dựng miếu thờ phụng. Công việc

xong xuôi, Phở Minh về triều dâng biểu tâu xin nhà vua cho dân xã Nghĩa Trai trong một thời gian nhất định. Phở Minh xin vua cho đi tu, được Thánh Tông phê chuẩn, vì Phở Minh có công lớn bèn hạ sắc phong làm đại vương và chỉ định làm vị thần sống ở xã Nghĩa Trai. Phở Minh đi tu hiệu là Phở Minh bồ tát, ngày đêm đèn nhang tụng niệm chân kinh, khoảng năm sáu năm. Một hôm vào tiết tháng ba, Phở Minh cùng các sư tiểu và một số gia thần ở Nghĩa Trai đem lễ vật đi lễ chùa Hương Tích huyện Hoài An, phủ Ứng Thiên thuộc đạo Sơn Nam. Trong khi đang làm lễ phật, bỗng thấy một đám mây vàng từ trên trời rủ xuống như tấm lụa ở trước chùa. Khi ấy có hàng trăm giống thú lai triều, long, ly, qui, phượng đều giáng xuống, trên trời văng vẳng có tiếng đàn hát nổi lên, tự nhiên trời tối sầm lại, mưa gió kéo đến đột ngột, sau một lát, trời trở lại thanh quang, thì không thấy Phở Minh đâu cả, chỉ còn áo mũ của người để lại. Ngày là mùng 10 tháng 3. Sau khi Phở Minh hóa tiểu tăng và nhân dân Nghĩa Trai trở về dâng biểu tâu lên. Vua Thánh Tông sai các quan về xã Nghĩa Trai làm lễ và truyền cho Nghĩa Trai dựng miếu, viết thần hiệu để thờ. Trải qua các triều Lý, Trần, nước đảo dân cầu đều có linh ứng. Nhà Hậu Lê, Đức Thái Tổ Cao hoàng đế dẹp yên giặc ngoại xâm, lên ngôi và truyền đến các đời vua Thái Tông, Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, Túc Tông, Uy Mục đế, Tương Dực đế, đến Chiêu Tông bị họ Mạc chiếm ngôi sáu mươi năm sau, khi ấy có quan Thái úy họ Nguyễn người trang Gia miếu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, Châu Ái nổi lên phò Lê diệt Mạc, Thái úy cũng đến làm lễ cầu đảo ở đền ba vị đại vương. Ba vị đã linh ứng âm phò giúp nước. Sau khi thanh bình, quan Thái úy dâng biểu truy phong ba vị làm thượng đẳng thần. Thái úy có đề ở miếu Nghĩa Trai bài thơ rằng:

Gia vi hiệu tử, quốc trung thần

Trung hiếu cương thường hệ thử thân

Hách hách Nghĩa trai chiêu tự điển

Nguy nguy Lý đại hiển nguyên huân> Sinh tiền xích kiếm tòi Chiêm Khâu

Tử hậu liên thành tảo Mạc quân

Dục hoán thiên kim tăng nhất ngữ

Mộng tàn nan Kiến mộng trung nhân.

Nghĩa là: "Vớ nhà là con hiếu, vớ nước là tôi trung. Trung hiếu cương thường gắn bó với tấm thân ấy. Rực rỡ (thay) làng Nghĩa Trai, càng làm sáng rõ về thể lệ thờ phụng; Cao vòi vọi triều nhà Lý, hiển hách công đầu. Hồi sinh tiền, một thước gươm tiêu diệt giặc Chiêm; sau khi chết (vẫn là) bức tường thành đánh sập quân Mạc. Muốn đem nghìn vàng đổi lấy một lời, giấc mộng tàn thì khó mà thấy được con người ở trong mộng nữa".

Từ đó trở về sau, các ngài thường thường hiệu linh giúp dân, giúp nước, cầu nắng cầu mưa đều có linh ứng; cho nên các vị đế vương đều có truy phong duệ hiệu.

CÔNG CHÚA CON VUA TRẦN THÁI TÔNG

Tương truyền vua Thái Tông nhà Trần sinh được nàng công chúa thứ ba vào ngày 13 tháng Bảy năm Giáp Thìn. Nàng là người diện mạo đoan trang hình dung yếu điệu, nữ công nữ tác thành thạo am hiểu, thật là một hào kiệt trong hàng ngũ phụ nữ, được nhà vua quý mến nâng niu như hạt ngọc vậy. Năm 19 tuổi, tính thích chơi ở sông nước, thường theo vua ngự thuyền rồng chơi đây đó. Ngày 13 tháng hai một mình công chúa cưỡi thuyền rồng đi chơi ở sông Lương Giang thuộc địa phận Minh Hào. Đang trưa mà mưa gió nổi lên, cuộn sóng dữ dội, cả một khúc sông tối tăm mờ mịt chẳng may thuyền của công chúa bị đắm. Đáng thương cho sắc nước hương trời mà chốc lát xương vùi lòng sông. Khi ấy dân sở tại đem việc xảy ra tâu lên, nhà vua thân hành đến thăm thì mặt ngọc đã chôn vùi nơi thủy quốc lâu rồi. Qua 100 ngày đến giờ tý ngày 23 tháng năm, bỗng nghe sóng ở sông dâng lên âm âm như sấm. Đến sáng hôm sau nhân dân khu Minh Hào ra xem trông thấy công chúa từ dưới sông đi lên khu rừng và nằm nghỉ tại đó nhưng vẻ mặt vẫn tươi tắn như khi còn sống vậy. Nhân dân tâu lên, vua vô cùng thương tiếc sai các quan đến làm lễ an táng. Đến nơi, mới đã xông thành mà có hình như con rết. Các quan cứ việc làm lễ và tuyên truyền cho dân bản lập đền thờ từ đó dâng hương đèn nhật dạ, người và vật trong khu khi nào đau ốm cầu đảo đều khỏi. Đến thời vua Lê Thái Tổ, có giặc ngoài đến cướp phá và hùng cứ miền thượng du. Nhà vua ngự thuyền rồng đi đánh, đến địa phận núi Nghiêm Sơn, Lương Giang thuyền không sao đi được. Vua lấy làm lạ, đứng ở thuyền rồng trông lên rừng thấy một cô gái mặt mũi thanh tú, áo quần lộng lẫy hết như nàng tiên giáng thế. Vua hỏi các quan cận vệ "Tiên hay là ma mà cản trở cuộc hành quân của ta!" Người con gái ấy cúi lạy tâu rằng "Thiếp vốn là thủy tiên, đâu dám cản trở việc hành quân của nhà vua. Nhưng ở núi này sơn thần rất thiêng, xin nhà vua cầu đảo sẽ thấy linh ứng" - nói xong biến mất. Nhà vua nghe lời, sai làm lễ tế yết sơn thần, khấn xong bỗng nghe có ba tiếng kêu thật to trên đỉnh núi. Quân sĩ sợ hãi trông lên thì thấy một vị hình dung cổ quái cưỡi hổ, nhà vua cầu khấn xin phù hộ, tự nhiên thuyền rồng tiến như bay, chưa đến ba ngày đã đến chỗ giặc đóng quân, đánh một trận là đại thắng khai hoàn. Lúc về qua địa phận

Minh Hào, vua truyền cho lập một đền ở đỉnh núi, hạ sắc phong là đệ nhất Sơn thần, Công chúa dốc lòng giúp nước, được vua sắc phong là Thủy tộc bà vương tiết thực thuần ý trang liệt phương trinh tối linh công chúa chi thần. Phê chuẩn cho khu giúp thờ cúng, lại cấp cho 20 quan tiền chi chèn hương phí tổn. Từ đó vua hành quân đến đây thường đến mật đảo ở đền này đều thấy linh ứng.

HOÀNG TÔ

Từ thời Hùng Vương ở trấn Nghệ An, phủ Diễn Châu, tổng Vạn Phân, xã Vạn Phân có người con gái chưa chồng đi gánh nước ở bên sông, gặp một con trâu thần. Nàng đánh đuổi, trâu chạy xuống biển, nắm được trong tay một nhúm lông đuôi trâu, từ đó thụ thai, sinh ra một người con trai khỏe mạnh, có tài đi lại dưới nước trên bộ. Lúc này, nước nhà bị giặc ngoại xâm lấn. Các lạc tướng khuyên vua đi tìm người tài giỏi, chàng trai được mời về giúp việc chống giặc. Vị tướng trẻ này đêm đêm phục lặn dưới sông, đục thuyền giặc, nhận chìm của chúng rất nhiều. Thuyền giặc sợ hãi rút lui về đất Bắc. Vua thưởng công, cho chàng về quê, khi đến địa phận xã Hà Lộ, tỉnh Thanh Hóa thì mất. Vua phong làm Đại vương, cho đưa an táng ở quê nhà. Còn giao cho xã Hà Lộ lập đền thờ. Từ đó hiển linh. Mỗi khi có giặc xâm lăng, vua cho tướng sĩ đi đánh, qua miếu cúng lễ, thường được thần báo cho biết thần tên là Hoàng Tô xin giúp cho quân nhà vua thắng giặc. Đời Lý, đời Trần đều như thế, Đời nhà Lê, khi khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi sai Lê Thận đến cầu thần phù hộ nên đã thành công, sau đó vua cho tướng Lê Khôi đến tạ ơn. Những đời sau, khi có việc cầu mưa, cầu lộc đến xin thần đều được như ý. Triều vua nào cũng có sắc phong.

Chuyện Hoàng Tô đục thuyền giặc còn được kể khác như sau :

Vào thời nhà Trần nước ta có giặc ngoại xâm. Thế giặc rất mạnh, quân bộ có tới hàng vạn, quân thủy có hàng trăm chiến thuyền. Thuyền giặc cắm chặt cả một quãng sông. Ngày ngày chúng cho thuyền đến khiêu chiến. Nhà vua tự lượng sức mình chưa thể đánh lui được giặc bèn triệu quần thần để hỏi. Các cận thần xin nhà vua nên cử người đi khắp đất nước để cầu hiền tài, tất có người lui được giặc. Nhà vua nghe theo bèn cử sứ giả đi khắp bốn phương để tìm người tài trí.

Sứ giả về đến địa phương (bản Thanh Hóa nói là Hà Lộ, bản Nghệ An nói là Vạn Phần) gặp được người thanh niên có tài lạ, liền mời về triều. Nhà vua cử làm tướng cho đi đánh giặc ông đem quân đến đối địch với thuyền giặc, ngày ngày địch khiêu chiến nhưng ông vẫn án binh bất động. Đêm đến ông lặn xuống sông đục thuyền rồi nhận chìm thuyền của giặc có đến vài mươi chiếc, có đêm ba bốn chục chiếc. Công việc cứ như vậy mà bọn giặc không hề hay biết, chỉ thấy mỗi ngày thuyền giảm đi một ít. Đến lúc thấy số thuyền chỉ còn một nửa mới sợ hãi thu thập tàn quân lui về phía Bắc.

Trở về triều ông được vua Trần ban sắc và phong: "Sát hải chàng lại đại tướng quân khâm mệnh Tông thống sung chức Hải phòng chính tướng".

Đến năm thứ năm niên hiệu Thiệu Bảo. Giặc Nguyên lại sai Ô Mã Nhi xâm phạm đất nước ta. Nhà vua lại sai các tướng đi đánh giặc. Hưng Đạo Đại vương thấy ông là người giỏi thủy chiến nên sai ông đem chiến thuyền đi trước để chống nhau với Ô Mã Nhi. Lần này quân giặc thua to, tướng giặc bị bắt. Sau chiến thắng bình công ông được phong thêm bốn chữ "Trần Triều Minh Tự" tước quận công.

Ngày trở về quê quán nhà vua thưởng nhiều vàng bạc vóc lụa. Khi về đến xứ Còn thần làng Hà Lộ, huyện ằng Hóa (Thanh Hóa) không có bệnh mà từ trần.

Nhà vua được tin, nghĩ đến công lao đánh giặc cứu nước nên ban sắc phong "Đệ nhất tối linh đại vương" đồng thời sức cho dân làng Hà Lộ lập đền thờ phụng sự. Nhà vua còn cấp người coi giữ, xã trong tổng huyện phải có lễ vật đem đến cúng tế.

Nước Việt từ cuối đời Hùng Vương ở xã Lê Phần, tổng Lê Phần phủ Diễn Châu, Châu Hoan (nay là trấn Nghệ An) có nàng trinh nữ tuổi ngoài đôi mươi. Một hôm ra bên sông gánh nước, thấy trên bờ có con trâu, ngỡ rằng đó là trâu cày đi tắm, bèn xuống sông lấy nước. Lúc lên bờ, bắt chợt con trâu đột ngột tới hít hơi nàng, nàng đuổi thế nào cũng không được bèn lấy hốt (đòn gánh) quật luôn ba cái, con trâu nhảy tòm xuống nước. (Nàng) ngoảnh nhìn xung quanh chẳng thấy bóng hình, mà hương thơm sực nức không tan, còn thơm hơn hương huệ hương lan. Nàng nhìn kỹ đầu đòn gánh, thấy có 4, 5 cái lông đuôi (của con trâu) dính bết vào đó, bèn dùng tay nhặt ra gói vào dải yếm đã sòn, rồi gánh nước đi về người tự xưng khác lạ

đầy hương thơm, ngào ngạt khắp nhà. Một tháng sau nàng mang thai. Chửa 14 tháng, sinh hạ được một người con trai. Cái đêm sinh ra cậu bé, một luồng lửa đỏ rực cả nhà. Lớn lên, cậu trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú, học thức uyên thâm, đi trên mặt nước tựa hồ bước giữa đất bằng, lại có thể lặn dưới nước cả ngày chưa lên. Người trong làng là làm lạ và rất ngạc nhiên về con người này, cho rằng thằng bé này ngày sau sự nghiệp hẳn là phải đến ngôi đại vương. Đến đời Thục, An Dương Vương cướp ngôi vua Hùng, ở ngôi được vài năm, vừa lúc có giặc phương Bắc tràn sang xâm lược nước ta. Vua bèn sai tướng lĩnh (cầm quân) ra chống cự, thuyền chiến có hơn 300 chiếc, trấn giữ khúc sông lên sông Nhị Hà, ngày ngày đánh nhau với thuyền giặc Lạc hầu tự lượng sức mình không địch nổi giặc bèn bàn với Lạc tướng khuyên vua nên sai sứ giả tìm người tài trong thiên hạ thì mới mong đẩy lùi được giặc. Vua nghe theo, bèn sai sứ giả đem lệnh đến vời ông. Ông lập tức nhận nh, theo sứ giả về yết kiến vua. ông đem binh mã khí giới đến phía tây sông Nhị Hà, bày binh bố trận. Đêm đêm ông ngầm lặn dưới sông đục phá tàu giặc, mỗi đêm phá 20 chiếc, có đêm đến 30 chiếc. Quân giặc không hề hay biết. Về sau quân giặc thấy tàu ngày một voi đi. Chỉ còn khoảng một nửa, thì vô cùng sợ hãi, lập tức ngày hôm sau cho thuyền chạy về đất Bắc. Ông được vua thưởng công tích, phong tặng là Đại Liêu, ngồi vào hàng trên trong đám bề tôi ở triều đình. ông xin trở về quê quán là Trang Trại. Vua ban thưởng kim ngân, cho ông vinh quang trở về xứ Cồn Thần thuộc địa giới Hà Lộ Thanh Hóa. Lần ấy ông hóa bay lên trời. Vua nghe tin than tiếc không nguôi, tặng phong là Đệ nhất tế linh đại vương, sức cho quân đưa thuyền chở ông về Lê Phần Nghệ An để mai táng. Lại sức cho các xã thôn cùng Hà Lộ lập đền thờ phụng, cho người trông coi. Từ đó việc cầu đức rất thiêng. Năm giáp thìn vào một ngày tháng ba, vua ngự đến Hoàng giang, chợt thấy một người rẽ nước đi lên, vẻ mặt rạng rỡ. Vua lấy làm lạ về người đó, bèn hỏi họ tên. Người đó đáp: Mỗ họ Hoàng tên Tô, vâng mệnh trời giáng sinh làm bậc dân thường. Trong nháy mắt người đó biến hóa không biết đi đâu. Vua càng lấy làm lạ. Bấy giờ nhiều con thủy quái nước quấy rối, sinh dân cực khổ. Vua nhân đó khẩn xin với thần, (rồi) sai tướng ra quân tiêu trừ lũ yêu quái. Lúc đó phó tướng chỉ huy là Nguyễn Hiệu, đem quân ra trước miếu ở biển thấp hương cầu nguyện. Dường như cơ sự linh thiêng giúp dập, tướng sĩ vào trận chiến đấu, hướng theo ngọn gió bay. Quả nhiên tướng sĩ vào đánh, cuối cùng bắt được lũ quỷ, thắng lợi hoàn toàn. Trở về tâu vua Thiên thần giáng tích ở miền Hà Lộ rất là linh thiêng: vua liền truy tôn bao phong mỹ tự cho ông. Từ đó trải các đời

vua các xã thôn hễ cầu là ứng thật là linh nghiệm. Đến triều Lý, vua Lý Thánh Tông ngày 24 tháng 12 năm thứ 11 (1064) có một ngôi sao lửa từ trong miếu bay lên trời. Từ đó có cầu cũng ít thiêng, hương lửa cũng có phần thừa thớt. Đến niên hiệu Thần Tôn giờ thân ngày 24 tháng 2 năm bính tý là năm thứ 11 (1138) bỗng quanh miếu nổi mây mưa tối sầm lại. Lúc đó người trông miếu từ trong thôn chạy ra miếu đã thấy quân quan nghi vệ ở đó rất đông, ông ta hoảng sợ chèn báo với dân làng hương trưởng, chỉnh tề y phục cùng đến miếu tiền bái tạ. Chỉ thấy mây. Rồi mây mưa từ từ tan, trời sáng lại liền vào trong đền trú thực. Đến nửa đêm ông mộng thấy thần nhân báo "Ta từ xưa vâng mệnh thiên đế, trông coi hạ dân, đã mấy lần xuất thế thác vào Hiến Thành, để dựng cơ nghiệp nhà Lý - Nay trở về miếu xưa, để che chở các người mãi mãi được hưởng phúc". Ông hương trưởng ngạc nhiên trở dậy báo với mọi người cùng dậy ra bái tạ. Từ đó trở đi dân lấy ngày đó làm ngày giờ hóa sinh của ông. Cầu đảo lại linh nghiệm như xưa. Triều nhà Lê đời vua Thái Tổ, đốc chí dựng nghiệp, khởi binh từ Lam Sơn ngầm sai Lê Thận ra sông xuống biển, đêm đến trước miếu, ngầm khấn cầu thần linh giúp nước cứu dân, cuối cùng được yên. Đến năm Mậu Thân dẹp được giặc Ngô, đánh đuổi ngoại xâm, lập nên nghiệp nước nhà vua sai Tán quốc công Lê Khôi vâng mệnh chỉ huy đốc thúc các quan phủ huyện đến miếu yết hạ. Ngày 23 tháng 5 năm bính tý thứ 7 (1625) gặp lúc trời làm hạn hán, có ra lệnh cho quan khâm sai đến cầu mưa liền được mưa. Rõ ràng rất là linh ứng, được vua ban sắc là Thượng đẳng thần, sai các quan phủ, quan giáo, quan huyện cùng đến miếu triều, hành lễ cúng tế. Từ đó hễ khi gặp hạn hán, thì phải báo cho nhau biết, các xã thôn trong tổng cùng đến đền Hà Lộ, lập đàn cầu đảo, ngóng chờ công đức của thần, được hưởng ơn mưa nước. Hễ có sắc ban ra thì các thôn xã trong tổng, phải mang cờ trống, xã thôn nào thì xã thôn ấy đón rước. Và ắt là thấy rõ rệt sự linh thiêng.

CÁC NỮ TƯỚNG HỌ ĐÀO

Tương truyền, đời nhà Trần, ở khu Ngọc Loan, trang Đại Dữu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Bắc Giang có gia đình hào phú tên là Đinh Khắc, vợ là Cao Thị Thường. Ông bà tuổi đều ngoài bảy chục, tính nết hiền hòa, yêu mến con người và loài vật. Một hôm ông đi đến địa phận Đông Lan, không hiểu có phải lòng trời xui khiến hay không. Ông thấy 5 cô gái ngồi bên đường. Hỏi lai lịch xong, ông đưa về nhà nuôi. Đó chính là 5 cô gái họ

Đào mồ cô bố mẹ. Dưới sự chăm sóc nuôi dạy của gia đình họ Đinh, năm cô gái lớn lên đều tỏ ra có tài năng thao lược, đặc biệt là nàng An - tài năng trội hẳn, được nhân dân địa phương kính trọng.

Hồi ấy giặc Chiêm Thành vào cướp phá, năm vị nữ tướng chia nhau mỗi người ra đóng đồn một khu, chiêu tập gia thân các họ làm tì tướng cho mình. Trong danh sách tì tướng, có Đinh Công Tài, Cao Công Độ, Đỗ Thiết Hoàng, Bùi Việt Dũng nổi lên là những tay nội đao lực sĩ. Sau khi dẹp yên giặc, vua cho vời tất cả bản khu làm lễ khao thưởng linh đình.

Tương truyền niên hiệu Bảo phù thứ nhất, vào ngày rằm tháng tư, nhân dân bản khu nghe thấy ba tiếng gầm lên như sấm. Họ đổ ra xem thấy ba cô gái ăn mặc lộng lẫy từ mộ nàng An bước ra. Ba cô cầm ba lá cờ trắng, múa ở sân hành cung rồi biến mất. Đến đêm hôm sau, 16 tháng tư, bốn ông họ Đinh, Cao, Đỗ, Bùi đều mất. Nhân dân bản khu làm lễ an táng các ông thật trọng thể. Đinh công Tài táng ở xứ Đồng Vang, kiểu đất trán rồng. Cao Công Độ táng ở xứ Đồng ruồi, gò kim tinh (gò hình tròn) đằng trước có hình binh mã lai triều, tục gọi là xứ Mả thiện. Đỗ Thiết Hoàng táng ở xứ Mả Le, đằng trước có thổ tinh (gò hình vuông) tác án và Bùi Việt Dũng táng tại hình con mộc, tục gọi là Mả le.

TRẦN SỸ , TRẦN CHÍNH, TRẦN AN, TRẦN HUỆ

Tương truyền ở trại Túc Mạc, phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định có một người tên là Trần Liễu, vợ là Bảo nương. Một hôm hai ông bà dựa vào hàng lan can ở đông cung nằm mơ thấy một ông cụ già râu tóc bạc phơ mình mặc giáp vàng, cưỡi con hổ xám đứng ở trước mặt tay cầm hai cái râu rồng nói: *“Vợ chồng người phúc hậu thiên đình cho ta đem hai cái râu rồng ban cho nhà ngươi, sau này để con trai làm nên sự nghiệp hộ quốc cứu dân”*. Sau đó Bảo nương lại chiêm bao thấy con hổ xám từ trên trời xuống chui vào miệng nàng. Khi tỉnh mộng nàng thấy trong bụng chuyển động rồi có mang. Đến giờ dần, mồng sáu tháng giêng, năm bính tý, trong phòng bỗng có hương thơm sực nức. Bảo nương đẻ ra cái bọc có hai con trai, tướng mạo

đường đường là bậc anh hùng xuất chúng. Trên vàng trán có bảy cái lông mọc hướng lên trên đầu.

Đến ngày rằm tháng hai năm mậu thìn, Bảo nương lại đẻ một bọc có hai con trai, mặt đỏ như vàng hồng mới mọc, cầm én mày ngài cực kỳ tuấn tú. Năm lên năm tuổi mẹ đặt tên cho con thứ nhất là Sĩ, con thứ hai là Chính thứ ba là An, con thứ tư là Huệ, Khi bảy tám tuổi các cậu theo học trường Lý Đường tiên sinh được bảy tám năm, thông suốt bách gia chư sử, tài kiêm văn võ. Khi vua Trần Thái Tông khai khoa tuyển lựa nhân tài, bốn người vào ứng thi đều đậu cao hơn mọi người. Nhà vua phong bốn người làm Đông các học sĩ, Thái bảo Tây các, Tham tán mưu sự. Bốn người làm việc tại triều hơn mười năm thì quân Mông Cổ tiến sang xâm lược nước ta. Nhân khi có loạn ngoại xâm, trong nước một số địa phương bọn côn đồ vô赖 lên cướp phá tài sản nhân dân, các ông đều dẹp yên được. Sau khi làm tròn nhiệm vụ tuần tiễu, các ông trở về địa phận Hoàng Xá. Trời nhá nhem tối, các ông tạm vào trú quân tại chùa. Các ông ở khoảng ba bốn ngày, nhân dân đau ốm rất nhiều. Họ làm lễ cầu cúng kỳ an, trong khi làm lễ trời đất chuyển động, mây đen che phủ mặt trời, bỗng thấy một vị tay cầm bông hoa, ngồi trên đàn chay phán: *"Ta là long thần chúa tể một phương báo cho dân biết: Nay trời sai bốn vị làm đương cảnh thành hoàng, dân chúng mau mau cắt cử mấy viên hào mục nghênh tiếp lạy mừng bốn vị và bảo nhau xây dựng hành cung để thờ phụng các ngài"*. Nhân dân kéo nhau ra chùa làm lễ lạy tạ bốn vị và tình nguyện xin làm tôi con, được bốn ông hài lòng phê chuẩn. Từ đó nhân dân yên ổn làm ăn thịnh vượng. Triều đình có lệnh mời bốn ông về triều bàn kế đánh giặc Dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo vương, các ông lập nhiều chiến công rực rỡ. Sau khi chiến thắng vua trở về kinh đô, bốn ông được phong chức tước. Ông Sĩ làm thượng thư bộ Lễ, ông Chính làm tham tri bộ Công, ông An làm thượng thư bộ Hình, ông Huệ làm thượng thư bộ Hộ. Làm quan tại triều được năm sáu năm, vì tuổi già sức yếu nên các ông xin nhà vua cho về nghỉ tại Hoàng Xá và xin vua cho lấy xã này làm nơi vạn niên hương hỏa của mình, được nhà vua phê chuẩn. Bốn ông về Hoàng Xá nghỉ ngơi an dưỡng tuổi già. Một hôm trời nổi bảy tiếng sét dường như rung chuyển núi sông, ban ngày mà tối đen như mực, trong mình của các ông bỗng có những con rồng đến bay ra biển mất, các ông đổ mồ hôi như mưa, thế là cùng hóa một lúc. Ngày ấy là ngày mười lăm tháng chạp năm giáp thìn. Dân Hoàng Xá làm lễ an táng ở trong bản ấp và dựng

bốn ngôi đền cạnh lăng tẩm. Vua Trần nghe tin bèn truy phong là thượng đẳng phúc thần.

BỐN ANH EM HỌ NGUYỄN

Tương truyền triều Trần, ở xã Lưu Xá huyện Đông Yên xứ Sơn Nam có vị bộ chúa tên là Nguyễn Đức, vợ là Khổng Thị Liên (người cùng làng). Đức công giỏi thuốc nam, cứu chữa được nhiều người, Khổng Thị làm bà đỡ. Ông bà tu nhân tích đức mà con cái muộn mản. Một hôm Nguyễn công đi hái thuốc ở núi chùa Thầy, bỗng gặp một ông tiên đầu râu tóc bạc, áo mũ chỉnh tề, tay cầm gậy trúc theo sau là đức tiểu đồng, Nguyễn công tỏ vẻ cung kính hỏi: *“Dám hỏi tiên ông ở đâu đến đây xin người chỉ giáo cho tôi: gia thế của tôi và cả đến đời tôi chỉ làm nhân đức không hiểu tại sao vợ chồng chúng tôi bốn năm mươi tuổi rồi mà con trai chưa có?”* Tiên ông cười mà rằng: *“Đất hấn do đức mà được, đức cũng nhờ đất mà sinh”*, tiên ông bèn cầm gậy chỉ ngôi đất phát phúc cho Nguyễn công biết và bảo về đem mã gia tiên đến táng, hạn sau một năm ngày sẽ có báo ứng. Tiên ông đọc thơ :

Họ Nguyễn này ơi nhà họ Nguyễn

Phượng hoàng nên dựa bóng ngô đồng

Lòng trời đã định người sao biết

Tứ bảo sinh ra thật lạ lùng.

Tiên ông đọc xong thì biến mất. Nguyễn công tuân lời chỉ giáo bèn dời mộ gia tiên đến bản xứ, táng được một trăm ngày, đêm chiêm bao thấy ba con hổ màu vàng chạy xông vào nhà, theo sau ba con hổ là một con chim phượng hoàng. Những con vật này đều chui vào mồm Khổng Thị, bà sợ hãi hét lên ba tiếng rồi tỉnh dậy. Từ đó Khổng Thị có thai, đến giờ ngo, mồng mười tháng giêng, năm Đinh mùi trong phòng bỗng có mùi thơm sực nức, ánh hào quang sáng rực. Bà đẻ ra một bọc ba con trai, mặt mũi khôi ngô, khác hẳn người thường. Sau một trăm ngày, nói năng thông minh, tính lại hay gằm thét, cha mẹ đặt tên con cả là Minh, con thứ hai là Hiền, con thứ ba là Linh. Đến sáng ngày mười hai tháng ba năm Kỉ Dậu lại sinh được một

cô con gái, mặt đầy đặn như trăng rằm. Mắt sáng long lanh như sao, phong tư thật là khác thường cha mẹ rất yêu mến, bèn đặt tên là nàng Nga.

Năm các cậu lên mười, cha mất sớm, chỉ còn mẹ già. Một hôm Khổng Thị gặp bà cụ già ở giữa đường. Bà cụ nói: *"Nàng sinh được bốn người con đều là những con quý báu"*. Khổng Thị hỏi: *"Tại sao cụ biết?"*. Bà cụ nói: *"Ta có nghề xem tướng tinh lắm"*. Khổng Thị muốn mời cụ về nhà, song cụ không đi mà chỉ tặng cho một hạt dưa hấu đem về gieo rồi nói: *"Khi có quả ba trăm ngày thì chín, sau đó bỏ cho các con ăn. Nhớ rằng đừng có hái non"*. Khổng Thị đem hạt dưa gieo xuống đất thành một gốc dưa rất tốt, sau có quả rất to. Khổng Thị sợ các con ngắt non, coi giữ được hơn một trăm ngày. Một hôm bà đi chợ bốn con ở nhà hái dưa bỏ ăn hết sạch. Khổng Thị về chợ thấy các con đã ăn hết quả dưa, bà tiếc nhưng không làm sao được. Sau khi ăn dưa hấu, mấy anh em trở nên mạnh khỏe giỏi giang, có khí khái anh hùng. Bao nhiêu hào kiệt trong phủ huyện đều qui phục cả. Ban đầu họ nhóm họp được một số quân là hơn năm trăm người, truyền dựng đồn trại ở các nơi còn họ hàng ngày ngụ tại chính cung Lưu Xá. Bốn anh em có dị chí muốn tiếm quốc, ba ông tự xưng là ba vị đại vương, Nga nương tự xưng là Đệ Thất Thanh oai công chúa. Trần Thái Tông nghe tin sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh, đánh nhau năm sáu hợp không phân thắng bại. Nàng Nga múa gươm xông vào đồn quân nhà Trần chém được hơn mười thủ cấp, quân Trần thua to. Bốn vị đánh thắng trở về đồn cũ, truyền lệnh quân dân giết trâu bò làm lễ cầu đảo thiên địa bách thần âm phù cho thắng lợi. Trong khi đang hành lễ bỗng xuất hiện một toán binh mã mặc toàn màu trắng từ trên trời kéo xuống đến trước sân bảo tàng: *"Ta là Tản Viên Sơn Thánh, vâng mệnh thượng đế truyền bảo các ông: Dưa hấu chưa chín mà đã ăn sớm thì chưa thành được nghiệp lớn đâu. Và lại lòng trời còn vun đắp cho nhà Trần, các ông đừng phải phù tá nhà Trần, chớ nên trái mệnh trời mà để tai vạ cho sinh linh trăm họ, việc làm vừa qua của các ông không nên! Không nên!"*. Từ đó các ông cố thủ một phương không dám đem quân khiêu chiến với nhà Trần nữa. Một hôm Trần Thái Tông nằm nghỉ tại điện Đông cung, mơ thấy một người đi thẳng vào cung đình, vua hỏi thì người ấy tâu: *"Tôi là thiên sứ vâng mệnh trời xuống trần báo cho nhà vua một việc, xin nhà vua mở tờ giấy này sẽ biết"*. Nói xong, thiên sứ đưa mảnh giấy cho vua xem, trong đó viết: *"Sau ba năm nữa Mông Cổ đến, Nguyên tặc quân hùng rắc họa tai. Muốn được thanh niên yên bốn bể, Nguyên gia bốn nỗi anh tài"*. Nhà vua tỉnh mộng cho là trời báo điềm chinh chiến, song trời cho người

tài giúp nước đánh giặc, bèn làm lễ tế cáo thiên địa. Sau đó vua Trần đưa hịch chiêu dụ bốn anh em lai kinh bái yết. Bốn anh em về triều, vua Trần mừng, phong cho ba người làm chức Điện quân thị vệ, lại phong cho Nga nương tước Đệ thất thanh oai công chúa cùng trấn thủ ba xứ Hải Dương, Sơn Nam và Kinh Bắc. Từ đó thiên hạ thanh bình, trong nước yên ổn. Được một thời gian không lâu thì quân Mông Cổ kéo sang xâm lược. Dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo vương, Minh công, Hiến công, Linh công và Nga nương công chúa đem một vạn quân lên các triền sông Thao Giang, Lê Giang, Nhị Hà. Nhà vua thân chinh cầm quân đánh giặc. Quân giặc tiến đánh Đông Bộ Đầu, Lê Phụ Trần bị bao vây rất hiểm nguy; Phụ Trần không giải vây được Anh em Minh công đem quân tiếp chiến, đại phá Mông Cổ giải vây cho Phụ Trần. Phụ Trần thấy quân giặc rất đông, tâu với vua: "*Quân giặc rất đông nên tạm rút lui về đóng ở miền sông Lô để nuôi dưỡng quân sĩ, luyện tập cho thật tinh nhuệ sau sẽ tiến công*". Nhà vua lui về Thao Giang được khoảng mười hôm thì quân giặc đã tiến vào La Thành. Nhà vua chia binh tiến công giặc bốn anh em phụng mệnh giữ Quảng Lăng, Khoái Châu. Trong chiến đấu tay đao của ba ông cũng như tay kiếm của nàng Nga làm cho quân Nguyên rụng đầu la liệt. Sau khi chiến thắng quân Nguyên, bách quân và chư tướng đều được ban chức tước. Bốn anh em đều được phong tước đại vương, nàng Nga được phong là công chúa. Các ông về thăm quê nhà. Được nhà vua cho phép và ban ba chục nén vàng. Thời gian thăm quê, thân mẫu các ông tạ thế, các làm lễ an táng tại bên sông Quảng Lăng. Sau đó, nhà vua bổ nhiệm các ông đi trấn thủ Sơn Nam, Hải Dương, làm quan ở ngoài hơn hai chục năm thì nhà vua vời lai kinh... Trước lúc lên đường lai kinh, các ông triệu tập nhân dân Lưu Xá ban cho mười lạng vàng làm khoản chi vào hương hỏa sau này. Căn dặn vừa dứt lời, trời bỗng tối tăm mù mịt, trên trời nổ ba tiếng sét dữ dội, các ông cùng hóa một lúc. Nhân dân dâng biểu tâu lên triều đình, được nhà vua truy phong làm Trung đẳng phúc thần, chuẩn y cho xã Lưu Xá thờ cúng. Đến triều vua Lê Thánh Tông, các ngài từng hiển linh giúp nước và đã được các vị đế vương gia phong duệ hiệu.

BÙI GIA LIÊU

Tháng ba nhuận năm Tân hợi (1371) niên hiệu Thiệu Khánh thứ hai đời vua Trần Nghệ Tông. Vua Chiêm thành là Chế Bồng Nga thân làm tướng mang quân vượt biển vào cửa Đại An xâm lược nước ta. Thủ ngự ngã ba Hoàng

giang là Bùi Gia Liễu dàn trận đón đánh toán quân tiên phong của giặc. Quân Trần chiến đấu anh dũng và hy sinh gần hết. Bùi tướng quân bị giặc chém trúng một đao, đầu gần lìa khỏi cổ, ông một tay giữ đầu, một tay cầm lá chắn phi ngựa vượt vòng vây, chạy về làng Vô Hoạn là quê hương ông. Khi chạy đến Trại Đồng, gặp một quán hàng, Bùi tướng quân dừng ngựa hỏi bà chủ quán: Ta bị thương như thế này liệu có sống được không? Bà hàng đáp: Đầu của ngài bị chém còn một tý da dính vào cổ thì sống làm sao được.

Bùi Tướng quân nghe xong bùi ngùi nước mắt nhìn về cung Thiên Trường (Tức Mặc), lại ngoảnh về làng Vô Hoạn, đoạn cho ngựa sai vài bước ra cánh đồng, ném cái lá chắn xuống đất rồi ngã xuống ngựa mà hóa, qua một đêm mới đùn thành mộ. Nhân dân trại Đồng lập miếu phụng thờ. Đến đời Lê Trung hưng được nhà vua phong sắc, đền miếu được xây dựng nguy nga to lớn, trải mấy trăm năm đến nay đã có nhiều lần tu sửa, và hương khói phụng thờ. Cửa đền có hai đôi câu đối nói lên sự tích của thần:

1- Vạn cổ trường tồn tráng kiện anh thanh tế Lã tướng.

Thiên thu bất hưởng ân uy linh ứng tỵ đồng nhân.

Nghĩa là:

Muôn thừa còn mãi mãi mạnh mẽ hiển hách thay, tiếng tăm sánh từng Lã gia.

Nghìn năm như hằng thấy phù hộ dân làng trừng phạt kẻ ác, linh thiêng che chở dân Đồng (phù).

2- Hoàng Giang nhất chiến kinh chiêm khẩu.

Đồng dã dư linh tổ phúc thần.

Nghĩa là:

Một trận đánh ở sông Hoàng giặc Chiêm kinh sợ.

Uy linh còn lại làm phúc thần ở Đồng (phù)

Bên cạnh đèn thờ có một phiến đá xanh, tương truyền đó là cái lá chắn của Bùi tướng quân hóa đá.

TRẦN QUỐC TUẤN

Trần Quốc Tuấn sinh giờ Tý, ngày mùng 10, tháng chạp, năm Mậu tý (1228), cha là An Sinh Vương Trần Liễu anh ruột là vua Trần Thái Tông, mẹ là Nguyệt Vương Phi. Lúc mới sinh ra, có thầy tướng tiên đoán: "Người này ngày sau có thể giúp nước cứu đời". Đến tuổi trưởng thành, dung mạo khôi ngô thông minh hơn người, xem khắp các sách, tài gồm văn võ. Tháng chín năm Đinh ty (1257), Trần Quốc Tuấn được phong Tiết chế hai đạo quân tả, hữu ra ngăn giữ biên giới, chống cự quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ nhất.

Mùa thu, năm Quý mùi (1283), vua Nguyên sai con là Thái Tử Thoát Hoan và nhiều danh tướng huy động 50 vạn quân chuẩn bị sang xâm lược. Vua Trần phong Trần Quốc Tuấn làm Quốc Công Tiết chế thống lĩnh quân sự. Con trưởng của Hưng Đạo Vương là Nghiễn được phong Hưng Vũ vương, con thứ hai là Uất được phong Hưng Hiến vương, con thứ ba là Tảng được phong Hưng Nhượng vương, con thứ tư là Hiên được phong Hưng Trí vương, đốc xuất quân các xứ Bàng Hà, Na Sầm, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn tổng cộng 20 vạn người theo Hưng Đạo vương để chống quân Nguyên - Mông.

Hưng Đạo vương, soạn sách "*Binh gia diệu lý yếu lược*" để dạy các tỳ tướng, làm bài hịch kêu gọi toàn dân đánh giặc Nguyên - Mông kẻ thù không đội trời chung. Hưng Đạo vương lại chép nhật các nhà làm "*Đồ Bát quái cửa cung*", "*Vạn kiếp tông bí truyền thư*" làm sách gia truyền dạy cho con cháu giỏi phép cầm quân.

Ngày 3 tháng 3 năm Ất dậu (1285), Hưng Đạo vương cùng hai vua Trần đi ở phủ Trường Yên, chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết; Quan quân chiến thắng giặc ở nhiều nơi, ngày 20 đánh bại giặc ở Tây Kết, quân giặc chết và bị thương rất nhiều, chém được Nguyên soái Toa Đô. Nửa đêm Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hoá, quan quân đuổi kịp bắt được hơn 5 vạn người đem về. Ô Mã Nhi chỉ còn một thuyền lớn vượt biển trốn thoát.

Hung Đạo vương lại cùng với Thái tử Thoát Hoan và Lý Hằng đánh nhau ở Vạn Kiếp, giặc thua, chết đuối rất nhiều. Lý Hằng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư - Ninh. Quân ta dùng tên thuốc độc bắn trúng đầu gối bên tả của Lý Hằng. Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt được 5 vạn tàn quân, dùng ống đồng giấu Thoát Hoan vào trong để trốn về Bắc. Hưng Võ vương đuổi theo bắn trúng Lý Quán chết.

Ngày 6 tháng 6 Hưng Đạo vương rước hai vua Trần về kinh sư, đến tháng chín đổi niên hiệu là năm đầu Trung Hưng.

Tháng giêng, năm Trùng Hưng thứ hai (1286) thả hết quân Nguyên - Mông bị bắt cho về nước. Tháng 3, vua Nguyên sắc phong Thượng Thư Sảnh là Áo lỗ Xích, Bình chương sự là Ô Mã Nhi, Đại tướng Trương Văn Hổ điều động 50 vạn quân hai miền Hồ - Quảng làm 300 thuyền đi biển, hẹn đến tháng tám, họp cả ở Khâm Châu, Liêm Châu và sai đem quân Giang Chiết, Hồ Quảng và Giang Tây xâm lấn phương Nam, Mượn cớ đem người đầu hàng là Trần Ích Tắc con vua Trần Thánh Tông về nước lập làm An Nam quốc vương. Vua Trần Nhân Tông hỏi Hưng Đạo vương *“Thế giặc năm nay thế nào?”*. Vương trả lời: *“Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh, cho nên năm trước quân Nguyên xâm lấn, thắng hoặc có người đầu hàng, có người trốn tránh. Nhờ uy linh của tổ tông và thần võ của bệ hạ đã quét sạch rợ Hồ, nay nếu lại sang thì quân ta đã quen việc đánh dẹp mà quân họ thì ngại về đi xa; vả lại họ vẫn sợ về sự thất bại của Hằng và Quán, không có lòng chiến đấu nữa. cứ ý thần xem thì tất đánh tan được”*. Vua bèn sai Hưng Đạo vương tổng đốc các Vương hầu tôn thất điều quân và làm đồ khí giới thuyền g.

Tháng 2, năm Đinh Hợi (1287), nhà Nguyên phái quân ba hành sảnh, quân Mông Cổ, quân Hán Nam, cùng quân Vân Nam và quân người Lê ở 4 châu ngoài biển chia đường vào cướp nước ta. Sai Vạn hộ hầu Trương Văn Hổ chở 70 vạn斛 lương dò đường biển đi theo, lại đặt Chính Giao chỉ hành Thượng thư sảnh, cho Áo Lỗ Xích làm Bình chương sự, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự phụ trách, Điều chi tiết chế của Trần Nam vương, Thoát Hoan. Các quan chấp chính xin chọn người khoẻ mạnh để tăng quân số, Hưng Đạo Vương nói: *“Quân cần tinh không cần nhiều, dù đến Bồ Kiên có 100 vạn quân, có làm gì được?”*.

Ngày 24 tháng 11, Hung đức hầu Quán dùng tên thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lui về đóng ở cửa ải Vũ Cao. Ngày 28 Phán thủ thượng vị Nhân đức hầu Toàn đem thủy quân đánh ở vụng Đu Mỗ, giặc chết đuối rất nhiều, bắt sống 40 tên và thuyền ngựa, khí giới về dâng, ngày 26 tháng 12 quân giặc lại bị quân ta đánh thua. Ngày 8 tháng giêng năm Mậu tý (1288) quan quân hợp nhau đánh ở ngoài biển Đại Bằng, bắt được 300 thuyền đi tuần của giặc, chém nhiều thủ cấp. Quân Nguyên bị chết đuối rất nhiều. Ngày 8 tháng ba, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng, để đón thuyền lương của bọn Trương Văn Hồ nhưng không gặp, Hung Đạo vương đem quân đánh, giặc bị thua. Trước đây Hung Đạo vương đã đóng cọc dòng sông Bạch Đằng phủ cỏ lên trên, ngày hôm ấy nhân nước triều lên, vương cho quân khiêu chiến, rồi giả thua, quân giặc bị vướng cọc. Tướng quân Nguyễn Khoái đem quân Thánh dực nghĩa dũng đánh nhau với giặc bắt được Bình chương Áo Lỗ Xích. Hai vua đem quân tiếp ứng đánh hăng, quân Nguyên bị giết và chết đuối không kể xiết, nước sông loang máu đỏ ngầu. Đến lúc quân của Trương Văn Hồ đến, quân phục hai bên bờ sông ra sức đánh, giặc lại thua. Nước triều xuống mạnh, thuyền lương của Trương Văn Hồ gác lên trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Quân Nguyên chết rất nhiều, lại bắt thêm được 400 chiếc thuyền đi tuần. Nội Minh Tự bắt sống được Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc. Trần Nam vương Thoát Hoan và A Đài đem quân trốn về Tư Ninh. Hai vua Trần trở về Long Hưng, ngày 17, đem các tướng của giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ Ngọc, nguyên soái và các Vạn Hộ Thiên Hộ làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng. Vua Trần Nhân Tông thấy chân ngựa đá ở lăng tẩm đều bị lấm bùn, cho là thần linh ngầm giúp khi làm lễ yết có câu thơ:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã.

Sơn hà thiên cổ điện kim ân

Tạm dịch:

Xã tắc hai phen chôn vó ngựa (đá)

Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Hung Đạo vương được phong: *Thái Sư, Thượng Phụ, Thượng Quốc, Bình Bắc Đại nguyên soái Hưng Đạo đại vương*. Khi vào chầu được ngồi tầu

không phải xưng tên.

Hung Đạo Đại vương mất tại Vạn Kiếp vào ngày 20 tháng 8 năm Canh tý (1300). Nhiều làng xã trong mọi miền đất nước nhớ công ơn lập đền thờ. Có ngôi đền ở Lạng Giang trong cung thờ Hung Đạo Đại vương có thanh gươm đặt trong hộp gỗ nhỏ.

Mỗi khi trong nước có giặc thì đến tế ở đền, hề thấy gươm trong hộp có tiếng kêu là đại thắng.

Có đôi câu đối:

Bất tận minh bi nam Thượng phu

Do truyền hạp kiếm bắc Ô Nhi

Dân làng Tân Liêu đúc tượng Hung Đạo Đại vương thờ ở đNTriệu Việt Vương hoàng đế.

Có đôi câu đối:

Bạch đằng linh tích phong thành kiếm

Thượng trụ sùng huân thạch hữu bi

Tạm dịch:

Giấu thiêng sông Bạch gió thành gươm

Công lớn cột sùng bia khắc đá.

HAI ÔNG HỌ MAI, HỌ NGUYỄN

Tương truyền ở trang Việt An huyện Ma Xương, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoá xưa là nơi hoang vu, bùn lầy nước đọng. Vây quanh bốn phía là nước, đột khởi lên hai cái bãi cao như hình hai con cá bơi trong nước. Đồi xưa đặt tên là Cồn Việt, chính là đất phát trù phú, phồn vinh. Năm Tân hợi, thời

Nguyên Phong, Thái Tông nhà Trần, có hai ông họ Mai họ Nguyễn quê ở trang Việt An hạ, huyện La Sơn, trấn Nghệ An, lánh loạn đến địa phận huyện Ma Xương, trấn Thanh Hoá thấy nơi đây có thể làm ăn sinh lợi bèn đem vợ con đến dựng mấy gian nhà để ở, rồi khai khẩn ruộng đất, đặt tên là trang Việt An. Hai ông thấy một cái gò cao rất anh linh, không ai dám xâm phạm bèn thiết lập đàn tràng dưới bóng cổ thụ, tế đảo trời đất bách thần âm phù tế độ cho nhân khang vật thịnh. Trải mấy năm cầu cúng như vậy dân thấy đất quả thật anh linh, thỉnh thoảng đêm khuya thanh vắng, người ta nom thấy nơi đây lửa bốc cháy nhuộm to, sáng rực cả một vùng. Sáng ra đến xem thì thấy cỏ cây đã bị cháy thành tro rồi. Cho đó là đất thiêng dân lập đền thờ cúng bản thổ linh thần, mười năm sau trở nên thịnh vượng thành một trang ấp rất lớn.

Đến năm giáp ngọ đời vua Anh Tông nhà Trần, hạn hán rất nặng, bảy tháng không mưa, lúa má hoa màu khô héo, dân cực khổ trăm đường, vua lo lắng vô cùng. Bèn cho mở các cửa đền cửa miếu làm lễ cầu mưa, song trời cứ nắng chang chang, chọc không ra một hạt nước. Nhà vua ngự giá đi đảo vũ các nơi. Khi đi qua địa phận bản trang, quân lính quay ra ôm hết, vua lên giọng quở trách rằng: *“Nay thiên tai hạn hán, dân bị khổ cực, thần linh không giúp sức làm mưa, lại làm cho quân ta đau ốm, như vậy sao xứng đáng được Nhà nước và nhân dân thờ cúng”*. Vua dứt lời, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, cột lửa bỗng biến mất, trời nổi sấm sét, đổ mưa chan chứa, bờ nọ tràn bờ kia, đâu đâu cũng đầy ắp những nước, lúa má hoa màu đang khô héo trở lại tốt tươi, nhân dân vô cùng sung sướng. Thấy việc cầu mưa linh ứng, vua ban cho 40 quan tiền để trùng tu miếu mạo, đồng thời sắc phong là: *Đương Cảnh Thành Hoàng Tuế Hiển Linh Quang Hoả Lôi Thiên Trụ Hàm Phu Hoàng Tế Thượng Đẳng Thần Đại Vương*.

Vua Lê Thái Tổ khi hành quân qua đây thấy lửa cháy ngất trời. Nhà vua hỏi phụ lão thì họ tâu trình về sự hiển hách anh linh của thần từ xưa đến nay. Nhà vua bèn cho làm lễ mật đảo, quả nhiên linh ứng, trận ấy có thần nhân giúp sức nhà vua thắng lớn.

PHẠM PHÚC

Tương truyền ở trang Cao Viên huyện Kỳ Hoa, phủ Hà Hoa trấn Nghệ An có một người tên là Phạm Công vợ là Nguyễn Thị, gia thế mấy đời vốn dòng lương thiện. Bà Nguyễn Thị hàng ngày vào núi hái củi làm kế sinh nhai. Một hôm giữa trưa, có một con hồ cứ đi giễu quanh bà. Bà hoảng sợ ngất đi, về nhà cảm động mà có thai. Đến giờ Ngọ ngày 15 tháng 7 năm Quý mão đẻ ra một cậu con trai mặt mũi kỳ dị như dáng con hồ, bèn đặt tên là Phạm Phúc. Đến năm 19 tuổi, tài năng độ lượng hơn người, oai hùng lừng lẫy, tính thích đi thăm cảnh núi, đi đến đâu thường có hùm sói đến chào. Ai cũng cho đây là bậc tướng tài. Năm ông 28 tuổi (tức năm Thiên Khánh nhà Trần), giặc Chiêm Thành sang xâm lược. Nhà vua đem quân đi đánh giặc. Thuyền vua qua dưới núi Thiên Cầm, nghe thấy tiếng hồ gầm vang trên núi, nhà vua cho người lên xem thì thấy chỉ có một mình ông nằm chơi ở đấy. Quan về tâu lại, nhà vua rất lấy làm lạ, bèn cho vời ông đến hỏi. Thấy ông oai phong lẫm liệt, nhà vua mới nhìn đã lấy làm yêu mến, bèn bảo rằng: *“Quốc gia hữu sự chính là lúc anh hùng hào kiệt lập công. Nhà ngươi giúp ta đánh giặc thành công, sau này hẳn được ban tước lộc...”*. Ông vâng mệnh cầm búa và đi tiên phong. Xông vào trận địa, ông gầm lên ba tiếng như hùm, quân giặc run sợ khiếp đảm. Lúc giao chiến, ông biến thành con cọp. Đánh giáp lá cà, quân địch không chống nổi, phải bỏ chạy thục mạng. Chiến thắng trở về, nhà vua phong cho ông là *Hồ Oai Đại tướng quân*. Sau đó nhà vua sai ông đi kinh lược các trấn Thanh Hoá, Nghệ An để vỗ yên dân chúng. Ông phụng mệnh dẫn quân đi, đến bãi sông vùng Long Thịnh huyện Lương Giang bèn đóng quân ở đó, mở tiệc khao thưởng quân dân. Quân giặc nghe tin bèn lập mưu giết ông. Chúng cho mấy tên chân tay trà trộn đến dự tiệc đồng thời bủa vây rất chặt. Ông vội triệu tập dân làng lại bảo: *“Ta sống làm tướng, chết làm thần, không đời nào sa vào tay giặc”*, nói xong gieo mình xuống sông tự sát, sóng gió nổi lên dữ dội, song chỉ khấn đến tên ông thì trong chốc lát, sông yên sóng lặng, đi lại bình yên. Dân thấy ông hiển linh bèn lập đền thờ ông tống đôn khi trước để làm chỗ thờ cúng. Nhà vua nghe tin, rất thương tiếc công thần, bèn ban cho 30 quan tiền làm khoản chi vào hương hoả và truy phong là *Đương cảnh phúc thần*.

Đến năm khai hựu đời Hiến Tông nhà Trần, quân Chiêm lại sang xâm lược, quân nhà vua đi ngang qua vùng này, tự nhiên trời đổ cơn mưa to, nước lên rất nhanh, thuyền không sao đi được. Ai nấy đều cho là thần hiển linh, bèn đến miếu thờ ngài để làm lễ mật đảo, mưa gió tự nhiên im lặng, thuyền tiến lên được.

PHẠM HỒNG

Tương truyền ở xã Canh Tạc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, Thanh Hoá có vị tù trưởng là Phạm Văn vợ là Lê Thị Mãn. Vợ chồng kết tóc trăm năm, yên ương hoà hợp, gia đình vốn nghiệp canh nông. Vợ chồng lấy nhau đã ba bốn năm, hai ba lần sinh đẻ mà không nuôi được. Ông bà buồn rầu lo nghĩ không biết kiếp trước mình ăn ở thế nào mà nay phải chịu quả báo làm vậy nên dốc lòng tu nhân tích đức, không hề mảy may độc ác. Ba năm sau, đến ngày mùng 5 tháng 5 năm Canh Thân, bà Lê Thị ra tắm ở cái hồ nhỏ trong làng. Đang tắm thì thấy mây đen phủ kín bầu trời rồi có một đoá mây hồng bay tới phủ lên thân thể bà. Sau đó có một ngôi sao đỏ như lửa rơi xuống chỗ bà tắm. Bà vô cùng sợ hãi, về kể cặn kẽ với chồng để chồng làm lễ giải các điều quái gỡ kia đi. Nhưng ngay đêm hôm ấy, hai vợ chồng trông thấy một ông già mày râu trắng xoá, chống gậy ở trên cao, phán rằng: *“Nhà ngươi ăn ở phúc hậu cho nên sao Hoả giáng sinh đó là một điềm mất”*, nói xong biến mất. Vợ chồng tỉnh dậy mới biết là điều chiêm bao tốt lành. Đến giờ thìn ngày mùng 9 tháng 2 năm Tân Dậu bà Lê Thị đẻ được một cậu con trai mặt mũi sáng sủa, mắt to và tròn xoe, có ánh sáng loang loáng khác hẳn người thường. Vợ chồng mừng rỡ, chăm lo bụ bẫm, đến tám tuổi mới đặt tên là Phạm Hồng. Chẳng may chồng mất sớm, mẹ goá con cô phải dựa vào nhau để sống. Phạm Hồng 15 tuổi đã nổi tiếng là một cậu học trò thông minh, biết báo trước những việc sắp xảy ra, dân đều cho là vị thần giáng sinh. Năm 16 tuổi giặc Chiêm Thành sang xâm lược, nhà vua thân chinh cầm quân đi đánh. Qua làng Canh Tạc vua thấy một cậu bé mắt sáng như sao, bèn hỏi các bậc phụ lão về lai lịch gia thế. Phụ lão trình bày tường tận gia thế Phạm công, Lê Thị và tài năng của Phạm Hồng. Vua cho vời cậu bé lại hỏi kế đánh giặc. Phạm Hồng quì xuống tâu rằng: *“Nhà vua đến quân giặc chạy, ba quân chẳng khó nhọc gì mà dẹp yên được giặc”*. Sau đó cậu trình bày tỉ mỉ phương kế đánh giặc cho vua nghe. Nhà vua cả mừng phán *“Trên đường bói Thánh, quả tợ có lòng trời xui”* bèn hạ lệnh cho quân tiên thắng vào đồn giặc. Trận đó quả nhiên thắng lớn. Dẹp giặc xong vua đi tuần du thiên hạ để xem xét việc làm ăn. Đến thôn Canh Tạc, vua cho vời Phạm Hồng đến song ông không chịu mà lại cùng thân mẫu nhảy xuống hồ, hoá luôn tại nơi ông được đầu thai. Ngay lúc đó, tự nhiên trời đất sấm lại, mây gió kéo đến mù mịt, sóng vỗ ầm ầm. Đó là ngày 17 tháng 10. Nhà vua thấy việc quy hoá ấy là thiêng liêng bèn hạ lệnh cho

dân địa phương an táng cẩn thận và dựng ngôi miếu cạnh hồ, đồng thời cho 100 quan tiền công để làm tiền hương hoả.

HOÀNG MINH

Thời Trần ở làng Vạn Phen, huyện Yên Thành, xứ Nghệ An, có bà Hoàng Thị, ở một mình không lấy chồng. Một ngày Hoàng Thị tắm ở bến sông chợt thấy một con trâu trắng từ trong nước bơi lên, vẫy đuôi qua trước mặt bà, bà giơ tay bắt được một cái lông đuôi, con trâu tự nhiên biến mất. Hoàng Thị lấy làm lạ, mới mang lông đuôi trâu về nhà cất giữ. Từ đấy Hoàng Thị có thai, đủ ngày đủ tháng, sinh được một con trai, lấy họ mẹ (họ Hoàng), đặt tên là Minh, lấy dao trích trán con đặt cái lông đuôi trâu vào, bỗng nhiên da liền lại như cũ. Lớn lên Hoàng Minh tính quen sông nước có khi hàng ngày ở dưới sông, bắt tôm, cá đem về nuôi dưỡng mẹ.

Lại nói đế quốc Mông Cổ ở thế kỷ XIII là một đế quốc hung hãn và hùng mạnh chưa từng có trong lịch sử loài người, vó ngựa của chúng đã xéo nát gần như toàn bộ Đại Nam Châu Âu, Châu Á. Chúng chiếm gần hết Trung Quốc, đặt quốc hiệu là "Nguyên". Năm 1258, nhà Nguyên sai tướng Ngột Lương Hợp Thái mang quân sang xâm lược nước ta nhưng bị thất bại.

Năm 1279, quân Nguyên chiếm nốt Nhai Sơn, nhà Tống mất, địa vị thống trị của nhà Nguyên ở Trung Quốc vững chắc. Để rửa mối hận thua quân lần trước, năm giáp thân (1285), vua Nguyên phong con là Thoát Hoan làm Trấn Nam vương, cùng nhiều tướng sừng sỏ như: Ô Mã Nhi, A Bát Xích, Phàn Tiếp, Lý Quán, Lý Hằng... đem 50 vạn quân sang đánh nước ta. Một đạo quân gồm 10 vạn quân tinh nhuệ đặc biệt do dũng tướng Toa Đô và Đường Ngột Ngại cầm đầu dùng chiến thuyền vượt biển vào đánh chiếm Chiêm Thành, rồi từ phía nam đánh ra Châu Hoan, Châu Ái, phối hợp với Thoát Hoan đem quân từ Thăng Long đánh vào, tạo thế trận hai mặt giáp công, mưu toan bắt gọn toàn bộ triều đình vua tôi nhà Trần.

Trước thế nước muôn ngàn nguy cấp, Hoàng Minh từ già mẹ già ra đi lánh giặc và được tuyển vào đội thủy quân do Hoàng tử Uy Linh Lang chỉ huy đóng ở vùng Mộ Độ. Hoàng tử Uy Linh Lang thấy Hoàng Minh có sức khỏe hơn người, quen ở dưới nước mới phong chức Quản lĩnh thiên hộ.

Quản hộ Hoàng Minh tình nguyện đem toán quân bản bộ dọc theo miền duyên hải tiến vào phía Nam, để dò xét tình hình quân địch, bám theo đoàn chiến thuyền của Toa Đô, rồi đêm đêm lặn xuống biển lần đến đục thủng đáy chiến thuyền của giặc, Toa Đô thấy mỗi đêm lại chìm mấy chiếc thuyền lớn, trong một thời gian ngắn đã mất hơn 30 cái mới để tâm lưu ý phòng bị. Một đêm, Quản lĩnh thiên hộ Hoàng Minh lặn dưới nước, đục thuyền chỉ huy của giặc, Toa Đô dùng ngọc Tê giác soi vào trong nước thấy có bóng người, dùng trường thương đâm trúng. Quản lĩnh hy sinh, xác trôi ra biển. Quân sĩ nhà Trần tìm được xác Hoàng Minh đem táng ở cửa Càn Hải. Vua Trần truy phong chức: Đại tướng quân.

LÝ THỊ CHÂU

Vào đời nhà Trần có một người tên là Lý Quýnh quê ở làng Cổ Pháp, Đình Bảng, Hà Bắc làm chức Điện hộ Bình lương, chuyên việc giữ kho tàng cho quân lính. Đội quân này đóng ở kinh thành Thăng Long nên Lý Quýnh cũng ở tại đó lấy vợ làng Giảng Võ sinh được một người con gái, đặt tên là Lý Thị Châu còn gọi là Châu Nương.

Châu Nương lớn lên có tài sắc, được cha cho theo học ở phường Bích Câu. Cô thường giúp cha về việc sổ sách kho tàng hàng ngày. Lâu dần cô quen thuộc cách thức và thông thạo công việc. Tiếng đồn cô gái đảm đang, rất nhiều người ngấp nghé cầu hôn nhưng cô chưa ưng thuận. Năm cô 18 tuổi chẳng may bố mẹ qua đời, mãi đến năm 22 tuổi, đoạn tang xong cô mới lấy một viên quan họ Trần, tức Thái Bảo làm chức đốc bộ ở Hoan Châu (Nghệ An). Hai vợ chồng rất là tương đắc.

Giặc Nguyên Mông bành trướng thế lực xuống phía Nam. Chúng đòi nước ta phải đầu hàng cho chúng mượn đường. Vua Trần không chịu. Giặc tìm cách vừa xâm lăng biên giới phía bắc vừa đem quân vào Chiêm Thành rồi từ đó tràn ra cướp phá Châu Hoan. Trần Thái Bảo được lệnh đem quân chống giặc. Song thế giặc uy hiếp cả ở phía Nam và vây chặt thành Hoan Châu. Thái Bảo phải rút quân về củng cố lực lượng. Bà Châu Nương khuyên chồng sắp đặt trận thế và chặn giặc ở tiền phương, còn bà tự nguyện lo lắng việc chỉ huy quân sĩ bảo vệ kho tàng. Giặc mấy lần tập kích Diên Châu đều không sao phá được thành. Kho tàng được bảo vệ chu đáo và việc tiếp tế cho quân sĩ, Châu Nương đều lo liệu đầy đủ. Thái Bảo yên tâm chuẩn bị phản công. Ông lập mẹo chia quân từ phía trong đánh ra; Diên Châu đánh vào làm cho giặc phải rút chạy về đèo Ngang thuộc châu Bố Chính.

Tin thắng trận báo về, vua Trần rất khen ngợi. Hai vợ chồng Thái Bảo được triệu về kinh. Thái Bảo nhận chức tiền quân duệ thánh, tức coi sóc đạo quân bảo vệ nhà vua, bảo vệ kinh đô. Còn Châu Nương thì nhận nhiệm vụ coi kho phủ Phụng Thiên.

Trước tinh thần kiên cường đánh trả của quân ta giặc Nguyên vô cùng tức tối. Chúng sử dụng một đội quân đông và mạnh sai những viên tướng kiệt kiệt dưới quyền chỉ huy của thái tử Thoát Hoan, ào ạt kéo sang nước ta. Vua quan nhà Trần lập kế bảo toàn lực lượng cho quân ta rút khỏi kinh đô Thăng Long, Trần Thái Bảo phải chặn đánh ở phía sông Hồng. Ông đã cầm cự được với giặc nhiều ngày để quân ta rút lui an toàn nhưng cuối cùng kiệt sức và tử trận. Nghe tin chồng mất, Châu Nương khóc lóc thảm thiết. Bà cố nén đau thương để làm nhiệm vụ của mình. Nhưng giặc đã đầu kinh đô, chưa thể nào cản nổi. Bà lập tức sai chôn giấu của cải khí giới và phân phát những thứ khác về các nơi để kho tàng khỏi rơi vào tay địch. Bị giặc vây riết, bà đành lấy cái chết để báo đền ơn nước, trọn nghĩa với chồng. Châu Nương đã anh dũng đứng giữa kho của, phủ khăn hồng lên mặt mà hóa.

Những quân sĩ coi kho còn sống sót trong cuộc chiến hôm đó kể lại mấy câu chuyện lạ sau khi Châu Nương hóa. Khi bà vừa ngã xuống, chiếc khăn hồng bỗng bay vút lên trời, bay thẳng về làng Giảng Võ - nơi sinh ra bà thì hạ xuống. Khi kho tàng thất thủ bọn giặc Nguyên hùng hổ xông vào thì từ trong kho bỗng lao ra một con rắn lớn, phun nọc độc phì phì rất dữ tợn. Giặc hoảng hốt vội vàng tránh. Mọi người đều tin rằng hồn phu nhân đã nhập vào chiếc khăn để bay về sinh quan, đồng thời lại sai khiến cho rắn thần ra uy hiếp giặc Nguyên.

Mấy năm sau, khi giặc Nguyên bị quét sạch, nhà vua bình công khen thưởng đã truy tặng Châu Nương chức Quản Trưởng Quốc Khố Công chúa. Cả hai nơi Giảng Võ và Diển Châu đều cho lập đền thờ bà. Cả thầy có đến 22 đền miếu.

ĐOÀN THƯỢNG

Đoàn Thượng, quê ở xã Xuân Độ, huyện Gia Lộc (Hải Dương), em nuôi cùng một Nhũ mẫu với vua Lý Huệ Tông. Được vua Lý cử đi dẹp giặc ở Hồng Châu và trấn thủ vùng ven biển xứ Đông. Khi nhà Lý mất ngôi, tướng quân về Hồng Châu đắp thành lũy ở vùng An Nhân, xưng là Đông Hảiii vương, hùng cứ một phương giữ nghĩa lớn không theo nhà Trần. Bây giờ Nguyễn Nộn chiếm cứ vùng Lạng Giang, Trần Thủ Độ mang quân đi đánh

đẹp không hàng phục được, mới chịu phong Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo Vương.

Trần Thủ Độ dùng mưu sai sứ giả mang hậu lễ cho Nguyễn Nộn, xui Nguyễn Nộn nếu đánh được Hồng Châu, sẽ chia cho một phần ba thiên hạ. Nguyễn Nộn nghe theo, viết thư sai người cầu hòa với tướng quân đại ý trong thư nói: "Trước đây tôi không biết ông có lòng diệt nhà Trần lấy lại giang sơn cho nhà Lý nay được biết lòng trung nghĩa của ông, tôi xin cùng ông hội thề như môi với răng dựa nhau, để khôi phục lại Nhà Lý".

Tướng quân tin lời Nguyễn Nộn, bèn cùng em khác mẹ là Tần Hải Công đem một toán quân về Bắc giang hội thề. Nguyễn Nộn đặt phục binh ở xứ Đồng Dao, thuộc xã Yên Phú (Bắc Ninh) đánh úp tướng quân. Tướng quân đương mải chống đánh Nguyễn Nộn, thì quân nhà Trần từ mặt Văn Giang kéo đến. Tướng quân quay sang phía tây, đánh quân Trần bị một nhát đao đằng sau chém vào cổ, đầu gàn rơi, liền cởi thắt lưng quấn lấy cổ, nổi giận phóng ngựa về phía đông, đến một gò đất thuộc xã An Nhân, tướng quân xuống ngựa, nằm gối đầu lên ngọn giáo mà hóa, mới đùn đất phủ kín thi thể thành ngôi mộ lớn.


Cảm tấm lòng trung nghĩa của tướng quân, nhiều nơi trong nước lập đền thờ.

Có đôi câu đối:

- *Tinh trung chí nguyện vô Trần, An địa quy Yên lưu hiển tích.*

- *Kháng khái tâm hồn phụ Lý, Hải môn trước giáp hách thần uy.*

Tạm dịch:

- Lòng tinh trung chí muốn không có nhà Trần, An địa ngựa về lưu dấu  đ>

- Chí kháng khái lòng còn muốn phù nhà Lý, Hải môn mặc giáp rõ oai thần.

Tương truyền: Nhà Lý mất, tướng quân Đoàn Thượng cùng ba anh em ruổi ngựa về xã Hoàng Lão, huyện Thiên Bảo, đạo Sơn Nam, quê hương bà Lê Thị Quang kẻ mẫu tướng quân. Bốn anh em tướng quân Đoàn Thượng lập 3

trại quân ở Khu Lúa, nương dựa vào nhau chống nhà Trần. Rồi một hôm tướng quân giao cho ba em giữ Khu Lúa, còn tướng quân về Hồng Châu, đạo Hải Dương đắp thành lũy ở vùng An Nhân, vì tránh các đồn quân nhà Trần, tướng quân đi men biển có qua làng Liêu Tỉnh, cho nên sau khi tướng quân Đoàn Thượng mất, nhân dân làng Liêu Tỉnh thờ phụng tướng quân vào đền đức Nam Hải đại vương.

HOÀNG TỬ UY LINH LANG

Minh Thục hoàng phi đời vua Trần Thánh Tông hiem con, cầu tự ở đền Thủ Lệ, rồi có thai, 12 tháng sinh được một hoàng tử, tướng mạo khôi ngô kỳ vĩ, sau lưng có nhiều lớp hình vẩy cá. Vua cha lấy làm lạ cho là thần đền Thủ Lệ thác sinh mới đặt cho tên là Uy hiệu Linh Lang.

Hoàng tử lớn lên, Vua Thánh Tông cho ra ở cung Án Thọ, vùng Yên Phụ ngày nay.

Lại nói Đế quốc Mông Cổ ở thế kỷ XIII là một đế quốc hùng hãn và hùng mạnh chưa từng có trong lịch sử loài người, vó ngựa của chúng đã xéo nát gần như toàn bộ Đại Nam châu Âu, châu Á. Chúng chiếm gần hết Trung Quốc đặt quốc hieu là Nguyên. Năm 1258, tướng nhà Nguyên là Ngột Lương Hợp Thai (Thái); mang quân sang xâm lược nước ta bị đánh bại.

Năm 1279, quân Nguyên đánh Nhai Sơn quân Tống thua. Vua Tống nhảy xuống biển, quan quân chết rất nhiều, xác nổi trên mặt biển hơn 10 vạn. Nhà Tống mất, địa vị thống trị của nhà Nguyên ở Trung Quốc vững chắc. Quân Nguyên Mông tiếp thu loại vũ khí đánh thành của Trung Quốc nên càng thêm hùng mạnh. Để rửa mối hận thua quân lần trước, năm giáp thân (1285), vua Nguyên phong con là Thoát Hoan làm Trấn Nam Vương cùng nhiều tướng sừng sỏ nhất như: Ô Mã Nhi, A Bát Xích, Phàn Tiếp, Lý Quán, Lý Hằng... đem 50 vạn quân sang đánh nước ta.

Một đạo quân gồm 10 vạn quân tinh nhuệ đặc biệt, do dũng tướng Toa Đô và Đường Ngột Ngại cầm đầu vượt biển vào đánh Chiêm Thành, rồi sau đó từ phía nam kéo ra đánh Châu Hoan, Châu Ái, để phối hợp với Thoát Hoan

đem quân từ Thăng Long kéo vào, mưu toan của chúng là định bắt gọn toàn bộ triều đình nhà Trần.

Trước thế nước muôn ngàn nguy ngập, Hoàng tử Uy Linh Lang chiêu mộ binh sĩ, huấn luyện trận pháp, theo quân nhà vua rút khỏi Thăng Long về Thiên Trường, rồi lui vào xây dựng căn cứ địa kháng chiến Trường Yên gồm các huyện: Lê Gia, Uy Viễn, Yên Minh, Mộ Độ (nay là các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Tam Điệp...)

Hoàng tử Uy Linh Lang thạo thủy chiến, cho quân sĩ đan những con thuyền hình thoi, hai chỗ ngồi, chia nhiều toán nhỏ, dùng thuyền này hoạt động trên các sông nhỏ, đầm phá, đồng lầy, ngòi lạch ở vùng Sơn Nam hạ đến cửa Thần đầu (Thần Phù).

Con thuyền nhỏ đan bằng tre tục gọi là thuyền thúng, do tướng quân Trần Ứng Long sáng tạo, dùng chèo quân vượt đồng nước diệt sứ quân Đỗ Cảnh Thạc, nay được Hoàng tử Uy Linh Lang đan hình thoi tạo cho thuyền lướt nhanh gấp bội. Thuyền này nhẹ, khi hành quân trên bộ thì vác thuyền theo, khi gặp địch thuyền làm lá mọc, gặp sông lại ngả xuống làm thuyền. Khi chiến đấu thì lướt nhanh áp sát mạn thuyền địch theo kiểu "ruôi bâu" hoặc len lỏi thọc sâu làm rối mắt địch.

Ngày 15 tháng 5 năm ất dậu (19-6-1285), hai vua Trần rời khỏi Trường Yên về Long Hưng (Thái Bình) mở trận phản công. Cùng đoàn quân vua, Hoàng tử Uy Linh Lang xông pha giết giặc ở Nam Trù, Đông Kết (Khoái Châu - Hưng Yên) bắt sống tướng giặc Nguyên Mông là Càn li Hoa Lư.

Sau chiến thắng, hoàng tử được phong Dâm Đàm vương. Vương không chịu tham dự triều chính, xin vua cho về ở cung An Thọ. Năm 36 tuổi, vương bỗng nhiên bệnh mà mất. Vua Trần thương xót, truy phong tước Đại vương, cho lập đền thờ ở nơi vương ở và những nơi vương đã đóng quân gồm 69 đền. Trong đó có làng Vĩng Cổ tức thôn An Hưng ngày nay.

ĐÌNH LÔI

Đầu đời Trần, ở châu Hoan có ông Đinh Nguyên chuyên nghề làm thuốc, vợ là bà Tạ Thị Đạo. Hai vợ chồng chăm sóc duyên hải, thuận hòa đôi lứa, chỉ chuyên làm những việc hiền lành phúc đức, người đói cho cơm, người có bệnh nghèo có thuốc, kẻ chết đường cho ván, bố thí chăn chiếu, áo quần, tiền gạo cho người già nua cô đơn không nơi nương tựa. Tiếng lành nức khắp xa gần, thấu đến thiên đình. Ngọc hoàng cho 5 vị tinh quân xuống thế gian đầu thai làm con họ Đinh.

Một đêm, bà Tạ Thị mộng thấy trong nhà hào quang sáng rực, có năm con phượng từ trên trời bay xuống, đến trước giường biến thành năm người con trai, xưng tên là: Phong, Vũ, Vân, Điện và Lôi, vâng mệnh đế đình xuống làm con bà.

Từ đó bà Tạ có mang chẵn 13 tháng, sinh ra một bọc năm người con trai, người nào cũng phong tư đĩnh dịch, tướng mạo khôi kỳ, hôm ấy là ngày 10 tháng 8 năm canh tý (1240). Nhân ứng điềm giấc mộng mới đặt tên năm con là: Đinh Phong, Đinh Vũ, Đinh Vân, Đinh Điện và Đinh Lôi. Lớn lên, năm ông đều thông minh xuất chúng, học kiêm văn võ, đến năm 18 tuổi thì cha mẹ nối nhau qua đời. Các ông chọn đất lành an táng cha mẹ, thủ hiếu ba năm. Xong việc hiếu, ông Đinh Lôi từ biệt các anh, đi chu du thiên hạ để chữa bệnh cứu người.

Bấy giờ vùng Sơn Nam xảy ra bệnh dịch, lan tràn khắp nơi, nhân dân chết hại rất nhiều. Thượng hoàng Thái Tông lo sợ cho yết bång cầu người tài giỏi trừ bệnh dịch cứu dân. Ông Đinh Lôi đang hái thuốc ở miền núi rừng Thạch Thành - Tam Điệp nghe tin vội thu xếp thuốc nam ra Sơn Nam chữa bệnh. Một hôm ông qua làng Hạ Kỳ thấy bệnh dịch ở đây trầm trọng, ông dừng chân ở lại Hạ Kỳ, chế thuốc "Ngọc sương hoàng" chữa khỏi bệnh cả làng. Các nơi nghe tin kéo nhau về lấy thuốc, trong một thời gian ngắn cả xứ Sơn Nam bình an khỏe mạnh.

Vua Trần mừng lắm, xuống chiếu triệu ông về kinh định bổ làm quan, ông Đinh Lôi cố sức từ chối, chỉ xin vua cho lấy làng Hạ Kỳ làm thực ấp. Vua Trần chuẩn lời tâu, cho ông thu thuế một huyện để tiêu dùng. Ông bái tạ trở về Hạ Kỳ, xây dựng cung phủ, mở tiệc khao thưởng toàn dân. Ở đây ông khuyên dân chăm việc cấy cày, đào sông tiêu nước úng đắp đê ngăn nước biển dâng, dạy dân thuần phong mỹ tục, làng Hạ Kỳ trở nên phồn thịnh của lắm vật nhiều.

Năm Trùng Hưng thứ một (1285) Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan và Ô Mã Nhi nhà Nguyên đem quân sang xâm lược, thế giặc rất mạnh, hai vua Trần ngậm đi thuyền ra nguồn Tam Trĩ, ông Đinh Lôi đem hương binh Hạ Kỳ ra Đông Bộ Đầu, nhân theo hai vua lấy thuyền ra sông Nam Triệu, qua cửa Đại Bàng vào Thanh Hóa.

Sau khi chiến thắng quân Nguyên Mông lần thứ hai. Hai vua Trần về kinh sư, phong ông Đinh Lôi được phong chức đại tướng, thưởng cho nhiều vàng bạc. Ông dâng sớ xin về nơi ấp phong, vua Trần chuẩn y lời xin, ông về Hạ Kỳ đem vàng bạc một phần chia cho sĩ tốt, một phần chia cho dân làng, mở tiệc thánh hạ. Lại đem mấy chục tùy tùng về Châu Hoan, bỏ tiền xây lăng mộ cha mẹ, xây dựng từ đường, tế lễ tổ tiên. Công việc xong xuôi, ông cáo từ các anh trở về Hạ Kỳ.

Cuối năm Đinh Hợi (1287) Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan cùng Ô Mã Nhi lại đem 30 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp. Đại tướng Đinh Lôi đem gia thần theo quan quân hợp đánh giặc Nguyên ở biển Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền đi tuần của giặc. Quân Nguyên bị giết và chết đuối rất nhiều. Đại tướng Đinh Lôi có mặt trong trận chiến thắng Bạch Đằng lịch sử vào ngày mồng tám, tháng ba, năm mậu tý (1288), tiêu diệt toàn bộ binh thuyền của giặc bắt sống nhiều danh tướng của giặc như Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham tri chính sự Phạm Tiếp và nhiều Vạn hộ, Thiên hộ.

Triều đình luận công phong đại tướng Đinh Lôi tước hầu. Đại tướng Đinh Lôi bái tạ đức vua trở về Hạ Kỳ, rồi về Châu Hoan thăm viếng phần mộ cha mẹ. Một hôm bỗng thấy trời đất mịt mù, giữa ban ngày mà tối như ban đêm, tiếp đó mây bay gió cuốn, âm âm như muôn nghìn ngựa hí quân reo. Một lát, trời im gió lặng, sáng sủa như thường. Đại tướng Đinh Lôi đã hóa.

Những gia thần theo đến đây trở về Hạ Kỳ báo tin, rồi dâng biểu về triều. Vua Trần Nhân Tông sai quan về tế điệu phong làm Phúc thần, hạ chiếu cho làng Hạ Kỳ lập đền thờ thờ phụng. Từ đó trở đi, thần có nhiều linh ứng phù nước hộ dân, cầu mưa, đảo tạnh. Các triều phong kiến nối tiếp gia phong, đến Hạ Kỳ hiện nay còn giữ được 7 đạo sắc phong đời Lê Trung Hưng (1592 - 1788) 1 đạo sắc phong đời Tây Sơn (1789 - 1802), và 8 đạo sắc phong đời Nguyễn (1802 - 1945). Có 56 Mỹ tự.

TRẦN KHÁNH DƯ

Cuối năm Đinh ty (1257) đời vua Trần Thái Tông, quân Nguyên xâm lược nước ta. Trần Khánh Dư nhân chỗ sơ hở đánh úp thắng một trận lớn. Vua khen có trí lực nhận làm con nuôi (thiên tử nghĩa nam). Vâng mệnh vua đi đánh người Man lập nhiều công trạng, được phong Phiêu kỵ đại tướng quân, rồi từ tước hầu thăng lên đến Tử phục Thượng vị hầu (Thượng vị hầu mặc áo tía). Sau mắc tội bị cách hết quan tước, tịch thu điền sản, ông lui về ở Chí Linh làm nghề bán than. Năm Nhâm Ngọ (1282), vua Trần Nhân Tông đậu thuyền ở bên Bình Than trông thấy một chiếc thuyền lớn chở than gỗ, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn, nhận ra đó là Trần Khánh Dư, vua sai nội thị đi gọi. Khánh Dư đến nơi, vua nói: "Nam nhi cực khổ đến thế là cùng".

Rồi vua xuống chiếu tha tội, cho ngồi ở dưới các Vương trên các Công, Hầu, khi bàn việc nước nhiều câu đúng ý vua, lại cho Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân.

Tháng 12, năm Đinh Hợi (1287) thủy quân nhà Nguyên đánh Vân Đồn, Hưng Đạo đại vương giao hết công việc giữ Vân Đồn cho Phó Đô tướng quân Trần Khánh Dư. Khánh Dư bị giặc đánh thua. Thượng hoàng nghe tin sai Trung sứ bắt phó Đô tướng về kinh. Trần Khánh Dư xin hoãn lại vài ba ngày, rồi ông thu thập toàn quân phục kích đánh thắng đoàn thuyền chở lương của quân Nguyên, bắt được lương thực khí giới nhiều không kể xiết, bồng quân giặc rất nhiều. Thượng hoàng tha tội thua trận và nói: Quân Nguyên hung hăng phải nhờ có lương thảo khí giới nay ta đã đánh lấy được ắt chúng phải lui.

Sau khi chiến thắng quân Nguyên xâm lược vua Trần Nhân Tông phong Phó đô tướng tước Vương, tức Nhân Huệ vương, phong thực ấp ở xã Dưỡng Hòa, lộ Lý Nhân, trấn Sơn Nam.

Năm Nhâm Tý (1312), Nhân Huệ Vương ở đây hơn mười năm. Tuổi ngoài 80 Vương về ấp phong Dưỡng Hòa, giao ba trại An Trung (Vọng Trung), Đông Khê (Thanh Khê), và Tịch Nhi cho hai gia tướng họ Bùi, họ Nguyễn coi sóc. Dân khai hoang ba trại đều nhờ tiền bạc của Vương chu cấp, mới có lương ăn và mua công cụ, Vương còn đem nghề dệt chiếu dạy trại Tịch

Nhi, để sử dụng số ruộng cói ở trại này. Nhân dân ba trại nhớ ơn đức Nhân Huệ vương lớn như trời biển, nên sau khi Vương mất, nhân dân xây đền thờ vương trên nền nhà Vương ở trại An Trung (Vọng Trung), tôn làm Phúc thần bốn mùa hương khói. Đền thờ Nhân Huệ vương, quốc đảo dân cầu có nhiều linh ứng, trải qua các triều phong kiến đều có sắc phong.

TRẦN NHẬT DUẬT

Năm Thiên ứng chính Bình thứ tám (1239) . Vua Trần Thái Tông tuần du qua đạo Sơn Nam, phủ Thiên Trường, dừng xa giá ở thôn Miếu, xã Mạt Lãng huyện Tây Chân, gặp người con gái họ Vũ tên là Vương Nương, hình dung yếu điệu, nhan sắc tuyệt trần. Vua rất đẹp lòng, mới tuyển vào cung lập làm Cung phi thứ năm ở Bắc Cung, Vũ Phi được vua Thái Tông yêu mến, thắm thoát đã hơn mười năm. Một hôm Vũ Phi tâu với vua:

- Thiếp nhờ ơn thánh thượng được hưởng vinh hoa phú quý nhưng số phận hiếm hoi, từ ngày vào cung đến nay chưa có lấy một lần sinh nở. Nay thiếp xin trai giới cầu đảo bách thần cho một chút con làm hậu tự.

Vua y lời tâu, hạ chiếu cho đại sĩ cung Thái Thanh lập đàn cầu tự cho Vũ Phi. Qua 21 ngày đêm Vũ Phi mộng thấy một ngôi sao lớn từ trên không rơi xuống giường nằm, từ đó có mang, đến giờ Ngọ, ngày mùng 10, tháng tư, năm ất mão (1255), sinh hạ một hoàng nam. Vua cha đặt tên là Nhật Duật, nhân thấy trên cánh tay có hai chữ "Chiêu văn", mới phong là Chiêu Văn Vương.

Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật rất thông minh và khỏe mạnh, giỏi cả văn lẫn võ, Vương học rộng biết nhiều tiếng nước ngoài và tiếng các dân tộc ít người. Phát huy sở trường đó, Vương góp công đầu trong việc đánh dẹp cuộc nổi loạn của Trịnh Giác Mật ở lộ Đà Giang, vùng tây bắc Tổ quốc vào năm 1280, không tốn một mũi tên, một hòn đạn.

Quân Nguyên Mông xâm lược lần thứ hai, triều đình nhà Trần rút khỏi kinh thành Thăng Long vào xây dựng căn cứ để tiếp tục kháng chiến. Chiêu Văn Vương chỉ huy một đạo quân phòng thủ cửa biển Thần Đầu (Thần Phù),

đóng đại bản doanh ở xã Trà Tu, nay là thôn Trà Tu, xã Yên Thắng, huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Tháng tư, năm ất dậu (1285), các vương hầu nhà Trần đem binh thuyền hợp nhau đánh quân Nguyên ở Hàm Tử, quân của Chiêu Văn Vương đã khiến quân Nguyên hoang mang tan vỡ. Trước khi nhà Tống mất, Triệu Tung mang mấy trăm quân sang qui phục, Chiêu Văn Vương dung nạp vẫn cho mặc quần áo phương Bắc nên trong trận đánh này, họ cũng tham gia đánh quân Nguyên. Trận Hàm Tử đã đi vào lịch sử.

Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ, Hàm Tử quan.

Thái Bình tu trí lược

Vạn cổ cừu giang sơn.

Nghĩa là:

Chương Dương bẻ giáo giặc

Hàm Tử bắt rợ Hồ

Muốn được thái bình nên gắng sức

Muôn năm sông núi vẹn dư đồ

Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật được xếp công đầu trong trận này, và có nhiều công lao trong công cuộc chiến thắng quân Nguyên xâm lược lần thứ hai (1288).

Khi bắc cung Phi mất, được đưa về an táng ở quê hương làng Miếu gọi là "Mặt Lãng". Năm Chiêu Văn Vương 44 tuổi bị bệnh nặng về cung phủ ở làng Miếu, con trai Vương là Thượng Vị Văn hiếu hậu, làm một cầu rất cao qua con sông nhỏ cuối làng lập đàn cầu đảo xin chết thay cho cha, và tìm mọi phương chạy chữa mãi vương mới khỏi.

Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật là một thân vương tôn quý, làm quan lớn bốn triều vua, ba lần coi giữ trấn lớn ở nhà thường mở cuộc chèo hát, bày trò chơi mà không ai cho là say đắm. So với Quách Tử Nghi đời nhà Đường bên Trung Quốc cũng xa xỉ mà không ai chê.

Năm 1332, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật mất tại quê mẹ, thọ 77 tuổi. Vua Trần Hiến Tông thấy Vương có công lao rất lớn lại là Nguyên lão quốc gia, mới truy phong Đại vương, xuống chiếu cho trăm quan tế điện, đưa linh cữu an táng ở gần lăng Thái Phi trên khu đất "Song Ngư". Lại truy chỉ cho dân làng Miếu lập đền thờ phụng. Tôn phong là: Tá thánh khuông quốc Đại Vương.

NGUYỆT LĂNG, TRUNG QUỐC

Tương truyền ở xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây có người tên là Chu Hưng vợ là Võ Thị Hồng, người cùng quê, vốn là người hiền lành, phúc hậu. Gặp buổi khó khăn hai vợ chồng phải tha phương cầu thực. Họ đến trọ ở chùa Tiêu Sơn xã Tiêu Sơn, huyện An Phú phủ Từ Sơn. Họ chăm chỉ đèn nhang hoa quả mừng một ngày rằm chỉ mong sao có được đứa con nối dõi. Sau vài tháng Võ Thị có mang, đủ ngày đủ tháng đẻ ra một cái đầu không có tay chân, khóc vang như sấm. Vợ chồng sợ hãi cho là quái thai bèn đem đi bỏ. Một tháng sau lại có mang, đến ngày đến tháng lại đẻ ra một cục thịt không có chân tay mặt mũi, họ lại đem đi bỏ. Sau đó lại có thai lần thứ ba và đến giờ Mão ngày mùng bốn tháng giêng năm giáp Ngọ, đẻ ra một đứa con trai, diện mạo dữ tợn, trên đầu có một cái sừng, trong mình có bảy cái lông mọc dài. Vợ chồng sợ hãi lại đem đi bỏ. Hôm đó trời nổi cơn mưa gió, sấm sét dữ dội, cậu bé bỗng nhiên dài thành mười trượng, một tiếng sét đánh tách cậu bé thành hai nửa, một mảnh có nửa người, một tay, một chân, một mắt. Một nửa bay lên trời làm đại tướng âm binh, một nửa tìm về nhà sống với bố mẹ. Lớn lên cậu được đặt tên là Văn Minh, có công dẹp loạn Ngũ Hồ ở phương Bắc, trấn áp ma quỷ ở phương Nam, thường qua lại các vùng Ái Châu, Kinh Bắc, Từ Liêm. Khi hóa thì rất thiêng, các nơi đều lập đền thờ, vùng Ái Châu có nhiều đền nhất song đền thờ chính ở xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm. Đạo sĩ, phù thủy đều thờ ngài, ma quỷ thì sợ oai ngài. Triều Lý cầu đảo ở đền thờ ngài rất linh ứng.

Vào đời Lý Thánh Tông, giặc Chiêm Thành sang quấy phá biên giới nước ta, vua Lý Thánh Tông phải thân chinh dẹp giặc. Khi qua địa phận xã Tiên Sơn, trời bỗng đổ mưa, bốn bề tăm tối mù mịt. Nhà vua cho dừng quân ở chùa Trường Liên ở Tiên Sơn. Đêm đến vua chiêm bao thấy một vị thần hình thù kỳ quái chỉ có nửa người, một tay một chân chỉ huy âm binh đến quì xuống trước mặt vua tâu rằng: "Thần là Thần Độc Cước ở chùa Tiên Sơn, quản lãnh tất cả âm binh ở thiên đình và âm phò tế độ". Nhà vua tỉnh dậy biết là thần rất anh linh ra lệnh cho quân mật đảo. Sau khi đánh lui quân Chiêm, nhà vua sai dựng đền miếu thờ cúng, gia phong là Thượng Đẳng phúc thần.

Đến đời Trần Thái Tông ở xã Tiên Sơn, huyện An Phú phủ Từ Sơn thuộc đạo Kinh Bắc có một người vốn dòng dõi thi thư, nếp nhà hiếu đễ tên là Lê Cự vợ là Đặng Thị Cầu là người trung thành, cẩn hậu. Kể từ đời tam đại trở xuống nhà ông không hề may mắn làm điều ác nghiệt, đến ông lại càng khoan hòa hiền hậu, kính trời thờ thần, rất cẩn thận đối với việc cúng tế. Dân địa phương bầu ông làm thủ từ giữ việc đèn nhang ở chùa Trương Liên thờ Độc Cước. Hồi ấy, vợ chồng ông đã ngoài 40 mà chưa có con trai. Một hôm ông nằm mộng thấy trong chùa hào quang sáng rực, có một vị thần mình sáng lóng lánh như vàng ngọc trên tòa sen, tả hữu đứng hầu la liệt. Có lệnh truyền cho vị long thần đem hai đứa thanh đồng xuống đầu thai làm con họ Lê ở xã Tiên Sơn huyện An Phú. Long thần dạ ran rồi đưa hai đứa thanh đồng cho ông. Ông hỏi tên họ hai đứa là gì, Long thần viết tên một cậu là Nguyệt Lãng một cậu là Trung Quốc rồi đưa cho ông. Ông chợt tỉnh, biết là điềm chiêm bao lành, vừa lúc gà gáy tàn canh, phương đông hừng sáng, chim kêu ríu rít. Ít lâu sau, Đặng Thị có mang đến giờ dần ngày mùng bảy tháng giêng đẻ ra một bọc có hai con trai. Trong khi đẻ dưới chân núi Tiên Sơn hương bay ngào ngạt. Lê nhớ lời chiêm bao đặt tên con là Nguyệt Lãng và Trung Quốc. Lớn lên hai cậu bé học rất thông minh, chừ tử bách gia đều nhuần nhuyễn.

Nghe tin ở Xích Đằng, phủ Khoái Châu đạo Sơn Nam có một quốc lão họ Nguyễn là người rất mực tinh thông về nho y lý số phù thủy pháp môn cả nước không ai sánh kịp, pháp hiệu là Tinh Quán tiên sinh. Anh em Nguyệt Lãng, Trung Quốc đến thụ giáo vài năm đã học hết chữ của thầy. Hai ông xin phép thầy về thăm quê, chẳng may bố mẹ đều ốm nặng và qua đời. Hai ông làm tang bố mẹ rất chu tất. Dân làng tin mến hai anh em ông bèn cử hai

ông giữ đền thờ thần Độc Cước. Đêm đêm hai ông thường chiêm bao thấy thần Độc Cước hiện lên kết nghĩa anh em. Từ đó hai ông đặc đạo, nổi tiếng là phù thủy cao tay dù tà ma lợi hại thế nào cũng trừ được, dân chúng tôn hai ông làm thần sư.

Hồi ấy ở châu Xích Đằng thuộc đạo Sơn Nam bị hỏa tai rất nặng, vua Trần Thánh Tông phải thân hành về lập đền tế trời đất nhưng cũng chỉ bớt được một phần chứ không dập tắt hẳn được. Riêng xã Phán Thủy cháy càng ngày càng dữ không sao dập nổi. Vua Thái Tông than rằng: "Đời Hán Quang Vũ xưa ở Hoằng Nông cũng bị hỏa tai, Lưu Côn chỉ là một viên thái thú mà còn làm cho trở chiều gió dập tắt lửa, huống chi ta nay là vua một nước, thân hành đến trị lửa mà lửa không tắt, chẳng hóa ra đức độ của ta không bằng Lưu Côn ư?". Nhà vua bèn dừng xe ở Phán Thủy yết lên bảng rằng: ai có tài dập hỏa tai thì sẽ phong tước và ban cho cả xã này làm nơi hương hỏa mai sau. Bấy giờ nhiều phù thủy cao tay đến mà cũng không dập được hỏa hoạn. Trung Quốc, Nguyệt Lãng nghe tin rất lấy làm lạ tự hỏi: "Thầy của ta trừ được muôn ngàn ma quỷ chẳng lẽ không trừ được hỏa tai?". Hai ông đến yết kiến thầy thì hóa ra thầy đã tạ thế. Hai ông làm lễ cúng tế thầy xong rồi đến bái yết vua Thái Tông.

Đêm trước dân xã Phán Thủy và nhà vua đều chiêm bao thấy một người tự xưng là sứ giả nhà trời bảo rằng: "Ngày mai có hai vị quan lớn đến. Hai vị thần hần xã Phán Thủy, hoàng thiên đã quyết định như vậy. Hai vị này đến thì hỏa tai sẽ bị dập tắt".

Ngày hôm sau, hai ông đến, Thái Tông và nhân dân tiếp đãi rất hậu. Hai ông bèn lập đàn cầu đảo Độc Cước thần vương. Đang hành lễ thì có cơn gió lốc từ phương bắc thổi đến, một vị thần cao hơn 10 trượng, nửa mặt, nửa thân, một tay, một chân đứng ở trên đàn. Hai ông cầm cờ lệnh, đọc một đạo thần chú, tự nhiên có rồng và kỳ lân đến phun nước vào lửa dập tắt ngay hỏa hoạn. Từ đó dân không bị hỏa tai và rất yên ổn làm ăn. Thấy thần Độc Cước anh linh, vua bèn truyền cho dân Phán Thủy lập đền thờ ngài tại xã. Vua mời hai ông Nguyệt Lãng và Trung Quốc đến để thử tài. Hai ông tỏ ra là bậc văn võ toàn tài, thông minh xuất chúng. Vua truyền cho đón hai ông về Thăng Long nhưng dân Phán Thủy kêu với vua cho hai ông ở lại để họ yên ổn làm ăn. Nhà vua bèn miễn tô thuế và phu phen tạp dịch cho xã Phán

Thủy và cho ông anh là Nguyệt Lãng ở lại với dân Phán Thủy, đưa Trung Quốc về kinh ban cho quyền cao chức trọng.

Hồi đó giặc Mông Cổ sang xâm lược. Nhà vua phải tạm lánh ra Đông Bộ Đầu. Hai ông hiệp lực với Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn phá quân Mông Cổ, rước vua trở lại kinh thành. Vua phong hai ông là đốc lĩnh quân xuất các đạo binh mã. Sau đó nhà Nguyên sai Ô Mã Nhi và Bá Linh đem ba chục ngàn quân tinh nhuệ sang xâm lược nước ta. Tướng giặc Bá Linh (còn có tên là Phạm Nhan) bị bắt đem chém mà cứ rơi đầu nọ lại mọc đầu kia, nhà vua rất lấy làm lo. Hưng Đạo Vương cùng hai ông phụng mệnh đánh một trận lớn ở sông Lục Đầu bắt sống được Ô Mã Nhi. Hai ông tâu vua lập đàn cúng Độc Cước thần vương giúp nhà vua chém Bá Linh. Thế là Bá Linh chết hẳn. Quân Nguyên bị thua kéo quân về nước. Từ đó thiên hạ thái bình. Hai ông được phong tước đại vương. Hai ông lạy tạ nhà vua, rước sắc về xã Phán Thủy, mở tiệc mừng công rất trọng thể. Từ đó hai ông cùng dân sống cuộc đời yên vui vô sự. Hai ông khuyên dân làm ruộng, trồng dâu, làm việc thiện, trừ việc ác. Trong ba mươi tư năm gắn bó với dân Phán Thủy ông rất nặng nề tình, có nhiều công đức lớn với dân. Một hôm đang cùng hội họp với dân làng ở khu Cái Lạ bỗng nhiên có dải lụa điều từ trên trời rủ xuống bàn tiệc của hai ông, hai ông cùng hóa, chỉ còn áo mũ để lại cõi trần mà thôi. Sau này nhà vua gia phong Thượng đẳng phúc thần.

NGUYỄN CUNG PHI

Tương truyền ở xã Dưỡng Phúc, huyện Kim Động, châu Xích Đằng Trấn Sơn Nam có gia đình họ Nguyễn nối dòng lương y có tới 5 đời chỉ có cứu người làm phúc, đến đời Nguyễn Công Minh vốn là người hiền lành chất phác, vợ là người xã Dưỡng Hòa, huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân, lấy nhau hơn mười năm chưa có con. Ông bà đi cầu tự chùa Hương, và ở lại chùa cầu mộng. Đêm ấy vào khoảng canh ba, bà chiêm bao thấy mình cưỡi rồng vàng bay lên trời bắt mặt trăng bỏ vào miệng nuốt. Khi chiêm bao tỉnh, mồ hôi ra khắp mình mẩy đều có mùi thơm. Sau trăm ngày bà có mang. Đến tháng ba, năm bính dần, bà về thăm quê ngoại, một hôm bà ra tắm ở chằm trở về vào lúc giữa trưa, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, thấy có một đám mây hồng tròn như cái tán đứng ở trên không che lấy đỉnh đầu của bà. Ánh hào quang tỏa sáng bốn phía, gió thơm sực nức, trên trời như có tiếng nhạc rung

lên. Khi ấy bà sinh một cô con gái nhan sắc xinh đẹp tuyệt trần. Năm cô mười ba tuổi rất thông minh, thật là một vị Nghiêu Thuấn trong hàng nữ lưu. Nàng đi đến đâu, trên trời hiện ra đám mây tròn như cái tán che trên đầu, ai nấy đều cho là vị thần tiên giáng thế đâu phải người thường. Đến năm mười bốn tuổi bắt đầu đi học, cô học rất thông. Năm ấy cha mẹ đều mất. Hài ấy có tên Đinh Hoàng con một nhà hào phú Hoan cưỡng ép cô lấy hần. Cô phải lánh sang ở nhờ nhà cậu ở quê mẹ được gần vài năm. Khi ấy xảy ra lụt hạn, nhân dân đói khổ, cô đem gia tài ra phát chẩn cho dân, dân cảm ơn cô bèn đem tám mươi hai mẫu đầm để kính biếu, mỗi năm nộp thuế hoa ngư một trăm hai mươi quan tiền xanh và dựng bia ghi công đức, ước hẹn mai sau sẽ phụng thờ hương hỏa. Một hôm có người bà con ở quê nhà đến báo: "Tên Đinh Hoàng đem đồ đảng đến làng Dưỡng Hòa bắt nàng". Nàng bèn dặn dò cậu rồi trốn đi làm nghề bán trà nước ở phường Cửa Tây kinh đô Thăng Long. Tên Đinh Hoàng quả nhiên đem quân đến Dưỡng Hòa xong không bắt được nàng. Nó cho quân cướp hết của cải của nhân dân. Bọn cướp khiêng vác của cải đi ra khỏi làng, tự nhiên mưa gió kéo đến, bọn kẻ cướp nghe thấy tiếng quan quân truy kích rất gấp, tự nhiên sợ hãi chạy tán loạn, bao nhiêu của cải đều bỏ lại hết. Sau khi yên ổn, đêm ấy, nhân dân chiêm bao thấy binh mã của nàng tiến vào trong ấp báo cho biết: "*Chúng ta vâng mệnh thượng đế đem quân đón đánh, bọn cướp đã chạy hết, của cải đồ vật đều bỏ lại, dân chúng cứ ra khỏi làng ngoài mười dặm sẽ lấy lại hết không mất mát chút nào*". Nhân dân tỉnh mộng thì trời đã sáng, họ tìm đến nơi ấy, quả nhiên như thế, chẳng sai chút nào. Ngay ngày hôm đó, nhân dân biện lễ đem đến kinh thành chỗ nàng hiện trú để kể rõ điều chiêm bao, sau đó họ ra về xây dựng một tòa sinh từ ở cạnh chằm. Từ khi nàng lánh ra kinh thành Thăng Long được khoảng vài năm thì xuân xanh cũng vừa hăm bốn tuổi đời. Một hôm Trần Anh Tông ngự ở gác phía tây hương lâu, chiêm bao thấy một nàng tiên cười rông bay từ trời xuống, miệng rông ngâm bức khăn hồng, trong khăn viết bốn câu thơ:

Trời cho tiên nữ giáng trần

Trăm năm sánh với anh quân duyên hài.

Bán trà, nàng ở Cửa Tây

Vua đọc xong chột tỉnh dậy, biết là điều lành, bèn lên xe loan đi ra khỏi thành. Cả một kinh thành nhộn nhịp. Đến lúc xế chiều, nhà vua thấy cô

hàng trầu nhan sắc tuyệt trần, trên không trung có tán mây năm sắc che phủ, bèn ra lệnh rước nàng vào gác tây lập làm cung phi thứ hai. Hồi ấy Đinh Hoàng nổi loạn ở Đằng Châu, triều đình ra quân chưa phân thắng bại, mà bọn giặc mỗi ngày một đông, Nguyễn Cung phi dâng biểu xin cho cầm quân đánh giặc Anh Tông hỏi tài năng của nàng mới biết nàng có võ nghệ cao cường, bèn phê chuẩn cho đi đánh giặc. Nàng tuyển hai mươi tám người con gái anh hùng làm hầu cận, lại cho bốn đạo quân gồm hai nghìn rưỡi người tiến thẳng vào nơi giặc đóng. Tên tướng giặc Đinh Hoàng lập hai đồn ở đất Tạ Xá. Nguyễn Cung phi truyền hịch cho các đạo binh bủa vây bốn mặt, bắt được Đinh Hoàng, nàng hạ lệnh chém đầu thị uy, tàn quân của chúng thấy đều bó đầu hàng. Nàng đem quân khải hoàn và xin vua cho về thăm quê nhà, khi xe loan đến địa phận Tạ Xá, nhân dân làm lễ chào mừng, xin tiến hăm bốn mẫu công điền làm ruộng hương hỏa, Nguyễn Cung phi không nghe và nói: *"Bàn dân thiên hạ, đâu đâu cũng là dân vua đất vua, chả riêng gì một cái ấp này. Dân có lễ nghĩa, ta đã chứng minh. Ta muốn lấy khu đất tại hai chỗ giặc đóng đồn khi trước làm ruộng hương hỏa để lưu truyền muôn đời"*, bèn ra lệnh cho quân sĩ đo đạc diện tích của hai cái đồn ấy được một số ruộng "một mẫu một thước sáu tấc" làm tự điền. Một hôm Nguyễn Phi xin về thăm nhà, thuyền nàng về qua sông Nhị rồi vào xứ Tân Châu, trời bỗng nổi trận cuồng phong, thuyền bị đắm, sau một lát thì ở đáy sông nổi ba tiếng sét làm cho nước dẫn ra, đất sa đùn lên mà đắp thành ngôi mả cao. Nhân dân và binh sĩ cho là việc kỳ lạ bèn làm biểu tâu lên, nhà vua thân hành đến chỗ nàng hóa, truyền cho trăm quan đến làm lễ tế truy điệu hương hồn bà phi. Trong khi tế, gió mây nổi lên cuồn cuộn, nhà vua cho là nàng phi hiển linh, bèn truyền cho quê nàng xây dựng cung miếu cho xã Dưỡng Phúc là ấp thang mộc và là nơi đền chính, ngoài ra, các xã Tạ Xá, Dưỡng Hòa đều được chuẩn y là nơi phụ thuộc. Mãi có kỳ tế lễ vào ngày sinh ngày hóa, trích lấy tiền thuế của đầm và ruộng để cung cấp cho việc tế lễ tại đền chính. Thần tử ở các địa phương khác gồm hăm năm nơi đều có dựng đền phụng sự.

Đến thời Lê Trang Tông khởi nghĩa tiêu trừ họ Mạc, một hôm quan thái úy họ Nguyễn (tức Nguyễn Kim) tiến quân qua đền, bỗng thấy một đôi quạ trắng từ trong đền bay ra múa ở trước xe thái úy rồi lại bay vào trong đền. Thái úy cho là thần hiển linh bèn làm lễ mật đảo. Trời đất bỗng tối sầm lại, gió mưa kéo đến dữ dội, trong đền có tiếng chuông trống rung lên, các lá cờ bay phấp phới hướng về phía tây bắc. Sau một lát, trời trở lại tạnh sáng.

Thái úy lễ tạ, đem quân tiến lên địa phận xã Thượng Phần thuộc đạo Sơn Tây, đánh một trận thật to, quân Mạc rối trí chạy tan tác.

Đời Trần phong là *Trinh thực Từ Hòa Doan trang Thánh mẫu đại vương*.
Đời Lê phong là *Thực Thư Doan Từ Chiêu Nhân Hoàng Ỡ Trinh Tiết Hộ quốc An dân công chúa*.

ĐẠO MINH, ĐẠO LINH, ĐẠO HIỂN

Tương truyền về đời nhà Trần, ở xã Quảng Nguyên, huyện Sơn Minh, phủ Ứng Thiên, đạo Sơn Nam có một người tên là Trần Đức, lấy con gái vị quan trưởng ở đạo Kinh Bắc là Bảo Hoa nương. Trần Đức là người có tài năng, đạo đức, được vua Trần Thái Tông phong làm chức huyện doãn huyện Phù Dung. Thời gian làm quan ở Phù Dung, Đức công nổi tiếng là một ông quan có nhân chính, cụ thể là nuôi người già chân cấp người nghèo, cứu người yếu, giúp người nguy hiểm. Đại phạm những việc có ích cho đời, Đức công đều làm hết sức mình, nhân dân trong huyện thấp nhuần ân đức của Đức công. Một hôm ông bà Đức công nằm mơ thấy một ông tiên đầu tóc bạc phơ, tay cầm râu rồng báo rằng: “*Nhà ông vốn là nhà trồng cây đức đã lâu năm thiên đình đã soi xét. Nay thiên đình sai ta xuống trao cho ông bà ba râu rồng này để làm của báu*”. Ông bà nhận xong toan hỏi lại ông già kia biến mất. Tỉnh cơn mơ ông bà trao đổi với nhau và cho rằng thế nào nhà mình cũng có bậc anh tài giáng sinh để cứu nước giúp dân. Lại nói một đêm, Bảo Hoa nương nằm mơ thấy con rồng vàng từ trên trời bay xuống chạy thẳng vào lòng sau đó tâm thần chuyển động rồi có mang. Đến ngày mười hai tháng giêng năm Bính dần, bỗng ánh hào quang sáng rực ở trong phòng và mùi hương thơm phức tỏa ra đầy nhà, lúc ấy Bảo Hoa trở dạ đẻ một cái bọc có hai cậu con trai. Tướng mạo hai cậu có nhiều điểm khác hẳn người thường. Mắt dài và sáng như mắt phượng hoàng, cằm dài như cằm chim én, tay dài chấm gối bụng to rốn sâu... đến ngày mười sáu tháng tư năm Mậu Thìn, Bảo Hoa lại sinh một cậu con trai nữa. Cậu ba mặt mũi khô ngô, tướng mạo thật là chững chạc. Trần Đức đặt tên cho con thứ nhất là Đạo Minh con thứ hai là Đạo Linh con thứ ba là Đạo Hiển. Lớn lên, Trần Đức cho ba con đi học. Các cậu học rất thông minh, chỉ khoảng năm sáu năm mà bách gia chư tử đều thông suốt. Chẳng bao lâu Trần Đức và Bảo Hoa đều mất. Ba người con đang thuở tuổi xanh mà phải sống cảnh cô cút,

các cậu đã tự lực sống để học hành trao dồi bản lĩnh. Năm mười tám tuổi các cậu văn chương võ lược đều hơn hẳn người thường. Hồi ấy vua Trần mở khoa thi, ba anh em Đạo Minh, Đạo Linh, Đạo Hiến vào thi đình, ứng đối lưu loát, rất hợp ý nhà vua. Vua bèn phong cho Đạo Minh làm Tả đạo binh nhưng, Đạo Hiến làm Hữu đạo binh nhưng, nhậm chức tại triều hơn mười năm. Nhà Nguyên cử đại binh sang xâm lược nước ta, nhà vua sai ba ông đem quân đi tuần thú các nơi trong nước, một mặt tăng cường khuyến khích nhân dân sản xuất nghề nghiệp, một mặt tổ chức và kêu gọi nhân dân kháng chiến. Ba ông tuần hành đến đâu, nhân dân ở đó đều đem lễ vật ra chào mừng. Ba ông đều từ chối không hề lấy gì của dân dù chỉ là vật rất nhỏ mọn, cho nên nhân dân đều yêu mến kính phục. Khi ấy bên ngoài giặc ngoại xâm hoành hành, bên trong giặc cỏ nổi lên gây rối trị an làm cho dân vô cùng điêu đứng. Ba ông tuần hành đến đâu, bọn chúng đều ra hàng và cải tà qui chính đến đây. Do đó nhân dân được làm ăn yên ổn để đóng góp sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược. Một hôm ba ông hành quân đến thôn Quang Lệ, tổng Cát Dương, huyện Phù Dung, phủ Khoái Châu, giữa lúc mặt trời gác núi bèn dừng xe vào nghỉ tại chùa. Ba ông cho quân sỹ biện lễ chay tạ phật. Trong khi ấy bỗng thấy nhân dân làm lễ chào mừng ba ông, vì nhân dân trong thôn áp bỗng tự nhiên đau ốm, cháy nhà. Họ bảo nhau lập đàn chay làm lễ tế cáo thiên địa bách thần. Lúc dân đang làm lễ, bỗng thấy vị thần xuất hiện, đứng trên đàn truyền bảo dân: "Ta là Long thần ở chùa này, báo cho dân biết: nay có ba vị quan lớn tước nã bọn gian tà, các ngài hiện còn đóng tại chùa làng ta. Chính ba vị quan lớn sẽ làm phúc thần ở địa phương này. Vì ba vị có khí thiêng thiên bẩm, cho nên đi đến đâu có âm binh theo đến đây. Nhân dân gần đây không được yên ổn cũng vì lẽ đó. Phải gấp làm lễ tạ rồi rước ba vị quan lớn về thiết lập hành cung xin duệ hiệu để thờ, nhân dân và gia súc sẽ được yên ổn thịnh vượng". Nói xong vị thần biến mất. Nhân dân cả sợ cho là việc lạ. Ngay lúc đó họ kéo ra chùa cúi đầu lạy mừng ba ông và rước về bản ấp. Ba ông thấy bản ấp có ngôi đất quý, bèn truyền cho dân áp xây dựng một tòa sinh từ ở trên kiểu đất ấy. Sau đó ba ông viết rõ tên húy của mình trao cho dân. Khánh thành sinh từ, dân rước ba ông đến ngụ vài ba tháng ở đó. Trong thời gian ở lại, ba ông rất chú ý giáo hóa nhân dân và khuyến khích dân trọng người làm ruộng trồng dâu. Trước khi lai kinh, ba ông truyền cho ba quân mở tiệc khao thưởng nhân dân rất trọng thể; trong lúc vui vẻ, ba ông nói chuyện với phụ lão: "Anh em chúng tôi với dân nhất định thành nghĩa cũ tình xưa với nhau. Chúng tôi có hai chục nén vàng đưa gửi lại dân

để làm công quỹ cho việc trùng tu sinh từ”. Nhân dân đều cúi đầu làm lễ lĩnh mệnh. Công việc thu xế xong, ba ông về triều. Thời gian này, quân Nguyên đem binh lực rất lớn sang xâm lược nước ta Nhà vua hỏi kế đánh giặc, ba ông tâu xin bệ hạ sai Hưng Đạo Vương cùng bọn hạ thần cầm quân đánh giặc, nhất định sẽ dẹp yên được, chẳng có gì đáng lo...” Nhà vua bèn phong Hưng Đạo Vương làm Tiết chế thủy bộ chư quân và phong ba ông làm Điều biết binh nhưng tả hữu chư doanh sự vụ kiêm tham tán mưu sự, đốc lĩnh các đạo thủy quân. Ba ông tham chiếm ở đồn Vạn Kiếp làm cho quân Nguyên thua. Sau khi chiến thắng, văn võ bách quân kéo về kinh đô Thăng Long, Nhà vua khao thưởng chủ tướng và phong chức tước cho những người có công. Ba ông đều được nhà vua bổ nhiệm: Minh công trấn thủ đạo Sơn Tây, Linh công trấn thủ đạo Sơn Nam, Hiển công trấn thủ đạo Hải Dương. Từ đó vua tôi đồng tâm hiệp lực, thiên hạ thái bình, muôn dân ấm no. Ba ông có công với nước, được nhà vua biệt đãi rất hậu và cho đi thăm các nơi trong nước.

Qua mười năm như thế, một hôm ba ông trở về triều bệ kiến, nhà vua phong cho Đạo Minh làm Chưởng nội các, Đạo Linh làm Đông các đạo học sỹ Đạo Hiển làm Công bộ tả thị lang. Ba ông làm việc tại triều ngoài ba chục năm, tuổi cao sức yếu bèn dâng biểu xin về nghỉ tại thôn ấp và trông coi lăng mộ song thân, được nhà vua phê chuẩn, ban cho áo gấm, vàng bạc ba chục nén. Ba ông về làng làm lễ cúng tế gia tiên, khao thưởng nhân dân và quân lính, qua một tháng lại trở về nơi sinh từ. Nhân dân Quang Lệ nô nức vui mừng. Ngày mười lăm tháng chạp năm Tân Hợi ba ông đang ngồi ở sinh từ, bỗng thấy một bầy chim xanh bay đến xúm xít chung quanh, trong lúc ấy có ba con rồng vàng xuất hiện bay vút lên trời. Gió mưa thành linh kéo đến, sấm sét dữ dội, ba ông mồ hôi ra thấm lưng, chỉ khoảng giây lát ba ông đều hóa. Sau đó gió mưa im hẳn. Nhân dân thấy ba ông đã hóa, cả sợ bèn làm chay siêu độ và làm lễ an táng.

Từ đây trở đi nước đảo dân cầu, rất là linh ứng. Các đời đế vương đều có gia phong duệ hiệu và chuẩn y cho xã Quang Lệ làm hộ phi phụng thờ đền chính. Ba đạo Sơn Tây, Kinh Bắc và Hải Dương gồm mười lăm nơi cũng có lập phụng sự.

ĐÔNG KỶ

Tương truyền thời vua Huệ Tông nhà Lý, ở trang Thanh Lũng, huyện Đôn Sơn phủ Thuận thiên, Ái Châu (Thanh Hóa) có một người tên là Luyện Lễ, vợ là Trần Thị Huyền. Tiên tổ Lễ công vốn là người Quảng Đông, dời sang đất Ái Châu nước ta đến đời Lễ công đã là bốn đời, nề nếp gia đình hiếu nghĩa, có nghề làm thuốc gia truyền, mấy đời đều làm quan y viên.

Hồi ấy Lý Huệ Tông bị bệnh dương hư đau bụng. Lễ công, một lương y rất trẻ, lai kinh bốc thuốc cho vua, chỉ một thang mà đã hoàn toàn khỏi bệnh. Nhà vua vui mừng bèn phong cho Lễ công làm viện trưởng viện Thái y. Lễ công nhận chức tại triều được 10 năm. Sau đó đạo Hải Dương bị bệch dịch tể, Lễ công được triều đình phái điều trị cho dân. Sau ba tháng chạy chữa tích cực dịch bệnh đã bị chặn đứng, dân đạo Hải Dương đều được yên ổn mạnh khỏe. Triều đình cho ông lưu nhậm ở Hải Dương khoảng ba bốn năm. Lúc đó Lễ công mới có hai con gái mà vợ là Trần Thị lại đột ngột qua đời. Ông rất buồn vì gia cảnh, vợ mất sớm, chưa có con trai nối dõi.

Cùng lúc đó ở giáp Tây Thượng trang Đạo Khê (xưa gọi là Lai Khê) huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, đạo Hải Dương có một ông họ Nguyễn mắc bệnh thiên đầu thống đã hơn 10 năm, cầu cúng thuốc thang bách phương nghìn kế không khỏi. Nghe tiếng Lễ Công nổi tiếng thần y bèn mời chữa bệnh. Lễ Công cho uống thuốc 10 hôm thì bệnh thiên đầu thống khỏi hẳn. Nhà họ Nguyễn có cô con gái tên là Hoàng Nương tuổi vừa đôi chín nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành. Luyện Lễ có ý quyết luyện muốn hỏi làm vợ. Đề báo đáp nghĩa thầy cải tử hoàn sinh, họ Nguyễn vui lòng gả con gái cho họ Luyện.

Sau khi tái thú, Lễ công được bổ nhiệm làm án sát Sơn Nam. Mấy năm sau mà Hoàng Nương vẫn chưa có con cái gì. Lễ công than rằng: "Nay đã ngoài 40 tuổi mà con trai chưa có, giàu sang làm gì". Ông bèn từ chức về nhà, lập đàn tràng cúng lễ, siêu độ gia tiên và cải táng cho những cô hồn tuyệt tự hơn vài nghìn mộ. Ngoài ra còn làm chùa, bắc cầu tô tượng, đúc chuông, cứu tế những kẻ nghèo khó, bỏ tiền ra làm phúc đến nỗi gia tài khánh kiệt. Một hôm ông đến chùa Kỳ Sơn ở Ái Châu làm lễ cầu tự, nửa đêm, ông chiêm bao thấy trên đỉnh núi có đám mây ngũ sắc biến thành trăm đóa hoa sen và có tiếng nói: "*Chư phật xét vợ chồng nhà ngươi đã bỏ gia tài ra làm phúc, nay cho long thần vào làm con nhà ngươi để phò tá nhà Trần*". Bỗng nghe tiếng sét, ông tỉnh mộng. Về nhà ông được biết phu nhân chiêm bao

thấy con rắn đen từ trên trời lao xuống. Phu nhân kinh sợ giật mình tỉnh dậy. Sau đó mang thai, đến mừng một tháng tư năm Ất tỵ, sinh hạ một cậu con trai mặt mũi khô ngô kỳ vĩ. Nhớ đến núi Kỳ Sơn ông bèn đặt tên con là Kỳ. Kỳ lên bốn đã nói đủ điều, tính tình rất cương cường. Năm ấy thân phụ tạ thế. Mẹ góa con cô phải nương nhờ bác ruột. Bác ruột là kẻ tham lam, bất nghĩa, âm mưu chiếm đoạt gia tài của cháu bèn vu cáo cho phu nhân không được chính chuyên, từ khi chòng mát sinh lòng gió trăng, phu nhân muốn đưa con đi phương khác nhưng bác ruột cố giữ Kỳ lại. Bà đau lòng toan tự tử song thương con nên xin ra chùa Phúc Môn ở giáp Tây thượng, trang Đạo kê tụng kinh niệm phật. Bà con dân làng rất mừng vì ngôi chùa ấy do chính vợ chồng bà xây nên. Năm sáu năm sau, Kỳ lên mười, bác ruột cho đi học. Kỳ rất thông minh chừ tử bách gia, binh pháp đều tinh thông. Học được mấy năm thì thầy giáo mất, bác ruột bắt về chăn trâu bò. Tính Kỳ rộng rãi hào phóng nên trẻ chăn trâu đều là thủ hạ của Kỳ. Kỳ còn lấy gạo, gà của bác đem khao mục đồng. Ngày đánh nhau với cọp, bắt cọp đem về nuôi. Bác thấy Kỳ nghịch ngợm bèn chửi mắng Kỳ, Kỳ bực mình chạy về nương nấu bên ngoài tại Giáp Tây thượng trang Đại Khê. Khi đến nơi trời nhá nhem tối, dân làng đóng kín cổng không có lối vào, Kỳ bèn nằm ngủ tạm ở quán tranh cạnh làng. Đêm ấy các họ Nguyễn, Trần, Lê, Trương, Phan, Võ, Dương, Phạm, Lưu... đều chiêm bao thấy một ông quan đầu râu tóc bạc, áo mũ chỉnh tề, theo sau là những vong hồn các họ đi vào trong khu báo cho nhân dân biết: *"Ta là quan long thần ở chùa báo cho dân biết nay có một vị kỳ tài, mà sau này sẽ làm phúc thần của làng ta hiện nay nằm ngủ ở ngoài quán. Dân phải ra đón rước, nếu không sẽ mang tội lỗi"*. Long thần truyền phán xong thì vong hồn các họ dẫn nhân dân vào bái yết vị quan thiếu niên, thấy âm linh đang hầu hạ rất đông. Bỗng nhiên nghe tiếng chó sủa vào tai, nhân dân tỉnh dậy mới biết mình chiêm bao. Lúc ấy chó trong làng đều ngửa mặt lên trời sủa vu vơ, đàn bà, con gái, trẻ em nổi cơn sốt rét náo động cả làng. Sáng ra, ông già họ Trần biện lễ ra quán cúng bái; chợt thấy cậu bé ngủ trong quán giống vị quan thiếu niên trong mơ như đúc. Ông ta chạy vội về làng báo cho mọi người ra xem. Họ hỏi lai lịch thì cậu bé trả lời: *"Làng này vốn là quê ngoại của tôi. Tôi là con quan án Luyện Lễ quê ở Ái Châu, khi cha tôi còn sống có đến làm quan ở xứ Hải Dương này"*. Nghe thấy thế dân làng biết đây là con trai của bà Hoàng bèn đem Kỳ đến chùa gặp mẹ. Mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi mở tiệc chay ăn mừng, bỗng thấy dân làng kéo đến xin được làm tôi con. Thoạt tiên ông Kỳ từ chối: *"Tôi với dân làng là tình nghĩa. Tôi có công đức gì với dân đâu mà dám nhận"*

dân làm tôi con”. Nhưng nhân dân kêu van tha thiết và lại kể giấc mộng cho ông nghe, cuối cùng Kỳ đành phải chấp lễ, nhận họ làm tôi con. Từ đó dân làng sống rất yên ổn. Ông Kỳ ở lại quê ngoại gần 10 năm, hồi đó ông đã gần 20 tuổi, chí khí anh hùng hơn hẳn người thường, ông có phần tự phụ thường ngâm thơ rằng:

Nam nhi trời đất sinh ra

Đến đâu sông núi cũng là xuân phong

Đọc ngang bốn bể anh hùng

Đức ngày thêm mới, lẫy lừng cái danh.

Khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng, Trần Cảnh lên ngôi được ba năm thì hạ chiếu cầu hiền. Ông Kỳ bái tạ sư mẹ để lại kinh ứng tuyển. Khi vào bệ kiến vua thấy ông là người cao lớn chững chạc, văn võ toàn tài, vua rất lấy làm đẹp ý. Vua sắc cho ông là Kỳ Chương lĩnh giá tiền thị vệ trung úy tướng quân. Rồi Kỳ vinh qui bái tổ. Kỳ về quê ngoại ở giáp Tây Thượng trang Đạo Khê lạy mừng thân mẫu (lúc này là sư bà chùa Phúc Môn). Ông còn cấp một nghìn quan tiền xanh cho dân làm công quỹ chi vào việc hương hỏa. Sau đó Kỳ công về triều lĩnh chức Chương lĩnh long hổ nội vệ tướng quân trung úy hầu. Vài năm sau lại thăng chức Đô đài lực sĩ nguyên soái tướng quân. Sau đó nhà vua bổ nhiệm ông Kỳ đi trấn thủ Tuyên Quang. Hồi đó vùng Tuyên Quang bị nạn hổ báo xuống núi, hại người hại vật không biết bao nhiêu mà kể. Ông truyền lệnh cho Mai châu, Mộc châu tiến hành cuộc săn bắn lớn. Ông cho cắm cờ lớn trên núi Miếu Nham, hổ báo nom thấy đều phủ phục, không dám hại người hại vật nữa, con nào không chịu qui phục đều bị bắt đưa về kinh đô xử tội. Loạn hổ báo từ đó được dẹp yên. Vài năm sau ông được bổ nhiệm đi trấn thủ Hoan châu (Nghệ An). Ông cầm quân đi dẹp yên các địa phận trong Hoan châu, đi đến đâu, dân cũng được báo mộng để chuẩn bị đón tiếp và lập sinh từ thờ cúng ông. Nhờ đó dân được yên ổn, làm ăn thịnh vượng. Năm năm sau, nhà vua lại bổ nhiệm ông làm án sát trấn Sơn Nam. Từ khi về Sơn Nam ông thường xuyên về thăm thân mẫu hiện đang trụ trì tại chùa làng. Ít năm sau, bà lên tu tại chùa Yên tử. Ông thường cấp tiền bạc để chi vào việc hương hỏa và trùng tu miếu mạo. Những chỗ đó nhờ ơn ông mà trở nên giàu có.

Ít lâu sau, giặc Nguyên sang xâm lấn nước ta. Dưới sự chỉ huy của Tiết chế Trần Hưng Đạo, Kỳ lập được nhiều chiến công lớn. Khi thắng giặc trở về ông nghe tin thân mẫu đã hại chùa Yên tử. Ông vô cùng đau đớn lên lập đàn tràng cầu siêu cho mẹ. Khi xuống núi, đến cạnh ghềnh Phượng Bàn thì trời đất nổi gió mù mịt, một con rắn đen trong người ông bay lên không trung, ông hóa ngay khi ấy! Một lúc sau kiến mối xông đất làm cái mả lớn. Người sau có thơ vịnh rằng:

Sống làm danh tướng, thác làm thần

Muôn thuở cương thường một tấm thân

Nằm đất Phương Bàn trắng gió rọi

Tướng quân mô ấy miệng nhân dân.

Vua nhà Trần lệnh xuống cho dân lập miếu thờ cúng và ban sắc phong là Đông Kỳ Thái úy Bảo Quốc Công Đại vương. Vương rất linh ứng đã âm phò cho Lê Thái Tổ diệt giặc Minh, cho Nguyễn Kim diệt được nhà Mạc. Tương truyền khi Nguyễn Kim dấy quân ở Ai Lao về đánh họ Mạc, khi đi qua miếu Đại Vương thấy con rắn đen nằm cuộn khúc dưới đằm, hai mắt sáng quắc. Đúng lúc đó, chiêm trống trong miếu tự nhiên khua vang, cờ tự nhiên bay phên phật. Biết là anh linh, Nguyễn Kim cho làm lễ tạ Trần đánh ở xã Thượng Phen, Thạch Thất quả nhiên Nguyễn Kim thắng lớn. Khi Lê Trang Tông lên ngôi, ông được vua sắc phong thêm duệ hiệu là *Quảng Hậu Linh Thông Bôn Mẫu Chính Trực Thông Minh quả Doãn Thượng Đẳng tối Linh Đại vương*.

CAO CÁC

Năm Ninh nhà Đường, đất nước Trung Quốc nơi nơi loạn lạc, một người họ Cao tên Các một mình lánh nạn, giả làm người bần hàn, ăn xin dọc đường đến địa phận Thanh Hóa. Thấy dân cư thuần hậu, bốn mặt có sông bao bọc, Cao Các bèn đến ở nhờ ngôi miếu của làng.

Cao ở lại đó và mở trường dạy học để tìm kế nương thân. Dân địa phương nhiều người đội ơn giáo hóa của thầy. Mấy năm sau, Trung Quốc yên hàn

trở lại ông trở về quê. Vì có tài văn chương chính sự nên mấy năm sau ông vâng mệnh triều đình sang trấn thủ các lộ Thanh Hóa, Nghệ An. Ông bèn đem bộ hạ và quân lính đến làng ngày nọ mở tiệc khao thưởng, ban phát lụa là, tiền bạc và năm nghìn斛 gạo cho dân.

Đến năm 61 tuổi, vua Đường cho vời ông về triều làm việc. Ông hưởng thọ 79 tuổi, mất ngày 14 tháng chạp. Vua Đường giáng chiếu cho các thần tử ở một số trang ấp nước Nam lập đền thờ. Dân thôn Chiếu Trung cảm nhớ công đức của ông bèn lập một tòa miếu tại ngôi trường mà ông dạy học khi xưa. Từ khi có miếu thờ, dân chúng làm ăn thịnh vượng, trở thành một làng trù phú.

Đến đời Trần Thánh Tông, quân Nguyên sang xâm lược. Vua ngự giá thân chinh dẹp giặc. Khi thuyền rồng của vua đi qua bản thôn, bỗng dưng mưa to gió lớn, thuyền không sao tiến lên được. Vua lấy làm lạ bèn lên bờ đóng quân. Trước đền âm u có rất nhiều rắn độc, quân lính của vua nhiều người bị rắn cắn chết. Vua cho vời dân đến để hỏi lai lịch vị thần được thờ trong đền, dân cứ thực tình tâu lên, thấy vị thành hoàng làng anh linh, vua cho biện lễ cầu cúng và khấn: *“Giặc Nguyên xâm lược, tàn hại dân ta, thật cực chẳng đã mà phải đem quân đi đánh, Thần có anh linh hãy hiển linh giúp nước, làm cho ba quân khỏe mạnh, thắng giặc, sau này thần cũng có công...”*. Khấn xong ai nấy đều bình yên vô sự, những người bị rắn cắn cũng sống lại hết. Nhà vua tiến quân đến sông Lục Đầu đánh nhau một trận quyết liệt. Trong lúc giao chiến, trời bỗng nổi cơn bão táp, nước sông cuộn sóng âm, bao nhiêu chiếc thuyền của quân Nguyên đều bị lật nhào, giặc chết đuối rất nhiều. Nhà vua khen thần linh ứng. Thắng trận trở về, vua cho quan triều mang sắc chỉ đến bao phong là *Đương cảnh thành hoàng Hiển ứng Anh Hộ quốc húy Cao Các Đại minh linh ứng thượng đẳng phúc thần đại vương*.

TRẦN QUÝ KHOÁNG

Cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược thất bại, hai vua Hồ bị bắt. Con thứ vua Trần Nghệ Tông là Nam Quận vương Trần Ngỗi, đem một số người trong họ và bộ hạ tâm phúc vào ở xứ đồi Mả Dạn, dựa vào thế núi rừng hiểm trở vùng Tam Điệp, dựng doanh trại, chiêu mộ tráng sĩ, tích trữ lương thảo, mưu việc khôi phục. Bấy giờ có Trần Thiệu Cơ và Trần Chiêu Đúc từ phủ Thiên Trường đem quân đến đón Trần Ngỗi tôn làm Minh chủ. Ngày mùng 2, tháng 10, năm Đinh Hợi (1407) Trần Ngỗi lên ngôi ở Mộ Độ, xưng là Giản Định đế, lấy niên hiệu là Hưng Khánh, đặt hành cung ở chợ Bút. Năm sau quân Minh mở cuộc tấn công lớn vào Mộ Độ, vua Hưng Khánh rút về miền tây đóng ở Nghệ An, Quan chi châu, châu Hóa là Đặng Tất giết quan lại nhà Minh đem quân về với vua. Vua phong Tất làm Quốc công, tướng Minh Trương Phụ đánh Diễn Châu, vua và Đặng Tất rút về miền nam châu Hóa, quân Minh đuổi theo đánh vào cửa biển Bồ Chính tướng Phạm thế Cặng đón hàng quân Minh, Trương Phụ cho làm tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan để chia trị.

Tháng 6 năm Mậu tý (1408) Đặng Tất lại giết được Phạm thế Cặng ở cửa Nhật Lệ, từ Nghệ trở vào lại thuộc về nhà Trần. Tháng 10, vua Hưng Khánh cùng Quốc công Đặng Tất, Tham mưu Nguyễn Cảnh Chân điều nghĩa quân các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu tiến ra Thanh Hóa, qua các xứ Trường Yên, Phúc thành (Yên Khánh) các quan lại cũ và hào kiệt hưởng ứng đi theo. Ngày 14 tháng 12, một trận đánh lớn ở bến Bô Cô, sông Đáy. Vua Hưng Khánh thân cầm dùi đánh trống trận để khích lệ ba quân. Giặc Minh thua to, quân ta chém được binh bộ thượng thư Lưu Tuy, Đô ty Lữ Nghị, Tham chính Lưu Dục, Đô chỉ huy sứ Liễu Tông, diệt hơn 10 vạn quân Minh, chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát vào cố thủ ở thành Cổ Lộng. Vua Hưng Khánh chủ trương thừa thế chẻ tre đuổi theo một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh Đông quan, Quốc công Đặng Tất và Tham mưu Nguyễn Cảnh Chân lại chủ trương quét sạch dư đảng của giặc, củng cố Tây Đô cho khỏi lo sau lưng. Vì vậy vua tôi bắt hòa, tháng 2 năm Kỷ Sửu (1409) vua Hưng Khánh nghe lời gièm giết Quốc công Đặng Tất và Đồng tri khu mật viện tham mưu Nguyễn Cảnh Chân.

Con Đặng Tất là Đặng Dung, con Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị căm tức vì cha bị chết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa đón Trần Quý Khoáng, cháu vua Trần Nghệ Tông, gọi vua Hung Khánh bằng chú, lập lên làm vua tức Trùng Quang Đế. Vua Trùng Quang đón vua Hung Khánh (Giản Định Đế) tôn làm Thượng Hoàng cùng nhau hiệp sức đánh giặc, phong con thứ Thượng Hoàng là Trần Ngô Lĩnh làm thượng tướng.

Mùa hạ tháng năm Trùng Quang thứ hai (1410), vua đem bọn Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Trần Chiêu Đức, tiến ra bến La, Châu Hạ Hồng, đánh bại quân của Đô đốc Giang Hạc nhà Minh, thừa thắng đuổi đến Bình Than, đốt phá thuyền trại giặc Minh. Nhà Minh sai Trương Phụ sang cứu viện, gặp lúc vua và Thượng Hoàng ngờ vực nhau, quân Minh đánh thắng quân Đặng Dung ở Hàm Tử. Vua Trùng Quang rút về Nghệ An.

Tháng 6, năm Nhâm Thìn (1412) Trương Phụ và Mộc Thạnh đem đại quân đánh nhau với bọn Nguyễn Sứ, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung kịch liệt ở Mộ Độ vì các tướng không cùng lòng nên rút chạy vào Nghệ An. Tháng giêng năm Quý Tỵ (1413) vua Trùng Quang mang quân vượt biển đánh quân Minh ở Vân Đồn, Hải Đông để kiếm lương thực, tháng 3 lại rút về Nghệ An, quan quân 10 phần còn 3, bốn phần. Trong chuyến này tướng Trần Triệu Cơ mất tích, tướng Trần Chiêu Đức bị thương mất bàn tay trái sau cũng không biết xiêu bạt về đâu.

Mùa hạ tháng 4, bọn Trương Phụ và Mộc Thạnh đánh Nghệ An, vua lại chạy vào Châu Hóa, sai đại quân Nguyễn Biểu làm sứ sang nhà Minh cầu phong. Sứ giả đến Nghệ An bị Trương Phụ giữ lại mà giết đi. Tháng 6 quân Minh đem quân chiến thuyền đi vào thành Châu Hóa, bấy giờ Thượng hoàng Giản Định đã bị quân Minh bắt đưa về Kim Lăng, vua Trùng Quang chỉ còn vùng Châu Hóa, hai bên cầm cự từ tháng 9 đến tháng 12, tướng Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị bị Trương Phụ bắt được, Nguyễn Cảnh Dị chửi giặc mà bị hại. Vua Trùng Quang chạy sang nước Lão Qua, quân Minh vượt biên giới đuổi theo bắt được vua. Người Châu Hóa thấy vua bị bắt thì đều xin hàng. Trương Phụ đem vua Trùng Quang và các tướng bị bắt xuống thuyền vượt biển về Bắc, khi thuyền vào cửa Thần Đầu (Thần Phù) Vua Trùng Quang nhảy xuống biển, tướng Đặng Dung nhảy theo vua. Mấy ngày sau một số người trung nghĩa tìm vớt được thi hài đem vua ngâm táng ở xứ Mã Dạn. Bấy giờ cháu nội Thượng hoàng Giản Định là Trần Toàn Trung,

con trai tướng Nguyễn Súly là Nguyễn Hoàn có sách ghi là Nguyễn Hồ, trốn thoát nanh vuốt giặc Minh, đem mấy tùy tùng cải trang làm nông phu, dựng nhà ở xứ Mả DẶn làm ruộng, đốt than, trông nom phần mộ. Bình định vương Lê Lợi thắng giặc Minh, nhưng vẫn đi vào sách lược hòa hiếu, sai sứ mang chiếc song hồ phù của Chinh Lỗ phó tướng quân Liễu Thăng, hai quả ấn bạc của hai viên Thượng thư Lý Khánh và Lương Minh, một bản danh sách tù binh: 13.587 quân lính, 280 tướng, 137 quan lại 13.180 kỳ quân cùng với 1200 con ngựa. Lại dâng phẩm vật và biểu cầu phong xin lập Trần Cảo làm vua.

Tháng 11 năm 1427 vua Minh sai sứ mang chiếu thư phong Trần Cảo làm An nam Quốc vương, được hơn một tháng thì Trần Cảo bị giết. Ngày 16 tháng 4 năm Mậu Thân (29-4-1428) Lê Lợi chính thức lên ngôi Hoàng đế. Nhà Minh thừa nhận ngôi vua của Lê Lợi chỉ phong là “Quyền Thự An nam quốc sự” và đòi lập lại họ Trần.

Mãi đến đời vua Lê Nhân Tông nhà Minh mới chịu thừa nhận vua Lê là An nam Quốc vương, dòng dõi họ Trần không còn là mối lo của vua Lê. Trần Toàn Trung mới cùng mọi người dời ra ở chân núi Cái Sơn, chiêu mộ thêm dân nghèo đến khai hoang được 236 mẫu, lập thành trang ấp, nhân thấy chân núi hình như cái tán che mới đặt tên là trang La Phù.

LÊ HIẾN GIẢN, LÊ HIẾN TỬ

Thời Trần, cháu tăng tôn thái phó Tô Hiến Thành là Tô Hiến Chương dời đến ở trang Thượng Lao, huyện Tây Chân, phủ Thiên Trường đạo Sơn Nam lấy người con gái địa phương là Lê Thị Nga. Hai ông bà tính tình nhân hậu, hay làm phúc cứu người đói rét, lại đem nghề dệt dạy dân vùng này. Hai ông bà ăn ở với nhau rất hòa thuận, chỉ hiếm một nỗi hiếm hoi tuổi ngoại lục tuần vẫn chưa lần nào sinh nở. Một năm, ông bà đi cầu tự ở Hương Sơn bà có thai, ngày 10 tháng 2 năm Tân tỵ (1341) năm đầu Thiệu Phong đời vua Trần Dụ Tông sinh ra một bọc hai con trai, mặt mũi khôi ngô, hình dung tuấn chỉnh, mới đặt tên chung là "Đồng". Nhân vì hiếm hoi nên cho theo họ mẹ, lớn lên đặt tên một người là Lê Hiến Phủ, một người là Lê Hiến Tử. Hai ông tư chất thông minh, học hành chăm chỉ, đi thi hương đỗ đồng khoa. Mùa xuân, tháng hai năm giáp dần (1374), thi Đình ở cung Trùng

Hoa, phủ Thiên Trường. Vì tên húy Thượng hoàng Nghệ Tông là Phủ, nên Lê Hiến Phủ đổi tên là Lê Hiến Giản. Lê Hiến Giản đỗ Bảng nhãn, người thứ hai trong người đỗ đầu (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), gọi là Tam khôi. Lê Hiến Tứ đỗ đệ tam giáp Tiến sĩ. Lê Hiến Giản làm quan với chức Ngự sử Trung đại phu, Lê Hiến Tứ làm quan Hạ đại phu. Hai ông làm quan ở triều đình nhưng vẫn quan tâm đến quê hương, đã cho đào một con ngòi nối liền sông Đào (Cổ Lễ), để tiêu nước và dẫn nước ở cánh đồng các xã Thượng Lao, Xối Thượng, Xối Tây, Xối Trì... và thuyền bè đi lại ra sông Hồng.

Năm Mậu Thìn (1388), Thượng hoàng Nghệ Tông nghe lời dèm của Hồ Quý Ly phế truất vua Xương Phù, bắt thắt cổ chết. Trung Đại phu Lê Hiến Giản ngồi ở chính sự đường chỉ trích Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly tìm mọi cách dụ dỗ mua chuộc nhưng không lay chuyển được lòng trung nghĩa của hai ông đối với nhà Trần. Hai ông liền bị mưu hại, vào ngày 12 tháng mười hai năm Canh ngọ (1390). Thời ấy có câu viếng:

Phù chính đản tâm nguyên bất tử.

Tân trung hùng khí lâm như sinh

Tạm dịch :

Phù chính nghĩa lòng son lẫm liệt không bao giờ mất.

Hết lòng trung khí mạnh mãi mãi vẫn như còn.

Sau khi bị hại, linh cữu hai ông được đem xuống thuyền từ Thăng Long xuôi sông Hồng, vào sông Đà Giang (Cổ Lễ), an táng bên con ngòi do hai ông đào lúc sinh thời. Bốn nàng mỹ nữ hầu hai ông, gieo mình xuống con ngòi tự tận theo hai ông. Từ đó ngòi có tên là ngòi Mỹ Nữ (Mỹ Nữ hoàn Khê).

*

* *

Năm Bính ngọ (1426) Bình Định Vương Lê Lợi tiến quân ra Bắc, qua vùng Thiên Trường. Hai ông hiền linh báo mộng xin âm phù diệt giặc Minh xâm lược. Năm Mậu Thân (1428), Bình Định Vương dẹp xong giặc Minh, lên ngôi vua tức vua Lê Thái Tổ sắc phong hai ông là thượng đẳng Phúc thần.

Từ đó trở đi quốc đảo dân cầu có nhiều linh ứng, đời Nguyễn xét hai ông trung nghĩa và cả nước chưa có ai được bốn chữ "Đồng".

- 1- Đồng sinh (Cùng đẻ một ngày)
- 2- Đồng khoa (Cùng đỗ một khoa)
- 3- Đồng liêu (Cùng làm quan một triều)
- 4- Đồng tử (Cùng chết một ngày)

Triều đình Huế gia ban quốc tế vào những năm mở hội lớn (vào đám), 3 năm hoặc 6 năm 1 lần. Nhân dân làm rạp trước đền để quan Tỉnh vâng mệnh vua về tế (Khâm sai), khu đất ấy có tên là Ang quan. Phía bắc đền có một cồn đất để cọc ngựa của quan quân, nay có tên là Cồn Cỏ ngựa.

Trong đền còn giữ được 31 đạo sắc phong từ đời Lê Vĩnh Thịnh (1705 - 1719), đến đời Nguyễn Khải Định (1916 - 1925), đặc biệt có đạo sắc phong năm Cảnh Thịnh thứ tư (1796) đời Nguyễn Tây Sơn.

NGUYỄN ĐĂNG

Nguyễn Đăng (tên cũ là Đen), con ông Nguyễn Ph, người xã Yên Bình, Châu Đam, xứ Thanh Hoa. Đời vua Trần Anh Tông, Phụ Quốc giữ chức Nội thư chính đường Đại hành khiển, quyết đoán mọi việc xứ Nghệ An, năm 40 tuổi chưa có con. Ông lấy bà Vương Thị ở Hà Dương làm thiếp, năm sau có thai, bèn làm nhà ở nguyên quán để bà Vương Thị ở, no ngày đủ tháng sinh hạ được con trai về ban đêm. Đêm hôm ấy trên nóc nhà hiện ra một cái đèn, ngọn đèn to như cái đầu chiếu sáng suốt đêm. Ông Phụ Quốc mừng nói: "Đây là cái hoa sáng láng, là điềm báo trước sau này nhà cửa sẽ hiển vinh". Nhân đó đặt tên con là "Đăng". Năm ông Phụ Quốc mất, Nguyễn Đăng đã 20 tuổi được tập ấm, bổ làm quan huyện doãn huyện

Đông Sơn. Năm thiệu Phong thứ hai (1342) đời vua Trần Dụ Tông được triệu về kinh đọi chỉ. Bấy giờ Nguyễn Đăng đã 26 tuổi, về người thanh tú, vua trông thấy rất yêu bổ chức Thái tử Thái Bảo. Thái tử lại càng yêu mến, 8 năm sau vua băng hà, Thái tử nối ngôi tức vua Duệ Tông, đặt niên hiệu là Long Khánh. Vua lấy ông Nguyễn Đăng giữ chức Tri điện diện Kim Long, bấy giờ thiên hạ thái bình, vua muốn làm cho bờ cõi mạnh. Năm Long Khánh thứ 2 (1374), quan trấn thủ châu Hóa là Đỗ Tử Bình, nói dối Chế Bồng Nga (vua Chiêm Thành) ngạo mạn, vô lễ, nên vua đem quân đến đánh. Duệ Tông quyết ý thân chinh, triều thần nhiều người can ngăn, vua không nghe, Tri điện Nguyễn Đăng xin theo xe vua, vua ưng cho. Khi quân tiến vào đất Chiêm Thành, vua ra lệnh tri điện Nguyễn Đăng đóng giữ hành doanh còn quan quân tiến vào đất Ý Mang. Chế Bồng Nga cho bề tôi là Thu Bà Ma dâng thư trách hàng: Duệ Tông nhân đây hạ lệnh tiến quân. Đại tướng Đỗ Lễ can: "Người xưa có nói lòng giặc khó lường, xin bệ hạ xem xét". Vua nói: "Người xưa nói việc quân quý ở mau chóng như thần, nay dùng dằng không tiến, ấy là ý trời cho mà không lấy, kẻ kia có mưu kế khác, thì hối sao kịp". Bèn cho quân tiến lên tiếp nối nhau như xâu cá, trước sau không thông tin với nhau. Quân Chiêm thừa thế xông ra chặn đánh, quan quân tan vỡ. Duệ Tông mất ở trong quân. Tri điện Nguyễn Đăng ra sức đánh vào lòng loạn quân, tìm được xác vua mang trở về. Thượng hoàng thấy vua mất vì nước, mới lập con trưởng vua là Kiến đức Đại vương Nghiễn lên làm vua, xưng hiệu Xương Phù. Vua rất khen lòng trung, chưa kịp thăng thưởng Đăng đã mất, thọ 42 tuổi. Giản Hoàng sắc phong làm Chiêu Hải Linh ứng đại vương, bậc chính thần, xuống chiếu cho xã Hà Dương lập đền thờ phụng. Lại ban cho biển vàng đề hai chữ "Trung dũng". Về sau vua Lê Thái Tổ bình định thiên hạ, năm đầu Thuận thiên, xuống chiếu phạm những bài phù sa bờ biển cho dân khai khẩn làm ruộng, lập làng. Người ở xã Hà Dương là Ngô Đình Tích và Phạm Văn Định, đến huyện Đại An, xứ Sơn Nam, khai khẩn ruộng, lập làng Đông Ba thượng, Đông Ba hạ, Hà Dương, Đông Tĩnh và thôn Hà Phúc, dân không được yên ổn, bèn dựng đền miếu ở đầu làng, cử người về quê cũ phụng nghinh Duệ hiệu vị chính thần, Chiêu Hải Linh ứng đại vương về thờ phụng. Từ đó trở đi nhân dân yên ổn, của lắm vật nhiều, cầu đảo có nhiều linh ứng.

HOÀNG THÀNH

Ở thôn Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An, có người họ Hoàng, vốn hiền lành phúc hậu. Nhà nghèo, hàng ngày hai vợ chồng phải ra bãi bể mò cua bắt cá kiếm sống. Một hôm người vợ thấy con trâu vàng chạy trên mặt biển, bà đuổi trâu tóm được một cái lông đen cài vào thắt lưng, từ đó cảm động có thai. Đầy 12 tháng thì đẻ được một cậu con trai, trạng mạo đầy ánh hào quang, chân tay dài to rắn rỏi, ở bụng có 7 nốt ruồi như 7 ngôi sao. Cha mất sớm, mẹ con nuôi nhau đến tuổi khôn lớn và bà đặt tên con là Thành. Thành bản tính cương nghị, trung thực, có sức khoẻ phi thường, nổi tiếng bốn phương, được mọi người tôn kính>

Hồi ấy, giặc Nguyên sang xâm lược, nhà Trần xuống chiếu cầu tài dẹp giặc cứu dân. Nghe tin Thành có tài, vua triệu về kinh. Sau khi thử thách học vấn và tài nghệ của ông, nhà vua rất coi trọng và yêu mến, bèn phong cho ông chức Đô hộ đại tướng quân, sai cầm quân đi đánh giặc, ông hành quân đến địa phận trang Mỹ Nhậm, châu Cổ Đằng, trấn Thanh Hoá thì đóng lại tuyển thêm gia thân rồi tiến thẳng vào đồn giặc, đánh một trận lớn làm cho giặc hoảng sợ chạy tán loạn, sau đó dẹp yên được giặc. Thắng trận khải hoàn, yến tiệc mừng công, ông tâu xin cho về thăm quê. Khi về đến đồn trại cũ ông mời phụ lão và dân làng đến ăn yến. Bỗng nhiên gió mưa âm âm kéo đến, nước sông Cái dâng lên, có con giao long (tức thường luồng) theo nước lên diễu quanh ông rồi ông hoá. Đến khi gió mưa yên tạnh thì thấy bên sông nổi lên cái gò đất mới tròn trĩnh như hình con kim. Nhân dân lấy làm lạ bèn dâng biểu tâu lên triều đình. Nhà vua sai quan đem sắc phong về Cổ Đằng, cấp thêm tiền công quỹ truyền cho dân lập đền thờ cúng.

LÊ LỢI, LÊ THẬN

Ở sách Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thiệu Thiên, xứ Thanh Hóa có một người tên là Lê Đức, vợ là Nguyễn Thị Thanh người bản ấp, nếp nhà trung hậu. Đến đời Lê Đức gia nghiệp sa sút, không có chỗ đất cắm dùi, ông phải tha phương lưu lạc, lấy nghề buôn gỗ làm kế sinh nhai, đến ngụ cư tại thôn Tiểu Lê, xã Như Quỳnh, huyện Gia Lâm, được khoảng năm sáu năm thì gia tư trở nên giàu có, lại lấy vợ lẽ ở đây Quế. Ông Đức nhập tịch làm dân thôn Tiểu Lê được mọi người tín nhiệm bầu làm hương trưởng. Ông Đức tu nhân tích đức có tới hơn ba chục năm, song rất hiếm hoi, vợ chưa sinh đẻ lần nào. Một hôm ông than thở với Lê Thị: “Nhà mình tổ tiên

ăn ở hiền hậu, thế mà đến đời vợ chồng mình ăn ở chưa được thấu đáo, nên trời chưa soi xét đến chăng. Ấu là mình phải đi tìm đất lành để lập gia cư may mắn trời để phúc cho, biết đâu trai già có khi nảy ngọc". Thế rồi ngày 5 tháng giêng năm ấy, ông lập đàn tràng cúng tế trời đất ở giữa sân. Sau ba hôm, ông Đức đi săn dưới chân núi Tản Viên, bỗng gặp một ông cụ già đầu râu tóc bạc, theo sau là một tiểu đồng sách túi la kinh (dụng cụ để xem phương hướng dùng trong thuật địa lý thời xưa). Ông liền hỏi: "Cụ từ đâu đến?" Cụ già mỉm cười mà rằng: "Ta vốn là người vui thú mây sớm rắng chiều, chỗ ở không nhất định, có khi chơi nước biếc non xanh, có khi ở nơi đồng ruộng, có khi ở lưng mây khói, đi dọc đi ngang ở trong trời đất, chỗ nào cũng là nhà cửa quen thuộc". Ông Đức nghe xong cúi đầu vái mà thưa: "Nh tôi ăn ở phúc hậu tuổi tác cao mà chưa con thừa kế, không hiểu mạch đất thế nào mà nhân định mệnh hẳn đến vậy. Nay phúc nhà tôi đã đến, may mắn gặp cụ ở đây, muôn nhờ cụ rón tay làm phúc". Ông cụ vui vẻ nói: "Bọn thời sư mắt thịt, đất tốt hiện ra trước mắt mà không hay biết. Nay nhà người lòng thành ta sẽ cho một ngôi đất quý". Cụ già liền dắt ông Đức trèo lên đỉnh núi, lấy gậy chỏ sang phía tay trái có con rồng đá ngậm viên ngọc báu và nói: "Đó là huyết trời định từ lâu, táng được vào đây hẳn sinh thiên tử. Đừng có tiết lộ thiên cơ, cẩn thận! Cẩn thận!", nói xong, trời bỗng nổi cơn gió lộc, ông già biến mất. Ông Đức nghĩ: "Thực là thần tiên giúp ta, trời hẳn giáng phúc cho gia đình ta, không còn nghi ngờ gì nữa". Ông về nhà báo tin cho anh em, bà con họ hàng biết và dờn mả thân phụ đến táng ở chỗ lõm trên đỉnh núi. Trong lúc ý nghĩ còn đang phân vân, hài cốt vẫn còn để trên huyết, trời đất bỗng nhiên tối tăm mù mịt, dưới huyết có tiếng kêu ù ù như sấm, một lát thì kiến mối đã đất lên phủ cho hài cốt thành một nấm mồ lớn. Ông Đức lạy tạ trời đất và thần núi sông rồi trở về nhà. Đến đêm, bà Lê Thị chiêm bao thấy hai con rồng vàng bay từ trên trời xuống, bà bắt được bỏ vào mồm nuốt, bỗng tỉnh mộng từ đó có thai mười bốn tháng. Đến mồng bảy tháng năm, có một đóa mây vàng bay đến khu nhà bà diều quanh ba vòng, ngay lúc ấy có hàng trăm loại thú rừng về hội họp chung quanh. Bà Lê Thị đỡ dạ sinh ra một bọc có hai con trai, tướng mạo dị kỳ, lông mày dài và xanh, tay dài chắm gối, dưới chân có bảy cái lông mọc dài, tay tả có bảy nốt ruồi. Được một trăm ngày bố mẹ đặt tên cho con lớn là Lê Lợi, bé là Lê Thân.

Năm hai cậu lên năm, Đức công cho hai con đi học ở trường Đường Hòe tiên sinh. Hai cậu học rất thông minh, chẳng bao lâu đã thành tài kiêm toàn

văn võ. Đến năm mười tám tuổi cả hai có hoài bão lớn, thường than: “*Làm người phải như Y, Chu, Quản, Nhạc lập công danh tướng, nếu không thì cũng da ngựa bọc thây mới là đảm khí trượng phu, chứ theo đòi bút nghiên mãi làm gì?*” Khi hai cậu mười lăm tuổi, bố mẹ đều mất. Hai cậu đi khắp mọi nơi trong nước. Các vị anh hùng hào kiệt đều biết tiếng tìm đến qui phục để mưu đồ nghĩa lớn. Ngày mười lăm tháng bảy, hai ông đem binh mã về làng tức sách Lam Sơn, huyện Lương Giang làm lễ tế thiên địa bách thần, sau đó tiến quân đánh nhau với giặc Minh ở Châu Hoan Châu Ái. Trong thời kỳ chiến đấu với quân Minh, Lê Lợi sai Lê Thận đem quân về đóng ở xã Như Quỳnh, huyện Gia Lâm xứ Kinh Bắc. Đắp hai đồn lũy, Lê Thận đóng quân ở đồn bên hữu, Lê Lợi đóng quân ở đồn bên tả để chống cự với quân Minh. Từ đó nuôi dưỡng uy thế, khuyến khích dân địa phương đẩy mạnh việc trồng dâu nuôi tằm, cấy cây trồng trọt, khiến cho sức dân mỗi ngày thêm mạnh. Hôi ấy ở thôn xóm chỗ nghĩa quân đóng có một người tên là Lê Liễu, sinh được một cô con gái đặt tên là Đạm Hoa mặt sáng như gương, tư thái nhiều nét xinh đẹp khác thường. Một hôm Đạm Hoa đi chợ có đi qua đồn, vin bẻ nhành hoa bạch ngọc, Lê Thận nhác trông thấy nàng cảm thấy như một nàng tiên giáng hạ, bèn sai người sắm sanh lễ vật đầy đủ đưa đến nhà Lê Liễu cầu hôn. Lê Liễu vui lòng gả con cho Lê Thận. Sau khi thành hôn được ba năm, một hôm bỗng có một cơn gió lốc từ phương Nam thổi tới lúc ấy trong mình Đạm Hoa có một con chim xanh bay ra, nàng đổ mồ hôi như mưa rồi mất. Ngày ấy là ngày mười lăm tháng bảy. Qua một thời gian sau, Lê Thận đánh nhiều trận thắng oanh liệt, cuối cùng kết thúc bằng trận đánh lớn ở Chi Lăng, chém Liễu Thăng tại trận. Sau khi toàn thắng, Lê Lợi lên ngôi vua, phong cho Lê Thận là Thái phó quốc công kiêm chức Đông các đại học sĩ.

Một hôm Lê Thận về thăm hành cung tại thôn Tiểu Lệ thuộc xã Như Quỳnh, nhân dân làm lễ chào mừng cực kỳ vui vẻ long trọng. Ông ở lại chơi và thăm hỏi, ủy lạo nhân dân hơn một tháng trời. Đến ngày mười tháng tám năm ấy (tức năm Canh Thìn), ông đang ngồi tại hành cung, trời bỗng nổi cơn cuồng phong từ phía đông kéo đến, có đám mây ngũ sắc hiện ra trước mặt, có nàng Đạm Hoa đứng trên mây sau nàng là các tiên nữ theo hầu. Đạm Hoa nói: “*Lang quân số thiên đình của lang quân đã hết hạn về châu thượng đế, thiếp nay vâng mệnh xuống đón tiếp lang quân... mệnh của thiên đình rất là hệ trọng, không thể chậm trễ...*”. Sau một lát, bỗng có bóng con rồng vàng từ trong mình, Lê Thận bay vút lên không trung biến mất.

Một lát, trời lại quang tạnh, gia thần, binh sĩ, nhân dân chạy thẳng vào hành cung thì chẳng thấy Lê Thận đâu cả, chỉ thấy áo mũ của ông còn lại ở nơi buồng ngủ mà thôi. Nhân dân thôn Tiểu Lê liền đem áo mũ của ông mai táng ở hình kim tinh cạnh hành cung, một mặt xây miếu thờ cúng. Vua Lê thương ông là vị công thần có công diệt giặc cứu nước bèn ban sắc phong làm Thượng đẳng phúc thần, chuẩn y cho thôn Tiểu Lê xã Như Quỳnh làm nơi đền chính.

BẠCH THỤ VÀ HOÀNG QUYẾT

Tương truyền có một người tên là Lê Anh ở phường Bùi, xã An Quyết, huyện An Định nhà nghèo, thường lên núi hái củi làm kế sinh sống. Một hôm anh ta gặp một người con gái ở trang An Xá cùng huyện, tuổi đã ba chục mà còn đứng trông ở bên cạnh núi. Lê Anh tỏ lời vui cười với Trần Thị và cùng nhau đính nghĩa vợ chồng. Có một lần hai vợ chồng vào núi đốn củi, khi đi qua bờ sông, họ thấy một đoạn gỗ trôi lênh bênh có hai con rắn, một trắng một vàng bám ở hai đầu khúc gỗ. Vợ ông cầm dao chém vào con rắn, máu bắn vào mình, từ đó cảm động mà có mang. Đấy tháng bà đẻ được hai cậu con trai, một đứa mặt vuông mắt trắng, đứa kia mặt to mắt vàng, mình mẩy nổi vân như là da rắn. Ông bà đặt tên cho hai ông là Bạch Thụ và Hoàng Quyết. Lớn lên, một ông thích bơi lội, đấu trí với thủy tề, một ông thích leo núi, đấu lực với Sơn thần, ai nấy đều cho là thiên thần giáng sinh.

Hồi ấy quân Minh sang xâm chiếm, vua hạ chiếu cầu hiền. Khi đi qua phường Bùi, trang An Quyết thuộc trấn Thanh Hóa, nghe tiếng ở đây có hai vị thiên thần giáng sinh, bèn cho vờ đến, giao cho hai vị nhiệm vụ đánh giặc. Một ông cầm quân đường bộ, một ông cầm quân đường thủy trừ diệt được quân nghịch tặc. Nhà vua ban thưởng tước lộc hai ông đều hết sức từ chối, tâu xin cho về chu du sơn thủy. Nhà vua phê chuẩn và ban cho bài thơ rằng:

Long vân nhất hội hoán tinh thần

Hạch đặc sinh thần thử lưỡng quân

Nhất đán linh thanh trừ Minh khấu

Thiên thu hương hỏa tại bùi dân

Nghĩa là: "Gặp hội gió tinh thần phấn phát, may được hai ông này giảng sinh xuống đời. Một sớm nổi tiếng oai binh diệt trừ giặc Minh, nghìn năm hương hỏa ở dân Bùi Trang".

Một thời gian sau, hai vị cùng hóa ở xứ Cửa Chùa thuộc địa phận Bản Trang, nhân dân đến xem đã thấy mỗi xông đất thành hai nắm mả, họ lập miếu thờ rồi dâng biểu tâu lên triều đình. Nhà vua thương nhớ công thần cho quân về làng làm lễ thăm viếng bao phong làm Thượng đẳng phúc thần.

NGUYỄN PHỤC

Nguyễn Phục, người xã Đoàn Tùng, Huyện Gia Lộc, xứ Hải Dương, thi đỗ Hoàng giáp khoa Quý dậu (1453), niên hiệu Thái hòa, đời vua Lê Nhân Tông. Làm quan trong viện Hàn lâm, thăng tham nghị Chính sự viện. Giám thị khoa thi năm Quý mùi (1463), năm quang thuận thứ tám (1467) bổ chức Thừa tuyên Tham nghị xứ Thanh Hóa. Sắc dụ rằng:

“...Năm trước sai người đi sứ phương Bắc được mạnh khỏe mà về, năm nay cho gọi lại dâng lời hay đáng khen, nay sai giám thừa Nguyễn Lỗi mang bạc thưởng cho để nếu lòng trung hết tình vì ta, nên nhận lấy”.

Bấy giờ vua nước Chiêm là Trà Toàn cậy mình hùng mạnh thường đem quân xâm phạm quấy nhiễu biên giới, lại cầu nhà Minh viện trợ để đánh nước ta. Năm đầu Hồng Đức (1470) Vua Lê Thánh Tông thân mang quân đi bình Chiêm, phong Thừa Tuyên Tham nghị Nguyễn Phục lĩnh chức Đốc lương đô chỉ huy.>Đoàn thuyền lương bị sóng đánh cản trở sai lỡ hẹn kỳ, tướng chỉ huy phải chịu quân pháp - Nàng hầu Mỹ Da mang linh cữu ông xuống thuyền đưa về an táng ở khu Mao Cá, gần nơi ông đóng thuyền lương đợi ngày vượt cửa Thần Phù, rồi ở lại đó trông nom phần mộ.

Sau khi chiến thắng Chiêm Thành. Vua Lê trên đường về gặp gió to, sóng lớn, biển động thuyền không đi được. Một đêm nhà vua thao thức tai nghe gió gào, sóng dậy, trần trọc không sao ngủ được, sự nghĩ thuyền lương nhờ

kỳ hạn là do sóng gió gây ra, trong lòng hối hận thương Đốc Lương quan bị thác oan, trong lúc mơ màng, vua thấy ông nhung trang tề chỉnh đứng trước giường ngự tâu: "Kẻ hạ thần cảm ơn tri ngộ của bệ hạ nên dẫn thác, linh hồn vẫn theo ra chiến trận. Nay nhờ hồng phúc Quốc gia, bệ hạ dẹp xong Chiêm khấu, hạ thần lại xin theo hộ giá khải hoàn". Vua Lê chợt tỉnh, trông ra vùng đông đã hừng sáng, biển lặng sóng yên. Đại quân vượt biển trở về yên ổn.

Vua Lê Thánh Tông truy phong Đốc lương quan Nguyễn Phục tước Đại vương biển Đông Hải, làm phúc thần làng Cổ Đà và lập đền thờ bên lăng mộ.

Ở Ninh Bình, Nam Hà cũng có đền thờ ông. Riêng thần phủ số đền thuộc huyện Gia Viễn chép: tướng Nguyễn Phục không cho quân sĩ mạo hiểm vượt bể trong khi gió to sóng cả, mình ông chịu quân pháp, quân sĩ được an toàn. Nên có vế đối. - Hải Lãng trở lương thuyền, nhất dạ Càn môn đa hoạt mạnh. Tạm dịch: - Sợ sóng trở thuyền lương, một tối cửa Càn nhiều mạng sống. Thời xưa quan quân chở lương trên sông biển thường cầu thần phù hộ gió lặng sóng yên. Có nơi gọi Đông Hải đại vương là "Thần gió". Đền thờ Đông Hải đại vương ở Cổ Đà nay còn giữ được nhiều đạo sắc phong thần qua các triều phong kiến.

SƠN LINH THẠCH THẦN

Tương truyền đời Lê Thái Tông, có quân Chiêm Thành kéo đến xâm lược, nhiều hại nhân dân ở vùng biên giới. Nhà vua thân chinh cầm quân dẹp giặc đã mấy trận mà không phân thắng bại bèn họp quần thần lại để bàn bạc kế hoạch tác chiến, sau đó đánh một trận đại thắng, quân Chiêm phải rút chạy.

Sau khi chiến thắng, quân ta khải hoàn qua trang Thạch Sơn, thuộc huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên tổng Thanh Hóa vào lúc trời đã xế chiều. Nhà vua truyền cho tạm đóng quân tại đây. Đêm ấy là đêm tháng năm, trời quang mây tạnh. Quân lính bỗng thấy trên núi có một chỗ sáng lóng ánh như ngọc. Ai nấy cho là việc lạ, bèn tâu cho vua biết. Đến sáng hôm sau, nhà vua lên ngay núi xem thì chỉ thấy có một hòn đá trắng tròn trĩnh, phía tây bắc quả núi ấy có một ngôi chùa. Nhà vua thung dung đến thăm ngôi

chùa, thấy phong cảnh thực là đáng yêu. Ngay lúc đó, bỗng có đám mây vàng sà xuống, nhà vua ban cho chùa cái tên là Vân Linh. Màu đất ở núi này vàng, có nhiều đá quý. Nhà vua bèn xuống bản trang vờ nhân dân và phụ lão đến, truyền lập ngôi miếu nhỏ chỗ hòn đá sáng để thờ phụng Sơn linh Thạch thần. Từ đó nhân dân thờ phụng làm bản thổ linh thần. Đến đời vua Lê Thánh Tông, thiên hạ thái bình, mùa màng thu hoạch rất tốt. Giặc Chiêm Thành lại khởi binh xâm lược biên giới, nhà vua thân chinh đánh giặc, quân kéo đến địa phận trang Thục Kiên thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, thấy nơi đây dân thưa đất hiểm có núi non bao bọc, có thể đóng quân, nhà vua bèn ra lệnh cắm trại ở đó để cho quân sĩ nghỉ ngơi và luyện tập chiến đấu. Đóng quân mới được vài ba hôm, cứ đến lúc tập thì mưa to gió lớn n, mây mù đen nghịt bầu trời, làm cho quân sĩ không sao tập được. Nhà vua cả giận phán: *“Đất này thần có anh linh thì phải phò vua đánh giặc, chớ đâu lại làm trở ngại việc quân của ta”*. Liên ngay sau đó, mưa tạnh gió ngừng, bầu trời trở lại sáng sủa như thường. Nhà vua cho vờ nhân dân và phụ lão trong vùng đến hỏi thì có ba vị trưởng lão là Nguyễn Công Thứ, Đàm Công Phú và Lê Công Phong tâu trình khúc triết về sự anh linh của thần núi cho nhà vua nghe. Nhà vua sai lập đàn tràng cầu đảo luôn mấy ngày đêm. Đến giờ tí, đêm mười tư tháng hai, năm canh tí, nhà vua thức giấc, nghe trên núi có tiếng gà gáy và có ba tiếng nổi lên như sấm. Nhà vua sai tả hữu lên ngay chỗ đó xem có gì lạ. Bọn họ vâng mệnh đi xem xét rồi về tâu: *“Trên núi chỉ có một hòn đá rất trắng đứng trơ trước miếu. Từ chỗ đó trông ra bốn phía đều vắng vẻ, không thấy có hiện trạng gì đáng chú ý”*. Nhà vua cho là việc quái lạ. Sáng ra, sai quan làm lễ tế bái tạ. Đến giữa trưa ngày 15, tức là sau một ngày, trời đất vụt tối tăm mù mịt, mưa gió kéo đến sầm sập, khi ấy nhà vua cảm thấy bâng khuâng, nhìn lên núi thấy một con gà trống đậu trên hòn đá trắng, rồi lại từ trên núi đi xuống suối ở cạnh đàn tràng và cứ nổi lên bèn trên mặt nước. Nhà vua sai người ra tận nơi xem thì con gà ấy biến mất, chỉ còn có hòn đá trắng nổi trên mặt nước. Nhà vua cho vớt hòn đá đó đem lên trên đàn để lễ bái, ngày đêm đèn nhang cung kính.

NGUYỄN HỒNG

Hồi Lê Thái Tổ đánh quân Minh, có Nguyễn Hồng, người trang Nguyễn Xá huyện Châu Phúc trấn Nghệ An có tài năng thao lược, được nhà vua yêu

mến, trao cho chức đại tướng quân, hợp sức với Thái úy Lê Khôi đánh giặc ông thường qua lại trang Trung Thắc để chiêu mộ binh sĩ. Đến đâu ông cũng được nhân dân thần phục, họ không tiếc góp sức người sức của ủng hộ nghĩa quân. Một lần ông phụng mệnh đánh giặc tại địa phận Ngọc Sơn, chỉ một trận mà quân giặc bỏ chạy tán loạn. Sau khi dẹp yên giặc Minh, vua phong ông là Khương quốc công thần. Ông dâng biểu tâu trình xin nhà vua cho về lập ấp tại thôn Trung Thắc. Vua chuẩn y, ông về chiêu tập dân bản lập riêng một khu. Ông xuất tiền dựng chùa, đúc tượng. Khu đất ấy được đặt tên là Vịnh Tố và được miễn thuế ba năm. Chẳng bao lâu, dân khu Vịnh Tố làm ăn rất thịnh vượng. Đến năm ngoài 60 tuổi, ông cáo quan về hưu dưỡng tại khu Vịnh Tố. Mặc dù không tham gia việc triều chính song triều đình vẫn thường hỏi ông mưu kế dựng nước và giữ nước. Ông vẫn tham gia rất tận tâm. Hai mươi năm sau, ông chín mươi ba tuổi, không ốm đau gì, hóa rất nhẹ nhàng. Đó là ngày 15 tháng 6. Dân làm lễ an táng và xây lăng tại bản khu. Nhà vua rất thương tiếc vị công thần hết lòng vì dân vì nước, bèn sai quan về làm lễ cúng tế ở bản khu, truy phong là Thượng đẳng phúc thần chuẩn y cho dân Vịnh Tố làm con hương, dựng đền chính để thờ phụng muôn đời.

Khi Lê Thánh Tông cầm quân đi đánh Chiêm Thành, qua bản khu nghe có tiếng reo hò trong đền. Vua truyền dừng lại xem xét thì đến đêm vua chiêm bao thấy một ông già hiện lên bảo: *"Tôi sau khi mất được phong làm phúc thần, nay muốn hiển linh giúp vua đánh giặc"*. Vua tỉnh mộng, kíp truyền quân làm lễ cầu đảo. Sau đó vua tiến đánh Chiêm Thành, thắng một trận cực kỳ oanh liệt. Vua đem quân về, truyền cho làm lễ tạ ở ngôi miếu khu Vịnh Tố, cấp thêm cho dân 43 quan tiền công, chi vào khoản đèn hương cúng tế hàng năm. Sau đó vua lại cấp thêm 45 quan để trùng tu miếu mạo, đồng thời phê chuẩn cho dân Vịnh Tố làm con hương phụng thờ mãi mãi.

THẦN CAO MINH

Tương truyền năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông, quân Chiêm Thành kéo sang xâm lược. Nhà vua cho tướng kéo quân đi đánh song mấy trận liền mà vẫn chưa phân thắng bại. Nhà vua lấy làm lo bèn ngự giá thân chinh. Vua cho cầu đảo các đền miếu trong nước, đâu đâu cũng lập đàn tràng cúng tế.

Lần ấy nhà vua tiến quân đến địa phận khu Châu trang Thượng Cốc, huyện Cổ Lô, phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa giữa lúc xế chiều. Vua truyền cho quân lính tạm dừng quân nghỉ lại vùng này. Đến đêm vua nằm mộng thấy một vị thần nhân đen tâu: "Nhà vua muốn bình quân Chiêm hãy nên lập đàn tràng cầu thần Cao Minh", rồi biến mất. Vua tỉnh dậy biết là thần hiển linh ứng báo bèn truyền cho dân lập đàn tràng tế lễ ba ngày ba đêm. Đến giờ Ngọ ngày mùng chín tháng hai, giữa trưa mà sấm chớp nổi lên mây đen kéo đến mù mịt. Trong lúc bàng hoàng nhà vua trông lên đàn tràng thấy một vị thần mặc áo màu vàng, tay cầm thẻ ngọc, trong lòng tay có hai chữ Cao Minh. Vị thần phán: "Ta được thiên đình cho xuống, giúp dân dẹp giặc", nói xong liền biến mất. Nhà vua lấy làm lạ bèn cho làm lễ tạ rồi cho một vài người ở lại đèn hương nhật hạ. Sau đó nhà vua thân hành ra úy lạo quân sĩ và ra lệnh tiến đánh đồn giặc. Trong khi giao chiến bỗng có một tiếng quát rất to, quân giặc thấy một người cao hơn ba trượng hiện ra lưng lửng giữa chiến trường. Tướng giặc sợ hãi bỏ trốn quân lính như rắn mất đầu bỏ chạy tán loạn, quân ta chém được hơn một nghìn thủ cấp. Nhà vua rất mừng cho quân kéo về tạm đóng ở khu Châu làm lễ tạ thần và mở tiệc khao thưởng quân sĩ. Sau đó vua còn cho dân địa phương 21 quan tiền, thưởng thêm cho ba mươi lạng bạc phong là Thượng đẳng phúc thần.. Vua cho khu Châu thuộc trang Thượng Cốc, huyện Cổ Lô, phủ Thiệu Thiên, Thanh Hóa đòi đòi thờ cúng. Các đời vua khai sáng cơ nghiệp lúc có việc cần đến cầu đảo đều được linh ứng.

QUẬN CÔNG LÊ QUÝ

Tương truyền, vào đời Lê, giặc Chiêm Thành sang xâm lược nước ta. Nhà vua phải ngự giá thân chinh đánh luôn mấy trận chưa phân thua được, bèn cho quan cầu đảo thiên địa bách thần âm phò tế độ. Một hôm khi đi qua trang Khổng Tào, vua cho quân nghỉ lại một đêm. Nhà vua sai quan hỏi thăm tình hình nhân tài ở địa phương. Hồi ấy ở bản trang có vợ chồng Lê Công Đức và Trần Thị Thường tuổi đã ngoài sáu chục, chỉ có một con trai tên là Lê Quý. Nhà này vốn nề nếp hiền hậu, đã mấy đời tu nhân tích đức. Lê Quý đã 21 tuổi, tài năng hơn hẳn mọi người, đạo đức khiến cho mọi người khâm phục. Nhà vua cho vời đến bái yết. Lê Quý trình bày mưu lược đánh giặc vua rất khâm phục tài thao lược của ông và truyền cho ông thử tài võ dũng. Trước mặt rồng, ông cầm hai thanh gươm múa tít, chém một nhát

làm rụng đầu voi. Nhà vua tấm tắc ngợi khen là một đấng anh hùng dũng sĩ. Vua giáng chiếu cho Lê Quý thay mặt triều đình cầm quân dẹp giặc. Ông đem quân xông vào đồn giặc, chém ngay đầu tướng giặc. Quân giặc mất tướng như rắn mất đầu, bỏ chạy toán loạn, quân ta thừa thế xông lên tiêu diệt hoàn toàn quân giặc. Đó là ngày 14 tháng giêng. Ông về tâu trước bệ rồng và được vua ban cho chức Thái Bảo Quý Ngọc Quận công, thưởng cho ông một trăm lạng bạc, ban cho ông bộ mũ triều phục màu đen, ca hát một tháng. Ông được dân yêu quý và triều đình tin dùng.

Bỗng một hôm mưa gió nặng nề, sấm sét dữ dội, ông bị một cơn lốc nhân chìm xuống đáy giếng, ông hoá trong trận cuồng phong ấy. Nhà vua được tin cáo phó, rất thương tiếc truyền cho dân lập miếu phụng thờ, nghìn năm đèn hương bất diệt. Để bồi dưỡng sức dân và cũng là để nhớ công ơn ngài, nhà vua cho dân bản trang được miễn binh lương tạp dịch ba năm. Theo lệ thường, vua lại cấp cho ba mươi quan tiền công chi vào hương hoả.

VŨ TUẤN CHIÊU

Trạng nguyên Vũ Tuấn Chiêu sinh năm Quý Mão (1423) ở làng Xuân Lôi xã Cổ Đa nay là xóm Xuân Lôi, thôn Cổ Đa, xã Nam Hùng, huyện Nam Ninh. Năm lên sáu tuổi cha bị bệnh mất, nhà nghèo, họ hàng thân thích không có ai, đời sống ngày càng cùng quẫn, nhà cửa phải đem bán đợ. Bà mẹ Tuấn Chiêu đem miếng đất thổ cư còn lại, gửi Trần công người láng giềng và cũng là người bạn của chồng bà khi ông còn sống, rồi đem con về quê ngoại ở làng Nhật Chiêu, huyện Quảng Đức, nay thuộc ngoại thành Hà Nội sinh sống lần hồi. Vài chục năm sau bà mẹ qua đời, Tuấn Chiêu đã trưởng thành, từ quê mẹ trở về Xuân Lôi thăm phần mộ ông, cha. Lúc mới về làng, Tuấn Chiêu ở nhờ nhà Trần công. Bấy giờ Trần Công tuổi đã già bà vợ đã khuất núi, hiếm hoi có một mụn con gái, tên là Trần Thị Chìa, tuổi xuân vừa chẵn 20. Trần công thấy Tuấn Chiêu mặt mũi khôi ngô, vóc người tuấn tú tính nết hiền hòa, lại trợ trợ một thân, Trần công đem lòng thương mến, đem nàng Chìa gả cho làm vợ. Nàng Chìa nết na thùy mị, chăm chỉ ruộng vườn, phụng dưỡng cha già, nuôi chồng đi học.

Vũ Tuấn Chiêu trợ học ở làng Hạ Vũ nay là thôn Võ (Vũ) Lao, thuộc xã Nam Tân cùng huyện Nam Ninh, Tuấn Chiêu mặt mũi khôi ngô, nhưng học hành tối dạ, hơn 10 năm đèn sách, tuổi ngót tứ tuần mà vẫn cấp sách theo đòi với bọn hậu sinh còn để chỏm.

Năm Kỷ Mão (1459) Trần công từ già cõi đời, để gia tài sản nghiệp cho vợ chồng Vũ Tuấn Chiêu. Tuy chồng học hành kém cỏi, nhưng nàng Chìa vẫn kiên trì khuyên nhủ chồng cố gắng dùi mài kinh sử, để tên chiếm bảng vàng. Nàng Chìa rất kính trọng thầy học, mỗi lần gánh gạo đến nhà trọ cho chàng thì thế nào cũng đến thăm thầy học. Thấm thoát lại 5 năm nữa trôi qua, học nghiệp của Tuấn Chiêu vẫn không có gì tiến bộ. Một hôm thầy học bảo nàng Chìa rằng:

- Tuấn Chiêu tuổi đã cao, học hành kém cỏi, nay thầy cho về chuyên nghề làm ruộng, giúp đỡ việc nhà cho con đỡ bề vất vả.

Thấy ý thầy đã quyết, nàng Chìa đành lạy chào thầy học quay về nhà trọ thu xếp sách vở, quần áo cùng chồng gồng gánh trở về. Đến gần làng, vợ chồng đặt gánh nghỉ dưới bóng cây cổ thụ bên bờ con sông nhỏ có cầu đá bắc qua. Bấy giờ đang giữa mùa hè, tiết trời oi bức, Vũ Tuấn Chiêu xuống sông tắm mát; chợt nhìn thấy phía dưới cột đá chân cầu mòn vẹt, mới hỏi vợ tại sao?

Nàng Chìa nói:

- Cột đá chân cầu phía dưới do bị nước chảy lâu ngày nên bị mòn. Chàng xem cột đá kia là vật cứng rắn, nước là vật mềm nhẹ nhưng do chảy mãi, chảy mãi lâu ngày đá cũng phải mòn. Cho nên việc gì cũng vậy, phải có chí kiên trì chăm chỉ thì mới làm nên.

Tuấn Chiêu chợt tỉnh ngộ, lên thay quần áo, bảo nàng Chìa trở về làng, còn mình quẩy gánh trở lại nơi trọ học. Tuấn Chiêu đến trường. Thầy ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại còn trở lại, con muốn hỏi thầy điều gì chăng?

Tuấn Chiêu cúi đầu thưa:

- Thưa thầy con nghĩ: "Nước chảy đá mòn" con người có chí học mãi cũng thành đạt. Con trở lại trường quyết tâm dùi mài kinh sử, để tên chiếm bảng vàng, trước là khỏi phụ công ơn thầy dạy dỗ, sau là cho vợ con toại nguyện nuôi chồng.

Thầy nghe xong lắc đầu chán ngán, nhân lúc ấy trời nổi cơn mưa, lác đác có vài hạt mưa sa, đối cảnh sinh tình.

Thầy đọc:

Lác đác mưa sa làng Hạ Vũ

Đọc xong, bảo Tuấn Chiêu hãy đối được thì ở lại lớp học tập Tuấn Chiêu ứng khẩu:

Âm ì sấm động đất Xuân Lô

Từ đó trở đi, Tuấn Chiêu học đâu nhớ đấy, tiến bộ vô cùng. Năm Tuấn Chiêu gần 50 tuổi. Nàng Chìa nhiễm bệnh qua đời, để lại cho Tuấn Chiêu một mụn con trai. Một lần nữa Tuấn Chiêu lại dời quê hương đem con về quê mẹ ở xã Nhật Chiêu để có nơi gửi con và tiện việc học hành thi cử. Vũ Tuấn Chiêu trúng cách khoa thi hội tháng 3 năm Ất mùi (1475), niên hiệu Hồng Đức thứ 6, đời vua Lê Thánh Tông.

Mùa hạ, tháng năm, ngày 11 (cùng năm) vua ngự điện Kính thiên, thân ra đề văn sách hỏi về đạo vua tôi thời xưa. Sai Quang Tiến Trần quốc thượng tướng quân Phò mã Đô úy. Đông quân Đô đốc phủ Tả đô đốc Doãn Vũ Bá Trịnh công lộ và Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiên làm đề điệu, Thái tử thiếu bảo Ngự sử đài Đô Ngự sử Trần Phong và Binh khoa cấp sự Phí Bá Khang làm giám thí. Hàn Lâm viện Thị độc kiêm Đông các đại Học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận và Quách Đình Bảo làm độc quyền. Cho bọn Vũ Tuấn Chiêu Ông Nghĩa Đạt, Cao Quýnh ba người đỗ Tiến sĩ cập đệ (tức Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa).

Truyền thuyết kể rằng:

- Kỳ thi Đình năm 1475, có ba quyển văn hay nhất xếp loại "Tam khôi" (ba người đỗ đầu) là: Cao Quýnh (người đỗ đầu kỳ thi Hội gọi là Hội nguyên), Ông Nghĩa Đạt và Vũ Tuấn Chiêu, kẻ tám lạng người nửa cân, khó xếp người trên người dưới. Vua Lê Thánh Tông vời ba vị tân khoa diện kiến. Nhà vua đọc:

- Thượng bất thượng (Thượng chẳng ở trên)

- Hạ bất hạ (Hạ không ở dưới)

- Chỉ nghi tại hạ (Chỉ nghi ở dưới)

- Bất khả tại thượng (Bất khả ở trên)

Và phán bảo đây là câu đối chữ, các tân khoa giảng là chữ gì?

Trong lúc Hội nguyên Cao Quýnh và Ông Nghĩa Đạt còn đang suy nghĩ, thì Vũ Tuấn Chiêu tâu vua Lê đây là chữ "Nhất".

Vua Lê Thánh Tông đẹp lòng cho Vũ Tuấn Chiêu danh hiệu Trạng nguyên, Ông Nghĩa Đạt danh hiệu Bảng nhãn, Cao Quýnh tuy đỗ đầu kỳ thi Hội, nay lại xuống thứ ba, danh hiệu Thám Hoa.

Trạng nguyên Vũ Tuấn Chiêu làm quan đến chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Lại bộ tả thị lang. Trạng nguyên tục huyền với bà Nguyễn Thị ở làng Chàm và mất ở quê bà Nguyễn Thị. Mộ phần Trạng nguyên an táng ở Phúc Xá tổng Phú Gia, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

NGUYỄN TÔNG VĨ

Ông họ Nguyễn húy Tông Vĩ, người huyện Vĩnh Khang (Nghệ An), theo Bình Định vương Lê Lợi đánh thắng giặc Minh xâm lược. Bình Định vương lên ngôi vua. Là một khai quốc công thần, ông được giữ chức Tả thị lang bộ Binh. Ông là người cương cứng chính trực không a dua bè đảng, triều thần nhiều người ghen ghét. Gặp lúc vua Lê tìm người đi sứ dụ Quốc vương Chiêm Thành triều cống, triều thần cử ông làm chánh sứ. Vua Lê thăng cho ông chức Hành khiển và vài chục tùy tòng sang sứ nước Chiêm Thành. Công việc giao bang tốt đẹp, vua Chiêm Thành nộp cống xưng thần, tiễn đoàn sứ giả về triều. Bấy giờ có Lý Bình và Vương Khánh tụ tập bè đảng mấy nghìn người cướp bóc nhân dân, hoành hành trong trấn Nghệ An làm cho đường giao thông tắc nghẽn. Vua Lê sai đại tướng quân Lê Thái, lấy quân ở các xã, áp mới vùng ven biển được hơn vạn người, gọi là "Tráng binh" tiến đóng ở Lục niên thành. Ông nghe tin cùng tùy tòng tìm đường đến với quân của tướng Lê Thái, đi đến xã Yên Khánh gặp đại tướng quân của giặc cản đường, ông rút gươm xông vào chém nhưng vì quả bất địch chúng, ông bị tử thương, tùy tòng chạy thoát được vài người. Quân giặc lấy hết cống phẩm rồi rút đi nơi khác. Đêm ấy tướng quân Lê Thái mộng thấy ông đầy mình nhuốm máu đứng trước giường nói: "Ta vâng mệnh vua đi sứ dụ bảo vua Chiêm hàng phục, trên đường về bị giặc chặn đường hòng sát hại lấy hết cống vật, tướng quân nghĩ tình đồng liêu tiến quân diệt giặc báo thù cho ta, trong chốn u minh ta sẽ báo đền đại đức".

Sáng hôm sau lại có người tùy tòng sống sót tìm đến quân doanh kể rõ sự tình. Tướng quân Lê Thái truyền lệnh tiến quân đến xã Yên Khánh, tìm

thấy thi thể của ông ở Sa Đê, bèn sắm sửa quan quách khâm liệm an táng, đắp thành mộ lớn, dùng lễ tam sinh kính tế, vài ngày sau dẫn quân đến đóng ở xã Bình Xa. Quân giặc khắp nơi kéo về đóng doanh lập trại đối lũy với quân triều đình. Ngày mùng 10 tháng 6, Tướng giặc Vương Khánh và Lý Bình chuẩn bị đợi đêm khuya đem quân cướp trại. Vào trống canh 3, tướng quân Lê Thái đang ngủ, mộng thấy ông mặc áo bào trắng lay đầu nói rằng:

- "Giặc sắp đến, tướng quân dậy! dậy!"

Lê Thái tỉnh dậy, lập tức truyền lệnh toàn quân bày trận đợi giặc. Đầu trống canh tư quân giặc kéo đến, bỗng trên không có một vàng lửa bay lên bay xuống, rơi vào trại giặc bốc cháy, lửa khói ngất trời. Quân giặc thấy doanh trại bị cháy thì kinh sợ hàng ngũ rối loạn, quan quân thừa thế xông vào chém giết, Vương Khánh bị chết trong đám loạn quân, Lý Bình chạy thoát ra bờ sông, cướp thuyền của người đánh cá vượt sông, thuyền bị đắm, Lý Bình chết đuối. Trần Nghệ An trở lại thanh bình, đường xá thông suốt, nhân dân an nghiệp.

Tướng quân Lê Thái cảm ơn đức âm phù của ông, mới lập miếu bên mộ phụng thờ tôn làm: "Bổ lộ đại vương".

LÊ QUẾ LINH

Ông là người trang Ân Xá, trần Nghệ An, là con trai thứ tư của gia đình, họ Lê tên Quế. Hồi Lê Thái Tổ Lam Sơn có ban tờ hịch chiêu dụ nhân tài để dẹp quân Minh, ông liền mang gươm theo nghĩa quân, lập được nhiều chiến công vang dội. Sau này ông phụng sự cho ba đời vua, công lao hiển hách đương thời. Về già, ông về bản trang, tập hợp họ Đào, họ Võ khai khẩn được một khu đất xây dựng nhà cửa điện đài, đặt tên là xóm Phú Địch. Sau khi ông mất dân làng tâu lên triều đình, được nhà vua bao phong duệ hiệu và cho dân lập miếu thờ.

Đến năm Hồng Thuận, nhà Mạc tiến ngôi, vua đem quân đi đánh. Qua miếu ông, binh mã không sao tiến lên được Nhà vua ra lệnh làm lễ cầu đảo thì binh mã tiến nhanh như bay, đánh nhau với quân Mạc, quân vua Lê

thắng lớn. Khải hoàn, nhà vua sai đến miếu tạ lễ, cấp khoản tiền công quỹ và bao phong là duệ hiệu tôn thần.

PHẠM KHẮC THÂN

Ông họ Phạm húy Khắc Thân, tự Lạc Hoàn, vốn quê ở làng Ngưu Trì. Lúc nhỏ mồ côi cha mới rời xuống ở quê mẹ là làng Cổ Tung, nay là thôn Cổ Trung, thuộc xã Nam Hùng, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

Phạm Khắc Thân thi đỗ Hoàng Giáp, khoa Quý mùi (1493) đời Lê Hồng Đức, được bổ chức Hàn Lâm viện Hiệu thảo. Năm Bính Tý (1497), vua Hồng Đức mất, Phạm Khắc Thân được thăng chức Hàn Lâm viện Hiệu Lý, sung sứ bộ sang nhà Minh báo tang. Khi về nước được thăng lễ bộ Tả thị Lang, tước xuân lâm tử.

Trước đây, vua Lê Hồng Đức (Thánh Tông) đánh thắng Chiêm Thành, bắt vua nước đó là Trà Toại và vợ con về ở trong kinh thành Thăng Long. Nay nhân vua mất, việc canh phòng có chỗ sơ suất, nên con trai Trà Toại là Trà Phúc lấy trộm hài cốt Trà Toại rồi trốn về nước. Hàng vạn tù binh Chiêm Thành làm nô trong các điền trang các nhà gia thế cũng bỏ trốn theo.

Trà Phúc về nước ra sức củng cố quân đội định đánh báo thù, lại sai người nhà Minh cầu viện, đem vàng bạc châu báu đút lót bọn quan lại ở Khâm Châu giáp biên giới nước ta, để bọn chúng dung túng và giúp bọn hải phi vào quấy nhiễu ven biển An Bang, đến Hải Dương. Hải phi thường đem binh thuyền đánh úp các đồn trại miền duyên hải, có khi chúng tiến sâu vào sông Bạch Đằng cướp bóc giết hại dân lành. Triều đình nhà Lê sai Đô đốc Bảo Lộc bá Lê Tử Văn là tướng Vũ Cảnh mang quân vào kinh lý miền Nam biên giới, sai Hoàng Giáp Phạm Khắc Thân mang quân đi chặn giặc.

Nhiều trận giao phong trên cửa biển, quân nhà Lê tuy tinh nhuệ, nhưng giặc rất đông, phần nhiều là dân Sạ Phang, tính hung tợn hiếu chiến nên khó bề thắng.

Ngày mồng một tháng chín, năm Kỷ Tỵ (1509), bọn giặc các nơi kéo về sông Bạch Đằng cùng quân ta quyết chiến. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt

từ sáng sớm đến gần trưa. Trong lúc giao chiến, Phạm Hoàng Giáp không may bị giặc chém trúng rụng bàn tay trái. Ông cho băng bó vết thương, sắc mặt không hề thay đổi, rồi nhảy sang một con thuyền nhỏ, tay còn lại cầm gươm cho quân chèo xông thẳng vào trận. Trước tấm gương anh dũng của chủ tướng, quân nhà Lê nức lòng ào ạt xông lên thế mạnh như bão. Trận đánh bỗng thay đổi, quân giặc chết khá nhiều, chúng lùi dần ra biển. Phạm Hoàng Giáp vẫn cầm gươm đứng trên mũi thuyền vẫy quân đuổi giặc. Không may ông bị choáng váng ngã xuống cửa sông Bạch Đằng.

Trận đánh tuy thắng, nhưng vì chủ tướng hy sinh, quân nhà Lê rút về Thăng Long, dâng lên vua Lê bàn tay trái của Phạm Hoàng Giáp. Vua Lê rất thương xót, truy phong hàm: Lễ bộ thượng thư, tước xuân lâm bá Cho tên thụy là Cương Nghị và cho làm phúc thần. Ngự bút ban cho một đôi đề đài lòng trung.

Thôn ngư nộ khí lưu Hồng chủng

Vạn cổ trung can ký Bạch Đằng.

Tạm dịch:

Sông Bạch lòng trung lòng bóng tỏ

Giống hồng khí uất nuốt sao ngư.

Bàn tay của Hoàng Giáp Phạm Khắc Thận được để vào hòm gỗ trầm hương, đem về táng ở làng Cổ Tung, lăng mộ xây trên mảnh ruộng hơn một sào, về phía nam trước làng bên cạnh đường Vàng.

Có đôi câu đối:

Hưu bả hoàng tuyền tà bạch cốt

Tha khan tử lý thọ hồng bi

Tạm dịch:

Xương trắng suối vàng thôi chẳng nói

Bia xanh quê mẹ vẫn còn ghi.

Trên cổng làng đề bốn chữ:

Phân tử chung anh

(Quê hương chung đúc người tài năng xuất chúng)

Người sau có bài thơ khen Phạm Hoàng Giáp:

Khâm mạnh khôì hoa xuất chiến trường

Tiến trù hải khẩu thiệp phong cương>

Hoàng khâm tế nhật thân hùng tráng

Đầu bút huy qua chí quật cường

Đẳng thức đan tâm tiêu Quốc Sĩ

Liễu tương bạch, thủ hiến quân vương.

Binh gia thắng bại hru đàm luận.

Trung đầu Đẳng giang bách thế phương.

Tạm dịch:

Khôi danh vãng mệnh tới sa trường.

Bờ biển thánh trù bọn nhiều nhương.

Ngọn bút đường gươm gồm trí dũng

Che trời dương áo chắn biên cương

Lòng son mới tỏ người nho sĩ.

Tay trắng dâng lên đấng quốc vương

Thua được nhà binh đâu xá kẻ

Sông Đàng trung liệt nước lòng gương.

NGUYỄN THÁI BẠT

Thời Lê Chiêu Tông có người ở xã Bình Lãng, huyện Cẩm Giàng tên là Nguyễn Hạnh, tổ tiên hiển đạt được nhà vua phong tước nên con cháu cũng được thừa kế ấn phong, đến đời Nguyễn Hạnh vẫn còn mang danh hiệu "ấm tử". Vợ ông là Lê Thị Đạt cũng là con nhà dòng dõi trâm anh. Ông dạy học trò và hành nghề làm thuốc, tính phúc hậu, hay cứu giúp đỡ những người nghèo khổ. Ông bà cao tuổi chưa có con trai. Một đêm Lê Thị chiêm bao thấy nuốt mặt trời, giật mình tỉnh dậy, kể cho ông nghe ông nói: "*Nằm mơ như thế, chắc chắn nhà ta sẽ có điều tốt lành*". Ít lâu sau, Lê Thị có mang, đầy tháng sinh hạ được cậu con trai thiên tư đỉnh ngộ, mặt mũi khôi ngô kỳ vĩ. Ông Nguyễn cho rằng đây là quý tử trời cho vô cùng triu mến, bèn đặt tên cho con là Thái Bạt, có điều rất lạ là: Thái Bạt khi lên ba tuổi có hiểu biết lễ nghĩa, lên bảy tuổi theo học ông thầy tên là Nguyễn Văn Vân: đến năm 13 tuổi tinh thông kinh sử, tỏ ra một cậu học trò tuy nhỏ mà tài năng hơn hẳn mọi người, khiến cho sĩ tử đương thời đều thán phục, cho là thần đồng giáng sinh, Lê Chiêu tông lên ngôi hoàng đế, giáng chiếu mở khoa thi hương, Nguyễn Thái Bạt đậu hương công thứ ba (khoa ấy là khoa Bính Tí). Sau khi vinh qui bái tổ và khao vọng xong, Thái Bạt dạo chơi Trang Lai cách, huyện Phù Cừ thuộc đạo Sơn Nam thượng, thấy một kiêu đất rất quý, sơn thanh thủy tú mà nhân dân thì thuần hậu chất phác, ít học, Thái Bạt bèn truyền cho nhân dân dựng trường học trên khu đất ấy. Ông ngồi dạy học mấy năm, được nhân dân yêu mến kính trọng. Nơi ông dạy học, chẳng những có tác dụng nâng cao trình độ văn hóa cho dân mà còn có tác dụng cảm hóa dân thành một làng có thuần phong mỹ tục. Đến khoa canh Thìn, ông thi hội rồi vào thi đình, đậu bảng nhãn. Năm ông mười chín tuổi cha mẹ đều mất. Sau ba năm cư tang, ông phụng mạng lại kinh nhận chức Hàn lâm viện thị thư. Thời gian làm quan tại triều, ông thấy Mạc Đăng Dung hung tàn bạo ngược, âm mưu cướp ngôi vua, bèn cáo quan về nghỉ tại quê hương Bình Lãng. Sau đó ông lại đến mở trường dạy học tại Phan Xá. Một hôm nhân dân và phụ lão trong xã đến chào mừng và thưa: "*Từ ngày tiên sinh mở trường giáo hóa dân chúng tôi có thuần phong mỹ tục đều có*

công đức của tiên sinh vun trồng xây đắp". Nhân đó, nhân dân tỏ lòng nhớ ơn bèn xin lấy khu trường học làm nơi xây dựng đền miếu để thờ phụng ông mai sau. Qua lời thỉnh cầu của dân, ông thấy được tấm lòng thành thật, bèn đồng ý. Ông ban cho dân năm nén vàng để mua ruộng hương hỏa. Một hôm ông về thăm quê nhà ở Bình Lăng, huyện Cẩm Giàng, truyền mở tiệc mời nhân dân và phụ lão yến ẩm. Trong lúc vui vẻ, ông tỏ vẻ ngậm ngùi than rằng *"Hôm nay vui cũng là vui gương mà thôi! Nghĩa lớn vua tôi thì biết bao giờ quên được"*. Sau tiếng than thở, trời đất bỗng tối sầm lại, có đám mây như đám lụa hồng từ trời rủ xuống chỗ ngồi của ông. Ông hóa ngay lúc ấy. Sau này nhà Lê tiêu diệt nhà Mạc, xây dựng cơ nghiệp Trung hưng, nhớ đến công thần có công với nước, bèn ban sắc phong là Thái Bạt Linh ứng đại vương.

PHẠM NGHỊ VÀ VI NƯƠNG

Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh xâm lược, đại thắng lên ngôi hoàng đế, truyền đến đời thứ mười là Lê Chiêu Tông bị Mạc Đăng Dung bỏ ngục. Không cho nhà vua ăn uống, đến nỗi phải xé lụa để ăn, rất là đói khổ. Hồi ấy có một cô gái là người ở phường Hồng Mai tên là Thụy Nương ngót ba mươi tuổi chng, thường ra kinh thành bán rượu, một hôm nom thấy Chiêu Tông than thở: *"Trước kia ngự ở thâm cung, ăn thì cao lương mỹ vị, đi thì ngựa ngựa xe xe, vãn vãn võ võ, về thì hầu hầu tiếp tiếp cháu cháu con con. Nay thì nằm trong ngục tối không người hầu hạ... thật đáng cảm giận cho kẻ gian thần bội nghĩa"*. Nàng bèn tiếp tế cho nhà vua ăn uống rồi tư thông với nhà vua, nàng có mang được vài tháng, trốn ra ở nhờ nhà quận công họ Đỗ tại ấp Đồng Tâm. Đỗ công nghĩ ấp Đồng Tâm với kinh đô không cách xa nhau mấy, nếu họ Mạc biết thì hại cho Thụy Nương mà mình cũng cháy thành vạ lây. Đỗ công muốn tìm nơi đất lành đưa Thụy nương đến nương thân ở đó, nhân nhớ đến xã Diên Linh, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam là ấp của quan nội giám thái bảo dựng nên trước đây, Đỗ công bèn thu xếp gia tài đem vợ là Nguyễn Thị với Thụy nương cùng đi đến xã Diên Linh mở trường dạy học. Sau đó Thụy Nương sinh được một cậu con trai. Đỗ công hết lòng giữ gìn nuôi nấng, năm lên ba tuổi, Thụy Nương đặt tên cho con là Trang. Đỗ công không có con trai, một đêm Nguyễn Thị chiêm bao thấy trăn sa vào lòng, bà tỉnh dậy, cảm động mà có mang, đến mồng mười tháng chín năm Canh dần, đẻ một cô con gái có vẻ

đẹp tuyệt vời, Đỗ công đặt tên cho cô là Vi Nương. Trước đây ở xã Diên Linh có một người tên là Phạm Thông gốc tích ở xã Phù Ứng, huyện Đường Hào, Hồng Châu thuộc đạo Hải Dương, vợ là Đỗ Thị Quang người xã Diên Linh, vợ chồng hiền lành được mọi người khen ngợi. Một đêm Phạm công chiêm bao đến một nơi đài các nguy nga, chư phật ngự trên tòa sen, có kim đồng ngọc nữ kim cương đứng đầu. Cạnh đó, một bên là một bầy trẻ con vui đùa, một bên là vàng bạc châu báu, có người hỏi Phạm công: *"Một bên là con, một bên là của, ngươi thích bên nào sẽ cho bên ấy"*. Phạm công thưa: *"Tôi tuy không giàu có song đời sống cũng là loại phong lưu. Nay chỉ xin chư phật cho một mụn con trai thì không gì quý bằng"*. Phạm công đến chỗ trẻ em, chọn trong số đó lấy một em rất đẹp bế đem về nhà, bỗng tỉnh dậy, biết là điều chiêm bao lành, từ đó Đỗ Thị có thai, đến tháng mười tháng ba năm Kỷ Sửu sinh ra một cậu con trai tai to mặt lớn, mắt sáng mày xanh thật là khôi ngô kỳ vĩ, Phạm công đặt tên cho con là Nghị. Năm Nghị mười hai tuổi, theo học Đỗ công, học trong mấy năm, ông tỏ ra một người tài kiêm văn võ. Đỗ công cho rằng đây là một thiên tài xuất thế, bèn đem con gái là Vi Nương gả cho. Lấy nhau mới hai năm, thì Đỗ công trở về quê ở Đồng Tâm rồi mất. Phạm Nghị và Vi Nương làm lễ an táng và chịu tang ba năm. Sau khi mãn tang, vợ chồng Nghị công lại trở lại Diên Linh. Hội ấy dân làng Diên Linh cử Nghị công tòng quân, ông vui vẻ đi ngay. Sau khi nhập ngũ, ông luyện tập rất nhanh được quan trên yêu mến. Chỉ trong thời gian ba tháng đã thăng lên chức đội trưởng. Một hôm Phạm Nghị theo quan trên đi phủ dụ Lạng Sơn, đêm ông đi tuần đến một nhà có mấy người khách (tức người Trung Hoa) đang uống rượu trông lên trời cười với nhau mà nói: *"Vận nhà Lê Trung hưng còn hơn hai trăm năm nữa, họ Mạc còn hay là mất chỉ trong vòng sáu bảy năm nữa thôi"*. Phạm Nghị nghe được, tự nghĩ ta là dân nhà Lê, vợ là con vị cựu thần nhà Lê, có gì cứ bo bo đứng trong hàng ngũ binh lính nhà Mạc, bèn cáo ốm về, khi ấy Thụy Nương cũng đem con là Trang vào ở xứ Rừng Ngang thuộc đất Châu Ái. Phạm Nghị tìm đến chỗ ở của Trang công, được Trang công khen làm nghĩa sĩ. Hội ấy có quan thái úy Nguyễn Kim người ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, Châu Ái, lấy danh nghĩa khôi phục nhà Lê, truyền hịch các nơi chiêu mộ được hơn sáu vạn người, tìm vào Rừng Ngang rước Trang công lập lên làm vua tức là Trang Tông hoàng đế. Trang Tông phong cho Phạm Nghị làm thị vệ tướng quân đánh nhau với quân họ Mạc ở địa phận xã Phấn Thượng, huyện Phúc Lộc thuộc đạo Sơn Tây. Sau khi thắng lợi nhà Lê Trung hưng luận công hành thưởng, phong cho Phạm Nghị là Hùng Dũng quận công, và

phong Vi Nương là quận phu nhân, ban cho huyện Đông Yên làm ấp ăn lộc nhà vua, cho phép thu thuế trong huyện để sử dụng. Ông bà về xây dựng dinh thự ở xã Diên Linh, triệu tập nhân dân và nói : *"Nhà vua cho chúng tôi thu thuế ở Đông Yên, nhưng chúng tôi cho dân được miễn. Chúng tôi có năm trăm quan tiền xanh và mười mẫu ruộng hai sào ao gọi là chút của ít ỏi giao cả cho dân làm ruộng hương hỏa mai sau"*. Từ khi Phạm Nghị và Vi Nương về Diên Linh, chú ý khuyến khích dân làm ruộng trồng dâu, làm điều lợi điều hại, được bổng lộc đều cấp tán cho dân, dân yêu mến kính trọng đều tôn làm hai vị thần sống. Họ xây dựng sinh từ cho ông bà. Ông bà khi tuổi ngoài sáu chục một hôm đi châu về đều bị ốm, trong khoảng thời gian chốc lát, cả hai ông bà đều hóa. Đương thời có mấy kẻ tùy tòng làm biểu dâng tâu vua Trang Tông, vua giáng chiếu làm lễ an táng rất trọng thể ở phía Bắc kinh thành, truy phong duệ hiệu là *Đương cảnh thành hoàng Hùng Dũng Mưu lược quả đoán khoan Nghị đại vương* truy phong quận phu nhân là *Vi Trang Từ Ý Trinh Thục phi nương*, chuẩn y cho xã Diên Linh phụng sự.

PHẠM NGHỊ, VÕ CHIẾU

Nhà Lê truyền đến đời vua Chiêu Tông thì quyền thần là Mạc Đăng Dung chiếm ngôi. Hồi ấy ở trang Vĩnh Niệm, huyện An Dương phủ Kinh Môn; quận Hải Dương, có một người tên là Phạm Tín, vợ là Võ Thị Hoà vốn dòng dõi nho phong, kế tiếp hiền đạt ở quan trường. Đến đời Phạm Tín làm nghề chữa thuốc, chuyên tâm việc phúc đức cứu người đến nỗi gia tài sa sút trở nên thanh bần. Ông tuổi hơn năm mươi, bà hơn bốn mươi mà con trai chưa có. Một hôm Phạm công nằm mơ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, áo mũ chỉnh tề, vẫy Phạm công và dẫn ra một khu đất (tức núi Cửu Long ở Đồ Sơn) và ghé tai ông nói: "Gia đình người có phúc nay thiên đình cho ngôi đất quý sau khi táng hài cốt gia tiên vào đó, nhất định có thánh nhân đầu thai làm con. Nên táng ở chỗ lõm trên hình gò vuông. Nhà người hãy cẩn thận, không được tiết lộ". Phạm công tỉnh mộng, ra xem thì thấy đúng như chiêm bao, bèn đem hài cốt gia tiên đến táng. Sáu tháng sau, bà Võ Thị chiêm bao thấy bà bắt được cái đầu rồng nổi trên mặt nước. Từ đó bà có mang. Giờ thân ngày 4 tháng giêng năm Giáp thìn đẻ một cậu con trai cao lớn dài rộng, mày ngài cằm én, rất khôi ngô tuấn tú. Ông bà đặt tên cho con là Nghị. Năm Nghị 14 tuổi thì Phạm công mất. Năm Phạm Nghị đến tuổi

trường thành, gặp khi trang Vĩnh Niệm và trang Nghi Dương xảy ra việc tranh nhau địa giới. Nghi Dương cậy có nhiều người lấn át Vĩnh Niệm. Vĩnh Niệm ít người và nghèo, đối với Nghi Dương thường chịu nước lép. Hàng năm hai trang thường đắp con đê dài để ngăn mốc giới. Vĩnh Niệm đề cử Phạm Nghi lãnh đạo dân chúng đắp đê. Nghi Dương đắp lấn sang Vĩnh Niệm hơn mười trượng, họ đắp các mô đất cao hơn năm thước. Phạm Nghi cầm gậy dài mười thước chạy thẳng đến chỗ đất cao lấy gậy đánh một nhát vào đồng đất cao ấy làm cho đồng đất to mà chỉ bị một gậy đã bay đi hết. Hơn một nghìn dân Nghi Dương thấy thế hoảng sợ chạy hoảng loạn, không ai dám đương đầu ra tranh địa giới. Từ đó, dân địa phương thấy ông là bậc anh tài đều qui phục. Sau này Phạm Nghi lên thăm kinh thành, thấy vài trăm người kéo chiếc thuyền rồng để trên mặt đất, họ xúm nhau kéo mà thuyền không hề nhúc nhích. Phạm Nghi cười bảo họ: *"Các ông ăn cơm mặc áo của nước nhà mà chỉ có cái thuyền rồng cũng không kéo nổi, thật là ăn hại"*. Họ thấy kẻ thiếu niên nói điều khinh mạn như thế lấy làm giận, bèn bắt đến trình quan Quản Chương long chí tên là Võ Chiêu, quê ở xóm Hạ, trang Lan Xuyên, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, xứ Sơn Nam, có tài văn võ kiêm toàn. Văn, đậu giám sinh. Võ đậu tạo sĩ. Nhà vua bổ làm chức tham tri bộ hình, sau trao chức phó quản trưởng long chu thủy đạo tướng quân. Quân lính bắt Phạm Nghi đưa đến Võ Chiêu, Chiêu thử tài và nói: *"Thuyền to bao nhiêu người kéo hạ thủy không nổi, anh tài thì cứu giúp cho một tay xem sao"*. Phạm Nghi cười nói: *"Việc này chả khó gì đâu"*. Võ Chiêu thân hành dẫn Nghi đến bên cạnh thuyền rồng. Phạm Nghi đưa một tay nhắc chiếc thuyền rồng lên cao nhẹ nhàng như chiếc lông chim hồng, rồi ném phất xuống nước. Quan quản cùng với quân dân nom thấy cả sợ, đều ngợi khen là thiên tướng nhà. Ngày hôm ấy, Võ Chiêu dâng biểu về triều, vua sai sứ giả triệu Phạm Nghi về bái yết. Qua việc thử thách, hỏi han biết là bậc đại tài nên phong cho ông là Thái bảo đại tướng quân. Phạm Nghi được nhà vua cho về làng làm lễ bái yết gia tiên, qua một tháng thì thân mẫu ông tạ thế. Ngày ấy là mười hai tháng mười. Khi ấy ở Cao Bằng, Lạng Sơn có loạn ngoại xâm, nhà vua sai hai ông Võ Chiêu và Phạm Nghi cầm quân đi đánh, kết quả thắng lớn. Sau đó Võ Chiêu mời Phạm Nghi về chơi quê mình (tức xã Lan Xuyên). Trong khi yến ẩm hai ông tuyên thệ kết thành anh em. Võ Chiêu tôn Phạm Nghi làm anh, Phạm Nghi nhận Võ Chiêu làm em. Hai ông làm quan tại triều, coi nhau như anh em ruột thịt. Hồi ấy nhà Lê suy yếu. Mạc Đăng Dung âm mưu, lập kế giết vua, nhưng nhà vua hiền lành, mọi việc đều tin Đăng Dung mà không hề biết gì cả. Hai

ông nhiều lần bí mật can ngăn nhà vua, không được nên cáo bệnh xin về quê. Vua phê chuẩn ban cho rất nhiều vàng bạc châu báu. Hai ông lạy tạ rồi lên xe về quê. Võ công về trang Lan Xuyên, Phạm công về trang Vĩnh Niệm. Phạm công về nhà trong lòng căm giận họ Mạc, bèn chiêu binh mãi mã khởi nghĩa chống nhà Mạc. Quân Mạc thua to, song cán cân lực lượng chưa nghiêng hẳn về bên nào. Một đêm Phạm công chiêm bao thấy thiên thần báo mộng : "Nhà Lê suy yếu, nhà Mạc lên thay, đó là mệnh trời không cưỡng lại được". Tỉnh dậy, Phạm công biết là ông trời còn giúp nhà Mạc, ông bèn đem quân đánh lên miền biên giới, tỏ ra phản đối nhà Mạc cắt đất đầu hàng nhà Minh. Thanh thế của Phạm công yếu nên trận đầu đã thua. Ông tử trận, bị chặt đầu bỏ vào hòm thả trôi sông. Hòm trôi về trang Vĩnh Niệm thì dừng lại. Đêm đến bản ấp thấy âm binh vào gọi : "*Nhân dân hãy ra bến sông để rước quan thái bảo Phạm Nghi*". Dân làng ra bến vớt hòm lên, mở ra thấy đầu Phạm công, bèn làm lễ an táng ở bên sông và lập đền thờ cúng. Sau khi Phạm công mất Võ công cũng mất nhân dân Lan Xuyên lập miếu thờ Võ công và thờ cả Phạm công. Sau này nhà Lê Trung Hưng diệt nhà Mạc, hai ông được sắc phong>

CÔNG CHÚA QUYẾN HOA

Quyến Hoa là công chúa con gái vua Tuyên Tông nhà Mạc. Chồng là phò mã Trần Văn Thịnh, giữ chức lễ bộ tả thị lang. Phò mã là con Trạng nguyên Trần Văn Bảo, người làng Cổ Chủ tục gọi là làng Dừa, trạng nguyên Trần Văn Bảo là một trọng thần nhà Mạc, làm quan đến chức Lại bộ thượng thư nhập nội kinh diên, tước Nghĩa sơn hầu, có lần đi sứ sang Trung Quốc.

Năm 1591, phò mã mất, tiếp năm sau kinh thành Thăng Long thất thủ. Nhà Lê Trung Hưng liên tục cho sứ giả triệu Trạng nguyên Trần Văn Bảo ra làm quan với triều Lê. Ông không nhận chiếu chỉ bỏ nhà đi biệt tích, bấy giờ chúa Trịnh nghe đồn công chúa nhan sắc tuyệt trần, mới hạ lệnh cho quan huyện bắt đem về kinh. Công chúa bèn nhảy xuống cánh đồng làng tự tận.

Thi thể công chúa dạt vào khu đất làng Cà Trung, dân làng vớt lên, qua một đêm mới đùn thành mộ, từ đó trở đi tinh linh thường hiển hiện, người trong thôn cầu đảo có nhiều linh ứng, mới lập miếu thờ tôn làm: "Mẫu nghi địa hạt".

Có đôi câu đối:

U nhân biệt tín địa trung niên

Tứ đức tôn xưng thiên hạ mẫu

Tạm dịch:

U nhân riêng chiếm tiên trong đất

Tứ đức tôn sinh mẹ dưới trời

Trong đền có bức hoành phi khắc bốn chữ: Mẫu nghi địa hạt. Nghĩa là: Mẹ đất này.

Trong cung có đôi câu đối:

Châu cung thê thiết túc băng sương

Ngọc dịch trường thanh ngưng thủy nguyệt.

Tạm dịch:

Châu cung thê thảm mờ sương lạnh

Ngọc dịch trong xanh bóng nguyệt dờn.

PHẠM TỬ NGHI

Đầu thế kỷ XVI, Phạm công là người làng Vĩnh Niệm, huyện An Dương, trấn Hải Dương, sinh được một người con trai hình dung tuấn tú, khí vũ hiên ngang, Phạm công đặt tên con là Phạm Tử Nghi. Thuở nhỏ Tử Nghi rất thông minh nghe một biết mười. Lớn lên Phạm Tử Nghi có sức khỏe hơn người ham luyện tập võ nghệ, đắp con đê dài ước 3 dặm, hai đầu và hai bên đường đắp các ụ đất cao 5 thước, sau đó cầm gậy chạy đến chỗ ụ đất hét to một tiếng đánh gạt bằng các ụ đất này. Phạm Tử Nghi làm quan triều nhà Mạc, tới chức Thái úy, tước Tứ Dương hầu. Ngày mùng 6 tháng 6 năm

1546, vua Mạc Hiến Tông Phúc Hải mất, con trai trưởng mi lên 6 tuổi. Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi chủ trương lập Hoàng vương Mạc Chính Trung, con trai thứ hai Mạc Thái Tổ Đăng Cung, lấy cớ rằng: "Hiện nay trong nước đang lúc nhiễu loạn, nên lập vua lớn tuổi".

Các tôn vương họ Mạc và nhiều đại thần không theo vẫn lập Mạc Phúc Nguyên lên nối ngôi vua. Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi cùng Mạc Văn Minh đưa Hoàng vương về Hoa Dương, huyện Ngự Thiên (Thái Bình) lập triều đình riêng, nhưng sau đó bị đại quân triều đình Mạc đánh thua. Hoàng vương Mạc Chính Trung và Mạc Văn Minh đem gia thuộc và các đồ bảo khí chạy sang Khâm Châu quy hàng Trung Quốc, còn Phạm Tử Nghi thu nhặt tàn binh đóng ở Hải Đông.

Mượn cớ nhà Minh dung nạp chứa chấp Hoàng vương Mạc Chính Trung, Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi củng cố quân đội đánh vào châu Khâm, châu Liêm thuộc Lương Quảng để đòi Mạc Chính Trung, quân nhà Minh bị thua không chế ngự nổi. Quan Tổng Đốc Quảng Đông là Tất Liêu, một mặt cho người đưa thư trách vua Mạc, một mặt tìm cách cho người bắt cóc mẹ Phạm Tử Nghi theo đường biển đưa về Trung Quốc, rồi đưa thư bảo ông muốn tính mệnh mẹ an toàn thì phải đến nơi hội ước và rút binh không được quấy nhiễu Trung Quốc nữa.

Tứ Dương hầu nghĩ đến đạo con, nên đành phải hẹn ngày giảng hòa để đón mẹ về. Đúng hẹn, Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi đến nơi hội ước, bị quân Minh mai phục chém chết, rồi chặt đầu ông bêu ở chợ, đốt xác ông ra tro cho gió thổi bay. Ngay hôm sau đó, trên đất Lương Quảng người và súc vật bị hại rất nhiều. Quan tổng đốc Lương Quảng phải ra lệnh làm một hòm bằng gỗ trầm hương, đặt thủ cấp Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi vào trong, làm lễ tế tôn phong làm "Lưỡng quốc phúc thần" rồi đặt hòm gỗ trầm hương lên bè nửa thả xuống dòng Tây Giang trên che lọng xanh. Chiếc bè trôi về Nam đến bến sông Niệm thì dừng lại. Dân làng Vĩnh Niệm đón rước hòm gỗ trầm hương làm lễ an táng xây lăng và.

LÝ PHONG

Cuối đời Hậu Lê, chính sự đổ nát, giặc cướp nổi dậy khắp nơi. Bấy giờ có người họ Lý quê ở xã Đông Ngàn, huyện Kim thành, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương, tránh nạn cướp bóc, bắt bớ của giặc Trần Cảo, Lý công thu xếp hành trang quây gói đi về xứ Sơn Nam hạ. Một hôm đi đến làng Trạng Vĩnh, huyện Đại An, phủ Kiến Hưng (Nghĩa Hưng), thấy nơi đây phong cảnh hữu tình, thế đất long, xà hội tụ. Lý công bèn ở lại đây, rồi lấy vợ người làng Trạng Vĩnh, sinh được con trai, đặt tên là Lý Phong.

Lớn lên, Lý Phong có tướng lạ, người cao gần 8 thước, đầu to gấp bội đầu người thường, mắt sáng như sao, tiếng vang tựa như sấm, lại có sức khỏe mang nổi ngàn cân, tài gồm văn võ. Ông đỗ Tiến sĩ triều Mạc, vì tính chuộng võ ông xin vua Mạc Mục Tông chuyển sang võ ban, giữ chức cầm y vệ, đô chỉ huy, sau thăng Đô đốc Đồng tri, tước Uy vũ hầu.

Năm Tân Mão (1592) nhà Mạc mất, Uy vũ hầu Lý Phong giữ lòng trung không chịu theo nhà Lê, mang tàn quân cưỡi thuyền vượt biển ra vùng hải đảo ngoài khơi ẩn náu đợi thời khôi phục nhà Mạc.

Tháng 6 năm Canh Tý (1600) nhân dịp vua Lê Kính Tông và Trịnh Tùng đang ở Thanh Hóa. Uy Vũ hầu Lý Đông đại tướng, cùng với tôn thất nhà Mạc là Kỳ Huệ vương xưng Nam thổ tiết chế, lúc đó đang mộ quân ở trấn Sơn Nam, rước Hoàng thi hậu ẹ vua Võ An Mạc Toàn) vào chiếm kinh thành Thăng Long, đón Mạc Kính Cung về nối nghiệp nhà Mạc. Uy vũ hầu Lý Phong được thăng chức Đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân. Được vài tháng, Trịnh Tùng hội quân các trấn tiến đánh, quân Mạc thua to, Hoàng thái hậu bị bắt, Thăng Long lại thuộc nhà Lê. Tháng 9 cùng năm, Uy vũ hầu Lý Phong và Dương hầu Nguyễn Nhậm đem 200 thuyền chiến tiến đánh quân Trịnh ở huyện Thanh Trì, quân Mạc lại thua. Đến tháng 10 quân Mạc lại đánh thắng Hải quân công Đãng Đình Luân ở khúc Hoàng giang, chiếm 40 thuyền chiến.

Trận chiến thắng lớn đánh bại một danh tướng Lê - Trịnh ngay cửa ngõ kinh thành Thăng Long, đã gây lòng đố kỵ ghen tài trong hàng ngũ tướng Mạc. Họ ngầm mưu giết hại, chặt đầu Uy Vũ Hầu Lý Phong ném xuống Hoàng giang.

Tương truyền đầu Uy Vũ Hầu Lý Phong trôi xuôi trên khúc sông Hồng đến kênh Phù Lộng (Phù Long), theo dòng sông Đào, dạt vào bãi sông bên làng

Trạng Vĩnh, dân làng nhiều lần đẩy ra cho trôi đi, nhưng qua đêm dầu lại dạt vào chỗ cũ. Bà bán hàng nước trên đường đê gần đó thấy lạ mới mua một nồi hông lớn đặt dầu Uy Vũ Hầu, đưa đến khu đất cao, dùng dao đào đất đặt nồi hông, bên trên dùng gạch cổ đập kín. Từ đó trở đi ban đêm thường hiển hiện. Dân làng Trạng Vĩnh lập miếu phụng thờ tôn làm phúc thần.

PHẠM HY NHẠN

Ông họ Phạm, húy Tuý, hiệu Hy Nhạn là người ở bản xã (?). Gia đình ông vốn có nề nếp cày ruộng và đọc sách. Cha mẹ ông tuổi đã cao mà muện con, ngày đêm đốt hương kêu khẩn trời đất chỉ tâm niệm điều lành. Những người nghèo khổ con cô vợ goá không biết nương tựa vào ai đều được ông bà lui tới an ủi giúp đỡ. Những nhà thiếu bữa, nhờ nồi đều được ông bà giúp đỡ đồng tiền bát gạo. Dân trong xã và các vùng lân cận đều rất cảm phục lòng nhân đức của hai ông bà.

Hồi ấy ở đầu làng có một cái gò to gần đường, đêm khuya thanh vắng thường nghe thấy có tiếng đọc sách. Bà hàng ngày đi làm đồng về thường đứng trước gò khẩn khứa lẩm nhẩm. Một đêm ông chiêm bao thấy một anh học trò khăn áo chỉnh tề đến xin nhập học. Tỉnh dậy, biết là điềm lành, ông rất mừng. Ít lâu sau bà có mang, đến đêm mười tư tháng bảy năm Bính thân, có một ngôi sao sa xuống giữa sân, một lát sau bà giờ dạ sinh ra một đứa con trời. Từ đó trở đi, dân làng không còn nghe thấy tiếng đọc sách trong gò nữa ông được đặt tên là Tuý, lên bảy tuổi bắt đầu đi học. Tư chất ông minh mẫn, tính nết thuần hoá, thành thực, càng khôn lớn học càng giỏi. Thi hương đậu cử nhân khoa Giáp tý đời Tự Đức được bổ nhiệm chức huấn đạo huyện Kỳ Anh, sau được thăng làm Hàn tân tu soạn. Năm Kiến Phúc thứ nhất, được triều đình phê chuẩn cho về quê quán an dưỡng ông bèn mở trường dạy chữ. Học trò xa gần kéo tới rất đông, có khi tới ngàn người. Đại để phong tục, chế độ trong xã hội đều do tay ông khởi thảo. Được sự dạy bảo của ông, phong tục trở nên thuần hậu, nhân dân vui vẻ đoàn kết, rất chăm lo việc học, nổi tiếng là một làng có phong hoá tốt.

Ngày 19 tháng 4 năm Hàm Nghi thứ nhất, khoảng nửa đêm, dân làng đều chiêm bao thấy một đội binh mã đến đóng tại đình, bảo là có lệnh mời

Phạm công đi nhận việc quan. Sáng hôm sau, dân làng kể lại thấy đều giống nhau. Mấy hôm sau có một ngôi sao sáng rực từ trong trường học bay ra, ông quả nhiên không bệnh mà mất. Sau khi ông mất, đêm khuya phảng phất như có tiếng người tiếng ngựa nhộn nhịp trên không, ai nấy đều cho ông là thánh. Dân làng ai gặp nạn gì hay ốm đau bệnh tật đều đem hương hoa đến nhà thờ để cầu đảo đều được linh ứng. Niên hiệu Đồng Khánh năm thứ nhất, giặc giã nổi lên tàn phá khắp nơi trong vùng, các vị phụ lão mang hương hoa đến nhà thờ ông cầu đảo. Dù những vùng lân cận bị giặc đốt phá song bản xã vẫn được an toàn, dân làng cho đó là nhờ có sự âm phù tế độ của ông. Để đền đáp công đức của ông, dân xã góp tiền công qui dựng đền thờ.